

Thanh Hải Vô Thượng Sư



Bí Quyết

Túc Khắc Khai Ngộ – Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị 1

Thanh Hải Và Chương Sơ

Bí Quyết
Tức Khắc Khai Ngô
Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị

1

TRI ÂN

*Đ*ệ tử chúng con xin chân thành cảm tạ Thanh Hải Vô Thượng Sư, bậc Tôn Sư yêu kính, đã cho phép chúng con được thu thập những bài khai thị của Ngài từ khắp nơi trên thế giới để truyền bá Chân Lý Tối Thượng đến những người thành tâm cầu Đạo. Những lời giảng dạy vi diệu của Ngài muôn đời là ánh đuốc soi đường hướng dẫn chúng sinh tìm về Cội Nguồn Hạnh Phúc.

Kính xin Ngài nhận nơi đây tấm lòng biết ơn vô vàn của chúng con.

Thông Điệp Nhỏ

Khi nói về Thượng Đế hoặc Đấng Tối Cao, Thanh Hải Vô Thượng Sư hướng dẫn chúng ta dùng những đại từ không chỉ định giới tính để tránh việc bàn cãi Thượng Đế là Nam hay Nữ.

She + He = Hes (*như trong từ Bless*)

Her + Him = Hirm (*như trong từ Firm*)

Hers + His = Hiers (*như trong từ Dear*)

Ví dụ: Khi Thượng Đế muốn, Ngài (*Hes*) có thể làm bất cứ điều gì diễn ra theo ý của Ngài (*Hiers*) sao cho phù hợp với chính Ngài (*Hirmself*).

là một nhà thiết kế nghệ thuật đầy sáng tạo, đồng thời là một vị Thầy tâm linh, Thanh Hải Vô Thượng Sư yêu chuộng tất cả những biểu đạt thể hiện nét đẹp nội tại. Đó là lý do Ngài gọi nước Việt Nam là “*Âu Lạc*” và Đài Loan là “*Formosa*”. Âu Lạc là quốc hiệu cổ xưa của Việt Nam, có nghĩa là “*âu ca lạc nghiệp*”. Còn Formosa có nghĩa là “*mỹ miều*”, phản ánh một cách trọn vẹn hơn về đẹp của hòn đảo này và người dân nơi đây. Thanh Hải Vô Thượng Sư cảm thấy rằng dùng những danh xưng này sẽ mang lại sự thăng hoa về tâm linh và may mắn cho đất nước cũng như người dân hai xứ sở này.

Mục Lục

• Tri Ân.....	iii
• Bước Đi Tình Thương: Bước Chân Của Một Vị Minh Sư Tại Thế	vii
• Lời Ngỏ	xi
01. Chân Lý, Giả Lý.....	01
02. Âm Thanh Siêu Thế Giới.....	25
03. Ánh Sáng Siêu Thế Giới.....	47
04. Ý Nghĩa Của "Hoa Khai Kiến Phật".....	73
05. Sự Ích Lợi Của Tu Hành Pháp Môn Quán Âm.....	91
06. Nghiệp Chương Từ Đâu Tới?.....	117
07. Các Pháp Môn Tu Hành Đều Là Pháp Môn Quán Âm.....	141
08. Sự Huyền Bí Của Mắt Trí Huệ.....	161
09. Chúng Sinh A-Tu-La.....	185
10. Thế Nào Là Khai Ngộ?.....	213
11. Phật Là Gì?.....	237
12. Khái Quát Trong Tam Giới.....	263
13. Hành Thiện Và Bố Thí Không Thể Giải Thoát.....	289
14. Lạy Phật Không Thể Thành Phật.....	309
15. Lợi Ích Của Dinh Dưỡng Thuần Chay.....	331
• Truyện Tâm Ấn: Pháp Môn Quán Âm	356
• Giới Thiệu Ấn Phẩm	361
• Cách Liên Lạc Với Chúng Tôi	373

*T*ôi không thuộc về Phật giáo hay Thiên Chúa giáo. Tôi thuộc về Chân Lý và tôi thuyết giảng Chân Lý. Quý vị có thể gọi đó là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo hay bất kỳ danh xưng nào mà quý vị thích. Tôi sẵn sàng đón nhận tất cả.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

*Đ*ạt được sự an bình trong tâm là chúng ta có thể đạt được tất cả mọi thứ khác. Tất cả những sự thỏa mãn, mọi sự đáp ứng những khát vọng của cõi đời và cõi Trời đều đến từ Thiên Quốc, đó là sự giác ngộ về sự hòa hợp vĩnh cửu của trí huệ vô cùng và Lực Lượng Vạn Năng của chúng ta. Nếu như chúng ta không có được những thứ này, chúng ta sẽ không bao giờ cảm thấy thỏa mãn, cho dù chúng ta có thật nhiều tiền của, quyền hành hay địa vị cao sang đến đâu cũng vậy.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

*Đ*ạo Pháp của chúng ta không phải là một tôn giáo. Tôi không làm cho ai trở thành một tín đồ Thiên Chúa giáo hay Phật giáo hay bất kỳ một giáo phái nào khác. Tôi chỉ cho quý vị một con đường để tự biết lấy chính mình, tìm biết quý vị từ đâu đến, nhớ lại nhiệm vụ của mình đối với thế gian này, biết được mọi điều bí ẩn trong vũ trụ, biết được tại sao thế gian này có quá nhiều đau khổ, biết được những gì sẽ đến với chúng ta sau khi chúng ta lìa bỏ cõi đời này.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**



Bước Đi Tình Thương

Bước Chân Của Một Vị Minh Sư Tại Thế

*Lặn lội kiếm tìm
Một chút tình thương,
Một chút tình thương,
Mà ban phát cho muôn loài
Trong mười phương.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư là danh hiệu thân thương đối với những ai hân hạnh được hội kiến hay làm việc cùng Ngài. Đời sống của Ngài là một thông điệp chan hòa những “Bước Đi Tình Thương”.

Thanh Hải Vô Thượng Sư là một nhà từ thiện, một nghệ sĩ và một bậc Thầy tâm linh cao quý. Tình thương và sự trợ giúp của Ngài vượt qua mọi ranh giới về văn hóa và chủng tộc, đến với hàng triệu người trên khắp thế giới: những người vô gia cư, những người nghèo khó, những viện nghiên cứu y khoa về bệnh AIDS và bệnh ung thư, những cựu chiến binh Hoa Kỳ, những người già neo đơn, người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần, người tỵ nạn, những nạn nhân thiên tai trong các trận động đất, bão lụt và hỏa hoạn. Tình thương vô bờ bến của Ngài dành cho mọi sinh linh, từ con người đến muôn loài đồng cư.

Qua những nghĩa cử này, Ngài đã gọi nhắc chúng ta về lòng nhân ái – một phẩm chất tiêu biểu của Ngài và cũng từ tình thương vô vàn đó Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư đã được sáng lập. Ngài nói: “*Những gì chúng ta có thể chia sẻ, hãy bắt đầu chia*

sẽ. Chúng ta sẽ cảm nhận sự thay đổi vi tế bên trong – sẽ có thêm tình thương rót vào tâm thức, rồi chúng ta sẽ nhận thức được điều gì đó. Đây là khởi điểm. Chúng ta hiện diện nơi đây là để học hỏi, học để trưởng thành cũng như học cách sử dụng năng lực tình thương và sáng tạo vô biên của mình hầu kiến tạo thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn tại bất kỳ nơi nào chúng ta hiện diện.”

Thời Thơ Ấu Của Thanh Hải Vô Thượng Sư

Thanh Hải Vô Thượng Sư sinh quán tại miền Trung Âu Lạc. Ngay từ thuở thiếu thời, Ngài đã thường giúp đỡ và an ủi những bệnh nhân, những người nghèo khó cũng như những bạn thú bị thương bằng tất cả tấm lòng của Ngài. Khi trưởng thành, Ngài du học ở Âu châu. Tại đây, Ngài tiếp tục làm thông dịch viên cho Hội Hồng Thập Tự. Ngài sớm nhận ra rằng nỗi khổ đau hiện hữu trong mọi nền văn hóa, tại khắp nơi trên thế giới. Vì thế lòng khao khát tìm kiếm một pháp môn giải thoát đã trở thành mục tiêu cao cả nhất trong cuộc đời Ngài. Lúc bấy giờ, Ngài đang sống hạnh phúc bên phu quân là một bác sĩ người Đức. Mặc dù quyết định chia tay vô cùng khó khăn đối với Ngài và phu quân, nhưng với ân phúc của ông, Ngài đã ra đi với nguyện ước hoàn thành lý tưởng này. Từ đó, Ngài bắt đầu cuộc hành trình hai năm tầm Đạo.

Cuộc Hành Hương Đến Hy Mã Lạp Sơn

Cuối cùng, nơi một miền sâu thẳm trên rặng Hy Mã Lạp Sơn, Ấn Độ, Ngài được một vị Minh Sư khai ngộ truyền dạy Pháp Môn Quán Âm, một phương pháp thiền quán Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Sau một thời gian tu học, Ngài đã đạt đại khai ngộ.

Ngay sau khi trở về từ Hy Mã Lạp Sơn, do sự thỉnh cầu tha thiết của những người thành tâm mong cầu Chân Lý, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã chia sẻ Pháp Môn Quán Âm với mọi người và

khuyến khích họ hướng nội để tìm lại sự vĩ đại của chính mình. Nhiều người từ mọi thành phần xã hội đã nhận thấy rằng Pháp Môn Quán Âm giúp họ tìm được sự viên mãn, niềm hạnh phúc và sự bình an trong cuộc sống. Không bao lâu, Hoa Kỳ, Âu châu, Á châu, Úc châu, Phi châu, Nam Mỹ cũng như nhiều tổ chức quan trọng đã thỉnh mời Thanh Hải Vô Thượng Sư đến thuyết pháp.

Làm Đẹp Thế Giới Chúng Ta Đang Sống

Thanh Hải Vô Thượng Sư không những là tấm gương cao quý trong hoạt động cứu trợ nhân đạo, Ngài còn khuyến khích mọi người làm đẹp thế giới chúng ta đang sống. Qua việc thiền định Pháp Môn Quán Âm, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã bộc lộ nhiều tài năng thiên phú, thể hiện qua hội họa và những sáng tác nghệ thuật, bao gồm bộ sưu tập đèn được thiết kế thật tinh tế, những sáng tác thơ nhạc, thiết kế trang sức và trang phục hầu miêu tả nét đẹp bên ngoài lẫn bên trong của các nền văn hóa, các dân tộc mà Ngài đã gặp qua. Năm 1995, theo lời thỉnh cầu của công chúng, thiết kế y phục của Ngài đã được trình diễn tại những kinh đô thời trang quốc tế như Luân Đôn, Paris, Milan và New York. Doanh thu từ những tác phẩm nghệ thuật của Thanh Hải Vô Thượng Sư đã giúp Ngài có một nguồn ngân quỹ độc lập để hỗ trợ cho các hoạt động nhân đạo và sứ mệnh cao quý của Ngài trong việc giúp đỡ những người con của Thượng Đế vào những lúc cấp thiết.

Sự Vinh Danh và Ước Mơ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư

Mặc dù Thanh Hải Vô Thượng Sư không mong cầu báo đáp, nhưng để vinh danh sự trợ giúp vô vị kỷ của Ngài, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã được nhiều viên chức chính phủ và tổ chức tư nhân trên thế giới trao giải thưởng vào nhiều dịp khác nhau.

Những giải thưởng này bao gồm: Giải Hòa Bình Thế Giới, Giải Nhà Lãnh Đạo Tâm Linh Thế Giới, Giải Phát Triển Nhân Quyền, Giải Công Dân Nhân Đạo Thế Giới, Giải Phục Vụ Nhân Loại Xuất Sắc, Giải Hòa Bình Gusi 2006, Bằng Tuyên Dương Tuần Hội Âm Nhạc Los Angeles, Giải Hạng Nhất Tượng Bạc Telly Thường Niên lần thứ 27 (2006),... Bên cạnh đó, ngày 22 tháng 2 và ngày 25 tháng 10 cũng được vinh danh là ngày Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Hoa Kỳ. Ngài Frank Fasi, nguyên thị trưởng thành phố Honolulu đã phát biểu: “Ngài là ánh sáng của một vĩ nhân, là thiên thần từ ái của tất cả chúng ta.”

Trong thời đại này, Thanh Hải Vô Thượng Sư là một trong những người tận tâm giúp đỡ tha nhân nhận biết và kiến tạo một viễn ảnh tươi sáng cho tương lai. Nhiều vĩ nhân trong lịch sử đã từng hoài bão về một tương lai tươi đẹp cho nhân loại và trong lời bày tỏ của Ngài, Thanh Hải Vô Thượng Sư cũng có ước mơ như sau:

*“Tôi mơ cả thế giới được hòa bình.
 Tôi mơ mọi nghiệp sát sẽ chấm dứt.
 Tôi mơ tất cả trẻ em đều được sống
 trong hòa bình và an lạc.
 Tôi mơ tất cả quốc gia sẽ bắt tay nhau,
 bảo vệ và giúp đỡ lẫn nhau.
 Tôi mơ Địa Cầu xinh đẹp của chúng ta
 sẽ không bị hủy diệt.
 Địa Cầu này đã trải qua hàng tỷ tỷ năm
 mới được hình thành và đây là một nơi
 vô cùng mỹ miều, vô cùng kỳ diệu.
 Tôi mơ Địa Cầu này sẽ trường tồn,
 nhưng trong thanh bình,
 đẹp đẽ và yêu thương.”*

LỜI NGỎ

*T*ừ lúc thắm nhuần bao nỗi vô thường trong kiếp nhân sinh, con người luôn khát khao trở về Nguồn Cội Thiêng Liêng. Thanh Hải Vô Thượng Sư, một bậc Chân Sư toàn giác, với lòng từ bi vô lượng đã đến trần gian để truyền dạy Pháp Môn Quán Âm, một Bảo Pháp tối thượng từ ngàn xưa, có thể giúp thế nhân liễu ngộ được trí huệ vạn năng nội tại và đồng nhất thể cùng Thượng Đế.

Trải qua muôn trùng duyên nghiệp mới có cơ hội thăng hoa làm người. Nay được hiện hữu cùng thời với một vị Minh Sư tại thế và nếu được cơ duyên đón nhận Bảo Pháp, quả là một ân sủng nhiệm mầu.

Nguyện xin những lời Khai Thị của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong sách này sẽ soi sáng cho những người thành tâm mong cầu Chân Lý, nhận thức được Pháp Môn Vô Thượng để tu tập và đạt thành ước nguyện Một Đời Giải Thoát. Những lời giảng dạy vi diệu của Ngài cũng sẽ giúp nâng cao tâm thức cho những ai đang ưu tư về vấn đề sinh tử của kiếp người.

**Ban Kinh Sách
Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư**



Chúng ta phải khai ngộ, sáng suốt như Phật A Di Đà, có trí huệ, có lực lượng như Đại Thế Chí Bồ Tát, có tâm từ bi như Quán Âm Bồ Tát.

Trích từ bài thuyết giảng “Sự Lợi Ích Của Tu Hành Pháp Môn Quán Âm”



1

Chân Lý, Giả Lý

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Đài Bắc, Formosa**

Ngày 20 tháng 10 năm 1986

Muốn hoằng pháp thì phải nhờ vào thân xác, nhờ vào phương tiện di chuyển, rồi sau đó mong đợi mọi người đến nghe kinh. Khi Phật tử nô nức đi nghe thuyết pháp mà chẳng may xe tôi bị hư; hoặc người tài xế bất ngờ vì một lý do gì đó không đến được; hoặc Phật tử đã cố gắng tề tựu đông đủ mà cuối cùng tôi lại bị bệnh, thì việc hoằng pháp khó thành. Nhưng có bao giờ quý vị nghe tôi bị bệnh mà bỏ một buổi thuyết pháp nào chưa? Thưa quý vị, chưa bao giờ. Sự thật có nhiều lúc tôi rất mệt mỏi, nhưng tôi vẫn vui vẻ, ôn hòa ra giữa đại chúng để thuyết pháp, quý vị không biết đó thôi... Hoằng pháp trên thế giới này không phải là điều đơn giản, vì tất cả mọi vật chất ở thế giới này đều từ lực lượng Ma Vương mà ra.

Vật chất là gì? Là thể xác, ăn, uống, quần áo, v.v..., đều đến từ lực lượng của Ma Vương. Nhưng vì chúng ta muốn hoằng pháp, nên muốn có vật chất thì phải phấn đấu với công việc, không

phải là điều đơn giản. Vậy Pháp là gì? Đó là một thứ mà ta không thể sờ được, muốn nói cho rõ cũng không dễ dàng, cùng lắm chỉ diễn đạt được một chút. Đúng ra Chân Lý vốn không phải dùng miệng để mà nói, không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả. Cho nên dùng thân thể này đi thuyết pháp, hay lợi dụng vật chất để hoàng pháp, cũng không đơn giản. Bởi vì vật chất quá thô thiển và tầm thường, không thuộc về tầng lớp của trí huệ. Nếu chúng ta muốn dùng vật chất không có trí huệ này để diễn đạt một thứ đại trí huệ, quả thật khó vô cùng.

Thứ nhất: Dùng một thứ vật chất giới hạn để diễn tả một thứ đại trí huệ vô biên là một điều rất khó khăn. Thứ hai: Người nghe cũng chỉ có thể dùng công cụ vật chất để nghe, để lãnh hội một giáo lý cao siêu bất khả tư nghị, một thứ đại trí huệ, cũng không đơn giản. Cả hai đều không đơn giản, tôi nói không đơn giản, quý vị nghe cũng không đơn giản. Cho nên muốn thông hiểu Chân Lý không phải dễ dàng.

Muốn hiểu biết Chân Lý thì nên dùng Phật tâm của mình mà nhận biết, giác ngộ. Muốn truyền Chân Lý, cũng phải dùng tâm truyền tâm, không thể dùng ngôn ngữ mà truyền được. tụng kinh, bái Phật, niệm Phật hay giảng kinh, đều là giai đoạn sơ cấp A B C mà thôi. Quý vị nghe A B C trước, sau đó sinh ra hiểu kỳ, muốn tìm hiểu thêm một chút, muốn nâng cao đẳng cấp của mình. Nếu hàng ngày chỉ niệm A B C thì thật là nhàm chán. Nếu hiểu được điều này, thì nên cầu Minh Sư truyền “*Tâm Ấn*”, đây mới là pháp môn của chúng ta.

Đúng ra pháp môn cũng không là gì cả, nhưng truyền Tâm Ấn mới quan trọng. Truyền Tâm Ấn là dùng “*tâm truyền tâm*”. Tâm là ý thức, dùng tâm để truyền pháp. Truyền pháp không phải bằng lời, tôi giảng đạo lý cho quý vị nghe, quý vị nên làm thế này, thế kia, vẫn chỉ thuộc về bên ngoài mà thôi.

Lúc truyền Tâm Ấn, tôi dạy quý vị những việc gì “*không nên làm*”, thì “*đừng nên làm*”. Tôi sẽ dạy quý vị đừng cần cái này,

đừng cần cái kia, cái gì cũng không cần, sau đó mới có thể tìm được Phật tâm của chúng ta. Nghe như vậy có phải là mâu thuẫn hay không? Không phải, bởi vì trước kia quý vị muốn tìm Phật tâm mà đều hướng ra bên ngoài. Khi quý vị tìm đến với tôi, tôi không muốn quý vị chấp chứa tìm cầu ở bên ngoài nữa, nên dạy quý vị không cần cái này, không cần cái kia. Nhưng “*không cần*” vẫn chưa phải là pháp môn. Nếu chúng ta thật sự xả bỏ được một chút cái ngã, thì chỉ trong một tích tắc, chúng ta cũng có được thể nghiệm của sự “*khai ngộ*”.

Truyền Tâm Ấn là việc đơn giản, nhưng cũng không đơn giản. Đơn giản bởi vì lúc truyền Tâm Ấn, tức khắc có thể khai ngộ, nhưng cũng cần có một người có khả năng truyền Tâm Ấn. Tìm được người đó không phải là chuyện dễ dàng, không phải nói rằng truyền Tâm Ấn là việc phiền phức, cũng không phải nói khai ngộ là điều khó khăn, hay là một điều không thể mong ước được. Giải thoát không khó, khai ngộ cũng không khó như ta tưởng, nhưng kiếm được một người có thể giúp đỡ cho chúng ta được khai ngộ, mới chính là một việc không dễ dàng.

Tâm Ấn có thể truyền cho rất nhiều người, cũng có thể chỉ truyền cho một người, điều này do vị sư truyền Tâm Ấn đó quyết định. Cho nên các vị thiền sư hồi xưa, có người chỉ có vài người đệ tử mà thôi. Lão Tử không có ai biết đến, Bồ Đề Đạt Ma có năm người đệ tử, Lục Tổ Huệ Năng có nhiều hơn một chút, Phật Thích Ca có thể có nhiều hơn nữa, Chúa Giê-su chỉ có mười hai vị đại đệ tử, rất có thể Ngài cũng truyền pháp cho nhiều người khác nữa, nhưng chỉ có mười hai vị đó là khai ngộ nhất.

Quý vị có thể tự hỏi mình, sau khi thọ Tâm Ấn thì đều là người khai ngộ, tại sao có người ngộ được nhiều, có người ngộ được ít? Có người có thể tiếp tục truyền pháp giùm Sư Phụ của họ, có người không thể làm được? Điều này liên quan đến việc tu hành. Sau khi thọ Tâm Ấn, không phải là lập tức có thể hoàn toàn thành Phật. Thành Phật không sai, lúc chưa thọ Tâm Ấn vốn

đã là Phật rồi, không phải đợi đến lúc thọ Tâm Ấn rồi mới thành Phật. Nhưng bởi vì chúng ta không biết được điều này, không nhận thức được rằng chúng ta là Phật, cho nên cần phải thọ Tâm Ấn. Sau khi được truyền Tâm Ấn cũng chưa chắc có nhiều thể nghiệm ngay được, chỉ có thể khai ngộ một chút. Có người khai ngộ nhiều, có người khai ngộ ít, nhưng vẫn cần tiếp tục tu hành. Tu hành càng nhiều, càng nhận thức được tự tánh của chúng ta, càng biết được địa vị của mình.

Ví dụ có một vị hoàng tử từ nhỏ đã lìa khỏi hoàng cung, được một người ăn mày mang về nuôi dưỡng đến khôn lớn, nhưng vị đó không biết mình là hoàng tử, vẫn cứ ngày ngày đi ăn xin. Rồi vua cha hàng ngày nhớ thương hoàng tử, cho người đi tìm, hy vọng vị hoàng tử đó có đặc tướng nào, có thể nhờ đó mà nhận ra. Có một ngày, người đi tìm gặp được hoàng tử, lúc ấy hoàng tử đang trong kiếp ăn mày. Vị đó bảo rằng: *“Ngươi vốn không phải là người ăn xin, ngươi nên nghe lời theo ta, để ta đem ngươi về làm một vị vua tương lai.”* Vị hoàng tử đó vì sinh sống tại nhà của người ăn mày, đã quen với lối sinh hoạt ăn xin, không thể lập tức tin lời của vị quan này, cho nên vị quan này cứ nói mãi không ngừng; hàng ngày đều đến nói: *“Ta nói ngươi là một vị hoàng tử, nếu ngươi muốn chứng minh, ta cũng có thể chứng minh cho ngươi xem. Chỉ cần ngươi bằng lòng đến là ta lập tức cho ngươi mặc y phục của hoàng tử. Nếu ngươi chịu cười ngửa, ta sẽ lập tức đưa ngựa cho ngươi, tuyệt đối không có khó khăn gì.”*

Nhưng vị hoàng tử này đã có ấn tượng mình là một người ăn xin, không đủ can đảm nhìn nhận mình là hoàng tử, nên luôn luôn trả lời: *“Tôi không dám!”* Tuy nhiên vị quan này vẫn kiên nhẫn nói: *“Trong hoàng cung có trân châu, gấm vóc, có cung điện nguy nga, tất cả những thứ đó đều là của ngươi.”* Nhưng vị hoàng tử đó vẫn không thể nào chấp nhận được những điều ngoài sự tưởng tượng của mình.

Người có nhiệm vụ tìm kiếm hoàng tử này, không thể biến vị đó thành hoàng tử, vì người đó vốn đã là hoàng tử rồi. Nói mãi cho đến một ngày, người ăn mày khởi tin, nói: *“Được rồi, tôi để ông lo cho đời sống của tôi, chiếu cố đến vận mạng của tôi, thử xem đó là sự thật hay giả?”* Nói xong liền mặc y phục của hoàng tử vào, rồi sau đó cười lên ngửa, có nhiều thuộc hạ khác lập tức đến đánh lễ. Lúc đó người ăn mày tin hơn một chút, nhưng vẫn chưa tin hoàn toàn. Vị quan nọ phân vân tự hỏi làm cách nào mới có thể đem hoàng tử về cung? Sau khi về cung rồi, còn phải huấn luyện rất lâu để cho vị hoàng tử ăn xin này quen với đời sống trong cung, quen với lễ nghi cung cách, và có phong độ quý phái. Vốn đã sống một cuộc đời ăn mày thấp hèn, không dám ngước đầu lên nhìn người, bây giờ làm một vị hoàng tử, hoàn toàn khác hẳn với lúc trước, cho nên vị hoàng tử ăn xin phải được huấn luyện rất nhiều, từ cung cách cho đến trí tuệ.

Cùng một ý, chúng ta vốn đã là Phật rồi, nhưng đời đời kiếp kiếp bị lực lượng của Ma Vương kiềm chế, đau khổ rất nhiều, phiền não chông chát, nghiệp chướng đầy rẫy, không buông bỏ được đời sống đầy khó khăn. Có thể là hôm nay rất tốt, ngày mai lại có rắc rối; hôm sau tốt một chút, rồi qua ngày kế tiếp lại có những trở ngại khác. Thường hay gặp rất nhiều đau khổ mà không biết vì sao? Ăn cũng không được bao nhiêu. Mỗi ngày nhiều lắm ăn ba, bốn chén cơm. Y phục tối đa cũng chỉ mặc hai, ba bộ; nhưng làm việc lại rất nhiều, cặm cụi suốt ngày từ sáng đến tối không hết việc, mà thời gian vẫn cứ không đủ, tự mình không biết vì sao phải khổ như vậy. Cho nên nếu có một vị đại sư, hoặc hóa thân Bồ Tát đến thế giới này, là vì thấy chúng ta đau khổ quá. Chúng ta vốn là bạn của vị Bồ Tát nên các Ngài đến cứu chúng ta. Tuy nhiên các Ngài cũng không có cách nào để cho chúng ta hoàn toàn hiểu rõ và minh bạch *“Phật tánh”* cao quý của chúng ta, vì vậy phải nói rất nhiều lời cổ vũ: *“Minh đứng ra rất cao quý, mình là Phật.”* Nói mấy ngày, mấy tháng liên tiếp, rất có thể nghe

được một chút ít. Rồi vị Bồ Tát còn kiên nhẫn bảo chúng ta rằng, tốt lắm, lại đây, ta dạy cho các người một phương pháp để nhận biết được “*Phật Tánh*” của mình, nhận thức được mình đúng ra là Phật, là Bồ Tát, có Phật tâm, mình sẽ thấy được “*Bản Lai Diện Mục*” của mình là gì. Dần dần, nếu ta tin tưởng nhiều hơn một chút, có thể sẽ chịu thọ Tâm Ấn. Sau khi thọ Tâm Ấn thì mình mới có thể nhận thức ra mình một chút. Nhưng vị Bồ Tát vẫn phải ngày ngày cổ vũ mình, nói với mình nhiều một chút, để mình có thể tự nhận thức nhiều thêm bản chất cao quý của mình.

Cũng như vị hoàng tử kia nếu như muốn về nhà, con đường từ đây đến hoàng cung rất xa, rất có thể vị hoàng tử chỉ đi nửa đường, lại nói: “*Ta không tin, ta không dám đi gặp quốc vương, làm sao có chuyện này được? Ta vốn là một người ăn mày, ta đã làm ăn mày mấy chục năm rồi, làm sao mà trong phút chốc có thể biến thành hoàng tử được.*” Vị hoàng tử rất có thể không muốn tiếp tục đi nữa, muốn lui trở về sống lại cuộc sống của người ăn xin. Rất có thể trong hai, ba mươi năm qua, bị mọi người ngày ngày áp bức, ăn xin hôi hám, không có bạn bè, không có người chăm lo, không có người yêu thích, cho nên vị đó không dám đi đến hoàng cung? Không thể nào vị “*hoàng tử ăn mày*” đó, một sớm một chiều có thể trở thành một người cao quý, lập tức thay đổi quan niệm đã ăn sâu trong óc não của vị “*hoàng tử ăn mày*”. Quý vị có thể tưởng tượng được không, một người ăn xin lại biến thành hoàng tử? Đó không phải là một điều dễ dàng.

Cho nên từ xưa đến nay, một vị đại sư, muốn ra để dạy người, hoặc độ chúng sanh, không phải là chuyện dễ. Các Ngài phải chiến đấu với tập quán và lý luận của chúng ta, đấu tranh với những quan niệm đầy chấp nhất của chúng ta. Không phải mỗi lần một vị đại sư nhập thế, chúng sanh đều chạy đến nghe. Có người dù đã nghe rồi, vẫn không tin, lại còn phi báng, hay không muốn nghe. Họ cứ tin theo quan niệm của họ. Cũng như ngày xưa, họ không tin những lời Chân Lý của vị đại sư, ngược lại

đi tôn thờ thần lửa, mặt trời, thần gió, hình tượng, v.v... đó là sự sùng bái ở thời xưa. Sau khi chúng ta quên đi Bản Lai Diện Mục, lúc nào chúng ta cũng lo sợ phập phồng; vì lực lượng bảo hộ bị mất rồi, chúng ta cảm thấy rất cô đơn, cái gì cũng sợ. Mặt trời sao nóng như vậy? Tại sao vật này lại bị cháy mất? Tại sao núi cao như thế? Biển sâu như vậy? Sao không thấy bờ bên? Sao gió mạnh quá? Có thể tàn phá bất cứ vật gì, cây lớn cũng bị bứng gốc, nhà cửa có thể bị thổi sập. Vì vậy chúng ta sợ gió, sợ nước, sợ lửa, sợ mặt trời, sợ hình tượng, v.v... Đối với một số hiện tượng thiên nhiên, vì chúng ta lo sợ nên mới khởi sinh ra việc sùng bái mê tín.

Khi lìa xa Bản Lai Diện Mục, đại lực lượng này rồi, chúng ta sẽ trở nên yếu đuối, rất sợ hãi, cô đơn, cũng như một đứa nhỏ bị lạc đường không kiếm được nhà, mất liên lạc với cha, mẹ, anh, chị, em, bố vợ một mình nên rất sợ, rồi trở thành mê tín. Những sự mê tín như lạy quý, lạy thần, lạy cây, lạy đá, v.v... từ xưa đến nay đều là như vậy. Cho nên khi một vị đại sư nhập thế phải tranh đấu với các quan niệm mê tín đó, qua một thời gian mới có thể sửa đổi được một chút. Nhưng đối với những người phi báng hoặc mê tín thì không thay đổi được dễ dàng, tuy nhiên cũng phải độ những người này. Còn đối với những người có lòng tin thì đơn giản hơn.

Thay đổi quan niệm mê tín không phải là dùng súng ống để bắn nhau, nhưng cũng vẫn phải đánh giặc. Đánh giặc tư tưởng còn đáng sợ hơn đánh giặc thật, phiền phức hơn nhiều. Cho nên chúng ta thường nghe nói chúng sanh khó độ. Không phải chúng sanh khó độ mà là đầu óc khó độ. Đầu óc này vốn không phải của mình. Khi chúng ta làm những việc của thế gian nó sẽ hợp tác rất tốt, nhưng nếu chúng ta muốn được giải thoát khỏi thế gian thì đầu óc sẽ gây chướng ngại cho chúng ta. Nó sẽ phản đối không để cho chúng ta tự do, nó sẽ hỏi: *“Minh giải thoát cái gì? Ở đây cuộc sống rất tốt, có thức ăn, có áo mặc, có chồng, có vợ? Minh ngòì thiên để làm chi? Minh muốn giải thoát để đi đâu? Thế giới*

này là tốt đẹp nhất, không biết ở trên kia có cảnh giới nào tốt hơn không? Có Thiên Đàng thật không? Hay chẳng có gì cả? Vị Sư Phụ này có phỉnh gạt mình không?” Đầu óc sẽ hoài nghi như thế này, như thế kia... Cho nên các vị thiền sư thời xưa, hay là pháp sư nổi danh đều thử thách đệ tử rất nhiều. Vì sao phải thử thách? Là vì trước tiên muốn đệ tử rửa sạch các tập quán cũ, sau đó mới có thể thay đổi thành những tư tưởng mới. Cũng như tình trạng ở trung tâm Tịnh Tọa ở trên núi của chúng ta. Trước khi chúng ta đến, chỗ đó không có người ở, cỏ rất cao, không có đường đi, cỏ dại khắp nơi. Khi chúng ta muốn lên đó, trước nhất phải cắt cỏ, nhưng cỏ vẫn tiếp tục mọc ra, vì còn rễ. Về sau chúng ta từ từ nhổ rễ đi, vì cỏ mọc quá cao, không thể chặt hết được, phải đợi đến lúc cỏ được cắt ngắn rồi, chúng ta mới dùng cuốc đào đi gốc của nó. Bây giờ không còn cỏ dại, chúng ta phát quang vài miếng đất cho sạch, bón phân rồi mới gieo hạt cải giống lên. Bao giờ cải mọc lên là ăn được.

Muốn truyền tư tưởng mới nào hay là Chân Lý nào, trước tiên phải diệt trừ giả lý. Chân Lý và giả lý không thể song song tồn tại được. Cũng như chúng ta không thể trồng rau cải chung với cỏ dại. Cỏ nhiều quá đi vào còn chưa được, làm sao trồng cải được? Trồng cải rồi hàng ngày còn phải chăm sóc, sợ có sâu, có cỏ. Cỏ không trồng mà từ đất mọc lên, cỏ cũng không từ trên trời rơi xuống, nó không biết từ đâu được gió thổi tới rơi trên vườn cải. Nếu hai ngày không chăm sóc, thì cỏ dại đã mọc cao rồi.

Cho nên thọ Tâm Ấn rồi cũng cần phải tiếp tục tu hành, vẫn ngày ngày cần nghe tôi giảng kinh, hay ít nhất mỗi tuần phải nghe hai hoặc ba lần; hoặc tham dự thiền tam, thiền thất (*ba ngày, bảy ngày bé quan.*) Điều đó rất cần thiết, nếu không thì sẽ dần dần quên mất “*tự tánh*”.

Lực lượng mê hoặc của xã hội này rất vĩ đại. Trên thế giới này lực lượng của Ma Vương rất lớn vì đây là thế giới của Ma Vương, là nhà của Ma Vương, là lãnh thổ của Ma Vương. Phật

Bồ Tát từ cảnh giới cao xuống đây xâm nhập vào lãnh thổ của chúng nên chúng không vui. Phật Bồ Tát xuống thế là giải thoát các nô lệ của chúng trở thành những người cao quý. Họ vốn là nô lệ của Ma Vương, bây giờ lại có địa vị cao hơn Ma Vương, và sau này không còn trở lại thế giới này để chịu khổ. Như vậy tức là mất đi một linh hồn, thêm một người giải thoát, là bớt đi một chúng sanh trong Tam Giới, cho nên Ma Vương không thể nào hoan nghênh được. Quý vị xem từ xưa đến nay, mỗi vị đại sư chân chính đến thế gian độ người đều gặp rất nhiều khó khăn, không cách nào độ hết chúng sanh, nếu có độ cũng chỉ được một số ít người, và phải chịu rất nhiều thị phi.

Đệ tử của Thần Tú là tín đồ Phật giáo, và cũng là người xuất gia mà vẫn còn phi báng, làm phương hại Lục Tổ Huệ Năng như vậy. Phật Thích Ca khi ra độ chúng sanh cũng bị rất nhiều người phi báng. Có người đã giả mang thai đồ tội cho Phật Thích Ca, có người muốn giết Ngài, có người nói Ngài là “ngoại đạo”, “nội đạo”, v.v... Chúa Giê-su ra đời độ người có mấy năm cũng bị đóng đinh. Ở Vệ Quốc, Khổng Tử cũng bị người ở đó chui đầu chân của Ngài đi. Còn Lão Tử thì không có ai tin. Nếu có cũng rất là ít. Bây giờ Lão Tử còn nổi danh hơn hai ngàn năm về trước, nhưng lúc Ngài còn tại thế không có người nhận ra Ngài, sau khi chết rồi mới nổi danh.

Vì sao các vị Minh Sư thời xưa bây giờ lại nổi danh hơn các vị Minh Sư thời nay? Tại vì sau khi vị Minh Sư lìa trần, Ma Vương lập tức lợi dụng tên của vị đó để làm việc, biến Chân Lý của vị đó thành ma lý. Chúng ta đều biết rằng một vị Minh Sư đến thế giới này chỉ nói Chân Lý, những điều thuộc về trí huệ mà thôi. Nhưng sau này dần dần biến thành mê tín.

Ví dụ như Lão Tử, Ngài vốn không dạy người ta cúng bái Ngài, hay cúng dường Ngài vật gì, hoặc sát sanh cúng dường Ngài. Ngài cũng không nói làm như vậy Ngài sẽ gia trì cho một số người nào, cũng không nói sau khi Ngài mất rồi thì phải cúng

đường Ngài. Đạo Đức Kinh chỉ dạy mọi người nên tìm “Đạo”, cầu thông với “Đạo”, hòa mình với “Đạo”, thì chúng ta mới có thể tìm được Chân Lý. Đó là chủ ý trong Đạo Đức Kinh, là một Chân Lý rất cao, một tư tưởng tuyệt diệu.

Nhưng chúng ta hãy nhìn thấy Lão giáo ngày nay đã như thế nào, quý vị có biết không? Trong mỗi ngôi chùa của Lão giáo, họ giết heo, giết bò, giết gà... để cúng dường ai? Tôi không biết, Lão Tử đã sợ đến chạy mất rồi. Ngài vốn là một vị đại sư, làm sao còn muốn ăn nhiều thịt như thế? Khổng Tử cũng như vậy, vốn muốn đào tạo con người trở thành những người có học vấn và đạo đức, nhưng ngày nay mỗi Khổng miếu đều dùng loài vật để tế bái, cúng phụng rất nhiều thịt cá.

Phật giáo ngày nay cũng không khác xa lắm, mỗi nước đều biến thành Phật giáo tiêu thừa. Có nhiều nước người xuất gia còn ăn thịt, số người lập gia đình cũng không ít. Trong thời mạt pháp, chuyện sai lầm gì cũng có thể làm được.

Trung Hoa lục địa là một nước có mấy ngàn năm văn hóa, đạo đức rất cao. Khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa có kết quả rất tốt đẹp. Tuy cũng có những thời điểm khó khăn, nhưng Phật giáo cũng đã từng xán lạn, huy hoàng một thời. Hiện nay chỉ còn có Formosa vẫn duy trì truyền thống Phật giáo chân chính, sau khi xuất gia không được kết hôn, không được ăn thịt, không được uống rượu. Tôi nghĩ rằng nếu cả Formosa cũng không giữ được truyền thống ấy thì tôi không biết còn nơi nào bảo toàn được truyền thống chân chính của Phật giáo.

Nhưng Phật giáo ở Formosa cũng không phải là Phật giáo chân chính. Phật giáo trước kia tại Ấn Độ không có cái mà bây giờ gọi là niệm kinh sáng, kinh chiều. Hiện nay mỗi nơi đều có kinh sáng, kinh chiều. Niệm Phật vốn đã đủ rồi, sao còn phải niệm nhiều thứ khác nhau. Vậy cũng không phải là sai, nhưng kinh nhật tụng sáng và chiều vốn chỉ dành riêng cho người xuất gia tu hành thanh tịnh niệm mà thôi.

Ở Âu Lạc, từ trước cho đến nay, người tại gia không được niệm chú Lăng Nghiêm; chú Chuân Đề hoặc những chú khác, tuyệt đối cũng không được niệm. Lúc tôi chưa xuất gia, đã ăn chay rồi, đã tu hành rồi, ngày ngày niệm Phật, lạy Phật, đọc kinh, nhưng thầy của tôi vẫn không cho tôi niệm chú Lăng Nghiêm, và cũng không cho tôi tụng kinh sáng và kinh chiều. Về sau vị thầy của tôi mới chịu cho tôi tụng kinh sáng, và nói với tôi, lý do thứ nhất là vì: *“Người tại gia có quan hệ vợ chồng; lý do thứ hai là bầu không khí ở nhà khác với ở chùa”*, nên chúng ta niệm chú không những không linh ứng, mà có khi sinh ra những phản ứng bất lợi, vì chúng ta không đủ trong sạch.

Có người tự mình đi mua một tượng Phật, tượng Phật Thích Ca hay là tượng Phật khác. Mang về nhà mỗi ngày lễ lạy, cùng tụng kinh sáng, kinh chiều, rồi còn làm nước phép cho chúng sanh uống. Thứ nhất: Họ không nên uống. Thứ hai: Nếu họ uống một lần thì không sao, nhưng ngày nào cũng đến uống thì sẽ càng lúc càng dẫn nhiều ma quỷ đến chỗ của chúng ta, tạo nên âm khí nặng nề, chúng ta không đủ lực lượng để kiểm chế nó. Vì vậy có người niệm xong rồi, tinh thần không an và mắc bệnh thần kinh.

Tôi biết có rất nhiều trường hợp như vậy. Có người đến tìm tôi. Có lúc tôi cũng giúp đỡ, có khi tôi không muốn lo tới, bởi vì trường hợp quá nghiêm trọng, tôi không có thời giờ. Những người tự ý xen vào chuyện của người ta, tự mình muốn làm đại Bồ Tát đi cứu người, thì hãy để tự cứu mình được rồi. Tôi không muốn lo những chuyện đó, quá phiền phức. Muốn cứu những người đó phải hao tổn lực lượng và thời giờ của tôi rất nhiều; tốt nhất là tôi dành lực lượng này để cứu thêm nhiều người bình thường khác, cho họ sớm được giải thoát. Nếu vì cứu một người mà phải bỏ rơi một trăm người, như vậy rất uổng phí công sức, lại không công bằng nữa. Ở Formosa có rất nhiều tình trạng đó. Tự đem kinh về nhà niệm sáng, niệm chiều, niệm bậy bạ, rồi sau

đó còn đi học bắt ấn, tưởng rằng có thể độ ngã quý; hay là tham gia Phật thất (*niệm Phật bảy ngày*), rồi về nhà y theo đó mà làm. Sau một khóa thiền thất, về nhà theo đó tự học, đi chùa bái lạy hai hoặc ba ngày, chỉ học sơ sơ rồi về nhà tự xưng pháp sư.

Bầu linh khí trong chùa khác với bầu không khí ở nhà. Nếu muốn làm ở nhà tự mình phải có lực lượng mới được. Nếu mình cúng dường ngã quý, mời chúng đến ăn, cũng cần có đủ lực lượng để kiểm chế chúng, không để chúng làm hại đến tinh thần của chúng ta. Ở Formosa có rất nhiều người “*siêu độ chúng sanh*”, nơi nào tôi cũng nghe nói đến, “*phải siêu độ chúng sanh, siêu độ chúng sanh..*” ý thì rất tốt, nhưng làm được hay không là một chuyện khác. Thỉnh một cuốn Pháp Bảo Đàn Kinh, hay là Kinh Kim Cang về nhà tự xem, thấy trong kinh nói ngòi thiền rất tốt, rồi tự học ngòi thiền. Đi chùa thấy người xuất gia cũng ngòi thiền như thế, về nhà cũng theo đó mà ngòi, như vậy là ngòi thiền gì? Đó là thiền không đúng. Thiền sai sẽ đi sai đường, sẽ mang đến nhiều phiền phức. Cho nên nhiều người học rồi, có bệnh thần kinh, bởi vì giáo lý quá công khai. Có thứ có thể công khai, có thứ không thể công khai được. Có người tự học rồi, không chịu được nên tinh thần rối loạn, như vậy sẽ hại đến họ.

Cho nên các vị đại sư thời xưa, lúc truyền pháp các Ngài rất thận trọng. Trước hết thử thách “*đệ tử*” rất nhiều lần, quan sát kỹ lưỡng một thời gian dài, sau này mới truyền pháp cho đệ tử. Như vậy an toàn hơn, và về sau những đệ tử này cũng không ra ngoài phê bình bậy bạ.

Niệm mật chú để độ chúng sanh sẽ có hai tình trạng xảy ra. Tình trạng thứ nhất, rất có thể niệm lâu rồi sẽ biến thành bệnh thần kinh. Người mang bệnh thần kinh là vì không có phước báu, “*ngã chấp*” quá lớn, “*ta*” tốt như vậy, “*ta*” có tâm từ bi lớn như vậy, “*ta*” muốn độ chúng sanh, “*ta*” có thể niệm chú siêu độ chúng sanh, “*ta*” ngày ngày bố thí cho ngã quý ăn. Vì “*ngã chấp*” quá lớn nên mới sanh bệnh thần kinh. Niệm rồi, tự cảm

thấy mình cao hơn người khác một cấp, sanh ra tâm ngạo mạn rồi sẽ có ma chướng. Đứng ra Ma Vương là thuộc về lực lượng xấu, nhưng nó cũng không thích những người xấu như vậy, nên sẽ tới làm rối loạn đầu óc của chúng ta.

Tình trạng thứ hai là niệm cho đến khi chúng ta vãng sanh cũng không bị hề hấn gì. Tại sao vậy? Tại vì rất có thể đời trước đã tu hành rất nhiều, còn nhiều phước báu, nhưng vì tu chưa đủ nên bây giờ trở lại, và bị thế tục ràng buộc nhiều. Tuy vẫn còn hưởng phước báu, là do kết quả tu hành từ kiếp trước.

Có những người phát tâm muốn độ người thật sự, không có thái độ ngạo mạn đó, trong tâm muốn bố thí nạ quỷ thật sự, muốn tụng kinh sáng hoặc kinh chiều, muốn độ linh hồn của người chết, những người đó không phải không có. Nếu họ thật tâm muốn độ chúng sanh, Ma Vương cũng để họ độ, nhưng khi họ vãng sanh thì không còn gì cả, bao nhiêu công đức của kiếp trước họ đều vung vãi ra hết sạch, bởi vì họ chỉ lo độ người mà thôi mà không tự lo tu hành. Họ có thể đầu thai vào đẳng cấp rất thấp, tuy đời này không thấy có chuyện gì, nhưng công đức đều bị mất hết. Bởi chúng ta không thấy, không hiểu tình trạng này, nên không biết được.

Ta có thể chia tình trạng này ra làm hai:

Thứ nhất là: Một người không có bao nhiêu tiền, nhưng vì muốn được người ta biết họ là người giàu có, nên ngày ngày đi mượn tiền, dùng tiền của người khác, còn chia cho những người nghèo khác bởi vì muốn nổi tiếng. Sau khi dùng quá nhiều không có tiền trả nợ, bị cảnh sát bắt nhốt vào tù.

Thứ hai là: Có người thật tâm muốn bố thí người nghèo, tự họ không đi làm, nhưng cha mẹ có để lại một số tài sản, mỗi ngày dùng đi một ít, sau này không còn gì cả.

Cũng như vậy, phước báu cũng sẽ bị cho hết như tiền bạc vậy. Cho nên chúng ta muốn tu hành thì phải để ý đến công đức vô lượng vô biên này, công đức vô lượng vô biên phải nhờ vào

phước báu vô lượng vô biên, phải biết cách để tìm được phước báu vô lượng vô biên. Khi tìm được rồi chúng ta muốn cho gì cũng được, không có gì trở ngại cả. Nhưng trước khi chưa tìm được phước báu vô lượng vô biên đó, chớ nên làm xằng bậy, rất nguy hiểm.

Phước báu vô lượng vô biên này có một nguồn gốc. Nếu chúng ta tìm được nguồn gốc đó, tiếp nối được nguồn gốc đó, thì chúng ta sẽ có tất cả; còn có thể cho người khác, không thành vấn đề.

Cho nên tôi mới nói, nếu chúng ta tìm được nguồn phước báu vô lượng vô biên này, chúng ta có thể cho, có thể bố thí phước báu mãi mãi mà không hại tới bản thân. Những người đã tìm được nguồn gốc đại phước báu này, họ không đi làm pháp hội tụng kinh, không tụng niệm gõ gõ, đánh cốc cốc keng keng, vì đó là việc làm của Ma Vương, không phải Phật Thích Ca dạy. Chúa Giê-su cũng không dạy người ta làm những việc đó. Niệm chú làm gì? Vốn không có việc đó, sau khi Phật giáo kết hợp với các tín ngưỡng mê tín khác, mới biến thành như ngày nay. Cũng như Phật giáo truyền đến Tây Tạng thì thành Lạt Ma giáo, không còn thuần túy nữa.

Một Phật tử chân chính không cần làm những việc đó; một vị đã thật sự tìm được Bản Lai Diện Mục rồi, cũng không làm những việc đó. Quý vị có từng nghe nói Huệ Năng Đại Sư tụng kinh sáng, kinh chiều không? Có siêu độ chúng sanh không? Có khi nào thấy Bồ Đề Đạt Ma làm những việc đó không? Ngài chỉ quay mặt vào vách tọa thiền. Ngài Bách Trượng Đại Sư cũng vậy, Ngài có làm pháp hội tụng kinh gì không? Không có. Tôi cũng không hề nghe nói Phật Thích Ca tụng kinh sáng, kinh chiều, hay làm những việc hình thức náo nhiệt bên ngoài.

Nếu Phật Thích Ca có làm, có thể làm vì Ngài có lực lượng lớn. Chúng ta không thể làm được vì chúng ta vẫn chưa thành Phật, làm những việc này có ích gì? Nhưng thật ra Phật cũng

không phải lo những việc đó, Ngài chỉ cần ngồi một nơi, mà có thể làm rất nhiều việc. Ngài không cần phải đến một nơi nào, không cần niệm chú. Nếu Ngài muốn niệm thì mật niệm tại tâm. Bất cứ Ngài muốn làm gì cũng đều dùng lực lượng của Ngài, dùng hóa thân của Ngài đi làm. Cho nên chúng ta nói: *“Phật Thích Ca có trăm ngàn ức hóa thân, Ngài chẳng cần phải động tay.”* Tôi nói cho quý vị nghe, tôi không cần đi đâu, nhưng có người vẫn thấy tôi đến đó giúp đỡ họ, mà không phải là tôi xuống núi đi làm. Hôm nay tôi đến đây giảng kinh là thân thể thật của tôi đến giảng kinh. Bây giờ nếu quý vị đánh tôi, thể xác này cũng biết đau. Nhưng có lúc hóa thân đi làm việc chứ không phải xác thân này đi làm. Cho nên khi thật sự tìm được Bản Lai Diện Mục, cũng là cái mà chúng ta sau khi thành *“Đạo”*, thì không cần phải động tay. Lúc đó mới thật sự là độ chúng sanh. Nhưng cũng không phải độ chúng sanh, vì không có chúng sanh được độ. Lúc đó không có tâm phân biệt ta và chúng sanh. Việc gì cũng không nghĩ đến, tất cả đều làm bằng sự tự nhiên. Cho nên Lão Tử nói: *“Làm mà không làm”*, là ý nghĩa đó, phải như là: *“Tác nhi bất tác, vi nhi bất vi”*.

Vừa rồi, tôi có nói qua về một vị Minh Sư sau khi vãng sanh, thường thường nổi tiếng hơn lúc còn tại thế. Tại vì Ma Vương sẽ lợi dụng tên của vị đó để tiến hành kế hoạch phá hoại, tạo ra một loại tôn giáo, xen giả lý vào, để cho chúng sanh tưởng rằng như vậy mới là Phật giáo. Rốt cuộc vẫn còn trong luân hồi sanh tử, vẫn còn làm công nhân của Ma Vương, như vậy Ma Vương rất hoan hỷ, sẽ cho chúng ta có một loại tôn giáo đặng an ủi, làm thỏa mãn sự khát vọng cầu Chân Lý của chúng ta.

Vì có nhiều người muốn tìm Chân Lý, nhưng không biết đi đâu tìm? Tìm như thế nào? Cho nên có người bảo họ đi lạy Phật, làm như vậy sẽ giải thoát, họ nghe rất mừng, tưởng thật. Vì Phật Thích Ca tuy đã qua đời hơn hai ngàn năm nhưng còn rất nổi tiếng. Nếu không nương nhờ vào Ngài thì phải nương nhờ ai?

Đây là mưu kế của Ma Vương, không muốn chúng ta tìm được “*Phật Tánh*” chân chính ở trong tâm của chúng ta. Nó muốn chúng ta tìm Phật bên ngoài, làm những việc sai lầm. Sau này chúng ta sẽ tự an ủi mình, tưởng rằng mình là người có đạo tâm; ngày ngày tụng kinh sáng, kinh chiều, tu hành tốt đẹp, mà không rõ đó là mưu kế của Ma Vương, còn trong Tam Giới. Nếu quý vị làm như vậy nữa, cho dù một ngàn vạn ức năm cũng không thể giải thoát!

Con người có rất nhiều phước báu, nếu thành tâm, thành ý cũng chỉ đi đến thế giới Thứ Hai mà thôi, không thể tới thế giới Thứ Ba được, lại càng không thể nói tới việc thoát ly Tam Giới. Thế giới Thứ Hai và thế giới Thứ Ba vẫn còn trong phạm vi của Ma Vương, vì thế giới đó còn nằm trong Tam Giới. Cơ thể của chúng ta, đầu óc chúng ta đều được hình thành từ trong Tam Giới. Ra ngoài Tam Giới, không có thân thể, không có trí óc, không có mắt, mũi, tai, thân, ý. Tất cả đều không cần thiết. Ở đây chúng ta dùng quá nhiều công cụ. Càng nhiều công cụ càng phiền phức. Không có đầu óc thì tốt hơn. Nhưng ở thế giới này là phải dùng tới thân thể và đầu óc, không có thân thể này chúng ta không cách nào sống được.

Cho nên nếu chúng ta muốn độ chúng sanh, muốn niệm chú để độ chúng sanh, muốn siêu độ hồn ma, trước nhất là chúng ta nên thành Phật, nên tìm Phật tâm của chúng ta, tìm đại lực lượng của chúng ta, lực lượng nguyên thủy, Bản Lai Diện Mục của chúng ta. Như vậy chúng ta mới có thể cứu chúng sanh cũng như Chư Phật đã và đang cứu vậy. Có người bảo rằng có loại chú có thần lực, họ bắt ấn nào cũng có thần lực. Rồi chúng ta cũng theo họ bắt ấn, rót cuộc lại không hữu ích.

Cho nên một vị Minh Sư chân chính không dạy chúng ta những thứ rắc rối này. Ngài sẽ dạy chúng ta trước tiên hãy tìm cho được Bản Lai Diện Mục của chúng ta, tìm được Phật tâm của chúng ta trước, rồi sau đó mình muốn làm gì cũng được. Bởi sau

khi có “*Phật lực*” rồi thì việc gì cũng làm được, bất cứ người nào cũng có thể cứu được, bất kể ở đâu cũng có thể dùng hóa thân đi độ chúng sanh, không phải cực nhọc như bây giờ. Ngày ngày niệm kinh sáng hai tiếng, niệm kinh chiều hai tiếng đồng hồ, bắt ấn tay. Những thứ này không giúp ích chi mà chỉ tự hại mình. Bận đông bận tây, không có thời giờ tu cho đúng, không có thời giờ tìm Bản Lai Diện Mục của mình, lại còn uổng phí lực lượng, uổng phí những phước báu nhỏ từ tiền kiếp của chúng ta. Sau này chúng ta không còn gì, lia đời “*không không*”, tái luân hồi sanh tử, làm ma, làm quỷ, làm súc sanh, làm người ngu dốt, làm người nghèo, như vậy có phải là đáng thương không?

Có được thân thể này thì nên tu hành cho mau. Thành Phật có thể độ vô lượng, vô biên chúng sanh, hằng hà sa số chúng sanh, chứ không phải chỉ độ một nhóm hồn ma, hay độ một đoàn thể nhỏ mà thôi. Tất cả thiên đạo đều có thể độ, có thể độ quỷ, cũng có thể độ người, cho nên gọi là: “*Thiên nhân đạo sư, tứ sinh từ phụ.*”

Cũng như tôi đã từng kể chuyện về vị hoàng tử. Vị quan lớn mới cho vị hoàng tử đó một chút tiền để dùng, cho một số áo để mặc, cho một con ngựa. Nhưng vị hoàng tử đó không lấy. Vị hoàng tử đó không chịu dùng số tiền nhỏ đó, cũng không lấy con ngựa và mang hết đi cho người khác. Vị hoàng tử đó không nghĩ rằng trước tiên nên dùng số tiền này, y phục này, cưỡi ngựa này, mới có thể trở về, trở về nơi hoàng cung của mình; sau đó trở thành quốc vương. Trong cung có rất nhiều tiền, lúc đó cho chúng sanh cũng không muộn.

Lúc vị quan lớn tới, không mang theo nhiều tiền để cho vị hoàng tử, chỉ đưa cho vị hoàng tử một, hai bộ y phục để mặc, một ít tiền để chi dùng trên đường đi đến hoàng cung. Vị hoàng tử có thể dùng số tiền này trước. Không phải vị hoàng tử đó ích kỷ, không lo cho người khác, mà là vị đó cần dùng số tiền ấy để về tới hoàng cung. Về được hoàng cung rồi, cần bao nhiêu tiền

bạc để bỏ thí cho chúng sinh, đều không thành vấn đề. Cho nên đừng dùng đầu óc để suy nghĩ, cũng đừng nên nghe người khác nói quá nhiều, đừng xem người ta làm gì rồi chúng ta bắt chước làm theo. Chúng ta nên suy nghĩ, làm như vậy có ích lợi không? Ích lợi nhiều hay ít? Ích lợi đó hữu hạn hay vô hạn? Nên làm như thế nào mới được ích lợi tối đa, tránh được chướng ngại tối thiểu?

Khi chưa xuất gia, tôi cũng đi giúp đỡ nhiều người. Đây không phải là để kể lễ “*công lao*” cho quý vị nghe. Lúc đó đồng bào Âu Lạc của tôi gặp rất nhiều khó khăn khi tới nước Đức, không ai vừa biết nói tiếng Đức, tiếng Anh và tiếng Pháp. Cũng có một số người biết, nhưng tiếng Đức thì hầu như rất ít ai biết. Tôi giúp họ thông dịch. Mỗi ngày làm việc từ bảy giờ sáng tới mười một giờ khuya, có lúc không có thời giờ ăn cơm, vừa đi vừa ăn bánh mì. Những lúc ấy, tôi hầu như quên chính bản thân mình, hoàn toàn nghĩ về họ. Có lúc tôi rất nhức đầu, nhưng vì họ đau răng, đau bụng, cho nên tôi vẫn cứ phải nhịn đau, dẫn họ đi bác sĩ, sau này quên luôn cơn nhức đầu của mình. Bác sĩ cho tôi thuốc, tôi không có thời giờ uống, và cũng quên uống luôn; nhưng khi hết lòng đi lo cho người khác, chứng nhức đầu cũng hết luôn. Có lúc suốt ngày không ăn, rất cực nhọc.

Trước đó, tôi có ý muốn xuất gia. Nhưng vì lúc đó có nhiều nạn nhân, tôi nghĩ rằng xuất gia không giúp ích gì, ngày ngày chỉ niệm Phật và tu hành, không giúp ích gì cho họ, tôi thà đi giúp các nạn nhân còn tốt hơn, còn có ích hơn. Lúc đó, tôi không thấy xa, chỉ thấy trước mắt có nhiều người gặp khó khăn, cần sự giúp đỡ, cho nên cả ngày chỉ đi giúp đỡ, không có thời giờ đọc kinh. Nhưng sau đó càng giúp đỡ thì càng nhiều người đến. Sau này làm việc ở hội Hồng Thập Tự, càng gặp nhiều nạn nhân bất hạnh, không những người Âu Lạc mà còn có người châu Phi, người A Phú Hãn, v.v... vì đây là tình trạng của quốc tế, cho nên càng lúc gặp càng nhiều người. Sau đó, tôi nghĩ rằng nếu không giúp được họ thì sao đây? Lúc đó, tôi nghĩ đến Phật Thích Ca có nói: “*Xuất*

gia là công đức lớn nhất, có thể thành Phật; sau khi thành Phật có thể giúp đỡ được nhiều chúng sanh. Lực lượng của người phàm phu thì có hạn, không thể giúp quá nhiều người được.” Bởi vậy tôi quyết tâm xuất gia.

Tôi cũng từng đi qua nhiều chùa xem. Xuất gia cũng không có nghĩa gì, mỗi ngày đều tụng kinh sáng và kinh chiều, ấn tay, ấn đầu, ấn chân. (*Mọi người cười.*) Tôi không thấy có linh hồn nào tới ăn, cũng không thấy chúng sanh được ích lợi gì. Việc kinh sáng và kinh chiều này lúc còn nhỏ tôi đã học qua rồi; đọc kinh cũng rất nhiều, từ nhỏ đã đọc kinh Phật rồi. Cho nên tôi nghĩ làm vậy không được. Thấy trong Kinh Lăng Nghiêm đệ tử của Phật có rất nhiều thể nghiệm. Thấy trong Kinh Pháp Hoa, Phật Thích Ca đề cập rất nhiều cảnh giới, sẽ nghe được âm thanh gì. Bồ Tát tu hành có thể nghe được nhiều âm thanh mỹ diệu. Cũng có âm thanh của Phạm Thiên, mắt có thể thấy được Phạm Thiên. Còn có các loại ánh sáng. Tôi thấy tại sao mình tu hành cho đến nay không thấy gì cả? Cũng không nghe được âm thanh mỹ diệu nào.

Không vừa ý, tôi nghĩ tu như vậy không được, nên mới quyết định đi tìm “*Minh Sư*”. Tôi nhất định muốn thấy được ánh sáng và cảnh giới mà Phật đã nói đến, và cũng nhất định muốn nghe được những âm thanh mà Phật có đề cập đến. Một tí ti cũng được. Không phải là tôi tham lam, không phải tôi muốn lập tức thành Phật, hay là muốn lập tức thấy được cả vũ trụ. Nhưng cho tôi có một chút ấn chứng và thể nghiệm như trong kinh Phật nói, để tôi an tâm, và chắc chắn rằng con đường mình đi là “*chánh đạo*”, chỉ cần nương theo con đường thì nhất định có thể về đến nhà.

Giả sử không thấy được bất cứ thể nghiệm nào, thì tôi không biết con đường này có đúng thật là có thể về đến nhà, hay lại là con đường ngoại đạo. Trên đường về nhà nên có những dấu hiệu đặc biệt gì. Ví dụ như, ở ngoài Phật đường này có một chiếc cầu lớn, chỉ cần thấy dấu hiệu đó, thì biết rằng mình đi đã gần tới Phật đường.

Những thể nghiệm đề cập trong Kinh Lăng Nghiêm, tôi không có; rồi thể nghiệm đã từng đề cập trong Kinh Pháp Hoa, tôi cũng không có luôn. Kinh Phổ Môn nói: “*Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, nếu chúng ta vào trong lửa, lửa cũng không thiêu.*” Quý vị hãy thử xem, quẹt một cây diêm, lấy ngón tay để trên lửa, vừa đốt, vừa niệm Quán Thế Âm Bồ Tát xem có bị phỏng hay không. Chỉ cần thử một ngón tay thôi, đừng để cả cánh tay. Cho nên tôi nói không được, không được, không thể gạt người. Lúc ấy tôi muốn tự mình chứng nghiệm, nhưng không có cách nào cả. Hồi xưa, tôi không biết bơi, nhưng trong Kinh Phổ Môn có nói: “*Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, rớt xuống nước sẽ được nổi lên.*” Tôi rớt xuống nước thì bị chìm, lúc ấy nếu không ai tới cứu tôi, tôi đã vãng sanh rồi.

Tôi nói: “*Như vậy không được*”, phải có một chút ấn chứng thì tôi mới có thể tiếp tục tu hành. Ít nhất để tôi tin một chút. Nếu cái gì cũng không có, đợi tới lúc vãng sanh, nếu Phật A Di Đà tới vớt thì tốt, nếu không tới rước, thì tôi phải làm sao đây? Ví dụ bây giờ tôi chỉ cần một ít tiền, đủ dùng là được. Nếu bây giờ không có tiền, đợi đến khi tôi vãng sanh, lúc đó dù ông chủ cho tôi một ngàn vạn ức cũng vô dụng, và có lẽ ông chủ không cho nữa kia.

Cho nên lúc ấy tôi đi tìm Minh Sư, tìm được một vị Minh Sư có thể cho tôi chút thể nghiệm thật sự. Những thể nghiệm trong kinh điển, tôi cũng sẽ có. Tuy nhiên không phải trong vòng một ngày thì có tất cả thể nghiệm, chỉ cần một chút là đủ rồi. Tại vì tu hành cần thời gian lâu dài chứ không phải một ngày là lập tức thành Phật. Phật Thích Ca cũng phải tu sáu năm. Cho nên chỉ cần có một chút gì đó cho chúng ta ấn chứng, để chúng ta an tâm. Nhưng không phải vì có các chứng nghiệm này chúng ta mới an vui; sau khi có thể nghiệm, đẳng cấp của chúng ta sẽ khác, chúng ta sẽ đạt đến đẳng cấp an vui vì chúng ta đã cải biến rồi.

Cũng như vị quan sau khi tìm được hoàng tử rồi, rất có thể trong tâm của vị hoàng tử không có cải biến gì nhiều, nhưng bề

ngoài đã hiện rõ sự khác biệt, vị hoàng tử đó mặc áo tốt, có tiền để dùng, có ngựa để cưỡi, có rất nhiều người hầu hạ. Tất cả đều khác hẳn với lúc trước. Đợi tới khi vị hoàng tử về đến cung điện, sẽ trở thành người như thế nào? Quý vị cũng đoán được. Cho nên ít nhất phải có áo của hoàng tử cho chúng ta mặc, có một chút tiền cho chúng ta dùng, nếu không, đợi chúng ta vãng sanh, cho dù biến thành hoàng tử cũng vô dụng, và lúc đó chắc gì mình đã biết mình là hoàng tử chưa!

Tôi đã tìm được sự an vui đó, cho nên cũng muốn chia cho quý vị. Một vị đại quan đi thông báo, vị đó không cần phải là quốc vương. Người thông báo không thể biến quý vị thành hoàng tử, mà chỉ thông báo cho quý vị biết mà thôi, nói cho quý vị rõ quý vị là hoàng tử, quý vị tự đi tìm hoàng cung của mình, rồi về làm quốc vương. Theo tôi học cũng như vậy, trách nhiệm của tôi là để nói cho quý vị biết mà thôi, cho nên đừng nên chú ý bề ngoài của tôi, hoặc hành động, và cách ăn uống của tôi như thế nào? Tôi nói như vậy quý vị có hiểu chăng? Điều đó không có quan trọng gì, và cũng không ảnh hưởng đến địa vị của quý vị trong thế gian này, tôi chỉ đến đây để nói cho quý vị biết địa vị của quý vị là cao quý nhất trên thế giới. Nếu quý vị muốn tìm lại Bản Lai Diện Mục của mình, tôi có thể dẫn quý vị đi tìm.

Cho nên theo một vị thầy để học, chớ nên phê bình hành động của người thầy đó, đừng xem bề ngoài của vị thầy đó, đừng xem người thầy đó làm việc gì. Xem người thầy ấy như một vị đại quan được phái tới là được rồi, dẫn quý vị đi về, để cho quý vị khôi phục địa vị của quý vị. Cho nên quý vị chỉ cần theo vị thầy đó đi là được rồi, đừng nên để ý việc làm của người thầy đó, xem áo quần của người thầy đó có đẹp không? Đi chậm hay nhanh? Những việc này không liên quan gì đến quý vị, quý vị chỉ cần theo vị thầy đó đi là đủ rồi.

Nhưng rất nhiều người lầm lẫn, tới tìm một người thầy chỉ xem bề ngoài của vị đó có trang nghiêm không? Họ không chịu

học theo một ni cô, chỉ muốn theo học một vị nam nhân hoặc tì kheo mà thôi; hay là gặp một vị sư tăng nhỏ thấp thì không thích, chê vị đó nói chuyện không rành, hay là tánh của vị đó nóng nảy, và không ưa thích vị đó, không hợp với mình, mình cũng không thích, v.v... nhưng những việc này không có quan hệ gì đến Bản Lai Diện Mục của chúng ta; không nghe lời của vị sư tăng, vị đó cũng chẳng cần đến mình.

Vì trước khi ra độ chúng sanh, các vị thầy đó đã biết con đường tu hành không dễ đi, chúng sanh khó độ, sẽ có rất nhiều khó khăn, họ đã biết rồi, nhưng họ vẫn đòi đòi kiếp kiếp tới độ chúng sanh. Vì chúng sanh đều là thân nhân của chúng ta, giả sử cha mẹ, anh chị em của chúng ta làm sai việc, họ vẫn còn là thân nhân của chúng ta, chúng ta vẫn còn thương yêu họ, giúp đỡ họ, cứu họ, có phải như vậy không? Chứ không phải trong nhà có một đứa con hư, thường nổi giận, không nghe lời, cho nên chúng ta đem vứt nó đi, có phải không? Không, chúng ta vẫn ngày ngày lo lắng cho nó, cho nó ăn đầy đủ, nó đói vẫn nấu cơm cho nó ăn, nó không có áo quần mặc thì lấy áo quần cho nó mặc. Có lúc nó còn chửi rửa chúng ta; tuy không ưa thích, nhưng chúng ta vẫn tiếp tục lo lắng cho nó như cũ.

Trong xã hội, có nhiều người nói chuyện ngọt ngào, rất khách sáo nhu hòa, nhưng họ có giúp đỡ chúng ta tìm được Bản Lai Diện Mục của chúng ta không? Không. Cho nên lời nói ngọt ngào và khách sáo, không quan hệ gì đến tu hành. Chúng ta đừng xem bề ngoài của con người. Thầy tốt, thầy xấu, đều là nghiệp chướng của chúng ta. Nếu không có nghiệp chướng thì cũng chỉ là cá tánh của người thầy mà thôi. Người thầy cũng không vì một hai người mà thay đổi cá tánh của mình. Nếu như đối với người này thay đổi được, có thể rất hợp ý, nhưng đối với người khác có thể không ưa thích, làm sao cho vẹn toàn được? Vị thầy không thể làm vừa lòng tất cả mọi người, có đúng không?

Cho nên chúng sanh thật khó độ, không những phải chiến đấu với các tập quán bất đồng của chúng sanh, mà còn phải chiến đấu với những ý thích của chúng sanh nữa. Có người thích tôi mặc y phục màu vàng, có người thích tôi mặc màu đỏ, người khác lại thích màu xanh, mua rất nhiều y phục cho tôi mặc. Nếu như tôi không mặc, họ không vui. Mua thứ này cho tôi ăn, nếu tôi không ăn, thì họ cho rằng tôi không thích họ, không chiếu cố đến họ. Tu hành đừng cố chấp như vậy, cho nên có nhiều người nghiệp chướng quá nặng, theo học một thời gian nhận thấy tánh tình của tôi hình như không thích hợp với họ, nên họ đi mất. Như vậy là tự hại mình. Tôi không có cách nào mà một mình có thể làm hài lòng tất cả chúng sanh?

Khi nuôi loài vật cũng vậy. Có người thích chim. Nhưng người láng giềng rất ghét chim. Chim hót cả ngày, nên họ muốn dùng thuốc độc để cho chim câm miệng, nhưng vì người chủ quá ưa thích, cho nên không có cách nào. Quý vị muốn tu hành, thì cần phải tu hành chân chính, đừng nên nhìn bề ngoài của vị thầy. Vị thầy hướng dẫn mà thôi, chứ không phải là “Đạo”. Cái thân này, đầu óc này, thế giới này, xã hội này là phải như vậy, không thể cải biến được.

Nếu tìm được một vị Sư Phụ thật như vậy, thì phải cố gắng tọa thiền. Sau một thời gian có thể thấy vị thầy bên trong xuất hiện, sẽ đưa chúng ta đến cảnh giới cao học Chân Lý. Như vậy mới là một vị Sư Phụ tốt. Nếu có thể nhận thức Chân Lý, thì không bị các quan niệm hay tập quán của xã hội này ràng buộc. Tu hành lâu rồi có thể nhìn thấy Minh Sư trong tâm của mình. Vị Minh Sư trong tâm chỉ riêng mình mà thôi. Trên thế giới này, vị Sư Phụ phải dùng thân xác để chỉ dạy cho nhiều chúng sanh, nên mọi người có tánh tình khác nhau, và cá tánh của vị thầy cũng khác nhau, không chỉ đặc biệt đối xử một người nào đó, để làm vừa lòng mình mà thôi.

Phật Thích Ca không thể làm hài lòng tất cả chúng sanh. Chúa Giê-su cũng vậy, cho nên Ngài đã bị đóng đinh trên thánh giá. Nếu mọi người đều ưa thích một người vĩ đại như Chúa Giê-su thì Ngài đã không bị đóng đinh chết, mặc dù Ngài có rất nhiều phép thần thông biến hóa rất thần kỳ diệu ảo, có thể trị bệnh, làm cho người chết sống lại, biến nước thành rượu, hóa phép thành thức ăn cho mọi người dùng. Người tài giỏi như vậy, nổi danh như vậy, sau cùng vẫn bị chúng sanh đóng đinh mà chết.

Cho nên quý vị đừng nên nhìn vào tôi mà hãy tự tu hành là đủ. Tôi ấn chứng cho quý vị, để quý vị có thể nghiệm đầu tiên để quý vị tin, sau này quý vị tự tu là được, đừng nhìn bề ngoài của tôi, vì nó không liên quan đến sự giải thoát.





2

Âm Thanh Siêu Thế Giới

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Bành Hồ, Formosa**

Ngày 24 tháng 4 năm 1987

Quý vị trí thức, bạn hữu, tuy chúng ta mới chỉ gặp nhau lần đầu, nhưng theo nhân quả của Phật giáo thì chúng ta là bạn tốt; vì đời trước đã làm bạn với nhau rồi, nên bây giờ gặp lại quý vị tôi rất mừng, không biết quý vị có mừng không. *(Mọi người đáp: Có.)*

Theo cách nói của Phật giáo, xem như chúng ta có duyên với nhau. Có duyên là gì? Tức là các kiếp trước chúng ta có quan hệ như thế nào đó với nhau. Bởi vì chúng ta là người đã luân hồi nhiều lần. Đời đời, kiếp kiếp chúng ta có rất nhiều bạn, thân nhân, chồng vợ, v.v..., cho nên bây giờ quý vị tới đây, chúng ta không phải là người lạ, bất quá chỉ thay đi một cái áo mà thôi. Đây *(Thanh Hải Vô Thượng Sư tự chỉ vào mình)* là một loại y phục, người chủ chính là người ở bên trong của chúng ta, chứ không phải cái nhục thể này. Tại vì mỗi lần ra đời đều mặc áo khác nhau, cho nên trở thành không quen biết nhau. Nhưng nếu như chúng

ta tu hành nhiều, có thể thấy được quá khứ, hiện tại, tương lai, chúng ta sẽ biết chúng ta đều có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Trong số những người đến đây nghe kinh, có đại biểu và tín đồ của các tôn giáo khác nhau, có tín đồ của Thiên Chúa giáo, tín đồ của Lão giáo, quý vị có lẽ không tin nhân quả chăng? Tôi muốn nói với quý vị rằng, thật ra Chúa Giê-su cũng có nói đến “*nhân quả*”, trong Thánh Kinh Ngài có nói: “*Ta tức là hóa thân hay là tái sinh của những vị đại sư quá khứ kia.*” Ngài còn nói: “*Các vị đại sư thường hóa thân ở chung với quý vị nhưng quý vị không nhận biết.*” Ý Ngài rất rõ rệt, tức là nói tới nhân quả luân hồi. Ngài lại nói: “*As you sow, so shall you reap*”, ý nói là “*trồng cây nào thì được quả đó*”. Đó không phải là nhân quả thì là gì? Những lời đó trong giáo lý nhà Phật cũng có.

Trong Đạo Đức Kinh cũng có đề cập đến nhân quả, nhưng vì cổ văn khó hiểu cho nên rất có thể quý vị không hiểu biết; nếu xem cho kỹ thì sẽ hiểu được. Ví dụ như Lão Tử nói: “*Đạo vốn là trung lập, nhưng nó sẽ ngã về người lương thiện.*” (Đạo Đức Kinh, trang 79: “*Thiên Đạo Vô Thân, Thường Dĩ Thiện Nhân*”) Ý nghĩa đó cũng chỉ nhân quả bởi vì chỉ có người tốt mới được giúp đỡ và được phước. Hàm ý nói: “*Có nhân thì có quả.*”

Cho nên nếu chúng ta suy nghĩ sâu xa, thì sẽ hiểu được rằng bất cứ tôn giáo nào cũng đều nói giống với đạo lý mà tôi đã nói, không gì khác cả. Hội giáo cũng vậy. Nhưng mục đích của ngày hôm nay không phải để bàn luận về tôn giáo, cho nên chúng ta sẽ không bàn sâu về vấn đề này.

Vì sao trước tiên tôi phải nói các tôn giáo thật ra đều như nhau? Vì nếu không đề cập đến điểm này, thì hôm nay có vài người đến nghe kinh sẽ tưởng rằng tôi đến đây là để khuyên quý vị thay đổi tín ngưỡng tôn giáo, trở thành Phật tử. Không phải vậy, tôi không có ước vọng này, quan niệm của tôi là bất cứ ai cũng là tín đồ của Phật giáo, chỉ có danh từ khác nhau mà thôi. Tôi cho rằng Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo (Đạo giáo),

Hồi giáo đều rất tốt. Nhưng chỉ có một điểm tôi không đồng ý lắm là ngày nay tín đồ của Phật giáo, tín đồ của Thiên Chúa giáo, tín đồ của Hồi giáo, v.v..., đa số đều hiểu lầm giáo lý của Giáo chủ họ, cho nên mới sinh ra nhiều giáo phái, nhiều tranh luận. Trong một tôn giáo đã có nhiều giáo lý khác nhau, tranh luận không ngừng, còn sự xung đột giữa các tôn giáo thì khỏi nói. Điều đó làm cho tôi cảm thấy rất buồn.

Bởi sau khi một vị Giáo chủ lia khỏi thế giới này, không có cao đồ để hậu truyền Chân Lý, cho nên các tín đồ chia thành phe nhóm và lập riêng giáo phái của họ, và cũng vì vậy mà Chân Lý của giáo phái bị thay đổi và diễn biến cho đến hôm nay. Chúng ta nghĩ rằng các tôn giáo đều khác nhau, thật ra tất cả các tôn giáo đều phát xuất từ một nguồn. Nếu chúng ta thật sự hiểu biết giáo lý của các vị Giáo chủ, thì sẽ biết rằng giáo lý của các giáo phái đều là một. Tôn giáo có thể khác nhau, nhưng pháp môn tu hành vốn đều như nhau.

Ý tôi muốn nói là, bất cứ tin tôn giáo nào, đều có thể tu Pháp Môn Quán Âm, tại sao vậy? Tại sao nên tu Pháp Môn Quán Âm? Không tu được không? Đương nhiên là được. Không tin tôn giáo cũng được, tại sao không tu không được? Nhưng nếu chúng ta suy nghĩ về bản thân và thế giới này, thì sẽ thường tự hỏi: *“Tôi từ đâu tới? Chết rồi đi về đâu? Tại sao tôi tới thế giới này làm người? Làm người khổ như vậy, không làm người có được không? Ngoài thế giới này ra, còn có thế giới nào tốt đẹp hơn thế giới này không? Tôi có thể có quyền tự do chọn lựa không? Muốn rời khỏi thế giới này để đi cảnh giới khác thì được như ý, tôi có thể làm được chuyện đó không? Và không bị sanh tử bó buộc không?”*

Nếu chúng ta có những thắc mắc như trên, thì chúng ta phải đi tìm một vị có thể giải đáp câu hỏi của chúng ta. Cho nên đa số mọi người, đều đi tìm người lãnh đạo của một tôn giáo. Ví dụ, tín đồ Thiên Chúa giáo thì đi tìm cha xứ hay là ma-sơ, tín đồ Phật giáo đi tìm các vị tăng ni hoặc Bồ Tát tại gia để theo họ học hỏi.

Nhưng cho dù chúng ta tìm gặp những người đó, vẫn không tìm được giải đáp mãn ý. Có người đến nơi khác để tìm câu giải đáp khác. Có thể vì duyên may sẽ đưa chúng ta đến gặp một vị thầy, người được gọi là thiện trí thức hay là bậc Minh Sư khai ngộ. Chúng ta muốn theo Ngài học bởi vì bậc Thầy này có thể giải đáp được các câu hỏi rất rõ ràng và sẽ giúp cho chúng ta khai ngộ các vấn đề đó.

Nếu như mình có thắc mắc về vấn đề sanh tử, và ước vọng được giải đáp, thì nên tu Pháp Môn Quán Âm, nên tìm một vị thiện trí thức có thể truyền cho mình “*Pháp Môn Quán Âm*”. Pháp Môn Quán Âm là chìa khóa độc nhất vô nhị, có thể giải đáp tất cả vấn đề sanh tử và cả vũ trụ. Chúng ta phải tự tìm câu trả lời qua sự tu hành “*Pháp Môn Quán Âm*”. Phải tự mình tìm ra giải đáp, không phải chỉ nghe người khác nói mà thôi, cũng không phải chúng ta muốn lia thế giới này liền được như ý, không phải muốn đến các cảnh giới khác để du lịch thì có thể tùy tiện đi bất cứ lúc nào. Trước nhất cần phải tìm được một pháp môn tối cao, ngày ngày tu hành, sau này chúng ta mới được tự tại, được giải thoát, muốn đi đâu thì đi. Cũng như chúng ta có đủ tất cả những điều kiện cần thiết để xin giấy thông hành để có thể tự do đi bất cứ nước nào, không nhất định phải vĩnh viễn ở tại Formosa. Sau khi tu hành Pháp Môn Quán Âm chúng ta có thể biết mình từ đâu đến, sau khi lia đời sẽ đi về đâu?

Ngày thường nếu không có nghịch cảnh chắc không có vấn đề, nhưng gặp lúc sanh bệnh, hay có thân nhân vãng sanh, chúng ta sẽ cảm thấy rất yếu đuối và vô dụng, không có một chút sinh lực để có thể giúp chính mình và thân nhân. Muốn cứu họ sống lại, lại không cứu được; cha mẹ chúng ta chết đi, không ai có thể cứu được, tự họ không muốn chết cũng không được, tới giờ rồi thì bất cứ là ai, bất luận giàu nghèo đều phải lia thế giới này. Lúc đó không có quyền lựa chọn, cho nên rất đau khổ. Trong lòng lưu luyến thân nhân vô cùng, nhưng không thể ở lại.

Trừ khi lúc còn sống mình đã theo một vị Minh Sư tu hành Pháp Môn Quán Âm. Dù ban đầu mình tu hành chưa đủ lực lượng, khi vãng sanh mình cũng không thể tự tại mà đi, Minh Sư sẽ lại dẫn mình đi đến nơi vĩnh cửu thường hằng. Sau khi tu Pháp Môn Quán Âm thành tựu rồi, mình muốn cứu người nào cũng được; sau khi lia trần, nếu muốn trở về thế giới này giải cứu những chúng sanh khốn khổ cũng được. Lúc đó mình là người tự tại, hoàn toàn có quyền độc lập tự chủ, muốn đến thì đến, muốn đi thì đi. Cho nên Pháp Môn Quán Âm là pháp môn bất khả tư nghị, độc nhất vô nhị, đó là lực lượng của tạo hóa, là lực lượng tối cao, vĩnh viễn tồn tại.

Lúc thường nếu không tu hành, thấy thân nhân của chúng ta lia đời, chúng ta sẽ tự hỏi: “*Vì sao họ phải đi? Vì sao không phải người khác mà là họ?*” Chúng ta rất muốn biết giải đáp. Làm người thật chán, không làm được gì, ngày ngày ăn cơm, làm việc, ngủ, rồi sống qua ngày, sáu mươi năm, nhiều lắm là một trăm năm thì phải chết, không hiểu tại sao phải như vậy, bởi thế chúng ta cần phải giải thoát, phải khai ngộ.

Khai Ngộ là gì? Ngộ là minh bạch, muốn biết rõ những vấn đề như: Tại sao phải làm người? Vì sao thế giới này đau khổ như vậy? Vì sao có chiến tranh? Vì sao thế này? Vì sao thế kia? Đa số tín đồ Thiên Chúa giáo nếu có thắc mắc về vấn đề đó thì họ sẽ đi giáo đường, hát chung với ông cha hay ma-sơ, cầu Thượng Đế giúp đỡ, hay đọc Thánh Kinh; họ chỉ làm được như vậy thôi, không còn cách khác. Đương nhiên, như vậy đối với tinh thần của chúng ta cũng có giúp ích, có thể an ủi sự đau khổ đầy khát vọng, có lúc cũng có một chút cảm ứng, vì lúc chúng ta có bệnh hay đau khổ chúng ta cầu nguyện thành tâm hơn, nên tình trạng có biến chuyển chút ít, cho chúng ta dễ chịu một chút.

Còn tín đồ Phật giáo thì đa số cũng vậy: Đi chùa lễ bái, tụng kinh sáng, kinh chiều, niệm chú, niệm Phật A Di Đà, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, gần như đều như vậy. Còn bậc pháp sư cao hơn

một chút có lẽ sẽ dạy chúng ta tọa thiền, tham công án, dạy mình tự hỏi ngược lại mình “*Ta là ai?*” Đó tức là tham công án hay thoại đầu. Nếu mình đã biết được mình là ai thì cần gì phải đi tìm Minh Sư để hỏi? Có phải vậy không? Nhiều người sau khi tham công án rồi, cũng không có kết quả, vẫn không biết được mình là ai.

Ví dụ, bây giờ có một người bị khát nước và sắp chết, người đó xin mình cho họ uống nước. Không những mình không cho họ nước còn bảo họ tự hỏi “*Nước là gì?*”, “*Nước ở đâu?*”, hoặc là “*Đừng có để ý đến nước, xả bỏ đi, đừng nên nghĩ đến nước, khát kệ nó!*” Như vậy với một người sắp chết khát có phải là quá tàn nhẫn hay không? Nhưng vị Minh Sư của Pháp Môn Quán Âm có thể đưa nước cho người sắp chết khát uống, họ còn chỉ cho biết chỗ để tìm nước uống. Mình không cần ngày ngày phải nhờ Minh Sư cho nước uống, tự mình cũng có thể tìm được nước, cũng có thể dùng nước để cứu những người khát nước khác. Đó là kết quả khẳng định mà tu Pháp Môn Quán Âm có thể đạt được. Tham công án dù cho có nỗ lực lắm, cũng chưa chắc có thể nghiệm gì, kết quả gì. Tu các phương pháp khác cũng có thể có các thứ thể nghiệm. Những thể nghiệm này vẫn chưa hẳn là cao tuyệt, thí dụ như thấy được ánh sáng của cảnh giới Thứ Hai, cảnh giới thấy được vẫn còn thuộc thế giới của đẳng cấp trí thức, tức là còn thấp. Điểm đó nếu chúng ta tham khảo kinh điển của các tôn giáo, thì sẽ hiểu. Và lại không phải người nào cũng có thể tham công án, cho nên rất ít người có thể tu. Người muốn tu công án, trước nhất nên có nhiều hiểu biết về Phật pháp, nếu người nào không hiểu biết nhiều thì không thể tu. Thiền ngày nay khác với thiền ngày xưa. Nếu muốn tu thiền, cần phải khỏe mạnh, người có bệnh không thể tu; không thể ngồi xếp bằng thì thiền sư không thu nhận.

Ở Mỹ, tôi có gặp một vị gọi là “*thiền sư*”. Có người hỏi: “*Con không thể ngồi xếp bằng, không thể tọa kim cương, như vậy*

có thể học hay không?” Vị sư đáp: “*Không được*”. Người đó lại hỏi: “*Con ngồi trên ghế có thể tu hành không?*” Vị sư lại đáp: “*Không được.*” Cho nên chúng ta có thể thấy cách thiên của ngày nay không thích hợp cho đa số người tu hành trong thời đại này. Bởi vì có người không thể xếp bằng, không phải mỗi người sinh ra đều xếp bằng được, phải tập lâu lắm mới xếp bằng được. Nếu như chúng ta già rồi, hay đã gần trung niên, từ trước đến giờ chưa từng ngồi xếp bằng, bây giờ bảo ngồi xếp bằng, làm sao làm được? Tu hành không phải chỉ dùng “*thân*” tu hành, tu “*tâm*” mới là quan trọng nhất.

Chỉ vì lý do không thể ngồi xếp bằng mà không thể tu hành thì thật vô lý. Nếu là một pháp môn tốt thật sự thì người nào cũng có thể tu mới đúng, trẻ nhỏ cũng có thể tu. Trong nhóm đệ tử của tôi, có em vừa sáu tuổi, nhưng các em tu hành rất tốt, đạt được cảnh giới rất cao; người già cũng có thể tu, đệ tử lớn tuổi nhất của tôi hơn tám chục tuổi, tu hành cũng rất tốt, cũng có thể nghiệm, người có bệnh, tuy không thể ngồi xếp bằng, cũng tu được như nhau. Có một vị đến hỏi tôi, nếu không ngồi xếp bằng, có thể tu được không? Tôi đáp là được, rốt cuộc người đó cũng có thể nghiệm, trí huệ cũng mở. Không có người nào không thể tu được.

Cho nên bất cứ đi nơi nào, nếu không gặp được Minh Sư, thầy tốt, nhất định sẽ có chướng ngại. Có thiên sư không thu người lớn tuổi. Vị thiên sư mà tôi gặp ở Mỹ cũng không nhận người già, sáu mươi mấy tuổi đã không được nhận, không thể tham gia thiên thất và tọa thiên, nhưng vị sư ấy dạy người đó niệm Phật A Di Đà. Thật ra người lớn tuổi cũng có thể tu, không phải lớn tuổi chỉ có thể niệm Phật A Di Đà mà thôi.

Tuy rằng niệm kinh, niệm Phật cũng hữu dụng, hát Thánh Kinh hay cầu nguyện Chúa Giê-su, Đức Mẹ Maria, cũng hữu ích. Nhưng nếu muốn vĩnh viễn giải thoát, muốn được cảnh giới tối cao, vĩnh viễn không trở lại, làm như vậy vẫn còn chưa đủ, nên tu Pháp Môn Quán Âm. Nếu không phải vậy thì trong thời đại của

Phật Thích Ca, Ấn Độ cũng có nhiều kinh điển, tại sao Phật Thích Ca không chỉ nhờ niệm Phật hay tụng kinh là đủ? Sao còn phải cần nỗ lực tọa thiền như thế, khổ tu sáu năm, sau này còn nhấn mạnh bảo các đại đệ tử và chúng sanh nên tu Pháp Môn Quán Âm. Chúa Giê-su cũng như vậy, Ngài ra đời trong một gia đình tôn giáo, từ nhỏ đã ăn chay. Nếu chúng ta đã nghiên cứu cuộc đời của Chúa Giê-su thì sẽ biết, Ngài ra đời từ Essene Clan (*Ghi chú: một gia tộc tôn giáo*), loại tôn giáo đó, từ mấy ngàn năm nay đều ăn chay như gia đình Bà La Môn của Ấn Độ vậy, gia đình của Bà La Môn từ nhỏ cũng đều ăn chay. Chúa Giê-su đã ra đời trong một gia đình Essene Clan đồng thời cũng ăn chay, vì sao Ngài còn phải đi Ấn Độ tu hành khổ cực như thế, ở Hy Mã Lạp Sơn cầu “Đạo” tu hành mười mấy năm mới thành “Đạo”?

Cho nên tụng kinh, niệm Phật, cầu nguyện, ca hát, đọc kinh vẫn chưa đủ. Tụng kinh, lạy thầy, niệm Phật, lạy Phật có thể tiêu trừ một chút nghiệp chướng thô thiển, nhưng vẫn còn một thứ nghiệp chướng rất tinh tế, rất vi tế, ngay chính chúng ta không cảm thấy được, không thể dùng phương pháp nào mà tiêu trừ được, trừ khi tu hành Pháp Môn Quán Âm, dùng “âm lưu” vĩnh viễn thường hằng này để rửa sạch. Bằng không, chúng ta không có cách nào thoát khỏi sanh tử luân hồi. Cho nên tôi cứ nhấn mạnh “*nên tu Pháp Môn Quán Âm*”, ý nghĩa của nó là ở đó.

Bất luận chúng ta niệm danh hiệu gì, hay tụng kinh gì, đều vẫn thuộc về ngôn ngữ của thế gian, đồ vật của thế gian. Sử dụng công cụ của thế gian này, làm sao chúng ta có thể thoát khỏi thế giới này được? Có hiểu ý tôi không? Ví dụ như trên lục địa của đảo Bành Hồ, chúng ta nên dùng xe gắn máy, xe đạp, đi bộ cũng được nữa; nhưng nếu muốn đi Formosa thì phải băng qua biển, lúc đó chúng ta có thể sử dụng các công cụ giao thông trên lục địa không? Đương nhiên là không! Cho nên muốn đi Formosa, nên đi bằng cách ngồi máy bay hay ngồi thuyền, vì đó là những

dụng cụ dùng để vượt qua không gian: ngôi thuyền mới có thể qua biển, máy bay mới có thể xuyên qua không gian.

Cho nên, nếu chúng ta muốn thoát khỏi thế giới này, thì không thể sử dụng công cụ, và ngôn ngữ của thế giới này; hệ thuộc về “*thân, khẩu, ý*” đều là công cụ của thế giới này, công cụ của phàm phu. Niệm Phật A Di Đà hay Chúa Giê-su đều dùng ngôn ngữ của thế gian để niệm, kinh điển cũng là dùng ngôn ngữ của thế giới mà viết ra, dùng các thứ này đều là vô thường, dùng pháp môn vô thường đương nhiên vẫn còn trong vô thường.

Vì sao âm thanh quan trọng như vậy? Bây giờ, tôi giải thích thế giới phàm phu với chúng ta có ảnh hưởng gì, rồi sau đó mới so với ảnh hưởng bất khả tư nghị của siêu thế giới.

Chúng ta đều biết trẻ thơ lúc mới ra đời rất thích âm thanh, cho nên mỗi lúc nó khóc người mẹ sẽ ru, nó liền thôi khóc. Nếu nó khóc nữa, người mẹ sẽ rung cái lục lạc hay cho nó những đồ chơi có thể phát ra âm thanh, nó liền nín khóc.

Vì sao trẻ thơ thích âm thanh? Vì lúc còn trong bụng mẹ, nó tiếp nối với âm thanh vô hình của siêu thế giới, tiếp nối với “*Thượng Đế*”, “*Lực lượng Nguyên bản*” hay “*Phật lực*”, tức là lực lượng của “*Tạo Hóa*”. Bào thai trong bụng không ăn gì hết, trong đó không có không khí, không có mặt trời, và thân mình trở ngược mà cũng không chết; nó không phải là cá, nhưng có thể bơi trong nước; ở bụng mẹ, mà không bị chết ngạt; tuy không dùng thức ăn, nhưng vẫn trưởng thành rất mau. Nếu sau khi sanh ra mà có tốc độ trưởng thành cũng như trong bụng mẹ, thì nó sẽ cao lớn tới trần nhà rồi (*mọi người cười*), hiểu không!

Vì lúc còn trong bụng mẹ, nó đã ở chung với âm thanh siêu thế giới này, âm thanh này trường dưỡng nó, bảo hộ nó. Sau khi nó ra đời, âm thanh này đột nhiên bị cắt đứt khiến nó cảm thấy cô đơn, sợ sệt, đau khổ nên nó mới khóc. Không có một đứa nhỏ nào khi mới sanh ra là đã cười. Lúc quý vị chào đời khóc hay cười? (*Có người đáp: Đương nhiên là khóc.*) Đúng, phần nhiều

đều khóc, tại vì đã mất liên lạc với lực lượng dưỡng sinh này, cho nên nó cảm thấy rất là cô đơn, đau khổ; cái thân thể rất nhạy cảm của nó tiếp xúc với không khí của thế giới này cũng cảm thấy rất đau đớn, cho nên mới ra đời là khóc rồi. Nhưng vì nó không biết nói chuyện, nên chúng ta không biết đó thôi.

Khi trẻ sơ sinh nghe được những âm thanh gì, nó tưởng rằng đó là âm thanh trong bụng mẹ nên tạm thời cảm thấy an ủi, mới ngừng khóc. Có người tinh thần hơi yếu vào nằm bệnh viện, bác sĩ cũng cho họ nghe các loại âm nhạc êm dịu, giúp cho tinh thần họ an định một chút. Chúng ta làm việc cả ngày rất mệt, về nhà rồi, nghỉ một chút, nghe âm nhạc, có cảm thấy thư thái hơn không? Cho nên trong thế giới của chúng ta, âm nhạc rất là quan trọng, từ xưa đến nay âm nhạc đối với con người đều rất cần thiết. Âm nhạc của phàm phu này đối với chúng ta đã quan trọng như vậy, nếu là âm thanh của siêu thế giới thì đối với chúng ta nhất định càng quan trọng, càng cần thiết đến chừng nào!

Cuối tuần, trong nhà tuy có máy truyền hình, có truyền thanh, có nhiều băng video, hay nhạc để nghe, nhưng chúng ta vẫn thích đi ra ngoài, đến một nơi thiên nhiên hơn để nghe chim hót, nghe nước chảy, nghe sóng vỗ, nghe gió thổi trên cây, nghe tiếng mưa rơi trên lá, nghe tiếng cóc nhái, tiếng trùng kêu, v.v..., chúng ta cảm thấy rất thoải mái, còn thoải mái hơn nghe âm nhạc nhân tạo.

Có người không phải vì chịu không nổi không khí ồn ào trong thành phố nên mới nuôi chim, mèo, chó trong nhà, hoặc trồng rau, trồng hoa, mà là vì họ ưa thích bầu không khí thiên nhiên, âm thanh của thiên nhiên. Vì chúng ta không thể thường lên núi nghe chim hót, hoặc nghe gió thổi, nước chảy, nên mới trồng những thứ hoa, lá; nuôi những chim trời để tượng trưng một chút gì cho bầu không khí thiên nhiên, thích hợp hơn với bản tánh bên trong của chúng ta, có thể an ủi tinh thần của chúng ta một chút, nếu không, sợ rằng chúng ta sẽ chịu không nổi cảm giác ngột ngạt, khô khan. Cho nên ngày nay bất cứ nước nào cũng đều coi trọng

việc bảo vệ thiên nhiên, phong cảnh thiên nhiên; nhiều quốc gia đã cấm đốn cây, cấm săn bắn, sát hại động vật, vì muốn bảo vệ thế quân bình của vạn vật, bảo vệ sinh thái tự nhiên.

Âm thanh của thế giới phàm phu này đối với chúng ta đã có sức hấp dẫn như vậy, nhưng chúng ta nên biết còn có một thứ âm thanh siêu thế giới “*bất khả tư nghị*”, có sức “*vạn năng*”, có thể giải quyết các khát vọng và vấn đề của chúng ta. Tại vì sao? Bởi vì chúng ta và vạn vật đều được sáng tạo ra từ âm thanh này, Thánh Kinh có nói: “*In the beginning was the ‘Word’ (sound), and the ‘Word’ was with God, and the ‘Word’ was God, everything was made by this, and nothing was not made by this.*”

Quý vị về nhà đọc Thánh Kinh thì sẽ biết. Ý nghĩa là: “*Lúc vũ trụ mở đầu thì đã có âm thanh này (‘Word’ hàm ý là âm thanh), âm thanh này cùng chung với Thượng Đế, âm thanh này tức là Thượng Đế, vạn vật trong vũ trụ đều sinh ra từ âm thanh này, không có vật gì mà không phải từ nó ra.*” Phật giáo cũng có nói đến âm thanh này, Kinh Lăng Nghiêm có nói chư Phật nhờ dòng “*âm lưu*” này đến độ chúng sanh. Bồ Tát và chúng sanh nhờ dòng “*âm lưu*” này mà trở về nguyên bản. Kinh Phổ Môn cũng nói đến, “*Phạm âm, Hải triều âm, Thắng bi thế gian âm*”. Phẩm ‘Pháp Sư Công Đức’ trong Kinh Pháp Hoa cũng có nói đến dòng nội âm này, ví dụ như tiếng chuông, tiếng trống, tiếng phèng la, v.v..., đều là nội âm, nhưng những âm thanh đó vẫn chưa phải là âm thanh của đẳng cấp cao, đó chỉ là âm thanh của cảnh giới sơ bộ mà thôi, còn âm thanh của đẳng cấp cao, tôi không thể nói ra ở đây.

Âm thanh của đẳng cấp cao tượng trưng cho thế giới của đẳng cấp cao, nếu chúng ta nghe được âm thanh này toàn con người sẽ cải biến, âm thanh này sẽ ảnh hưởng đến cả sanh mạng của chúng ta, thay đổi cách sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, tháo mở sự ràng buộc của nghiệp chướng để cho chúng ta cảm thấy thoải mái, giải thoát. Ảnh hưởng này trong một thời gian

ngắn sẽ thể nghiệm được, không phải chờ đến mấy năm mới có thể thấy. Bởi vì không những trí huệ của chúng ta nghe được âm thanh này, mà các ý niệm xấu của chúng ta cũng sẽ được âm thanh này rửa sạch. Các nghiệp chướng hay ấn tượng không tốt của chúng ta đã thâm nhận từ bao kiếp trước đều được nó rửa sạch; cũng như nước có thể rửa sạch bụi dính trên áo quần của chúng ta, nội âm của chúng ta cũng sẽ giúp đỡ chúng ta rửa sạch các nghiệp chướng của chúng ta.

Nghiệp chướng là gì? Đó là những điều không tốt, những việc xấu mà chúng ta đã làm, hoặc là những ấn tượng xấu ở ngoại cảnh mà chúng ta đã vô tình thâm nhận từ các kiếp trước. Tuy chúng ta không biết nhưng đầu óc của chúng ta đã thâm nhận tất cả, đó là điều mà Phật giáo gọi là “*ngiệp chướng*”, và Thiên Chúa giáo gọi là “*nguyên tội*” hay “*tội tổ tông truyền*”. Chúng ta sanh ra đời là đã có tội, hay nói khác đi là đã có nghiệp chướng của tiền kiếp, tôi sẽ giảng nghĩa cho quý vị tham khảo trong giây lát. Tôi đã từng nói rằng bất cứ tôn giáo nào cũng có nhắc đến Pháp Môn Quán Âm, họ chỉ dùng danh từ khác nhau mà thôi. Thật ra tất cả đều chỉ về luồng nội âm mà thôi, tôi sẽ phân phát phần tài liệu về vấn đề này, quý vị có thể đem về tham khảo, bây giờ tôi không nói dài dòng nữa, chỉ nói đến lợi ích chính của nội âm này.

Vì sao âm thanh này có thể rửa sạch nghiệp chướng như núi của chúng ta? Bởi vì mọi thứ đều được sanh ra từ dòng âm thanh này, âm thanh này là một thứ chấn động, một thứ lực lượng lớn. Âm thanh của đẳng cấp cao phải dùng “*trí huệ bên trong*” mới nghe được, còn âm thanh của đẳng cấp thấp thì biến thành tiếng chim, tiếng nước, tiếng gió, tiếng sấm, còn ở trên thế gian này thì nó biến thành tiếng của thế gian. Cảnh giới cao một chút thì có âm thanh cao một chút, nhưng vì phạm phu chúng ta thuộc về người của thế giới này, cho nên không thể nghe âm thanh của đẳng cấp cao, nếu muốn nghe thì phải nâng cao đẳng cấp của chúng ta lên tương đương với người của thế giới đó mới nghe được.

Hiện giờ trong phòng này, quý vị chỉ nghe được tiếng của tôi, nếu muốn nghe tiếng sóng biển thì phải làm sao? Có phải đi đến bờ biển mới nghe được không? Giống như vậy, nếu chúng ta muốn nghe âm thanh của đẳng cấp cao, muốn thấy cảnh giới ở đẳng cấp cao, thì phải lên đó, nhưng muốn đến đó thì dùng phương pháp gì? Phải dùng “*âm lưu*” này mới có thể đến được. Thế giới nào cũng bị dòng âm thanh này buộc dính liền nhau, bởi vì tất cả đều từ âm lưu này mà ra, nghiệp chướng cũng từ âm lưu này mà ra. Cho nên chúng ta dùng “*âm thanh*” để rửa đi nghiệp chướng, để trở về nguyên bản vốn không có nghiệp chướng của chúng ta. Ví dụ chúng ta đã luân hồi nhiều lần rồi, nên có rất nhiều nghiệp chướng. Nhưng kiếp sống đầu tiên nhất, do đâu mà có nghiệp chướng? Cho nên vốn không có nghiệp chướng. Vì mọi thứ đều sanh ra từ âm thanh này. Cho nên nếu chúng ta phạm tội cũng vì bị ảnh hưởng do hoàn cảnh tạo thành, nếu là bất cứ điều gì cũng biến hóa từ âm thanh này mà ra, thì cái “*tội*” cũng không thể ngoại lệ, bởi vậy tội vốn không phải là lỗi lầm của chúng ta, có hiểu ý của tôi không?

Tuy rằng bây giờ quý vị nghe tôi nói, nghiệp chướng của quý vị vẫn chưa thể tiêu trừ mau như vậy, quý vị chỉ mới nghe hiểu mà thôi. Muốn tiêu trừ nghiệp chướng vẫn phải dùng âm thanh này mới có thể rửa sạch. Đương nhiên nghe tôi giảng kinh cũng có thể tiêu trừ đi một số ít nghiệp chướng thô thiển, tuy không thấy được cũng không sao, tôi không hy vọng quý vị tin, mà chỉ muốn cho quý vị hiểu, nên mới nói ra một ít để quý vị tham khảo.

Đến gặp tôi, hay khi ở bên tôi, đương nhiên có thể rửa được loại nghiệp chướng thô tạp. Nhưng loại nghiệp chướng vi tế, vừa không thể nhìn thấy, vừa không thể chạm vào, cũng không cảm nhận được, loại ấn tượng xấu vi tế và bèn rễ kiên cố này, phải dùng dòng âm lưu không thể nhìn thấy, cũng không chạm vào được mới có thể rửa sạch. “*Âm lưu*” này có lực lượng bất khả

tư nghị, nếu như câu thông được nó, thì bất cứ chỗ dơ nào cũng được nó rửa sạch.

Lực lượng gọi là thấy không được, tức là âm thanh này, mắt thường không nhìn thấy, tai thường không nghe được. Phải tự nâng đẳng cấp chúng ta cao một chút, mới có thể nghe được âm thanh của đẳng cấp cao đó. Trên thế giới này, chúng ta chỉ có thể nghe được tiếng của phàm phu mà thôi. Ví dụ tiếng chim, tiếng côn trùng, tiếng sóng biển, hay là tiếng âm nhạc của thế giới chúng ta, v.v...

Nếu muốn nghe tiếng âm nhạc của đẳng cấp cao thì phải trở thành con người của đẳng cấp cao. Muốn thành con người của đẳng cấp cao thì phải tìm một vị ở đẳng cấp cao để được hướng dẫn. Người đó sẽ giúp chúng ta, mở cửa cho chúng ta vào, người đó cũng như hướng đạo viên đã quen thuộc lối đi, biết nhà ở đâu, có chìa khóa; chỉ cần chúng ta muốn đi vào, người đó sẽ mở cửa, có hiểu ý không?

Cho nên chúng ta nên đi tìm Minh Sư, nếu muốn tiến lên đẳng cấp cao. Đọc kinh không giúp ích nhiều, chỉ có thể đạt đến đẳng cấp nhỏ thì bị ngừng tại đó. Lợi ích của đọc kinh đôi khi chỉ là để cho tâm hồn của chúng ta dễ chịu một chút mà thôi. Nhưng nếu muốn siêu thoát thì phải tìm Minh Sư, người có chìa khóa mở cửa các cảnh giới cao cho chúng ta đi lên. Vị Minh Sư sẽ biết cánh cửa ở nơi nào, chỉ cần mở ra là chúng ta sẽ lập tức thể nghiệm được âm thanh của cảnh giới cao và tình trạng tâm linh của cảnh giới đó.

Vì sao tôi nói rằng “*nghiệp chương*” không phải là lỗi của chúng ta, vì sao nghiệp chương vốn là không? Như vừa mới nói, mọi thứ đều sanh ra từ dòng âm thanh này, nghiệp chương cũng là tự nó tạo ra mà thôi, cho nên chúng ta nên để cho nó tự sửa lầm lỗi của nó. Đúng vậy. Bây giờ quý vị đã hiểu tại sao chúng ta vốn không có nghiệp chương, không có tội lỗi chưa?

Ví dụ hai ngày trước, có một vị đồng tu (*chỉ đệ tử của Thanh Hải Vô Thượng Sư*) là một bác sĩ, nghe tôi nói lúc nhỏ tôi rất thích ăn trái xương rồng, đệ tử ấy liền đi mua cho tôi ăn. Quý vị đều biết trên trái xương rồng có rất nhiều gai, vị đó gọt vỏ cho tôi ăn, tôi thấy vị đó rất thành tâm cho nên cũng nếm thử, rốt cuộc bị một cái gai nhỏ, nhìn thì không thấy, chích vào lưỡi; lúc đó cảm thấy rất đau, đau đó từ đâu ra? Có phải vốn đã có hay không? Không phải, chỉ vì bị gai đâm vào lưỡi nên mới thấy đau. Bây giờ làm sao cho hết đau? Có phải đi mua aspirine không? Nếu nhức đầu thì uống aspirine có hiệu nghiệm, nhưng cái đau này không phải từ trong ra, mà là cái đau ở ngoài, vậy phải làm sao đây? Chúng ta sẽ nói: “*Thì chỉ cần nhỏ đi là được rồi!*”

Chúng ta thường nói mình có nghiệp chướng, nhưng làm sao biết được? Vì đời sống rất khổ, có lúc không có lý do cũng có đau khổ, tuy sinh hoạt rất tốt, có tiền, có chồng, có vợ, có con. Thoạt nhìn thì thấy rất tốt, nhưng cũng rất đau khổ, bởi vì chúng ta bị ảnh hưởng nghiệp chướng của quá khứ, rồi lại mất liên lạc với đại lực lượng nguyên bản này, cho nên cảm thấy rất cô đơn, rất bất mãn. Bất cứ thứ gì trên thế gian này đều không thể vừa lòng người, dù làm quốc vương của một nước cũng không mãn ý. Quý vị thấy có một vị quốc vương nào hoàn toàn sung sướng không? Địa vị càng cao thì trách nhiệm càng nặng. Cho nên chúng ta thấy những người có địa vị cao khó có thể an hưởng hạnh phúc.

Địa vị trên thế giới này không phải là cứu cánh của đời sống, không phải thứ mà chúng ta cần; cho dù làm một vị thủ tướng của một nước, nhiều lắm cũng chỉ làm được năm mươi năm mà thôi, chúng ta sống được một trăm năm là đã quá thọ rồi. Không có gì của thế tục là vĩnh viễn, bởi thế tâm của chúng ta vẫn không thấy an toàn, mỗi ngày đều cảm thấy buồn bực không vui. Chỉ khi nào hợp chung với âm thanh nguyên bản mới cảm thấy an vui mà thôi. Ví dụ như chúng ta vốn là một người có đầy đủ tay chân.

Nếu có người mất đi một cánh tay thì cánh tay đó có vui không? Tuy rằng nó vẫn là cánh tay của chúng ta, không có thay đổi nhưng nó đã lìa khỏi cái thân hình của chúng ta, không còn hoạt động được nữa; nhìn nó rất cô đơn, không còn một chút sinh khí. Sau một thời gian rồi nó sẽ chết không thể sử dụng. Nếu muốn cánh tay đó hoạt động trở lại thì phải làm cho nó dính liền trở lại với thân thể của ta.

Ở Đức, bác sĩ có thể giúp cho bệnh nhân nối liền cánh tay gãy. Đó là vấn đề ngoại khoa rất phức tạp và rất tinh vi. Phải may từng mạch máu, từng đường dây thần kinh. Sau một thời gian, cánh tay gãy mới hoạt động tự do như trước. Lúc đó cánh tay của chúng ta mới có sức sống, thân hình và các cơ tạng khác của chúng ta mới liền lạc nhau và có sinh khí.

Linh thể của chúng ta cũng như vậy, nếu mất liên lạc với đại lực lượng của vũ trụ, chúng ta sẽ cảm thấy rất đau khổ. Nếu như có thể liền lạc trở lại được thì chúng ta rất vui mừng. Khi chúng ta mất liên lạc với đại lực lượng này, chúng ta sẽ có nhiều phiền phức. Cũng giống như khi đụng xe, nơi cánh tay bị gãy có rất nhiều bụi, sạn và các thứ đồ dơ khác, hoặc là cánh tay gãy bị biến dạng. Đây không phải là lỗi của cánh tay gãy đó, tất cả đều vì đụng xe mới sanh ra như vậy, có phải không?

Con người chúng ta cũng vậy, khi chúng ta ra đời, mất liên lạc với đại lực lượng đó nên chúng ta sẽ gặp rất nhiều phiền phức, cho dù chúng ta không muốn, phiền phức cũng sẽ tự động chạy đến tìm chúng ta. Ví dụ có một người, vốn không phải là ăn trộm, nhưng bởi vì nhà họ bị động đất hay tài sản đã tiêu tan, lúc đó người đó biết làm gì đây? Cầm bình bát đi xin cũng không được, cho nên có thể có một ngày người đó quá đói, hay vợ con bị bệnh và đói. Trong lúc nguy cấp, người đó chỉ còn cách đi ăn trộm cho người nhà mình ăn. Đây là tình trạng bắt buộc mới có những hành động ngược với ý muốn, chứ không phải người đó vốn muốn làm như vậy.

Cũng cùng ý đó, chúng ta vốn không có nghiệp chướng. Sau khi kết hợp được với lực lượng nguyên bản rồi thì không còn nghiệp chướng. Cho nên chúng ta nói nghiệp chướng không thể rửa sạch nếu chưa câu thông được với “*lực lượng*”, với “*âm lưu*” này. Nếu như chúng ta gặp được một vị đại tu hành, người đã câu thông với đại lực lượng này, chúng ta tự nhiên cũng hưởng được sức gia trì của vị đại tu hành đó. Cho nên tôi có nói rằng được nghe tôi giảng kinh thì những nghiệp chướng nhỏ sẽ được tiêu trừ. Nhưng tốt nhất là mình tự đi tắm trong nguồn nước thì còn sạch hơn biết bao lần. Tuy rằng tôi đã câu thông được với nguồn nước đó, có rất nhiều nước cho quý vị, nhưng đối với quý vị nước đó vẫn có hạn. Nếu tôi không cho, quý vị sẽ không có, có phải như vậy không? Nếu quý vị câu thông được với nguồn nước này, biết chỗ có nước, tự mình muốn lấy bao nhiêu về nhà cũng được. Không những tự mình có thể dùng, còn có thể chia cho người khác, như vậy sẽ mãi mãi dùng không hết.

Hồi nãy nói về cánh tay bị gãy, nếu không được kết hợp với thân này, nó sẽ càng ngày càng hư hoại, lần lần biến đen, tế bào sẽ chết dần. Nếu để lâu quá sẽ không còn kết hợp lại được với thân thể, lúc đó sẽ trở thành vô dụng. Tôi không biết các nước khác ngành y khoa có tinh xảo như ở Đức không. Bên Đức nếu có một người bị tai nạn, bị đứt cánh tay, họ liền lấy nước đá và túi ny-lông bao cánh tay lại, chở nạn nhân cùng cánh tay gãy đến bệnh viện chuyên về khoa đó để nối ráp cánh tay vào thân thể nạn nhân.

Ở Đức không có nhiều bệnh viện có thể làm như vậy, chỉ có một số ít bác sĩ biết được y thuật đó. Muốn thực hiện sự kết hợp này phải học tập khổ cực, ít nhất phải mười hai năm mới có thể làm thủ thuật kết hợp tinh vi đó. May từng sợi thần kinh và gân máu trở lại, nếu không thì máu không thể lưu thông, tế bào sẽ bị chết rất mau và mất đi công năng của nó. Cho nên làm việc đó phải học tập rất nỗ lực. Ở Đức người ta tôn trọng các vị bác sĩ này như thần thánh. Bệnh nhân đương nhiên càng tôn kính họ hơn.

Những bác sĩ chuyên khoa đó rất ít, bởi vì họ không những phải nỗ lực học tập, lúc làm việc lại càng cực khổ. Đứng một chỗ không nhúc nhích đến mười sáu, mười tám tiếng đồng hồ hoặc hơn thế nữa, tinh thần hoàn toàn tập trung, không thể đổi người. Có lúc cuộc giải phẫu chưa hoàn tất, họ không thể đi nghỉ, cũng không thể đi ăn cơm. Họ phải hết sức cẩn thận, may từng sợi từng sợi một, vì bên trong còn có xương, nên phải may lại hết tất cả, sau đó mới có thể hồi phục công năng, hoạt động trở lại như trước, điều này có giống như là ảo thuật không? Sau khi kết hợp rồi, máu mới bắt đầu lưu thông, màu da mới dần dần trở nên hồng hào.

Tình trạng của chúng ta cũng giống như vậy, cùng lắm sống được một trăm năm mà thôi, nhưng lại có rất nhiều đau khổ, rất nhiều phiền não. Tuy có tiền, có vợ đẹp, có nhà sang, có việc làm tốt, nhưng vẫn không vừa ý, vì đã gián đoạn với “*chân thể*” lớn này rồi. Cũng như cánh tay bị đứt đó, nếu không mau mau may lại cho kịp thời, sau một thời gian sẽ bị hư chết, biến thành vật phế thải, liệng vào đống rác; hôi thối đến không ai dám đến gần, chỉ còn cách đem chôn dưới đất.

Chúng ta cũng vậy, cần phải có một vị Minh Sư giúp chúng ta may nối lại, để cho con người cô đơn của chúng ta nối liền với “*chân thể*” của đại lực lượng. “*Chân thể*” của đại lực lượng này có người gọi là “*Thượng Đế*” tối cao, có người gọi là “*Phật tâm*”, “*Bản tâm*”, “*Đạo*”, hay là “*Đại ngã*”, “*Đại Trí Huệ*”, v.v... Bây giờ chúng ta là “*Tiểu ngã*”, thuộc một phần nhỏ của “*Đại ngã*” này, vì đã tách rời với “*Đại ngã*” cho nên mới đau khổ như vậy, mới tịch mịch như vậy. Cũng như nhìn cánh tay bị đứt rất là khô khan và buồn thảm, không một chút sinh lực. Khi chúng ta nối liền nó lại, máu chảy điều hòa khắp nơi, cánh tay liền hồi phục sự hoạt động rất mau.

“*Âm lưu*” cũng giống như vậy, nó nối liền với tất cả vũ trụ, không một thứ nào không ở trong âm lưu đó. Nhưng chúng ta

đã mất liên hệ với nó, chỉ còn dư một chút quan hệ mà thôi. Nếu còn chưa may dính trở lại, chúng ta sẽ còn bị gián đoạn với âm lưu này, cho nên chúng ta mới luân hồi, bị rơi vào “*lục đạo*” đau khổ vô ngần (*lục đạo bao gồm: Trời, người, A-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh*), không thể đi lên cảnh giới cao được.

Muốn trở thành một bác sĩ chuyên môn may nổi tay chân con người không phải dễ. Phải là bác sĩ xuất sắc, và phải có “*tâm từ bi*” vị tha, mới được lựa chọn. Được chọn rồi, còn phải chờ một thời gian dài, mới có thể được huấn luyện thêm một bước, vì số thầy có thể dạy môn này rất ít, nếu như học trò nhiều, thì chỉ đứng một bên xem mà thôi, không có cơ hội thực sự ra tay thực tập cho các học trò xem.

Ở bên Đức chỉ có một bệnh viện loại đó, nên rất nổi tiếng. Nếu muốn đến đó học, phải đợi cả mấy năm mới vào được, ngoài thầy giáo, học trò muốn thực tập phải đợi rất lâu mới có thể được thực tập một lần. Vì số người quá nhiều nên phải thay phiên nhau, một bên quan sát, một bên thực tập. Cho nên muốn học cũng không dễ dàng, muốn trở thành những bác sĩ chuyên môn đó càng không phải dễ, còn muốn nổi danh thì càng khó nữa. Bởi vì khi đã học thành tài rồi, không những có khả năng cứu người, còn phải có khả năng dạy người khác nữa. Cho nên chúng ta có thể hiểu được lý do tại sao người ta cư xử với những người đó như thần thánh vậy, và họ được nhiều người rất kính trọng. Lễ dĩ nhiên, những người này xứng đáng với vinh dự đó.

Lúc những bác sĩ may vá thân thể rất là khổ, cả ngày đứng ở đó, một lời cũng không thể nói, không dám động đậy, tập trung tinh thần, không thể có một mảy may sơ sót nào. Thời gian cũng có hạn, vì từ khi cánh tay bị đứt đến khi được đem vào bệnh viện thì đã rất trễ. Lại còn bị đông lạnh trong tủ lạnh ít lâu, nếu kéo dài thời giờ sẽ mất đi sức sống, không thể dùng được nữa. Trong tình trạng thiếu thốn bác sĩ, nhân viên, rồi còn phải tranh thủ thời gian, lễ dĩ nhiên rất cực nhọc, vị bác sĩ phải đứng mười mấy tiếng đồng

hồ không nghỉ ngơi, tất cả tinh thần đều tập trung vào việc chấp nối. Vị bác sĩ đó vốn đâu có cần phải cực nhọc như vậy, có phải không? Nhưng vì bệnh nhân, nên mới phải chịu khổ cực. Học đã cực nhọc, lúc làm việc lại càng cực nhọc hơn, càng lúc càng cực nhọc chỉ vì chữa bệnh nhân mà thôi.

Vị bác sĩ lúc đi học không phải vì lợi ích của bản thân, họ đâu có thể tự phẫu thuật cho mình khi họ bị thương. Lúc vị bác sĩ đó còn đi học, trong đầu óc không nghĩ đến cái “ta”, toàn tâm toàn ý vì người khác mới đi học cực khổ. Học thành tài rồi vẫn còn phải khổ như vậy, phải ở trong phòng mổ chịu khổ vì bệnh nhân.

Muốn may một cánh tay đã khó như vậy, muốn may một “linh hồn” đương nhiên càng khó hơn. Một vị Minh Sư lúc cứu người cũng phải chịu rất nhiều đau khổ, gánh nghiệp chướng cho chúng sanh, rửa sạch nghiệp chướng của chúng sanh, phải chịu ảnh hưởng của bầu không khí xấu đó. Bệnh nhân lần lần khỏe hẳn, nhưng vị bác sĩ thì càng lúc càng mệt, vì phải tập trung tư tưởng, vì lo âu cho bệnh nhân. Nhưng bác sĩ không bao giờ oán trách, vì đó là công việc của họ, họ tự ý làm. Cho dù họ có khổ cách mấy, chỉ cần mỗi lần giải phẫu bệnh nhân được thành công là họ cảm thấy rất vui mừng rồi.

Từ xưa đến nay các vị đại Minh Sư đều như vậy. Đi học thành tài rồi đem trí huệ, lực lượng, phước báu của mình chia sẻ hoàn toàn miễn phí cho người khác; càng mau, càng nhiều, càng tốt, nên rất là cực khổ. Nếu quý vị muốn trở thành bác sĩ của linh hồn, hay bác sĩ của tinh thần, xin hoan nghênh quý vị đến học với tôi. Có lẽ sau này quý vị làm việc còn giỏi hơn tôi, bởi vì có người học rất hay, học xong rồi không biết chừng còn giỏi hơn tôi. Tôi nghĩ rằng tôi làm việc chưa tốt lắm, nên rất thích có nhiều người đến học, về sau mới lợi thêm cho nhiều người. Bởi vì những bác sĩ may nối linh hồn rất ít, nếu có nhiều người học càng tốt, còn có rất nhiều bệnh nhân đang chờ đợi chúng ta đến cứu họ.

VẤN ĐÁP

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, ngày đầu tiên con đến nghe kinh, sau khi về nhà, vừa đọc chương trình của các ngày Sư Phụ thuyết pháp, vừa ăn quà của Sư Phụ ban cho, hình như con cảm giác có một lực lượng ở bên trong. Xin hỏi Sư Phụ, lực lượng đó có phải là từ món ăn của Sư Phụ ban cho hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nếu quý vị đã cảm thấy được, thì còn hỏi làm chi? Quý vị đã tự biết rồi, phải không? (Mọi người cười.) Ăn quà của tôi cho dĩ nhiên là có lực lượng rồi, nếu không, quý vị làm sao mà cảm thấy được? Đọc hay là nghe tôi thuyết pháp, đều có lực gia trì. Ăn quà của tôi cho rất nguy hiểm, sau này đừng ăn nữa. (Mọi người cười.) Ăn xong, rất có thể không còn trở về thế giới Ta Bà này. Nếu ai muốn trở về đừng nên ăn.

Vấn: *Hồi xưa con có tập ngồi thiền, và đã từng nghe âm thanh, nhưng con lập tức ngưng ngồi, tại vì con sợ có ảnh hưởng không tốt.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Âm thanh có tốt có xấu, nếu quý vị không theo học với một vị Minh Sư, thì không thể nào phân biệt tốt xấu, cho nên thái độ của quý vị là đúng. Nếu muốn biết tốt hay xấu, thì đến học với tôi, nhưng tôi không thể ở đây công khai nói. Truyền pháp không nên công khai, vì ở đây có nhiều người không muốn học, tôi cũng không muốn mang chuyện của chúng ta ép buộc họ nghe. Truyền pháp là một việc rất trang nghiêm, rất thiêng liêng, không nên xem thường, càng không phải vì thu nhiều học trò nên truyền cho có lệ. Phải xem người, chỉ có người chân thành khát vọng một đời giải thoát, có trí huệ, có thể hiểu

Pháp Môn Quán Âm là vô giá, biết quý trọng nó, biết cố gắng tu hành, mới đáng để tôi truyền pháp, hiểu ý tôi không?





Ngày Thanh Hải Vô Thượng Sư, 25 tháng 10 năm 1995, Thanh Hải Vô Thượng Sư cùng mọi người chiêm ngưỡng pháo hoa tại đảo trằng Tây Hồ, Formosa.

Đối với một người tu hành chân chánh, nơi nào cũng là Tịnh Độ, nơi nào cũng là Thánh Địa.

Trích từ bài thuyết giảng “Nghiep Chương Từ Đâu Tới?”



Tết Nguyên Đán năm 1995, Thanh Hải Vô Thượng Sư cải trang thành Hoàng Đế nhà Thanh cùng chung vui với mọi người.

Quý vị là hoàng tử, quý vị tự đi tìm hoàng cung của mình, rồi về làm quốc vương.

Trích từ bài thuyết giảng “Chân Lý, Giả Lý”



3

Ánh Sáng Siêu Thế Giới

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Bàn Hồ, Formosa**

Ngày 25 tháng 4 năm 1987

Hôm nay, tôi cũng nói về Pháp Môn Quán Âm, nhưng hơi khác với những gì tôi đã nói từ hôm qua. Hôm nay, tôi nói về ánh sáng của âm thanh. Lúc này chúng ta hát bài ca tụng Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tiếng Phạn là Amitabha, và cũng có nghĩa là Vô Lượng Quang. Vô Lượng Quang này từ đâu ra? Nó cũng từ âm thanh này ra. Do âm thanh vi tế biến ra thành ánh sáng. Đối với chúng ta, ánh sáng cũng rất quan trọng. Hôm qua, tôi nói âm thanh rất quan trọng, hôm nay nói đến ánh sáng cũng rất quan trọng, điểm này chắc quý vị cũng đã biết rồi.

Không có đèn chúng ta không thể sinh hoạt, không có mặt trời chúng ta không thể sinh tồn, không thể trồng trọt, vitamin D không đủ, trẻ thơ không thể trưởng thành, v.v..., cho dù ban đêm cũng có mặt trăng, ngày xưa cổ nhân dùng đèn dầu, thời nay chúng ta dùng đèn điện. Vì sao hôm qua nói đến âm thanh, hôm nay lại nói đến ánh sáng? Vì giữa âm thanh và ánh sáng có quan

hệ với nhau. Muốn tu Pháp Môn Quán Âm thì phải tu pháp môn Quán Ánh Sáng. Từ xưa đến nay, bất cứ tôn giáo nào, Minh Sư nào cũng đều nhấn mạnh đến “Ánh sáng” và “Âm thanh” này. Hôm qua, tôi đã nói đến “Âm thanh”, hôm nay, tôi nói về “Ánh sáng” để quý vị được rõ ràng minh bạch.

Bất cứ bậc đại tu hành nào cũng đều nói đến ánh sáng. Chữ “Ngộ” có hàm ý là “Minh”. Minh gồm có chữ Nhật và chữ Nguyệt, nghĩa là sáng sủa, không có ánh sáng làm sao có thể khai ngộ? Cho nên khai ngộ hàm ý là có ánh sáng, thấy được ánh sáng, tự mình phát ra ánh sáng, hoặc mình tiếp nối được với ánh sáng này. Ánh sáng đèn cũng rất quan trọng. Hôm qua, tôi có nói đứa nhỏ đang khóc mà nghe được tiếng lục lạc là nín ngay. Có lúc trẻ thơ khóc là do mình tắt đèn, nằm trong bóng tối một mình nó sẽ sợ hãi nhưng khi bật đèn lên thì nó không còn sợ nữa; hoặc cho nó xem đồ chơi có nhiều màu sắc tươi sáng, lấp lánh, rục rờ, khiến cho đứa bé nhìn thấy liền ngưng khóc ngay.

Cho nên ánh sáng và âm thanh đối với chúng ta ngay từ lúc nhỏ đã rất là quan trọng. Tại sao? Vì lúc còn trong lòng mẹ, đứa bé đã có quan hệ với ánh sáng, ánh sáng này đã nuôi lớn nó. Ánh sáng và âm thanh cũng là một thứ, nhưng chỉ khác nhau ở phẩm chất mà thôi.

Ví dụ như nước và nước đá, hay là nước và không khí. Trong không khí có H_2O , nước cũng như vậy, nhưng nước không phải là không khí; không khí cũng không phải là nước, tuy nhiên chúng ta đều cần cả hai thứ đó. Chúng ta cần có không khí để thở, cần có nước để uống, để nấu ăn, tắm rửa, nước còn có rất nhiều công dụng, nên chúng ta đều cần hai thứ đó. Thành phần của hai thứ đều là sự kết hợp của nước và không khí, nhưng nước không phải là không khí và không khí cũng không phải là nước. Lúc chúng ta khát nước chúng ta cũng không thể uống không khí. Lúc thở chúng ta không thể thở bằng nước, tuy rằng khi chúng ta bơi lội cũng tiếp xúc với H_2O , nhưng chúng ta vẫn cần có dưỡng khí,

cần hít thở, nếu không thì chỉ trong thời gian ngắn, chúng ta sẽ bị chết ngạt.

Trong thế giới này, cho dù có thanh nhàn dễ chịu đến đâu, tôi đa chúng ta cũng chỉ sống được một trăm năm mà thôi, hưởng chi đời sống chi là “*khổ nhiều vui ít*” không có gì là tốt đẹp. Nhưng có nhiều người cất nhà kiên cố vĩ đại, bên trong được trang trí thật huy hoàng rực rỡ, như để chuẩn bị vĩnh viễn ở trong đó, rồi cuộc cũng không có thời gian để ở. Người có trường thọ phú quý đến đâu, tôi đa chỉ có thể ở một trăm năm, rất đáng tiếc! Cung điện trong người của chúng ta rất đẹp đẽ, rất kiên cố, có rất nhiều thứ tốt đẹp, nhưng chúng ta không biết hưởng thụ; lại chạy đuổi theo đời sống vô thường ở bên ngoài. Thật là đáng tiếc!

Ánh sáng và âm thanh đối với chúng ta rất quan trọng, không có ánh sáng chúng ta không thể sanh tồn, không có mặt trời thế giới này không sao tồn tại, chúng ta đều biết điều này. Ngay cả trẻ nhỏ cũng rất ưa thích mặt trời, và những đồ vật trong sáng. Cho nên sau khi đứa nhỏ ra đời, nếu có người đến thăm nó, ăn mặc càng sáng sủa, màu sắc càng rực rỡ, đứa nhỏ càng thích nhìn, có phải như vậy không? Quý vị có con nhỏ tất nhiên hiểu được điều này, bởi vì tôi quan sát, và nhận thấy tất cả các đồ chơi của trẻ thơ đều có màu sắc tươi sáng, rực rỡ. Người lớn không bao giờ cho chúng các loại đồ chơi có màu sắc u tối, là vì phần nhiều trẻ em đều không thích màu sắc u tối này và chúng đều ưa thích những loại đồ chơi có màu sắc tươi sáng lòe loẹt.

Bởi vì sao? Vì khi đứa bé còn trong bụng mẹ, nó đã tiếp xúc được với loại ánh sáng này. Tuy không ăn gì, nhưng nó lớn rất mau, bởi vì đứa bé được “*Ánh sáng*” và “*Âm thanh*” này trường dưỡng nó. Nhưng khi nó mới ra đời thì liền mất đi sự liên hệ với ánh sáng. Nếu như quý vị đọc qua quyển “*Thai Tạng Kinh*” thì sẽ biết rõ. Trong đó có nói, đứa nhỏ trong bào thai trước khi ra đời, linh hồn của nó đang du ngoạn trong một khoảng không gian và thời gian nào đó. Sau cùng thấy được một nơi nào có ánh sáng,

mới chạy vào vùng ánh sáng đó, và khi đã vào đó rồi thì thần thức nó mới nhập vào bào thai.

Lúc bào thai còn trong bụng mẹ ánh sáng này sẽ tiếp tục chăm sóc nó, nhưng khi nó ra đời thì ánh sáng này không còn nữa. Ánh sáng trong bào thai của người mẹ rất sáng, nhưng không làm đau mắt nó. Cả thân mình, sanh mạng của bào thai cũng đều không có cảm giác đau đớn hay đau nhức gì cả, bởi vì đó là “*Phật Quang*”, là “*Ánh sáng Như Lai*”, là “*Ánh sáng của Bản tánh*”. Phật Quang này rất nhu hòa, không tổn hại đến cặp mắt, không làm cho chúng sợ hãi. Bào thai đã quen sống nhu hòa với Phật Quang và khi đưa bé đến thế giới Ta Bà này, tuy ở đây cũng có ánh sáng, như ánh sáng mặt trời, không khí, hay ánh sáng của bất cứ vật chất nào, nhưng cũng làm cho thân thể nó đau nhức, cặp mắt nó khó chịu, cho nên lúc đưa bé sinh ra cặp mắt không thể mở, vì nó cảm giác như có rất nhiều kim đâm vào mắt, toàn thân đều có cảm giác như vậy. Không khí của trái đất làm cho thân thể của đứa bé cảm xúc mạnh và rất đau nhức, cho nên đứa bé mới khóc. Khóc vì một mặt thân thể bị đau nhức, một mặt vì mất đi sự tiếp xúc với ánh sáng. Khi mất đi ánh sáng, nó cảm thấy không còn khoái lạc, không còn thoải mái như lúc ở trong bụng mẹ, cho nên nó cảm thấy khó chịu và nó khóc. Sau này lớn lên, nó mới dần quen với tình trạng ở bên ngoài.

Nhiều đứa bé trong lúc khóc, nếu chúng ta cho nó một cái lục lạc nhỏ, hay là bật đèn trong phòng tối, sẽ làm nó kinh ngạc nên nín khóc ngay. Nó sẽ ngó quanh, tưởng rằng đã tìm lại được ánh sáng đã mất; hoặc khi nghe tiếng lục lạc nó tưởng rằng đã tìm lại được âm thanh bên trong, nên nó liền ngưng khóc, để ý nghe và nhìn, nhưng khi cảm biết được rằng đó là giả tạo, không giúp ích gì cho nó, không thể an ủi linh hồn nó, nên nó lại khóc nữa. Người lớn lại tìm thứ đồ chơi có nhiều lục lạc hơn, tạo ra càng nhiều âm thanh và càng lâu để gạt đứa bé, nên nó lại ngưng khóc một lần nữa. Một hồi sau nó phát giác ra đó cũng là giả,

nên lại khóc òa lên. Khóc rồi nín, nín rồi khóc. Cả ngày đưa bé đều như vậy.

Có lúc không có lý do gì đưa bé cũng khóc, bởi vì cảm thấy khó chịu, mà nói không được. Nhưng cảm giác của đưa bé từ lúc mới sanh ra rất là nhạy cảm, trí huệ của nó lúc đó cũng rất nhạy cảm và đơn thuần, chỉ cần có một chút gì khó chịu, nó tức khắc cảm nhận ngay. Sau khi đưa bé ra đời, chúng ta nuôi dưỡng nó chung với đời sống của chúng ta, dần dần đưa bé trở nên quen thuộc. Tuy vậy, khi lớn lên đưa bé vẫn còn ưa thích những vật có màu sắc và ánh sáng. Cho nên quý vị thử xem có phải phụ nữ thích đánh phấn thoa son không? Đó là vì trong quá khứ, lúc còn trong bụng mẹ, tiềm thức của phần ánh sáng vẫn còn lưu lại trong đầu óc.

Cho nên đa số áo quần theo thời trang, màu sắc cũng tươi sáng hơn. Còn nữa, có phải vào mùa hè thân thể của chúng ta cảm thấy dễ chịu hơn, tâm tình thoải mái hơn không? Còn mùa đông thì cảm thấy quá bức bối, bởi vì màu trời u tối hơn, không có ánh sáng cho nên thân thể chúng ta cảm thấy không khỏe, tinh thần cũng uể oải khó chịu, bởi vì ánh sáng bên ngoài không đủ sáng. Cho nên sau khi chúng ta trưởng thành, vẫn còn tiếp tục tìm những vật sáng chói, tìm những áo quần màu tươi sáng để mặc. Hôm nay, tôi mặc áo vàng này cũng để thức tỉnh quý vị ánh sáng bên trong của mình. Tại Ấn Độ các vị tu sĩ đều mặc màu áo vàng, hàm ý tiêu biểu của việc làm này là con người sáng, con người có ánh sáng, con người khai ngộ, ít nhất họ có ánh sáng mặt trời, cho nên màu vàng là đại biểu cho màu sắc khai ngộ.

Người chưa khai ngộ cũng ưa thích màu sắc rực rỡ, cho nên quý vị nhìn những nơi ăn chơi, rực rỡ ánh đèn, có phải đều được trang hoàng lộng lẫy đủ màu hay không? Nơi càng rực rỡ, càng thu hút người. Dù không có nhiều người đến cũng phải duy trì mức độ ánh sáng như vậy mới thu hút người ta đến, có phải như vậy không? Những nơi chú trọng về hưởng thụ đều trang trí bằng

các thứ ánh đèn, làm như thế cặp mắt chúng ta mới bị thu hút đến đó; cũng như con thiêu thân, thấy ánh đèn liền ulla tới, có lúc gặp lửa nó cũng bay đến, để rồi bị chêt cháy.

Chúng sanh nào cũng đều ưa thích ánh sáng. Nhưng những thứ ánh sáng này chỉ thuộc về loại ánh sáng bình thường ở phía bên ngoài. Ngoài ra còn một loại “*Ánh sáng của siêu thế giới*” chúng ta gọi đó là ánh sáng tu hành. Người tu hành nào cũng đều có ánh sáng này hoặc ít hoặc nhiều. Cho nên chúng ta mới thấy trên đầu của Phật Thích Ca, Quán Thế Âm Bồ Tát, Chúa Giê-su đều có ánh sáng, bởi vì đẳng cấp minh bạch bên trong của họ phát triển đến một mức độ nào đó, thì có thể phát ra ánh sáng. Cũng như một cây cỏ thụ, cho dù chúng ta có đứng từ đằng xa, cũng có thể nhìn thấy được. Con người bình thường có ánh sáng hay không? Cũng có, nhưng có người ánh sáng của họ rất là đen tối. (*Mọi người cười.*) Có người thì ánh sáng của họ như màu nâu, màu xanh nhạt, hay là hơi có chút màu tím hoặc chút màu đỏ, có người thì hơi có màu vàng, v.v... Nhưng những bậc đại tu sĩ, thì ánh sáng của họ có rất nhiều màu, như màu vàng, màu trắng, v.v..., nhưng những thứ ánh sáng đó không phải là màu sắc bình thường. Nếu mắt trí huệ của chúng ta chưa mở, thì không thể thấy được. Nếu mắt trí huệ chỉ mở một chút, ta chỉ nhìn được một ít ánh sáng của họ mà thôi, hoặc chỉ nhìn thấy một khoảng mông lung mờ mịt.

Vì sao một vị đại tu hành có thứ ánh sáng này? Ánh sáng này không phải để xem chơi, không phải là dùng để trang sức cho thân thể của họ. Ánh sáng này tức là thân mình của họ, bởi vì bên trong ánh sáng đó có lực lượng biểu hiện ra cứu người, cũng như bảo hộ cho người. Nếu chúng ta được bao bọc trong ánh sáng này, chúng ta sẽ cảm thấy rất thoải mái. Cho nên những bậc tu hành thường có thứ ánh sáng này và làm cho những người xung quanh cảm thấy rất thoải mái. Nhưng nếu có người ác tâm, hay con người có ma chướng nặng nề, sẽ không chịu nổi thứ ánh sáng

này, họ sẽ cảm thấy khó chịu, nên tìm cách tránh xa luồng ánh sáng này thì họ mới cảm thấy dễ chịu hơn.

Hôm trước, có một người nói với tôi rằng người đó có thể nhìn thấy ánh sáng bao quanh mình của tôi, nhưng người đó không thể lại gần vì cảm thấy khó chịu nên chỉ có thể đứng xa mà ngó. Người đó nói: *“Nếu như có đứng gần, con sợ rằng sẽ bị ánh sáng của Sư Phụ giết mất.”* Tôi đáp: *“Đâu có việc đó! Quý vị có ngồi bên cạnh tôi đi nữa, cũng đâu có chết được! Đó chỉ là sự cảm thấy mà thôi.”* Có người tu hành đạt được một chút trình độ, nhưng vì còn ma chướng bên trong, nên họ vẫn còn có chỗ đen tối chưa được rửa sạch. Tà ma không ưa thích người có ánh sáng, chứ không phải ánh sáng này không thích nó, có hiểu ý tôi chưa?

Ví dụ như có người bị phạm tội hay làm điều xấu, khi thấy cảnh sát thì thấy có mặc cảm tội lỗi, sợ sệt và muốn chạy trốn. Không phải là cảnh sát biết họ làm điều xấu, có lúc cảnh sát chưa thấy được họ, thì họ đã chạy mất. Đó là biểu hiện cho hai quan niệm khác nhau, hai đẳng cấp khác nhau, và hai tình trạng khác nhau: một là tối đen, một là sáng trắng. Cảnh sát biểu hiện cho công bình và pháp luật, còn kẻ phạm gian thì biểu hiện cho sự xấu xa và tình trạng phạm pháp, cho nên khi thấy cảnh sát họ không ưa thích. Những người bình thường khi hội nhập vào thứ ánh sáng nhu hòa đó, liền cảm thấy rất là thoải mái. Nhưng những người còn có một chút ma chướng đen tối thì khi mới đến gần đã cảm thấy khó chịu rồi. Nhưng sau khi được tiếp cận nhiều lần, từ từ cũng sẽ cảm thấy thoải mái hơn.

Đó là nhờ thứ ánh sáng này rửa sạch đi chỗ đen tối mà chúng ta gọi là *“nghiệp chướng”*, hay là *“ma chướng”*. Sau khi rửa sạch rồi người đó không còn vấn đề gì nữa, họ sẽ cảm thấy thoải mái. Có được sự thoải mái hay không đều do ma chướng đen tối này, chứ không phải là ánh sáng tự biến đổi hay là người đó tự biến đổi. Con người thật của họ vẫn trong sạch và đơn thuần, chỉ

vì tiếp nhận những thứ từ bên ngoài vào, cho nên người đó mới biến đổi như vậy.

Ví dụ như khi chúng ta tắm nước lạnh hoặc nước nóng cũng đều cảm thấy thoải mái. Nhưng nếu chúng ta bị thương, hay bị phỏng nặng đến nỗi nhìn thấy thịt ở bên trong, thử hỏi lúc đó nếu chúng ta tắm rửa có cảm thấy dễ chịu nữa không? Đương nhiên là không rồi, có phải không? Tôi hy vọng rằng tuy quý vị chưa có kinh nghiệm này, nhưng quý vị đều hiểu rõ nếu mình bị thương một chút, chỉ tắm là đã khó chịu. Đó không phải tại nước làm cho người đó khó chịu, mà vì chúng ta bị thương nên mới cảm thấy khó chịu. Sau khi vết thương đã lành rồi thì lúc đó có tắm rửa như thế nào cũng không sao. Sự thật thì nước không thay đổi, nhưng mà chỗ bị thương của chúng ta biến đổi.

Người bị ma nhập hay là người không trong sạch cũng như nhau. Chỉ mới gần gũi vị đại tu hành thì liền cảm thấy khó chịu. Nhưng nếu như được gần gũi nhiều lần, dần dần sẽ ưa thích và không còn cảm thấy khó chịu nữa. Cho nên người tu hành không cần cảnh sát bảo hộ cũng được. Nếu mình không muốn, thì không ai có cách nào xâm nhập được. Tự nhiên mình sẽ có một bức tường bảo hộ, ngăn chặn người lạ xâm nhập. Không phải ánh sáng này đẩy người xâm nhập trở ra mà tự nhiên họ bị đẩy ra, bởi vì những thứ đen tối tự nó không thích ánh sáng. Có sáng thì không tối, nếu là ngày thì không phải là đêm. Có hiểu ý của tôi không?

Ví dụ ở Nam Cực và Bắc Cực đêm tối kéo dài đến nửa năm, nhưng nếu mỗi ngày mặt trời hiện ra một lần, chỉ cần chiếu rọi một lần thôi, chung quanh cũng đều có ánh sáng. Bất cứ nơi đen tối nào kéo dài bao lâu, mấy trăm năm hay mấy ngàn năm, chỉ cần mặt trời lộ dạng một lần thì tất cả đen tối đều tan biến mất, vì bị ánh sáng mặt trời đuổi đi do hai phẩm chất khác nhau này không thể trà trộn với nhau được.

Cũng vậy, người tu hành tượng trưng cho ánh sáng trong vũ trụ, người không tu hay người có nghiệp chướng nặng nề tượng

trung cho phương diện đen tối, nghiệp chướng này biểu hiện cho các ảnh hưởng xấu trong quá khứ đã lưu lại. Nếu có quá nhiều nghiệp chướng như thế, đương nhiên không thể trà trộn vào môi trường sáng sủa, cũng như ngày và đêm là hai phần chia cách. Cho nên người tu hành không cần cảnh sát bảo hộ cũng được. Bây giờ có người sẽ tự hỏi, nếu thế tại sao Chúa Giê-su vẫn bị người sát hại. Các vị có biết tại sao không? Bởi vì Ngài chịu như vậy, Ngài biết được ngày đó Ngài sẽ bị sát hại. Vì muốn gánh nghiệp chướng của các đệ tử, Ngài phải hy sinh thân thể của Ngài, để trả sạch nghiệp chướng giùm cho các người này, nếu không các đệ tử của Ngài sẽ có rắc rối, tu hành không xong và không thể giải thoát được. Nhưng đây chỉ là lúc Ngài còn tại thế. Hiện tại dù chúng ta có tin tưởng Ngài cũng không ích lợi chi, như lúc Ngài còn tại thế.

Vì vậy vị Sư Phụ tại thế khác với vị Sư Phụ xuất thế. Cũng như bác sĩ bây giờ khác với bác sĩ thời trước. Hoa Đà tuy là một vị y sĩ rất nổi tiếng được chúng ta tôn xưng là thần y; nhưng ông ta đã lia khỏi thế giới này, chúng ta có tôn kính ông ta đến đâu, sùng bái ông thế nào, ông cũng không thể tái xuất hiện để chữa bệnh cho chúng ta. Nếu muốn chữa bệnh hiện tại, thì chúng ta nên đi tìm bác sĩ đời nay.

Cũng vậy, chúng ta sùng bái các vị đại sư đã qua đời nhưng chúng ta không thể nào nói chuyện tiếp xúc với họ, không có cách nào theo họ học pháp môn tu hành. Nên vị đại sư tại thế rất là quan trọng, Chúa Giê-su, Phật Thích Ca, Lão Tử, đều là những vị đại sư vô cùng nổi danh. Tuy còn nhiều người khác cũng có đẳng cấp cao như họ, nhưng vì không nổi danh, cho nên chưa được biết đến.

Ví dụ như có một số bác sĩ đột nhiên trị được một chứng bệnh nan y nào đó, liền được phổ biến trên báo, và trở nên nổi tiếng. Còn nhiều bác sĩ khác cũng rất giỏi, tốt nghiệp y khoa và trị bệnh rất hay, nhưng không nổi danh, cho nên không có người biết đến.

Thí dụ trên thế giới này có rất nhiều người giàu có, đều thuộc hàng tỉ phú, nhưng ngoại trừ Rockefeller, Onassis, v.v..., chúng ta còn biết được bao nhiêu người nữa đâu? Có nhiều người còn giàu hơn họ, nhưng không ai biết đến. Có lẽ không có lý do đặc biệt để nổi tiếng, hay họ không thích nổi tiếng, hoặc bởi vì họ không phát minh sản phẩm gì đặc biệt trên quốc tế, cho nên không nổi tiếng.

Phật Thích Ca nổi tiếng là vì khi Ngài ra đi rồi có nhiều người có thể lực ảnh hưởng lớn sùng bái Ngài, và những người đó dùng thế lực sẵn có của họ truyền bá giáo lý của Ngài đến mọi nơi, biến thành một tôn giáo lớn trên thế giới.

Chúa Giê-su cũng rất nổi tiếng bởi vì cái chết của Ngài là phương thức đau khổ nhất trên thế giới. Ngài ra đi rồi các đệ tử của Ngài mới đi khắp nơi hoằng pháp truyền giáo lý của Ngài, nên lần lần mới được nổi danh. Trong lịch sử, Ngài là vị Giáo chủ truyền pháp đầu tiên bằng cách gánh nghiệp chướng cho chúng sanh mà phải chịu chết đau khổ trên thập tự giá. Ngài ra đi rồi, nhưng đôi khi còn hiện thân cho các đệ tử thấy, và có nhiều người khác cũng thấy được, cho nên Chúa Giê-su càng ngày càng nổi tiếng. Các vị đại tu hành khác, có người đẳng cấp của họ cũng rất cao, nhưng không bị chết đau đớn như thế, nên không nổi tiếng như Ngài.

Tuy những đấng cứu thế khác trên đời không nổi tiếng như Phật Thích Ca và Chúa Giê-su, nhưng đời đời kiếp kiếp cũng đều có các đấng cứu thế đó đến chỉ dạy cho chúng sanh. Nếu không có các vị này thì thế giới của chúng ta đã sớm bị hủy diệt rồi, vì đạo đức không đủ, ác nghiệp lại nhiều hơn thiện nghiệp, cho nên Âm Dương không thể quân bình; mà khi Âm Dương không quân bình thì thế giới không thể tồn tại nên biến thành địa ngục. Có hiểu ý của tôi không?

Địa ngục là gì? Là một nơi hoàn toàn không có đạo đức, là một nơi cho người hung ác trú ngụ, cho nên chỉ có sự trừng phạt và đau khổ. Thiên Đàng là gì? Thiên Đàng là một nơi vui nhiều

khỏ ít, nhưng thế giới của Phật là nơi tốt nhất, vì ở đó chỉ có cực lạc mà không có sự khổ não.

Nhìn lại thế giới của chúng ta, vừa có đau khổ vừa có khoái lạc, cho nên có Âm có Dương. Âm biểu hiện cho sự đen tối đau khổ, Dương biểu hiện cho sự quang minh đạo đức. Bậc đại tu hành thuộc phần của Dương, họ có đủ đạo đức, có ánh sáng, có lực lượng, có thể cứu chúng sanh, và làm cho lực lượng thiện ác của thế giới này trở nên quân bình hơn. Họ và các đệ tử của họ chân chính tu hành và làm cho thế giới này trở nên sáng sủa. Nếu không, ác nghiệp của chúng sanh sẽ nhuộm đen cả thế giới và biến nó thành địa ngục. Phật Thích Ca, Chúa Giê-su, Lão Tử, các Ngài đời đời đều là các vị đại tu hành, biểu hiện cho phẩm chất xán lạn và làm cho bầu không khí thiện ác của thế giới Ta Bà này trở nên quân bình. Ánh sáng đối với chúng ta rất là quan trọng. Chúng ta thấy người trên trời hay thiên thần đều có hào quang, còn ma quỷ thì không bao giờ có hào quang, vì ma quỷ biểu hiện cho sự đen tối. Phật và thiên thần biểu hiện cho sự xán lạn huy hoàng. Trên thế giới Ta Bà này có tối có sáng, cũng như ban ngày và ban đêm vậy. Nơi Phật ở thì có ánh sáng chan hòa, còn địa ngục thì hoàn toàn tối đen. Nếu như chúng ta có dịp đi xem địa ngục thì sẽ biết rõ. Nơi đó không có một chút ánh sáng, hoàn toàn đen tối. Nhưng ở thế giới của chúng ta thì có tối và sáng lẫn lộn, cho nên có khổ có sướng, có sáng có tối. Có người không thích cái đen tối của ban đêm và hy vọng ngày ngày đều sáng sủa. Nếu như muốn ngày ngày đều có ánh sáng thì nên tu hành Pháp Môn Quán Âm.

Tu Pháp Môn Quán Âm sẽ có ánh sáng. Chúng ta không phải chỉ quán âm thanh mà thôi. “*Âm thanh cũng là một thứ ánh sáng*”, mà chúng ta còn phải quán ánh sáng nữa, bởi vì nếu không có ánh sáng ai sẽ dẫn đường cho chúng ta đi? Chỉ nghe được âm thanh rồi chạy theo âm thanh, nhưng nếu không có ánh sáng dẫn đường thì làm sao đi? Cho nên Pháp Môn Quán Âm sẽ cho chúng ta ánh sáng này.

Chúng ta nghe nói người khai ngộ, trong một giây phút khai ngộ nào đó sẽ thấy được ánh sáng, xán lạn cả cõi trời, có phải như vậy không? Lúc ấy họ cảm thấy thân hình của họ như đã tiêu mất rồi chỉ còn một khối ánh sáng hiện hữu mà thôi. Giây phút khai ngộ đó có thể lâu đến năm mươi phút, hay là cả ngày. Đối với người khai ngộ đó, tuy họ vẫn còn sống tại thế giới Ta Bà này, nhưng cũng như họ sống trong thế giới của Phật vậy, vì đối với họ, dù ngày hay đêm cũng sáng sủa như nhau. Loại ánh sáng đó nếu như phát ra ngoài, người bình thường cũng có thể thấy được, cả căn phòng đen tối trở nên xán lạn rực rỡ, không cần phải dùng đèn cũng có thể nhìn thấy đồ vật trong phòng tối. Chỉ có người tu hành mới có thể đạt đến trình độ đó, nhưng thứ ánh sáng đó khác hẳn với ánh sáng đèn của chúng ta.

Nói ví dụ như, bây giờ tôi ngồi tại đây, giả sử tôi có hào quang và mắt trí huệ của quý vị đã mở, lúc đó quý vị sẽ thấy hào quang của tôi. Tuy rằng nơi giảng kinh này có rất nhiều đèn, nhưng ánh đèn này không bằng ánh sáng Phật, cho nên tuy là có ánh đèn, chúng ta cũng vẫn có thể thấy được hào quang, có hiểu ý của tôi chưa? Bởi vì ánh sáng Phật khác hẳn với ánh sáng vật chất của thế gian.

Tại sao chúng ta cần phải tìm Phật Quang này? Không tu hành, không tìm ánh sáng có được không? Được, nếu mình vẫn còn ưa thích thế giới này, thích có đen có trắng, thích có ngày có đêm, thì có thể ở lại, không cần tu hành. Nhưng nếu như một lòng ưa thích ánh sáng của siêu thế giới, vốn huyền diệu, thì có nhiều ích lợi hơn. Có thứ ánh sáng làm cho người ta được giải thoát, thứ ánh sáng này có thể làm cho con người trở thành những chúng sanh có đầy đủ trí huệ nhất, vĩ đại nhất trong vũ trụ. Muốn vậy phải tu hành theo Pháp Môn Quán Âm mới có đầy đủ loại ánh sáng này, để lên đến những nơi xán lạn.

Làm sao mới có thể tìm được nơi đó? Trước hết nên tìm một vị Minh Sư, “*Minh*” là gì? “*Minh*” tức là người đã minh bạch,

người đã có mặt trời, mặt trăng, có ánh sáng, có thể truyền cho chúng ta một chút ánh sáng của họ. Nếu không làm sao chúng ta biết được vị đó là Minh Sư. Bất cứ người nào cũng có thể xưng mình là Minh Sư, nhưng rốt cuộc tự mình cũng không minh bạch.

Ví dụ nếu như có người tự xưng mình là “*Sư Phụ*” hay Minh Sư, “*Sư Phụ*” bao hàm ý nghĩa “*thầy*” và “*cha*”, thì họ phải cho chúng ta một cái gì để chứng minh. Nếu họ nói họ là triệu phú, nhưng không thấy được tài sản của họ, làm sao chúng ta dám tin? Chúng ta không cần tất cả tài sản của họ, bởi vì tài sản đó là của họ, nhưng chúng ta chỉ hy vọng được một ít tiền của người đó, để tự mình có thể kinh doanh. Giả sử họ nói họ có thể cho chúng ta tiền, nhưng rốt cuộc không cho đồng nào, như thế chúng ta làm sao có thể tin họ là tỉ phú được? Cho dù họ là một tỉ phú thật, nhưng lúc ta khốn cùng nhất, chết đói gần kề, họ không những không giúp đỡ, mà còn lấy tiền của chúng ta, như vậy cho dù họ có phải là tỉ phú thật hay không, đối với chúng ta cũng đều vô ích. Nếu là tỉ phú thật thì tất sẽ giúp đỡ chúng ta chút ít rồi.

Minh Sư cũng thế, nếu họ nói họ có thể giúp cho chúng ta “*Khai Ngộ*”, nhưng chúng ta lại không có một điểm ánh sáng nào, không thấy một chút ánh sáng, cũng không nghe được một chút Phật âm nào, như vậy chúng ta làm sao tự biết mình có khai ngộ hay không? Có cái gì để ấn chứng? Bởi vì bây giờ và trước kia cũng giống như nhau, không có gì thay đổi. Nếu như chúng ta hỏi họ: “*Khai ngộ là gì?*” Họ trả lời: “*Cần phải tiếp tục tu hành, mười năm sau mới có thể biết được.*” Nếu chẳng may năm năm sau chúng ta chết mất hay là ngày mai vãng sanh, mà vẫn chưa khai ngộ, vẫn chưa kịp tìm được ánh sáng này, vẫn chưa thỏa mãn khát vọng khai ngộ của chúng ta, thì làm sao đây? Như vậy chỉ tổn phí thời giờ; có thể lúc đó chúng ta đã xuống địa ngục rồi và không có người cứu chúng ta, có hiểu ý của tôi không?

Cho nên vị Minh Sư chân chính đều có thứ ánh sáng này, khi họ truyền pháp họ có thể giúp cho chúng ta khai ngộ ngay, cho

chúng ta có một chút ấn chứng. Ít nhất họ cũng giúp chúng ta thấy được một chút ánh sáng, hay nghe được một chút âm thanh ở bên trong. Lúc truyền pháp chỉ giúp cho chúng ta khai ngộ ít, nhưng sau đó chúng ta ngày ngày đều phải gắng sức tu hành, mới có thể càng lúc càng phát triển cái “Ngộ” đó, kỳ vọng một ngày nào đó có thể được khai ngộ hoàn toàn. Sau khi truyền Tâm Ấn, ngày ngày đều phải tinh tấn tu hành thì thể nghiệm khai ngộ đó mới có thể tiếp tục duy trì hàng ngày, bởi vì nó đã trở thành tài sản của chúng ta. “Ánh sáng” và “Âm thanh” này tức là Pháp Môn Quán Âm. Chỉ có Minh Sư chân chính mới có thể giúp chúng ta thể nghiệm được.

Chúng ta vốn đã có ánh sáng và âm thanh ở bên trong. Đó là “Bản Tánh” của chúng ta, hay còn gọi là “Phật Tánh”, cũng đều như nhau. Chúa Giê-su nói: “*Thiên Quốc ở bên trong các người*”, Phật Thích Ca nói: “*Phật tại tâm*”, và Lão Tử cũng nói đạo lý tương tự như vậy, các Ngài không bảo chúng ta nên hướng ngoại tâm “Đạo”, cũng không nói chúng ta nên đi lạy núi, lạy nước, mới có thể tìm được “Đạo” này, có phải vậy không? Chủ ý của Đạo Đức Kinh cũng có hàm ý là chúng ta nên tự tìm “Đạo” ở bên trong của mình.

Nếu trong quá khứ các vị đại sư đều nhấn mạnh như vậy, thì tại sao chúng ta còn phải tìm bên ngoài? Tại sao chúng ta phải đến chùa để tìm? Tại sao không nghe ngược trở lại tự tánh của mình? Nhìn xem “Phật Tánh” của mình nằm ở đâu? Phải nhìn “Phật Tánh” bên trong! Không cần dùng dao mổ xẻ để xem mà phải dùng chìa khóa để mở! Vị Minh Sư chân chính sẽ có chiếc chìa khóa này, nếu họ không mở được thì không phải là Minh Sư. Nếu họ không thể cho chúng ta được một chút thể nghiệm khai ngộ thì họ không phải là người khai ngộ.

Pháp Môn Quán Âm tất phải có ánh sáng, vì có ánh sáng mới có thể soi đường cho chúng ta đi. Bởi vì cảnh giới rất nhiều, không có ánh sáng chúng ta làm sao thấy được. Giả sử chúng ta

muốn nhìn cảnh giới bên trong, nhìn vào kho tàng bên trong của chúng ta, nhưng không có ánh sáng làm sao chúng ta nhìn thấy được? Ngay cả thế giới này nếu không có ánh sáng thì chúng ta cũng không nhìn thấy gì, huống hồ là cảnh giới cao? Nếu không có ánh sáng soi đường, thì chúng ta không thấy gì hết. Cho nên ánh sáng rất quan trọng. Các vị tu hành đời xưa, khi họ khai ngộ, đã ghi lại các thể nghiệm của mình, lưu truyền cho người đời sau, cho nên chúng ta thấy lúc họ khai ngộ đều có hào quang, ít nhiều đều có, ban đầu có ít hào quang, về sau ngộ được lớn (*đại khai ngộ*) thì thấy được hào quang lớn. Hào quang đó sẽ phát ra, để người khác đều thấy được. Cho nên Phật Thích Ca có hào quang, Chúa Giê-su cũng có hào quang là ý đó. Có lúc chúng ta không tu hành, không tọa thiền, và cũng không có Minh Sư truyền pháp, cũng có thể có ánh sáng, hoặc đột nhiên nghe được âm thanh. Nhưng bất cứ hào quang hay ánh sáng bên trong, chỉ nghe được và thấy được trong chốc lát mà thôi. Không có Minh Sư truyền pháp, không thể tiếp tục duy trì được ánh sáng, hay nghe được âm thanh bên trong.

Hôm qua tôi có nói qua, có hai thứ âm thanh, một là “*Âm thanh phủ định*”, biểu hiện cho âm thanh trong Tam Giới. Còn một là âm thanh biểu hiện cho âm thanh ngoài Tam Giới, thuộc về “*Âm thanh Giải thoát*”. Nếu như chúng ta nghe âm thanh trong Tam Giới, sẽ đưa chúng ta trở lại luân hồi, nghe âm thanh ngoài Tam Giới, sẽ giúp chúng ta giải thoát. Nhưng nếu không có Minh Sư hướng dẫn, chúng ta không thể biết rõ để phân đoán âm thanh nào là thật, là tốt đẹp, có thể làm cho con người giải thoát; âm thanh nào là giả, không tốt, không thể giúp cho người giải thoát.

Ánh sáng cũng vậy, cũng có hai loại; một loại làm cho chúng ta được giải thoát, một loại làm cho chúng ta cứ luân hồi mãi. Cho nên không phải thấy được ánh sáng nào cũng có thể được giải thoát. Vì thế nên chúng ta cần phải có Minh Sư chỉ dẫn,

bởi vì họ biết loại ánh sáng và âm thanh nào là “*Phủ định*” hay “*Giải thoát*”, nên họ có thể dạy chúng ta phân đoán thật giả. Nếu không, chúng ta tự tọa thiền là được rồi, cần gì phải tìm Minh Sư chỉ dạy. Quý vị đừng lầm tưởng, tự mình tọa thiền hay niệm Phật là đủ. Đương nhiên cũng còn hơn là không có, nhưng đó không phải là tình trạng tốt nhất, cũng chưa hẳn là đạt được đại khai ngộ.

Cho nên từ xưa đến nay, các vị đại tu hành trước khi khai ngộ, phải vượt núi lội sông để đi tìm “*Minh Sư*”, đều là vì lý do đó. Nếu như tự mình tu hành là đủ rồi, thì cần gì phải tìm Minh Sư. Nghe nói Chúa Giê-su ra đời đã là một vị Thánh, là con của Thượng Đế, tại sao Ngài còn phải đi Ấn Độ, theo nhiều vị thầy tu hành mười mấy năm. Phật Thích Ca khi ra đời đã đi bảy bước, mỗi một bước đều hiện ra một đóa hoa sen, dưới chân có tất cả bảy đóa hoa sen. Bởi vì Ngài là Bồ Tát giáng sanh. Tuy là đại Bồ Tát, Ngài vẫn phải tìm Minh Sư học tập, sau đó lại phải khổ cực tu hành hơn sáu năm mới thành “*Đạo*”.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng chỉ là một người đốn củi không biết chữ, chỉ nghe người ta đọc Kinh Kim Cang thì liền đốn ngộ, nhưng vì sao còn phải tìm Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn xin thọ pháp, rồi lại ẩn tu mười sáu năm mới hoàn toàn khai ngộ, mới có thể truyền pháp cho người khác? Chúa Giê-su cũng theo nhiều vị đại sư tại Hy Mã Lạp Sơn tu hành mới có thể liễu ngộ nhiều đạo lý. Phật Thích Ca có sáu vị thầy, sau khi thành Phật, Ngài muốn trở về giảng Chân Lý cho họ để báo ơn, nhưng các vị này đều qua đời. Cho nên chúng ta đừng tưởng Phật Thích Ca không có thầy. Ngài có tới sáu vị. Bất cứ vị Bồ Tát nào xuống thế, đều phải đi tìm Minh Sư để tu hành mới có thể đắc “*Đạo*” được.

Ánh sáng có thể chia ra hai loại. Một loại thuộc về ánh sáng của Phật hay Thượng Đế, loại ánh sáng này có thể giúp chúng ta được giải thoát. Còn một loại ánh sáng chỉ làm con người luân hồi không dứt. Nếu chúng ta không có Minh Sư đắc “*Đạo*” chỉ

đay, tự thiên không đúng cách, tự tu sai đường, rồi có một ngày đột nhiên nghe được âm thanh bên trong, hay vô tình thấy được ánh sáng đó, chúng ta cũng được ít trí huệ.

Nhưng vì thiếu Minh Sư, khi thấy được ánh sáng hay nghe được âm thanh thuộc về đẳng cấp thấp, chúng ta không hiểu lại tưởng là tốt, nên sẽ bị thứ ánh sáng và âm thanh của đẳng cấp thấp giữ lại, làm cho chúng ta không thể vượt lên đẳng cấp tối cao, không thể đạt được đại trí huệ, chỉ được trí huệ nhỏ, trí huệ thấp, trí huệ trong Tam Giới, trí huệ của sáu đường. Sáu đường là gì? Trời, người, A-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Cho nên thấy được ánh sáng và nghe được âm thanh ở đẳng cấp thấp, chúng ta không đạt được Chân Lý tối cao. Có nhiều người hỏi tôi, họ ăn thịt cũng có thể thấy được ánh sáng, tại sao tôi khuyên mọi người nên ăn thuần chay? Lý do rất đơn giản là vì đạo lý mà tôi vừa mới nói, có hiểu chưa? Người tu hành ăn thịt cũng thấy ánh sáng ở đẳng cấp thấp, nhưng không tìm được Chân Lý, chỉ quanh quẩn trong sáu nẻo luân hồi. Nhưng vì họ tu hành nên cũng biết nhiều hơn người thường một chút.

Ví dụ cái ly dơ chưa được rửa sạch, cho dù chúng ta có bỏ gì vào trong, cũng không ích chi. Nếu chúng ta cố uống vào sẽ sinh bệnh ngay, bởi vì cái ly này đã dơ rồi, dù có bỏ gì vào, cũng trở thành độc, quý vị có hiểu không? Đồ sữa đậu nành vào sẽ trở thành chua, thành đắng; đồ rượu nho vào cũng uống không ngon. Dù có đựng nước đi nữa cũng có mùi. Mặc dù nước rất sạch, rượu nguyên chất, sữa đậu nành rất thơm, nhưng vì cái ly không sạch, chúng ta uống vào, không những không tốt, mà còn có hại vì uống phải chất dơ có độc vào bụng.

Cũng thế, người tu hành nếu “*thân, khẩu, ý*” không sạch, cho dù có tu hành tới đẳng cấp nào, đạt được quả vị gì, đều bị đẳng cấp này làm cho rắc rối. Cũng như cái ly dơ sẽ làm cho nước trong ly trở nên bẩn đục, ánh sáng đen là tự mình làm dơ mà ra, ánh sáng có sáng cũng nhờ tu hành sạch sẽ mà thành tự.

Thân, khẩu, và ý rất là quan trọng, không thể chỉ tu “*Khẩu*” mà thôi, ngày ngày không nói xấu người khác vẫn chưa đủ, còn phải nói chuyện đạo đức, không những không uống nước độc, mà chúng ta còn nên dùng những thực phẩm dinh dưỡng nữa. Cũng không thể chỉ tu “*Ý*”, ngày ngày không nghĩ đến việc xấu cũng chưa đủ, chúng ta còn phải làm việc tốt nữa. Nếu như mình bỏ thức ăn dơ vào miệng, như thịt của chúng sanh, cũng không được. Bất cứ chúng ta ăn gì, cũng sẽ ảnh hưởng đến cái “*Ý*” của chúng ta.

Quý vị xem, heo ăn thức ăn của heo, bò ăn thức ăn của bò, ngựa ăn thức ăn của ngựa, gà ăn thức ăn của gà, con người chúng ta nên ăn thức ăn của người; rau cỏ, trái cây chính là thức ăn của chúng ta. Trong Thánh Kinh có nói, Thượng Đế tạo các loại trái cây và rau cải cho chúng ta ăn, đó là thức ăn của con người vậy.

Trong bất cứ kinh điển nào Phật Thích Ca cũng đều nhấn mạnh không được sát sanh, không được ăn thịt chúng sanh. Ngài nói: “*Người tu hành ăn thịt không thể thành Phật, không thể thành Bồ Tát, bởi vì người ăn thịt không có lòng từ bi, ăn thịt sẽ đoạn mất hạt giống từ bi, cho nên cao lắm chỉ đạt được quả vị Ma Vương, còn không thì thành dân của Ma Vương, nếu tệ hơn thì thành Ma nữ.*” Điềm này Đức Phật nói rất rõ.

Cho nên bất cứ ai tu pháp môn nào, tôi cũng đều khuyên họ ăn thuần chay, như vậy ít ra cũng còn một chút hy vọng, sau này còn có cơ hội đi cảnh giới cao. Không nhất định phải theo tôi tu Pháp Môn Quán Âm, cũng không nhất định phải tin lời tôi, bất kể tu pháp môn nào, đều nên thanh tịnh “*thân, khẩu, ý*” của chính mình, như vậy mới có thể trừ đi những ảnh hưởng xấu. Ví dụ chúng ta uống một loại thuốc, có khi bác sĩ nhấn mạnh: “*Uống thứ thuốc này, về nhà đừng bao giờ uống cà phê, vì nếu không sẽ bị phản ứng, đối với chứng bệnh sẽ có ảnh hưởng xấu.*” Giống như lúc chúng ta nhức đầu, sau khi uống thuốc trị nhức đầu rồi, lại đau bụng hay sinh phản ứng khác, là ý nghĩa đó.

Nếu chúng ta muốn tu hành tốt, thì nên tịnh hóa “*thân, khẩu, ý*” của mình. Mỗi ngày nên tắm gội, giữ sạch bên ngoài, bên trong cũng nên tắm rửa sạch sẽ. Đa số mọi người đều quên rằng nguồn gốc con người vốn đã ăn thuần chay, nhưng bởi vì mỗi ngày tập thói quen ăn thịt, bây giờ bảo họ ăn thuần chay trở lại thật là một điều khó khăn. Nếu chúng ta không muốn bồng bế heo, gà, vịt, bò, dê vào trong lòng, tại sao lại mang xác chết của chúng bỏ vào miệng? Thật không đúng đạo lý chút nào.

Lúc này tôi có nói, ăn thịt cũng có thể thấy ánh sáng, cũng có thể nghe được âm thanh, chuyện đó không sai, nhưng đó không phải là loại ánh sáng và âm thanh làm cho người giải thoát. Nó không thuộc về ánh sáng và âm thanh của cảnh giới cao.

Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, đệ tử của Ngài đều là người xuất gia, đương nhiên là ăn chay, từ xưa đến nay tại Ấn Độ đa số đều ăn chay, cho nên nhiều vị đại sư đều xuất phát từ Ấn Độ, hay có liên quan đến Ấn Độ. Đệ tử tại gia của Phật Thích Ca cũng đều là Bồ Tát, cho nên có hai mươi lăm vị Bồ Tát như trong Kinh Lăng Nghiêm có nói đến, và cũng có rất nhiều người đã trở thành Bồ Tát tại gia.

Vì sao gọi họ là Bồ Tát? Là vì họ đã thọ Bồ Tát giới, trong giới của Bồ Tát có quy định, người thọ giới tuyệt đối không được ăn thịt, bởi vì những Bồ Tát tại gia đó đã thọ giới rồi, nên Phật Thích Ca mới truyền pháp môn cao cho họ, còn không thì họ chỉ là người thường tại gia mà thôi. Bồ Tát tại gia khi thọ Bồ Tát giới rồi thì không thể ăn thịt được, cho nên đẳng cấp của họ rất cao. Trong Kinh Lăng Nghiêm, họ có nói ra thể nghiệm của mỗi người, mới tu mà trình độ đã cao rồi, là nhờ không ăn thịt. Còn đệ tử xuất gia của Phật thì tất nhiên càng không được ăn thịt. Chúng ta được biết bất cứ kinh điển nào cũng đều nói người xuất gia không được ăn thịt, thật sự là như vậy. Nhưng Phật giáo ngày nay chỉ còn vài quốc gia là còn giữ giới ăn chay. Đại khái chỉ còn Phật giáo ở Ấn Độ, Âu Lạc, Formosa, đại lục Trung Quốc còn

ăn chay; còn các nước khác như Hàn Quốc, tỉ lệ ăn chay là 50%, Nhật Bản thì gần như 80% đều ăn thịt.

Cho nên bất cứ tu pháp môn gì, chúng ta đừng nên nhìn họ có nỗ lực tu hành hay không, mà phải để ý đến phương diện đạo đức của họ nữa. Không có “Giới”, thì không có “Định” thật sự, và không có “Trí Huệ” thật sự. Cho nên giới luật rất quan trọng. Giới luật là gì? Tức là làm người phải làm người tốt, còn phải phối hợp và tuân theo pháp luật của vũ trụ. Chúng ta không muốn bị giết hại thì đừng đi giết hại những động vật. Chúng ta không muốn bị ăn thịt, thì đừng nên đi ăn thịt kẻ khác. Chúng sanh đều có sanh mạng, đều tham sống sợ chết. Khi chúng ta giết loài vật, chúng rất sợ hãi, rất đau đớn, nên sinh ra chất độc và lòng hận thù khôn nguôi.

Trái lại thần thức của rau cải, cây cỏ, không phát triển đến tầm mức tham sống sợ chết, cho nên chúng ta ăn cây cỏ sẽ không bị nhiều nghiệp báo. Đương nhiên cũng sẽ có một chút nghiệp báo, vì giết bất cứ loại vật nào cũng đều có quả báo, nhưng vì chúng chưa có tâm muốn báo thù, cho nên chúng ta không bị tâm sân hận ấy kéo ta trở xuống. Chỉ cần chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm nhiều một chút, mỗi ngày ít nhất là hai tiếng rưỡi, thì nghiệp chướng nhỏ nhoi đó sẽ được rửa sạch rất nhanh. Nhưng nghiệp chướng của động vật không thể rửa sạch được một cách dễ dàng như vậy, bởi vì chúng có tư tưởng, sẽ lại tìm chúng ta để báo thù, không để chúng ta ra đi. Đó là lý do tại sao người ăn thịt của súc vật thì không thể tu đến cảnh giới cao được. Bởi vì ý nghĩa của “Giải thoát” là vĩnh viễn không trở lại. Nếu chúng ta vừa ăn thịt của chúng sanh, lại vừa muốn vĩnh viễn không trở lại, thì ai phải trả cái “nợ thịt” này, có hiểu ý của tôi không? Nếu ăn thịt lại được giải thoát như vậy là không có nhân quả. Pháp luật của vũ trụ này là “Có nhân tức có quả”, ăn thịt thì phải trả nợ thịt, do đó những người ăn thịt, không thể tu đến cảnh giới cao.

Đó là điều mà tôi căn cứ trên kinh điển mà nói, chứ không phải tôi phê bình các vị ở nơi đây. Bởi đã nói đến Chân Lý, thì nên nói lời chân thật. Biết được điều gì thì nên nói cái đó. Nếu như chỉ muốn nói những lời cho người ta vui thì tôi đâu cần phải nói, cũng không cần phải làm ni cô, không cần phải giảng kinh, chỉ cần ngày ngày chuyện trò với mọi người, khen người đó đẹp, khen người đó mặc y phục hợp thời trang, muốn làm gì cũng được, muốn hưởng thụ thế giới cũng không sao, chỉ cần quy y là được rồi, ăn thịt uống rượu cũng không thành vấn đề, như vậy để cho người nghe được vui mừng, không cần phải nói kinh gì hết.

Đối với những người ăn thịt cũng sẽ nói rằng ăn thịt không sao, ăn thịt sẽ làm cho thân thể khỏe mạnh. Nhưng vài ngày sau họ phải vào bệnh viện, bởi vì phần đông người ăn thịt sẽ mắc bệnh ung thư; còn người ăn thuần chay thì không bị bệnh gì hết. Thế giới này có những bệnh nan y cũng bởi vì con người hay ăn thịt nên mới bị. Người ăn thuần chay tuyệt đối không mắc những căn bệnh đó.

Vì vậy quý vị nên biết, nếu tôi chỉ muốn nói những lời cho quý vị vui, thì tôi không cần phải nói những đạo lý này, không cần phải nói đi nói lại khuyên quý vị nên ăn thuần chay. Ăn thuần chay là ngược với thói quen sinh hoạt hàng ngày của quý vị. Người nghe sẽ không ưa thích. Nhưng người tu hành cần phải nói sự thật, nói thẳng, nói cho những người có trí huệ nghe. Không Tử nói: *“Người quân tử tánh nên ngay thẳng (như ruột ngựa).”* Cho nên khi tôi nghĩ đến việc gì có lợi ích cho người khác thì nói ra, không cần người nghe có ưa thích hay không.

Không Tử nói: *“Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.”* Ý là những điều gì mình không muốn, đừng bắt người khác chịu. Câu nói này quý vị đều biết hết, thường hay lấy ra để dẫn chứng có phải không? Tại sao quý vị thích cái lý đó? Bởi vì Chân Lý nằm trong bản tánh của chúng ta, ai ai cũng đều mong muốn đạo lý tốt, những tư tưởng cao quý, những cách nói cao quý ấy vốn đã tiềm

ẩn bên trong của chúng ta. Con người vốn đã là cao quý nhất, quý vị không thể ăn thuần chay được chỉ vì tình trạng cá nhân không thuận tiện, có người bị vợ hay chồng cản trở, có người bị công việc làm ăn hạn chế, v.v...

Tuy nhiên, quý vị vẫn thích nghe chuyện đạo đức, thích nghe Chân Lý, bởi vì tôi tin rằng bên trong của quý vị đều có chỗ cao quý nhất. Đó là “*Phật Tánh*” của quý vị! Có “*Phật Tánh*”, hay có “*Thiên Quốc*” bên trong, thì làm sao mà không ưa thích Chân Lý? Làm sao mà không ưa thích tư tưởng cao quý được? Có phải như vậy không? (*Có người đáp: Phải.*) Trước kia vì chúng ta không nghe ai nói đến Chân Lý, cho nên không biết, chứ không phải mình không muốn làm. Luật Nhân Quả rất chính xác, rất lợi hại, không sai lầm một tí ti nào, trồng nhân gì thì có quả đó, không trốn được, nên có câu như “*Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó lọt.*”

Xưa kia, bên Ấn Độ có một vị đại tu hành, tên là Kabir. Một ngày nọ, lúc Ngài đi vắng, có người đến tìm. Người đồng tu của Ngài (*trước kia là vợ bây giờ là đệ tử, cho nên gọi đồng tu*) nói rằng Ngài đi đến nghĩa trang để đưa đám một người bạn. Người đó hỏi: “*Tôi chưa biết ông ta làm sao tìm được?*” (*Bởi vì đáng người Ấn Độ đều giống nhau, mặc quần áo cũng giống nhau, cũng như người xuất gia ở Formosa mặc tăng phục giống nhau.*) Vợ của Kabir bảo người đó: “*Ông đến đó nếu thấy có một người trên đầu có hào quang, người đó là Kabir.*” Người đó đến nghĩa địa thấy có nhiều người đang đào lỗ, có người khiêng quan tài, có người chuẩn bị việc chôn cất, trên đầu của mỗi người đều có hào quang, ông ta tìm không được Kabir. Vì trong lúc chôn cất, mọi người đều im lặng, nên người đó không dám hỏi, chỉ còn biết trở về hỏi vợ của Kabir: “*Tôi tìm không được ông Kabir bởi vì trên đầu của mỗi người đều có hào quang, bây giờ làm cách nào đây?*”

Vợ của Kabir trả lời: “*Được rồi không sao đâu, ông cứ trở lại nghĩa trang, đợi việc chôn cất xong họ trở về nhà, lúc đó chỉ*

còn một người trên đầu có hào quang mà thôi, người đó chính là Kabir.” Người đó nghe rồi liền trở lại nghĩa địa, đợi cho họ chôn cất xong rồi ra về, quả nhiên thấy có một người có hào quang trên đầu. Quý vị có biết tại sao không? Tại sao khi đi chôn đám ma mọi người đều có hào quang mà khi trở về thì chỉ còn có vị đại sư có hào quang?

Bởi vì trong lúc chôn cất tất cả các bạn hữu của người chết đều nghĩ đến việc tôn nghiêm, tập trung tư tưởng nghĩ rằng: *“Tại sao con người có sống có chết?”* Lúc đó vì một lòng muốn giải thoát nên phẩm chất xán lạn bên trong họ phát ra ánh sáng, vì thế người đến tìm mới thấy trên đầu mỗi người đều có hào quang. Bởi vì lúc đó họ thật sự liễu ngộ việc sanh tử luân hồi là đáng sợ nhất, hiểu được đời sống là vô thường, lúc đó họ không còn lưu luyến nhiều về thế giới Ta Bà này nữa, mà chỉ một lòng muốn tu hành cầu giải thoát, cho nên cái phẩm chất xán lạn bên trong mới hiện lộ, nên mới phát ra hào quang.

Thứ hào quang này người nào cũng có. Nhưng khi họ chôn cất xong, lúc trở về thì lại quên mất. Vì là người phàm, nếu ngày ngày không tập luyện thì không thể kiềm chế tạp niệm, không thể để cho tạp niệm chạy theo tư tưởng của chúng ta, quý vị có hiểu không? Có lúc chúng ta nghĩ phương Bắc nó đi Nam, chúng ta nghĩ Tây nó đi Đông: cả đầu óc Đông, Tây, Nam, Bắc đều nghĩ loạn bậy. Cho nên khi họ chôn cất xong trở về nhà, vì không còn thấy thân xác và quan tài, nên tư tưởng không còn điễm tựa rồi cũng tan biến. Lúc đó họ không còn nghĩ đến chuyện sanh tử luân hồi nữa, chỉ nghĩ đến chồng vợ, ăn, ngủ, chơi bời, các chuyện của thế tục, v.v... cho nên không có hào quang. Nếu chúng ta tập trung tư tưởng vào vấn đề sanh tử luân hồi, thì chúng ta nhất định sẽ có hào quang. Quý vị về nhà có thể thử xem. Những người này khi hoàn tất việc chôn cất trở về nhà, lúc đó trong lòng chỉ nghĩ đến chuyện của thế tục cho nên không còn hào quang nữa. Thế giới này là đen tối, thuộc về đẳng cấp thấp, lúc giận thì rất là đen, lúc

đó rơi vào đẳng cấp của địa ngục. Nghĩ đến chuyện của thế giới cũng đen, chỉ khi nào nghĩ đến phương diện tu hành mới có hào quang sáng mà thôi.

Vì Kabir tu hành lâu rồi nên giờ phút nào cũng trụ tâm vào việc tu hành. Tâm trụ trên tư tưởng thanh cao, cho nên lúc nào ông ta cũng có hào quang. Nếu như chúng ta nghĩ đến lý tưởng cao siêu thì sẽ biến thành sáng sủa. Chúng ta nghĩ đến chuyện của thế giới Ta Bà thì biến thành phạm phu; nghĩ đến tham sân si, thì sẽ biến thành ma quỷ, v.v...

Vừa rồi, tôi có nói qua nhân quả rất là chính xác, không sai một mảy may nào cả. Sư Tổ của tôi lúc còn tại thế có một người đệ tử rất cố gắng tu hành Pháp Môn Quán Âm. Một ngày nọ ra ngoài chơi, thấy có một con trùng đang bị kiến cắn rất là đau khổ, gần chết mà không chạy thoát được. Động lòng từ bi, ông ta cứu con trùng ra khỏi đám kiến, để nó ở một nơi an toàn rồi mới đuổi đàn kiến đi.

Đêm đó, khi ông ta tọa thiền, thấy có một đàn kiến rất đông dùng linh thể tinh tế vi diệu của chúng, chứ không dùng cái thân thể thô kệch đến cắn ông. Lúc ông ta nhìn thấy linh thể của đàn kiến thì rất sợ, đàn kiến đó lại cắn ông và oán trách (*dùng lời nói của loài kiến nói chuyện, sau khi chúng ta tu hành cao rồi có thể biết được lời nói của loài vật.*) Đàn kiến nói rằng: “*Con trùng đó vốn phải chịu nghiệp báo của nó, và phải trả sạch, tại sao ông xen vào việc này? Chúng tôi trả quả báo này, vì con trùng đó phải dùng sanh mạng của nó, để rửa sạch nghiệp chướng của nó đã tạo ra từ kiếp trước.*”

Bất cứ chúng ta làm việc gì cũng đều có nhân quả. Chúng ta muốn cứu người thì phải gánh nghiệp giùm cho họ. Nếu chúng ta có nhiều phước báu lớn, thì việc gánh vác nghiệp chướng của người khác mới không đến nỗi gì, nhưng vẫn phải chịu đau hay mắc bệnh một chút hoặc thân thể không được khỏe mạnh. Xấu nhất là như tình trạng của Chúa Giê-su, bị người ta đóng đinh trên

thánh giá. Ngài đã dùng phương thức đau đớn nhất để trả sạch nghiệp chướng cho chúng sanh. Phật Thích Ca cũng vậy, bị người ném đá, phỉ báng, có người còn muốn giết hại Ngài, vu cáo Ngài, v.v..., và còn rất nhiều chuyện phiền phức khác nữa.

Dù sau khi Ngài thành Phật, có lực lượng lớn mà vẫn còn bị người khác vu cáo, phỉ báng, sát hại là sao vậy? Bởi vì Ngài thấu rất nhiều đệ tử, và truyền pháp cho họ, cũng như gánh nghiệp chướng cho họ, dạy họ cách thức từ phạm phu trở thành thánh nhân, nên nghiệp chướng của họ đã được Ngài trả sạch giùm.

Cho nên khi chúng ta bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, thì đừng nên làm bậy. Chúng ta nên biết rõ hiện trạng nhân quả rồi mới làm, nếu không thì sẽ tạo nên rất nhiều phiền phức. Trong Kinh Kim Cang có nói rất nhiều chuyện nhưng chúng ta có thể không làm được, vì là kẻ phạm phu, không có đủ lực lượng. Quý vị thử nghĩ xem, chỉ vì muốn cứu một con trùng mà đã đem đến hậu quả ghê sợ như vậy, thử hỏi nếu chúng ta tự tạo ra nghiệp chướng thì hậu quả sẽ đến mức nào?

Đã hết giờ, quý vị còn có muốn hỏi gì nữa không? Câu hỏi lớn nhất của tôi là: *“Tại sao quý vị không tu hành? Tại sao có nhiều người không chịu tu hành vậy? Thế giới này rất vô thường, mạng sống rất ngắn ngủi, cùng lắm con người chỉ có thể sống đến trăm năm thôi. Có nhiều người than phiền là đời sống rất khổ cực, không có ý nghĩa gì cả, ngày ngày chỉ có ăn cơm, ngủ, làm việc; rồi lại làm việc, ngủ, ăn cơm. Thế nhưng vẫn có rất nhiều người còn lưu luyến thế giới này, không bỏ được, không rời được. Tại sao chúng sanh không nghĩ rằng tất cả chỉ là không?”* Đó mới là một câu hỏi khó có trả lời nhất của tôi.





4

Ý Nghĩa Của "Hoa Khai Kiến Phật"

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Đài Nam, Formosa**

Ngày 11 tháng 5 năm 1987

Hôm nay, tôi nghe nói mía và khoai lang ở đây rất ngon, nghe rồi mừng quá không muốn bỏ đi. *(Mọi người cười.)* Chỉ cần có khoai lang và mía là tôi có thể ở lại. *(Mọi người cười.)* Ở Đài Nam cũng như ở quê nhà vậy, quê hương Âu Lạc của tôi cũng có mía ngọt. Phụ thân của tôi là một y sĩ đông y, hàng năm chữa lành bệnh rất nhiều người. Ông có biệt tài chữa bệnh, những bệnh nhân mà các bác sĩ khác không thể chữa được, đưa đến ông dù bệnh nhân không có tiền, ông cũng tận lực cứu chữa. Ông dùng thuốc rất đơn giản, tự mình bào chế, hình như pha trộn thuốc tây và thuốc bắc rồi cho người bệnh uống nên bệnh mau khỏi. Quanh năm thường có rất nhiều bệnh nhân đến tạ ơn, biếu những trái cây theo từng mùa, ví dụ như mía và khoai lang hoặc đường mật; đối với tôi thườ nhỏ những món quà này là những lễ vật đáng giá nhất trên đời.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn ưa thích. Nghe nói Đài Nam có mía và khoai lang ngon, tôi liền cảm thấy như là sống ở quê nhà vậy, cho nên hôm nay giảng kinh có lẽ sẽ hay lắm. (*Mọi người cười.*) Tôi rất phục sự thông minh của người Formosa, thủ công nghệ của họ rất giỏi, làm cái gì cũng rất đẹp. Lúc còn ở bên Đức, tôi cũng thường mua những đồ thủ công nghệ của Formosa, vừa rẻ vừa đẹp, lại vừa thích hợp, cho dù là giả cũng giống như thật, khiến cho người ta không thể nào phân biệt được.

Sau khi đến Formosa thấy họ nấu ăn tốn nhiều thời giờ quá, tôi nghĩ rằng không phải là người Formosa háu ăn. Nếu họ háu ăn thì bất cứ món gì cũng ăn hết, nhưng người Formosa bỏ nhiều thời giờ để nấu ăn, làm cho thức ăn đầy đủ mùi vị và màu sắc, không những là để ăn mà còn để ý đến nghệ thuật ăn. Đó cũng là một quan niệm thích làm đẹp. Formosa và Nhật Bản đều nổi tiếng về nghệ thuật cắm hoa, nhưng tâm của người Nhật hình như không được "*rộng lượng*". Tôi không có thành kiến đối với họ, vì tôi thấy họ cắm hoa, cắm rất ít, chỉ một hai nhánh hay một hai cây; còn người Formosa thì cắm rất nhiều. Ở Formosa bất cứ vật gì cũng đều được trang trí rất đàng hoàng, điều đó biểu lộ tâm của họ rất rộng rãi.

Cũng như một ly nước nếu đầy quá sẽ tràn ra, tại sao vậy? Việc đó biểu lộ rằng: Họ sinh ra từ mảnh đất tốt. Cho nên ở Formosa chùa chiền đều được xây cất rất vĩ đại. Nếu có Pháp hội thì bất luận vị pháp sư nào có nổi tiếng hay không, có biết giảng kinh hay không, đều có rất nhiều người đến tham dự để nghe thuyết giảng, nghe những chuyện đạo đức. Bởi vì quý vị đã chuẩn bị hết rồi, đăng cấp bên trong đã cao rồi, cho nên mới ưa thích những việc đó. Hành động này có liên quan đến đăng cấp cao hay thấp.

Chúng ta nghe nói Thiên Đàng rất đẹp và chỗ ngự của Phật A Di Đà cũng rất đẹp, chúng ta có thể từ nơi đó xuống trần, cho nên đến nay chúng ta vẫn ưa thích những đồ tốt, như thích hoa

đẹp, thức ăn cũng trang trí cho có mỹ thuật đẹp mắt. Một miếng đậu hũ cũng được quý vị nấu ngon và trình bày đẹp mắt, là vì quý vị có quan niệm về thẩm mỹ. Người Formosa đều ưa thích những đồ rất lộng lẫy, mặc áo quần cũng đẹp đẽ xinh tươi, cho dù người nghèo cũng ăn mặc tươm tất sạch sẽ. Điều này biểu lộ rằng đời trước, nếu quý vị không phải là vua chúa hoặc là quý nhân hay quan lớn, thì cũng là ở cõi trên xuống. Cho nên ở Formosa người tu hành rất nhiều. Theo truyền thống của Phật giáo mà nói, Formosa bây giờ xem là một nước còn lưu lại đặc tính cổ truyền của Phật giáo, còn Phật giáo ở những chỗ khác đều bị suy tàn và biến dạng, không còn theo Phật giáo nguyên bản cổ truyền nữa. Ở Formosa bất cứ ai tu theo Mật Tông, Tịnh Độ Tông, tu Đại thừa hay tu Tiểu thừa, đều gọi là tỷ kheo hay tỷ kheo ni. Những vị này đều trường chay, không kết hôn. Phật giáo nguyên thủy vốn là như vậy. Lúc Phật Thích Ca còn tại thế thì truyền thống đó đã như thế, bây giờ chỉ có Formosa là còn duy trì được sự đơn thuần của Phật giáo, nếu như quý vị đọc sách sẽ biết được. Phật giáo ở những quốc gia khác, ăn thịt uống rượu cũng được, xuất gia kết hôn cũng không sao, nhưng tại Formosa rất may tình trạng này chưa xảy ra. Tôi nghĩ đó là vì Formosa còn đây phước báu mới có thể tiếp tục duy trì được truyền thống Phật giáo đơn thuần này.

Tôi đến các nước khác, thí dụ như Miến Điện, mới nhìn qua cũng là một quốc gia mà Phật giáo rất phát triển, có nhiều người xuất gia hơn ở Formosa, nơi nào cũng đều có người xuất gia mặc áo nâu sòng, đại hòa thượng, tiểu hòa thượng rất nhiều, nhìn họ đều hớn hờ vui tươi. Tôi thấy Phật giáo nơi này có nhiều người xuất gia như vậy nên mừng lắm. Rốt cuộc khi thấy cách sống của họ khác hẳn lúc Phật Thích Ca còn tại thế. Vì ở Miến Điện ai muốn xuất gia bao lâu cũng được, hai ba tháng cũng được. Cả vợ lẫn chồng mới thành hôn, nếu như giận nhau, ly thân hay vì một vấn đề gì đó, liền tới chùa, cạo đầu phát nguyện xuất gia ba tháng; mỗi ngày cũng đi khát thực, giống như người xuất gia vậy;

ba tháng sau lại hoàn tục, tiếp tục làm vợ chồng như trước. Đứa trẻ bảy tuổi cũng đi xuất gia, một hai năm sau lại hoàn tục. Do đó mới nhìn thì thấy có rất nhiều người xuất gia. Đương nhiên, như vậy cũng hữu dụng, cũng có ảnh hưởng, nhưng họ không ăn chay, không được thuần túy như ở Formosa.

Ngày nay tình trạng ở Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng giống nhau, chỉ còn Phật giáo ở Formosa là được thuần túy trăm phần trăm. Trong lúc này, tôi chỉ đề cập đến người xuất gia, còn tình trạng của người tại gia như thế nào tôi không được rõ.

Tôi thấy rằng, Phật giáo ở Formosa ít nhất cũng thuần túy hơn những nơi khác. Phật Thích Ca có nói trong Kinh Lăng Nghiêm: *“Bất cứ người nào (xuất gia hay tại gia) nếu không ăn chay, lại đi ăn thịt, cho dù họ tu thiền định tốt mấy đi nữa cũng sẽ có ma chướng, sẽ không thành Bồ Tát; những người tu thiền mà ăn thịt, cùng lắm chỉ thành Ma Vương, thấp hơn thì làm Ma, tệ nhất là Ma nữ. Bởi vì ăn thịt sẽ bị đoạn hạt giống từ bi, đoạn hạt giống Bồ Tát.”* Cho nên theo Kinh Lăng Nghiêm, thì chỉ còn người xuất gia ở Formosa là tuân theo giáo lý của đức Phật một cách đúng đắn.

Hôm nay là ngày giảng kinh đầu tiên cho quý vị, nên tôi mới chuyện trò với quý vị trước. Bình thường tôi giảng kinh cũng vậy mà thôi. Đối với tôi giảng kinh là việc rất thông thường, tôi không đọc sách giảng kinh, trước khi giảng cũng không soạn trước. Tôi nói *“kinh tự nhiên”*; dùng lời nói dễ hiểu nhất, không dùng lời khó hiểu, hay là cổ văn khiến cho người nghe không hiểu gì, ngay cả tôi cũng không hiểu luôn. *(Mọi người cười.)* Đã giảng kinh thì nên giảng sao cho mọi người nghe đều hiểu, không cần đòi hỏi học vấn của họ cao hay thấp. Cho nên tôi giảng kinh rất đơn giản, rất minh bạch. Ai muốn hỏi vấn đề gì thì tôi nói cái đó. Nếu bảo tôi vừa đọc kinh vừa giảng, sẽ càng làm cho mình quên hết những điều phải nói. Tôi để cho kinh diễn trong đầu óc

tự nhiên chạy ra, muốn nói về đề tài gì thì nói ngay tới cái đó. Bây giờ bắt đầu giảng kinh, nhưng cũng giống như từ trước tới giờ, không có gì đặc biệt, quý vị thích nghe kinh gì? (*Mọi người đáp: "Kinh A Di Đà."*) Tốt! Không thành vấn đề. Quý vị đừng tưởng rằng tôi tu thiền thì không thích Kinh A Di Đà, thật ra tôi rất thích Kinh A Di Đà. Xưa kia lúc tôi chưa đi Ấn Độ, chỉ toàn niệm Kinh A Di Đà, niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà rất đơn giản, đứa nhỏ cũng biết niệm, cho nên tôi thấy cách dễ nhất là dạy người ta niệm Phật A Di Đà.

Bây giờ, tôi muốn nói đến lợi ích của niệm Phật A Di Đà, A Di Đà tiếng Phạn là Amitabha. Chữ này vốn không có chữ Phật ở trong đó, nhưng khi dịch ra chữ Tàu biến thành Phật A Di Đà, thêm một chữ Phật. Nghĩa của tiếng Phạn Amitabha là Vô Lượng Quang, Amitayus là Vô Lượng Thọ.

"*Vô Lượng Quang*" là gì? Chúng ta thường nghe: "*Phật quang thường chiếu*", nếu như Phật A Di Đà có Vô Lượng Quang, tại sao chúng ta không thấy được? Cho nên chúng ta sẽ tự hỏi: "*Phật quang thường chiếu nghĩa là gì? Chiếu ở đâu? Khi nào mới chiếu? Chúng ta làm sao thấy được cái thường chiếu của Phật quang này?*" Trong Kinh A Di Đà, Phật Thích Ca nói: "*Chư Phật luôn luôn có Vô Lượng Quang.*" Cho nên nói "*Phật quang thường chiếu.*"

Chúng ta nghe nói khi vãng sanh nếu tu hành tốt, Phật sẽ phóng hào quang đến rước chúng ta, có phải vậy không? Nhưng bây giờ nếu như chúng ta không thấy được ánh sáng sẽ không khỏi có chút hoài nghi, bởi vì chúng ta không biết lúc vãng sanh sẽ thấy được ánh sáng không, Phật quang sẽ chiếu hay không? Bây giờ chúng ta đã mù như vậy, không thấy được ánh sáng Phật, lúc vãng sanh không biết mắt của chúng ta có mở hay không? Có thể thấy được ánh sáng Phật hay không? Người niệm Phật như chúng ta rất tin Phật, nhưng đôi lúc cũng sẽ hỏi những câu như vậy, phải không?

Vì lúc phiên dịch, thêm một chữ “*Phật*”, kết quả chúng ta đã bị nhốt vào đó, bị chấp vào đó, nếu như ban đầu chỉ phiên dịch Amitabha, thì người ta sẽ không nghĩ có A Di Đà “*Phật*”. Amitabha là “*Vô Lượng Quang*”, Amitayus là “*Vô Lượng Thọ*”. Chúng ta vốn là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Chúng ta không phải là thân xác này, nhưng giờ đây chúng ta đã đứt đoạn với cái Vô Lượng Quang đó, bị thân thể này bao lại, tình trạng này cũng giống như lấy một ly nước úp trong biển, nước trong ly tưởng rằng mình ít như vậy, tưởng rằng mình khác với nước biển. Nhưng nếu có người lấy cái ly này đi, nước ở trong ly và nước ngoài ly chỉ là một, sẽ hòa hợp lại thành một thể, bởi vì chúng vốn đồng một phẩm chất.

Bản Lai Diện Mục là gì? Bản tánh của chúng ta tức là “*Ánh sáng*”. Nếu có người dùng pháp môn nào đó để mở ra thân mình này, dĩ nhiên tôi không phải lấy dao để mở ra, mà chỉ dùng pháp môn bất khả tư nghị nào đó, làm cho cái “*Hữu Lượng Quang*” trong thân mình này lia khỏi sự bó buộc của nhục thể, và dính liền với “*Vô Lượng Quang*”; cũng như sau khi lấy đi cái ly ở trong biển, nước ở trong ly tự nhiên sẽ hòa hợp với nước biển, và nước sẽ trở lại y như lúc chưa bị chia ra vậy. Lúc đó chúng ta sẽ biết rằng, chúng ta tức là Vô Lượng Quang.

Ngoài Vô Lượng Quang ra, tại sao lại nói “*Vô Lượng Thọ*”? Là vì chúng ta vốn không sanh cũng như không diệt, cho nên trong Bát Nhã Tâm Kinh có nói các pháp không hình không tướng, không sanh không diệt, không sạch không dơ, không thêm không bớt..., ý nghĩa của câu này với Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ đều giống như nhau. Phật Thích Ca giảng kinh nào cũng dùng rất nhiều ví dụ, dùng đủ mọi cách để cho chúng sanh hiểu được cái bản tánh của họ, tùy theo trình độ của chúng sanh, Ngài dùng những ví dụ tương xứng với trình độ của họ. Cho nên không phải là Tâm Kinh hay Kinh A Di Đà có gì khác nhau, mà thật ra hoàn toàn giống nhau.

Trong Kinh Pháp Hoa, Phật Thích Ca dạy rằng: *“Phật xuất hiện ở đời là bởi vì muốn cho chúng sinh hiểu được cái biết, cái thấy của Phật, cái trí huệ của Phật; muốn chúng sanh cũng thành Phật.”* Ngài đến đây không phải để dạy người ta tôn sùng hay kính bái Ngài, đánh lễ Ngài, đời đời kiếp kiếp xưng tán Ngài là người vĩ đại nhất trên thế giới. Ngài nói: *“Chư Phật xuất hiện là vì muốn chúng sanh thành Phật, muốn chúng sanh hiểu biết được trí huệ của Phật”*, tức là đã thành Phật rồi. Phật Thích Ca vì mục đích đó, mới đến thế giới Ta Bà này. Cho nên bất cứ kinh điển nào, bất cứ ví dụ gì, đều là vì muốn cho chúng sanh thành Phật, bất cứ là Tâm Kinh hay Kinh A Di Đà, mục đích tối cao nhất cũng đều như nhau; giống nhau ở điểm nào, chút nữa tôi sẽ nói.

Ngoài ra còn có một bộ kinh có liên quan với Kinh A Di Đà tức là Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Trong bộ kinh này, Phật Thích Ca nói chúng ta nên làm cách nào để quán tưởng Phật A Di Đà, quán tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, còn nói rõ Tây phương Tịnh Độ có những quang cảnh gì, muốn đạt được thượng phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, hạ phẩm hạ sanh, v.v..., nên có những điều kiện gì? Nên tu mười sáu thứ quán tưởng mới có thể vãng sanh Tây phương, đó là đại khái nội dung của Kinh Quán Vô Lượng Thọ, thật ra đó cũng xem như là Kinh A Di Đà.

Trong Kinh A Di Đà có ghi: *“Một lòng xưng niệm Phật A Di Đà, một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn, sẽ sanh tại Tây phương.”* Nhưng chúng ta thử niệm xem có thể giữ được nhất tâm bất loạn không? Một niệm cũng không được, đừng nên nói chỉ một ngày, hai ngày, là cho đến bảy ngày. Tại sao cái pháp môn đơn giản như thế, chúng ta cũng làm không được? Nhất định có chỗ nào không đúng. Bởi vì chúng ta không thấy được *“Vô Lượng Quang”*, chỉ biết dùng miệng niệm mà thôi. Như vậy chưa đủ, *“Niệm”* có ý nghĩa là *“tưởng niệm”*, hai chữ tưởng niệm trong chữ Trung Hoa bao gồm là chữ *“Tâm”*,

ý nói phải dùng “*Tâm*” niệm. Nếu muốn dùng “*Tâm*” niệm thì trước tiên phải thấy được rồi mới có thể dùng “*Tâm*” mà niệm, có phải như vậy không?

Ví dụ một người con trai tưởng nhớ một người con gái, cần phải gặp mặt rồi sau đó mới tưởng nhớ được, phải không? Ít nhất cũng phải nghe được tiếng nói của đối phương, hay thấy được đôi tay của cô gái, hoặc thấy cô đó đi ngang qua, hay thấy mặt của cô ấy, như vậy về nhà mới tương tư được phải không? Tương tư tức là hai người tưởng nhớ đến nhau, không thấy mặt làm sao mà tưởng nhớ? Có hiểu ý chưa? Nếu cứ bắt buộc đầu óc của chúng ta tưởng nhớ, thì ta sẽ nhưc đầu. Xưa kia con gái đều bị nhốt trong nhà, không thể ra ngoài dễ dàng, cho nên ít có những chuyện tình như vậy, cơ hội bị bệnh tương tư rất ít. Bây giờ thì nhiều hơn, hai bên trai gái có nhiều cơ hội gặp mặt, cho nên tưởng nhớ cũng nhiều.

Cũng vậy, nếu như chúng ta muốn “*tưởng niệm Phật*”, mà không thấy được Phật, làm sao có thể tưởng niệm? Cho nên rất khó “*nhất tâm bất loạn*”. Không phải chúng ta không muốn, nhưng bởi vì chúng ta không thấy được Phật. Cho nên nếu muốn nhất tâm bất loạn, thì nên thấy được Vô Lượng Quang trước, thấy được Amitabha. Đem cái “*Hữu Lượng Quang*” của chúng ta tương hợp với “*Vô Lượng Quang*”, lúc đó mới có thể tương tư, mới có thể “*tưởng niệm*”, Phật mới liên lạc được với chúng ta, chúng ta mới có thể giao cảm với Phật được.

Đã là Vô Lượng Quang thì bên trong của chúng ta vẫn còn có ánh sáng, bất luận ánh sáng này lớn hay nhỏ. Chỉ cần có ánh sáng này thì nhất định sẽ có phương pháp thấy được Vô Lượng Quang. Lúc thấy được ánh sáng còn gọi là “*Hoa khai kiến Phật*”. Phật không phải là dáng hình mà mọi người thường tưởng tượng. Lẽ dĩ nhiên Phật có thể biến hóa thành một dáng người, nhưng đó không phải là dáng hình vốn có của Ngài. Phật là vô hình vô tướng, nhưng có thể biến hóa thành bất cứ hình dáng nào, cho nên

mới nói “*Phật Thích Ca có trăm ngàn vạn ức hóa thân*”, “*Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ức khắp trần xá*”, “*Vô Lượng Quang, quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệt vô biên*”, bởi vì các Ngài vốn là Vô Lượng Quang, muốn biến thành hình dáng nào cũng được.

Bây giờ chúng ta lại nói đến “*Hoa khai kiến Phật*”, nhưng thấy Phật nào? Tức là thấy “*Vô Lượng Quang*” này, ánh sáng này sẽ biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ biến thành Phật A Di Đà, biến thành Đại Thế Chí Bồ Tát. Muốn biến thành ai cũng được, đều là từ Vô Lượng Quang của chúng ta biến hóa ra, cho nên nói rằng “*tất cả đều do tâm tạo*”. Nhưng khi chúng ta chưa tìm được cái “*Tâm*” này, chúng ta không thể nói “*tất cả đều do tâm tạo*”, bởi vì chúng ta không thể biến hóa được cái gì hết. Chúng ta muốn hết bệnh, bệnh không hết, muốn phát tài, rớt cuộc lại không có tiền. Muốn đi Tây phương, rớt cuộc lại đi Đông phương (*mọi người cười*), muốn đi Thiên Đàng rớt cuộc lại xuống địa ngục, đó là vì chúng ta chưa tìm được cái “*Tâm*” của chúng ta, cho nên không thể nói “*tất cả đều do tâm tạo*”. Khi chưa thấy được Vô Lượng Quang, chúng ta chưa thực sự “*niệm Phật*”. Tôi chỉ căn cứ theo kinh điển mà nói, chứ không phải muốn phê bình quý vị niệm Phật. Tôi cũng không biết quý vị niệm Phật như thế nào? Chỉ nói ra để cho mọi người hiểu và tham khảo mà thôi!

Bên trong chúng ta có một cánh cửa. Thật ra cũng không phải là cửa; nói là con mắt cũng không phải là con mắt, nhưng từ nơi đó chúng ta có thể mở được trí huệ của chúng ta, cho nên mới có người gọi nó là “*mắt trí huệ*”. Sau khi mở mắt trí huệ này, ta có thể thấy Phật, có được trí huệ của Phật, cho nên có người gọi nó là “*mắt Phật*”. Nếu chúng ta biết cách mở chỗ đó, chúng ta sẽ thấy được cái “*bản tánh*” của mình, thấy được chúng ta, tức là “*ánh sáng*”. Ban đầu thì chỉ thấy được “*Hữu Lượng Quang*”, nhưng thấy nhiều rồi thì sẽ phá được lớp áo ràng buộc ở bên ngoài và có thể biến thành “*Vô Lượng Quang*”. Sau khi thành

Vô Lượng Quang thì biến thành “*Vô Lượng Thọ*”. Lúc đó chúng ta đã liễu thoát sanh tử, không sanh không diệt, không tới không đi, biến thành “*Như Lai*”. Tuy rằng đa số chúng ta tu rất nhiều pháp môn, nhưng lại quên mất trọng điểm này. Trước tiên phải mở cái cửa đó, nơi này có ánh sáng, sau khi mở được cửa đó mới thấy được con đường. Sau khi mở được “*mắt trí huệ*” này, chúng ta mới thật sự có trí huệ, sau khi mở được mắt Phật, chúng ta mới có thể thấy được “*Phật Tánh*” hay là “*Phật quang*”, hoặc là “*Ánh sáng tự tánh*”. Ánh sáng Phật là ánh sáng của tự chính chúng ta, bởi vì chúng ta vốn là Phật, cho nên Phật Thích Ca mới nói “*Chúng sanh đều có Phật Tánh*”, Ngài không có lường gạt chúng ta, chỉ vì chúng ta không tự biết mà thôi. Không mở “*cửa*” là lỗi của chúng ta, mở được “*cửa trí huệ*” này rồi, chúng ta mới hiểu biết, Phật Thích Ca diễn tả Phật A Di Đà như thế nào, lúc đó mới bắt đầu nhận biết được A Di Đà, mới có thể tưởng niệm Ngài, ban đầu chỉ nhận biết một ít, sau này tưởng niệm càng nhiều thì nhận thức càng cao, lúc đó mới thực sự là “*niệm Phật*”. “*niệm Phật*” theo cách đó nhất định sẽ vãng sanh, không cần phải đợi đến sáu mươi, bảy mươi tuổi mới vãng sanh, hiện tại có thể vãng sanh ngay.

Ý nghĩa của vãng sanh là gì? Tức là “*ra đi*”, ra đi là gì? Tức là chân thể hay là con người thật của chúng ta thoát ra từ thân thể này, cũng như tôi vừa mới nói đến cái ly nước, nước bị giữ trong ly, nếu như lấy đi cái ly thì nước sẽ hòa tan trong biển, còn như không dời cái ly đi, nước trong ly sẽ dần dần biến chất, có mùi vị, hôi thối không dùng được nữa. Dòng nước cũng vậy, nếu như cứ chảy mãi không ngừng, sẽ làm cho nước được trong sạch. Nếu như có ai xây một cái hồ không cho nước lưu thông, trải qua một thời gian nước bị ứ đọng, sẽ bắt đầu sanh ra muỗi mòng, cá, ếch và còn nhiều thứ khác nữa, nên nước không được trong sạch như lúc trước. Bởi vì nước trong hồ không lưu thông, không hòa với dòng nước, sẽ trở thành “*nước chết*”.

Tương tự như vậy, nếu chúng ta bị cái thân thể này nhốt lại, ánh sáng của chúng ta mỗi lúc mỗi tối đen, rồi càng bị ràng buộc chúng ta lại càng đau khổ, bởi khi chúng ta bị gián đoạn với “*dòng ánh sáng lớn*” này, không câu thông được, cho nên trở thành cô đơn và sanh ra sự đau khổ. Làm bất cứ việc gì cũng không vừa ý, bất cứ ai cho chúng ta vật gì cũng không vừa lòng. Dần dần thân thể chúng ta sẽ bị hư hoại, cùng lắm chỉ sống một trăm năm mà thôi. Sau khi thân thể chúng ta bị thối rữa rồi, ánh sáng cũng tiêu tan luôn không còn trong thân thể đó nữa. Tất cả chúng ta đều kỳ vọng tự mình có thể vãng sanh, muốn vãng sanh thì phải thực tập vãng sanh ngay từ bây giờ. Đợi đến chừng nào chúng ta mới tập vãng sanh? Nếu chần chờ do dự, đợi thời gian đến rồi chúng ta không biết phải làm sao?

Ví dụ nếu lúc nhỏ chúng ta không chịu học hành, khi lớn lên có thể nào biến thành con người có học vấn không? Chết rồi lại càng không thể biến thành người có học vấn. Cho nên muốn có học vấn, cần phải học tập trước, không học làm sao có thể thành công được. Một người nông phu chết rồi không thể biến thành bác sĩ được. Cũng thế, nếu như bây giờ chúng ta không biết vãng sanh là gì? Đợi thời gian trôi qua, đến một ngày nào đó chúng ta bị cưỡng bách lia đời, lúc ấy không phải là vãng sanh thực sự.

Cho nên niệm Phật phải biết niệm cách nào mới đạt được “*nhất tâm bất loạn*”, mới có thể bảo đảm vãng sanh. Nếu bây giờ đã biết vãng sanh rồi, chỉ cần chờ tất cả nhân quả của đời này giải quyết xong, chúng ta có thể đi ngay. Từ xưa đến nay có rất nhiều vị đại sư biết trước ngày đi. Trước khi đi, họ sẽ báo trước cho các đệ tử của họ thời gian ra đi. Nếu như được yêu cầu hoãn lại một vài ngày, họ cũng có thể nán lại được, bởi vì họ đã biết trước và đã chuẩn bị xong rồi. Họ sẽ tắm rửa và triệu tập các đệ tử đến, mọi người cùng chung uống trà (*mọi người cười*), dùng trà xong mới an nhàn lia trần. Bởi vì mỗi ngày họ thực tập vãng sanh, đã quen thuộc hết rồi, cũng như mình đi chợ mua rau cải, ngày ngày

đi qua đi lại nên đã thuộc đường, cho dù có nhắm mắt cũng có thể đến nơi, cho nên đối với họ vãng sanh rất là đơn giản.

Nếu như mỗi ngày chúng ta đều đóng cửa không ra ngoài, sau một thời gian, cửa sẽ không mở được nữa, có phải như vậy không? Bởi vì cửa đã bị rỉ sét, cho dù có chìa khóa cũng không mở được, cánh cửa như bị đóng kín lại. Thân thể của chúng ta cũng có một cánh cửa, nếu như bây giờ chúng ta không cố gắng mở từ từ, đợi đến khi muốn đi thì sợ rằng sẽ khó mở được. Cho nên khi chúng ta thấy những người lâm chung, bị dằn vặt đau khổ là vì trước kia họ không cố công tu hành, nên chính linh hồn (*linh thể*) của họ tức là chủ nhân, cái “*Chân nhân*” của họ muốn đi, nhưng cửa không mở ra được, chạy cùng khắp nơi, hoảng hốt đau khổ, không biết mở cửa cách nào và không biết phải đi về đâu. Cũng như lúc hỏa hoạn, nếu như không cách nào chạy ra cửa chính, chỉ còn cách kéo rách màn, phá cửa sổ, hay là từ cửa sổ trong phòng vệ sinh nhảy ra. Lúc nhảy ra có thể bị té gãy tay hay gãy chân, hoặc bị thương tích xây xát thân thể. Trong tình trạng gấp rút không thể nào thoát ra bằng cửa chính, bởi vì quá khẩn cấp rồi, chỉ còn cách nhảy đại ra. Rốt cuộc bị thương hay đụng trúng những vật gây nguy hiểm đến tính mạng.

Cũng vậy, bây giờ nếu chúng ta không biết cửa lớn là gì, ở đâu? Chúng ta không chuẩn bị, không chuẩn bị sẵn sàng để mở ra lúc lia đời, đương nhiên sẽ rất đau khổ. Chúng ta muốn đi mà không đi được, vì không mở được cửa, chỉ còn cách chạy đến những cánh cửa khác, rồi chúng ta sẽ gặp cảnh giới của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, chết rồi thì biến thành địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la, v.v...

Ngoài ra trong Kinh A Di Đà, Đức Phật cũng có nói, người không có đủ phước báu không có thể sanh ở cõi Tây phương Cực Lạc. Quý vị nghĩ xem miệng niệm Phật A Di Đà, như vậy có đầy đủ phước báu không? (*Có người đáp: “Không đủ.”*) Vì vậy chúng ta cần phải thêm vào những phần đã giảng trong Kinh Kim Cang

như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, luyện trí huệ, phải làm như vậy mới đủ, nếu không Phật Thích Ca chỉ cần nói niệm Kinh A Di Đà là đủ rồi, sao còn phải nói Kinh Kim Cang? Lúc Phật thuyết giảng Kinh A Di Đà thì có Ngài A Nan, Ngài là đại đệ tử của Phật, vì Ngài A Nan nên Phật mới giảng Kinh Lăng Nghiêm. Khi Phật giảng tại núi Linh Thứu (*Ngài A Nan cũng có mặt tại đó*), thì lúc đó bà Hoàng hậu Vi Đề Hy cũng bị nhốt trong ngục, bà hướng về đỉnh núi Linh Thứu đánh lễ cầu Phật, Đức Phật biết được lòng khẩn cầu của bà Hoàng hậu Vi Đề Hy, liền phái Ngài A Nan và Ngài Mục Kiền Liên bay vào ngục. Hóa thân của Phật cũng đến nơi đó. Khi bà Hoàng hậu Vi Đề Hy cầu nguyện, đánh lễ xong vừa ngược đầu lên, đã thấy Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen bát bảo, thân sắc tứ kim rực rỡ, bên tả có Ngài Mục Kiền Liên, bên hữu có Ngài A Nan đồng đứng hầu, người mới giảng Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho Hoàng hậu Vi Đề Hy nghe.

Sau đó Ngài A Nan mới có cơ hội biết thêm được pháp môn niệm Phật chính thức (*trong Kinh Lăng Nghiêm*). Đức Phật còn bảo Ngài A Nan nên học Pháp Môn Quán Âm. Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cũng nói, nên học Pháp Môn Quán Âm thì mới có thể thành Phật. Bởi vì "*niệm Phật*" chỉ có miệng niệm không đủ, cần phải dùng Pháp Môn Quán Âm mở mắt trí huệ của chúng ta, gặp được Phật rồi mới có thể ngộ "*Vô sanh*", câu nói "*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô sanh*", có nghĩa là không gặp được Phật, không thể trở thành bất sanh bất tử. Kiến Phật tức là thấy Vô Lượng Quang. Dùng pháp môn Đốn Ngộ, tức là không lâu thì có thể thấy được Vô Lượng Quang. Pháp Môn Quán Âm tức là pháp môn "*Đốn Ngộ*", lay Phật, niệm Phật là pháp môn "*Tiệm Ngộ*", phải học từ từ. Pháp môn Tiệm Ngộ là do Ngài Thần Tú truyền dạy, còn Ngài Lục Tổ Huệ Năng thì dạy pháp môn Đốn Ngộ, dạy người cách tu hành có thể lập tức "*Kiến tánh thành Phật*".

Hiện nay chúng ta vẫn còn có thể học pháp môn Đốn Ngộ này. Từ xưa đến nay, bất cứ thời đại nào cũng đều có người

truyền pháp môn “Đốn Ngộ” và “Tiệm Ngộ”, chúng ta có thể tự lựa chọn muốn học pháp môn nào thì học. Nhưng muốn tìm một người để dạy chúng ta pháp môn “Đốn Ngộ” không phải là dễ, phần đông họ đều dạy “Tiệm Ngộ”, dạy người tu từ từ mỗi ngày lau gương cho sạch như trong câu kệ của Ngài Thần Tú:

*Thân thị bồ đề thọ,
 Tâm tức minh cảnh đài,
 Thời thời cần phát thức,
 Vật sử nhạ trần ai.*

Nghĩa là:

Thân như cây Bồ Đề,
 Tâm như đài gương sáng,
 Cần phải năng lau sạch,
 Chớ để dính bụi bặm.

Nhưng Ngài Lục Tổ Huệ Năng thấu hiểu được, Bồ Đề vốn không phải là cái gương, vốn không là một vật, thì còn phải lau chùi cái gì?

*Bồ Đề bản phi thụ,
 Minh kính diệc phi đài,
 Bản lai vô nhất vật,
 Hà xứ nhạ trần ai?*

Nghĩa là:

Bồ đề vốn không cây,
 Gương sáng chẳng phải đài,
 Trước sau không một vật,
 Nơi nào để dính bụi?

“*Tiệm Ngộ*” và “*Đốn Ngộ*” nhìn từ bên ngoài gần giống như nhau, nhưng sự thật đẳng cấp hoàn toàn khác nhau. Trong Kinh A Di Đà cũng có nói Pháp Môn Quán Âm, nói đến hào quang. Quán Vô Lượng Quang cũng có nói đến âm thanh bên trong, nhưng hôm nay tôi chỉ nói sơ lược. “*Hoa khai kiến Phật*” tức là nói chúng ta nên thấy “*Phật Tánh*” này, mới có thể ngộ “*Vô sanh*”. Ngộ Vô sanh là gì? Ý nghĩa là bất sanh bất tử, đã liễu thoát sanh tử. Hồi nãy, tôi có nói đến trong Kinh A Di Đà, Phật Thích Ca giới thiệu các thứ cao siêu của thế giới Tây phương Cực Lạc, có hoa sen, có nước Bát Công Đức, có hóa thân thành chim để thuyết pháp trong hai mươi bốn tiếng không ngừng. Chúng sanh nghe được tiếng nói pháp của chim, hay nghe được âm nhạc ảo diệu ngày đêm không ngừng của thế giới Tây phương Cực Lạc, rồi mới có thể nhất tâm bất loạn đề niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Tôi đã nói rồi, nếu chúng ta không thấy Phật, thì thật sự không thể tưởng niệm. Hiện giờ chúng ta không thấy được Phật cũng không nghe được tiếng Phật có phải là thâm não không? Như vậy làm sao có thể niệm Phật? Phật Thích Ca có nói rõ là phải nghe được thứ âm nhạc ảo diệu của Tây phương Cực Lạc, rồi chúng sanh mới tự nhiên sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, lúc đó mới chính thật là niệm Phật.

Bây giờ vì chúng ta không thấy được Phật cũng không nghe được tiếng Phật, cho nên niệm Phật đương nhiên không thể nhất tâm bất loạn. Đó không phải là lỗi của chúng ta, bởi vì không có người dạy thì làm sao chúng ta niệm? Phật Thích Ca đã lia thế giới này lâu rồi, đại đệ tử của Ngài cũng đi rồi, hiện giờ tuy còn có rất nhiều pháp sư, nhưng tôi không chắc là quý vị có hỏi không? Hay là họ không biết? Cho nên quý vị mới không thể học được pháp môn niệm Phật nhất tâm bất loạn. Cách thức niệm của chúng ta hình như không đúng lắm, còn chưa làm đủ 50%, bởi vì chưa thấy được Vô Lượng Quang, chưa nghe được âm nhạc ảo diệu của Tây phương Cực Lạc, cho nên không thể nào tự nhiên nhất tâm bất

loạn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tôi nói như thế có phải không? Quý vị nghe có hiểu không? (*Mọi người đáp: Hiểu.*)

Đức Phật nói như thế nào, chúng ta phải làm theo như thế đó, như vậy mới đúng là niệm Phật, mới có thể nhất tâm bất loạn. Còn có một thứ thần chú “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”, quý vị có biết ý nghĩa của nó không? Chữ Om này thật ra không có ý nghĩa gì cả, đó chỉ là tiếng phát âm Phạn ngữ, nhưng phát âm rất giống tiếng của vũ trụ. Nếu chúng ta tu hành đạt đến trình độ nào đó, thì sẽ nghe được một thứ âm thanh rất giống như tiếng phát âm của chữ Phạn “*Om*”, cho nên mới biến thành một thứ thần chú “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”. “*Ma Ni*” là chỉ cái gì? “*Ma Ni*” đại ý là hạt châu Ma Ni, hay là hạt châu Như ý. Hàm ý của hạt châu Như ý hay hạt châu Ma Ni là chỉ “*Phật Tánh*” của chúng ta, quý vị có hiểu ý chưa? Khi khai ngộ thì ta được hạt ngọc châu Ma Ni này. “*Hoa khai kiến Phật*” tức là được hạt châu Ma Ni này. Vì sao “*Phật Tánh*” lại biến thành hạt châu Ma Ni? Bởi vì nếu thấy được “*Phật Tánh*” rồi, chúng ta muốn gì được đó, cũng như hạt châu Như ý vậy, có hiểu ý tôi chưa? Chúng ta thích gì, muốn gì, đều được toại nguyện; hay chưa nghĩ đến là đã có rồi, cho nên mới gọi là hạt châu Ma Ni. Hạt châu Ma Ni là tiếng Phạn, dịch ý ra chữ Trung Hoa tức là hạt châu Như ý, nếu như chúng ta có hạt châu Ma Ni, chúng ta sẽ có tất cả. Chữ “*Bát Mê*” trong câu “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” chỉ hoa sen. Cho nên chúng ta gọi tên của Đại sư Liên Hoa Sanh là Padma Sambagwa, Padma hay là Padme đều là ý đó, chỉ hơi khác cách phát âm của từng địa phương hơi sai lạc mà thôi. Cho nên toàn câu “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” có nghĩa là: Hạt ngọc châu Ma Ni này nằm trong hoa sen, trong hoa sen có hạt châu sáng, có tiếng sấm. Được mô tả trong liên hoa có ánh sáng và âm thanh, có hiểu ý không?

Trong Kinh A Di Đà có nói “*Hoa khai kiến Phật*” ý của câu đó cùng ý với câu “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”. Nhưng khi chưa thấy được hạt ngọc châu “*Ma Ni*”, còn chưa thấy “*Phật Tánh*”,

chúng ta niệm “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” không có ích lợi gì. Câu chú này là do các vị đại sư thời xưa thường dùng để nhắc nhở chúng ta nên đi tìm hạt châu Ma Ni. Hạt châu này nằm trong tòa Liên Hoa của chúng ta. Tại sao lại gọi là Liên Hoa? Tại sao lại gọi là “*Hoa khai kiến Phật*”? Tại sao không gọi là “*Quả khai kiến Phật*” hoặc “*Thủ khai kiến Phật*” hay “*Nhĩ khai kiến Phật*”, v.v..., mà phải gọi là “*Hoa khai kiến Phật*”? Bởi vì bên trong thân người của chúng ta có nhiều “*trung tâm*” trọng yếu có quan hệ đến sanh tử của chúng ta (*chữ Phạn là Chakra, nghĩa là trung tâm trọng yếu của thân thể*), trung tâm này nhìn giống như hoa sen vậy. Thân hình của chúng ta có rất nhiều “*trung tâm liên hợp*” (*Yoga Chakra*). Tại sao gọi là liên hợp? Bởi vì nếu chúng ta tu luyện những trung tâm đó, mở những cửa đó, chúng ta có thể tiếp nối được với toàn vũ trụ. Cũng như khi tôi nói ví dụ của ly nước, chỉ cần lấy cái ly nước đi, nước trong ly liền được nhập chung với nước biển. Cho nên chúng ta gọi trung tâm đó là “*trung tâm liên hợp*”. Trong thân thể của chúng ta có rất nhiều trung tâm đó, trong cơ quan sinh dục, trong đờn điền, trong tim, trong cổ, giữa chân mày, trên đỉnh đầu, v.v... đều có hết.

Khi tu “*mắt trí huệ*” của chúng ta sẽ mở ra, chúng ta sẽ biết được, nhìn thấy như đóa hoa sen vậy, dáng của nó giống như đóa hoa sen nở đầy, cho nên “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” nghĩa là hạt ngọc châu trong đóa hoa sen, cũng có nghĩa là “*Hoa khai kiến Phật*”. Không thể nói là “*Quả khai kiến Phật*”, vì trung tâm đó không giống như quả mà lại giống đóa hoa sen. Nếu khai mở đóa hoa này ra, thì chúng ta sẽ được hạt ngọc châu “*Ma Ni*” của chúng ta. Cho nên nói “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” và “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô sanh*” là ý đó. Có nhiều kinh điển đều nói như vậy, thần chú và hiển chú cũng như nhau, nếu còn thời gian chúng ta có thể tham khảo thêm.

Sau khi tu hành, chúng ta sẽ hiểu ra rằng ý nghĩa của những loại chú đó đều như nhau. Nhưng đôi khi chúng ta cũng tự hỏi, có

hiều trung tâm như vậy thì chúng ta nên mở trung tâm nào? Đối với vấn đề này, nên đi hỏi những người đã khai mở rồi mới biết được. Thời gian đã hết, chúng ta hãy đọc kệ hồi hướng.





Sự khai ngộ đích thực, không thể cho người khác thấy, hay bán cho người khác. Bởi vậy không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả, nhưng có thể hiểu; hiểu rằng, đó là vì chúng ta cảm nhận được sự thay đổi bên trong của mình. Trí huệ của chúng ta khai mở rồi, trong tâm sẽ an định, càng ngày càng an ổn, càng ngày càng vui vẻ, bất kể làm việc gì đều nhẹ nhàng thoải mái.

Trích từ bài thuyết giảng "Hành Thiện Bồ Thí Không Thể Giải Thoát"



5

Sự Ích Lợi Của Tu Hành Pháp Môn Quán Âm

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Tân Điểm, Formosa**

Ngày 7 tháng 3 năm 1987

Phật Thích Ca hoàng pháp 49 năm đều là nói về pháp môn giải thoát. Trong kinh Phật nào cũng đều tán thán Pháp Môn Quán Âm này. Hôm qua có một vị thiện trí thức đến hỏi tôi, Kinh Pháp Hoa là gì? Câu hỏi đó các đồng tu đã nghe tôi trả lời mấy chục lần rồi.

Kinh Pháp Hoa đề cập đến Pháp Môn Quán Âm, đến âm thanh bên trong. Quý vị về nhà đọc thì sẽ rõ. Người chưa tu Pháp Môn Quán Âm không dễ gì hiểu được. Trong Kinh Pháp Hoa, Phật Thích Ca xưng tán Pháp Môn Quán Âm là “*Pháp Hoa Pháp*”, “*Liên Hoa Pháp*”. Trong Kinh Kim Cang Ngài gọi là “*Kim Cang Pháp*”, và trong Kinh A Di Đà Ngài gọi là “*Tịnh Độ Pháp*”. Rất có thể vì cách nói pháp khác nhau cho nên chúng ta mới dễ bị lầm. Vì căn cơ của chúng sanh khác nhau, trình độ khác

nhau, nên Phật Thích Ca mới dùng những danh từ khác nhau để giải thích cùng một pháp môn cho chúng sanh nghe, chứ không phải có nhiều pháp môn khác nhau như vậy. Điều đó tôi đã giải thích tại Bành Hồ, một lát nữa sẽ phát giáo lý để quý vị về nhà tham khảo. Xin quý vị bỏ chút thời gian đọc kỹ một chút thì sẽ hiểu rõ, hôm nay tôi không muốn nhắc lại.

Đã bốn ngày rồi, tôi giảng rất nhiều chuyện, nhưng trọng điểm là để quý vị nhận thức được rằng Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tốt nhất. Không phải tôi thích nói, nhưng mỗi ngày tôi phải đến đây mục đích là để cho quý vị hiểu rõ vì sao các pháp môn khác không phải là pháp môn cứu cánh giải thoát. Vì sao chỉ có Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tối cao? Cho đến bây giờ tôi chỉ tán thán và giới thiệu với quý vị Pháp Môn Quán Âm, quý vị vẫn chưa biết pháp môn này là gì, có phải vậy không?

Bởi vì trong lúc truyền pháp, tôi không nói gì, cho nên học trò mới tiếp nhận được pháp môn này. Cũng bởi vì không thể nói ra, cho nên trong kinh điển quý vị không bao giờ tìm thấy cách chỉ dạy pháp môn này. Các vị thiền sư đời xưa cũng đều nói “*giáo ngoại biệt truyền, bất cần kinh điển*”, bởi vì dùng kinh điển không thể nào truyền được pháp. Kinh điển chỉ là một sự ghi chép để cho người sau tham khảo, so sánh, nghiên cứu thể nghiệm tu hành của người xưa như thế nào, tư tưởng như thế nào, sau khi khai ngộ họ nói gì, thấy gì. Đó mới chính là sự lợi ích của việc dùng kinh điển, chứ không thể dùng kinh điển để truyền pháp.

Chúng ta đọc *Tây Du Ký* có nói đến Ngài Huyền Trang từ Trung Hoa qua Ấn Độ để thỉnh kinh. Hành trình thỉnh kinh của Ngài gian khổ như thế nào, bị ma chướng quấy nhiễu ra sao, Tôn Ngộ Không giúp đỡ Ngài trừ ma như thế nào, rồi sau cùng Ngài mới thỉnh được kinh điển. Nhưng kinh điển là kinh điển, không phải là Ngài Huyền Trang, cho nên nghe người ta đọc truyện *Tây Du Ký* đối với chúng ta cũng chẳng giúp ích gì. Ngay trong cốt

truyện, chúng ta không thể nào thỉnh được kinh điển, không có cách nào hiểu được sự đau khổ lúc đó của Ngài. Chúng ta cũng không có thần thông của Tôn Ngộ Không, chúng ta chỉ có thể tưởng tượng ra nội dung của cốt truyện mà thôi, có phải vậy không?

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Kim Cang, Đức Phật đều tán thán Pháp Môn Quán Âm, nhưng chúng ta không thể nào hiểu được Pháp Môn Quán Âm là gì? Có nhiều người đọc Kinh Thủ Lăng Nghiêm nhận biết được rằng đó là pháp môn tối cao nhất, nhưng rất ít người biết cách tu, nên họ chỉ tưởng tượng ra mà thôi.

Ví dụ có người ra bãi biển để nghe tiếng hải triều âm, tưởng rằng nên nghe tiếng nước chảy không dứt mới là quán âm. Có người cho rằng Pháp Môn Quán Âm là niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Có người thì cho rằng nên niệm chú Đại Bi. Có người cho rằng nên quán thị phi cũng như không có thị phi vậy, người ta có chửi cũng như không. Đó là quán nội tâm, không phải là quán âm. Còn có người cho rằng Pháp Môn Quán Âm là quán lòng từ bi, thí dụ như tôi ngồi đây quán tưởng trước mặt là gì, sau lưng là gì, bên phải là bạn hữu, bên trái là người lạ, tôi đều phát ra lý tưởng cao siêu cho họ, tư tưởng từ bi, chúc họ an khang khoái lạc, bảo bọc họ, khoan dung họ, tưởng rằng như vậy là Pháp Môn Quán Âm.

Chỉ cần chúng ta đọc kinh cho kỹ, hiểu sâu ý nghĩa của kinh, khi nghe là chúng ta hiểu được ngay. Còn tưởng tượng ra những điều nêu trên đều không có lý chút nào. Những phương pháp đó đều do trí óc phàm phu của chúng ta tưởng tượng ra mà thôi. Lòng từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát không thể đo lường, bởi vì rằng Ngài là một vị đại Bồ Tát. Nếu chúng ta chưa đạt đến trình độ của Ngài, thì làm sao chúng ta có thể quán tưởng được lòng từ bi cao cả đó của Ngài. Đầu óc phàm phu của chúng ta có giới hạn, nhưng lòng từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát là vô lượng vô

biên. Lòng từ bi của Ngài vượt xa ngôn ngữ thế gian mà trí óc của loài người không thể nào tưởng tượng nổi. Nếu chúng ta có thể tưởng tượng được thì chúng ta có thể dùng đầu óc phàm phu này để biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát và chúng ta cũng khỏi cần phải tu nữa.

Nếu tụng chú Đại Bi mấy trăm ngàn lần có thể biến thành Thiên Thủ Thiên Nhãn, thì Formosa đã có rất nhiều người thành Quán Thế Âm Bồ Tát rồi. Người Formosa tụng rất siêng, họ tụng cả mấy trăm ngàn lần, người Tây Tạng cũng niệm rất là cực nhọc, người Âu Lạc thì cũng vậy, nhưng không có người nào trở thành Quán Thế Âm Bồ Tát. Họ niệm chú Đại Bi rất nhiều, nhưng tâm vẫn chưa được bình thản, vẫn chưa đủ từ bi, xin lỗi quý vị, tôi không thể không nói vì đó là sự thật.

Tham, sân, si của họ cũng rất lớn. Tụng càng nhiều thì “ngã chấp” càng nhiều, bởi vì họ nghĩ, “Ta” tu hành, “Ta” ăn chay, “Ta” lạy Phật niệm Phật, “Ta” phát tâm từ bi, “Ta” như thế nào... thế nào..., “Ta...” đều là ta. Cái “Ta” càng lúc càng lớn cho nên không có ai có thể nói cho họ nghe, không có ai có thể dạy họ, không có ai có thể truyền pháp môn mới cho họ, bởi vì cái “Ta” đó đã tràn đầy trí óc, không còn một chút kẽ hở để tiếp nhận thêm những điều gì khác, bởi vì họ nghĩ rằng họ biết tất cả, hiểu rõ tất cả.

Cho nên nếu không hiểu được pháp môn chân chính, chúng ta rất khó tu hành, rất dễ bị “ngã chấp” bao bọc. Người ta chưa tu hành thì còn có lòng khiêm nhường một chút, nhưng sau khi tu hành rồi thì trở thành rắc rối thêm. Có người đến hỏi tôi tụng kinh có phước báu không? Tụng kinh có tốt hay không? Bồ Đề Đạt Ma nói “không tốt” nhưng tôi thì nói “tốt”. (Mọi người cười.) Bởi vì tôi không muốn tranh chấp với họ, chỉ muốn làm bạn với họ. Nếu họ thích tụng kinh quá thì tại sao không để họ tụng?

Ví dụ vị đó muốn ăn chua hay ngọt đều được hết, tôi không phản đối, sao không để cho họ tụng kinh? Thích làm thì cứ làm,

tụng kinh còn hơn là đi la máng người, còn hơn là nói thị phi. Cho nên tôi nói tụng kinh tốt, được lắm, có phước báu. Nhưng riêng về tôi thì tụng kinh không có đủ phước báu, vì tụng kinh chỉ là nhân thiên phước báu mà thôi. Còn tụng kinh không hiểu kinh điển mà cũng có ích thì máy khâu cũng đã trở thành Phật hết rồi. (*Mọi người cười.*) Máy khâu cũng có phước báu, bởi vì nó tụng còn rõ hơn chúng ta, đôi khi chúng ta còn vừa niệm vừa ngủ (*mọi người cười*), nhưng máy tụng không sai, cũng không ngủ.

Có nhiều người cho rằng tu hành chỉ cần tụng kinh là đủ, hay lạy Phật là được rồi, cho nên mới sinh ra thái độ kiêu mạn. Nếu tụng kinh, đọc kinh để hiểu rõ kinh điển, cầu Chân Lý, thì cho dù chưa thật sự hiểu rõ nghĩa kinh, cũng không dám có thái độ kiêu mạn. Đọc kinh tụng kinh không sao, vì ít nhất kinh điển để cho chúng ta tham khảo và nhắc nhở cho chúng ta người xưa tu hành như thế nào, lần lần rất có thể chúng ta cũng phát tâm tu hành và muốn trở thành như họ. Nhưng nếu như nghe nói tụng kinh có phước báu, vì tham phước báu mà tụng cho thật nhiều kinh, càng tụng càng tưởng đến phước báu, phước báu của “Ta” lớn lắm. Tự mình không hiểu phước báu là gì, thấy không được và sờ không được, nhưng cứ nghĩ rằng mình có phước báu lớn, cho nên “*ngã chấp*” biến thành rất cao rất lớn, trở thành kiêu mạn. Như vậy rất là nguy hiểm.

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có nói đến các pháp môn khác. Bất cứ pháp môn nào cũng đều có ưu điểm của nó, giúp cho chúng ta chuyên tâm tu hành. Nếu tin vào pháp môn mình đang tu thì ít nhiều gì thì cũng có được một chút kết quả. Không phải không có, nhưng tôi nói cho quý vị hay, quý vị niệm tên mình cũng có kết quả. Quý vị về nhà thử xem, chuyên tâm niệm tên mình một tuần lễ cũng nhập định được. Nhưng cần phải “*chuyên tâm*” mới có hiệu nghiệm. Về nhà thử xem, tạm thời đừng niệm Phật A Di Đà, đổi lại niệm tên của mình một tuần lễ (*mọi người cười*), như vậy cũng có phước báu.

Lẽ dĩ nhiên, niệm Phật A Di Đà còn có phước báu hơn niệm tên của mình, bởi vì tiếng Phạn của A Di Đà Phật là Amitabha, âm thanh này tương tự với chấn động của vũ trụ. Phát âm của tiếng Phạn rất giống như chấn động của vũ trụ, nhưng vì chúng ta không nghe được chấn động ở bên trong, cho nên nếu chúng ta “*chuyên tâm*” niệm danh hiệu của Phật, nghe chấn động của Phạm Thiên, thì cũng có được một chút lợi ích.

Tôi nghe nói xưa kia ở Trung Hoa có truyền thống dùng đậu niệm danh hiệu của Phật A Di Đà. Niệm danh hiệu được một lần thì để một hạt qua một bên, sau đó thì tặng cho người khác ăn để kết Phật duyên với họ. Tôi có nghe một câu chuyện. Hồi đó có một bà cụ mỗi ngày niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Thường niệm xong rồi thì nên lấy đậu đó cho người khác ăn, nhưng bởi vì bà ta không có tiền làm như vậy, cho nên bà ta cứ dùng đi dùng lại những hạt đậu đó để niệm Phật. Cứ niệm được một lần thì bà ta bỏ một hạt qua một bên, cho đến khi các hạt đậu đó đều nằm qua hết cả một bên thì bắt đầu niệm lại và bỏ từng hạt lại chỗ cũ. Niệm Phật như vậy một thời gian sau, những hạt đậu đó không cần phải lấy tay bóc bỏ qua mà khi bà ta niệm được một câu thì một hạt đậu tự động nhảy qua một bên. Quý vị có tin không? Có nghe câu chuyện cổ này chưa? Tại sao có hiện tượng đó? Quý vị niệm Phật A Di Đà lâu như vậy, sao không biết được? Người Formosa nếu không học Tịnh Độ là một điều kỳ lạ. Họ nói, không niệm Phật A Di Đà thì không còn có pháp môn nào khác để tu. Có quý vị nào ở đây mỗi ngày niệm Phật A Di Đà? *(Có người nói: Bởi vì niệm lực của bà cụ đó rất mạnh nên mới như vậy.)* Nhưng tại sao nhiều người tụng cả đời mà không có lực lượng đó? *(Có người đáp: Bởi vì bà cụ đó có cảm ứng.)* Cảm ứng từ đâu đến? Tại sao người khác không có cảm ứng? Đâu có lý nào cả nước Trung Hoa chỉ có một người chuyên tâm niệm Phật. Nước Trung Hoa lớn như vậy, có nhiều người niệm Phật, thì tại sao chỉ có một người có thứ niệm lực đó, còn những người khác thì không?

Bởi vì tu không đúng, cho nên không biết. Tu hành nhiều rồi, mắt trí huệ mở, có thể thấy được trong vũ trụ này có rất nhiều chúng sanh. Có chúng sanh lớn, chúng sanh hạng cao, chúng sanh nhỏ và chúng sanh vi tế mà mắt thịt không thấy được. Các chúng sanh đó chạy đi chạy lại, có lúc chúng cho mình biết là thức ăn bị nấu cháy khét rồi; nhưng vì mình không thấy được họ, cũng không nghe được họ, cho nên không biết có sự hiện hữu của họ.

Thứ chúng sanh nhỏ này thấy mình làm việc quá mệt nhọc, nên mỗi ngày thích chơi với chúng ta, giúp đỡ chúng ta một chút. Có loại rất dễ thương, còn có loại thì rất là hung hăng, nhưng chúng không có ý muốn hại người. Chúng không phải là hồn ma, mà là “*nguyên tố*” từ thiên nhiên hóa sanh ra, nói như vậy để quý vị nghe dễ hiểu hơn. Cho nên chúng ta nghe nói cây cối, rau cải có thứ chúng sanh đó (*element*), nơi nào cũng có đây những chúng sanh từ thiên nhiên sanh ra. (*Phật nói sanh mạng có bốn loại hình thái: Thai sanh, noãn sanh, hóa sanh và ảm sanh.*) Cho nên Phật giáo rất là khoa học. Phật Thích Ca có nói từ 2.500 năm trước, trong thế giới của chúng ta còn có rất nhiều loài chúng sanh khác mà chúng ta chưa từng thấy qua, phải dùng mắt Phật mới có thể thấy được.

Trong những thứ chúng sanh nhỏ từ thiên nhiên hóa sanh ra mà mắt chúng ta không thấy được, có loại rất là hiền lành, giúp đỡ chúng ta, có loại thì rất là hung dữ và thường tạo ra hoàn cảnh để cho người ta cãi vã. Có loại chúng sanh ưa thích người lương thiện, thích chơi với họ. Còn loại chúng sanh ưa làm cho người ta cãi nhau là do bản tánh của chúng, chỉ thích gây ra tai họa. Cho nên có lúc ở nơi chuyện trò của chúng ta có rất nhiều loại chúng sanh nhỏ vây quanh. Đôi khi chúng ta phát hiện nơi đó có ánh sáng. Người không tu hành sẽ tưởng rằng có Phật Bồ Tát phóng hào quang đến giúp đỡ. Thật ra không phải ánh sáng nào cũng đều là tốt, ánh sáng của chúng sanh này thuộc về ánh sáng của lực lượng đen. Loại chúng sanh nhỏ đó cũng có ánh

sáng, nhưng nếu mắt trí huệ chưa mở thì chúng ta không thể nào phân biệt được.

Trong Thánh Kinh có nói, Thượng Đế tạo ra hai loại ánh sáng, một loại là ánh sáng ban ngày, một loại là ánh sáng ban đêm đen tối. Đã là đen tối thì làm sao mà có ánh sáng? Ý nói đến lực lượng xấu, quý vị có hiểu không? Loại chúng sanh đó đầy khắp nơi, cho nên có lúc chúng ta đi hành hương, muốn khẩn nguyện điều gì đó, chúng cũng lại đùa chơi, làm cho hương lung lay, khiến chúng ta sẽ tưởng rằng Phật Bồ Tát biết được tâm của chúng ta. Thật ra thì cũng chẳng sao, vì chúng nó chỉ đùa dai một chút. Trường hợp như vậy xảy ra rất nhiều.

Ví dụ chúng ta đang đi trên đường, không có chuyện gì sai quấy, nhưng không biết vì sao lại bị tai nạn xe cộ. Đó là trò chơi của loại chúng sanh đó. Nếu nơi đó xảy ra tai nạn xe cộ, thì sau này nơi đó sẽ thường có tai nạn xe cộ. Cho nên đôi khi chúng ta nghe nói, chỗ đó thật là “*linh*”, người nào đi qua đó nên cúng lạy, nếu không sẽ bị tai nạn xe cộ. Bởi vì đã từng xảy ra tai nạn xe cộ nơi đó rồi, nên sau này thứ chúng sanh đó rất thích tụ tập tại đây, quý vị có hiểu chưa? Chúng thích xem những trường hợp kích động, bị ai, hỗn loạn, nên cứ tụ tập tại đó, rồi ở quen luôn đó. Khi thấy có người lái xe đến thì chúng phá hoại, làm cho xe hư, máy không chạy, hay làm cho tai nạn xe cộ xảy ra, rồi chúng đứng một bên cười.

Có người tánh tình rất nóng nảy, rất dễ bị kích động hay sân hận. Hôm qua, tôi có nói về từ trường, bất cứ là tốt hay xấu (*magnetic field*), đều do chúng ta tạo ra, do chúng ta hít nguyên tố (*element*) tốt hay xấu mà ra, hay còn có những trường hợp khác. Người tu hành rất ít khi bị tai nạn cũng như ít mắc bệnh. Người tu Pháp Môn Quán Âm rất là an toàn. Đó là tôi nói từ thể nghiệm của tôi. Bởi khi tu Pháp Môn Quán Âm thì câu thông được với lực lượng tối cao. Hôm qua, tôi có nói đến âm thanh là gì? Âm thanh đó tức là lực lượng của tạo hóa. Trong Kinh Lăng Nghiêm

Phật gọi là “*âm lưu*”. Trong Thánh Kinh cũng có nói đến âm thanh đó, gọi là “*the word*”. Phật Bồ Tát nhờ vào âm thanh đó để xuống độ chúng sanh, và chúng sanh cũng nhờ vào giòng âm lưu đó để đi trở lên (*trở về*). Đó là “*âm lưu*”, là “*Đạo*”, Lão Tử gọi là “*Danh bất khả danh*”.

Cho nên nếu chúng ta không giao tiếp được với “*Danh bất khả danh*”, hay là “*âm lưu*”, chúng ta sẽ rất cô đơn, rất cô độc, bởi vì không còn có lực lượng nào khác để giúp đỡ, chỉ có độc nhất một mình mình mà thôi. Nhưng một khi chúng ta đã gia nhập vào giòng “*âm lưu*” này, thì cũng như chúng ta gia nhập vào một đoàn thể lớn. Đoàn thể lớn vốn có sức lớn, còn sức lực đơn độc của riêng từng cá nhân một thì nhỏ. Thành ra khi nhập chung với đoàn thể tự do lớn này, lực lượng lớn này, thì những thứ không tốt không thể xâm nhập. Trên thế giới này có đen có trắng, có tốt có xấu, khi chúng ta nhập chung vào lực lượng tốt thì lực lượng xấu sẽ để cho chúng ta tự do. Bởi vì chúng ta đã rời xa nó, đã hoàn toàn rời khỏi đoàn thể xấu, và họ cũng biết được chúng ta vĩnh viễn rời khỏi họ.

Cho nên dù là ma quỷ, diêm vương, khi chúng ta chết rồi, họ cũng không dám đến gần người tu Pháp Môn Quán Âm. Bởi vì từ trường của người tu Pháp Môn Quán Âm, biến đổi khác hẳn trước. Họ chỉ thu hút thứ tốt, không hút thứ xấu. Bởi vì giòng “*âm lưu*” này sẽ rửa sạch từ trường xấu của chúng ta, chỉ để lại thứ tốt. Trước kia từ trường của chúng ta có lỗ trống, có chỗ tốt, chỗ xấu. Chỗ tốt thì thu hút điều tốt, chỗ xấu hút việc xấu. Bây giờ chúng ta dùng “*âm lưu*” của vũ trụ, lực lượng của tạo hóa, lực lượng nguyên bản này để sửa chữa từ trường, rửa sạch những chỗ bị hư hoại. Cũng như mỡ xé vụn, cắt bỏ chỗ bị hư thối, rồi may trở lại, sau một thời gian sẽ lành, bệnh cũng hết, thân thể cũng bình phục.

Tu Pháp Môn Quán Âm cũng vậy, bởi vì chúng ta sử dụng lực lượng lớn để sửa chữa lực lượng không dinh dưỡng của chúng ta.

Cho nên bây giờ cái gì cũng sạch, tai nạn cũng hết. Trừ phi chúng ta tu hành không đàng hoàng, không cẩn thận, không thật lòng tu pháp môn này, không nghe lời chỉ dẫn của tôi, nhưng những trường hợp đó cũng rất hiếm. Chỉ cần câu thông được với đại lực lượng đó thì không còn bị đứt đoạn. Nhưng nếu chúng ta sử dụng ít, thì đương nhiên chỉ có lực lượng nhỏ.

Ví dụ như, cha của chúng ta qua đời để lại cho chúng ta một di sản rất lớn. Nhưng chúng ta làm biếng, không đến ngân hàng lãnh tiền, hay không đến chỗ để gia tài để lấy tiền, thì đương nhiên là chúng ta không có tiền. Nhưng trên thực tế, chúng ta cũng vẫn là một người giàu có, người nào cũng biết. Không ai nói chúng ta nghèo. Họ đều biết tài sản của chúng ta rất nhiều dù chúng ta có dùng hay không, chỉ xem chúng ta có tiền hay không mà thôi. Nếu chúng ta tiêu dùng tài sản thì đời sống của chúng ta sẽ thoải mái hơn, có tiền để mua các vật dùng, hưởng thụ các món ngon. Nếu như chúng ta lười biếng không dùng đến tài sản đó, hay là không dám dùng, thì đương nhiên chúng ta có ít đồ dùng, gần như là nghèo hơn trước. Nhưng người ta đều biết chúng ta có tiền, thân quyến, bè bạn, láng giềng đều biết rằng chúng ta được người cha để lại cho một di sản rất là lớn.

Người thọ Tâm Ấn, tu hành Pháp Môn Quán Âm, được tôi truyền pháp cho để họ câu thông được với lực lượng này. Họ bắt đầu nhập vào đoàn thể lớn nhất trong vũ trụ, nhưng họ còn phải lớn lên từ từ. Khi được Tâm Ấn rồi, mới có thể tính rằng đó là bước đầu phát triển phẩm chất chân chính của chúng ta; trước kia chỉ xem như phân nửa, bây giờ mới là trọn vẹn. Nhưng nếu không cố gắng tu hành, thì lẽ dĩ nhiên là định mệnh, sinh hoạt, cá tánh của người đó không biến đổi nhiều, mới nhìn người ta không thấy được người đó đã biến đổi nhiều.

Những người siêng năng tu hành thì trong thời gian ngắn, một ngày, hai ngày, hay một tuần lễ, nhận biết được ngay sự lợi ích của tu hành và lực lượng quán âm như thế nào, cảm giác được

đời sống và tánh tình con người biến đổi, trí huệ mở mang, khác hẳn với lúc trước. Không cần phải quảng cáo cũng biết, bởi vì người tu pháp môn này không nhìn được, cứ nói ra, như ly nước quá đầy tự nhiên sẽ tràn ra. Tu Pháp Môn Quán Âm là pháp môn có một không hai trong vũ trụ này.

Quý vị vốn nên nghe hiểu tiếng Quan Thoại mới đúng. Ở Formosa nhỏ như vậy đã có hai, ba thứ tiếng, bởi vì ngôn ngữ bất đồng, cho nên thế giới chiến tranh không ngừng. Nếu như mọi người đều dùng ngôn ngữ “*Quán Âm*” là tốt nhất, chỉ có một thứ âm thanh, chúng sanh nào cũng hiểu được. Cho nên Phật nói một thứ tiếng, một thứ ngôn ngữ, mà tất cả chúng sanh tùy theo đẳng cấp của mình nghe đều có thể hiểu được, là ý nghĩa đó. Âm thanh này, âm nhạc đẹp đẽ, âm thanh bên trong, như hệ thống điện thoại, chỉ cần chúng ta câu thông với tổng đài, muốn gọi đến châu Âu, châu Phi, châu Mỹ hay Formosa đều được cả, không sao hết.

Tiếp nối được đường dây, chúng ta không còn cô độc, muốn nói chuyện với ai, liên lạc với ai cũng được. Người đối thoại biết ngay chúng ta đang ở nơi nào. Chẳng may chúng ta có chuyện gì, gọi một cú điện thoại thì chỉ trong hai phút mọi người đều biết. Cảnh sát hay thân nhân, bạn bè đều đến giúp đỡ, có phải như vậy không? Trước kia không có điện thoại, chúng ta muốn kiếm một người đến giúp đỡ cũng không phải dễ. Có người chết trong nhà đã mấy ngày mà không ai hay, có người mắc bệnh cũng không ai biết. Bây giờ ai cũng có điện thoại, nên rất tiện. Dù chúng ta bệnh nặng không thể đi đứng, chỉ cần gọi điện thoại, bác sĩ sẽ đến xem bệnh cho chúng ta, hay là xe cứu thương sẽ đến chở chúng ta đi bệnh viện. Luôn cả xe tắc-xi cũng có thể ghé đến trước cửa nhà để đón người, thật là tiện hết sức.

Hệ thống quán âm thì cũng như vậy. Âm thanh này hay là âm nhạc bên trong này, giống như là một hệ thống, hay một đường dây, liên hợp hết tất cả chúng sanh. Cho nên chỉ cần nhập vào

hệ thống này thì không còn biệt lập nữa, bởi vì chúng ta đều câu thông được với tất cả chúng sanh. Tu hành càng nhiều, sử dụng hệ thống này càng nhiều, thì càng nhận thức được những chúng sanh khác. Nói ví dụ, chúng ta sử dụng điện thoại càng nhiều, biểu hiện chúng ta quen biết bạn bè càng rộng. Giao tiếp với càng nhiều người, biểu hiện càng có nhiều người nhận biết chúng ta, biết chúng ta ở đâu. Chúng sanh nào cũng đều có thứ âm thanh bên trong đó, cho nên hãy chúng ta nhập vào “âm lưu” này thì sẽ nhận biết tất cả chúng sanh, chim, kiến, cả những chúng sanh vi tế chúng ta cũng hiểu biết.

Nếu có người ở nước Mỹ gọi tên của chúng ta, chúng ta cũng biết. Có người khác ở nước Pháp tưởng nhớ chúng ta, chúng ta cũng biết liền. Chúng ta có thể dùng hóa thân của mình đi thăm họ. Nếu họ tu hành cao, họ có thể dùng hóa thân đến gặp chúng ta. Cũng như nguyên lý của truyền hình hay điện thoại truyền hình, mình nói chuyện tại nhà, cũng có thể nhìn thấy người bên đó nói chuyện. Hệ thống âm thanh hay còn gọi là hệ thống quán âm đó, còn vi tế hơn hệ thống điện thoại, còn hiệu nghiệm hơn là vì không cần dùng đường dây, không cần tiền, không cần ai biết mình liên lạc với người nào. Mình muốn đi thăm ai cũng không ai biết, muốn đi đến bất cứ đâu, cũng không cần vé máy bay, không cần gì hết, không cần đi một bước, không cần nói một lời, một tí tí ý niệm cũng không cần khởi. Hệ thống này là tự động nhất, đơn giản nhất, mau nhất. Cho nên tu Pháp Môn Quán Âm, câu thông với Phật Bồ Tát bên trên, câu thông với ba đường khổ bên dưới, cho nên mới nói “*Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*”, lúc đó mới có thể nói như vậy được. Khi còn chưa tu Pháp Môn Quán Âm, thì không có cách nào làm được như vậy. Bởi khi còn chưa giao tiếp được với lực lượng của tạo hóa, thì không thể nói ta muốn độ chúng sanh. Tự mình độ mình còn chưa được, ngày mai không biết mình sẽ ở đâu, không biết chừng nào vãng sanh, thì càng đừng nên nói độ chúng sanh nào hết.

Phần đông quý vị đều nghe hiểu tiếng Quan Thoại, tôi nghĩ ít nhất cũng có 90% nghe hiểu. Không hiểu cũng không sao, trí tuệ của quý vị sẽ hiểu, bản tâm của quý vị, Phật tâm của quý vị sẽ hiểu. Thật ra quý vị nhìn mắt của tôi cũng đủ rồi, chúng ta nghe nói một cặp tình nhân thương yêu nhau, hai người chỉ cần đưa mắt nhìn nhau là đủ rồi. Nếu họ chỉ cần nhìn như vậy có thể câu thông với nhau, vậy tôi sao không thể câu thông với quý vị bằng cách đó? Ngày mai đến đây nhìn mắt của tôi, nhìn xong hai tiếng rưỡi đồng hồ rồi đi về.

Thật vậy, những người tu hành cao đến gặp tôi, họ không có chuyện gì cần phải nói cả. Bởi vì họ thích gặp tôi, không gặp trong tâm có vẻ rất nhớ nhung, như là mất đi một điều gì đó, nên họ mới chạy tới gặp tôi. Hai bên chúng tôi nhìn mắt nhau, nhìn xong rồi đi. Tôi đi ngồi thiền tiếp. Mọi quan hệ thầy trò của chúng tôi là như vậy. Cho nên pháp môn này có thể nói là pháp môn “*thanh tịnh*”, không cần nói chuyện. Khi tôi truyền pháp cũng không nói chuyện, lúc thiền thất lại càng không thể nói chuyện. Khi gặp tôi cũng không có gì để nói. Như vậy có phải là pháp môn “*thanh tịnh*” không? Đương nhiên quý vị nghe nói nên “*quán âm*”, nhưng chúng ta rất thanh tịnh. Quán âm này không có ai biết được, người bên cạnh không biết được, cho dù chồng, vợ, con cái sống chung với nhau, cũng không biết được. Âm thanh này, đấng cấp này, không có ai có thể lấy mắt, không có ai có thể hiểu biết được, không ai có thể buộc chúng ta rời khỏi tâm cảnh đó.

Nói ví dụ chúng ta là Phật tử, quy y Đại sư Quảng Khâm, có một pháp danh. Mỗi ngày chúng ta cứ lễ bái hình của Đại sư Quảng Khâm, hay niệm Phật lay Phật. Có tín đồ của Thiên Chúa giáo trông thấy như vậy họ không thích, họ sẽ đến công kích tín ngưỡng của chúng ta, bởi vì thứ lễ bái này thuộc về hình tướng bề ngoài, người ngoài thấy được, họ biết mình đang tu hành. Nhưng khi chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm thì không ai biết được. Minh

ngồi trên xe công cộng cũng thiền được, nơi công viên cũng thiền được, ở trong nhà tắm cũng thiền được. Bất cứ nơi nào, giờ nào chúng ta cũng vẫn có thể thiền được.

Tu hành một thời gian rồi, dù chúng ta làm gì, cũng sống chung với cái âm thanh đó. Âm thanh đó vĩnh viễn không rời khỏi chúng ta, nó là người bạn trung thành nhất, giúp đỡ chúng ta nhiều nhất. Nó không ích kỷ, bất cứ lúc nào mình cần gì nó cũng cho, mình có khó khăn nó cũng giúp. Nó làm bất cứ công việc gì cho mình, mình không cần phải lo điều gì, kỳ vọng những gì, cũng tự nhiên thành Phật. Cho nên nói đi cũng là thiền, ăn uống cũng là thiền, ngủ cũng là thiền. Trong đời sống đi, đứng, nằm, ngồi đều là thiền, là ý nghĩa đó.

Nhưng nếu còn chưa đạt đến trình độ đó, đừng nên biện luận về “*thiền*” quá nhiều, thiền phải như thế nào, thế nào. Đối với người đã tu đạt đến “*đi, đứng, ngồi, nằm đều là thiền*”, khi nghe người khác biện luận “*thiền*” nên như thế nào, họ sẽ cảm thấy buồn cười. Nhưng lúc đó họ cũng không muốn nói gì hết, bởi vì biết rồi nói ra cũng không làm được gì, rất ít người có thứ trí huệ đó để hiểu họ. Tâm thiền cởi mở cũng không thể thọ thứ pháp môn tối cao, mà cũng đơn giản tự nhiên nhất.

Tôi giới thiệu thêm về Pháp Môn Quán Âm, tuy nhiên, đây vẫn chưa phải là truyền pháp, truyền pháp không nói bằng lời. Muốn được Pháp Môn Quán Âm thì phải đợi lúc tôi không nói, lúc đó mới được pháp. Đừng tưởng rằng tôi nói nhiều như vậy là học được Pháp Môn Quán Âm. Pháp Môn Quán Âm bao gồm ba phần, hợp lại thành Pháp Môn Quán Âm.

Thứ nhất là dùng trí huệ của chúng ta. Trên thế giới này, nhất định đầu óc của người nào cũng có “*niệm*” một số chuyện. Ví dụ, vợ thì “*niệm*” chồng, chồng thì “*niệm*” vợ, người này “*niệm*” học hành, người kia “*niệm*” công việc. Có người thì “*niệm*” ác niệm, hay là “*niệm*” danh lợi. Nhưng chỉ có niệm A Di Đà Phật thì mới giảm bớt được phiền não. Chúng ta biết Phật A Di Đà

tượng trưng cho Vô Lượng Quang, Ngài là Vô Lượng Quang, chứ không phải là có thân người. Nếu còn thấy hình tướng của Phật A Di Đà thì vẫn còn ngừng tại giai đoạn âm sắc, vẫn chưa phải là cảnh giới cứu cánh nhất. Vô Lượng Quang nghĩa là gì? Nó tượng trưng cho mỗi một chúng ta đã có phẩm chất trong sạch bên trong. Chúng ta có rất nhiều phẩm chất, ví dụ: tham, sân, si, phiền não, khai ngộ, vô minh, từ bi, ác tâm, v.v... Chúng ta “*niệm*” A Di Đà Phật là chỉ để thức tỉnh chúng ta, thức tỉnh phẩm chất quang minh trong hạ ý thức, lực lượng quang minh. “*Niệm*” Quán Thế Âm Bồ Tát là để thức tỉnh chúng ta, thức tỉnh phẩm chất từ bi trong hạ ý thức. “*Niệm*” Đại Thế Chí Bồ Tát là để thức tỉnh chúng ta trong hạ ý thức có lực lượng này, kỳ vọng chúng ta có thể phát triển được những thứ phẩm chất cao quý đó. Ý nghĩa của “*Niệm Phật Tam Bảo*” là như vậy.

Phật Tam Bảo là Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát. Chúng ta phải khai ngộ, sáng suốt như Phật A Di Đà, có trí huệ, có lực lượng như Đại Thế Chí Bồ Tát, có tâm từ bi như Quán Âm Bồ Tát. Cho nên Phật Tam Bảo tượng trưng cho chỗ tốt nhất của chúng ta. Nếu như chúng ta niệm ba Ngài đó, là chúng ta đang cầu xin chỗ tốt của chúng ta, nhưng quý vị niệm như vậy cũng không có ích dụng nhiều, bởi vì không hiểu Phật A Di Đà là ai, cho nên không thể “*niệm*”, niệm rồi cũng không thể cầu thông.

Ví dụ chúng ta nghe nói Tây Thi rất đẹp, nhưng chưa từng thấy bao giờ, đều nghe nói mà thôi, nên không thể tưởng niệm đến cô ta, chỉ biết tưởng niệm vợ mình mà thôi. Bởi vì không thấy được Tây Thi, không biết cô ta đẹp như thế nào. Đương nhiên Tây Thi rất có thể đẹp hơn vợ mình, nhưng nàng đi đã lâu rồi, mình không biết Tây Thi ra sao, mái tóc của nàng thế nào cũng không thể tưởng tượng được, thì làm sao mà nhớ tới nàng? Có phải không?

Cũng vậy, quý vị niệm Phật A Di Đà, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, cũng không có ích lợi gì lắm. Vì còn chưa cầu thông với

Phật A Di Đà chính thật, chưa nhìn thấy được Vô Lượng Quang, chưa câu thông với Vô Lượng Quang này, chưa câu thông với lực lượng lớn của tạo hóa, nên tôi mới nói “*Danh bất khả danh*”. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng không câu thông được với tâm từ bi của Ngài, cho nên niệm cũng không có ích gì lắm, chỉ chuyên tâm được một chút, phiền não giảm bớt được một chút mà thôi, hưởng chi quý vị đều dùng miệng niệm, chứ không phải “*tưởng niệm*”.

Bởi vì khi mình “*niệm*” vợ, thường nghĩ đến hôm qua cãi vã với vợ, người này sao mà tởm quá, mình phải ly hôn. (*Mọi người cười.*) Nếu mình nhớ tới vợ như vậy thì tự nhiên chúng ta sẽ khởi tâm phiền não. Nếu chúng ta chuyên tâm niệm Phật A Di Đà, một lòng chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà thì sẽ quên đi người vợ hung hăng, hay là người chồng chán ghét, phiền não tự nhiên sẽ ít đi một chút. Chuyên tâm niệm Phật chỉ giúp ích như vậy mà thôi, không thể là cứu cánh giải thoát, không thể sanh Tây phương. Cho dù có qua nước Mỹ cũng phải mua vé máy bay, mới có thể đáp máy bay, làm sao dùng miệng niệm mà có thể đi Tây phương được? Thật không có lý chút nào, đi Tây phương không dễ như vậy đâu.

Còn “*niệm*” Phật sẽ giảm bớt phiền não, con người tự nhiên thông minh một chút, an tâm một chút, đó là phước báu của niệm Phật, không phải không có. Nhưng phải dùng trí huệ của chúng ta quán sát, tại sao có phước báu? Không phải đui mù mê tín, thấy người ta niệm Phật A Di Đà, mình cũng niệm theo Phật A Di Đà, lúc đó nếu như có người đến hỏi cái gì đó, mình rất có thể bực mình hỏi: “*Muốn hỏi gì?*” (*Mọi người cười.*) Nếu lúc đó có trẻ nhỏ đến làm ồn, mình sẽ bảo nó đừng nên hỏi nhiều, không biết chừng thuận tay dùng râu chuối đuổi nó đi, như vậy là họ “*niệm Phật*”.

Phật A Di Đà là Vô Lượng Quang, tượng trưng cho phẩm chất quang minh của chúng ta. Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng

cho lòng từ bi của chúng ta. Đại Thế Chí Bồ Tát tượng trưng cho lực lượng của chúng ta. Nhưng ngoài ba phương diện này, chúng ta còn có phẩm chất của nhiều phương diện khác, nhưng chúng ta không có thể phát triển những phẩm chất này. Cho nên có người niệm tám mươi tám vị Phật hầu có thể bao hàm nhiều phẩm chất hơn. Có người niệm một vạn vị Phật. Có người niệm ba vạn vị Phật, niệm rất nhiều rất nhiều Phật. Mười phương ba đời Phật rất nhiều, vì sao phải nhiều như vậy? Bởi vì mỗi một vị Phật thành Phật rồi, họ nhập vào cái vòng tự do này thành con người tự tại. Còn vũ trụ từ trước đến giờ có nhiều người tu hành thành Phật, cho nên dần dần càng nhiều Phật, rất có thể sau này tôi thành Phật, quý vị sẽ niệm Nam Mô Thanh Hải Phật (*mọi người cười*), như vậy lại thêm một vị Phật.

Niệm Phật nhiều như vậy thì tại sao còn có phiền não nhiều thêm? Vì sao trí huệ chưa mở, chưa thành Phật? Quý vị có biết tại sao không? Cũng như mình niệm sữa đậu nành, có sữa đậu nành để uống không? Muốn uống sữa đậu nành phải đến nơi bán sữa, chỉ cần lấy tay chỉ một cái, không cần mở miệng chỉ cần có tiền, họ liền đem sữa đậu nành cho mình uống. Nếu không mình ở nhà niệm một vạn lần "*sữa đậu nành, sữa đậu nành,...*" cũng vô ích (*mọi người cười*), sữa đậu nành cũng không chạy đến cho mình. Lúc cần tiền cũng không phải ở nhà niệm tiền, tiền, tiền, là có tiền. Mình nên đến ngân hàng, đưa chỉ phiếu cho họ, không cần phải nói gì đặc biệt, họ cũng biết được ý mình, bởi vì họ đã biết trong ngân hàng có tiền, nên có thể tức khắc lấy tiền đưa cho mình.

Cho nên người tu hành cao họ sẽ nói niệm Phật làm gì? Bởi vì họ đã là Phật rồi, đã thành bạn của Phật rồi, lúc đó không cần nói gì hết, chỉ cần nhìn mắt là được rồi. Nói ví dụ, khi còn chưa quen nhau, nên gọi điện thoại, viết thư hay là đến thăm. Nhưng đã gặp hai, ba lần rồi thì sau này chỉ cần nhìn mắt là đã biết nhau rồi, không cần nói gì hết. Giống vậy, cách "*niệm Phật*" chân chính

là phải nhận biết Phật, như vậy mới có thể tưởng niệm Phật. Bây giờ tuy chúng ta niệm Phật nhiều như vậy, nhưng không nhận biết Phật thì cũng không có ích lợi, cũng như không đi ngân hàng lãnh tiền mà cứ ở nhà niệm tiền vậy. Tuy niệm rất nhiều Phật, nhưng đều niệm Phật cô đơn. Chúng ta chỉ niệm Phật nhỏ, không niệm Phật lớn, ý của tôi không phải nói Phật này lớn hơn Phật kia, nhưng công việc của họ khác nhau, có hiểu không?

Cho nên Phật Thích Ca tán thán Phật A Di Đà, bảo người niệm danh hiệu của Phật A Di Đà, nhưng danh hiệu của Ngài không thể gọi được. Quý vị không biết cho nên niệm không rõ ràng. Quý vị tưởng rằng miệng niệm A Di Đà Phật giống như tôi bây giờ quảng cáo bánh. Nhưng trên thực tế bánh là một vật khác, không phải những gì tôi nói đây là bánh. Chúng ta niệm Phật A Di Đà, Ngài tượng trưng cho ánh sáng rực rỡ của chúng ta. Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng cho tâm từ bi của chúng ta, v.v... nhưng còn những vị khác chúng ta không niệm, cho nên còn rất nhiều thiếu sót.

Nói ví dụ, người lính thời xưa thường dùng mâu và thuẫn để bảo hộ thân thể. Ngoài ra họ còn mặc áo giáp, cả thân người đều được áo giáp che đậy, chỉ còn để cặp mắt. Cho nên muốn giết người đó, phải đâm vào chỗ không có áo giáp bảo hộ, còn không thì phải tìm cách đánh bay mũ của họ, để đầu họ lộ ra, như vậy mới có thể giết họ. Cũng như vậy, chúng ta miệng niệm Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát còn có nhiều chỗ hở, áo giáp này chưa đủ tốt, chỉ có thể bảo hộ một phần thân thể mà thôi, còn những phần khác thì bị lộ ra ngoài.

Phật A Di Đà là Giáo chủ của Tây phương mà thôi. Đông phương còn có Phật Dược Sư. Nam, Bắc, trên, dưới còn có rất nhiều Phật, chứ không phải chỉ có Đông, Tây, Nam, Bắc mà thôi, còn có mười phương tam thế Phật, như vậy đên chừng nào chúng ta mới có thể niệm hết? Mỗi thế giới đều có một vị Giáo chủ tối cao, nếu chúng ta không nhận biết vị Giáo chủ này, có niệm như

thế nào cũng chỉ niệm được một phần nhỏ mà thôi. Niệm Phật có ích, đều có phước báu, nhưng công việc của các vị Phật khác nhau.

Ví dụ chúng ta muốn đến hoàng cung thì cần biết rõ địa điểm. Nếu như không tìm thẳng đến ông vua mà ngược lại đi tìm những quan thần thì lạc đường rồi, bởi đó không phải là mục đích tối cao. Niệm Phật A Di Đà cũng có ích, nhưng Ngài chỉ là Giáo chủ cõi Tây phương, không phải là Giáo chủ của toàn cõi vũ trụ. Mỗi thế giới đều có rất nhiều Đông, Tây, Nam, Bắc, mười phương và tam thế Phật. Nhưng mỗi thế giới đều có một vị Giáo chủ tối cao, nếu chúng ta nhận biết được vị Phật Giáo chủ này thì niệm danh hiệu của Ngài sẽ có lực lượng hơn. Nhưng cho dù biết vị Giáo chủ này mà không có người giới thiệu thì cũng vô ích.

Cho nên tìm một vị Sư Phụ chân chính rất là quan trọng. Bởi vì vị Sư Phụ đó là bạn với vị Giáo chủ tối cao, có thể dẫn mình đi, giới thiệu đây là đệ tử, đây là bạn, như vậy mới được. Ví dụ như chúng ta đều biết Tổng thống Ronald Reagan của Mỹ. Tuy tôi biết tên của vị tổng thống, cũng biết được đó là vị đại diện tối cao của nước Mỹ, nhưng không giúp ích gì cho tôi, bởi vì không có người dẫn tôi đến tòa Bạch ốc giới thiệu với tổng thống, vị này là Pháp sư Thanh Hải rất tốt, nên giúp vị này hoàng pháp. Rồi người giới thiệu mới nói với tôi, đây là vị tổng thống, là người bạn tốt nhất của tôi, nếu tôi có gặp khó khăn gì thì có thể tìm vị tổng thống này để nhờ giải quyết giùm.

Cho nên biết tên Phật A Di Đà không có ích chi, quen biết với Phật A Di Đà mới có ích. Bởi vì danh hiệu này không phải tượng trưng cho Ngài, không có quan hệ đến Ngài, người nào cũng có thể gọi tên. Tại Mỹ cũng có người đồng tên với tổng thống Mỹ, nhưng không có ích gì cho chúng ta. Cho nên muốn niệm Phật gì, thì cần phải có một người bạn đã quen biết với vị Phật đó giới thiệu cho mình. Quen biết rồi, vị Phật đó mới có thể bảo hộ mình, còn không thì không có ích chi, có hiểu chưa?

Tôi cũng biết tên Ông Ronald Reagan, nhưng nếu giấy thông hành đã hết hạn thì tôi vẫn phải rời Mỹ. Tên của tổng thống không giúp ích gì cho tôi được, dù tôi ở nhà cứ niệm danh hiệu của tổng thống, vị tổng thống đó cũng không giúp đỡ được tôi, bởi vì tôi không quen biết với ông ta. Vị tổng thống đó không quen biết tôi, cũng không biết tôi là ai, tôi không có quyền xin ông giúp đỡ. Nhưng nếu có một người bạn của vị tổng thống đó viết lá thư giới thiệu tôi cho vị tổng thống. Trong thư nói rằng, có lẽ có một ngày bạn của tôi sẽ đến gặp ông, tên của người đó là như vậy, hy vọng ông có thể giúp đỡ người này. Rồi người giới thiệu lại nói với tôi là đã giới thiệu tôi cho vị tổng thống đó rồi, ông ta sẽ giúp đỡ tôi. Tôi đến nước đó, ông ta nhất định sẽ cho nhập cảnh, có hiểu ý của tôi chưa?

Quý vị niệm Phật rất có thể còn chưa thấy Phật, nhưng khi có một vị Sư Phụ chân chính dạy mình niệm Phật thì khác với lúc không có Sư Phụ dạy. Nhưng vị Sư Phụ đó phải đích thân nhận biết Phật rồi mới có thể dạy mình niệm vị Phật đó. Phật Thích Ca dạy người “*niệm*” Phật A Di Đà bởi vì Ngài đã nhận thức được Phật A Di Đà. Ngài dẫn đệ tử đến đó bảo đảm với Phật A Di Đà rằng đệ tử của Ngài là người tốt, họ đều ăn chay, tu hành, tọa thiền, có đạo đức, v.v..., vì vậy Phật A Di Đà giúp đỡ họ. Cho nên đệ tử của Phật Thích Ca niệm Phật lúc đó rất hữu ích, bây giờ đa số người dùng miệng niệm Phật thì không có ích lợi lắm. Ngoại trừ rất chuyên tâm mới có thể giảm bớt được phiền não, niệm Phật như vậy còn có đôi chút hữu ích.

Hồi này, tôi đã nói, Phật A Di Đà chỉ là Giáo chủ của Tây phương mà thôi, không phải là Giáo chủ của toàn cõi vũ trụ. Vậy khi chúng ta niệm Tây phương mà tâm của chúng ta dính tại Nam phương, chúng ta cũng không đến được Tây phương. Cho nên tốt nhất nên niệm vị Phật tối cao mới an toàn, bởi vì bất cứ mình rơi ở nơi nào cũng gặp được Phật. Bất cứ chỗ nào, chỉ cần có Phật là được rồi, chứ không phải chỉ có thể đi Tây phương thôi, có hiểu

chưa? Bởi vì mình không nhận biết Phật A Di Đà chân chính, mình không thể chuyên tâm đến Tây phương.

Cho nên niệm danh hiệu của những vị Phật tối cao là tốt nhất. Những danh hiệu của những vị Phật tối cao này không được đề cập trong kinh điển, bởi vì “*Danh khả danh, phi thường danh*”, muốn nói cũng không nói ra được. Nếu muốn nhận thức thì phải có thầy giới thiệu mới biết được. Những vị thầy đó rất có thể là bạn của Phật, là nhân viên làm việc cho Phật, là người đầy tớ của Phật. Nhưng cũng không sao, người đầy tớ của Phật cũng quen biết Phật, họ có thể dẫn chúng ta đi xem Phật. Ví dụ mình quen biết người nấu bếp của vị vua, có phải hay lắm không? Có một ngày mình cũng thấy được vua, nếu mình quen biết những vị quan thần thì không có ích lắm, rất có thể vĩnh viễn mình không thấy vua. Chúng ta quen biết người đầy tớ của Phật là tốt nhất, là cách gặp Phật trực tiếp nhất.

Cho nên quý vị không cần đoán đẳng cấp của tôi, chỉ cần nhận biết tôi là người hầu của Phật là được rồi, là người nấu cơm cho Phật, người này quen biết Phật, được người này giới thiệu là hữu dụng nhất. Nếu chúng ta quen biết người nấu bếp của vua, vạn nhất chúng ta gặp khó khăn, người này sẽ nói giùm vài lời với nhà vua, nhưng một vị quan cao cấp của triều đình có thể không biết nói một lời, bởi vì không dám, gặp vua không biết chùng sẽ phát run!

Vị quan đó không biết chùng cũng không được gặp nhà vua, ngoại trừ những dịp lễ lớn, bởi vì phải giữ an ninh cho vua, không để cho người xấu đến phương hại nhà vua. Trừ công việc đó, vị quan cũng không có lời gì để nói chuyện với vua, cho nên họ không thể bảo đảm mình sẽ được gặp vua. Cho nên chúng ta muốn quen biết Phật thì phải tìm người đã từng quen biết Phật. Ví dụ như người đầy tớ của Phật, họ là người làm việc lật vật trong văn phòng. Họ quen biết ông chủ, nếu mình muốn gặp ông chủ, họ có thể dẫn mình đi gặp. Nếu như mình không có quen biết với

ông chủ thì nên quen biết với những người đó, họ quen với ông chủ hơn, gần gũi hơn, họ dẫn mình đi gặp ông chủ mau lẹ hơn.

Cho nên muốn tu Pháp Môn Quán Âm nên dùng “*nội tâm*” tu thì mới có một chút thể nghiệm, mới biết tu Pháp Môn Quán Âm này rồi sẽ như thế nào, mới có thể hiểu rõ vị Giáo chủ tối cao tên là gì, “*danh bất khả danh*” là thế nào. Bởi vì chỉ nhìn hình của vua, nghe tên của vua, đó chưa phải là vua. Vua không phải là hình, cũng không phải là tên, mình muốn quen biết với vua là một chuyện khác. Cũng vậy, dùng ngôn ngữ phạm phu để xưng hô, tên cũng không phải là Phật. Muốn quen biết Phật, quen biết tên thật này, cũng là “*danh bất khả danh*”, là một chuyện khác. Ô, không đơn giản chút nào!

Bởi vì chúng ta đã quen dùng đầu óc tưởng niệm rất nhiều thứ. Niệm chồng, niệm vợ, niệm thế gian, niệm phiền não, v.v... nếu so sánh với sự tưởng niệm đồ vật của thế gian thì chúng ta niệm Phật A Di Đà có ích lợi hơn. Nhưng niệm Phật A Di Đà chỉ có thể đánh thức chỗ sáng sủa của chúng ta, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ có thể phát triển lòng từ bi của chúng ta. Nếu chúng ta muốn niệm Phật, có loại Phật hiệu tốt hơn có thể đánh thức toàn bộ phẩm chất tốt nhất của chúng ta, để cho nó phát triển thêm. Niệm thứ Phật hiệu đó là tốt nhất. Nhưng Phật hiệu tốt nhất thì không thể nói ra được. Bởi vì đầu óc của chúng ta thích niệm, cái gì cũng muốn niệm, niệm rất nhiều cho nên tôi cũng cho mình cái tên để niệm, niệm cái tên tốt nhất, có lực lượng nhất, niệm tên đó có thể phát triển toàn bộ phẩm chất cao quý, không thể luận bàn, của chúng ta.

Pháp Môn Quán Âm của tôi cũng dạy người ta “*niệm Phật*” nhưng không phải niệm Phật A Di Đà mà là niệm Phật cao hơn, có lực lượng hơn. Bởi vì khi niệm, lực lượng của tôi (*Phật lực của vị Sư Phụ ở bên trong*) sẽ gia trì Phật hiệu này, cho nên niệm mới có cảm ứng tốt. Dù niệm Phật A Di Đà, nếu có lực lượng gia trì của tôi, cũng có cảm ứng như thường. Vạn nhất không bỏ được Phật A Di Đà, Tâm Ấn rồi có thể niệm thêm Phật A Di Đà (*mọi*

người cười), cũng có cảm ứng. Trước khi thọ Tâm Ấn, niệm Phật A Di Đà không có lợi ích nhiều vì tình trạng khác nhau. Vì trước kia không có lực lượng hậu thuẫn này, cũng như có dây điện mà không có điện, nên không có công dụng thực tế.

Tuy rằng quý vị niệm tiền, tiền, tiền, nhưng trong túi của quý vị không có tiền, nên có niệm người ta cũng không tin. Không phải miệng mình niệm gì người ta cũng tin, mình phải tự có thì người khác mới tin. Không phải nói mình có tiền là đủ, nếu thái độ của chúng ta không giống như người có tiền, người ta cũng không tin. Người có tiền khí thế nói chuyện của họ khác với người không có tiền. Điểm đó chúng ta có thể nghĩ được, cũng có thể nhận ra được, có phải như vậy không?

Ví dụ có người muốn đến giết mình, nhưng nếu như mình nói với giọng run run, t...ô...i... t...ô...i...tôi... k...h...ô.n.g... không... có sợ, nhà tôi c...ó... có súng, người... không... không thể... h...ạ.i... tôi... Họ nghe là biết mình không có can đảm. Cho nên niệm Phật, nếu có lực lượng của tôi bảo hộ, gặp ma cũng không sợ. Có lực lượng của tôi làm hậu thuẫn, dù mình không niệm, chỉ nhớ đến tôi thôi, ma quỷ đã sợ lắm rồi, không dám đến gần mình.

Pháp Môn Quán Âm của tôi cũng gồm cả việc niệm Phật. Niệm Phật chính thật tối cao, có lực lượng nhất, có thể chính thật giúp đỡ quý vị. Niệm chưa hết Phật hiệu, ma đã chạy mất rồi, thứ ma giả dạng biến hóa ra Phật Bồ Tát đó, một giây cũng không dám lưu lại, người xấu cũng không dám lại gần. Cho nên họ rất ghét mình, sẽ tìm mọi cách để tấn công mình, bởi vì họ chịu không nổi lực lượng của Phật hiệu. Như vậy mới thật là “*niệm*” Phật.

Niệm Phật hiệu này còn có thể câu thông với Vô Lượng Quang, ánh sáng của Phật A Di Đà. Mỗi ngày sống chung với ánh sáng này, ngủ với ánh sáng này, ăn cơm với ánh sáng này. Đi đứng nằm ngồi cũng không rời nó. Sau này ở chỗ nào cũng có ánh sáng. Đó mới là “*Vô Lượng Quang*”. Ánh sáng này không thể đo lường, không nơi nào là không có, nên gọi là Vô Lượng

Quang. Câu thông được với Vô Lượng Quang này, mỗi ngày đều có thể thấy được ánh sáng, sống chung với ánh sáng, nó bảo hộ chúng ta, phát triển chỗ tốt của chúng ta, khai mở trí huệ của chúng ta, dẫn chúng ta tới cõi Tây phương Tịnh Độ, đi đến cõi Phật, đi đến cảnh giới cao.

Ngoài niệm Phật, quán ánh sáng, còn có “quán” âm thanh chân động mỹ diệu bên trong. Âm lưu của vũ trụ không phải là âm thanh bên ngoài. Nhưng dù là “quán ánh sáng”, “quán âm”, hay “niệm Phật”, đều cần phải nhờ tới truyền pháp mới có được. Lúc truyền pháp, hoàn toàn không nói chuyện, cho nên gọi là “truyền Tâm Ấn”, dùng “tâm” truyền. Tâm là gì? Là bản tâm của chúng ta, chân tâm của chúng ta, không phải tâm của ý niệm, cho nên lúc truyền pháp không cần phải nói.

Chúng ta thường nói thiền không cần dùng đến ngôn ngữ, là ý nghĩa đó. Nếu còn cần dùng đến ngôn ngữ, vẫn chưa phải là truyền pháp. Bởi vì vốn không có “Pháp” để truyền, nhưng nếu không có truyền cũng không có “Pháp”, lúc truyền mới có “Pháp”. Tuy gọi là “Pháp”, kỳ thật cũng không có “Pháp”, cho nên gọi là “Vô Tướng Pháp”. Lục Tổ Huệ Năng có nói Ngài truyền “Vô Tướng Pháp”. Trong Tâm Kinh cũng có nói giống vậy, Phật Thích Ca diễn tả Pháp này là “Chư Pháp không Tướng”, hoàn toàn y như Ngài Lục Tổ Huệ Năng nói “Vô Tướng Pháp”. Ngoài ra Phật còn diễn tả pháp này là “Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới...”

Cái gì cũng không có, là pháp “Vô Tướng” nhưng cũng không phải không có, cho nên gọi là “Danh khả danh, phi thường danh”. Nói ra không được, nhưng có đủ tất cả. Tất cả đều trong pháp “Vô Tướng”, trong “Âm lưu”, trong “Âm bất khả âm”, “Danh bất khả danh” này, cho nên gọi là pháp “Vô Tướng”. Nhưng nếu không truyền thì không có pháp, chỉ lúc truyền pháp mới có thể được

“*Pháp*”, nhất định là có. Điểm này khi tôi truyền pháp, người nào cũng có thể nghiệm được. Trước và sau khi truyền pháp hoàn toàn khác nhau. Khi truyền pháp tuy không nói chuyện, tuy không có “*Pháp*” để truyền, nhưng chúng ta được “*Pháp*”. Điểm đó chúng ta sẽ biết, rõ ràng cũng như một với một là hai.

Không phải thiền không dùng ngôn ngữ, cho nên không thiền. Cũng không phải vì pháp không có tướng, nên tôi không thể truyền pháp cho quý vị. Đương nhiên tôi có thể truyền pháp, nhưng không thể dùng ngôn ngữ nói ra, nên gọi “*truyền Tâm Ấn*” là đủ rồi. Lấy tâm truyền tâm, lúc đó tâm của quý vị “*mở*” rồi, không cần phải nói gì nữa.

Cho dù tôi ở đây ca tụng công đức của Pháp Môn Quán Âm một trăm năm, một vạn năm, một ức năm, cũng không thể nói hết được. Chỉ có người thật tâm tu hành mới biết được, mới nhận thức được. Sau này dù chỉ một ngày không tọa thiền, không tu Pháp Môn Quán Âm là toàn thân ngứa ngáy là có chuyện gì không đúng, cho nên cảm nhận ngay được lực lượng này không thể luận bàn như thế nào.

Trong tất cả kinh điển, Phật Thích Ca đều tán thán Pháp Môn Quán Âm. Trong Kinh Phổ Môn Ngài nói: “*Nếu chúng ta biết được danh hiệu của Quán Âm còn nhiều công đức hơn niệm trăm ngàn vạn ức tên của Bồ Tát, còn nhiều công đức hơn cúng dường trăm ngàn vạn ức Bồ Tát.*” Bởi vì tên của Ngài không phải là quán âm, tên của Ngài là “*bất khả danh*”, là âm lưu của vũ trụ, là sức chấn động vĩnh viễn hằng hữu trong toàn cõi vũ trụ.

Cho nên người tu Pháp Môn Quán Âm có công đức nhất, cao quý nhất. Điều này những vị đã thọ pháp rồi thì biết rõ nhất.





6

Nghiệp Chương Từ Đâu Tới?

Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị

Đài Bắc, Formosa

Ngày 6 tháng 3 năm 1987

Hôm nay, tôi nói tới “*Pháp Môn Quán Âm*”. Đừng ra chuyện này phải đợi tới ngày cuối cùng mới nói, nhưng vì mọi người muốn biết gấp, nên hôm nay tôi nói trước. Nếu quý vị muốn hiểu biết Pháp Môn Quán Âm, trước tiên phải biết cái gì là “*Âm*”? Cái gì là Quán Âm? “*Quán*” là “*Quán tưởng*”, “*Âm*” là “*Âm thanh*”. Bình thường lúc chúng ta muốn quán niệm một người đều là dùng đầu óc phàm phu mà nhớ đến người đó. Ví dụ như đôi mắt người đó lớn hay nhỏ, người đó cao hay thấp, mập hay gầy và luôn cả tánh tình, v.v... Sự tưởng nhớ này và người thật lúc nào cũng có khác biệt; nếu dùng đầu óc phàm phu của chúng ta mà phán xét “*Phật Tánh*”, thì sự sai biệt này thật không thể tưởng tượng được.

Cho nên phải dùng “*trí huệ*” để mà quán xét. “*Trí huệ*” này mọi người đều có, nhưng không phải ai cũng biết sử dụng. Nhân loại phát minh và sáng tạo rất nhiều thứ, học hỏi rất nhiều điều

trên thế gian này; đây là do sự thông minh chứ không phải trí huệ. Cho dù vậy, nếu không có trí huệ thì không có cách nào để học hay nhận thức được gì cả, bởi vì thông minh là từ trí huệ mà ra, đó chỉ là một phần rất nhỏ trong trí huệ mà thôi.

Bây giờ chúng ta nói đến âm thanh phổ thông trên thế gian này trước, rồi sẽ nói đến âm thanh của siêu thế giới Phật Âm. Từ xưa đến nay, trong sinh hoạt của chúng ta âm nhạc chiếm một phần rất là quan trọng. Chúng ta rất khó tưởng tượng nổi nếu thế giới này mà không có âm nhạc thì trong sinh hoạt sẽ có bao nhiêu điều khổ não. Nhạc cổ điển hơi êm dịu, nghe xong tâm hồn rất là khoan khoái, rất lắng dịu, rất hiền hòa. Vì vậy thời cổ có rất nhiều vị quân tử cao quý, hiền lương. Thời nay có các loại nhạc kích động, nếu từ nhỏ đã bị ảnh hưởng bởi âm thanh này, thì sẽ biến thành rất khó dạy, tại vì người đó tượng trưng cho phong độ và cá tánh của con người hiện đại.

Ở bệnh viện thần kinh, bác sĩ cũng thường để cho bệnh nhân nghe loại âm nhạc êm dịu để tinh thần của họ được lắng dịu xuống. Lúc chúng ta làm việc mệt mỏi hoặc cảm thấy không vui, nếu lúc đó chúng ta nghe âm nhạc thì sẽ cảm thấy thoải mái và tâm hồn cũng lắng dịu xuống.

Ở trong vũ trụ, bất cứ vật gì cũng đều có chấn động lực. Chấn động lực này sẽ biến thành âm thanh, cũng như đài phát thanh phát ra làn sóng âm thanh. Sau khi chấn động lực được thu nhận qua sự chuyển tiếp của máy thu thanh, thì sẽ biến thành âm thanh. Vạn vật trong vũ trụ đều có chấn động lực, mỗi vật đều có chấn động lực khác nhau, bất cứ là đá sỏi, cây cỏ, người, v.v... đều có chấn động lực riêng biệt. Cũng vì có chấn động lực khác biệt đó, nên giữa người và động vật, giữa người và người, giữa chồng và vợ không dễ có sự kết hợp.

Có một số người phát ra làn sóng chấn động không hòa nhã, khi người khác gần họ thì liền cảm thấy bất an. Ngược lại có một số người phát ra chấn động tốt. Khi nói chuyện, họ tạo ra một bầu

không khí rất là hòa nhã, làm cho người chung quanh cảm thấy rất an lạc và vui vẻ. Có một vài nơi khi chúng ta tới gần thì chấn động sẽ làm cho chúng ta cảm thấy rất vui vẻ. Có người có sức chấn động không tốt, khi người đó tới nơi nào thì lập tức làm cho người ở đó bâng khuâng và lo âu, bất ổn. Đó là vì làn sóng chấn động của người đó quá thấp, có thể nói nghiệp chương và ác tâm của người đó quá nặng, và âm khí của người đó quá nặng; dương khí của những người gần bên hơi nhiều, âm và dương không thể phối hợp với nhau, cho nên mới tạo ra cảm giác bâng khuâng và lo âu, bất ổn.

Ở trên Địa Cầu này, không phải mỗi nơi đều có làn sóng chấn động giống nhau, vì trên Địa Cầu có đủ loại khoáng chất rải rác ra các nơi khác nhau, cho nên người tu hành thường thường cảm thấy ở nơi nào cũng không yên ổn. Nhưng đối với một người tu hành chân chánh, nơi nào cũng là Tịnh Độ, nơi nào cũng là đất Thánh. Nói thì dễ nhưng làm thì khó, có bao nhiêu người chân chính đạt tới cảnh giới này? Chịu nổi bầu không khí không yên ổn này? Chỉ trừ một số ít người vô minh gần giống như sỏi đá, một số người không tu hành cũng có thể cảm giác được. Những người tu hành càng cao thì càng nhạy cảm, nhưng khi họ tu hành đạt tới cảnh giới cao nhất, thì ngược lại, đối với họ mọi nơi đều không có gì phân biệt.

Không cần biết chúng ta sống chung với người nào, cũng đều bị ảnh hưởng bởi chấn động lực của họ. Nếu người ấy có khí độ hòa nhã thì chúng ta sẽ cảm thấy hòa nhã hơn. Nếu người ấy kích động thì chúng ta cũng sẽ cảm thấy bị kích động. Chúng ta thường nghe nói Phật Bồ Tát gánh nghiệp chương của chúng sanh, đó là bởi vì các Ngài có thể nhận lãnh những chấn động lực có ảnh hưởng xấu phát ra từ chúng sanh, còn được gọi là nghiệp chương, và mang chấn động tốt của các Ngài ban phát cho những người ấy. Nhờ vào lực lượng của người tu hành, các Ngài có thể rửa sạch nghiệp chương đó rất nhanh. Cần bao nhiêu

thời gian để rửa nghiệp chướng còn tùy thuộc vào số nghiệp chướng các Ngài thu nhận vào. Trong lúc các Ngài chưa rửa sạch nghiệp chướng này, thì vẫn bị nghiệp chướng ảnh hưởng. Cho nên rất có thể các Ngài bị bệnh hoặc bị người ta phi báng, đôi lúc bị giết hại.

Ví dụ như Chúa Giê-su, vì lãnh nghiệp chướng của chúng sanh, mà bị đóng đinh trên thánh giá. Ngay cả Phật Thích Ca, chúng ta hình như không nghe là Ngài lãnh nghiệp chướng của ai, nhưng trong kinh điển có ghi chép lại: *“Có một người đã từng giết chết 99 người, sau này muốn giết luôn cả Phật, nhưng việc không thành, trái lại còn được Phật độ, sau này cũng tu thành quả vị A La Hán.”* Nếu Phật không lãnh nghiệp chướng giùm thì nghiệp chướng giết người của người ấy đi đâu? Giết biết bao nhiêu người mà cũng thành A La Hán, có phải là trái với luật nhân quả chăng? Không phải, đó là vì công đức của Phật Thích Ca rất lớn, Ngài có phước báu vô lượng, vô biên, rất đủ cho Ngài thanh toán tất cả nghiệp chướng, không thành vấn đề. Không phải người ấy không chịu nhận quả báo, mà là Phật Thích Ca đã lãnh giùm rồi.

Cho nên từ cổ chí kim, những người mong cầu giải thoát, ban đầu đều phải tìm đến các vị Đại Sư, vì nếu chúng ta mới tu hành mà chỉ dựa vào lực lượng của bản thân thì rất khó có thể trả hết nhiều nghiệp chướng như vậy. Chỉ có các vị Đại Sư nhờ vào phước báu tu hành đời đời của các Ngài mới có thể vừa chỉ dẫn đường đi cho chúng ta, vừa giúp chúng ta mang hành lý, vì các Ngài có đủ lực lượng. Người thường có lực lượng của người thường. Người tu hành có lực lượng của người tu hành. Lực lượng ấy có thể chúng ta không thấy được, nhưng lại vô lượng, vô biên, tuyệt đối không phải lực lượng của thân xác mà có thể sánh bì. Quý vị nghe nói sau khi theo tôi thọ Tâm Ấn thì năm đời được siêu sanh. Đó là nhờ vào lực lượng tu hành, mang hết tất cả lên trên. Cho nên mới nói lực lượng của sự tu hành rất quý báu,

bao nhiêu tiền cũng không thể mua được, bao nhiêu quyền uy cũng không thể đổi lấy lực lượng này.

Đôi lúc, tôi đi thuyết pháp, cảm giác rất là thoải mái, nhưng đôi lúc lại cảm thấy bị vật gì đè nặng; thuyết pháp không nổi và cảm thấy rất mệt. Trong lúc truyền Tâm Ấn cho người cũng vậy, có lúc rất thuận lợi không có vấn đề gì, có lúc lại bị mệt như sắp chết. Đó là do những người tới nghe thuyết pháp hoặc tới xin thọ Tâm Ấn có làn sóng chấn động khác nhau. Các chấn động khác nhau này tạo thành bởi cái gì? Bởi luật nhân quả, có liên quan tới nghiệp chương đời đời kiếp kiếp của chúng sanh.

Chúng ta vốn là Phật; Chúa Giê-su cũng nói, chúng ta đều là con của Thượng Đế. Tuy vậy, tại sao có người giàu, có người lại quá nghèo? Có người rất thông minh? Có người lại rất ngu dốt? Có người rất lương thiện? Có người lại rất gian dối? Thứ nhất, tuy chúng ta vốn là Phật nhưng khi chúng ta tới thế giới Ta Bà này, cứ lựa hướng thấp mà đi, quên mất đại trí huệ của chính mình. Thứ nhì vì bị ảnh hưởng của thế giới mình ở.

Thế giới này khác với thế giới của các cảnh giới cao. Thế giới của cảnh giới cao có thể giúp chúng ta tu hành tiến bộ, làm cho chúng ta càng ngày càng thoải mái, càng ngày càng cao quý; còn môi trường ở thế giới Ta Bà này rất dễ làm cho sự tu hành của chúng ta bị thụt lùi, càng ngày càng ngu dốt, càng ngày càng hư hỏng. Trên thế giới Cực Lạc, muốn gì được nấy, không có sự đau khổ; còn ở thế giới Ta Bà này phải phấn đấu cùng với thiên nhiên mới có thể tồn tại được. Cho đến Phật Thích Ca cũng phải ăn cơm, cũng phải dùng vật chất của thế giới này mới có thể sinh tồn được. Thế giới này có hình, có sắc, có lạnh, có nóng, có đẹp, có xấu, có nam, có nữ và có sự phân biệt; so với thế giới Cực Lạc (*trên thế giới Cực Lạc đều là một loại thân thể màu kim, không có phân biệt nam nữ*) thì không giống nhau.

Ồ đó không hình, không sắc, là thế giới không có sự phân biệt. Khi chúng ta đến thế giới Ta Bà này thì biến thành một

chúng sanh hướng ngoại, thấy thức ăn là khởi niệm ăn, thấy vật chất là khởi niệm thích hoặc không thích. Tâm chúng ta thường bị sự thích thú vật chất quyến rũ, vì thế mà từ từ quên đi đại trí huệ của mình, càng ngày càng xa lìa đại lực lượng của vũ trụ, trở thành một người cô đơn.

Tất cả vật chất vốn thuộc về chúng ta, nhưng vì chúng ta chỉ để ý đến một vài thứ vật chất mà mình ưa thích, nên chúng ta vô tình tự cột mình trong một phạm vi nhỏ hẹp, làm cho tình trạng trở nên khác biệt và trở nên có sự phân biệt. Từ tâm của chúng ta toàn tâm toàn ý ưa thích một, hai người hoặc vật chất khiến cho tự mình càng ngày càng cô đơn, cắt đứt với đại lực lượng của vũ trụ, biến thành một lực lượng nhỏ bé, chỉ trong tíc tắc là dùng hết. Cũng như một người ở trên sông Hằng, lúc nào cũng có đủ nước để dùng. Nếu người này bị vật chất trên bờ thu hút, rời khỏi sông Hằng, dồn hết tâm ý vào vật chất đó nên sẽ quên trở về nguyên quán. Khi người ấy muốn dùng nước, thì chỉ có thể tạm thời sang người lân cận tìm một chút nước để uống, dĩ nhiên là không đủ nước để dùng.

Cho nên chúng ta càng ngày càng trở nên yếu đuối, càng ngày càng thiếu trí huệ; trí huệ càng thiếu thì càng phát ra tâm tham lam. Từ sự cảm thấy không an toàn thì càng muốn chiếm hữu nhiều đồ vật. Tư tưởng tham sân si từ đó mà sanh ra. Tư tưởng đó tạo thành một từ trường đặc biệt bao quanh chúng ta, dĩ nhiên sẽ càng thu hút sự kích động vào từ trường của chúng ta. Người nào nhu hòa thì thu hút vật chất nhu hòa, và hình thành một cái mà ta gọi là nghiệp chướng.

Chúng ta thường thấy một số người, bất luận làm điều gì cũng đều sai. Đây là do từ trường của họ cứ thu hút những lực lượng không tốt, hay những lực lượng chướng ngại, lực lượng ngu, lực lượng ma chướng, vì không thể thu hút được đại trí huệ nào ở bên cạnh. Có một số người có thú tánh rất mạnh, đây cũng vì từ trường của họ, hay có thể là thói quen đòi đòi, kiếp kiếp, vẫn

chưa sửa đổi được. Khi từ trường của chúng ta dần thay đổi theo chiều hướng tích cực, điều đó cho thấy chúng ta bắt đầu đi lên. Nhưng cần bao lâu mới hoàn toàn thay đổi thì còn tùy thuộc vào tâm của chúng ta có đơn thuần hay không. Trong các kinh điển và Đạo Đức Kinh đều đề cập đến vấn đề này, phải trở thành như trẻ thơ mới có thể trở về Thiên Quốc.

Muốn cải biến thói quen hoặc từ trường của chúng ta không phải dễ dàng, tuyệt đối không thể nhờ vào phương pháp nín hơi thở hay tập Yoga mà được. Vì thói quen đã bị đầu óc kiểm chế, cho nên muốn cải biến thói quen, thì phải cải biến đầu óc của chúng ta. Chỉ nhờ vào quán đơn điền, quán nước, quán hơi thở, quán bạch cốt, v.v... thì không đủ dùng. Chỉ có tu Pháp Môn Quán Âm mới là phương pháp đúng nhất.

Tại vì âm thanh này là “*Phật âm*”, là âm thanh bản tánh; khi vạn vật trong vũ trụ chưa hình thành thì đã có âm thanh này rồi. Âm thanh này là “*Thắng bi thế gian âm*”, cho nên dùng nhĩ căn phàm phu không nghe được; nhưng bất cứ chúng sinh nào cũng có thể nghe được, tùy theo đẳng cấp khác nhau mà nghe được âm thanh khác nhau mà thôi. Bất cứ vật gì trong vũ trụ cũng đều có sức chấn động, cho nên đều có âm thanh. Dù là đá sỏi cũng có âm thanh, nhưng rất là vi tế, cho nên dùng tai phàm không nghe được, chỉ có dùng trí huệ mới nghe được. Cho nên nói “*Quán âm*” mà không dùng âm thanh. Bất cứ chúng sinh nào cũng có âm thanh, cũng có trí huệ, vậy tại sao không phải ai cũng có thể quán âm thanh này? Tại vì họ không có chìa khóa, không biết âm thanh ở đâu. Cho nên trước tiên cần phải tìm một vị Sư Phụ nào có thể mở cái cửa này.

Tại sao âm thanh này lại quan trọng như thế? Tại vì vạn vật trong vũ trụ đều tạo thành bởi cùng một âm thanh; từ cảnh giới cao tới cảnh giới thấp cũng đều liên hợp cùng với âm thanh này. Hồi nãy, tôi có nhắc đến chấn động của một số người không thể phối hợp với chấn động lực của một số người khác cho nên khó

mà sống chung với nhau. Cũng vậy, chấn động của chúng ta với chấn động của loài vật hoặc một nơi nào đó không thể hòa hợp, cho nên chúng ta rất khó mà sống chung với loài vật, hay sống luôn ở một nơi nào đó. Nếu có người ở mãi một nơi nào đó, chưa chắc họ tốt hơn chúng ta; rất có thể chấn động của họ quá thấp, hay chấn động của họ giống với chấn động của loài vật, cho nên mới không có cảm giác gì cả.

Ví dụ như con heo, con cóc sống ở nơi dơ bẩn, lại cảm thấy tự nhiên. Rõ ràng là tại sao có nơi làm cho một người cảm thấy khó chịu mà lại có người có thể sanh sống tại đó mà không cảm thấy gì cả, còn vui vẻ nữa. Đó là vì họ có thể hòa hợp với bầu không khí ở vùng đó; còn nếu chấn động của chúng ta cao hơn, nhu hòa hơn thì không thể phối hợp với chấn động thấp đó, cho nên mới không thể tiếp tục sống ở đó được. Không thể tiếp tục sống ở đó không phải vì bản năng của họ cao hơn chúng ta, mà là người lương thiện lúc nào cũng không thể sống chung với người ác.

Nếu như có người muốn thay đổi định mệnh, thì phải dùng âm thanh cao nhất này. Chúng ta hiện giờ chỉ có một bộ phận nhỏ, và lại âm thanh chấn động không cao. Cũng vì chấn động không cao nên phải ở nơi đẳng cấp không cao, cùng sống chung với thể giới có loài vật, tức là vật cùng loại thì tụ với nhau.

Nhưng có một loại âm thanh bao trùm tất cả chúng sanh, đó tức là “*Phật âm*”, âm thanh bản tánh. Nếu chúng ta tu âm thanh này, chấn động lực của chúng ta sẽ nâng cao, đẳng cấp của chúng ta ngày càng lên cao. Bên ngoài nhìn vào có lẽ không khác với lúc xưa, nhưng thân thể có phát ra ánh sáng, lúc thuyết pháp mọi người đều thích nghe. Muốn độ người cũng dễ hơn, bởi vì chấn động của chúng ta đã trở nên nhu hòa, có thể làm người khác an tâm, giải thoát. Chấn động của họ sẽ bị chúng ta bao phủ, chúng ta cho họ chấn động tốt, tiêu trừ chấn động xấu của họ. Cũng như một người có máu không tốt, bác sĩ sẽ dùng máu tốt thay máu xấu cho người đó. Khi nước trong thùng không sạch, chúng ta phải

đem nước dơ đổ đi, thì mới có thể đổ nước sạch vào. Nhưng nếu chân động của chúng ta không tốt, thì không thể nào đổi chân động xấu của người khác. Cho nên nếu muốn độ chúng sanh trước tiên cần phải tu hành.

Vừa rồi có đề cập đến việc sống tại thế giới Ta Bà này thì phải dùng dụng cụ của thế giới này; dụng cụ này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư tự chỉ mình*) không thể nói tiếng Trung Hoa giỏi, dụng cụ này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ thông dịch viên Anh Văn*) không thể nói tiếng Anh giỏi, dụng cụ này (*chỉ thông dịch viên Formosa*) không thể nhớ hết nguyên vẹn. Tất cả đều không hoàn mỹ, cho nên mới có quá nhiều phiền phức như vậy. Nếu tất cả mọi người đều đi Tây phương, thì không có vấn đề này. Quý vị muốn đi Tây phương không? (*Mọi người đáp: Muốn.*) Nếu mà muốn thì phải tu Pháp Môn Quán Âm, đây là con đường tốt nhất để vãng sanh đi Tây phương.

Niệm Phật A Di Đà, trước tiên phải nhận biết Phật A Di Đà thì mới là “*niệm Phật*” chân chính. Nếu chỉ dùng miệng mà niệm Phật A Di Đà, đó chỉ là đẳng cấp A B C mà thôi. “*Niệm*” là tưởng niệm, chứ không phải là khẩu niệm. Nếu không nhận biết Phật, thì làm sao mà tưởng niệm Phật? Cho nên quý vị đừng tưởng rằng Pháp Môn Quán Âm không có niệm Phật. Đây là cách niệm cao nhất, niệm Phật chân chính chứ không phải mỗi ngày la hét danh hiệu của Phật A Di Đà mới là niệm Phật, làm vậy chỉ làm Ngài nhức đầu thêm mà thôi.

Hồi nãy, tôi có nói vạn vật trong vũ trụ đều có âm thanh, vạn vật trong vũ trụ đều tạo thành bởi âm thanh. Trong Đạo Đức Kinh cũng có nói: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh, vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu.*” “*Danh*” hay “*Đạo*” tất cả đều chỉ âm thanh này hay là chân động lực này, chỉ là vì cổ văn và kim văn khi dùng có thể hơi khác nhau. Thật ra đều chỉ cùng một sự việc, điều này tôi nghĩ quý vị nên hiểu rõ.

Vạn vật trong vũ trụ đều từ cái “*danh*” hoặc “*âm thanh*” tạo ra, nhưng vì chúng ta là “*người*”, nên chúng ta có được một bộ phận cao nhất của âm thanh, và có khả năng hoàn toàn thu góp tất cả âm thanh. Còn loài vật không đủ đẳng cấp để có thể hoàn toàn thu góp được những âm thanh này. Nếu chúng ta tu hành và nương vào âm thanh này, chúng ta sẽ nâng cao mình mãi mãi, thu được âm thanh này càng nhiều thì đẳng cấp càng cao, cho đến khi hoàn toàn được trọn vẹn âm thanh đó mới thôi. Lúc đó chúng ta có thể phối hợp với bất cứ chúng sinh nào trong vũ trụ cũng được. Bởi vì mỗi chúng sinh là một phần trong cái âm thanh này, mà chúng ta đã thu được trọn vẹn âm thanh đó rồi, cho nên đối với chúng ta nơi nào cũng là Tịnh Độ, mọi người đều là Phật, tất cả chúng sinh đều có “*Phật tánh*”. Tới lúc đó mới thật sự hiểu. Nếu không cũng chỉ là “*Tôi nghe nói rằng...*” mà thôi. Không sao phân biệt được đâu là thật, đâu là giả.

Cho nên tự mình phải có thể nghiệm, đọc kinh hoặc nghe thể nghiệm của người khác đều khác nhau. Đọc kinh điển là đọc thể nghiệm của người khác. Chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm là có thể nghiệm của chính mình, có thể so sánh với những gì đã ghi chép trong kinh điển, xem có giống như thể nghiệm của người xưa không. Đôi lúc thể nghiệm của mình còn cao hơn họ, cũng không phải chúng ta cao hơn họ, mà là khi họ viết lại thể nghiệm đó, đẳng cấp của họ chưa cao lắm. Nếu so với đẳng cấp trong lúc họ ghi xuống, rất có thể đã cao hơn một chút.

Bây giờ chúng ta đã biết âm thanh có ảnh hưởng to lớn như thế nào. Bất cứ chúng sinh nào cũng có sức chấn động hay âm thanh đó, rồi gây ảnh hưởng cho nhau. Thế giới này khác với thế giới Cực Lạc, vì thế giới này có loài vật, có người xấu, có người tốt; có người bạo động, có người thanh tịnh, có người sung sướng, có người đau khổ; rất nhiều loại người sống lẫn lộn với nhau. Chúng ta sống trong môi trường hỗn tạp, rất khó mà an tâm tu hành, còn gặp chướng ngại hay bầu không khí không tốt làm

phiền chúng ta. Nhưng nếu chúng ta có thể chuyên tâm tu hành thì sẽ tiến bộ rất nhanh.

Cho nên rất nhiều Thiên nhân thích đầu thai làm người, vì phải có thân thể này mới có thể tu hành. Chúng ta thường nghĩ rằng xác thân này vô dụng, nhưng không có nó thì không có cách nào tu hành. Thân thể này rất quý báu cho nên phải chăm lo giữ gìn nó, ăn uống phải đủ dinh dưỡng, nhưng đừng ham ăn quá. Phải bảo vệ thân thể, không nên để nó quá lạnh, quá nóng, quá khô, quá mỏi mệt. Tu khổ hạnh không phải là tốt, đó là tự hành hạ mình. Tự hành hạ mình là phạm trọng tội. Mình chính là Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, cho nên phải tự tôn trọng mình, tại sao lại phải tu khổ hạnh tự hành phạt mình? Tuy nhiên nếu không thể tránh khỏi thì khác.

Ví dụ, quý vị nghe tôi kể lúc tu hành ở Hy Mã Lạp Sơn, mỗi ngày tôi chỉ ăn một ít rau sống, vì ở đó đất rất cao, không khí rất loãng, nhiệt độ thấp, áp suất cũng thấp, bất cứ nấu cơm hay luộc rau cũng rất khó chín. Vì vậy ăn rau sống cho giản tiện. Chỉ cần dùng nước sông Hằng rửa sơ sơ, bỏ một chút muối vào là ăn được. Không phải tôi cố ý tu khổ hạnh. Tôi ở trên núi tại Formosa, khi bé quan ba tháng cũng vậy, mỗi ngày chỉ ăn một chút cơm với muối mè, uống chút nước mà thôi. Vì lúc đó không ai chăm sóc, nếu mỗi ngày đều đi chợ mua rau cải thì còn gì là bé quan? Biến thành bé cải rồi. (*Mọi người cười.*) Việc này là do tình trạng ép buộc, cho nên có gì thì ăn nấy, tuyệt đối không cố ý tu khổ hạnh. Tu khổ hạnh không thể thành Phật, tu khổ hạnh thì biến thành người khổ. Chúng ta sinh sống hàng ngày đã đủ khổ rồi, tại sao phải tu khổ hạnh nữa?

Muốn thành Phật phải tu Pháp Môn Quán Âm, dùng trí huệ quán âm thanh nguyên thủy, vì âm thanh này tạo ra vạn vật trong vũ trụ, là lực lượng mạnh nhất trong vũ trụ, cũng là trí huệ cao nhất trong vũ trụ. Nếu chúng ta không nhờ vào đại lực lượng này, đại trí huệ này để tu hành, thì phải nhờ vào gì đây? Tại sao phải

nhờ vào cái bụng nhỏ bé tối thui (*chi đơn điên*) hay là sự hô hấp vô thường để tu hành? Nếu khi chúng ta thiền, thân thể không cử động, hay không thể hô hấp, lúc ấy làm sao tu?

Nếu nhờ vào đại lực lượng để tu hành, thì dù thân thể không thể cử động, hay bị thương nặng cũng không sao. Tại vì người chủ của chúng ta đã liên kết với âm thanh này rồi, nó đã được giải thoát, không liên quan gì tới cơ thể này, cho nên đương nhiên vẫn có thể tiếp tục tu hành. Nó vẫn có thể tiếp tục lo lắng cho sanh mạng của chúng ta, để chúng ta tiếp tục tiến bộ. Cho nên nhờ cái gì cũng không đúng, ngoại trừ nhờ vào âm thanh lớn nhất, cao nhất, nguyên thủy nhất. Âm thanh có trước nhất, trước khi chúng ta chưa tới. Vạn vật trong vũ trụ còn chưa tạo thành mà nó đã hiện hữu. Cho dù Tam Giới bị tiêu hủy, nó vẫn tồn tại. Chỉ nhờ vào lực lượng vĩnh cửu tu hành, mới có thể đạt được sự vĩnh viễn tồn tại. Nếu nhờ vào sự hô hấp vô thường, chỉ có thể đạt được sự vô thường.

Cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật Thích Ca có nói, bất cứ tu hành pháp môn nào cũng chỉ là tạm thời sử dụng, không phải là pháp môn vĩnh cửu. Chỉ có Pháp Môn Quán Âm mới là vĩnh cửu, mới là một pháp môn chính đáng để tu hành. Sau khi chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm, sẽ đồng ý với lời nói của Ngài. Lúc thiền thất (*thiền bế quan bảy ngày*), tôi cũng có lúc dạy đệ tử một pháp môn khác; ví dụ có đệ tử nói chỗ này không khỏe, chỗ kia không khỏe, thì tôi sẽ bảo người ấy nằm xuống, làm mười hoặc một trăm cái hô hấp. Vì người ấy trong lúc đó có một chút chướng ngại, nên tôi mới dạy phương pháp này, để gia tăng sức khỏe người đó một chút, chứ không phải tôi dạy một pháp môn nào khác. Có người không hiểu, sẽ tưởng là tôi dạy nhiều pháp môn.

Một ví dụ khác, có người thích nói chuyện, họ hỏi tôi có cách nào để họ nói ít đi, thì tôi dạy người đó để lưỡi ở hàm trên. Thật ra đây là một phương pháp để trị những người thích nói chuyện mà thôi, khi vấn đề đã được giải quyết xong thì cũng phải tu Pháp Môn Quán Âm. Cho nên thành thật mà nói, hô hấp hay là để lưỡi

ở hàm trên không thể xem là một pháp môn, chỉ có thể nói là một phương tiện mà thôi.

Cũng như lúc ăn cơm, trên bàn có rau cải, tàu hũ, mì căn, v.v... nhưng có người mới bắt đầu ăn chay, chưa thích khẩu vị đó thì phải thêm một chút gia vị như tiêu, tương, v.v... mới có thể cảm thấy ngon hơn một chút. Nhưng gia vị không thể thay thế cho cơm. Cũng như vậy, trừ Pháp Môn Quán Âm ra, còn tất cả pháp môn khác chỉ là gia vị mà thôi, không thể thay thế cho bữa cơm chính.

Trong Thánh Kinh đã từng đề cập tới, nguyên thủy của vũ trụ chỉ là một loại âm thanh (*Word*), “*Âm thanh này sống chung với Thượng Đế, âm thanh này tức là Thượng Đế, vạn vật đều tạo thành bởi âm thanh này, không có vật nào mà không sanh ra từ âm thanh này.*” (*In the beginning was the word (sound), and the word was with God, and word was God, everything was made by this, and nothing was not made by this.*) Đạo lý của Đạo Đức Kinh cũng nói như vậy. Lão Tử nói: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh; vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu.*” Lúc bắt đầu có cái “*danh bất khả danh*” này, vạn vật trong vũ trụ mới được sáng tạo ra.

Trong Áo Nghĩa Thư (*Upanishad*), đây là một bộ kinh rất nổi tiếng ở Ấn Độ, cũng nói cùng một đạo lý, “*In the beginning was the word*”, vừa bắt đầu tạo hóa là có âm thanh này. Lúc âm thanh này phát ra tạo nên vạn vật trong vũ trụ. Âm thanh này là Thượng Đế, âm thanh này là Tạo Hóa, đều nói lên một sự việc giống nhau, bởi vì Phật Thích Ca, Lão Tử, Thánh Kinh, Ấn Độ giáo, Hồi giáo đều nói cùng một đạo lý. Sau khi tu Pháp Môn Quán Âm và nghiên cứu thêm các kinh điển khác thì có thể hiểu.

Sau khi đại khai ngộ thì sẽ hiểu, bất cứ kinh điển nào cũng đều nói cùng một việc, chỉ có cách dùng chữ ở các tôn giáo không giống nhau thôi. Rồi người đời sau lại tam sao thất bản và hiểu sai giáo lý của Giáo chủ họ, cho nên biến thành có rất nhiều môn

phái. Sự chia rẽ này là do sự lầm lẫn mà tạo thành. Ví dụ như, hiện giờ tôi dạy Pháp Môn Quán Âm, pháp môn này ở Formosa không có người nào hoặc pháp sư nào dạy qua, cho nên rất có thể họ nghĩ rằng tôi dạy pháp môn ngoại đạo.

Rất có thể họ không thấu hiểu ý nghĩa của câu “*Thậm thâm vi diệu*” trong Kinh A Di Đà, cho nên không cách nào hiểu vì sao tôi không dạy người ta niệm Phật A Di Đà. Nhưng thật ra tôi chính là dạy người ta niệm Phật A Di Đà. Sau khi quý vị tu Pháp Môn Quán Âm thì sẽ hiểu tôi không dạy pháp môn nào khác. Pháp Môn Niệm Phật, Pháp Môn Quán Âm, Pháp Môn Kim Cang đều giống nhau. Khi không hiểu thì tưởng rằng không giống nhau, khi hiểu thì tất cả đều giống nhau cả.

Phật Thích Ca chỉ dạy một pháp môn mà thôi, còn tất cả pháp môn khác đều do chúng ta đặt ra. Cho nên sau khi Phật nhập Niết Bàn rồi, chúng ta biến thành nhiều môn phái. Sau khi Phật rời khỏi thế giới này, rất có thể đại đệ tử của Ngài đi nơi khác truyền Pháp Môn Quán Âm, nhưng nơi đó chỉ nhận biết Phật giáo của người thường phổ biến ra mà thôi. Cho nên khi đại đệ tử ấy ra dạy Pháp Môn Quán Âm thì hình thành nhiều tông phái khác nhau. Ví dụ như phái Lâm Tế, Thiên Đài tông, Tịnh Độ, v.v... Thật ra các Ngài đều dạy cùng một thứ. Vì tôi đã tu qua rất nhiều tông phái nên tôi mới rõ. Những gì tôi đã nói đều là từ thể nghiệm cá nhân. Ở Bành Hồ, tôi đã từng nói qua pháp môn khác nhau, nhưng không có chỗ nào khác nhau. Ở đây, tôi không muốn nói nhiều, nếu quý vị muốn nghe thì có thể thỉnh băng thuyết pháp tại Bành Hồ về nhà nghe.

VẤN ĐÁP

Vấn: *Niệm Phật có lợi hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Có lợi, nhưng lợi không nhiều, niệm Phật còn tốt hơn niệm những việc trên thế gian này, vì đầu óc của con người rất khó mà không niệm một cái gì cả. Bình

thường thì thích niệm chồng, niệm vợ, niệm danh lợi, niệm một đồng phiến nào. Nếu tập trung chỉ niệm Phật, ít nhất có thể tạm thời bỏ xuống đồ đạc trên thế gian này, làm cho đầu óc thanh tịnh một tí, cho nên mới nói niệm Phật còn đỡ hơn niệm thế gian. Nhưng khi niệm Phật, nên chuyên “*tâm niệm*”, không nên chỉ dùng “*khẩu niệm*”, nếu không đầu óc vẫn nghĩ bậy bạ thì niệm cho nhiều cũng vô ích, càng niệm càng phiền. Trước khi chưa theo tôi học Pháp Môn Quán Âm người đang niệm Phật có phải là nên tiếp tục niệm Phật hay không? Dĩ nhiên, tại vì họ không còn gì để lựa chọn.

Vấn: *Xin hỏi niệm kinh và đọc kinh, cái nào tốt hơn?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Quý vị thích gì thì làm cái đó. Nếu không hiểu ý nghĩa của kinh thì đọc cũng không tốt, niệm cũng không tốt. (*Ý của tôi muốn nói, quý vị có thể niệm, nhưng nếu không hiểu ý nghĩa của kinh thì nên đối qua đọc, rất có thể sẽ dễ dàng hiểu ý nghĩa của kinh.*) Nếu quý vị cảm thấy đọc kinh dễ hiểu thì quý vị đọc kinh. Vì sợ khi niệm quá nhanh nên không đủ thời gian chú ý ý nghĩa của kinh điển. Thấu hiểu ý nghĩa của kinh mới có lợi ích, chứ không phải đọc kinh hoặc niệm kinh là có công đức. Nhưng nếu chỉ đọc mà không hiểu ý nghĩa của kinh cũng không có công đức, vì đọc chỉ hiểu ý mà thôi chứ không có thể nghiệm thực tế.

Vấn: *Xin hỏi đọc kinh và niệm kinh có công đức gì?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện, có một ngày Bồ Đề Đạt Ma gặp được một vị pháp sư, vị pháp sư ấy rất ưa thích niệm Kinh Niết Bàn, Bồ Đề Đạt Ma mới hỏi vị pháp sư: “*Ông niệm cái này có lợi ích gì?*” Vị pháp sư đó đáp: “*Niệm cái này có thể thành Phật, liễu thoát sanh tử.*” Bồ Đề Đạt Ma nói: “*Cho tôi quyển kinh này để tôi mang nó đốt đi, xem bánh vẽ bằng tay có thể no bụng hay không?*”

Đây là giải đáp của tôi, vừa ý không? Đây là Bồ Đề Đạt Ma nói, không phải tôi nói, tôi bây giờ rất sợ nói thể nghiệm của chính mình.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, nếu niệm kinh không có công đức, vậy ở ngoài kia có rất nhiều người niệm kinh thì phải làm sao?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi không bảo họ đừng niệm kinh, họ có thể tiếp tục niệm kinh. Tôi cũng không dám bảo họ đừng niệm kinh. Thực tình nói ra cũng vô dụng mà thôi! Ở đây có năm, sáu chục người mà thôi. Ở ngoài kia có năm sáu trăm vạn người niệm kinh, tôi không thể đi nói từng người, từng người, và cũng không thích làm chuyện đó. Niệm kinh hay không niệm là chuyện của họ. Trên thế gian này lúc nào cũng có chuyện xảy ra, tôi tu hành thì chỉ lo chuyện của tôi, ai hỏi thì nói, còn không hỏi thì không nói.

Niệm kinh còn tốt hơn niệm chuyện yêu đương, niệm chuyện thế gian, tại sao lại không thể niệm? (*Mọi người cười.*) Niệm kinh còn tốt hơn niệm tiểu thuyết! Tôi rất tán thán niệm kinh, ít nhất họ còn nghĩ đến Phật, nghĩ đến Pháp, nghĩ đến Tăng, không hoàn toàn quên lãng, còn nhớ được một chút. Nếu không niệm kinh, có lúc làm không ra chuyện tốt nào, tối ngày đi nói chuyện tào lao, tại vì cái miệng thích nói quá mà! Cho nên đọc kinh cũng có lợi, về nhà mệt rồi không thể nói chuyện thị phi của người khác. (*Mọi người cười.*)

Vấn: *Khi chúng con niệm Phật, có thể niệm tới một trình độ nào, tức là cho dù không niệm bên tai cũng có âm thanh Phật, xin hỏi hiện tượng này tốt hay xấu?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không thật tốt cũng không thật xấu. Lúc ấy, quý vị đã biến thành máy thâu băng (*mọi người cười*), lục căn lục trần của chúng ta quen rồi, nghe quá đầy rồi, thì có thể phát ra, cũng giống như nước trong ly này, nếu khi

để quá nhiều nước, thì cũng sẽ tràn ra. Niệm Phật quá nhiều thì biến thành máy khâu băng, vậy có thể đỡ tốn tiền mua băng khâu rồi. (Mọi người cười.)

Vấn: Trong ba thứ độc, loại nào khó dứt đoạn nhất?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đây là do người tạo ra, có người hơi “tham”, có người hơi “sân”, có người hơi “si”. (Còn theo kinh nghiệm của Sư Phụ thì sao?) Tôi cũng khó mà dứt đoạn ba cái này. Tôi rất là tham, rất là sân, rất là si.

Tham những gì cao quý nhất, tham cả vũ trụ, tôi muốn thành Phật. (Mọi người vỗ tay.)

Tôi rất sân, là vì chúng sanh quá vô minh. Tất cả chúng sanh đều có bảo châu này, lực lượng này, nhưng không biết dùng, tôi rất là giận! Cho nên không thể dứt cái sân này.

Và tôi cũng đại si, tại vì đã mê cái “Đạo” này, bây giờ không thể trở về; phải tiếp tục hướng lên, khi lên là không thể quay trở lại. Nếu quý vị mê một người con gái, rất có thể có một ngày quý vị tỉnh dậy. Ví dụ quý vị thích một người con gái, nhưng nếu có một ngày người con gái đó biến thành người xấu xí, thì quý vị không còn thích nàng nữa. Nhưng tôi đã mê cuồng cái “Đạo” này thì vĩnh viễn không thể tỉnh dậy nữa, không người nào có thể khuyên tôi quay đầu, cho nên tham sân si của tôi rất là khó dứt đoạn. (Mọi người vỗ tay.)

Vấn: Tụng kinh không giúp đỡ gì cho sự thành Phật, nhưng đối với nhân thiên phước báu có giúp đỡ gì không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi vừa rồi nói tụng kinh tốt hơn là đọc tiểu thuyết, như vậy cũng tính là phước báu rồi. Nếu như quý vị còn muốn được thêm một chút phước báu nữa, tôi không biết tụng kinh có được như vậy không? Điều này còn phải hỏi Ngài Bồ Đề Đạt Ma hay là Phật Thích Ca.

Vấn: Con đã từng đọc một quyển sách, có một người khi gặp tai nạn, vì lý do niệm Kinh A Di Đà, kết quả trốn được nhóm quân lính đang theo đuổi, tại sao người ấy niệm kinh mà có thể trốn khỏi tai nạn ấy?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi không biết người ấy là tại vì niệm kinh mới tránh khỏi tai nạn, hay là tại vì phước báu của người ấy, hay là bởi vì trong lúc đó quân lính không trông thấy người ấy. Nếu quý vị tin người ấy, thì quý vị có thể niệm kinh, niệm kinh rất tốt. Nhưng liên quan đến phước báu hay không có phước báu thì tôi không thể nói, không cần lo cái này. Có phước báu cũng chỉ là nhân thiên phước báu mà thôi, rất ít, phước báu ít không thể dùng. Đối với tôi, vì tôi rất tham, cho nên loại phước báu nhỏ này với tôi như không có. Mặc dù tôi nói là không có, thật ra cũng có một chút. Quý vị cứ tiếp tục niệm kinh đi (mọi người cười), niệm kinh rất tốt, ít nhất chúng ta nhớ lời Phật dạy. Những gì Phật nói tốt hơn những gì thế gian nói. Nó có thể làm cho đầu óc chúng ta có một ảnh hưởng tốt, có một tư tưởng và quan niệm tốt.

Vấn: Chúng con có thể dùng Kinh Phổ Môn để mà giải thích tư tưởng của Không Tử, Lão Tử không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Được. Nếu quý vị gặp những người Đạo giáo, thì dùng tư tưởng của Lão Tử để mà giải thích Kinh Phổ Môn. Nếu gặp những người Phật giáo, thì dùng Kinh Phổ Môn giải thích tư tưởng của Lão Tử; linh hoạt mà dùng, tâm vô quái ngại, không có phân biệt. Nhưng nhất định phải thấu hiểu cho rõ ràng rồi mới có thể nói tâm vô quái ngại; nếu không, sẽ không giải thích được gì, bị người khác hỏi một cái là sẽ có trở ngại. Cho nên phải hoàn toàn thấu hiểu mới có thể giải thích cho người khác nghe. Ví dụ hôm nay quý vị nghe tôi thuyết pháp nói kinh điển gì cũng đều nói giống nhau, sau khi về tới nhà thì lập tức nói cho người nhà nghe, người nhà sẽ nêu ra rất nhiều câu hỏi để hỏi quý vị, nếu quý vị chưa có thể nghiệm thực tế, sẽ bị bắt bí, không thể trả lời được.

Vấn: *Nói một cách khác không cần biết là tín đồ Đạo giáo hay là Cơ Đốc giáo, nếu tu hành cao họ có thể hiểu nội dung trong Thánh Kinh hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nếu người ấy tu hành rất cao như quý vị nói, dĩ nhiên là có thể hiểu. Thật ra, Phật giáo vốn là không có, trước khi Phật Thích Ca chưa tới, Phật giáo từ đâu tới? Chỗ nào cũng có Phật giáo. Phật là gì? Một người hoàn toàn khai ngộ tức là Phật, Cho nên một tín đồ Lão giáo (*chỉ Đạo Gia*) hoàn toàn khai ngộ, cũng có thể tự xưng là Phật. Tất cả người nào cũng là tín đồ Phật giáo, họ chỉ cần làm một người tốt, người có đạo đức, có tu hành, chứ không cần phải có pháp danh, hoặc quy y theo một vị pháp sư nào mới là tín đồ Phật giáo. Hàm ý của Phật giáo không phải là nhỏ, Phật giáo rất lớn, Lão giáo rất lớn, Cơ Đốc giáo cũng rất lớn. Chỉ có chúng ta tự mang cái tôn giáo làm nhỏ hẹp lại. Đây là điều sai lầm của chúng ta, chứ không phải ý chính của Giáo chủ là như vậy.

Vấn: *Sư Phụ nói “Âm thanh” có phải là giống như âm thanh mà chúng con nghe hàng ngày hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không giống nhau, âm thanh này phải được truyền pháp xong mới nghe được, người bình thường không nghe được.

Vấn: *Người tại gia có thể tu Pháp Môn Quán Âm không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Được. Phật Thích Ca cũng có rất nhiều đệ tử tại gia, trong Kinh Lăng Nghiêm có hai mươi lăm vị Bồ Tát đã nói ra thể nghiệm tu hành của họ, hơn phân nửa đệ tử tường thuật thể nghiệm tu hành tại gia của họ, người tại gia càng nên tu pháp môn này.

Vấn: *Nghiệp chương có thể dựa vào tu hành mà tiêu trừ đi hay không? Hay là sau một cơn bệnh nặng mới có thể tiêu trừ?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nếu tu hành tốt có thể tiêu trừ nghiệp chướng, nếu không tu hành cho dù có bệnh nặng cũng không thể tiêu trừ. Tại vì một cơn bệnh không đủ để trả hết nghiệp chướng to lớn như vậy. Phân nửa nghiệp chướng dùng lửa đốt thì mau hơn. Tu Pháp Môn Quán Âm nghiệp chướng rất mau được tiêu trừ, tại vì tôi có thể thay thế quý vị gánh vác phân nửa nghiệp chướng rồi.

Vấn: *Tu Pháp Môn Quán Âm có phải cần có Sư Phụ truyền pháp mới có thể tu hay không? Nếu không gặp được Sư Phụ thì vĩnh viễn không cách nào mà tu hành?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đúng, nếu không gặp được vị Sư Phụ chân chính thì không cách nào tu. Rất có thể đôi lúc quý vị nghe được một chút âm thanh, nhưng lại không hiểu đó là gì? Ngày hôm sau quý vị muốn nghe nữa thì không chừng lại không nghe được nữa; nhưng mà sau khi truyền pháp, âm thanh này vĩnh viễn tồn tại.

Vấn: *Khi Sư Phụ truyền pháp, có điều kiện hoặc quy chế gì không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Chỉ cần bây giờ bắt đầu ăn thuần chay là được rồi. Không phải bảo quý vị quy y người này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư tự chỉ mình*) mà là quy y âm thanh, đại lực lượng hoặc là “*Bản Lai Diện Mục*”. Tôi chỉ là hướng dẫn cho quý vị tu hành mà thôi, cho nên không có quy chế. Tôi không cần quý vị biến thành đệ tử của tôi, cũng không cần quý vị cúng dường. Tôi biết pháp môn này nên nói cho quý vị biết, tu hành chân chính vẫn là phải nhờ vào chính mình.

Có một số người sau khi quy y với pháp sư nào đó, vĩnh viễn biến thành đệ tử của họ, không thể bỏ được, muốn học pháp môn khác cũng không được. Điều này như là bị cột lại, cho nên tôi

không thích nghe chuyện quy y. Nếu quý vị cần, thì tôi truyền pháp cho quý vị, để quý vị mở ra cái tài sản của tự mình, và tự mình dùng. Tài sản này quý vị vốn đã có rồi, tôi không cho quý vị cái gì, tôi chỉ giúp quý vị mở trí huệ, để quý vị kết nối lực lượng của chính mình cùng với lực lượng của vũ trụ. Khi lực lượng chấn động nguyên thủy kết nối, bảo tàng vô tận đều thuộc về quý vị, quý vị tự hưởng thụ. Cho nên không cần quy y tôi. Quy y với người phạm phu này đâu hữu ích gì.

Vấn: *Hồi nãy Sư Phụ nói: “Người muốn tu Pháp Môn Quán Âm nhất định phải ăn thuần chay mới được, nhưng mà chúng con sống trong cõi Ta Bà này, vì phải phối hợp đời sống tình trạng trên thực tế, không cách nào ăn thuần chay thì làm sao?”*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đùng viện lý do. Quý vị không lo tới sự đau khổ của chúng sanh, người ăn thịt của chúng sanh thì làm sao thành Bồ Tát? Quý vị không thể ăn thuần chay, tôi cũng không có cách nào khác cả. Câu hỏi này, tôi không muốn đáp. Đã phát tâm muốn độ chúng sanh, cần phải hy sinh khẩu vị của mình một chút, phải thắng chướng ngại nhỏ này. Hiện nay chỗ nào cũng có tiệm bán thức ăn thuần chay, hay là tìm tàu hũ hoặc mì căn tự nấu lấy, cái này đều là chuyện nhỏ, hơn nữa người tại Ấn Độ đều ăn chay, họ không có mì căn, tàu hũ, đều ăn loại đậu và com, họ cũng không có bất cứ trở ngại nào.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ “Pháp Môn Quán Âm” mà Sư Phụ nói, và Kinh Lăng Nghiêm nói “Pháp Môn Viên Thông” có giống nhau hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Giống. Nhưng mà trong Kinh Lăng Nghiêm, không có đề cập tới cách nào để tu Pháp Môn Quán Âm, chỉ là tán thán Pháp Môn Quán Âm mà thôi, nếu muốn tu Pháp Môn Quán Âm, trước tiên phải tìm một vị thầy để dạy quý vị.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, có người kể vị Sư Phụ truyền nói hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Có, bắt đầu từ Phật Thích Ca, cứ truyền nói xuống.

Vấn: *Xin hỏi, Sư Phụ của Ngài là người quốc gia nào?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Ấn Độ. Nhưng ở Âu Lạc cũng có; ở Âu Lạc cũng có nhiều vị tu hành tu Pháp Môn Quán Âm.

Vấn: *Con có một người học trò, mẹ của người học trò đã phá thai, xin hỏi nên làm cách nào?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đã phá thai rồi, bây giờ còn nói cái này ra làm gì nữa? (*Xin hỏi tình trạng này, làm pháp hội thủy lục có giúp ích gì không?*) Nếu sau khi quý vị giết người, đi sám hối với cảnh sát, thì có lợi gì không? Họ có thể nào cứu quý vị không? Cho dù đi trình với tổng thống hoặc pháp quan nào để mà sám hối cũng không giúp ích gì, họ chỉ có thể giam quý vị vào trong tù ở, đây là cứu quý vị, để quý vị tự trả nghiệp chướng lấy. Làm pháp hội thủy lục, làm chi vậy? Dùng tâm của phạm phu để mà sám hối, làm sao mà tiêu trừ nghiệp chướng? Tâm phạm phu vốn đã tối đen rồi, dùng nước dơ, rửa đồ dơ, rửa cách nào cũng rửa không sạch được.

Vấn: *Phật Thích Ca cũng tu khổ hạnh, mà tại sao Sư Phụ nói: “Tu khổ hạnh không có lợi gì?”*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Sau khi Ngài tu khổ hạnh, cuối cùng thấu hiểu tu khổ hạnh là vô dụng, khổ hạnh rất là vô đạo lý. Trong lúc Ngài sắp chết mới thức tỉnh, Ngài hối hận và bắt đầu dùng thức ăn, uống sữa, ăn bánh, thân thể mới từ từ hồi phục trở lại. Tôi không phải vì tu khổ hạnh mà gầy và nhỏ con như vậy, mà là tôi ăn không vô. Bình thường, tôi cũng ăn rất ít, đôi lúc luôn cả cơm cũng không muốn ăn, ăn cơm cũng như là uống nước lẽ vậy,

không có mùi vị gì cả; chỉ sợ thân thể này chịu không nổi, nên mới miễn cưỡng ăn một tí.

Vấn: *Trong quá trình khi chúng ta tu hành, có phải là không được như một số người khác, ăn chơi nhậu nhẹt hay là tham lam hưởng thụ?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Có gì để mà hưởng thụ? Một ngày ba bữa cơm đã quá đủ rồi. Bao tử của chúng ta có hạn, dù cho quý vị muốn ăn nhiều thêm một tí cũng không chứa nổi. Nói tới áo quần, nhiều nhất mỗi lần chỉ mặc hai hoặc ba bộ mà thôi. Tất cả sự vật, vừa đủ là được rồi. Sau khi tu Pháp Môn Quán Âm, nếu tu hành cao, người khác cho quý vị cái gì, quý vị sẽ tự nhiên không nhận, cho dù là tiền, cũng không lấy. Có gì thì dùng nấy, tâm đừng nên tham. Nếu có người cho quý vị ăn thịt, ăn một tí thì toàn thân đã cảm thấy không thoải mái, bụng sẽ bị đau, ói mửa, cho nên thà chịu chết cũng không chịu ăn.

Vấn: *Theo trình độ của Sư Phụ, đọc kinh cảm thấy gì?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi từ nhỏ bắt đầu đọc kinh, bây giờ sắp trả bài ra được. Đọc kinh đối với tôi, có lúc cũng là cần thiết, vì phải làm tham khảo. Ví dụ như tôi đề cập tới tu hành như thế nào mới là tu hành đúng, nếu không dùng lời của Chúa Giê-su và Phật Thích Ca ra để ấn chứng thì quý vị tuyệt đối không tin tu là cái gì? Vừa ra thuyết pháp, tuổi còn trẻ, nói gì người khác cũng không dễ mà tin, cho nên tôi phải dùng Kinh Lăng Nghiêm, lời của Thánh Kinh hoặc lời của Lão Tử để chứng minh, quý vị mới tin, vì đây là thói quen của chúng ta, chúng ta có vẻ chỉ tin tưởng vị đại tu hành ở thời xưa, bây giờ nếu có Bồ Tát sống đứng trước mặt quý vị, quý vị cũng sẽ không cung kính Ngài, và cũng không tin Ngài.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, khi Sư Phụ đọc kinh là văn gì?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi cái gì cũng đọc, cái này đối với quý vị có quan hệ gì? (Mọi người cười.)

Vấn: Tại vì chữ Trung Hoa trong Kinh Lăng Nghiêm rất khó, cho nên con đoán là có lẽ Sư Phụ đọc không hiểu.

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi đọc chữ Âu Lạc có được không? (Mọi người cười.)

Vấn: Con rất thích Kinh Pháp Hoa và Kinh Lăng Nghiêm, Sư Phụ có thể khai thị không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Bây giờ làm sao nói Kinh Pháp Hoa? Bây giờ không có thời gian, ngày khác nói.

Vấn: Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm “Pháp Sư Công Đức”, có đề cập tới âm thanh, xin Sư Phụ khai thị thêm.

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Ngoài phẩm Pháp Sư Công Đức, trong phẩm Phổ Môn cũng đề cập tới “Phạm âm, Hải triều âm, Thắng bỉ thế gian âm”. Trong phẩm “Pháp Sư Công Đức” có nói, nếu pháp sư đã đạt tới trình độ có thể giảng Kinh Pháp Hoa, mũi của Ngài có đủ tám trăm công đức, tai có một ngàn hai trăm công đức, mắt có tám trăm công đức, có công đức đó, Ngài chỉ cần tai phàm cũng nghe được tiếng của Phạm Thiên hay tiếng từ địa ngục; cũng có thể nghe được tiếng chuông, tiếng trống, tiếng hải triều, tiếng bên ngoài, tiếng bên trong, v.v... Cũng có thể nghe được tất cả các âm thanh. Âm thanh bên trong ý nói đến gì, đó tức là Thắng bỉ thế gian âm trong Kinh Phổ Môn. Kinh Phổ Môn quá dài, nếu muốn nói, nên để ngày khác nói.





Khi từ trường của chúng ta dần thay đổi theo chiều hướng tích cực, điều đó cho thấy chúng ta bắt đầu đi lên. Nhưng cần bao lâu mới hoàn toàn thay đổi thì còn tùy thuộc vào tâm của chúng ta có đơn thuần hay không. Trong các kinh điển và Đạo Đức Kinh đều đề cập đến vấn đề này, phải trở thành như trẻ thơ mới có thể trở về Thiên Quốc.

Trích từ bài thuyết giảng “Nghiep Chương Từ Đâu Tới?”



Trước tiên cần có lực lượng của vị Thầy giúp đỡ thì sau này họ có thể tự bước đi, không phải ngày ngày ý lại vào lực lượng đó. Đợi đến khi họ trưởng thành, họ có thể tự đi. Cũng giống như em bé mới tập đi, làm sao có thể tự đi được? Ban đầu phải dắt tay em, tập cho em, nắm tay em, dạy em đi bước thứ nhất, bước thứ hai. Sau khi lớn rồi, em mới có thể tự đi được.

Trích từ bài thuyết giảng “Lay Phật Không Thể Thành Phật”



7

*Các Pháp Môn Tu Hành
Đều Là Pháp Môn Quán Âm*

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Bành Hồ, Formosa**

Ngày 12 tháng 2 năm 1987

Hôm nay nói đến Kinh Kim Cang. Kinh nào cũng là Kinh Kim Cang, Kinh Kim Cang không phải là Kinh Kim Cang, nhưng phải dùng ngôn ngữ để nói, nên mới gọi là Kinh Kim Cang.

Có một ngày tôi truyền pháp cho một người, cô ta hình như bị ma nhập. Quý vị có biết người bị ma nhập như thế nào không? Tẩu hỏa nhập ma tức là một người tu hành không tốt, tự tu sai lầm, hay là gặp thầy không tốt, pháp môn không tốt, hoặc tự mình không đủ đơn thuần, tu hành trong hoàn cảnh đó thì sẽ tẩu hỏa nhập ma. Bị ma nhập là con người bị ma xâm chiếm, thân xác vẫn là người đó, nhưng thần thức đã bị ma đuổi đi. Ma dùng thân thể của người đó để làm chuyện bậy bạ, tay bắt ấn, chân bắt ấn, đầu bắt ấn gì đó, v.v... hoặc nói lời kỳ quái gì đó, tai nghe có người nói chuyện, bảo người đó làm gì đó, rồi hành vi cử chỉ đều

khác người thường; có lúc nói như thế này, có lúc nói như thế nọ, tự mình cũng không biết nói gì; đôi khi bị ma ép làm chuyện gì, tự họ cũng không thể tự kiểm chế mình. Chúng ta gọi đó là bị ma nhập.

Có một ngày tôi truyền pháp cho người bị ma nhập, không phải tôi muốn truyền, tôi cũng không biết trước. Có người đồng tu đem một người bạn đến, tôi thường gọi học trò của tôi là đồng tu, bởi vì họ theo tôi cùng chung tu một pháp môn, cho nên gọi là đồng tu.

Bạn của vị đồng tu đó bị ma nhập đã mấy năm rồi, người đồng tu đó mới dẫn cô ta đến giới thiệu với tôi. Vì người đồng tu này là học trò của tôi, cho nên vì người đó, tôi mới truyền pháp cho người bị ma nhập này. Tuy cô ta bị ma nhập đã nhiều năm, nhưng con người rất tốt, cô ta ăn chay, lạy Phật, niệm Phật, tọa thiền, muốn giải thoát, v.v... nhưng bởi vì trước kia tu pháp môn không tốt, hoặc không có thầy giỏi, nên biến thành tình trạng như vậy.

Lúc tôi truyền pháp cho cô ta, có tới mấy con ma cùng chạy ra. Bề ngoài của cô này thấy rất bình thường. Nếu quý vị gặp cô ta lần đầu tiên sẽ không biết là cô ta bị ma nhập đâu. Ngày thường cô ta nói chuyện cũng không thấy có điều gì sai. Nhưng khi truyền Tâm Ấn thì có tới mấy con ma chạy ra, đánh với nhau, thật là ghê. Lúc đó những vị đồng tu tại đó đều rất sợ, vì khi ma xuất ra, không giống như người thường, mặt của cô ta biến dạng, nhìn rất khủng khiếp, tiếng nói của một trong mấy con ma giống như tiếng chó sủa, có tiếng thì như sư tử gầm, rất khó nghe, có con nói tiếng Hẹ, có con nói giọng của người Trung Hoa đại lục, mà cô này từ trước đến nay đâu có biết tiếng Hẹ.

Tôi bảo cô ta niệm Phật A Di Đà, cô ta biết niệm, nhưng bảo cô niệm những Phật hiệu và Pháp môn tôi dạy, cô ta không dám niệm. Cô niệm nhưng niệm cũng không ra, cũng không muốn niệm. Tôi bảo cô ta niệm, cô ta niệm ra tiếng gì mà biến điệu hết, làm cho đồng tu tại đó đều nổi da gà. Những con ma theo cô, có

con niệm ra như tiếng chó sủa, có con hiền hơn thì bảo những con ma kia đừng niệm như vậy, phải niệm đàng hoàng vì tôi là một vị pháp sư rất tốt, nên đánh lễ Ngài. Buổi truyền pháp hôm đó như một buổi tiệc náo nhiệt. Một con ma nói với những con ma kia: *“Tôi không phục vị Sư Phụ này, nhưng vì vị này có pháp môn Kim Cang, cho nên trước mặt Ngài, tôi phải tôn kính nghe lệnh.”* Các con ma này thật lợi hại, dám mở cuộc hội họp ngay tại chỗ của tôi.

Tại sao tôi nói chuyện này cho quý vị nghe? Tôi vốn không muốn nói chuyện này, nhưng nếu không nói, quý vị sẽ đem nhiều người bị ma nhập đến cho tôi thì mệt lắm, tôi không thích. Tôi nói thật để quý vị rõ, cứu một người bị ma nhập rất phiền phức, không dễ dàng, phải dùng rất nhiều lực lượng. Người thường có lúc còn không thể cứu được, cứu người bị ma nhập lại càng khó hơn, có hiểu không? Người bình thường đối với lời nói của tôi, nghe còn chưa vào tai, huống chi người bị ma nhập còn có nhiều chướng ngại hơn người thường, càng không dễ tin tôi.

Nhưng vì sao tôi muốn nói câu chuyện này? Bởi vì như vừa mới nói, kinh điển nào cũng là Kinh Kim Cang, Phật Thích Ca có nói pháp môn nào cũng là pháp môn Kim Cang. Con ma này cũng biết pháp môn Kim Cang. Pháp môn Kim Cang tức là Pháp Môn Quán Âm. Trong Kinh Kim Cang, Phật có nói với ông Tu Bò Đề cần phải tu pháp môn Kim Cang, nhưng nói với những người khác Phật lại nói Pháp Môn Quán Âm. Hôm qua tôi cũng có nói, trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn là nói về pháp môn Phổ Độ. Trong Kinh A Di Đà của Tịnh Độ Tông, là pháp môn A Di Đà hay Tịnh Độ. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn Kinh, lại biến thành pháp môn Bát Nhã Ba La Mật, chút nữa tôi sẽ nói cho quý vị rõ vì sao tôi nói như vậy?

Hôm qua tôi đã nói, trong Kinh A Di Đà có nói đến âm thanh. Quý vị còn nhớ trong kinh nói đến âm nhạc du dương ở bên trong đó không? Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có nói đến pháp Quán

Âm này, hai mươi lăm vị Bồ Tát, từng người kể lại, khi họ khai ngộ nghe được những âm thanh nào, trong phẩm Phổ Môn cũng có nói “*Phạm âm, Hải triều âm, Thắng bi thể gian âm*”. Nếu Phật Thích Ca chỉ ám chỉ đến tiếng hải triều ở bên ngoài, như vậy dân ở đảo Bành Hồ đều khai ngộ hết rồi (*mọi người cười*), bởi vì dân ở đó mỗi ngày đều nghe được tiếng hải triều có phải không? Phật Thích Ca đương nhiên không phải nói như vậy.

Nếu như nói hải triều âm là chỉ tiếng sóng biển ở thế giới bên ngoài, vậy còn Phạm âm thì sao? Làm sao mới nghe được tiếng Phạm âm? Đi lên núi tìm? Hay ra bờ biển để tìm? Ở đâu cũng không sao tìm được. Phạm âm là chữ của Phạn ngữ, tiếng Phạn là tiếng Ấn Độ. Nếu thật như vậy, chẳng lẽ chúng ta đi Ấn Độ nghe tiếng Phạn, rồi có thể khai ngộ hay sao? Lẽ tất nhiên là không phải, nếu như tất cả đều không phải, thì thế nào mới là Thắng bi thể gian âm? Từ đâu mới có thể tìm được? Nghe được?

Phật Thích Ca nói những âm thanh đó là những âm thanh bên trong, âm thanh khi khai ngộ, là âm thanh Phật, là pháp môn tu hành của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát. Không phải là âm thanh thông thường nghe ở bên ngoài, cho nên mới nói “*Thắng bi thể gian âm*”, đây là điều chứng minh thứ nhất. Bây giờ tôi còn muốn nói để quý vị rõ, phẩm Phổ Môn, Kinh A Di Đà, Kinh Bát Nhã Ba La Mật, Kinh Lăng Nghiêm, đều nói cùng một lý.

Bởi vì Kinh Lăng Nghiêm không phải là Kinh Lăng Nghiêm, chỉ là giới thiệu pháp mà thôi, nên vẫn chưa phải chính thật là Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Kim Cang cũng không phải là Kinh Kim Cang, kinh chính của Kinh Kim Cang chỉ có lúc truyền pháp mới có, vì sao tôi nói như vậy? Bởi vì Lục Tổ Huệ Năng lần đầu tiên nghe Kinh Kim Cang đã khai ngộ, nhưng Ngài còn phải đến chỗ của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, nghe Ngũ Tổ truyền cho Ngài pháp môn Kim Cang này.

Kinh Kim Cang khác với Pháp Kim Cang, ví dụ tôi quảng cáo bánh, nói rằng thứ bánh này rất ngon, ai ăn loại bánh này,

thân thể khỏe mạnh, thứ bánh này ngon ngọt nhất, chất liệu tốt nhất, là thứ bánh hạng nhất, rất quý, người thường không thể nào mua được. Nếu quý vị dùng máy khâu băng, khâu những lời tôi đã nói, về nhà chỉ có thể nghe tôi quảng cáo bánh mà thôi, chứ không ăn được bánh. Cho dù quý vị có đọc vài lần, cũng không biết được loại bánh này là bánh gì? Nhưng nếu như không hiểu, sẽ tưởng rằng những gì tôi đã nói là bánh. May là mọi người đều nhận biết bánh là gì, cho nên chúng ta có thể phán đoán được.

Nhưng kinh điển là “*thậm thâm vi diệu pháp*”, chúng ta không rõ được, Phật Thích Ca đã ra đi hơn hai ngàn năm trăm năm, chúng ta không có cách nào hỏi Ngài, tự nghĩ rằng niệm Kinh Kim Cang như vậy là đủ rồi, là bao gồm hết rồi. Không phải như vậy đâu, Kinh Kim Cang không phải là pháp Kim Cang. Nếu có thể dùng ngôn ngữ để nói thì không phải là chân kinh, có thể dùng mắt đọc cũng không phải là kinh điển, có thể dùng tai nghe cũng không phải là chân kinh.

Kinh Kim Cang chân chính, cần phải có Minh Sư truyền mới đắc được. Kinh Bát Nhã Ba La Mật chân chính cũng phải có Minh Sư truyền mới có thể hiểu biết được. Phẩm Phổ Môn chân chính cũng phải có Minh Sư truyền mới có thể nghe được. Kinh A Di Đà chân chính cũng phải có Minh Sư truyền pháp mới có thể chứng nghiệm được.

Tôi thấy hôm nay nên ngừng giảng kinh, bởi vì những gì tôi biết, không cách nào nói cho quý vị nghe. Thật vậy, lúc tôi giảng kinh, còn tự lắc đầu, thâm nghĩ mình nên nói gì, nên giảng gì, mới có thể đem sự hiểu biết ở đẳng cấp của tôi nói ra cho quý vị hiểu. Ôi khó quá! Nhưng tôi có thể dùng thí dụ như nước có nhiều tên để gọi, tiếng Formosa, tiếng Quan Thoại, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, v.v... Nếu như tôi gặp một người Đức, tôi nên nói “*wasser*”, gặp người Pháp nên nói “*l'eau*”, gặp người Anh nên nói “*water*”, gặp người Trung Hoa nên nói “*thủy*”, v.v...

Phật Thích Ca cũng vậy, bởi vì có người thích tên pháp môn Kim Cang, cho nên Ngài nói, đây là “*pháp môn Kim Cang*”. Có người thích Phật A Di Đà, thích Tây phương Tịnh Độ, đây là pháp môn “*Tịnh Độ*”, các người tu pháp môn này, nhất định có thể đi đến Tây phương. Trên thực tế, nhất định sẽ đi Tây phương, bởi vì Pháp Môn Quán Âm, có thể để cho chúng ta nghe được âm thanh mỹ diệu này, như Kinh A Di Đà đã diễn tả vậy. Có người thích Quán Thế Âm Bồ Tát hơn, cho nên Phật Thích Ca nói, đây là “*Pháp Môn Quán Âm*”, các người tu pháp môn này, sẽ rất gần gũi với Quán Âm, các người sẽ nghe được “*Phạm âm, Hải triều âm, Thắng bi thể gian âm*”, như Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát vậy.

Người nghe đương nhiên rất vui thích, sẽ nói: “*Dạ, dạ, xin Ngài truyền cho con Pháp Môn Quán Âm này.*” Người thích Phật A Di Đà sẽ nói: “*Dạ, xin Ngài truyền cho con pháp môn Vô Lượng Quang, con rất thích giao tiếp với Vô Lượng Quang này, con rất thích nghe âm nhạc mỹ diệu của Tây phương, xin Ngài truyền liền cho con.*” Có người vì đã quen tu thiền rồi, nên Phật Thích Ca lại nói với họ: “*Đây là pháp môn Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, là lực lượng tối cao, là pháp môn có trí huệ tối cao, các người tu pháp môn này, liền tức khắc khai ngộ.*”

Bởi vì người tu thiền thường cho rằng Kinh A Di Đà là để cho người thường tu, còn “*ta*” phải tu thiền, cho nên Phật Thích Ca mới bảo họ, người tu pháp này, tức là tu thiền, nhất định có thể khai ngộ, mở trí huệ lớn. Chữ Phạm của Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa là Maha Prajna Paramita, ý là đại trí huệ. Có người thích đại trí huệ, nên Phật Thích Ca bảo họ, đây là pháp môn của đại trí huệ, người tu pháp này, nhất định sẽ có đại trí huệ.

Phật Thích Ca phải nói như vậy, mới có thể thuận tiện độ chúng sanh. Dùng thứ tiếng nào để gọi nước cũng được, không có gì sai, chỉ cần có nước uống là được rồi, gọi tên có khác biệt cũng không sao. Cho nên Phật, đối với nhiều người, gọi các tên khác nhau, nhưng các pháp môn Ngài truyền đều “*như nhau*”.

Trong kinh điển chúng ta không tìm ra pháp môn. Pháp môn không thể viết ra, bởi vì khi truyền pháp, tôi không dùng lời nói. Trước khi truyền pháp và sau khi truyền pháp, tôi phải giảng giải một tí, bởi vì muốn giới thiệu pháp môn, nhưng trong lúc truyền pháp, tôi không nói gì hết, chỉ ngồi đó, không nhúc nhích, một lời cũng không nói. Khi truyền pháp, không dùng mắt, không dùng tai, không dùng ý, không dùng đầu óc, không dùng thân, cái gì cũng không dùng; “*thân, khẩu, ý*” đều quên hết, đều bỏ qua một bên. Xác thân này có thể dùng để ngủ, tai có thể dùng để nghe thị phi, nghe người ta quảng cáo bánh. Nhưng lúc ăn bánh thì không cần đến lục căn, cái gì cũng không cần.

Người nào tin liền vì đã có thiện căn, có thiện căn lớn, và cũng biểu thị tâm rất đơn thuần, cho nên gặp tôi là tin, không cần nói gì đã tin rồi. Đó là vì có thiện căn, có duyên với nhau. Nhưng chúng ta vốn không nên tin quá dễ dàng, muốn tin điều gì, đều phải có chứng minh.

Quý vị đều nghe nói đến Lục Tổ Huệ Năng, vị thiền sư rất nổi danh, Ngài đi đến chỗ Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn để cầu pháp. Tám tháng sau, có một ngày, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn bảo Huệ Năng đến phòng của Ngũ Tổ, nửa đêm truyền Pháp Kim Cang cho Ngài. Truyền pháp xong rồi, Lục Tổ phải ra đi, âm thầm ẩn tu, 16 năm sau Ngài mới ra truyền pháp cho người khác.

Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh, chương thứ nhất, Ngài giới thiệu pháp môn này cho một ngàn người nghe, Ngài nói pháp môn của Ngài là pháp môn “*Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa*”, biểu thị pháp môn Kim Cang, pháp môn Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa là đồng nghĩa. Pháp Môn Quán Âm và pháp môn Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa đều như nhau, đoạn đầu của tâm kinh đã nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.*” Ý nói, khi Ngài nhập định thậm thâm, thấy năm uẩn đều không và thoát được tất

cả khổ đau, v.v... đó là vì Ngài dùng pháp môn Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa để nhập định.

Bây giờ tôi hỏi quý vị, Quán Tụ Tại Bồ Tát là ai? (Có người đáp: “*Quán Thế Âm Bồ Tát*.”) Quán Thế Âm Bồ Tát tu pháp môn gì? (Có người đáp: “*Pháp Môn Quán Âm*.”) Đúng, nếu vậy, có phải chúng tôi pháp môn Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật tức là Pháp Môn Quán Âm hay không? Quán Tụ Tại Bồ Tát hành thâm Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa thời, chúng ta có thể nói thành Quán Thế Âm Bồ Tát hành thâm Quán Âm Pháp Môn thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách, v.v...

Như vậy biểu thị điều gì? Pháp môn Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa và Pháp Môn Quán Âm đều như nhau. Lục Tổ Huệ Năng cũng tu pháp môn này, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn tu pháp môn Kim Cang và Lục Tổ Huệ Năng tu pháp môn Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa là đồng một pháp môn. Từ đó có thể hiểu Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, Lục Tổ Huệ Năng và Quán Thế Âm Bồ Tát đều tu cùng một pháp môn.

Tu Pháp Môn Quán Âm không phải dùng nhĩ căn để tu, không phải dùng nhãn căn để tu, cũng không phải dùng ý căn để tu, cho nên mới nói “*Quán Âm*”, chứ không phải “*thính âm*”. Cũng không phải dùng cái gì để quán; chỉ dùng trí huệ để quán, tôi mới nói, không phải dùng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để quán. Tại Trung Hoa có một vị thiền sư của môn phái Tào Động, Ngài viết một quyển sách chỉ cách tu hành của phái Tào Động, trong đó có nói tu theo phái Tào Động là không dùng tai, mắt, mũi, thân, miệng, ý, và các căn như vậy mới chính là Tào Động. Người tu Pháp Môn Quán Âm đều biết, chúng ta không dùng lục căn để tu; nói vậy Tào Động và Pháp Môn Quán Âm có phải là cùng một pháp hay không?

Ngoài ra trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử có nói đến “*Danh bất khả danh*” (wordless word) là mẹ của vạn vật. (Chương thứ nhất: *Danh khả danh, phi thường danh. Vô danh thiên địa chi khởi,*

hữu danh vạn vật chi mẫu.) Ý của Lão Tử là: “*Vốn là không có, cho đến khi bắt đầu có ‘danh bất khả danh’, lúc đó mới sáng tạo ra vũ trụ vạn vật.*”

Trong Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo có đề cập đến đạo lý giống như vậy. Trong Thánh Kinh nói: “*Vũ trụ thuở ban sơ là một thứ âm thanh (word). Âm thanh này với Thượng Đế là một thể, âm thanh này tức là Thượng Đế, vạn vật đều do âm thanh này tạo ra, không có một điều gì không do âm thanh này tạo ra.*” (*In the beginning was the word (sound), and the word was with God, and word was God, everything was made by this and nothing was not made by this.*) Người đọc qua Luận Ngôn được biết có một lần Khổng Tử nghe âm nhạc đến quên mất mình, ba tháng sau vẫn còn say sưa trong âm nhạc đó; chúng ta nên hiểu rằng, đó là chỉ âm thanh bên trong, nghe âm nhạc của thể giới này không có sức hút lớn như vậy đâu.

Kinh Vệ Đà ở Ấn Độ và các kinh điển khác có nhắc đến âm thanh của vũ trụ thời thượng cổ, giống như âm thanh Om, người ta gọi là Shabd (*âm thanh*). Chúng ta đọc chuyện Huyền Trang (*Đường Tăng Tam Tạng*) biết được Ngài và các pháp sư khác, trong nhiều thời kỳ khác nhau đi Ấn Độ, thời gian ở lại, Ngài đã học qua pháp môn Shabd (*âm thanh*). Trong Kinh Khả Lan của Hồi giáo, Mô-ha-mét cũng có nói đến âm thanh của vũ trụ, nhưng Ngài dùng tên khác. Trong các tôn giáo và tông phái khác, người ta dùng các tên khác nhau. Ví dụ: Naam, Anhad-Naad, Udgit, Kalam-I-Qanim, Bang-I-Ilahi, Nida-I-Asmani, Saut-I-Sarmad, Katha, Kirtan Rag...

Thật ra, tất cả các vị đại sư đều nói đồng một ý. Tôi tu Pháp Môn Quán Âm mới hiểu rõ, khi chưa tu pháp môn này, rất có thể không biết chỗ nào giống nhau, chỗ nào khác nhau.

Có một ngày tôi truyền pháp cho một vị tỷ kheo, người đó vốn tu theo Thiên Đài tông, nhưng chỉ tu đến một đẳng cấp nào đó thì không thể nào lên được nữa, nên ngừng tại đẳng cấp đó.

Vị đó cầu “Đạo” rất thành khẩn, rất khiêm tốn, lạy ba lạy cầu “Đạo”. Tôi vốn không muốn truyền pháp cho người tỳ kheo đó, tôi rất sợ, vì tỳ kheo từ trước đến nay đều tự cho là cao hơn tỳ kheo ni. Sao lại có tỳ kheo đó đến đánh lễ tôi, muốn cầu pháp? Cho nên tôi rất lo, dù có truyền pháp cho vị đó, vị đó nghe có hiểu không? Rốt cuộc vị đó cũng hiểu được.

Sau khi truyền pháp cho vị đó rồi, vị đó mới nói pháp môn này giống phái Thiên Đài. Tôi đáp đúng vậy, vốn là pháp môn giống nhau, Minh Sư là phái Thiên Đài, hay Minh Sư là phái Tào Động, hay Minh Sư là Pháp Môn Quán Âm, là thiên, là A Di Đà, là Phổ Môn, v.v... nếu không có Minh Sư chính thật để truyền pháp, chỉ là miệng niệm mà thôi. Niệm bên ngoài không có lực lượng truyền pháp này, thì không được gì hết. Bất cứ pháp môn nào, nếu chúng ta chỉ biết một nửa, truyền cho người ta một nửa, thì không phải là pháp môn trọn vẹn, không đủ kéo người ta lên. Lên đến một nửa cảnh giới thì ngưng lại, vì không biết còn có cảnh giới cao hơn một chút, cũng không biết cách nào để đi lên.

Phái Thiên Đài, phái Tào Động, phái Lâm Tế, Ngài Huệ Năng mà tôi vừa mới nói là phái Lâm Tế, còn có Tịnh Độ Tông, Pháp Môn Quán Âm, pháp môn Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, đều như nhau. Nhưng nếu không có lực lượng truyền pháp thì không như nhau. Có Minh Sư, có lực lượng truyền pháp, pháp môn gì cũng như nhau cả, bởi vì lúc truyền pháp không nói chuyện. Không có pháp gì có thể nói, có thể truyền; nhưng nếu không có truyền thì cũng không có pháp. Pháp môn này, Lục Tổ Huệ Năng gọi là pháp môn “Vô Tướng”.

Hôm qua, tôi có nói rồi, bất cứ tông phái nào cũng đều giống nhau. Các vị đại sư đã khuất bóng, không có cao đồ, không có đệ tử tốt có thể tiếp nối truyền pháp, cho nên pháp môn bị thất truyền, bị mất. Sau này những nơi khác, có thể có đệ tử tốt xuất hiện, rất có thể người đó đến Ấn Độ hay Formosa, Đại Lục. Người đó ở một nơi khác tu hành đắc “Đạo”, họ tiếp tục truyền

pháp, không nhất định phải theo Sư Phụ của họ truyền pháp cùng một chỗ, cũng không nhất định thuyết pháp giống như Sư Phụ của họ, rất có thể họ dùng ngôn ngữ khác hay danh từ khác.

Ví dụ Lục Tổ Huệ Năng, Ngũ Tổ truyền cho Ngài pháp môn Kim Cang, chân Kinh Kim Cang. Lúc truyền pháp, Ngài nói đây là pháp môn Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, nhưng nội dung đều giống nhau. Cũng giống như vậy, Quán Thế Âm Bồ Tát đứng ra là tu Pháp Môn Quán Âm, nhưng lúc Ngài nói với Xá Lợi Phất thì lại biến thành Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa. Pháp môn đó truyền đến đại lục Trung Hoa, biến thành phái Lâm Tế, phái Tào Động. Lâm Tế là Sư Tổ của phái Lâm Tế. Phật Thích Ca đi rồi, chúng ta nói chúng ta thuộc Phật giáo. Chúa Giê-su đi rồi, chúng ta nói chúng ta thuộc Ki-tô giáo. Lão Tử đi rồi chúng ta nói chúng ta thuộc Lão giáo (*Đạo giáo*). Thật ra hoàn toàn giống nhau.

Các Minh Sư chỉ dạy các giáo lý giống nhau, đều có mục đích cứu người đạt giải thoát, và đều truyền pháp môn giống nhau. Chỉ có một pháp môn có thể giúp người ta được giải thoát, đó là Pháp Môn Quán Âm. Không cần mình gọi đó là pháp gì: Tịnh Độ, Phổ Môn, Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, hay là pháp môn Kim Cang. Gọi là pháp môn gì cũng không sao, đều giống nhau, chỉ cần có thể giúp người giải thoát, thì đó là Pháp Môn Quán Âm.

Phật Âm bên trong có thể giúp chúng ta giải thoát, cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật Thích Ca tán thán Pháp Môn Quán Âm có lực lượng bất khả tư nghị. Ngài nói mười phương ba đời chư Phật đều tu Pháp Môn Quán Âm, mới có thể đạt được A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề (*Anutara Samyak Sambodhi*) tức là đạt được sự tối cao, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thiên Chúa giáo gọi là Thượng Đế, đối với họ Thượng Đế là tối cao, còn đối với tín đồ Phật giáo, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là tối cao. Vô Thượng tức là không có cái gì có thể siêu vượt nó, không có cái gì cao hơn nó, cho nên gọi là Vô Thượng. Đối với tín đồ Cơ Đốc giáo, Thượng Đế là tối

cao, cũng như ta gọi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy, là chỉ cảnh giới tối cao của giải thoát (*highest ideal*), của trí huệ lớn nhất.

Nhưng vì người sau này không khai ngộ, không hiểu kinh điển, phiên dịch sai lầm, thêm vào kinh điển nhiều ý kiến phạm phu, cho nên tôn giáo càng ngày càng sai lệch với ý nghĩa nguyên thủy của những vị Giáo chủ. Chúng ta biết, ngay cả Phật giáo, cũng có rất nhiều tông phái lớn nhỏ; tình trạng của các tôn giáo khác cũng vậy. Nếu hiểu được nghĩa chính của các tôn giáo thì không còn tranh chấp, đánh nhau nữa.

Ở Âu Lạc cũng có một vị pháp sư truyền pháp môn tương tự như Pháp Môn Quán Âm, vị đó giải thích A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề là “*hư không đại định*”. Ý của hư không mà vị đó nói là: ngay lúc đó, ngay nơi đó, cái gì cũng không có, không có quý vị, không có chúng sanh, không có Phật, lúc đó nhập vào thậm thâm đại định, cho nên vị đó gọi là hư không đại định. Nhưng vì nhiều người tin Phật giáo, không hiểu nghĩa đó, và cũng không thích giáo pháp đó, mới nói vị đó là ngoại đạo. Nhưng tôi không cho rằng vị đó là ngoại đạo, vị đó cũng dạy người bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí huệ.

Có lẽ vị đó không lấy Kinh Kim Cang để giảng kinh, vị đó không phải cầm quyền Kinh Kim Cang giải thích theo văn tự trên đó như: thứ nhất bố thí, thứ hai trì giới, thứ ba, v.v... không phải làm như vậy, nhưng vị đó nói theo cách của mình cũng như nhau. Vị đó cũng dạy người làm việc tốt, không sát sanh, không trộm cướp, không uống rượu, không tà dâm, không vọng ngữ, v.v... nhưng chỉ không nói cho rõ lắm mà thôi, vị đó cũng không dùng danh từ ngũ giới để dạy người, mà chỉ nói mình phải làm một con người đạo đức, không sát sanh, không tà dâm, nội dung cũng như ngũ giới.

Vị đó cũng dạy Pháp Môn Quán Âm, có lẽ đã theo học một vị Minh Sư, đắc “*Đạo*” rồi, cũng đi truyền pháp cho người khác,

nhưng vị đó không dùng danh từ Pháp Môn Quán Âm, mà gọi pháp đó là “*Vô Vi Huyền Bi Phật Pháp*”. Cách vô vi của vị đó giống như chủ trương vô vi của Lão giáo, không dùng tâm “*ngã chấp*” để làm, làm gì cũng như không làm vậy.

Tôi không theo vị đó học, cũng chưa từng gặp qua, nhưng tôi đọc được pháp môn vị đó viết trên sách, biết ngay là Pháp Môn Quán Âm. Pháp môn này vốn không thể viết ra, nhưng đôi khi vị đó cũng thố lộ một chút, cho nên tôi biết được vị đó dạy Pháp Môn Quán Âm. Nếu không hiểu vị đó nói gì, rất có thể tôi cũng sẽ nói vị đó là ngoại đạo, nhưng bởi vì tu được pháp môn này, trí huệ lớn mở ra, nhìn tất cả rất minh bạch, rất rõ ràng, như soi gương vậy, tất cả đều phản chiếu rành mạch, bởi vì trong gương không có một chút bụi nào, cho nên mới thấy được rõ ràng như vậy.

Nếu không, chúng ta mỗi ngày cứ đi công kích người khác, nói Phật giáo tốt, Thiên Chúa giáo không tốt, hay Thiên Chúa giáo tốt, Phật giáo không tốt, v.v... Chúng ta không tự hiểu biết, không tin tôn giáo nào, đối với chúng ta sẽ không có ích lợi nhiều, tuy sẽ có nhân thiên phước báu (*phước báu dành cho cõi người và cõi trời*), có thể tự an ủi một chút, nhưng không thể hiểu mình là ai, cũng không biết mình là Phật, không cách nào thành Phật, nên đối với chúng ta hầu như không có ích lợi gì (*vì vẫn còn trong luân hồi sanh tử*).

Cho nên có pháp sư hay thiên sư nói rằng kinh điển không có hiệu dụng, chỉ có thể dùng để nấu ăn. Đôi khi tôi cũng nói như vậy, bởi vì tôi đọc kinh điển cảm thấy rất thất vọng, chỉ đọc kinh không thể nào làm cho người ta giải thoát. Có người chấp vào kinh điển quá nhiều, họ đến gặp tôi, không phải để cầu pháp, mà là để biện luận. Họ nói trong Kinh Kim Cang có nói niệm Kinh Kim Cang mới có thể khai ngộ, mới có thể thành Phật. Không phải đâu, trong Kinh Kim Cang có nói “*trì*” Kinh Kim Cang, chứ không phải “*niệm*” Kinh Kim Cang. Trì giới khác hẳn với niệm giới, “*trì kinh*” khác hẳn với “*niệm kinh*”.

Giáo đồ không có thể thọ Bồ Tát giới rồi về nhà ngày ngày cứ niệm, niệm, niệm, tưởng rằng như vậy là đủ rồi, làm sao đủ được? Cần trì Bồ Tát giới, hành Bồ Tát đạo. Đối với kinh điển cũng vậy, niệm Kinh Kim Cang không có hữu dụng. Nếu là niệm cho Phật nghe, Phật đã biết rồi. Mà niệm cho Phật nghe làm gì? Nếu như niệm cho người khác nghe, người ta không hiểu, thì có giúp ích chi. Chỉ có tu hành mới có thể biết kinh điển.

Từ nhỏ, tôi đã bắt đầu niệm Kinh Kim Cang rồi, bởi vì mọi người đều nói niệm Kinh Kim Cang rất hữu ích. Kết quả tôi niệm mấy chục năm cũng không có khai ngộ. Tôi không hiểu Lục Tổ Huệ Năng niệm kinh đó có ích gì không, nhưng tôi niệm kinh đó không có ích gì, niệm Kinh Pháp Hoa cũng không có ý nghĩa; niệm Kinh Niết Bàn cũng không có khai ngộ gì, cũng không hiểu Phật Thích Ca nói gì trong đó.

Khi tu Pháp Môn Quán Âm rồi, không bao lâu đọc lại kinh điển thì thấy đã khác rồi. Đọc kinh rất là minh bạch, đọc rồi cũng muốn đốt nó, bởi vì quá hiểu, và đã hiểu rồi cho nên có thể đốt. Trước khi chưa hiểu, dù có đọc kinh trên đầu, một bước một lay, hai bước hai lay, cũng không ích lợi, không có khai ngộ, không biết được mình là ai. Lay Phật, làm đệ tử của Phật, đánh giầy cho Phật, như vậy để làm gì? Phật nói nên thành Phật, không phải lay Phật, lay Phật cũng được. Nhưng phải hiểu Phật là ai, mới có thể lay. Nếu quý vị không biết người vợ tương lai của quý vị, hình dáng như thế nào, mà mỗi ngày cứ nhớ tới người ta, làm sao tưởng nhớ được?

Cho nên Phật Thích Ca nói: *“Tin Phật nhưng không hiểu Phật, là phi báng Phật.”* Bồ Đề Đạt Ma thấy có một người niệm Kinh Niết Bàn, liền hỏi người đó: *“Nhà ngươi niệm cái này làm gì?”* Người đó đáp: *“Niệm Kinh Niết Bàn sẽ khai ngộ, sẽ thành Phật.”* Bồ Đề Đạt Ma nói: *“Đưa kinh ấy cho tôi, tôi phải đốt cái sự gạt người này.”* Có câu: *“Bánh vẽ không thể no bụng”*, là ý nghĩa đó. Bởi vì trong kinh điển, không có lực lượng truyền

pháp, cũng không có pháp môn. Kinh điển là để giới thiệu Pháp Môn Quán Âm mà thôi. Khi truyền pháp không dùng ngôn ngữ để nói, cho nên chúng ta nghe nói: *“Thiền không dùng ngôn ngữ”*, là ý đó.

Nói ví dụ hôm nay, tôi tán thán Pháp Môn Quán Âm, nói cả tiếng đồng hồ, đều là nói Pháp Môn Quán Âm, nói rõ cho người ta hiểu nếu như có người biết Quán Âm, sẽ có vô lượng, vô biên công đức. Ý của tôi là chỉ Pháp Môn Quán Âm sẽ có vô lượng công đức. Nếu về nhà chỉ nghe băng giảng kinh của tôi, tuy cũng có phước báu, nhưng không phải cứu cánh giải thoát. Cho nên phải *“trì”* Pháp Môn Quán Âm, *“trì”* Quán Âm, *“trì”* phẩm Phổ Môn. *“Trì”* nghĩa là gì? Là tu hành.

Nói ví dụ *“niệm giới”* không hữu dụng, *“trì giới”* mới hữu dụng. Năm giới là: *“Không sát sanh, không uống rượu, v.v..”* Chúng ta ở nhà niệm năm giới này, hữu dụng không? Không! Cho nên nhiều người nói họ là Phật tử, họ đi quy y mười người, mười lăm người, năm mươi vị hòa thượng; có năm mươi cái pháp danh, thu thập các thứ pháp danh, nhưng vẫn ăn thịt, uống rượu, bởi vì không hiểu *“không sát sanh”* là gì? Cho dù có thọ giới với năm chục vị pháp sư, về nhà nếu không trì giới, cũng không có ích lợi. Phải đốt cái chứng chỉ quy y đi mới được xem là người chân thật, còn không chỉ là gạt người, như vậy còn xưng là Phật tử để làm gì? Phật rất từ bi, Ngài thấy chúng sanh đang chơi trò tu hành Ngài sẽ cười. *(Mọi người cười.)* Ngài sẽ nói: *“Chúng nó đang làm trò gì? Không hiểu năm giới, đùa đi đùa lại, tìm pháp sư thu thập pháp danh làm gì? Có ích lợi gì?”* Có hiểu chưa? Nhiều người thọ giới rồi vẫn còn ăn thịt. Hôm qua, tôi có đề cập đến vấn đề ăn thịt. Ăn thịt là gián tiếp sát sanh, gián tiếp giết hại mà thấy vui, cũng là sát sanh. Không có người ăn thịt, thì không có người giết để bán. Trong Kinh Lăng Già nói rất rõ, Phật nói: *“Đại Huệ, phàm là người sát sanh, phần nhiều là vì có người muốn ăn, nếu không có người ăn, thì không có chuyện sát sanh,*

cho nên ăn thịt và sát sanh đồng một tội.” (Phật Ngôn: Đại Huệ, phạm sát sanh giả, đa vi nhân thực, nhân nhược bất thực, tức vô sát sự, cố thực nhục giả sát sanh đồng tội, v.v..)

VẤN ĐÁP

Vấn: Điều kiện để tu pháp môn này là gì?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Hôm qua tôi có nói, không có điều kiện gì đặc biệt, người nào cũng có thể tu, nhưng cần phải trì giới. Trì giới cũng không phải là giới, vốn không có giới gì phải trì. Pháp luật đã có quy định, không được trộm cướp, chứ không phải tu hành rồi mới không có trộm cướp. Không sát sanh vốn cần phải giữ lấy, Khổng Tử nói: “*Cái gì mình không muốn, thì đừng nên để cho người khác phải chịu.*” Xưa kia ở Trung Quốc đã có những lời đó rồi, không cần chờ đến khi tu hành rồi mới biết.

Chúng ta đã không muốn bị giết hại, sao còn khuyến khích người khác sát sanh cho chúng ta ăn? Lúc bị giết hại đau khổ đến thế nào. Loài vật cũng tham sống sợ chết, điều đó chúng ta rất rõ, chúng ta làm sao nhẫn tâm thấy chúng đau khổ? Hưởng thụ trên sự đau khổ của chúng? Sự đau khổ của chúng biến thành sự hưởng thụ ngon miệng của cá nhân chúng ta. Vốn đã không nên sát sanh rồi, cho nên không sát sanh cũng không phải là giới gì. Khi thân nhân của chúng ta chết, chúng ta cũng không dám ăn cái thân đó, sao lại dám ăn xác chết của các chúng sanh khác?

Loài vật vốn rất là dơ, thông thường chúng ta không thể tưởng tượng nổi, ôm hôn chó, bò, gà, dê, hay ngừ chung với chúng nó, nhưng làm sao có thể lấy thân xác bỏ vào cái miệng cao quý của chúng ta? Miệng vốn là để nói chuyện đạo đức, để học tập thư tự văn học cao sang, sao lại trở ngược biến thành cửa lớn của nghĩa trang? Làm cái xác thân cao quý của chúng ta thành nghĩa địa chôn xác chết. Có người không dám ngủ tại nghĩa

địa, nhưng cả ngày lại ngủ với nắm mồ mả trong bụng mình mà không biết sợ. Loài vật cũng tham sống sợ chết; nếu chúng không tham sống sợ chết, chúng ta còn có thể giết. Nhưng mà chúng không muốn chết, chúng ta cứ cưỡng bách chúng phải chết, như vậy thật không công bình.

Cỏ cây rau cải không biết nói, nhưng nếu mắt trí huệ của chúng ta mở ra, chúng ta sẽ biết, nó muốn mình đến ăn, nó nói: *“Tôi đã chuẩn bị rồi, hái tôi về nấu.”* Nhưng loài vật hoàn toàn không muốn chết, không muốn bị giết hại, nhưng chúng ta cứ cưỡng bách nó chết, làm như vậy không đúng, như vậy là dùng bạo lực, con người chúng ta thông minh hơn, cường tráng hơn, có thể bắt động vật nhỏ yếu đuối, rọc xác nó, nhưng mình làm như vậy không phải là thái độ của người quân tử.

Quý vị có biết binh pháp không? Khi đánh giặc, lực lượng của đôi bên cần phải như nhau, mới có thể đánh. Nếu như bên yếu thế đã bại trận rồi, chúng ta cũng không giết họ, nhưng chúng ta lại giết hại loài vật nhỏ yếu. Chúng còn yếu ớt hơn bên quân binh bại trận, không thể tự bảo hộ, gặp người là sợ hãi, vội chạy trốn, vậy mà chúng ta cứ tiếp tục đuổi giết. Cá sống trong biển, không có quan hệ đến mình, chúng ta lại kéo lưới bắt lên. Loài vật ở trên núi không có liên hệ đến mình, mình cũng săn bắn đuổi giết, rồi đem về nhà ăn. Như vậy là không đúng, không hợp với *“Đạo”*.

Rau cải không tham sống sợ chết, không có cảm giác, hơn 90% trong rau là nước, thành phần cảm giác rất ít, ý thức rất ít. Trái lại, ý thức của động vật rất nhiều, không thua gì con người. Cho nên chúng ta thấy ngựa, chó, rất trung thành, nhận biết chủ nhân của chúng, rất có ái tâm, nên nói rằng loài vật có cảm nhận như con người. Đôi khi chủ của chúng chết, chúng rất đau buồn, không muốn ăn, vài ngày sau có lẽ cũng chết theo chủ. Có nhiều con ngựa và chó thật trung thành như vậy.

Cho nên chúng ta đừng ăn thịt chúng. Ý thức và sự thông minh của loài vật rất giống con người, vì vậy chúng ta không thể

cưỡng bách chúng, giết hại chúng, cũng không nên thấy người ta giết chúng mà trong tâm vui mừng ăn thịt của chúng, hưởng thụ sự đau khổ của chúng. Vì sao muốn làm Bồ Tát? Bởi vì muốn giải thoát đau khổ, đồng thời cũng muốn độ chúng sanh liễu thoát đau khổ. Hiện giờ nếu chưa độ được chúng sanh đau khổ trước mắt, vậy phải chờ đến lúc nào mới có thể làm được? Đợi cho mình thành Bồ Tát, thì chúng sanh đã bị “*giải thoát vào bụng*” hết rồi. (Mọi người cười.)

Cho nên làm Bồ Tát nhất định phải phát tâm từ bi, xem chúng sanh như là thân nhân của mình vậy, như vậy mới có thể thành Bồ Tát. Nếu bây giờ không thể học làm Bồ Tát từ bi, sau này làm sao đi Tây phương? Cõi Tây phương chỉ có Bồ Tát đại công đức, đại từ bi mới có thể ở, trong Kinh A Di Đà cũng có nói, không thể dùng phước báu nhỏ để được sanh vào cõi Tây phương. Tu hành nên lấy từ bi làm trọng. Mỗi tôn giáo đều nhấn mạnh điểm đó, sao chúng ta lại không phát tâm từ bi để có thể vãng sanh đi Tây phương Tịnh Độ?

Hỏi nhỏ, tôi có trồng một loại bông, gọi là bông vạn thọ. Nếu muốn bông đẹp, thì đợi cho bông lớn đến độ cao nào đó, nhỏ cái tim của nó, như vậy bông vạn thọ mới mọc sai, ra bông mới nhiều, còn không thì rất nhỏ và có hai ba bông, hai ba nhánh mà thôi. Nhưng nếu mình ngắt tim nó đi, vạn thọ sẽ mọc rất lớn, rất mập, có nhiều bông, có phải không?

Còn như rau thơm và cải, mình ngắt một cành, nó ra hai ba bốn cành, có phải không? Nhiều loại cải như vậy. Cho nên mình dùng mắt thịt cũng có thể thấy, mình ăn nó, nó thích lắm, sẽ mọc càng nhiều, ra càng nhiều; mình không ăn nó, nó sẽ buồn bực, rất có thể chỉ mọc một cây một trái, ăn hết rồi chết queo luôn. Nếu quý vị không tin tôi, ngày mai ở nhà trồng cây bông vạn thọ, ngắt đọt giữa đi, sau này cây sẽ mọc rất lớn. Quý vị có thể trồng hai cây, một cây thì ngắt tim, một cây thì để nguyên, quý vị sẽ thấy có sự khác biệt.

Cho nên rau cải, cỏ cây, thích được người ta hái ăn. Quý vị chặt một nhánh cây, không bao lâu, nó sẽ mọc ra nhánh mới. Nhưng nếu như chúng ta chặt đầu một con gà, giết một con bò, chúng không thể tiếp tục sinh trưởng. Chém một cái là nó chết tươi. Cho nên không nhất định phải mở mắt trí huệ, dùng mắt thịt chúng ta cũng có thể quan sát được, cũng có thể biết được rau cải cỏ cây thích được người ta ăn hay không? Động vật có thích người ta chém nó, giết nó hay không?

Nếu như tu Pháp Môn Quán Âm, mỗi ngày cần phải “*quán âm tọa thiền*” hai tiếng rưỡi đồng hồ, mới có đủ sức, rửa sạch nghiệp chướng của chúng ta, mới có thể đi Tây phương. Nghiệp chướng của chúng ta nhiều như thế, không thể nào muốn đi là đi, cần phải “*niệm*” Phật đến nhất tâm bất loạn. Nhưng nếu như không có phương pháp, niệm cách nào cũng là nhất tâm rất loạn. Cho nên muốn nhất tâm bất loạn, cần phải tọa thiền hai tiếng rưỡi đồng hồ mới có thể như ý. Như vậy mới là thật sự “*niệm Phật*”. Niệm là tưởng niệm, chúng ta có thể nói hai tiếng rưỡi đó là chính thật tưởng niệm Phật, như vậy mới là “*niệm*” Phật, “*niệm*” của nhất tâm bất loạn. Lúc tọa thiền bỏ hết những việc trên đời, hai tiếng rưỡi đó, đều là dùng “*thân, khẩu, ý*” thật để cúng dường Phật. Mỗi ngày chúng ta có hai mươi bốn tiếng đồng hồ, cúng dường Phật hai tiếng rưỡi đồng hồ, chỉ chiếm có một phần mười của một ngày mà thôi. Nhưng đa số người lại có quá nhiều lý do như: Vì quá bận, vì là người tại gia, vì là người có chồng, vì có vợ, vì có con, vì có công việc, v.v...

Tu Pháp Môn Quán Âm, cần phải dùng “*thân, khẩu, ý*” cúng dường Phật hai tiếng rưỡi đồng hồ, dùng cái “*ta*” thật ngồi xuống tưởng “*niệm*” Phật, cho nên có thể “*niệm*” Phật nhất tâm bất loạn, chứ không phải đợi đến khi chúng ta nhập định, mới có thể nhất tâm bất loạn.

Tôi nói cho quý vị biết, muốn nhập định không phải là đơn giản, cần phải luyện tập trước, mới có thể đạt được trạng thái

nhập định. Nếu như mỗi ngày khải niệm Nam Mô A Di Đà Phật, rồi chờ đến một ngày nào đó đột nhiên “*nhất tâm bất loạn*”, điều này tuyệt đối không thể có được. Cần phải luyện tập cúng dường Phật, dùng “*tâm*” niệm Phật, tưởng “*niệm*” Phật, mỗi ngày ít nhất lấy một phần mười của thời gian để cúng dường Phật. Nhất định phải dùng loại phương thức này “*niệm*” Phật, mới có thể nhất tâm bất loạn.

Đó là quy luật tu hành Pháp Môn Quán Âm của chúng ta, cần phải ăn thuần chay, và tọa thiền hai tiếng rưỡi đồng hồ, chỉ vậy thôi. Khi tọa thiền “*niệm*” Phật. Nhưng muốn “*niệm*” cũng phải có phương pháp, cần phải biết “*tưởng niệm*” như thế nào mới có ích dụng. Những gì tôi đã nói cho quý vị nghe, bây giờ vẫn còn là ở bên ngoài, vẫn còn là mô tả bánh, ly đựng nước mà thôi. Nước vẫn còn ở trong ly, quý vị còn chưa uống được nước, và cũng chưa ăn được bánh.





8

Sự Huyền Bí Của Mắt Trí Huệ

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Bành Hồ, Formosa**

Ngày 16 tháng 2 năm 1987

Hôm nay, tôi sẽ giảng về Phật Thích Ca. Ngài nói chúng sanh đều có “*Phật tánh*”, nhưng tại sao chúng ta lại tìm không được? Cũng như chúng ta nghe nói “*Phật tại tâm*”, tại sao chúng ta không cảm nhận được? Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều là Phật, tại sao lại có nhiều người xấu và có nhiều người tốt? Hôm nay tôi muốn nói về vấn đề này.

Vài ngày trước, tôi có nói về đất Tịnh Độ và Uế Độ, quý vị còn nhớ không? Giữa đất Tịnh Độ và Uế Độ còn có một thế giới nằm giữa hai vùng đó. Thế giới đó rất là đen tối, không có đường lối, không có ánh sáng. Chúng ta nghe nói đất Tịnh Độ do Phật A Di Đà làm Giáo chủ, nơi đó không có ác nghiệp, không có nam, không có nữ, không có địa ngục, không có ác tánh. Thiên Chúa giáo gọi đó là Thiên Quốc, Phật Thích Ca gọi đó là “*Phật tánh*”,

hay Bản Lai Diện Mục. Chúa Giê-su cũng nói đến Thiên Quốc, Ngài nói: “*Thiên Quốc ở bên trong chúng ta*”, nhưng tại sao chúng ta tìm không ra? Nếu Thiên Quốc ở bên trong người đó, thì người đó phải là người lương thiện có phải không? Nhưng chúng ta thấy nhân loại không phải ai cũng là người lương thiện, chúng ta tự hỏi tại sao vậy? Lý do là vì cõi Uê Độ và Tịnh Độ không giao tiếp được với nhau.

Trong vũ trụ bao gồm cả Tam Giới. Trong Tam Giới có sáu cõi luân hồi là: Trời, người, A-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục, và súc sanh. Bên trên Tam Giới là cõi Tịnh Độ, là nơi cư ngụ của Phật. Chúng ta thường nói “*Phật quang thường chiếu*”, ý nói là “*Vô Lượng Quang*” có khắp mọi nơi, nhưng tại sao trong Tam Giới của chúng ta lại không có Phật quang này? Tại sao thế giới này gây ra loạn lạc? Lý do là ở giữa đó bị một thế giới rất là đen tối ngăn cách ra mà thôi. (Xem hình 1, trang 184.) Khi tôi nói vũ trụ, quý vị đừng cho rằng nó chỉ ở bên ngoài. Thế giới này ở bên trong chúng ta. Chúng ta là một tiểu vũ trụ. Vũ trụ ở bên ngoài như thế nào, thì ở bên trong chúng ta cũng y như vậy, do đó thế giới đen tối đó cũng có ở bên trong chúng ta.

Từ đầu đến tứ chi của chúng ta có một nơi rất là đen tối, nơi đó che lấp sự tiến hóa trí huệ của chúng ta, không để cho trí huệ của ta thông qua, nếu có thông qua, cũng trở thành không chính xác. Cho nên có lúc đầu óc của chúng ta nghĩ chuyện rất tốt, trí huệ cũng nghĩ chuyện rất tốt, nhưng đến khi hành động, thì trở thành xấu. Nơi đen tối đó cũng như một cánh cửa đóng kín, chúng ta phải mở nó ra thì trí huệ mới thông suốt được. Khi mở lớn ra được thêm chút nữa thì mới có thể thấy được “*Phật quang*”, Phật quang này tức là Trí Huệ của chúng ta.

Cho nên có người gọi chỗ này là “*mắt trí huệ*”, “*mắt thứ ba*” hay gọi là “*mắt Phật*”. (Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ trên trán.) Nhưng phải chú ý cẩn thận vì chỗ này có hai cánh cửa, một cánh cửa chỉ có thể thông đến nơi cao nhất trong Tam Giới. Phật giáo

gọi nơi đó là “*Phạm Thiên*” (*cõi Trời*). Nếu như cánh cửa đó mở ra được thì chúng ta cũng có được một số trí huệ và phước đức. Còn cánh cửa kia thì có thể thông ra ngoài Tam Giới, đến Cực Lạc, đến cảnh giới vô lượng vô biên. Tôi nói “*mắt trí huệ*” là chỉ đến cánh cửa thông ra ngoài Tam Giới này.

Hai cánh cửa này của đa số mọi người đều bị đóng kín, và người có thể mở được cánh cửa trong Tam Giới ra được một chút. Nếu cánh cửa này được mở lớn ra thì cũng thấy được ánh sáng hay là cảnh giới, nhưng tất cả đều nằm trong Tam Giới. Chỉ riêng người tu Pháp Môn Quán Âm mới mở được mắt trí huệ, hào quang Phật mới luôn luôn chiếu sáng bên họ. Nếu cánh cửa thông ra ngoài Tam Giới hoàn toàn đóng kín, thì Phật quang từ nơi Tịnh Độ không thể chiếu đến chúng ta được, dù có xuyên qua được cũng sẽ bị nơi đen tối này nhiễm đen. Cho nên chúng ta có thể nói, từ trán trở xuống là đất Uế Độ, từ trán trở lên là đất Tịnh Độ, hay là Thiên Quốc. (*Xem hình 2, trang 184.*) Mình gọi là gì cũng được, chỉ là sự khác biệt về ngôn ngữ mà thôi. Những người tu Pháp Môn Quán Âm mắt trí huệ sẽ mở, Phật quang luôn luôn che chở họ, càng tu hành càng có ánh sáng. Chúng ta lần lần trở thành chủ nhân của mình, trí huệ sẽ khai mở không còn bị chỗ đen tối này làm ô nhiễm, và không có những nhận thức sai lầm.

Cho nên Tịnh Độ là Tịnh Độ, Uế Độ là Uế Độ, không câu thông được với nhau vì bị bức tường đen tối này ngăn cách, không cho người trong Tam Giới thoát ra được, không để cho chúng ta biết được Tịnh Độ là gì? Không để cho chúng ta biết được Thiên Quốc thật như thế nào? Trong Tam Giới cũng như nhà tù, thế giới đen tối là bức tường cao ngăn cách thế giới tự do và ngục tù.

Tịnh Độ có liên hệ mật thiết với trí huệ và thân thể. Thí dụ đất Tịnh Độ ở phần trên trí óc. Từ nơi này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ mắt trí huệ trên trán*) trở xuống là Uế Độ. Nếu có một người rất thông minh, chúng ta thường nói rằng họ rất có “*trí huệ*”, có

phải vậy không? Trí óc là bộ Tổng Tư Lệnh của thân thể, nếu mệnh lệnh phát ra từ đầu óc này không thể truyền xuống được, chúng ta sẽ làm sai rất nhiều việc. Cho nên chúng ta thường nói, người này không có đầu óc (*kém trí huệ*), hay là đầu óc không rõ ràng, v.v... Từ mắt trí huệ trở lên là đất Tịnh Độ, là “*Phật Tánh*”, là Thiên Quốc, là ngoài Tam Giới; từ nơi mắt trí huệ trở xuống là đất Uế Độ, là trong Tam Giới, là luân hồi sanh tử. Chúng ta thấy một người thông minh, chỗ này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ ngay trán*) của họ sẽ rộng hơn. Tất cả phần bên dưới trán đều không có liên quan gì với trí huệ, đó đều là hệ thống bài tiết.

Nếu như có Minh Sư hướng dẫn, trí huệ người tu hành sẽ dần dần mở rộng; không có Minh Sư hướng dẫn có thể sẽ tu trật, bởi vì họ có thể mở sai cửa. Nếu như có người tự tu, họ cũng có thể có thần thông, bởi vì trong người của chúng ta có rất nhiều “*trung tâm*”. Ở đây (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ vào mắt trí huệ*) là Tổng Tư Lệnh, xuống nữa thì có cổ họng, tim, đan điền, v.v... Có một số người cho rằng khi họ cuốn lưỡi để ở hàm trên thì sẽ có được nước Cam Lồ, đó không phải là nước Cam Lồ thật. Chúng ta là người tu Pháp Môn Quán Âm, không cần “*uốn lưỡi*”, cũng sẽ có nước Cam Lồ thật. Nếu chúng ta tu luyện những trung tâm ở phần dưới mắt trí huệ, chúng ta cũng có thần thông, nhưng những thần thông đó đều ở trong Tam Giới, chưa ra khỏi giai đoạn “*thành trụ hoại không*”. Cho nên tu các trung tâm từ mắt trí huệ trở xuống, chúng ta không thể siêu thoát khỏi Tam Giới, không thể vĩnh viễn giải thoát. Nếu chúng ta muốn siêu thoát khỏi Tam Giới, chúng ta phải bắt đầu tu từ mắt trí huệ, nhưng có một số người lại bắt đầu từ trung tâm thấp nhất và tu lên từng cấp một, như vậy thật quá chậm. Họ mất cả một đời người tu luyện để tiến lên đến mắt trí huệ, đối với họ đây là cao nhất. Còn phương pháp của chúng ta thì lại bắt đầu từ mắt trí huệ. Xưa kia bên Ấn Độ, người ta tu tập Yoga là vì họ có rất nhiều thời giờ, họ có thể thực hành những cách thức đó. Nhưng người tại gia thời

nay không có nhiều thời giờ như vậy, họ vừa tu hành, vừa kiếm tiền để nuôi gia đình. Nếu chúng ta tu theo cách thức chậm như bò kéo xe đó, thì khi chúng ta vãng sanh cũng chưa chắc đạt đến chỗ cao nhất này. Như vậy chúng ta phải tìm phương pháp tốt mà tu.

Nếu một người tự tu hành và không có thầy chỉ dẫn, họ có thể khởi tu từ nơi đan điền, liên tục như thể huyết đạo sẽ mở ra và người này sẽ phát tánh nóng, tánh tình biến đổi. Mạnh hơn thì cơ thể họ có thể biến thái. Khi trung tâm nào đó mở ra rồi, tự họ không thể đóng lại và sẽ bị ảnh hưởng của những linh hồn xấu đi vào trung tâm đó, chúng chiếm lấy toàn thân, bởi vì tự chúng ta không thể bảo vệ được những trung tâm đó. Do đó khi chúng ta tu hành cần phải có một vị Minh Sư biết cách bảo hộ, dạy chúng ta một pháp môn an toàn, thì chúng ta mới có thể tránh được sự phiền phức và nguy hiểm.

Có nhiều người đến hỏi tôi một số câu hỏi như là, trước đây họ mới bắt đầu học thiền, hình như họ không có ma chướng theo, nhưng sau này họ thấy có nhiều trở ngại, nhiều ma chướng và cảm thấy có nhiều linh hồn chạy vào quấy rầy họ. Đó là vì họ mở bậy một trung tâm nào đó, hay là người thầy của họ không đủ lực lượng. Dĩ nhiên khi chúng ta tu hành thì một số trung tâm trong người sẽ tự nhiên mở. Ví dụ như chúng ta tọa thiền cách này cũng mở được một số trung tâm nào đó, nếu như kiềm chế hít thở không cẩn thận, chúng ta sẽ động đến hỏa luân xa (*đan điền*), đó là “*trung tâm phát nhiệt*”. Động đến trung tâm này có thể tăng dần sự bức bối và rất dễ phát giận, hay là phát sinh tình dục thái quá v.v..., mà không thể tự mình kiềm chế.

Tây phương Tịnh Độ có nhiều quan hệ với chúng ta. Mỗi người chúng ta là một tiểu vũ trụ, ở bên ngoài là đại vũ trụ. Phần bên trên mắt trí huệ chúng ta có Tịnh Độ, phần bên dưới là Uế Độ (*trong Tam Giới*). Bởi vì trí huệ nằm tại đây (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ ngay trán*), bất cứ chúng ta nghĩ gì hay làm gì, đều

dùng đến trí óc. Đôi khi chúng ta nghĩ không thông việc gì thì sẽ nhãn mảy, thí dụ như khi cố nhớ lại đã gặp người này trước đây tại đâu, lúc đó chân mảy sẽ nhú lại phải không? Lúc đó chúng ta tập trung tư tưởng tại con mắt thứ ba, hay mắt trí huệ, như vậy mọi vấn đề đều được giải quyết dễ dàng. Chỗ đó là chỗ trí huệ của chúng ta, cho nên có người gọi là mắt Trí Huệ, con mắt Thứ ba, con mắt Pháp, con mắt Phật, con mắt Bồ Tát, v.v...

Chúng ta thấy giữa trán của Phật Thích Ca cũng có một dấu đỏ tượng trưng cho mắt trí huệ, bởi vì Ngài đã mở được huệ nhãn rồi. Người phàm phu chúng ta nếu như không tu hành, không có Minh Sư mở cho thì con mắt đó khép kín. Như ban nãy tôi đã nói qua, nó có nhiều quan hệ đến cảnh giới đen tối trên vũ trụ. Tác dụng của bức tường đen này là để phân cách Tịnh Độ và Uế Độ, không để cho Vô Lượng Quang của Tịnh Độ chiếu xuống dưới, nhưng chỉ cần mắt trí huệ của chúng ta mở ra rồi, thì Vô Lượng Quang (*tức là Phật quang*) liền có thể thuận lợi chiếu xuống. Giống như con đường, trước kia tuy đã có nhưng bị cản trở không thể đi qua, bây giờ đã được khai thông.

Nếu mắt trí huệ chúng ta mở ra được, trí huệ có thể từ trên truyền thẳng xuống đến tứ chi và toàn thân, cho nên bất cứ chúng ta làm gì cũng sẽ rất chính xác, rất rõ ràng, rất minh bạch, bởi vì lúc đó trí huệ đã câu thông với toàn thân, không còn bị chướng ngại gì.

Do đó quý vị nên tập tu tại trung tâm tối cao của trí huệ, còn các trung tâm khác trong thân thể chỉ là những hệ thống bài tiết. Quý vị cũng biết rằng, đôi mắt thì chảy nước mắt hoặc ra ghèn, hai lỗ mũi thì chứa chất dơ và nước mũi, lỗ tai thì có rỉ tai, miệng thì có nước miếng, có đàm, càng ở phía dưới thì càng dơ. Tất cả có chín lỗ trên mình của chúng ta đều thải ra thứ ô uế, vì đều là hệ thống bài tiết, đều là "*thành, trụ, hoại, không*". Cho nên tu tại những trung tâm bài tiết này rất nguy hiểm, không an ổn, không tồn tại vĩnh viễn được.

Lúc này, tôi chỉ nói đại khái bên ngoài, khi tôi truyền pháp mới giải thích rõ ràng hơn và giải thích những cảnh giới nào có những gì. Nhưng tại đây thì không thể công khai nói hết về pháp môn này. Cho dù có nói công khai cũng vô ích, quý vị về nhà thử tu bậy bạ sẽ bị ma nhập. Lúc truyền pháp, tôi sẽ truyền rõ ràng. Nhưng trước tiên quý vị phải chuẩn bị “*thân, khẩu, ý*” cho thanh tịnh; rồi sau đó, tôi sẽ giải thích mọi vấn đề mà quý vị cần hiểu biết về sự tu tập. Chuyện này quý vị cũng đều hiểu rõ, bây giờ chúng ta không nên nói nhiều về phương pháp tu hành. Hồi nãy, tôi chỉ cắt nghĩa một chút cho quý vị nghe mà thôi.

Đôi khi quý vị biết có người rất thông minh, vì đời trước họ có tu luyện trí tuệ nhiều một chút, nên đời nay vẫn còn lưu lại được chút ít. Mắt trí tuệ của họ vẫn còn hé mở, chưa bị đóng hoàn toàn, vì vậy bây giờ họ rất thông minh và là người có đạo đức. Nếu đời trước họ tu càng cao, mắt trí tuệ của họ sẽ càng mở lớn hơn. Những người có mắt trí tuệ có thể thấy được chỗ nào mở, chỗ nào bị đóng. Cho dù mắt trí tuệ hoàn toàn đóng kín cũng không sao, chỉ cần tìm được vị Minh Sư chân chính, họ sẽ mở cho mình. Họ có một “*chìa khóa*”, lúc đó họ chỉ cần tra chìa khóa vào ổ khóa và xoay một vòng là mở ra được. Chỉ cần có chìa khóa là được rồi, quý vị sẽ không bị trở ngại.

Cho nên từ xưa đến nay, những vị tu hành, bất luận là Đông phương hay Tây phương, đều nhấn mạnh về vị Minh Sư tại thế. Chúng ta thường đi lễ bái những vị Minh Sư trong quá khứ, bởi vì chúng ta có lòng tôn kính họ, sùng bái họ, kỳ vọng có một ngày, chúng ta cũng có thể trở thành như Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Chúa Giê-su vậy. Nhưng các Ngài đã qua đời lâu rồi và không thể mở cửa cho chúng ta, chìa khóa của các Ngài đã truyền lại cho vị Minh Sư khác còn tại thế. Nếu như quý vị muốn mở cửa thì phải tìm cho được người nào hiện bây giờ đang giữ chìa khóa này, người đó chưa vãng sanh, thì mới có thể giúp cho chúng ta được.

Không có sự liên lạc ở giữa hai cõi Tịnh Độ và Uế Độ. Nếu quý vị muốn liên lạc, thì phải có một người ở cõi Tịnh Độ đem chìa khóa này đến cõi Uế Độ. Bởi vì chìa khóa không thể trực tiếp từ Tịnh Độ rơi xuống. Dù có rơi xuống, cũng sẽ bị mất tại thế giới đen tối này. Thế giới này tôi đã nói qua, Phật quang cũng sẽ bị tiêu hủy tại cõi đen tối đó vậy. Nếu mắt trí huệ không mở thì không có cách nào truyền đạt đến những hệ thống bên dưới của thân thể quý vị, và quý vị cũng không thể kiểm chế những hành động của quý vị, nên có lúc quý vị không muốn tức giận mà vẫn tức giận, quý vị rất muốn làm việc cho tốt đẹp, nhưng lại làm không tốt. Những lý do đó vì quý vị bị mất trí huệ thật, bị thế giới đen tối này cản trở.

Cũng y như vậy, nếu quý vị muốn đem ánh sáng trong sạch của Phật đến thế giới Ta Bà này, quý vị cũng phải dùng một phương tiện. Giống như sợi dây dẫn điện, nếu không có sợi dây này, điện không thể được truyền đến đây, quý vị không thể có điện, ngoại trừ trường hợp quý vị có dụng cụ để bảo vệ và lưu giữ điện này. Thêm một ví dụ nữa, như nước từ trên núi chảy xuống mà không có ống nước bao bọc, sẽ bị dơ không thể sử dụng được. Vị Minh Sư tại thế cũng giống như ống nước vậy, dẫn nước từ đầu nguồn đến nhà của chúng ta một cách an toàn, sạch sẽ và đơn giản.

Quý vị chỉ cần mở mắt trí huệ này ra (*Phật nhãn, Pháp nhãn, v.v...*) là chúng ta liền thành Phật. Cho nên nói là “*Hoa khai kiến Phật*” (*hoa nở sẽ thấy được Phật*) hay là “*Kiến tánh thành Phật*” (*thấy được bản tánh tức là thành Phật*). Sự thật đơn giản như vậy, không có gì phức tạp cả. Nhưng đối với đa số mọi người, họ không tin có thể thành Phật dễ như vậy? Sao lại không dễ? Phật Thích Ca có phải đã nói “*Phật tại tâm*”? Nếu như Phật ở trong tâm, tại sao không mau đi tìm? Phật tại tâm cũng như tiền bỏ trong túi, quý vị chỉ cần biết túi đó ở đâu, là có thể lấy được tiền ngay. Phật tại tâm cũng vậy, quý vị biết được tâm ở đâu, thì quý vị có thể tìm được Phật rất nhanh chóng.

Chúa Giê-su cũng nói Thiên Quốc ở trong chúng ta. Nếu những lời đó không đúng, vậy hai vị này đã phỉnh gạt mọi người hay sao? Nhưng làm gì có chuyện đó, hai vị đó là hai vị Minh Sư vĩ đại nhất từ xưa đến nay. Nếu các Ngài gạt người, thì chúng ta sẽ không sùng bái các Ngài cho đến nay như vậy. Hai vị đại sư đó và Lão Tử đều nổi tiếng nhất. Tuy đã trải qua hai ba ngàn năm, các Ngài vẫn rất nổi danh. Càng ngày càng có nhiều người tin, càng ngày càng có nhiều người sùng bái. Điều đó cho thấy rằng giáo lý của các Ngài nhất định là chính xác. Không phải người nào cũng dốt hết, có người tu hành, có người khai ngộ, họ sẽ hiểu rõ ràng đạo lý của Phật Thích Ca và Chúa Giê-su đúng hay sai. Nếu như là sai thì họ cũng phải có phản ứng gì chứ! Nhưng từ hai ngàn năm nay, bất cứ chúng sanh nào, bất cứ người tu hành nào, lớn nhỏ đều sùng bái các Ngài. Điều đó chứng tỏ rằng các Ngài nói gì cũng đúng.

Lúc mới bắt đầu giảng kinh tôi nói, tại sao có người rất thông minh? Có người lại rất dốt? Có người thì rất là lương thiện? Có người lại hung ác? Những điều đó có liên quan đến mắt trí tuệ hay không, có liên quan tới sự giao tiếp giữa Tịnh Độ và Uế Độ hay không? Có người sẽ hỏi, vì sao chúng ta phải tu hành? Lý do là con người chúng ta là tiểu vũ trụ, có liên quan với đại vũ trụ. Nếu tiểu vũ trụ của chúng ta không an ổn, thì đời sống bên ngoài cũng loạn theo. Nếu tiểu vũ trụ cấu thông được với đại vũ trụ, hợp thành “một” thì mọi sự sẽ được hòa hợp. Phật giáo gọi đó là “*Tất cả đều do tâm tạo.*” (Nhất thiết vi tâm tạo.) Chúa Giê-su nói “*Ta và Cha ta là một thể.*” (*I and my Father are “one”.*) Lão Tử cũng có nói “*Đạt được mục đích khi chúng ta trở thành “Một” (hợp thành Một)*”. (Chương thứ 39 của Đạo Đức Kinh: “*Trời được Một mới trong, đất được Một mới yên, thần được Một mới thiêng, hàng được Một mới đầy, vạn vật được Một mới sanh ra, vương hầu được Một mới khiến thiên hạ ngay định.*”)

Cho nên tu hành là để sửa chữa tiểu vũ trụ của mình, làm cho nó trở thành chủ nhân của mình. Chúng ta thường gặp trường hợp không muốn tức giận cũng không được. Luôn cả cái miệng này, chúng ta cũng không thể kiềm chế được. Có lúc chúng ta muốn nói lời nhu hòa, nhưng lại thốt ra những câu khiến cho người khác đau lòng, làm cho người khác khó chịu. Cánh tay này không muốn đánh người, nhưng có lúc hành động đánh người còn mau hơn sự phản ứng của trí huệ của chúng ta; rất có thể trí huệ bảo cánh tay chớ có đánh người, nhưng khi trí huệ xuyên qua bức tường đen tối đó lại biến thành hành động ra tay đánh người, làm bậy. Cho nên chúng ta không thể tự kiềm chế mình, mất đi chủ quyền của mình.

Nếu chúng ta không thể tự kiềm chế, thì thế giới bên ngoài cũng sẽ loạn bậy. Nếu có thể tự chủ lấy mình thì thế giới sẽ rất hòa bình. Tất cả đều do tâm tạo là ý nghĩa đó. Cho nên chúng ta thường nói: *“Tâm tịnh thì quốc độ tịnh.”* Chứ không phải là chúng ta kiềm chế chồng mình, thì gia đình mới hòa bình. Cũng không phải đánh vợ, gây cho vợ nhiều áp lực, gia đình mới hòa bình. Muốn hòa bình thì chúng ta nên tự cải biến mình trước, như vậy vợ mình mới sửa đổi, cho dù vợ không thay đổi, tâm của chúng ta cũng không giao động. Chúa Giê-su từng nói: *“Nếu như có người tát má bên phải, thì để cho họ tát má bên trái nữa.”* Tâm không sân hận, tâm không muốn đánh người nữa, mà tâm hoan hỷ, bị đánh mắng một chút cũng không có gì khó chịu.

Cùng là một hành động, nếu như lúc chưa tu hành, người ta đánh chúng ta một cái, chúng ta liền đánh trả một cái. Nhưng sau khi tu hành, họ có đánh chúng ta bên này, chúng ta nói còn một bên kia, phải đánh cả hai bên mới công bằng. Trường hợp người bị đánh cũng như nhau, nhưng tâm trạng lại khác xa, dù rằng thế giới này vẫn vậy. Trong tâm của chúng ta an định, thì thế giới đó không có liên quan đến chúng ta, không ảnh hưởng được chúng ta. Chúng ta hoàn toàn làm chủ lấy mình, muốn giận thì giận,

không muốn giận thì thôi; không bị lục căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*), lục trần kiềm chế, cũng không bị chỗ đen tối kiềm chế; tự mình làm chủ mình, làm chủ lục căn của mình.

Cho nên Lục Tổ Huệ Năng nói Tịnh Độ không xa, Tây phương cũng không xa. Tây phương ở nơi đây (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ giữa trán*), nếu như chúng ta tu pháp môn tốt thì sẽ thể nghiệm được. Tất cả cảnh giới nào cũng đều ở tại đây (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ nơi mắt trí tuệ*), không phải chúng ta trèo cao, hay là bay lên, mới gặp được thế giới Cực Lạc. Trên thực tế, không có chỗ nào phải đến. Cho nên mới nói: “*Tâm tịnh thì quốc độ tịnh*”, vì tiểu vũ trụ có liên quan đến đại vũ trụ. Lão Tử cũng có nói: “*Người tu hành, dù không bước ra khỏi cửa cũng biết được mọi chuyện trên thế gian*” (*Chương thứ 47 của Đạo Đức Kinh: Bất xuất hộ, tri thiên hạ*), bởi vì sau khi tu hành, tiểu vũ trụ giao tiếp với đại vũ trụ, nên họ có thể biết được bất cứ nơi nào, không nơi nào là không có họ.

Cho nên người thành Phật, chúng ta gọi họ là “*Như Lai*”. Như Lai tức là không đi không lại, người đó tuy ở đây, nhưng bất cứ chỗ nào cũng có họ, lúc đó, chúng ta nói họ đã thành “*Phật*”, hay thành “*Như Lai*”. Không phải chỉ có Phật Thích Ca mới có thể thành Như Lai, người đời này cũng có thể thành Như Lai, chúng ta đều có thể thành Như Lai. Không phải tôi nghe người ta nói có thể thành Như Lai, mới nói với quý vị như vậy, mà nói từ thể nghiệm của tôi, cho nên rất bảo đảm.

Tình trạng chính thật của Như Lai là như vậy. Ví dụ, một người đắc “*Đạo*” ngồi ở đây, những người ở chỗ khác thấy người này truyền pháp đó đây hay là dạy người trên Thiên Quốc, v.v... Cho nên chúng ta gọi Phật là “*Thiên nhân đạo sư*”, “*Tứ sanh chi từ phụ*” là nghĩa đó. Cho dù đến Tịnh Độ cũng gặp người đó, hay có ngày nào nổi hứng, muốn xuống đạo địa ngục, không biết chừng cũng gặp người đó. Vì là “*Như Lai*”, nên bất cứ ở đâu cũng có thể thấy được, người đó không đi cũng không lại. Người

đó không phải là thân xác này, mà đã biến thành đồng nhất thể cùng với Pháp giới, họ và chúng sanh không còn phân cách bởi không gian và thời gian. Lúc đó người này và chúng sanh đều đồng một thể, chúng sanh ở đâu cũng có thể thấy được người này, nhưng vị ấy không phải là chúng sanh.

Cảnh giới của Tây phương nếu như không thể câu thông với cảnh giới trong Tam Giới, thì những cảnh giới trong Tam Giới rất loạn. Cũng như vậy, nếu trí huệ của chúng ta không thể câu thông với các cơ tạng ở bên dưới, sẽ tạo ra sự hỗn loạn. Giống như người chủ đi vắng để các đầy tớ ở nhà. Họ đã kém thông minh, thường ngày lệ thuộc vào chủ; nay đột nhiên chủ đi vắng, điện thoại không liên lạc được, thư từ không biết viết, nên họ sẽ hành động vô tổ chức, không đúng theo quy tắc.

Chúng ta nghe nói, có người lúc tọa thiền nhập định, sẽ đi du hành thế giới, đi xem nước Mỹ ra sao? Đi xem tình trạng hỗn loạn trên thế giới như thế nào? Đó chỉ là thần thức tầm thường xuất du mà thôi, không phải là Như Lai. Tiếng Anh gọi là Astral Projection (*xuất hồn*), hoàn toàn khác hẳn với tình trạng Như Lai. Bây giờ, tôi dùng hình vẽ đơn giản để chỉ. (*Xin xem hình 3, trang 184.*) Ví dụ đây là con người, bên trong nhất là Bản Lai Diện Mục, là chủ nhân ông của chúng ta, hay là chân thể của chúng ta; Phật tâm, Thiên Quốc, linh hồn, v.v... gọi tên gì cũng được. Phật tâm của chúng ta bị bao ở trong cùng, không thể đi ra được. Nhưng nếu có người xuất hồn (*Astral Projection*), cũng có thể đi ra được, điều đó không thể nói rằng họ tìm được Phật tâm, họ chỉ sử dụng Astral Body (*trong đó có nhiều tầng lớp thân thể, và chân thể*) đi ra, chỉ để lại thân thể. Từ thân thể đó gồm có bảy lớp, Thiên Chúa giáo nói là bảy tầng trời, Hồi giáo cũng nói giống như vậy.

Vì vậy xuất hồn vẫn chưa phải là Như Lai, vẫn chưa phải là Phật tâm. Bởi vì dùng Phật tâm không cần phải đi, ngồi ở nơi đây cũng có thể biết được hết tất cả mọi chuyện. Mình cũng vẫn cứ ăn

cơm, ngủ, đi, trò chuyện, nhưng cái gì cũng biết, ở đâu cũng có mình. Ví dụ bây giờ, tôi đang nói chuyện tại đây, người ở Đài Bắc tọa thiền hay không tọa thiền (*Điều này phải xem theo đẳng cấp tu hành của họ*), đều sẽ thấy tôi ở đó. Họ cần gì, hóa thân tôi đều giúp đỡ họ. Tình trạng này khác hẳn với tình trạng xuất hồn. Bởi vì muốn “*xuất hồn*” thì phải đem theo hết những tầng lớp thân thể, chỉ để lại xác thân; khi trở về, sẽ trở vào thể xác đó. Cũng như treo cái áo lên trên tường, hay mở cửa về nhà vậy. Căn nhà này vẫn còn đó, khi ra đi hành lý được đem theo; khi trở về thì hành lý, tiền bạc, và các thứ vật dụng đều đem theo về hết.

Nhưng tình trạng này không phải là Như Lai. Tình trạng của Như Lai, không phải lợi dụng lúc tọa thiền mới có thể ra đi. Bởi vì họ là Như Lai, không có chỗ nào không có họ, cho nên khi người đó đi đứng, ăn cơm, ngủ nghỉ, trò chuyện, giảng kinh, v.v... làm các hành động tầm thường, nhưng ở chỗ nào cũng có người đó, việc gì cũng đều giải quyết được. Người đó có thể giúp đỡ các chúng sanh khác, giúp đỡ các đồng tu, v.v...

Trong Kinh Phổ Môn cũng có nói đến tình trạng Như Lai đó. Phổ là gì? Là phổ biến, phổ độ, nơi nào cũng có. Môn là pháp môn, ý của Phật Thích Ca là tu Pháp Môn Quán Âm rồi, nơi nào chúng ta cũng đều biết, nơi nào chúng ta cũng đều có, cho nên trở thành “*Như Lai*”. Tự mình biến thành Phổ Môn, biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát, bất cứ nơi nào chúng sanh cầu điều gì cũng đều biết được, lập tức có thể đi cứu họ; phát sinh chuyện gì, cũng đều nghe được, đều thấy được; dùng mắt trí tuệ của mình để nhìn, nhưng chớ nên lầm với Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông.

Thiên Nhĩ Thông hay Thiên Nhân Thông không phải là Phổ Môn, cũng không phải là đẳng cấp của Như Lai, hoàn toàn khác hẳn. “*Như Lai*” là dùng tâm Như Lai của họ, dùng Phật tâm của họ mà thấu biết được, việc gì cũng biết được, cho nên nói là “*Phổ*”. Nếu như chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm, chúng ta cũng sẽ biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát, cho nên cái cửa này gọi là

“*Phổ Môn*”. Phổ Môn tức là nói đến pháp môn phổ độ, bảo cho chúng ta làm sao biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng bộ kinh đó chỉ giới thiệu Pháp Môn Quán Âm mà thôi, trong đó không có chỉ dạy pháp môn này. Nếu chúng ta hiểu được hàm ý chính của danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, chúng ta cũng sẽ trở thành Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng ta thường tụng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, kỳ thật đó không phải là danh hiệu của Ngài. Danh hiệu của Ngài phải dùng đến năng lực đặc biệt, mới có thể nghe được. Bởi vì “*Danh khả danh, phi thường danh*”, không phải dùng ngôn ngữ của phàm phu mà có thể gọi được. Danh hiệu chính thức của Ngài không phải là Quán Thế Âm Bồ Tát. Cần phải tu hành Pháp Môn Quán Âm mới biết được, những gì dùng ngôn ngữ nói ra được, viết ra được, đều không phải là thực danh.

Các vị Minh Sư từ xưa đến nay đều nói cùng một việc như nhau, cho nên chúng ta đừng nên tranh chấp về danh từ. Chỉ lo sao cho chúng ta trở thành con người tốt và học theo giáo lý của các Ngài là được rồi. Không cần phải vì “*Đạo*” nào tốt hơn “*Đạo*” nào mà khởi tâm tranh chấp. Chúng ta vốn cũng không biết “*Đạo*” là gì, cho nên không hiểu rõ các tôn giáo khác như thế nào, vì “*Đạo khả đạo, phi thường đạo*”. Đợi cho đến khi nào tìm được “*Đạo*” này rồi thì chúng ta mới có thể nói, còn chưa tìm được thì còn là người vô minh, chỉ có đoán bậy, tạo khẩu nghiệp. Chỉ có sau khi biết được “*Đạo*” là gì rồi, thì mới hiểu rõ “*Đạo*” nào không tốt, còn khi chưa hiểu rõ, tốt nhất đừng nên nói. Lão Tử nói: “*Người biết được đạo không nói, người nói đạo thì không biết.*” (Chương thứ 57 trong Đạo Đức Kinh: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.*”) Cho nên nếu có người thích tranh luận nhiều, biện luận nhiều, nói rằng “*Đạo*” nên như thế này, không phải như thế nọ, thì chúng ta có thể khẳng định rằng người đó còn chưa biết “*Đạo*” là gì. Mà “*Đạo*” làm sao có thể nói ra được?

Lúc tôi truyền pháp cũng không nói chuyện, bây giờ nói cho quý vị nghe vẫn chưa phải là truyền pháp, chỉ là giới thiệu pháp

môn, giới thiệu một chút tình trạng bên trong. Nhưng đó cũng không phải là thể nghiệm. Thể nghiệm chỉ thuộc về cá nhân của tôi, chỉ tự tôi biết được, quý vị không thể nào biết được. Bởi vì “*Đạo khả đạo, phi thường đạo, danh khả danh, phi thường danh.*” Do đó, biết được Quán Thế Âm Bồ Tát không phải là danh hiệu chính thật của Ngài, tên chính thật của Ngài rất đẹp, là “*Thắng bỉ thế gian âm*” là những âm thanh mỹ diệu. Âm thanh đó, chúng ta dùng tai phàm thông thường này không thể nào nghe được. Cho nên phàm Phổ Môn không phải là “*Pháp*” Phổ Môn, “*Pháp*” Phổ Môn phải có người truyền mới biết được. Phàm Phổ Môn chỉ giới thiệu một số thể nghiệm của “*Pháp*” Phổ Môn mà thôi. Hôm nay có người nói với tôi, người đó đọc Kinh A Di Đà, trong đó tả cảnh giới Tây phương Tịnh Độ, có đất bằng vàng, cây lá bằng châu báu, có chim hát ca, có nước Tám Công Đức, có liên hoa, v.v... Người đó nói cảnh giới đó đối với họ không có ý nghĩa gì, người đó không thích đi nơi đó. Tôi cũng đồng ý, nếu như tôi thấy đất nước của A Di Đà chỉ có thể thôi, thì tôi cũng không tham cảnh giới đó. Đất bằng vàng hay đất bằng cát cũng không có liên quan gì với tôi. Tôi không tham vàng, cũng không tham châu báu, ở cõi đời này đã không tham rồi, thì còn tới Tịnh Độ tham châu báu để làm gì? Cho nên phải hiểu rõ, không phải vì chúng ta tham châu báu, hay là tham cảnh giới đẹp nào đó thì mới đi Tịnh Độ.

Phật Thích Ca chỉ giới thiệu Tịnh Độ này, để chúng sanh nếu có đến đó cũng biết đó là nơi nào. Nhưng tuyệt đối không phải vì chúng ta tham cảnh giới đó mới tu hành. Tu hành đến Tây phương Tịnh Độ chúng ta sẽ rất an vui, sẽ trở thành một chúng sanh rất có ích lợi, ích lợi cho mình, ích lợi cho thế giới; có lực lượng lớn có thể cứu các khổ nạn của chúng sanh và mình trở thành Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Vô Lượng Quang A Di Đà Phật. Cho nên chúng ta phải tu đến đẳng cấp đó, chứ không phải vì tham cầu cảnh Tây phương Tịnh Độ rồi mới

tu. Lẽ tất nhiên, đất nước của Phật đều rất trang nghiêm, không lẽ đến xem thế giới Tây phương Cực Lạc, mà còn thấy đất bùn hay cung điện lợp bằng tranh (*mọi người cười*), hoặc dơ như chợ bán cải ở đây. Nơi đó rất trang nghiêm, rất đẹp đẽ, rất sạch sẽ, rất kỳ diệu, rất xán lạn, và còn có nhiều thứ mỹ diệu khác nữa.

Phật Thích Ca tuy cũng có nói, nhưng Ngài mô tả vẫn còn chưa đủ. Dùng ngôn ngữ phàm phu làm sao có thể diễn tả được cõi Tịnh Độ? Nhưng nói ra chút ít cũng giúp được cho người thế gian hiểu biết một chút. Thật ra cũng không phải là nói ra, mà là đệ tử của Ngài lúc đó ngồi thiền đã thể nghiệm được. Bởi Phật Thích Ca đem đệ tử lên cõi Tịnh Độ xem chơi, khi đệ tử trở về mới viết ra. Phật nói Kinh A Di Đà cũng không phải nói tại thế giới Ta Bà này. Nếu chúng ta đọc Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì sẽ hiểu. Hoàng hậu Vi Đề Hy thấy được cảnh Tây phương Tịnh Độ là bởi vì Phật Thích Ca dùng hóa thân đem bà lên đó. Chúng ta tu hành nên biết, nếu lúc tọa thiền mà thần thức không ở cảnh giới cao, thì không thể nào thể nghiệm được. Đây không phải là đẳng cấp của phàm phu, bởi vì Hoàng hậu Vi Đề Hy tu hành tọa thiền đã đạt đến đẳng cấp cao, cho nên mới có thể theo hóa thân của Phật đi đến cảnh giới rất cao, và khi trở về mới ghi lại thể nghiệm đó.

Có người giải thích là Phật dùng xác thân bay vào ngục tù dạy bà. Cách nói đó sợ không hợp lý. Điều thứ nhất, Phật có trăm ngàn ức hóa thân, Ngài không cần dùng thể xác của Ngài. Điều thứ hai, đệ tử của Phật quá nhiều, Ngài không có thời giờ, chỉ vì một người, mà đích thân đi đến đó. Hồi nãy, tôi nói cấp bậc của Như Lai ở đâu cũng có, là ý nghĩa đó. Chỉ cần chúng ta thành tâm, thì sẽ thấy được hóa thân của Minh Sư (*Như Lai*). Khi đó xem theo đẳng cấp tu hành của chúng ta, hóa thân của Minh Sư sẽ đem chúng ta đến cảnh giới mà ta đạt được. Tình trạng trong Kinh A Di Đà cũng như vậy, là do đệ tử của Phật đi đến Tịnh Độ, sau đó mới viết lại những thể nghiệm của mình vào nhật ký tu hành.

Ví dụ khi tôi truyền pháp, quý vị có thể nghiệm gì, thấy được cảnh giới gì, đều viết ra hết. Trong lúc truyền pháp thể nghiệm thuộc về cá nhân, cho nên quý vị không biết chừng viết ra như thế này, ngày nào tháng nào, Pháp Sư Thanh Hải giảng Pháp Môn Quán Âm, pháp môn Tịnh Độ, thấy được Phật A Di Đà, cảnh giới Tịnh Độ, hồ Bát Bửu, nước Tám Công Đức, v.v... đều ghi xuống hết, sau này để cho những người không tu Pháp Môn Quán Âm biết. Đối với họ những thể nghiệm này không có ý nghĩa gì, bởi vì nước Tám Công Đức không phải viết như vậy mà có thể hiểu được. Thấy được Tịnh Độ là giây phút vui sướng nhất của chúng ta, người thường phàm phu không có cách nào thấy được. Có thể thấy được Tịnh Độ là đẳng cấp của chúng ta đã cao lắm rồi, đã trở thành Bất Thối Bồ Tát, có ích lợi cho chúng ta, cũng có rất nhiều ích lợi cho chúng sanh. Lúc đó chúng ta có lực lượng lớn, muốn cứu người rất dễ dàng.

Cho nên không phải vì tham cầu Tịnh Độ mới lên đó. Đạt được Tịnh Độ là được quả vị Bồ Tát của chúng ta. Quả vị Bồ Tát này mới là điều mà chúng ta cần có. Được quả vị Bồ Tát, đương nhiên ở nơi trang nghiêm. Thí dụ như mình đã tốt nghiệp đại học, trở thành bác sĩ rồi, lúc đó mình còn ở trong căn nhà đen tối nhỏ hẹp nữa không? Hiện giờ đã thành bác sĩ, đương nhiên phải ở chỗ đẹp đẽ hơn, vệ sinh hơn, như vậy mới thích hợp với địa vị của mình. Nhưng vì chúng sanh, vì bệnh nhân nên mình mới đi học bác sĩ, chứ không phải vì căn nhà đẹp này mà đi học. Sau khi học thành tài rồi, có nhà tốt để ở cũng là lẽ đương nhiên.

Thí dụ lúc tôi truyền pháp, có người thấy được cảnh giới đẹp đẽ của Tây phương Tịnh Độ rồi viết ra, người khác đọc cũng không thấy có gì đặc biệt. Nhưng người mà thấy thể nghiệm đó, lúc thấy được rồi thì tình trạng hoàn toàn khác hẳn, tâm trạng thay đổi, đẳng cấp cũng khác, tự cảm thấy rất thanh thoát, rất vui sướng, trí tuệ mở lớn, điều đó mới là quan trọng, không phải cái thấy của người đó là quan trọng. Những trạng thái đó chúng ta

không cách nào thể nghiệm được, cũng không hiểu biết được. Vì sao cảnh giới đối với người thấy được lại quan trọng như thế? Bởi vì tự họ đã có biến đổi, lúc thấy được Tây phương Tịnh Độ sẽ rất vui sướng, rất khác thường, có lực lượng rất lớn, có thần thông, có nhiều trí huệ, v.v... Chúng ta nếu chỉ thấy được thể nghiệm trong nhật ký của người ta, đương nhiên cảm thấy không có ý nghĩa gì. Đọc lại những ghi chép về thế giới Tây phương Cực Lạc cũng không có cảm giác gì, bởi vì chúng ta chưa có thể nghiệm qua đẳng cấp đó.

Ví dụ có người, trong lúc thọ Tâm Ấn, nói rằng tự họ thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng rất có thể có người sẽ nói ai muốn xem Quán Thế Âm Bồ Tát làm gì? Đối với người này, thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát không có ý nghĩa gì. Nhưng người thấy được sẽ nói không phải chỉ vậy mà thôi, ngoài việc thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát, còn thấy cung điện rất đẹp. Ngài ở nơi rất đẹp đẽ; lúc thấy được Ngài, toàn thân và ý thức đều khác hẳn; trạng thái này không thể nói ra được. Không phải chỉ thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát là đủ rồi, mà khi thấy được Ngài, toàn thân và ý thức đều cải biến, trí huệ cũng khác. Sự biến đổi bên trong của mình mới là điều khiến cho ta vui mừng.

Khi trí huệ mở, ta vui mừng, bởi vì “*Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh*”. “*Vô sanh*” tức là không sanh không diệt, ý nói là không có luân hồi sanh tử. Kiến tánh thành Phật cũng vậy, không phải chúng ta muốn kiến tánh để làm gì, mà là chúng ta muốn thành Phật, vì sao chúng ta muốn thành Phật? Bởi vì muốn có trí huệ, muốn có lực lượng, có thể giúp những chúng sanh bớt đau khổ. Chúng ta vốn cũng là một trong những chúng sanh đau khổ, cho nên rất dễ hiểu sự đau khổ đó. Nếu như chúng ta có được lực lượng để giúp đỡ các chúng sanh đau khổ, có phải sẽ vui mừng lắm không? Cảm thấy đó là trách nhiệm của mình. Có quan niệm chính đáng này nên mới có thể thành Phật, thấy Phật, thấy Bồ Tát, hay theo học với Phật.

Tuyệt đối không phải vì chúng ta tham thấy cái đẹp của Tịnh Độ, hay tham được quả vị Phật, tham cầu thân thông, tham cầu lực lượng, tham cầu trí huệ, nên mới muốn thành Phật. Chúng ta muốn làm một công dân tốt, một công cụ tốt trong vũ trụ, để giúp đỡ vũ trụ lớn và vũ trụ nhỏ hòa hợp với nhau, vì chúng ta thấy thế giới này rất rối loạn. Đáng lẽ ở trên thế giới này con người là cao quý nhất, nhưng đại đa số đều uổng phí thời giờ ăn nhậu, chơi bời; mỗi ngày làm việc, ăn cơm, ngủ nghỉ; rồi lại làm việc, ăn cơm, ngủ nghỉ, rồi vãng sanh, như vậy có ý nghĩa gì?

Trên thực tế đời sống cũng không có giản dị như vậy, có rất nhiều người sống rất đau khổ, cãi vã, đánh nhau, sống với nhau không hợp; có người phá sản, có người bị giết, có người bị vu cáo, người nào cũng không thoát khỏi sự kiểm chế của sanh, lão, bệnh, tử. Đời người không phải đơn giản như ăn uống, vui chơi, rồi phui tay ra đi. Nếu như được như vậy thì quá tốt, cũng không cần cầu giải thoát làm chi. Trên thực tế sanh, lão, bệnh, tử kiểm chế chúng ta. Mình thấy đời sống con người không khác gì với đời sống của loài vật; loài vật cũng ăn, ngủ, nuôi con. Chúng ta thông minh hơn loài vật, nhưng chúng ta không hoàn toàn sử dụng trí huệ của mình, cho nên chẳng khác chi loài vật, rất là đáng tiếc! Uổng cả một cuộc sống trăm năm.

Nếu có được đời sống trăm năm, chúng ta hãy dùng thời gian ấy cố gắng mà tu hành để có thể trở thành đại Bồ Tát, thì cả vũ trụ đều biến thành của mình hết. Muốn làm gì thì làm, muốn cứu ai cũng được, muốn đi đâu cũng như ý, không cần mua vé máy bay; lẽ tất nhiên thân xác này vẫn cần có vé máy bay. Giả sử tôi có thân thông, có thể bay trên trời, bay đến đây để thăm quý vị, để xem các đồng tu khác, nếu được như vậy, tôi nghĩ chắc cũng không sống được lâu, bởi vì có người tưởng rằng tôi là chim, sẽ dùng súng bắn để ăn. *(Mọi người cười.)*

Cho nên có thân thông cũng không hẳn là có ích lợi lắm. Nếu không, dùng thân thông cũng có thể đi được. Tuy rằng thể xác ở

đây, nhưng ở đâu cũng đều có hóa thân. Cho nên nói Phật Thích Ca có trăm ngàn ức hóa thân như Như Lai vậy. Các Ngài không giống như Tôn Ngộ Không, cần phải nhờ một sợi lông thổi một hơi, mới hóa ra nhiều Tôn Ngộ Không khác, như vậy không phải là trăm ngàn ức hóa thân, đó chỉ là thứ thần thông gạt người; vì Tôn Ngộ Không dùng sợi lông hay sợi tóc biến ra các Tôn Ngộ Không kia, chỉ trong hai, ba phút đều tiêu tan mất, trở lại thành lông tóc, cho nên đó không phải là trăm ngàn ức hóa thân, đừng nên hiểu lầm.

Trăm ngàn ức hóa thân là Như Lai, Như Khứ. Tuy rằng người ở đây, nhưng chỗ nào cũng có họ, việc gì cũng biết hết. Họ không cần phải cố ý làm việc gì, mỗi ngày cũng ăn cơm, ngủ nghỉ, trò chuyện y như người thường. Quý vị muốn làm Tôn Ngộ Không, hay làm Phật Thích Ca? Đương nhiên phải thành Phật mới là cứu cánh, mới là vĩnh viễn; còn Tôn Ngộ Không thì vẫn ở trong Tam Giới, không thoát ra khỏi bàn tay của Phật Như Lai được.

Nhưng sau khi thành Phật rồi, cũng phải ăn cơm, cần nghỉ ngơi. Bề ngoài của Phật trông như người phàm, cũng ăn cơm, cũng ngủ, làm việc; nhưng trong lúc họ ăn cơm, ngủ nghỉ, đều lợi ích cho chúng sanh, trong khi họ tọa thiền, trò chuyện, cũng là lợi ích cho chúng sanh. Còn chúng ta lúc ăn uống, ngủ nghỉ, không có ích lợi gì; đối với mình còn chưa đủ ích lợi, huống chi là cho người khác.

Cho nên sau khi thành Phật, bề ngoài nhìn cũng như các chúng sanh, nhưng sự thật thì khác nhau. Tuy Phật cũng ăn cơm, ngủ nghỉ, làm việc, nhưng cũng trong giây phút đó, các công việc vô hình của Phật rất nhiều, chúng ta không thấy được. Chúng ta ăn cơm, ngủ nghỉ, trò chuyện tức là ăn cơm, ngủ nghỉ, trò chuyện, không có gì khác. Người của chúng ta ở đây, không có trăm ngàn ức hóa thân, không thể đi lại như ý, không thể thành Quán Thế Âm Bồ Tát, không thể phổ độ chúng sanh, cho nên giữa chúng sanh và Bồ Tát có nhiều chỗ khác nhau? Bất cứ chúng sanh nào

cũng đều có thể trở thành Như Lai. Nếu biết chìa khóa ở đâu, mở cửa rồi, lo tu hành, thì cũng sẽ tới lúc thành tựu. Phật Thích Ca tu hành sáu năm, Lục Tổ Huệ Năng tu hành mười sáu năm rồi các Ngài thành Phật, cho nên chúng ta cũng có thể thành Phật.

Phật Thích Ca nói: *“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.”* Ý Ngài nói loài vật cũng có *“Phật tánh”*, nhưng tại sao chúng không thành Phật mà chỉ có con người mới có thể thành Phật? Bởi vì con người chúng ta có *“ý thức”* và *“hạ ý thức”*, có thể phán đoán, có năng lực phán đoán cao, có trí huệ cao. Tuy rằng động vật cũng có thể phán đoán, nhưng nó chỉ có thể phán đoán chỗ nào nguy hiểm, chỗ nào có nhiều đồ ăn, chỗ nào có nước uống. Chúng đánh hơi thính hơn người, nhưng không biết phán đoán chuyện đạo đức và ác nghiệp; cũng không biết điều gì là thiện là ác. Nhưng con người có thể phán đoán, chúng ta có thể lựa chọn đi Thiên Đàng hay đi địa ngục, hay ở lại thế giới Ta Bà này. Nhưng vì trí huệ của con người không thuần nhất, muốn lựa chọn lên Thiên Đàng, rất cuộc xuống địa ngục; muốn chọn đường giải thoát, rất cuộc luẩn quẩn trong vòng luân hồi sanh tử.

Cho nên nếu chúng ta không hiểu, thì nên tìm thiện trí thức chỉ dẫn. Nhưng chỉ dẫn cũng chỉ là lúc ban đầu, sau này chúng ta cũng nên tự mình đi, tự mình trở thành thiện trí thức, tự mình trở thành Minh Sư. Bởi vì chúng ta đều là Minh Sư của mình, cũng như người nào cũng có thể học thành bác sĩ vậy, mình theo một vị bác sĩ học, sau này cũng sẽ trở thành bác sĩ.

Thành Phật cũng như vậy, cho nên Phật Thích Ca nói: *“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.”* Con người chúng ta có thể một đời thành Phật. Phật không nói sai, đó là chuyện có thật. Tôi có đủ thể nghiệm cá nhân để bảo chứng lời dạy của Phật là thật. Nếu không thể một đời thành Phật, ít nhất cũng sẽ thành Bồ Tát, bảo chứng nhất định có thể thành Bồ Tát Ma Ha Tát. Tôi không phải là Bồ Tát, nhưng tôi có thể *“tạo”* ra Bồ Tát. Cũng như có một người, không phải là xe hơi, nhưng người đó có thể chế tạo

xe hơi. Nếu quý vị muốn thành Bồ Tát, đợi kỳ sau tôi trở lại sẽ chỉ cách cho quý vị.

VẤN ĐÁP

Vấn: *Nếu có người tu thành Phật, Phật đó với Phật Thích Ca là đồng một Phật, hay là hai Phật khác nhau?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Cấp bậc của họ như nhau, nhưng không phải là một người, cũng không phải là hai người.

Vấn: *Nếu có người không thọ Tâm Ấn, cũng không tu hành, người đó có thể nghe được thứ âm thanh kỳ diệu đó không? Nếu có tình trạng giống như vậy, thì làm sao phân biệt cảnh giới thật hay giả?*

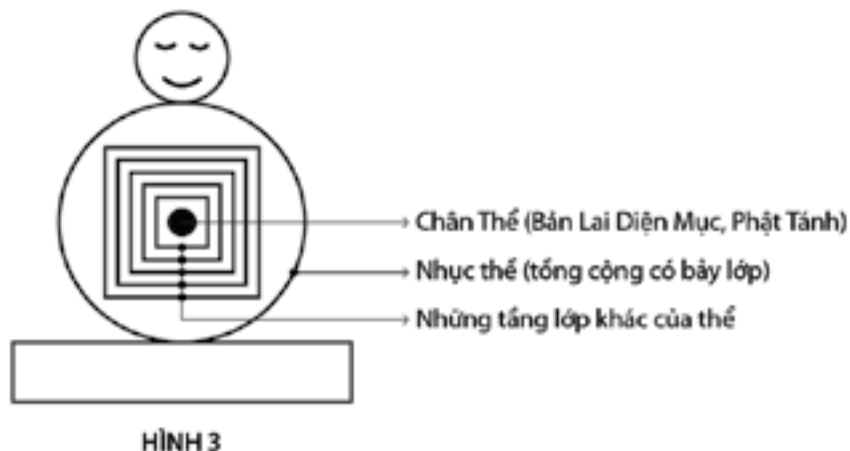
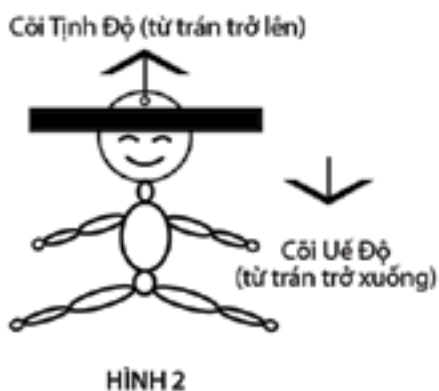
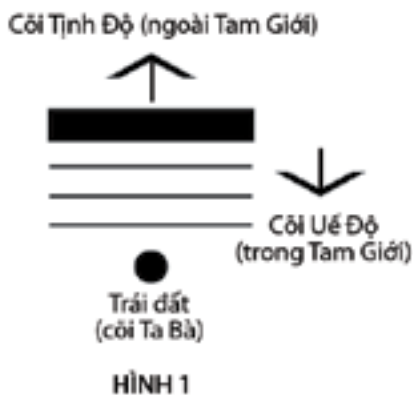
Thanh Hải Vô Thượng Sư: Rất có thể nghe được, nhưng không phải là âm thanh thật, cũng không phải lúc nào cũng nghe được. Người đó cũng không biết âm thanh đó đại diện cho cảnh giới gì. Còn pháp môn của chúng ta là hoàn toàn viển thông, có thể phân biệt thật hay giả, có đầy đủ khả năng bảo vệ, không có ma chướng đến quấy rối, tu hành nhiều thì cảnh giới sẽ càng cao.

Người tu Pháp Môn Quán Âm, âm thanh bên trong này bất cứ giờ phút nào cũng có, cảnh giới cũng có hoài. Không phải hôm nay thấy được, mai lại không thấy nữa. Nếu như không thể duy trì cảnh giới thì không phải là cảnh giới thật. Cảnh giới thật là hôm nay thấy được, ngày mai cũng thấy được. Ví dụ cái miếu này có thật ở đây, không phải là hư ảo, cho nên lúc nào đến nhìn, nó cũng y như vậy. Nếu là trong mộng hay ảo tưởng, thì hôm nay thấy được, ngày mai sẽ không còn thấy nữa.

Theo học với một vị Minh Sư, vị Minh Sư biết được cảnh giới nào có thứ âm thanh nào. Vị Minh Sư truyền pháp cho đệ tử rồi, người đệ tử mỗi ngày đều có thể nghe được âm thanh, lúc nào muốn nghe đều có âm thanh đến. Truyền pháp tức là bảo đảm

có thể nghe được âm thanh bên trong. Nếu chúng ta tiếp tục tinh tấn tu hành, thì sau này cảnh giới càng ngày càng cao. Âm thanh mà mình nghe được, có thể biết được cảnh giới của chúng ta như thế nào, đẳng cấp cao đến đâu; bởi vì trước khi truyền pháp, tôi đã giảng rất rõ ràng minh bạch, cũng như một tấm bản đồ, mỗi nơi đều có dấu hiệu, đi đến đâu, liền nhận thức đến đó. Cho nên thân người rất quý báu, bởi vì tôi không thể truyền pháp cho chó, tuy chúng cũng có “*Phật tánh*”, nhưng cũng gần như không có. Dù có truyền pháp cho chúng, chúng cũng không thể nhận thức được. Nhưng con người chúng ta có thể được, vì chúng ta nghe được. Nếu không biết ngôn ngữ cũng không sao, hạ ý thức sẽ biết được. Tôi không nói chuyện cũng có thể truyền pháp, lúc truyền pháp hoàn toàn không có nói chuyện, bất quá là đề giới thiệu trước khi truyền pháp mà thôi. Kỳ thật không có giới thiệu cũng được, chỉ cần tôi làm gì, quý vị cứ làm theo là được rồi, như vậy quý vị cũng được pháp môn này. Một lời cũng không cần nói, một cử động cũng không cần động, bởi vì “*Chư pháp không tướng*”. Lục Tổ Huệ Năng truyền pháp “*Vô Tướng*”, hoàn toàn giống như pháp tôi truyền.





Lưu ý: "Chân thể vốn không thể dùng ngôn ngữ của phàm phu để mà diễn tả, nhưng vì muốn đại chúng dễ hiểu nên mới tạm dùng những hình vẽ này dẫn giải."

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư



9

Chúng Sanh A-Tu-La

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Đài Bắc, Formosa**

Ngày 13 tháng 3 năm 1987

Đã lâu ngày không gặp quý vị, hôm nay tôi nói về vấn đề của A-tu-la cho quý vị nghe, không biết quý vị có chịu nghe không? Ở Formosa có rất nhiều người chỉ cách tọa thiền hay dạy người ta làm này làm nọ. Tôi nghe nói ban đầu còn có chút cảm ứng, nhưng sau một thời gian thấy có nhiều rắc rối. Có nhiều người phát điên vì tẩu hỏa nhập ma. Có nhiều người đến hỏi tôi về vấn đề đó. Họ kể rằng những người đó có thần lực, có thể dạy người ta nhảy đi nhảy lại hoặc là thân thể lắc tới lắc lui. Nhiều người rất hiếu kỳ, rất ưa thích. Từ trước đến giờ không biết bắt ấn, đến đó học cũng biết bắt ấn ngay. Tôi thiểu cũng biết nhảy đi nhảy lại, thân thể chấn động... Trải qua một khoảng thời gian, những người đó sinh ra nhiều chuyện buồn phiền. Nhiều người đến hỏi tôi, và họ phàn nàn về vấn đề này. Nhưng còn nhiều người vẫn tin điều đó, nên hôm nay tôi nói về đề tài này. Không phải chỉ ở Formosa mới xảy ra những việc như vậy. Khi tôi ở Đức cũng gặp rất nhiều

những người như thế này. Thầy của họ không phải là Chân Sư. Khi về nhà cả ngày lẫn đêm đều nghe thấy âm thanh. Âm thanh đó không phải là âm thanh mỹ diệu, mà là tiếng nói của người nào đó, rất ồn, làm cho người nghe không ăn không uống được. Nó không để cho mình ngủ nghỉ, nghe nhiều sẽ mệt, thân thể yếu đuối, thần kinh bất thường. Thật ra chuyện này cũng không có gì thần bí. Những chúng sanh đó phần nhiều đều là chúng sanh A-tu-la với đẳng cấp rất thấp.

Khi chúng vãng sanh, nếu như không có phước báu lớn, không thể lên trời. Người có nhiều phước báu một chút thì làm Thiên nhân. Có phước báu lớn nhất mới có thể làm Bồ Tát, còn thành Phật thì rất ít. Bây giờ chúng ta không nói chuyện thành Phật. Đời trước nếu như không có nhiều phước báu, cũng không phạm tội lớn, sau khi chết, không xuống địa ngục, cũng không làm cô hồn quỷ đại đi phiêu lưu, mà trở thành chúng sanh A-tu-la với đẳng cấp thấp. Ở A-tu-la cũng chia ra hai cấp bậc. Hạng thứ nhất là Thiên Đàng, hạng thứ hai là địa ngục. Nhưng địa ngục đó cũng giống như Thiên Đàng, đều là ở A-tu-la. Người trong địa ngục của A-tu-la không thể ra ngoài, cũng như tội nhân bị nhốt trong tù, không có tự do. Nhưng những chúng sanh A-tu-la ở cõi Thiên Đàng rất tự do. Họ có thể đi đây đi đó. Họ cũng có thần thông, nhưng họ hơi háo chiến, thích chọc giỡn người, làm phiền người, bảo người ta làm này làm nọ. Thật ra chỉ muốn chọc cho vui thôi, có lúc không có ác ý gì.

Có một số người, linh hồn nhạy cảm hơn. Chúng ta gọi là linh hồn hay là chủ nhân cũng như nhau. Có lúc linh hồn sẽ rời khỏi thể xác, khi đó rất có thể các chúng sanh khác đến mượn tạm thể xác. Có lẽ muốn mượn thân thể này làm việc gì đó, rất có thể làm việc xấu, hay để hưởng thụ những đam mê của thế gian. Khi thể xác bị nhiều chúng sanh mượn để ở, chúng ta gọi người đó bị “*ma nhập*”. Chúng ta nghe người đó phát ra nhiều thứ tiếng khác nhau, vì lúc đó có nhiều chúng sanh A-tu-la đến mượn thân xác

của người đó. Nói bậy hay làm bậy điều gì mà người đó không thể tự chủ được.

Nhưng có loại A-tu-la hiền hơn, họ chỉ đến chơi với mình rồi đi. Trường hợp đó không đến nỗi gì. Có loại A-tu-la rất tham, họ thích dùng thân xác của người ta như một vật sở hữu; khi chiếm được rồi, họ không muốn bỏ đi. Cũng như khi chúng thấy có căn nhà trống thì tự động vào ở. Sau này đuổi họ không chịu đi mà còn muốn chiếm lấy căn nhà đó.

Nếu không tu “*chính đạo*”, linh hồn lại mãi cảm, không có Sư Phụ chỉ dẫn, lại không có lực lượng bảo hộ, sẽ gặp loại A-tu-la với cấp bậc thấp. Khi họ nhập vào, mình cũng không biết. Có lúc nghe như có người nói trong tai, nhưng không thấy người. Đôi khi cũng thấy được người, nhưng phải xem mức độ mãi cảm của chúng ta như thế nào. Có người có thể thấy ma quỷ, thấy chúng sanh A-tu-la.

Khi chúng sanh A-tu-la đến họ không muốn mình thấy họ là A-tu-la. Họ cũng có thần thông, biến thành hình dạng rất trang nghiêm như Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, hay hình dáng tôi. Nếu là người tu hành có Sư Phụ chỉ dẫn, họ có thể phân biệt thật hay giả ngay.

Ví dụ A-tu-la biến thành hình dáng của tôi, dùng hóa thân đến nói chuyện với mình. Nếu là học trò của tôi, có thể phân biệt ngay được là A-tu-la giả dạng ra hay hóa thân thật của tôi đến. Nhưng nếu không theo tôi học hoặc không có Chân Sư chỉ dẫn, sẽ bị A-tu-la phỉnh gạt, bảo làm này làm nọ. Chúng giả thành Phật A Di Đà, Chúa Giê-su, Quán Thế Âm Bồ Tát... Người thấy tưởng là gặp Bồ Tát nên lạy. Họ bị A-tu-la sai đủ trò, thường làm toàn chuyện bậy bạ. Sau đó A-tu-la còn bảo người đó đi dạy người, bảo họ đi truyền pháp, làm các thứ ấn, nhảy đi nhảy lại rất kích động. Hay là bên trong có tiếng nói, bảo làm việc này việc nọ, nhưng toàn là chuyện không có ích. Phật hóa thân giả phần đông nói không đúng. Đôi khi cũng có thể đoán trước được vài chuyện

nhỏ nhất, nhưng đa số toàn là giả, không đúng. Ví dụ Phật giả nói ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì đó, kết quả không có việc gì xảy ra, nhưng có lúc cũng trúng.

Khi thứ ma đó đến, người tu hành chân chính sẽ biết, người tu hành không chân chính sẽ không biết. Khi chúng sanh A-tu-la chiếm được thân thể của chúng ta, hay tạm nhập vào thân của chúng ta, nó có thể sai khiến chúng ta làm rất nhiều việc, chẳng hạn như bảo mình đi đánh nhau với người khác. Tám tháng trước tôi qua Đức, ở tại một ngôi chùa, có một người phụ nữ Âu Lạc tối ngày cứ bị chúng sanh vô hình làm phiền. Nó mách cho bà ta biết con bà hư hỏng làm sao, con dâu bà hư như thế nào và đối xử với bà không tốt ra sao. Toàn là chuyện không có thật, nhưng chúng cố ý làm cho người ta bất hòa. Sau đó chúng còn xúi bà cầm cây đi đánh người ta, dùng bạo lực, lấy dao rượt chém mọi người. Tuy chưa có án mạng, nhưng nếu việc này xảy ra thường xuyên cũng đủ để bị mất việc làm.

Ở nhà bà ta cũng không an phận. Bà ta không thích con mình cũng không thích con dâu; cả ngày chỉ cãi nhau, nghi ngờ tất cả mọi người. A-tu-la xúi bà nghĩ rằng ai cũng không tốt với bà, ai cũng cho rằng bà rất xấu, năm phút nữa họ sẽ đến đánh bà, hay hai tiếng nữa họ sẽ làm những việc không tốt. Người bị ma nhập dễ tin lời của A-tu-la nên thường hay cãi nhau với người khác. Thứ ma đó thích làm cho người ta bất hòa và vì chúng là A-tu-la nên bản tánh của chúng rất hiếu chiến. Lúc còn làm người chúng thích đánh nhau, chết rồi làm A-tu-la vẫn chưa bỏ được tính hiếu chiến. Chúng lợi dụng những người nhạy cảm, không có trí huệ, dễ tin lời người, làm cho người ta bất hòa với nhau, rồi chúng đứng ngoài cười chơi.

Đôi khi chúng hóa thành Phật Thích Ca, Quán Thế Âm Bồ Tát, Tề Công Hòa thượng, hay các vị thần. Các chúng sanh A-tu-la đó đều tự xưng mình là Phật là thần nào đó, đến dạy người, bảo người ta dâng lễ, hay nói kinh gì đó... Có lúc nói những đạo

lý rất hay, vì chúng đã từng học qua. Con người chúng ta cũng có thể học, tại sao ma không thể học? Chúng sanh A-tu-la có nghe kinh, rồi sau đó nói lại cho người ta nghe, bảo người ta thỉnh lễ, bái lạy, cúng dường... Có lúc còn khuyên người ta nên lấy nhiều vợ, vì chúng rất thích phụ nữ, rất háo sắc. Chúng không có thân thể, không có thể hưởng thụ lạc thú trên thế gian, nên mới xúi người ta kết hôn cho nhiều, hay bảo người ta ăn mặn, ăn món gì nó thích ăn. Muốn hưởng thụ, chúng phải mượn thân xác hoặc lợi dụng thân thể của một người nào đó.

Chúng ta thích hút thuốc hay uống rượu đều vì bị ảnh hưởng của A-tu-la, chứ không phải chính chúng ta muốn. Người có tu hành, mắt trí huệ mở rồi, sẽ thấy được người hút thuốc là hút thuốc độc. Những người cờ bạc, rượu chè, đều bị chúng sanh A-tu-la vô hình bao vây. Chúng rất thích mùi thuốc. Chỉ cần hít vào là chúng cảm thấy rất khoan khoái. Vì chúng không có thân thể nên không thể hút thuốc, cờ bạc hay uống rượu, nên mới lợi dụng người hơi yếu đuối nhạy cảm, sai khiến họ làm những việc đó cho chúng.

Cho nên chúng ta thấy người uống rượu, càng uống càng nghiện, vì không phải chỉ có một chúng sanh A-tu-la mà thôi, còn thêm ba, bốn người bạn của chúng đến nữa, mỗi đứa chia nhau hưởng một chút. A-tu-la đến càng nhiều, người uống rượu càng nhiều. Họ rất khó cai rượu; dù có muốn cũng khó sửa đổi được. Người hút thuốc hay cờ bạc cũng khó bỏ. Tiếng Trung Hoa có chữ dùng để gọi hạng người đó là ma cờ bạc, ma rượu, thật chính xác, không phải là bông đùa hay thành kiến.

Nhưng người nào tu Pháp Môn Quán Âm có thể sửa đổi rất mau, nếu không tu hành thì khó sửa. Có mấy người đồng tu mỗi ngày thường hút ba đến bốn bao thuốc lá. Sau khi thọ pháp liền bỏ hút, đến bây giờ một điếu cũng không hút. Họ còn gây ảnh hưởng cho bạn bè cũng bỏ hút thuốc luôn.

Uống rượu cũng vậy, có người sống đến năm mươi tuổi, uống rượu cả đời, nhưng sau khi thọ pháp liền thay đổi. Tu pháp môn của tôi có thể sửa đổi liền, hiện giờ thuốc cũng không hút, rượu cũng không uống, thịt cũng không ăn. Họ thay đổi thật nhanh chóng, thật tự nhiên. Sau khi tôi truyền pháp, họ không hút một tí thuốc nào, một giọt rượu cũng không uống. Bạn của họ bây giờ không nhận ra họ nữa, mọi người rất ngạc nhiên, làm sao thay đổi nhiều như vậy? Đây là một tấm gương rất chân chính trong thời đại này, không phải chuyện hoang đường.

Uống rượu là vì bị ảnh hưởng của A-tu-la, quý vị có tin không? Có ai thấy như vậy không? Có thứ A-tu-la hơi hung hăng, có thứ hơi lý, có thứ ưa hút thuốc uống rượu hơn, cho nên chúng ta bị A-tu-la ảnh hưởng, còn vấn đề bị thứ A-tu-la nào ảnh hưởng, chỉ có chúng ta biết mà thôi.

Có người tu hành không tốt, tu pháp không tốt, hay mục đích tu hành không chân chính, tuy rằng có tu hành nhưng bản thân không sạch. Ví dụ tu hành vì muốn đạt danh lợi và thần thông, hay tu hành mà không bỏ được dục vọng, vẫn thích ăn thịt chúng sanh, uống rượu, tà dâm... Nếu quá đáng, phạm quá nhiều, sẽ bị A-tu-la lợi dụng thân thể để làm việc xấu, đó là gặp thứ A-tu-la hạng nặng. Thứ A-tu-la kém lợi hại hơn chỉ làm cho chúng ta bất hòa với người khác, còn A-tu-la hiền hơn nữa sẽ khiến cho chúng ta hút thuốc uống rượu.

A-tu-la không phải chỉ lợi dụng người tu hành mà thôi, chúng có thể lợi dụng bất cứ người nào. Thứ A-tu-la hạng nặng ưa thích lợi dụng người tu hành không sạch, hay có mục đích không đơn thuần. A-tu-la hạng nhẹ hơn thì lợi dụng người nhạy cảm, hay trí lực yếu kém, bảo họ hút thuốc nhiều, uống rượu nhiều, hủy hoại thân thể lẫn tinh thần. Những người đó thật là tội nghiệp, họ vốn không muốn nhưng vẫn làm, vì bản thân quá yếu đuối nên mới bị lợi dụng. Trường hợp đó xảy ra rất nhiều.

Nếu không cẩn thận, sẽ tự chuốc nhiều phiền phức cho mình. Những thứ A-tu-la đó sẽ làm cho mình tin chúng là Phật Bồ Tát. Chúng ta vốn có óc thông minh để phán đoán, chúng ta sẽ hoài nghi, Phật Bồ Tát làm sao lại muốn hưởng thụ những chuyện này?

Phật Bồ Tát là cao thượng nhất, cao quý nhất, có đại trí huệ, đại từ bi, làm sao có thể tìm thêm vài bà vợ, hay ăn thịt uống rượu được? Nhưng lúc đó A-tu-la sẽ dùng lý luận của nó để giải thích cho chúng ta nghe. Khi thân thể đã bị nó xâm chiếm, sẽ dễ tin nó. Nếu bị nó kiềm chế rồi thì không bỏ nó được nữa. Nó bảo làm gì thì mình làm, mất quyền tự chủ của mình. Càng ngày càng trở nên yếu đuối, không còn năng lực, việc gì cũng phải nương vào nó, gần như không còn là con người nữa, chẳng khác gì đã biến thành A-tu-la.

Nếu như thân xác của ta không có chủ, không có linh hồn hay Bản Lai Diện Mục, không có trí huệ, thì thân xác đó cũng vô ích. Khi bị A-tu-la sử dụng xác thân là biến thành A-tu-la rồi.

Thế giới này chứa đầy A-tu-la và các chúng sanh khác. Nếu mắt trí huệ của chúng ta đã mở, chúng ta có thể thấy. Không phải chỉ có quý vị ngồi đây nghe kinh mà thôi; lúc tôi giảng kinh, còn có Phật Bồ Tát và “*Bản Lai Diện Mục*” của tôi đến giảng kinh, không phải thân xác của tôi giảng kinh. Ngoài ra còn có các chúng sanh khác như thiên nhân, A-tu-la đều đến nghe. Nhưng vì mắt trí huệ của quý vị chưa mở, nên không thấy, tưởng rằng ở đây chỉ có quý vị mà thôi.

Thế giới này có rất nhiều A-tu-la, cũng có ma quỷ, không phải ai cũng là người. Nhưng vì mắt trí huệ của quý vị không mở nên không phân biệt được ai là người, ai là ma, ai là A-tu-la? Nếu thấy được sẽ sợ hãi, vì biết được người đó không phải là người.

Chúng sanh A-tu-la không những chỉ quấy rối chúng ta mà thôi, có lúc họ còn lợi dụng thân nhân đến phá chúng ta nữa. Ví dụ khi chúng ta tu hành, họ lại phá phách. Nếu không đạt được

mục đích, họ sẽ quấy nhiễu thân nhân chúng ta, để cho cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, v.v... đến làm phiền chúng ta, cản trở sự tu hành của chúng ta. Tất cả đều do ảnh hưởng của A-tu-la mà ra. Nói về đẳng cấp của A-tu-la, chúng vẫn còn nằm trong Tam Giới. Tôi không nói tầng trời Phi-tướng phi-phi-tướng, hay dùng những danh từ Phật giáo, như vậy quá phức tạp. Tôi nói đơn giản hơn, gọi thế giới Thứ Nhất, thế giới Thứ Hai, thế giới Thứ Ba, Thứ Tư, Thứ Năm, Thứ Sáu..., để dễ hiểu hơn.

Thế giới Thứ Nhất đây chúng sanh A-tu-la. Thế giới Thứ Hai hiền hòa hơn, người hơi có trí thức mới có thể đến đó.

Trong thế giới Thứ Hai còn chia ra rất nhiều đẳng cấp, trong kinh Phật có nói, tôi không muốn phí thời giờ của quý vị. Nếu quý vị muốn nghiên cứu thêm, về nhà đọc tự điển hay kinh điển Phật giáo sẽ hiểu rõ. Thế giới Thứ Hai chia ra rất nhiều đẳng cấp, có những chúng sanh không hiền lành. Khi chúng ta đến đẳng cấp cao một chút, thí dụ đạt được đẳng cấp thứ hai, cũng sẽ bị chúng làm phiền. Họ có lực lượng cao hơn A-tu-la nên họ làm phiền chúng ta dữ tợn hơn. Tu hành đến thế giới Thứ Hai đã khó lắm rồi, muốn thấy được Phật Bồ-Tát còn khó hơn nữa. Mỗi cánh cửa trên đường đi đều có nhiều chúng sanh làm phiền, cản trở, không cho chúng ta vượt qua.

Lẽ dĩ nhiên chúng sanh A-tu-la cũng có một chút ít thần thông. Họ cũng có thể cho chúng ta mượn năng lực Thiên Nhân Thông. Vì họ không có thân thể cho nên họ tự do hơn chúng ta, có thể bay đi bay lại, đi đến đâu cũng mau. Họ có thể thấy được chúng sanh vô hình. Chính họ đã là vô hình, nên thấy rõ hơn chúng ta, đôi khi cũng có thể thấy được tâm người, cũng có thể đoán trúng một, hai chuyện, nhưng đó cũng không là gì. Nếu như có một ngày A-tu-la đó rời khỏi thể xác, chúng ta sẽ trở lại như lúc trước, cái gì cũng không biết, cái gì cũng không hiểu, còn dốt hơn trước kia nữa, còn yếu đuối hơn, bởi vì lúc bấy giờ không quen thuộc, không biết cách sử dụng thân thể này. Mỗi lần A-tu-

la muốn sử dụng thân thể của chúng ta, chúng đẩy linh hồn của chúng ta qua một bên, làm cho chúng ta như chết vậy, linh hồn của mình đứng bên cạnh, khám phá ra cái gì cũng biết hết, nhưng không thể tự chủ được, bởi đang bị A-tu-la đè cứng ngắc.

Hồi này tôi nói, có nhiều người mắc cảm bị ma lợi dụng, đó là vì những người đó quá ngây thơ, dễ tin người, dĩ nhiên bị A-tu-la lợi dụng liền. Ngoài ra còn có một nguyên do khác là tu hành mà không có Chân Sư chỉ dạy, không có pháp môn tốt bảo hộ, hoặc mục đích của mình không chân chính; thích tu hành để đạt thần thông, sau này được danh lợi song thu, được nhiều người tôn bái, v.v... Nếu có những tư tưởng đó, muốn mau được thần thông, chúng sanh A-tu-la sẽ mừng lắm, họ sẽ lợi dụng sự tham lam của những người này, hiển hiện thần thông cho họ tin tưởng rằng quả thật có Phật Bồ Tát đến dạy. A-tu-la sẽ nói: *“Vi thấy quý vị rất thích tu hành, nên đến dạy quý vị.”* A-tu-la cũng biết giảng kinh, nói rất nhiều chuyện, còn đem người này tới những cảnh giới giả để chơi.

Cho nên chúng ta tu hành phải có mục đích tốt. Đó là điểm quan trọng nhất. Lý tưởng cao cả là bản thân mong cầu giải thoát, đồng thời còn phải độ chúng sinh liễu thoát sinh tử. Ngoài mục đích cao quý đơn thuần, còn phải có một pháp môn tốt, Minh Sư cao cường, tu hành mới an toàn. Không phải mỗi ngày đếm hơi thở một, hai, ba, bốn, rồi tưởng là tu hành. Đó chỉ là phương pháp sơ bộ mà thôi.

Như đã nói lúc này, nếu tu hành mà tham thần thông, sẽ bị A-tu-la giả dạng Phật Bồ Tát để phỉnh gạt, rồi dẫn đến những cảnh giới giả, ví dụ cảnh Tây phương, nhưng cõi Tây phương này đương nhiên là giả, không phải Tây phương thật, Tịnh Độ thật. A-tu-la cũng có năng lực tưởng tượng đó. Đối với hạng A-tu-la có phước báu cao một chút, họ có thể chuyển biến ra cảnh giới giả, họ sẽ biến hóa một phần rất nhỏ của cảnh thế giới Tây phương, đem người đó lên xem chơi. Người phạm chúng ta chưa

đi qua thế giới Tây phương Tịnh Độ thật, nên không cách nào biết được cảnh mình thấy là thật hay giả?

Tình trạng đó như người bị thôi miên, hay uống rượu vậy, người ta có nói gì cũng cho là đúng. Tự mình không có sự sáng suốt, đầu óc không rõ ràng, người ta nói gì nghe cũng mơ hồ. Thấy Phật giả tưởng là Phật thật, liền đánh lễ, cũng không dám lại gần nữa, sợ làm vậy là không tôn kính Phật. Như vậy làm sao biết phân biệt thật giả?

Vị Phật giả sẽ nói: “*Quý vị đã thành Phật rồi, thành A La Hán, hay thành Bồ Tát nào đó, bây giờ nhiệm vụ của quý vị là phải đi dạy người.*” Rồi bày một phương pháp, bảo mình phải làm gì. Hiện nay chúng ta thấy có nhiều người xưng là thầy ra dạy người, cũng làm cho người ta có cảm ứng, thân mình nhảy đi nhảy lại, hay là lắc qua lắc lại, hay là làm các thứ tay ấn, nghe có tiếng nói bên tai, hoặc tiên đoán ngày mai sẽ xảy ra việc gì, hôm sau sẽ gặp chuyện gì, v.v... Chúng sanh A-tu-la cũng có thể chữa bệnh, nhưng lực lượng có hạn, chỉ có thể trị những bệnh nhỏ, nhưng chúng ta càng lúc càng tin; sau khi tin rồi, chúng sanh A-tu-la bảo gì thì chúng ta sẽ làm nấy.

Đôi khi A-tu-la hóa ra một chiếc đĩa bay, chở một hai người trong đó, cũng dẫn chúng ta đi chơi; chúng ta lại tưởng là thiên nhân đến. Sự thật nơi chúng ta đi chơi chỉ là thế giới của A-tu-la mà thôi. Nhưng tôi nói để quý vị rõ, chỗ ở của A-tu-la rất đẹp đẽ, nếu chúng ta vào đó sẽ tưởng lầm là Thiên Quốc, là nơi cứu cánh Niết Bàn, bởi chúng ta không biết phân biệt thật giả. Thế giới của họ còn đẹp hơn thế giới của chúng ta gấp trăm lần, phụ nữ ở đó cũng rất đẹp đẽ. Cho nên nếu không có Chân Sư, không có người hướng dẫn tốt, dù mình tu hành đến đâu, hay có A-tu-la đem mình đi, chúng ta cũng sẽ lầm đường. Cảnh giới đẹp đẽ đó, chúng ta cho là quá tốt quá đẹp. Nếu bây giờ tin họ, sau khi chết đi, họ sẽ đem chúng ta lên cõi đó.

Lúc sanh tiền nếu như không có phước báu, sau khi chết sẽ xuống địa ngục. Người có chút phước báu, có thể đi “*địa ngục hạng nhất*”, cũng là Thiên Đàng của A-tu-la. Ngoài ra còn có “*địa ngục hạng nhì*”, đó là địa ngục thật. Nhưng hai nơi đó đều là địa ngục, đều là của A-tu-la. Dù là ở tại thế giới của A-tu-la, chúng ta cũng có thể sống rất trường thọ, có người sống đến ngàn năm, hay hai, ba ngàn năm, không thành vấn đề; có lúc sống đến mấy trăm vạn năm. Nếu như gặp tình trạng đó, chúng ta sẽ tưởng rằng đã đạt cứu cánh rồi; đó là nơi trường sanh bất lão, trường tồn, thế giới Tây phương Cực Lạc, mà không biết rằng còn có cảnh giới cao hơn. Có nhiều người tu hành một thời gian rồi, tự xưng là đã thành Phật. Họ sẽ nói các đức Phật đều đến nơi của họ để dạy họ. Muốn thấy được Phật không phải dễ như vậy, phải tu hành rất cực khổ, có một tấm lòng rất thành khẩn, rất đơn thuần, trong sạch như lưu ly vậy, không chút ô tạp. Cho dù là thành tâm thành ý chỉ cầu giải thoát, cầu trí huệ, độ chúng sanh, tu hành, nhưng vẫn phải tìm được một vị Chân Sư cao siêu, theo học vài năm, mới có thể thấy được một, hai vị Phật. Nhiều người tưởng rằng tu hành rất mau, muốn thấy Phật là thấy liền, bèn nghĩ rằng bởi vì mình đặc biệt. Không có chuyện đó.

Trên thế giới này, cho dù chúng ta muốn trở thành một vị bác sĩ, cũng phải học rất lâu mới thành công. Muốn trở thành một vị Minh Sư, cũng cần phải theo một vị thầy học hỏi vài năm, có kinh nghiệm phong phú, mới có thể trở thành người thầy. Bất cứ học điều gì, cũng phải cố gắng rất lâu. Học văn hóa của thế giới đã không dễ, huống chi học Phật? Làm sao có thể thành tựu mau như vậy? Những người đó đều cho rằng họ không có quan hệ chi với luật của vũ trụ. Sao lại không? Bất cứ chúng sanh nào, chỉ cần ở trong thế giới Ta Bà này, bất cứ là ai, đều phải tuân theo pháp luật của thế giới Ta Bà này, dù là Phật Thích Ca cũng không ngoại lệ.

Lúc Phật Thích Ca còn tại thế có nói, chúng ta, từ Phật cho đến chúng sanh đều thọ tứ trọng ân: ân của chúng sanh, ân của

cha mẹ, ân của sư trưởng và ân của bạn bè. Chỉ cần ở tại thế giới Ta Bà, dù là Phật, Bồ Tát hay chúng sanh, v.v... đều thọ lãnh tứ trọng ân đó. Người tu hành cũng vậy. Do đó, nên tôn trọng pháp luật của thế giới này, nếu không sẽ có rắc rối. Bất luận là Phật Thích Ca hay là Chúa Giê-su, đều dạy như nhau. Trước tiên, các Ngài dạy mọi người phải lấy đạo đức làm trọng. Người không có đạo đức, không có lòng từ bi, không thể tu hành; cho dù có tu hành, cũng sẽ trở thành “*Phật*” không có đạo đức. Trên thế giới này, người không có đạo đức đã làm cho người ta không ưa rồi, làm sao để họ đi Tây phương hoặc làm Bồ Tát cõi Tây phương mà không có đạo đức cho được? Kinh Lăng Nghiêm giảng rất rõ ràng, người ăn thịt uống rượu, tu hành sẽ biến thành ma, không thể thành Bồ Tát.

Tôi chỉ nêu ra một ví dụ nhỏ mà thôi. Có nhiều người tu hành sai lầm, nhưng lại tưởng rằng mình đã cao hơn pháp luật của vũ trụ, nên ăn thịt chúng sanh cũng không sao; có nhiều chồng, nhiều vợ cũng không sao; nói dóc, gạt người, nhận nhiều tiền của cũng không sao, bởi vì họ đã là Phật rồi, sự thành tựu của họ đã cao hơn cả pháp luật vũ trụ.

Dù đã giải thoát rồi cũng nên trì giới và phải giữ giới cho rõ ràng. Có tôn trọng pháp luật này mới có thể giải thoát, còn không, Phật Bồ Tát cũng rớt như thường. Nếu thôi tâm hoặc đạo hạnh không đủ, liền bị hạ ngay lập tức. Ví dụ tổng thống của một nước là đại diện cho ngôi vị tối cao trong nước, nhưng nếu như tổng thống phạm pháp, có phải cũng bị cảnh sát bắt không? Cũng phải bị pháp luật trừng trị như thường có phải không? Rồi bị nhốt vào tù? Không phải vì người đó là tổng thống, nên muốn làm gì thì làm. Trường hợp của Phật Bồ Tát cũng vậy.

Có lúc vì tình trạng của cá nhân không thể thích hợp, không thể ăn thuần chay, hay cho rằng mình là người phạm phu, chưa làm được, không thể tu hành cho đúng đắn. Như vậy tôi còn có thể tha thứ, vì không phải cố ý, nhưng vẫn phải gánh nghiệp

chương. Có ý hay không đều có nghiệp chương. Có nhân là có quả. Ví dụ ông chồng hay bà vợ không thích mình tu hành, không chịu nấu cơm, không có chỗ để ăn thuần chay, v.v... đó là tình trạng có thật, không phải gạt người, nên còn có thể tha thứ.

Nhưng có một hạng người ăn thịt, uống rượu, tà dâm, v.v... mà vẫn còn cho rằng mình là Phật. Như đã nói ở trên, người không thể ăn thuần chay, người không thể tu hành chân chính, họ biết hoàn cảnh của họ chưa cho phép, có thể là vì công việc, vì chồng, vì vợ phản đối, v.v... Nhưng có nhiều người lại cho rằng bất cứ họ ăn gì, làm gì cũng được, hành vi loạn bậy, tà dâm, sát sanh, ăn thịt, uống rượu, cướp của trộm tiền, gạt người, v.v... mà còn cho rằng họ là Phật, làm sao có thứ Phật đó được? Người phạm phu chúng ta cũng không thể chấp nhận hạng người đó, làm sao có thể đi đánh lễ thứ Phật đó được? Còn cho họ là thầy mình? Thật là vô lý.

Người tu hành thì nhiều, nhưng thành Phật lại rất ít bởi vì không hiểu rõ pháp luật của vũ trụ, dễ bị chúng sanh A-tu-la lừa gạt. Chúng sẽ nói: *“Ta là Phật nào đó đến để dạy quý vị trở thành Phật, bây giờ quý vị đã thành Phật rồi, không còn phải lo những chuyện nhỏ nhặt này, hoặc tu hành đừng nên chấp nhất, v.v...”* Chúng sẽ dùng những lời lẽ đó để cho mình tưởng rằng mình hay lắm, nghĩ rằng đẳng cấp mình đã cao rồi, mà không để ý đến pháp luật của vũ trụ. Nếu như thật sự nghĩ như vậy thì mệt rồi. Cho nên người tu hành, nếu không có trí huệ, rất dễ bị lường gạt, sau này không giải thoát được. Thứ ma chương đó cũng rất lợi hại, không phải chúng ta muốn xa lìa chúng mà được, không những chúng không để cho chúng ta đi, mà còn để một tảng đá lớn chặn trước mặt chúng ta.

Cho nên, người tu hành nhất định phải có Minh Sư chỉ dạy. Có vị thầy tại thế rất quan trọng, có hai lý do. Thứ nhất, vị đó sẽ chỉ dẫn cho chúng ta những căn bản về sự tu hành, đạo đức phải như thế nào, tâm phải đơn thuần, mục đích lý tưởng phải cao,

như vậy mới không bị tẩu hỏa nhập ma, mới không bị ma lường gạt. Thứ hai, ví dụ như trong lúc chúng ta tọa thiền thấy được vị thầy của chúng ta, chúng ta sẽ nhận ra, bởi vì chúng ta biết được dung mạo bề ngoài của vị thầy. Nhưng nếu như không có vị thầy của đời này, lúc tọa thiền mà gặp đại sư thời quá khứ xuất hiện đến dẫn đi, hay là giảng kinh cho chúng ta nghe, chúng ta cũng không có cách biết được đó có phải là vị đại sư thời quá khứ hay không? Bởi vì chúng ta chưa từng gặp Phật Thích Ca đã mất hơn 2500 năm, Chúa Giê-su cũng mất gần 2000 năm rồi. Thông thường chúng ta thấy hình dáng của các Ngài, đều là do người tưởng tượng mà họa ra hay tạo tượng, cho nên nếu lúc tọa thiền, các Ngài xuất hiện bên trong chúng ta, chúng ta cũng không biết được các Ngài là thật hay giả, chỉ thấy được vị thầy của đời nay, mới biết được thật hay giả.

Lúc chúng ta tọa thiền lên cảnh giới cao sẽ gặp được Minh Sư thật, họ sẽ giải quyết những phiền phức của chúng ta, giúp đỡ chúng ta vượt qua chướng ngại, dẫn chúng ta lên cảnh giới cao hơn. Lúc đó mới thật thấy được các vị Minh Sư thời quá khứ, còn không chỉ lo tự mình tu mò. Có thấy được những vị Minh Sư trong thời quá khứ đi nữa đều không đáng tin cậy được, bởi vì chúng ta không biết diện mạo của Chúa Giê-su hay Phật Thích Ca khi còn tại thế ra sao. Cảnh giới của A-tu-la đều có đầy hình dáng gạt người đó.

Cho nên chúng ta tu hành nhất định phải có Minh Sư chỉ dẫn, bởi vì khi chúng ta đi qua cảnh giới A-tu-la, vị Minh Sư sẽ nói cho chúng ta rõ cái này đừng nên xem, nhắm mắt lại đi qua cho mau, còn không thì vị Minh Sư sẽ che lại cảnh giới không tốt đó, như vậy chúng ta không còn thấy được, khi tọa thiền chỉ thấy một màn đen mà thôi, hay là thấy như là tấm màn cửa treo trước mặt, chỉ cảm thấy sáng mờ mờ mà thôi, như vậy vị Minh Sư mới có thể kéo chúng ta lên, đọi cho ra khỏi cảnh giới của A-tu-la, mới vén màn ra cho chúng ta xem. Bởi vì nếu như định lực tu hành

chưa đủ, thấy cảnh đẹp của A-tu-la hơn trần gian nhiều, sẽ bị A-tu-la kéo đi, khi bị kéo đi rồi, dù là Chân Sư có nói rõ sự thật chẳng nữa, mình cũng không tin lời. Chúng sanh A-tu-la sẽ nói: *“Thầy của quý vị không phải là A Di Đà, v.v..”* Nó sẽ dùng đủ thứ phương pháp đến dụ mình, lừa gạt mình, đợi đến khi mình phát giác bị lừa gạt là đã quá trễ rồi.

Cho nên tu pháp môn chân chính, có thể không thấy cảnh giới được ngay, bởi vì nếu còn ở cảnh giới thấp, Minh Sư sẽ không cho mình thấy; nhưng sẽ có một chút ấn chứng, ví dụ như thấy được ánh sáng, hay thấy được con đường, v.v... Chúng ta biết được chúng ta đi đến đâu, chỉ không thấy cảnh giới mà thôi. Thấy được cảnh giới không nhất định là có ích lợi, thấy được cảnh giới thấp chỉ dễ bị họ dụ gạt, làm chúng ta mê lạc vào đó rồi thì khó mà ra được. Bởi vì thích cảnh giới đó, A-tu-la sẽ dẫn chúng ta đi, dùng đủ mọi kế làm cho chúng ta tin, sau này trở thành bộ hạ của chúng.

Dù cho có thấy Phật đi nữa, chúng ta cũng đừng nên mừng, vì đó còn chưa phải là nơi cứu cánh, cần phải vượt qua cảnh giới âm sắc này mới có thể tìm được chủ quyền chính của chúng ta. Bởi vì nếu còn âm sắc, còn Phật, còn ta, thì vẫn còn *“ta”* thấy được *“Phật”*, vẫn chưa phải *“ta”* là Phật. Cho nên khi tọa thiền thấy Phật hay Minh Sư xuất hiện, đó đều chỉ là muốn dẫn mình lên cõi cao hơn một chút mà thôi, bởi vì tu hành một thời gian, đạt đến cảnh giới nào đó, chúng ta như đứng phải trần nhà. Lúc đó chúng ta có nỗ lực bằng mọi cách cũng không thể nào vượt qua. Không có gì có thể đem chúng ta lên, trừ khi có vị Minh Sư đến kéo chúng ta, dẫn chúng ta xuyên qua tầng chướng ngại, sau đó chúng ta mới có thể tiếp tục đi.

Cho nên phải có một vị thầy hướng dẫn mình, chứ không phải tọa thiền thấy Sư Phụ ở bên trong xuất hiện đem chúng ta đến cảnh giới cao hơn, cho rằng ngon lắm rồi. Như vậy vẫn còn là ta có Sư Phụ, ta tôn bái Sư Phụ, còn chưa phải là *“ta”* là Minh

Sư, cần phải trở thành Minh Sư mới đúng. Tự chúng ta là Minh Sư, đạt được đẳng cấp đó, mới là cảnh giới tối cao. Trước khi còn chưa nhận thức được chúng ta là Minh Sư, cần phải có những vị Minh Sư khác dẫn chúng ta đi. Cho nên trong Thiên tông có nói: “*Phật đến chặt Phật, ma đến chặt ma*”, nhưng đa số người chỉ nói qua miệng mà thôi, tự họ không có thể nghiệm, họ tưởng rằng không cần thành Phật, không muốn khăn cầu điều gì là hay nhất, không phải như vậy, tự mình cũng phải có thể nghiệm, mới có thể nói Phật đến chặt Phật, nếu như Phật cũng không thấy, vậy chặt cái gì? Chặt Phật là bởi vì muốn đi đến cảnh giới cao hơn một chút.

Ở Ấn Độ có một vị tu hành rất nổi tiếng, Ngài tu hành mấy chục năm mới trở thành vị đại sư. Khi chưa thành Phật, còn chưa thành tựu Kim Cang Tam Muội, tức là trước khi đạt được A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề tới cứu cánh, Ngài rất tôn bái một vị nữ thần, cũng như chúng ta tôn bái Quán Thế Âm Bồ Tát vậy. Ngài quá tôn bái vị nữ thần và Ngài rất thích gặp được vị nữ thần đó. Tôn bái một thời gian, tượng Phật như sống dậy. Mỗi ngày Ngài đều có thể nói chuyện với tượng Phật, Ngài đến chùa, tượng Phật cũng đến nói chuyện với Ngài, dạy Ngài đủ thứ. Bởi vì Ngài quá ưa thích, cho nên rất gần gũi. Nhưng sau này Ngài gặp Sư Phụ của Ngài, nghe Sư Phụ của Ngài giảng kinh, Ngài mới biết tình trạng đó vẫn chưa phải là cứu cánh.

Ví dụ chúng ta rất ưa thích Quán Thế Âm Bồ Tát hay là Chúa Giê-su, hay là Đức Mẹ Maria, cho nên rất có thể có một ngày mình sẽ câu thông với các vị thánh nhân đó, nói chuyện với họ, hay là gặp họ, v.v... Lúc đó nhất định chúng ta sẽ cảm thấy rất ngon lành. Nhưng dù chúng ta có gần gũi họ, tôn bái họ, đều vẫn còn là bên ngoài. Thấy được họ, không thể làm cho chúng ta tìm được mình là ai? Cũng không thể biết được chúng ta vốn có đầy đủ năng lực gì? Cái tình trạng chân thật của vũ trụ này như thế nào? Những thứ này chúng ta đều không hiểu biết.

Vị tu hành người Ấn Độ đó, sau khi gặp được Sư Phụ của Ngài rồi, liền hiểu biết những gì Ngài thấy vẫn chưa phải là cảnh giới cứu cánh. Sư Phụ của Ngài dạy Ngài cách tu hành. Ngài tu hành rất siêng năng, tiến bộ cũng rất mau nhưng đạt đến một trình độ nào đó, Ngài không thể vượt qua, bởi vì mỗi lần Ngài muốn vượt qua cảnh giới đó, vị nữ thần mà Ngài tôn bái trước kia lại đến trước mặt, không để cho Ngài vượt qua. Như vậy một khoảng thời gian rất dài, Ngài đều không thể vượt qua chướng ngại có âm sắc này.

Có một ngày Ngài than phiền với vị Sư Phụ, vị Sư Phụ nói rất gắt: “Sao không thể vượt qua được?” Rồi vị Sư Phụ mới tìm một cục đá bén nhọn, dùng sức đè hòn đá có đầu bén nhọn vào giữa trán của người đệ tử cho đến chảy máu. Nếu như người thường thấy được, nhất định sẽ cảm thấy vị Sư Phụ này rất tàn nhẫn, nhưng Sư Phụ của Ngài bảo Ngài nên hiểu biết, nên vượt qua. Lúc đó Ngài hết lòng tọa thiền, khi Ngài thấy vị nữ thần đó đến, Ngài dùng trí huệ của Ngài chặt đứt vị nữ thần ra thành hai đoạn, từ đó mới có thể vượt qua cảnh giới đó. Nói nghe thì dễ lắm, nhưng quý vị khi chưa gặp cảnh giới đó thì không thể nào tưởng tượng được. Trên thực tế không đơn giản như vậy.

Những vị thầy ở đẳng cấp cao không dạy chúng ta những trung tâm thấp, bởi vì trên thân của chúng ta có rất nhiều trung tâm có thể tu hành, chúng ta gọi là chakra. Nếu như chúng ta tu đơn điền cũng sẽ có rất nhiều lực lượng, tu tâm luân cũng có rất nhiều lực lượng, tu cái gì cũng có lực lượng, cho dù nhìn sống mũi cũng có lực lượng nhưng vẫn chưa phải là trung tâm cứu cánh. Nếu như chúng ta tu những bộ vị từ mắt trí huệ xuống, sau này muốn tu cảnh giới cao cũng không dễ, bởi vì “tâm” của chúng ta đã quen đặt tại trung tâm thấp, không dễ gì đi lên. Cho nên các vị đại sư không dạy người để tâm vào cảnh giới thấp. Từ mắt trí huệ trở xuống đều là hệ thống bài tiết, trông rất dơ. Cảnh giới mà dùng cơ quan bài tiết để tu, vẫn còn nằm trong “thành,

trụ, hoại, không”. Có “*thành, trụ, hoại, không*” là không thể vĩnh cửu được.

Chúng ta nghe nói rất nhiều pháp môn tu hành, nhưng không biết pháp môn nào mới là tốt nhất. Nhiều người tự xưng họ là pháp sư cao nhất, có người tu hít thở, tu đôn điền, cũng có được cái gì đó; nhưng đều không có cứu cánh, điểm đó chúng ta chỉ cần tham khảo kinh điển là biết ngay, hay là tự mình tu hành rồi, cũng sẽ biết được những phương pháp này đều không cứu cánh.

Người tu hành cao, họ không xem Tivi, không xem điện ảnh, không nghe âm nhạc, v.v... vì sao? Bởi vì chúng ta vốn đặt tâm ở bên ngoài, đặt tâm ở rất nhiều nơi, mới mở mắt là đã thấy thế giới bên ngoài, tai cũng nghe tiếng thị phi bên ngoài, cho nên không dễ “*Phản văn văn tự tánh*”, không dễ gì tập trung vào bên trong. Nếu như còn muốn nghe âm nhạc, thì còn làm cho tâm chúng ta phân tán bên ngoài. Cho nên bậc đại tu hành không nghe âm nhạc, cũng không nghĩ đến dục lạc của thế tục, bởi vì không dễ gì để tâm ở bên trong, thì sao lại còn muốn nghe nhạc để phân tán nó ra ngoài?

Tôi vừa nói, có nhiều cách tu hành đặt tâm ở các trung tâm “*từ mắt trí huệ*” trở xuống, vì những trung tâm đó đều là “*thành, trụ, hoại, không*” nên không phải là cảnh giới vĩnh cửu. Trên thân thể của chúng ta trí huệ nằm ở đâu, quý vị có biết hay không? Trước hết chúng ta không nói đến vấn đề trí huệ hay là thân thông, nơi quan trọng nhất của chúng ta có phải là đầu óc hay không? Bất cứ chúng ta nghĩ gì, đều phải dùng đầu óc, phải tập trung đầu óc, thì mới có thể giải quyết được vấn đề hay là chướng ngại của chúng ta. Nếu như đem ý thức của đầu óc quan trọng này đặt tại các trung tâm ở giữa, có phải là không hợp lý phải không?

Ví dụ như chúng ta gặp vấn đề gì không thể giải quyết, chúng ta sẽ nhăn mày phải không? Rồi tập trung ý thức ở tại đây? (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ giữa trán.*) Có lúc dùng đầu óc quá nhiều, chúng ta cũng nên nằm xuống một hồi, để cho máu nó

chạy lên bộ óc, mới có thể tiếp tục suy nghĩ. Bởi vì đầu óc của chúng ta rất quan trọng. Trong đầu óc có trí huệ, trong bộ óc có thứ cấu tạo nào đó, có thể để cho chúng ta suy nghĩ. Năng lực đó là trời cho, nhưng chúng ta lại đem ý thức để ở mũi, cuống họng, tim, đờn điền, có người còn để nó tại bộ phận sinh dục, như vậy có phải là chúng ta đang làm chuyện điên đảo không?

Trong kinh Phật có nói người chết, nếu như hơi nóng cuối cùng nằm ở bụng là làm ngựa quý, tim nóng là làm người, đầu gối nóng là làm súc sanh, nóng ở trán là lên trời, đỉnh đầu là làm Phật. Nếu như vậy sao chúng ta không bắt đầu tu hành từ trên trán, đừng nên để cho tâm chạy xuống dưới. Vốn nơi này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ mắt trí huệ*) có thể suy nghĩ, vì sao khi tu hành lại phải chạy xuống? Cái bụng này dùng để tiêu hóa thức ăn, tim dùng để bơm máu cho toàn thân. Có người còn tu bộ phận sinh dục. Tu cái đó để làm gì? Nó không biết nghĩ cái gì, chỉ biết sanh đẻ và bài tiết phân tiêu mà thôi. Nhưng ở Ấn Độ, Formosa, Mỹ, v.v... đều có người tu bộ phận sinh dục, bởi vì không hiểu biết “Đạo” là gì, không biết tu như thế nào cho nên mới nghĩ rằng chỗ đó khoái lạc hơn nên tu ở đó.

Có người nghe nói Phật tại tâm cho nên họ mới tu bộ vị của tim. Cái này vốn chỉ là công cụ đưa máu chạy mà thôi, không có một chút tư tưởng hay năng lực. Nếu như tu vị trí đờn điền vừa dùng để cho nó tiêu hóa công đức (*mọi người cười*), sau này chúng ta theo bụng chạy xuống... Quán mũi cũng vậy, quý vị đều rõ mũi dùng để làm gì. Lưỡi dùng để ăn cái, ăn thuần chay. Có người lại bỏ thịt dơ vào lưỡi, có người dùng nó để uống rượu, nói chuyện bậy bạ, tạo rất nhiều thị phi. Lưỡi tự nó cũng không biết nghĩ, không có đầu óc, lưỡi không biết động, không có đầu óc bụng không thể tiêu hóa, không có đầu óc tâm sẽ không động. Cho nên người chết rồi thân thể hoàn toàn còn đó, mắt, tai, tim, bụng các thứ khí quản đều còn đó, nhưng tất cả đều đình công, không làm việc nữa. Vì sao vậy? Bởi vì chủ nhân đã đi mất rồi.

Cho nên muốn tu hành cần phải bắt đầu từ đầu não. Đầu não vốn là nơi cao thượng. Nếu như cố kéo nó xuống đặt ở những cơ quan thấp kết quả sẽ bài tiết theo cái, rượu, thịt ra ngoài, trở thành không có đầu óc, như vậy làm sao có trí huệ.

Có người tu pháp môn hít thở, nhưng nếu như không có đầu óc thì không thể hít thở. Sau khi chúng ta chết rồi, hơi thở không còn. Trước khi chúng ta ra đời cũng không có hơi thở. Hơi thở vốn là chuyện vô thường. Nếu như đầu óc chúng ta không còn, chúng ta cũng không có thể kiểm chế hơi thở của chúng ta. Tất cả đều phải nhờ đầu óc. Vậy sao không chịu nhờ đầu óc để tu liền? Vì sao để cho đầu óc mệt như vậy? Bảo nó lo cho cái bụng, mũi, tim, bộ phận sinh dục, v.v... bảo nó kiểm chế hơi thở như thế nào. Tại sao không trực tiếp dùng nó ngay tức khắc? Vì sao muốn nó làm việc nỗ lực như vậy? Có nỗ lực cách mấy cũng không có ích, bởi vì chúng ta chỉ bảo nó làm việc chứ không có sử dụng nó, cho nên mới có rắc rối. Nếu như chúng ta muốn tu hành thật đúng thì phải nhờ cái đầu óc này. Người thường chỉ sử dụng một phần rất nhỏ của đầu óc. Chúng ta thường nói người đại tu hành có trí huệ rất lớn, bởi vì họ dùng đầu óc nhiều hơn. Có người có thể hoàn toàn phát huy công năng của toàn bộ đầu óc, cho nên họ có thể biết hết tất cả mọi việc, biết hết toàn cõi vũ trụ. Những người đó ta gọi là Phật.

Kỳ thật thành Phật không có gì thần bí, chỉ vì họ dùng đầu óc nhiều hơn, còn chúng ta dùng quá ít, cho nên chúng ta dốt, Phật thông minh. Cái đầu óc này có người gọi nó là trí huệ, có người gọi nó là linh hồn, đều nằm ở giữa trán. Cho nên muốn tu hành thì từ trán trở xuống đều nên quên đi. Hít thở cũng vô thường nên quên đi. Nên dùng trí huệ tu mới đúng.

Nhưng mà phải tu cách nào? Hôm nay, tôi chỉ giảng kinh không phải truyền pháp, cho nên quý vị không hiểu. Giảng kinh chỉ để cho quý vị tham khảo mà thôi, khi truyền pháp liền liễu ngộ ngay. Truyền pháp không cần phải nói nhiều như bây giờ.

Truyền pháp hoàn toàn không nói chuyện. Tuy rằng không nói chuyện nhưng lúc đó hữu ích nhất, có lực lượng nhất, nhận được nhiều nhất. Bây giờ, tôi nói nhiều như vậy nhưng quý vị còn chưa có được cái gì, chỉ bắt quá hiểu biết một chút mà thôi. Khi tôi không nói chuyện quý vị mới thật đắc pháp. Bây giờ thuyết pháp chỉ là giới thiệu, đàm luận, biện luận, kết bạn mà thôi.

Trên thân thể chúng ta chỉ có một nơi hữu dụng nhất, nơi đó tức là mắt trí huệ của chúng ta. Chúng ta thường nghe nói giữa trán là con mắt thứ ba, mắt trí huệ, mắt Phật, mắt Pháp, mắt Bồ Tát, v.v... Gọi nó là mắt chứ trên thực tế không có mắt, nhưng cái gì nó cũng thấy được cho nên chúng ta gọi là mắt. Con mắt đó cái gì cũng thấy được, cái gì cũng hiểu, cái gì cũng nghe được và hiểu rõ, không có nơi nào mà nó không biết cho nên gọi là mắt trí huệ. Muốn sử dụng mắt trí huệ này phải có chìa khóa để mở ra, mở rồi mới có thể dùng. Nếu chưa được khai mở, thì cho dù có cũng không dùng được.

Nhưng mà không phải dùng ý của chúng ta tưởng tượng cảnh giới cao một chút, rồi trí huệ sẽ tự động biết. Không phải dùng đầu óc để nghĩ. Không cần phiền mình đi tưởng Phật, tưởng Pháp, tưởng Tăng; trí huệ tự nhiên nó sẽ thể nghiệm được hàm ý chính của Phật, Pháp, Tăng, như vậy mới là mở trí huệ. Nhưng vì bây giờ chưa biết được cho nên cần phải nghĩ, nghĩ rằng chúng ta nên thành Phật, muốn thấy Phật phải đến cảnh giới Phật, cảnh của Phật sẽ ra sao, Phật là như thế nào? Nếu như chúng ta còn kỳ vọng thấy được những thứ này thì vẫn còn ở đẳng cấp A B C. Khi mà trí huệ thật sự mở rồi thì tự chúng ta sẽ thấy được, không cần nghĩ cũng thấy được, không cần kỳ vọng cũng biết được, không cần tham khảo cũng hiểu được, như vậy là mở trí huệ. Thứ trí huệ đó mỗi người chúng ta đều có, nhưng chưa mở được thì không thể dùng, nên cho dù có cũng không biết được ở nơi đâu.

Nhưng vị chân tu họ đều biết được. Họ sẽ cho mình biết trí huệ nằm tại đâu, làm cách nào để sử dụng trí huệ này. Mỗi ngày

chúng ta dùng, dùng cho đến toàn mỹ rồi cả đầu óc hay toàn trí huệ đều là của ta, lúc đó chúng ta gọi là thành Phật. Bây giờ tôi cho quý vị biết ở đây có trí huệ, nhưng mà quý vị còn chưa biết cách dùng, cái đó chỉ có lúc truyền pháp mới biết được, ở đây có nói nhiều thêm nữa cũng không có ích, bởi vì khi truyền pháp không có nói chuyện.

Nhưng tôi có thể cho quý vị hay bất cứ bộ vị trung tâm nào từ trán trở xuống đều không có trí huệ. Trí huệ ở giữa trán, ở con mắt thứ ba (hay gọi là mắt trí huệ, hoặc Pháp nhãn). Ở đó có trí huệ nhưng quý vị không biết cách mở cho nên không hiểu biết. Cần tìm được một Minh Sư thì họ mới có thể mở giùm chúng ta, chúng ta có thể sử dụng được ngay. Vị Minh Sư đó cũng như một chuyên gia, chuyên môn mở mắt trí huệ của người khác, khi mở được trí huệ chúng ta gọi là khai ngộ.

Tuần trước có một vị giáo sư dẫn 40, 50 học sinh đến đạo tràng. Tuy rằng chúng là trẻ nhỏ nhưng cũng khai ngộ được. Tôi cho họ một chút thể nghiệm của sự khai ngộ, rốt cuộc toàn thể đều có thể nghiệm, không người nào là không có. Tôi rất vui. Trẻ nhỏ cũng có thể tu, nếu như biết được cách mở cửa trí huệ, trẻ nhỏ cũng có được thể nghiệm của chúng. Chúng sanh đều có trí huệ đó, nhưng bởi vì chưa khai mở được nên chưa thể dùng, thật là đáng tiếc.

VẤN ĐÁP

Vấn: Con có hai người học trò, một đứa thì khi mẹ nó nhắm mắt là nhìn thấy Phật Bồ Tát, còn cha của đứa kia thì đang thờ hơn 50 thần tượng, mỗi ngày cứ vào khoảng 7 hay 8 giờ tối là bắt đầu nghe thấy âm thanh. Chúng ta làm thế nào mới có thể giúp đỡ họ?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Họ tu thứ gì? Theo ai học? Họ làm nghề gì? (Trình độ hiểu biết của họ quá thấp, tự mình mở

đền thờ, con nghĩ cái mà họ nhìn thấy, đại khái chỉ là những chúng sanh A-tu-la mà Sư Phụ giảng.) Như vậy quý vị bảo họ đến để gặp tôi. Nhưng cần phải tự họ tình nguyện muốn được cứu mới được, nếu như bản thân họ không tự nguyện thì thôi. Chúng ta không thể ép buộc họ. Có những người rất thích chuyện này, dù cho quý vị có nói sự thật cho họ nghe, họ cũng không tin quý vị. Họ nghĩ rằng: *“Quý vị là phàm phu, nên không thể hiểu được chuyện Phật Bồ Tát của họ, cho nên mới nói như vậy.”* Ngược lại, nếu như họ biết được bản thân của họ bị ma nhập thì họ cũng có một chút trí huệ; nếu như họ đến khẩn cầu tôi thì trong trường hợp này tôi mới có thể giúp đỡ cho họ được. Đẳng cấp của chúng sanh không giống nhau, cứ để họ tự lo chuyện của họ.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ cái keypoint (điểm chính) của sanh mạng là cái nút như thế nào?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Khi truyền pháp sẽ trao cái keypoint cho quý vị, bây giờ có nói cũng vô dụng. Lúc truyền pháp tôi không nói chuyện nhưng quý vị sẽ được cái keypoint. *(Chừng nào Sư Phụ mới truyền cho con?) (Mọi người cười.)* Bây giờ chưa có rảnh, nhưng mà muốn tôi truyền cũng không khó. *(Không phải, con muốn nói lúc nào Sư Phụ có thể mở cái cửa này cho con?)* Chuyện này phải xem tình trạng, nếu như người nhiều, tôi sẽ tìm một ngày rảnh truyền pháp cho quý vị. Nhưng mà trước tiên quý vị nên tự chuẩn bị, tự tịnh hóa. Nếu như muốn làm chúng sanh bình thường cũng không sao, nếu như muốn làm Bồ Tát, muốn thành Phật thì phải phát tâm từ bi, phải đoạn trừ cái thói xấu ăn thịt chúng sanh. Như vậy mới có thể thành Bồ Tát.

Tu pháp môn thường, muốn ăn cái gì cũng không thành vấn đề. Tu hít thở, tu đờn điền không nhất định phải ăn thuần chay. Nhưng muốn thành Bồ Tát thì phải ăn chay ngay bây giờ, tuyệt đối không có thể ăn thịt chúng sanh nữa. Đó là quan điểm đạo đức tối căn bản, tối quan trọng. Làm sao có thể muốn làm Bồ Tát,

còn chưa bắt đầu độ chúng sanh, đã độ chúng vào bụng rồi (*mọi người cười*), sau này không còn chúng sanh để độ. Chúng ta vẫn muốn thành Phật, Bồ Tát, sau này đi độ chúng sanh, kết quả hoàn toàn đều ở trong bụng, như vậy kỳ lắm.

Vấn: *Người tu hành có thể làm mai mối hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đừng có làm! Chẳng lẽ không còn chuyện khác để làm hay sao? (*Mọi người cười.*) Có phải là nghề nghiệp không? (*Thưa không phải.*) Nếu như không phải thì đừng nên làm. Bao mấy người có ý thì tự tìm đối tượng. Quý vị xem nhiều người không có người làm mai mà cũng kết hôn. (*Mọi người cười.*) (*Bởi vì người lân cận nói con trai của họ rất hiền nhưng không biết tìm bạn gái, bây giờ tuổi đã hơn 31 vẫn còn chưa có kết hôn.*) Tìm không có đối tượng càng tốt, bảo họ xuất gia. (*Mọi người cười.*) Dân số Formosa nhiều như vậy mà còn dám kết hôn? Trẻ nhỏ đã gần hết cơm ăn. Người xuất gia một ngày ăn một bữa, nước nhà mới để dành được tiền. (*Mọi người cười.*) Ít trẻ con một chút quốc gia mới không phá sản. Bảo họ xuất gia cho rồi, đừng nên làm mai mối. Tìm không được vợ là nhân quả của mình. Không có vợ càng tốt, có vợ để làm gì? Có vợ rồi, mình muốn ăn thuần chay vợ không nấu cho mình ăn, không cho mình tu hành, cản trở sự phát triển trí huệ của mình. Rất khó tìm được vợ cùng tu với chồng. Phần nhiều đều như vậy, vợ muốn tu hành chồng cản, hay là chồng muốn tu hành vợ cản. Cho nên đừng nên làm mai cho người ta, để cho họ tự nhiên. Không có chồng hay vợ cũng không thành vấn đề. Kết hôn không phải chuyện lớn, nên để tự nhiên là tốt. Chúng ta đừng nên dùng lực lượng của mình can thiệp vào nhân quả của người ta. Đó là tự tạo nghiệp chướng cho mình.

Vấn: *Sư Phụ, như Sư Phụ đã nói, điều kiện căn bản tu hành là bản thân phải có đạo đức, tâm địa phải trong sạch, rồi còn*

phải có lý tưởng cao quý. Vậy xin Sư Phụ chỉ dạy, lý tưởng cao quý là gì?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Lý tưởng cao quý quý vị tự biết, đừng nên hỏi tôi. *(Con không hiểu lắm, xin Sư Phụ dùng ví dụ để nói rõ.)* Được, vậy mục đích tu hành của mình là gì? Quý vị muốn thành Phật hay là muốn thành gì? *(Trên căn bản là muốn thành Phật, nhưng mà thành Phật là như thế nào con không hiểu được, Phật là gì?)* Được rồi bây giờ tôi nói cho rõ. Chúng ta tu hành là vì thế giới này quá đau khổ, vì muốn có lực lượng, có thể giúp đồng bào của chúng ta. Ví dụ có một người muốn đi thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị thành Phật rồi có thể dẫn họ đi, nếu ai muốn đi, quý vị liền dẫn họ đi. Quý vị thành Phật hay là thành người có đại trí huệ rồi, ai cầu quý vị giúp đỡ khai mở trí huệ, quý vị liền có thể giúp họ mở ra. Như vậy mới là lý tưởng cao quý. Đừng có lo thành Phật hay là thành cái gì, cái danh từ không có quan trọng. Nói thí dụ muốn thành một người bác sĩ bởi vì thấy có nhiều người bị bệnh chịu khổ, phát tâm muốn chữa bệnh, cho nên chúng ta xưng họ là bác sĩ hay là các tên khác. Xưng tên gì cũng được, điều quan trọng là có lý tưởng cứu người bệnh.

Bây giờ quý vị tự hỏi vì sao phải tu hành? Có phải bởi vì mình khổ, muốn liễu thoát Tam Giới? Hay là bởi vì thấy chúng sanh đau khổ, muốn cứu giúp chúng sanh, dẫn họ đi lên, siêu thoát Tam Giới, không còn luân hồi? Nếu như quý vị có lý tưởng đó, tức là lý tưởng cao quý. Tự cứu mình thoát khỏi Tam Giới bởi vì chán ngán thế giới không công bình này, chúng ta thích cảnh giới cao hơn, không có sanh, lão, bệnh, tử; nơi đó vĩnh viễn khoái lạc, sau này còn có thể đem người thân, đồng bào đi. Như vậy là lý tưởng cao quý, không cần mình trở thành cái gì, chỉ cần mình có lý tưởng như vậy là đủ rồi.

Vấn: *Tam Giới có phải là tối cao hay không? Hay là ngoài Tam Giới còn có cảnh giới cao hơn?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Ngoài Tam Giới đương nhiên còn có cảnh giới cao, nếu không chúng ta thoát qua Tam Giới rồi làm gì? Trong Tam Giới đều là “*thành, trụ, hoại, không*”, sớm muộn có ngày cũng bị hư hỏng. Cho nên chúng ta phải sớm thoát ra Tam Giới, ra ngoài Tam Giới mới có nơi vĩnh viễn tồn tại, nơi vĩnh viễn khoái lạc.

Vấn: *Con thường nghe bạn nói, tất cả những hiện tượng trên thế gian đều khởi từ tâm cảnh của cá nhân, có phải như vậy không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Cho nên chúng ta nên tịnh hóa “*thân, khẩu, ý*”, bởi vì “*thân, khẩu, ý*” sẽ đem đến nghiệp chướng. Chúng ta sẽ tạo nghiệp bởi vì tâm đã nghĩ, miệng đã nói và hành động của chúng ta đều sẽ tạo nghiệp. Sau khi tu hành, thành A La Hán hay thành Bồ Tát thì không có nghiệp chướng. Bởi vì nghiệp chướng đã sạch, họ đã tiêu nghiệp chướng, không còn bị cái gì ảnh hưởng. Trừ phi phát nguyện muốn trở về độ chúng sanh. Đó là tự mình tự nguyện rớt xuống thế giới này, nó không có liên hệ gì đến nghiệp chướng.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ tâm lực bao lớn? Có phải bao gồm cả Tam Giới ở trong đó hay là chỉ trên thế gian mới có?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Trong Tam Giới còn có ảnh hưởng của tâm, nhưng đến thế giới Thứ Ba thì không còn nghiệp chướng nữa, nhưng mà vẫn còn trong “*thành, trụ, hoại, không*”. Có một ngày Tam Giới sẽ bị hủy diệt, không phải chỉ có thế giới của chúng ta mà thôi mà cả ba thế giới đều sẽ bị hủy diệt. Cho nên còn trong Tam Giới vẫn chưa phải vĩnh viễn giải thoát. (*Như vậy làm sao mới cho là giải thoát?*) Giải thoát là ra khỏi Tam Giới, ví dụ đến tầng thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy... siêu khỏi Tam Giới. Đến thế giới Thứ Tư vẫn chưa phải vĩnh viễn giải thoát. Cái Vô sắc giới này vốn không có ở trong Tam Giới, nhưng cũng

không phải là ngoài Tam Giới. Nó thuộc về biên giới. Ví dụ thế giới Thứ Ba ở đây, bên cạnh nó còn có một thế giới gọi là thế giới Thứ Tư, nó thuộc về Vô sắc giới. Nhưng Vô sắc giới cũng có nhiều đẳng cấp, như vừa nói, ở biên giới của thế giới Thứ Ba và thế giới Thứ Tư, nó thuộc về đẳng cấp thấp nhất trong vô sắc giới. Cái đó vốn ngoài Tam Giới, nhưng bởi vì không có ích lợi gì cho nên cũng tính nó trong Tam Giới. Trong tương lai đến đó cũng không có ích gì vì vẫn chưa được giải thoát, cũng không có thể làm việc gì, vì muốn đi xuống cũng được nhưng không thể đi lên. Tình trạng đó hơi đặc biệt cho nên tính nó trong Tam Giới, nhưng nó cũng không ở trong Tam Giới. Phật Thích Ca dùng phương thức giản dị hơn để chia ra. Ngài nói trong Tam Giới hay ngoài Tam Giới, nhưng cái đó không phải là trọng điểm. Tôi không muốn tranh luận, tôi chỉ muốn nói cho quý vị, nếu như quý vị tu hành sẽ biết được là thế giới Thứ Tư không có ích dụng gì lắm. Cho nên có người cho nó trong Tam Giới, có người nói nó ngoài Tam Giới, cái đó không có gì khác biệt. Lúc truyền pháp tôi sẽ nói rõ hơn, thiên cơ không thể tiết lộ nơi công chúng.

Vấn: Ngày thường tu hành, lúc tọa thiền, niệm Phật, thấy được hình ảnh hay là âm thanh thì làm sao?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Quý vị niệm Phật gì? (*Quán Thế Âm Bồ Tát.*) Vậy thì cứ tiếp tục niệm. (*Không có cách nào ngủ, phải làm sao mới tốt?*) Thì đừng nên ngủ. Quý vị niệm như vậy không phải là tu hành, đó chỉ là niệm Phật. Phật Thích Ca không có dạy người như vậy. Chúng ta hiểu lầm pháp môn của Ngài, chúng ta tưởng rằng tu Pháp Môn Quán Âm là niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Không phải như vậy. Tu Quán Âm là đẳng cấp rất cao, là pháp môn rất cao. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng không phải là dùng miệng niệm. Bây giờ, tôi cũng không thể dạy quý vị, chỉ có thể bảo người tiếp tục niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu như có thành tâm muốn giải thoát, muốn

thọ Tâm Ấn, có thể đến cầu “Đạo”, nhưng pháp môn của chúng ta không thể dạy ở nơi công cộng. Pháp môn của chúng ta không có nói chuyện. Tuy rằng không có nói chuyện nhưng mình sẽ được “Pháp”. Nhưng mà nếu thích niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì cứ tiếp tục niệm, thấy được cảnh giới gì thì thấy. Tôi cũng không có cách nào hơn, bởi vì quý vị không thể phân biệt cảnh giới thật hay giả. Tôi cũng không thể nói tại đây được, bởi vì có người không đi cùng đường với chúng ta. Nếu như cần thì phải quay đầu đi cùng đường, như vậy tôi mới có thể giúp đỡ. Còn không thì ngừng lại đừng tu.





Sau khi tu hành chúng ta có thể khắc phục được thái độ bi quan của mình, gặp chuyện sẽ không bị kích động, thái độ cử chỉ sẽ trở nên bình tĩnh ôn hòa, cho nên có thể nói, tu hành cũng rất hữu ích.



10

Thế Nào Là Khai Ngộ?

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Tân Điểm, Đài Bắc, Formosa**

Ngày 5 tháng 3 năm 1987

Chúng ta nghe nhiều người nói rằng họ nhìn thấy Phật, nhìn thấy Bồ Tát, có chuyện đơn giản như vậy sao? Tôi không tin như vậy. Lúc Hòa thượng Quảng Khâm còn tại thế, có một vị pháp sư đến nói với Ngài rằng ông ấy nhìn thấy Quán Thế Âm Bồ Tát tướng mạo rất trang nghiêm. Hòa thượng Quảng Khâm cười và hỏi lại rằng: *“Thật không? Có chuyện đơn giản như vậy sao?”* Hòa thượng Quảng Khâm tu hành rất cao, Ngài biết rằng muốn thấy Phật, thấy Bồ Tát không dễ như vậy. *“Hoa khai kiến Phật.”* Hoa nở tượng trưng cho trí huệ khai mở. Hôm nay, tôi sẽ giảng làm thế nào để khai mở trí huệ.

Chúng ta thường nghe nói *“Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.”* Vậy Hoa khai là khai như thế nào? Hoa là gì? Quý vị có hoa không? Có biết hoa ở đâu không? Hoa là gì? *(Có người đáp: “Hoa là tâm của chúng ta.”)* Tâm làm sao nở hoa? Thật ra cũng đúng, tôi chỉ nói cho vui thôi. Tâm của chúng ta ở đâu? *(Có người*

đáp: “Bao trùm cả vũ trụ.”) Tâm của quý vị lớn như vậy sao? Tôi không tin có bông hoa lớn nào như vậy, có thể bao trùm cả vũ trụ. *(Có người đáp: “Tâm của Phật Tổ và tâm của chúng ta giống nhau.”)* Làm sao có thể giống nhau được? *(Tiếng trả lời: “Phật tâm bình đẳng.”)* Phật tâm bình đẳng nhưng tâm của quý vị không bình đẳng. Nếu là bình đẳng, quý vị sẽ phải nhìn phái nữ cũng giống như phái nam vậy. Bây giờ quý vị còn cảm thấy giống nhau nữa không? *(Tiếng trả lời: “Bản chất của tâm, diện mục xưa nay vẫn giống nhau.”)* Đúng, nhưng quý vị chưa tìm ra phải không? *(Mọi người: “Vâng.”)* Vậy được rồi, chúng ta cùng đi tìm đóa hoa này.

Trên thân thể của chúng ta có rất nhiều hoa, nhưng chúng ta sẽ không nói đến những đóa hoa bên dưới vì hôm qua đã nói rồi. Mỗi một trung tâm trên thân của chúng ta cũng giống như hoa sen vậy, cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm Phật Thích Ca có nói Ngài ngồi trên hoa sen ngàn cánh. Đóa sen ngàn cánh này có thể tìm thấy được ở thế giới Thứ Nhất. Nếu chúng ta tu hành đến tột đỉnh của thế giới Thứ Nhất, cũng là đỉnh nhà của thế giới Thứ Nhất, sẽ nhìn thấy được đóa sen ngàn cánh này. Ở đây chúng ta không nói đến thể nghiệm bên trong, để quý vị tự tu hành và tự hiểu biết lấy. Chủ yếu, tôi chỉ nói để quý vị hiểu rằng bên trong của chúng ta có rất nhiều hoa sen. Nơi đây *(Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ vào mắt trí huệ)* cũng có hoa sen, nhưng phải dùng mắt trí huệ mới có thể thấy được, không thể nhìn bằng mắt thịt mà thấy. Những trung tâm bên dưới cũng có hoa sen, nhưng hôm nay tôi không giảng, sau này rảnh rồi sẽ nói lại.

Đóa hoa sen này *(mắt trí huệ)* bên trong có ngọc Ma Ni. Nếu mở được cánh hoa này thì sẽ có được ngọc Ma Ni, Phật nhãn, hay mắt trí huệ *(đều đồng một nghĩa)*. Điều này cũng như hoa nở vậy, hoa nở tức là mắt trí huệ mở, hoặc ý nói là khai ngộ. Những vị thầy ngày xưa dùng rất nhiều ngôn từ xác thực để diễn tả sự vật. Bây giờ nếu tôi nói, hoa nở ở nơi đây *(mắt trí huệ)* thì quý vị sẽ

không biết và cũng không thấy hoa ở đâu. Nhưng nếu tôi nói với học trò, họ sẽ biết. Bởi vì trong số học trò có những người tự họ đã nhìn thấy hoa, thấy được cánh hoa nơi này nở ra sao.

Lúc này, giả sử như quý vị tin những lời tôi vừa mới nói là ở nơi đây có một đóa hoa sen, lúc hoa nở thì chúng ta sẽ thấy được Phật. Thấy Phật không phải là thấy hình dáng của Phật A Di Đà; dĩ nhiên là cũng có thể nhìn thấy được hình tướng của Ngài, hoặc thấy được hình tướng của Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng những điều này đều là giả tạo. Hoa khai kiến Phật là thấy được Phật gì? Là thấy được “*Phật Tánh*” của chúng ta, thấy được Bản Lai Diện Mục của chúng ta, nên mới gọi là Hoa khai kiến Phật. “*Phật Tánh*” này là gì vậy? Quý vị có ai biết không? Quý vị đều biết, đạo Phật có một câu thần chú: “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” ý muốn nói là gì? Là chỉ đến ngọc Ma Ni ở trong hoa sen. Ý nghĩa của câu chú là như vậy. Ma Ni là ngọc Ma Ni, Bát Mê là hoa sen. Cho nên Tây Tạng có vị Đại sư Liên-Hoa-Sanh, Ngài tên là Padma Sambagwa. Padma có nghĩa là hoa sen. Om Ma Ni Bát Mê Hồng, có ý nghĩa là ngọc Ma Ni ở trong hoa sen.

Cho nên không phải chúng ta niệm “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*” thì sẽ có được linh cảm. Chúng ta cần phải hiểu rõ hàm ý thâm sâu của lời chú. Các vị thiền sư hoặc đại sư thời trước nói đến bài chú này mục đích là để thức tỉnh học trò của họ, để họ đừng quên bảo ngọc nằm trong hoa sen. Ngày ngày cần phải chuyên tâm tu hành theo pháp môn này, tu hành nơi bảo ngọc, tu hành trong hoa sen đó. Chẳng hạn như có những lời giảng chỉ có học trò của tôi nghe mới hiểu, nếu giảng ở nơi đây quý vị nghe sẽ không hiểu. Có những lúc tôi không cần phải nói, chỉ dùng tay ra dấu thì học trò họ sẽ hiểu ngay, bởi vì giữa thầy trò có rất nhiều mật ước với nhau.

Sau khi truyền pháp, tôi không đặc biệt dạy họ thêm điều gì mới. Nếu họ gặp phải vấn đề gì tôi chỉ cần dùng tay ra dấu, họ sẽ hiểu và vấn đề liền được giải quyết, không cần phải nói gì. Hoặc

có những học trò gặp những vấn đề gì khác, tôi bảo họ “*niệm Phật*.” Quý vị là những người chưa được truyền Tâm Ấn, nhất định sẽ nghĩ rằng tôi kêu họ niệm Nam Mô A Di Đà Phật, nên quý vị cũng sẽ niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Sự thật điều này ngoài dụng ý của tôi. Bởi khi tôi nói niệm Phật là nói cho học trò của tôi nghe, và họ sẽ hiểu niệm Phật gì? Niệm làm sao? Không phải dùng miệng để niệm, cách niệm này không phải là niệm Phật chân chính. Những người không thọ pháp đương nhiên không thể hiểu được.

Cùng một đạo lý đó, nếu chúng ta âm thầm đọc kinh, mật niệm “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”, cho rằng câu thần chú này thật là thần bí và cần phải niệm. Nhưng sao niệm đã lâu mà không có cảm ứng gì. Rất có thể, nếu chuyên tâm niệm thì, một ngày nào đó, có thể có một chút cảm ứng. Nguyên do có cảm ứng, thật ra, là vì chuyên tâm chứ không phải vì câu chú đó có linh cảm. Ngày xưa các vị đại sư truyền câu chú này là để thức tỉnh học trò của họ tu hành. Vì sao gọi là bí chú? Bởi vì chỉ có học trò của họ mới hiểu, người ngoài không thể hiểu được, nên mới thành bí chú.

Chẳng hạn tôi nói “*niệm Phật*”, đối với đệ tử của tôi, đó là bí chú. Ví dụ học trò của tôi có vấn đề gì, nhưng vì bận việc không thể đích thân đến gặp tôi mà nhờ người đồng tu đến hỏi tôi, tôi nói: “*Về nói với người đó hãy niệm Phật. Đó là bí quyết tốt nhất.*” Người này về sẽ thức tỉnh người bạn mình niệm Phật; cũng có thể tôi sẽ nói đặt tâm ở chính giữa, họ sẽ hiểu ngay.

Nhưng nếu nói cho người ngoài nghe, họ sẽ không hiểu đặt tâm ở chính giữa nghĩa là gì? Chính giữa là ở đâu? Tâm ở đâu? Tại sao lại đặt tâm ở chính giữa? Hiểu không nổi. Cho nên đối với chúng ta, câu nói ấy là bí chú vì nó rất có lợi ích. Mỗi một ngày nếu ghi nhớ bí chú này thì sự tu hành sẽ tiến bộ rất mau lẹ. Điều này không có nghĩa là kêu họ niệm “*Tâm đặt ở chính giữa, tâm đặt ở chính giữa, tâm đặt ở chính giữa v.v...*” là bí chú, mà vì người ấy ghi nhớ và hiểu rõ lời chú, đó mới thật là niệm chú.

Cũng cùng một ý nghĩa như vậy, những vị thiền sư thời xưa rất có thể dạy học trò của họ “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”. Thật ra đây chỉ là một chỉ thị ngắn gọn của vị thầy đối với đệ tử, chỉ có thầy trò với nhau mới hiểu rõ mật ngữ này. Bởi vì học trò của họ có vấn đề, tu không tiến bộ, quên mất phải tu bằng cách nào, lúc tu hành tâm rối loạn, cho nên mới chỉ bảo học trò “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”, tức ngọc quý trong hoa sen, để tâm trong hoa sen, mới có thể tìm thấy được bảo ngọc. Ý muốn thức tỉnh học trò tu tập theo pháp môn của họ, học pháp môn bảo ngọc trong hoa sen.

Nhưng cho đến bây giờ chúng ta vẫn chưa hiểu ý nghĩa sâu xa của lời chú, cả ngày cứ niệm “*Om Ma Ni Bát Mê Hồng*”, không có một chút lợi ích nào. Thật vô dụng, tôi bảo đảm là vô ích. Muốn viết bao nhiêu tờ giấy cũng được. Vì không hiểu rõ ý nghĩa thậm thâm vi diệu pháp này, không hiểu hàm ý thâm sâu của các vị đại sư ngày xưa, cho nên tu không đạt. Còn nữa, chẳng hạn lúc chúng tôi tổ chức thiền thất, có rất nhiều người ngồi thiền chung với nhau. Khi tôi thấy người này có vấn đề này, người kia có vấn đề nọ, lúc đi ngang qua tôi nói với người này: “*Niệm Phật, hiểu không?*” họ sẽ liền niệm Phật. Vì tôi thấy tâm của người đó bị phân tán, nên kêu họ niệm Phật. Khi đi ngang người kia, tôi bảo: “*Đặt tâm ở chính giữa.*” Rồi đi đến những nơi khác, tôi không nói gì chỉ làm như vậy (*Thanh Hải Vô Thượng Sư xòe năm ngón tay*), vậy không thể nói rằng tôi dạy nhiều pháp môn khác nhau. Dạy người này niệm Phật, dạy người kia đặt tâm ở chính giữa; dạy người này làm thế này, dạy người kia làm thế nọ, không nên làm như vậy. Tất cả đều cùng một pháp môn hết.

Nhưng vì lúc ấy học trò có những vấn đề khác nhau, cho nên khi tôi dạy như vậy. Đối với họ có ích lợi ngay, cũng thức tỉnh họ tu hành, thức tỉnh họ phải chuyên tâm. Có lúc họ cũng cần những lời chỉ bảo không giống nhau chứ không phải tôi dạy những pháp môn khác nhau. Nếu lúc ấy, có những người ngoài chưa bao giờ

tu hành với tôi, cũng ngồi thiền nơi ấy và dùng pháp môn của chính họ như quán lỗ mũi, quán đờn điền, quán hơi thở, họ sẽ không hiểu tôi đang làm cái gì; tại sao lại đánh đầu người này, kêu người kia đặt tâm ở đây, hay kêu người này làm như thế này, bảo người kia đặt tâm ở giữa. Họ sẽ nghĩ tại sao tôi dạy lộn xộn vậy? Không, bởi chính mình không hiểu, thì dĩ nhiên sẽ không rõ tôi đang làm gì.

Cũng giống vậy, nếu muốn khai ngộ, cần phải có pháp môn. Không thể tu một mình, tu một cách mơ hồ, muốn tu cái gì thì tu cái ấy, cho rằng sẽ được khai ngộ. Nếu không biết ngộ là gì, cho dù có tu cũng không biết gì cả. Không biết như vậy có phải là khai ngộ không? Bây giờ tôi sẽ giảng khai ngộ là gì.

Ý nghĩa của khai ngộ là gì? Ngộ là minh bạch, “*minh*” do hai chữ “*nhật*” và “*nguyệt*” hợp thành, tiếng Trung Hoa rất rõ ràng. Tôi nghĩ ngày xưa người Trung Hoa tu hành rất cao, cho nên họ viết chữ gì cũng rất rõ ràng. Ví dụ nơi chữ “*minh*” có trời có trăng, điều này muốn chứng tỏ việc gì? Ý nói có ánh sáng. Trong lúc khai ngộ cũng minh bạch. Ngộ tức là minh bạch. Cho nên những người khai ngộ sẽ thấy được mặt trăng, mặt trời. Về điểm này thì những người tu thiền đều biết. Có khi vị pháp sư đi qua đi lại trong Thiên Đàng, trên tay cầm cây hương bần hỏi quý vị, mặt trời ở đâu? Ông ấy không chỉ cho quý vị mặt trời ở đâu mà kêu quý vị tự tìm lấy một mình, điều ấy thật phiền hết sức.

Nếu quý vị cho rằng bây giờ là mùa đông nên không có mặt trời, ông ấy sẽ đánh quý vị. Nếu quý vị đập mặt trời ở phương Tây, ông ấy sẽ nói không đúng. Nếu quý vị nghĩ rằng bây giờ là buổi sáng, mặt trời vừa mới mọc, nên ở hướng Đông, ông ấy cũng đánh quý vị. Trả lời làm sao cũng không đúng cả. Mặt trời ở đâu có ai biết không? Ở đây có ai tu thiền? Tìm mặt trời, chỉ là thiền nhỏ. Lúc thật sự khai ngộ, sẽ thấy mặt trời, mặt trăng. Tôi chỉ có thể thổ lộ một chút ít mà thôi, không thể nói cho quý vị nhiều hơn nữa.

Quý vị không nên cho rằng thấy được mặt trời bên ngoài là được khai ngộ. Chưa có đâu, mở cái ngộ ấy không phải là ngộ. Đó chỉ là thế gian ngộ. Khai ngộ có nghĩa là minh bạch. Trong minh bạch có ánh sáng mặt trời và có ánh sáng mặt trăng. Tôi nghĩ rằng người Trung Hoa thời xưa tu hành rất cao, ít nhất cũng đã thấy được mặt trời và mặt trăng, cho nên họ nghĩ rằng họ đã khai ngộ. Họ dùng sự khai “ngộ” để biểu thị cho một người đã nhìn thấy được mặt trời và mặt trăng. Nhưng nhìn thấy mặt trời và mặt trăng vẫn còn ở trong Tam Giới, vẫn ở trong đẳng cấp của Tam Giới. Những hình ảnh ngoài Tam Giới, tôi không tiện nói cho quý vị, ngoại trừ sau khi truyền pháp. Cho nên khi chúng ta nói “khai ngộ”, là muốn nói rằng người đó đã trông thấy ánh sáng, có quan hệ với ánh sáng, đã cùng với ánh sáng kết thông. Như vậy người xưa khai ngộ, có thấy được ánh sáng, đúng không? Đúng. Tôi vừa mới nói khai ngộ là minh bạch, bởi vì người xưa nói khi khai ngộ là thấy được ánh sáng, thấy được Phật quang, thấy ánh sáng của chính mình, đó là “*Phật Tánh*” của chúng ta. “*Phật Tánh*” và phàm tánh không giống nhau. “*Phật Tánh*” không có hình tướng, không có phẩm chất, để cho người ta nắm được, sờ được, hay giữ lấy được. Ánh sáng này rất đơn thuần, rất minh bạch. Nhưng trong ánh sáng này vật gì cũng có, trí huệ nào cũng có, bất cứ vật gì trong vũ trụ đều hiểu được, tất cả đều từ ánh sáng này mà ra cả.

Những ánh sáng tương đối thô thiển một chút thì biến thành âm thanh. Không giống như âm thanh của tiếng nói mà giống như âm thanh của âm nhạc vậy, rất nhu hòa, rất êm dịu. Chúng ta nghe thấy âm thanh này, lòng cảm thấy rất yên tĩnh và sáng khoái, trí huệ sẽ mở và tánh tình sẽ thay đổi. Thế giới này đối với chúng ta càng ngày càng ít khổ đau, chúng ta sẽ càng cảm thấy vui vẻ, càng hiểu được vạn vật trong vũ trụ, hiểu được kinh điển, càng hiểu được bản thân mình và các chúng sanh khác.

Cho nên khi chúng ta tiếp xúc với ánh sáng, nhìn thấy được ánh sáng, là nhìn thấy được Phật, nhìn thấy được “*Phật Tánh*”. Phật là vô hình tướng, nếu Phật dùng nhục thể xuất hiện nơi thế giới Ta Bà, cũng vì muốn cứu độ chúng sanh, chứ không phải hình dáng của Phật là như vậy. Nếu chúng ta đi đến một cảnh giới, nhìn thấy sự sinh hoạt hoặc hình dáng gì đó, ngay cả đó chính là đất của Phật, cũng không phải là thật. Đây chỉ là thị hiện của cấp thứ nhì. Thị hiện của cấp thứ nhất mới thật là tối cao. Chân Lý cao cả nhất là vô hình và vô tướng. Tâm chỉ niệm là biến thành hữu hình hữu tướng, có âm có sắc.

Chúng ta đang ở cảnh giới của phàm phu, trước khi đến cảnh giới tối cao, không thể nào tránh khỏi cảnh giới âm sắc, cho nên cần phải có đẳng cấp âm, sắc. Nhưng tuyệt đối không phải là âm sắc vật chất, mà muốn ám chỉ đến âm sắc nội tại. Âm sắc của những cảnh giới cao, rất vi tế, mắt của kẻ phàm phu nhìn không thấy, tai của kẻ phàm phu nghe không đến. Đó mới thật là âm sắc, không phải thứ âm sắc biểu lộ bên ngoài, ngay cả loại âm sắc rất vi tế, cũng chưa phải là cứu cánh. Tuy nhiên nếu không dựa vào từng bậc từng bậc của cầu thang, từ từ bước lên, chúng ta không thể nào từ chốn phàm phu nhảy lên nơi A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề, cho nên loại ánh sáng ấy và loại âm thanh nội tại, nhu hòa ấy là những bậc thang dẫn dắt chúng ta đi lên. Trong Kinh Lăng Nghiêm có đề cập đến “*âm lưu*”, Phật Thích Ca nói: “*Phật Bồ Tát nương vào âm lưu này xuống cứu độ chúng sanh, chúng sanh dựa vào âm lưu này lên thành Phật.*” Quý vị có đọc qua chưa? Một câu nói rất ngắn, rất có thể quý vị đã đọc nhưng không để ý đến. “*Âm lưu là con đường của âm thanh.*” Đức Phật giảng rất rõ ràng, phàm phu vì không có thể nghiệm nên đọc không hiểu. Ví dụ một người chưa bao giờ nhìn thấy máy bay, nếu chúng ta nói đến tên máy bay, họ không thể nào tưởng tượng ra được.

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng đề cập đến những thể nghiệm tu hành của hai mươi lăm vị Bồ Tát. Tất cả đều cho biết khi khai

ngộ, họ đều nhìn thấy ánh sáng. Tuy ánh sáng không giống nhau, nhưng đều có ánh sáng. Đó mới gọi là khai ngộ. Có người cũng nghe được âm thanh như tiếng sấm, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng hải triều, tiếng Phạn, v.v... những âm thanh này đều là những thể nghiệm của họ. Ngoại trừ ánh sáng và âm thanh, tất cả trạng thái khác đều không phải là khai ngộ. Nếu có một người ở một nơi nào đó nhảy qua nhảy lại, làm đủ mọi thứ ẩn, v.v..., đó không phải là khai ngộ, hoàn toàn không phải.

Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo cũng đề cập đến ánh sáng. Trong ấy ghi rằng khi họ nhìn thấy Thượng Đế, Ngài như là ánh sáng vậy, giống một khối lửa khổng lồ. Âm thanh của Ngài như tiếng sấm, như là âm thanh của biển cả vậy. Điều này không khác gì với kinh điển của Phật giáo. Những thể nghiệm trong lúc khai ngộ đều giống nhau, không có gì khác biệt cả. Trong kinh điển của Ấn Độ giáo, cũng có nói đến thể nghiệm, lúc khai ngộ cũng nhìn thấy ánh sáng ấy, cũng nghe được loại âm thanh ấy. Không phải thân thể bị kích động nhảy qua nhảy lại, hoặc tự động làm ra đủ loại thủ ấn. Điều này tuyệt đối không phải khai ngộ.

Tôi xem qua các kinh điển đều thấy nói như vậy, cho nên tôi chân thành giảng cho quý vị nghe, không phải dựa theo thể nghiệm cá nhân mà nói. Nhưng những thể nghiệm của tôi cũng giống như những điều giảng trong kinh điển vậy. Cho nên tôi dùng thể nghiệm cá nhân kết hợp với những thể nghiệm ghi chép trong kinh điển, có thể kết luận rằng: *“Nhìn thấy ánh sáng là nhìn thấy Phật Tánh, một phần rất nhỏ của Phật Tánh.”* Trong ánh sáng ấy còn có rất nhiều cảnh giới, rất nhiều trí huệ, rất nhiều đồ vật, không phải chỉ có ánh sáng không thôi. Khi khai ngộ là bắt đầu liên lạc với ánh sáng ấy, cho nên phải nhìn thấy ánh sáng mới được gọi là khai ngộ.

Ngộ là minh bạch, minh bạch là phải có ánh sáng mới được minh bạch. Tối tối tăm tăm làm sao mà minh bạch được? Tối tối tăm tăm làm sao nhìn thấy được vạn vật trong vũ trụ? Thật ra

chúng ta đã tối tăm lắm rồi, thị giác giỏi lắm chỉ nhìn thấy được từ nơi này sang nơi kia, thính giác cũng chỉ nghe được từ nơi này sang nơi kia thôi, không có năng lực vô lượng vô biên để nhìn thấy vạn vật của vũ trụ, có thể nghe những âm thanh rất cao, rất đẹp trong siêu thế giới.

Trước khi khai ngộ, nếu chúng ta nghe được những âm thanh với tần số chấn động rất cao, thì nhĩ căn phàm phu của chúng ta sẽ bị hư hoại. Các nhà khoa học có nói, tai của chúng ta chịu không nổi những âm thanh có chấn động cao. Cũng như nếu cường độ của ánh sáng quá mạnh, thị giác phàm phu của chúng ta sẽ bị hỏng. Nhưng lúc khai ngộ, chúng ta sẽ chịu nổi ánh sáng chói lọi đó, những âm thanh với tần số cao chúng ta cũng có thể nghe được mà không bị hư nhĩ căn của chúng ta. Kinh Pháp Hoa giảng rất rõ ràng, đó mới chính thật là khai ngộ.

Nhưng ánh sáng cũng có rất nhiều loại và rất nhiều đẳng cấp. Không phải nói thấy ánh sáng là tốt, vì cảnh giới A-tu-la cũng có ánh sáng. Cho nên không thể cho rằng nhìn thấy ánh sáng là khai ngộ, vì đó có thể là ánh sáng của cảnh giới A-tu-la. Có những người trong lúc khai ngộ tuy không thấy cảnh giới A-tu-la nhưng nhìn thấy được ánh sáng của cõi này. Điều này có nghĩa rằng đẳng cấp của người đó là đẳng cấp A-tu-la. Nếu người đó tiếp tục tu tập thêm một thời gian nữa, họ sẽ vượt qua đẳng cấp A-tu-la, đẳng cấp này thuộc về thế giới Thứ Nhất. Sau khi vượt qua được thế giới Thứ Nhất, thì họ sẽ đến được thế giới Thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy, thứ Tám, v.v...

Phật quang thật ra không có hình bóng. Chẳng hạn khi chúng ta đứng dưới ánh sáng đèn thì sẽ thấy cái bóng của chúng ta. Chúng ta đứng dưới mặt trăng hay mặt trời cũng đều có bóng, nhưng khi chúng ta đứng dưới ánh sáng Phật, cảnh giới của Phật, thì không có bóng. Cho nên có câu “*Phật quang vô ám.*” Có nhiều người tu hành thích tranh luận về điều này, nghiên cứu câu nói cùn con này. Bởi tự mình không có thể nghiệm, cho nên

không hiểu Phật quang vô ám là nghĩa gì. Điều này lúc khai ngộ sẽ biết ngay, không cần phải nói nhiều, kinh điển có thể đốt đi, không có ích lợi gì.

Bản thân họ không khai ngộ, mỗi ngày còn đi tranh luận “*Phật quang vô ám*” nghĩa là gì? “*Sở vị bồi tử tức phi bồi tử*” là gì? Mở miệng ra là “*Sắc bất dị không, không bất dị sắc.*” Nhưng khi có người đến đánh một cái thì nộ khí xung thiên. Sắc bất dị không lại sao biết đau? Không hiểu biết kinh điển nên mới thích tranh luận, thích cùng người biện luận. Chúng ta nghe qua, biết ngay là người ấy chưa khai ngộ. Những người khai ngộ không thích biện luận, biện luận là một điều chán ghét nhất, mệt nhất.

Hôm nay, tôi giảng kinh cho quý vị nghe vì tôi là người xuất gia, vì đó là trách nhiệm của tôi, và cũng vì học trò lên núi khóc, cầu xin tôi đến đây giảng kinh, nên tôi mới đến. Thật ra tôi không muốn giảng, giảng để làm gì? Giảng gì đây để họ biết được đẳng cấp nội tại của tôi? Nếu có người chưa thấy một con voi lớn, thì sẽ không biết con voi như thế nào. Nếu như có người chưa từng thấy máy bay, thì tôi phải nói như thế nào để họ hiểu được máy bay?

Dùng thứ ngôn ngữ cực kỳ giới hạn của phàm phu thì có thể nói gì cho quý vị hiểu được? Ngay cả nói cũng không muốn nói, huống chi là lãng phí thời gian để cùng người khác biện luận. Cho nên những người thích biện luận, quý vị biết ngay là đẳng cấp của họ ở đâu, những người không có đẳng cấp cao rất thích biện luận. Cái gọi là “*Sắc bất dị không, không bất dị sắc*” có nghĩa lý gì? Cùng nhau biện luận một hồi đến đỏ mặt tía tai, cả hai đều cho rằng mình mới là người đúng nhất, rốt cuộc lại trở thành hai kẻ thù, điều này cũng chỉ vì chưa khai ngộ mà ra.

Lúc khai ngộ sẽ hiểu được ngay “*Phật quang vô ám*” nghĩa là gì? Không cần phải tranh luận, cũng không cần phải nói gì. Rất có ít điều cần phải nói, vì có nói người ta cũng không cho là phải, bởi vậy càng khai ngộ lại càng không muốn nói. Hôm nay, tôi rất

mệt, muốn được ở trên núi ngũ. Tôi than phiền với họ (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ học trò*) tại sao lại thỉnh tôi đi giảng kinh? Phải giảng gì đây? Nhưng “*Quân tử bất hý ngôn*”, bởi vì hôm ấy thấy họ thành ý thành tâm, cho nên khi họ vừa mở miệng là tôi lập tức bằng lòng giảng ngay một tuần lễ. Lời nói đã phát ra, hôm nay không thể nào thu lại.

Nhiều lúc tôi vì cao hứng nên mới thuận miệng nhận lời; nói xong thì cảm thấy hối hận. Hối hận đã đi Bành Hồ, đi đến nơi nào cũng mệt và cũng không muốn nói gì, biết nói gì đây? Nhưng đã nhận lời rồi, không đi không được. Sau mỗi lần chấp nhận là bắt đầu hối hận, nhưng lần nào cũng quên mất, cứ thuận miệng nhận lời. Nhận xong rồi mới quyết định sẽ không có lần sau nữa. Rồi đến khi họ đến năn nỉ: “*Sư Phụ ơi, Sư Phụ ơi*”, tôi lại quên nữa, lập tức đáp lời: “*Tôi giảng, tôi sẽ đi giảng*”, nhưng một lúc sau lại cảm thấy tốt nhất là lên núi ngũ.

Tôi vừa mới giảng ánh sáng có hai loại. Mỗi thế giới có một loại ánh sáng đặc biệt, màu sắc rất đặc biệt, phẩm chất cũng rất đặc biệt. Nếu không có Minh Sư truyền pháp, hướng dẫn, thì khi nhìn thấy ánh sáng, chúng ta sẽ không nhận biết được đẳng cấp của chúng ta đang ở đâu? Và cũng không biết đây là cảnh giới cao hay thấp? Ví dụ nói chúng ta thấy ánh sáng của thế giới Thứ Nhất hoặc ánh sáng của thế giới Thứ Hai, điều này cũng chẳng có gì đáng kể. Hoặc chúng ta vô tình nghe được âm thanh gì đó, chẳng hạn như tiếng sấm, tiếng trống, tiếng chuông, hải triều âm, sư tử rống, v.v..., trong kinh điển Phật giáo có nói đến những loại âm thanh này và điều này cũng chẳng có gì đáng nói.

Trong Thánh Kinh cũng có nói: “*Lúc họ nhìn thấy Thượng Đế, tiếng nói của Ngài như tiếng sấm, mắt của Ngài như ánh lửa không lò.*” Điều này ý muốn nói là ánh sáng rất chói chang, nhưng vì ngôn ngữ bất đồng, nên khi diễn đạt không giống nhau. Cho nên khi nhìn thấy ánh sáng hoặc nghe thấy âm thanh, mới thật là khai ngộ. Thiên Chúa giáo thì nói thấy được Thượng Đế.

Còn Phật giáo thì gọi là “*Hoa khai kiến Phật*”, “*Phật*” là ý chỉ “*Phật Tánh*”. Nếu quý vị chưa từng được Minh Sư truyền pháp, nghe tôi nói về tiếng sấm, tiếng trống, tiếng hải triều âm, sư tử rống, v.v..., có thể cho rằng đó là một điều kỳ diệu, là ta đã khai ngộ; nhưng đến ngày mai muốn khai ngộ thì không còn nữa. Cái ngộ này chỉ vô tình chớm nở mà thôi.

Người Âu Lạc chúng tôi có một câu thành ngữ “*Chó táp phải ruồi*”, nghĩa là hoàn toàn vô tình mà thôi. Nếu đột nhiên nghe được âm thanh hay nhìn thấy được một chút ánh sáng, lại cho rằng chúng ta đã khai ngộ rồi. Không có đâu! Cùng lắm cũng có thể nói là khai ngộ, nhưng chỉ một phút giây khai ngộ thì cũng chẳng ích lợi gì, không đủ dinh dưỡng. Nói rằng sữa đậu nành rất tốt, nhưng nếu chúng ta chỉ uống có một muỗng canh, cũng có thể biết sữa đậu nành là gì, cũng thưởng thức qua mùi vị của sữa đậu nành; so với những người chưa khai ngộ thì có biết hơn, ít nhất cũng biết được sữa đậu nành là gì. Nhưng như vậy có đủ dinh dưỡng không? Quý vị cho đứa bé uống một muỗng sữa. Một ngày cho, nhưng nghỉ hai ba ngày, như vậy đứa bé có sống được không? Đương nhiên là không.

Cũng giống như vậy, chúng ta khai ngộ thì ngày ngày cũng cần phải khai, đã mở ra rồi thì vĩnh viễn không bao giờ đóng nữa. Sau khi nghe được âm thanh, thì vĩnh viễn sẽ nghe hoài, như vậy mới gọi là khai ngộ. Nơi đây ngoại trừ các đồng tu của chúng tôi, quý vị có ai có được thể nghiệm những hoàn cảnh như vậy không? Không có? Như vậy là chưa có khai ngộ. Ngẫu nhiên nhìn thấy được ánh sáng, nhìn thấy được Bồ Tát, nghe thấy được âm thanh, điều này chẳng có gì đáng nói, chỉ là ảo tưởng mà thôi. Đây là mèo mù bắt được chuột, chứ không phải do cố công gắng sức mà được, bởi vì chú mèo không trông thấy chuột ở đâu, chỉ ngẫu nhiên bắt phải mà thôi.

Những người thật sự khai ngộ, cũng giống như một con mèo ngày nào cũng bắt được chuột cả, tùy tiện muốn bắt một con, hai

con, ba con đều được cả, đó mới là khai ngộ. Cho dù khai ngộ như vậy, cũng chẳng phải là điều trọng đại. Ví dụ mỗi ngày đều nghe được tiếng sám, tiếng hải triều âm, cũng chẳng có nghĩa lý gì, đây vẫn là âm thanh của đẳng cấp thấp, rất thấp, vẫn còn ở trong Tam Giới. Ngay cả thế giới Thứ Ba cũng chưa đến, đừng nói chi đến ngoài Tam Giới. Ngoài Tam Giới còn có những âm thanh khác, ánh sáng khác, cảnh giới khác. Nhưng nếu như không có phương pháp, không có thầy, chúng ta sẽ không biết được. Nghe kinh điển không chưa đủ, tại sao lại không đủ? Những điều ghi lại trong kinh điển, là thể nghiệm của những người vừa mới tu hành ngày xưa ghi lại.

Thí dụ như Phật Thích Ca truyền pháp cho năm người, sáu người, hoặc một trăm người. Lúc ấy các vị này viết xuống những thể nghiệm của chính họ, trong lúc truyền pháp họ thấy gì, nghe gì, và sau này trở thành kinh điển. Kinh điển là thể nghiệm của con người, thể nghiệm của người xưa, cho nên chúng ta niệm cũng chẳng có ích gì. Đã vậy những kinh điển chúng ta đọc được chỉ là những thể nghiệm của thế giới thấp mà thôi. Họ mới vừa học được từ Phật Thích Ca, những thể nghiệm ấy được viết lại trong lúc truyền pháp; khai ngộ trong lúc truyền pháp được gọi là “*đốn ngộ*”, tức khắc khai ngộ. Lúc khai ngộ, thứ gì cũng viết xuống, cho nên không phải là những cảnh giới cao.

Muốn đến những cảnh giới cao, cần phải có sự hướng đạo hoặc có thầy dẫn chúng ta đi, hay cho biết ở những cảnh giới cao có gì, về sau lúc tu hành chúng ta mới có thể so sánh. Thật ra không cần so sánh cũng biết là đến trong Tam Giới hay ngoài Tam Giới. Khai ngộ là khai ngộ, ăn bánh là ăn bánh, không có gì phải hoài nghi cả. Khi ra khỏi Tam Giới, trạng thái tinh thần hoàn toàn không giống như xưa nữa, trí huệ cũng đổi khác, trở nên rất minh bạch, thực sự đại khai ngộ, không còn gì hoài nghi nữa. Lúc ấy trở thành Bất Thối Bồ Tát, họ vĩnh viễn không thoái tâm, lòng không còn gợn chút nghi ngờ, trái lại rất rõ ràng.

Gần đây, tôi nghe nói ở Trung Hoa có một vị đại sư, chỉ nghe nói mà thôi, lúc ông ấy khai ngộ, thấy được người ta đang tiêu tiện ở vách tường bên ngoài; điều này muốn nói gì quý vị có biết không? Thật ra đó cũng là khai ngộ, quý vị có biết tại sao ông ta có thể thấy được điều này không? Tại sao có vách tường che lại mà ông ta vẫn thấy được các vị hòa thượng ở bên ngoài đang làm gì? Điều này ý muốn nói gì? (Có người đáp: “Khai nhãn.”) Khai nhãn gì? (Có người đáp: “Thiên Nhãn Thông.”) Thiên Nhãn Thông không phải là khai ngộ, Thiên Nhãn Thông là thần thông.

Tôi nói cho quý vị nghe, lúc chúng ta đang ngồi đây, ngoại trừ thân xác này, còn có một thân thể khác; thân thể ấy không cần phải dùng mắt, dùng mũi, dùng tai, dùng miệng, dùng thân, nhưng lại biết tất cả. Đó là linh thể của chúng ta. Khi linh thể rời khỏi nhục thể, chúng ta có thể đi đến nhiều nơi chơi, có thể đi từ đây ra ngoài, xem người ta làm những việc gì, nhìn thấy được thân thể của mình, cũng không khác gì khi chúng ta chết.

Đây cũng chỉ là khai ngộ nhỏ thôi, nếu cái thân thể thứ hai của chúng ta xuất ra, không thể nói rằng chúng ta đại khai ngộ. Thật sự có khai ngộ chúng ta không những nhìn thấy tình trạng của thế giới này, mà còn nhìn thấy được cuộc sống ở những cảnh giới cao, ánh sáng, âm thanh và phong cảnh của cảnh giới cao, thì đó mới là khai ngộ. Dùng linh thể đi từ nơi này sang nơi khác, đây chỉ là xuất hồn, đó là “*astral projection*”, rất khác xa với khai ngộ.

Khai ngộ là nhìn thấy được ánh sáng, điều vừa mới nói chẳng qua là linh hồn xuất đi thôi, kỳ thật cũng không phải là linh hồn xuất đi, linh hồn là một thứ khác. Chúng ta có rất nhiều nhục thể, cái này (*chỉ nhục thể*) là một, bên trong còn có một thân thể vi tế hơn, bên trong nữa còn có một thân thể khác vi tế hơn nữa, v.v... bên trong cùng có một thân thể thậm thâm vi tế, không còn là thân thể nữa, mà là Bản Lai Diện Mục của chúng ta, linh hồn của chúng ta, bị nhốt trong rất nhiều thân thể của chúng ta.

Nếu chúng ta để cái thân thể ở ngoài cùng (*chi nhục thể*) lại nơi đây, đem toàn bộ các thân thể khác ra ngoài chơi, lúc này linh hồn của chúng ta, thân thể cuối cùng của chúng ta, vẫn còn bị nhốt trong những lớp thân thể khác. Như vậy cũng chưa gọi là khai ngộ, chỉ có thể nói tương đối tự do một chút mà thôi, có thể rời khỏi lớp thân thể này chạy qua chạy lại. Những vị đại tu hành, có thể hoàn toàn rời bỏ mọi thân thể để tự do đi mọi nơi. Khi chủ nhân thật sự của chúng ta được tự do ly khai, để lại tất cả các thân thể khác, đó mới thật sự là khai ngộ.

Cái thân thể cuối cùng này, cũng có thể nói là chủ nhân của chúng ta, hoặc là Bản Lai Diện Mục của chúng ta. Nếu nó chỉ rời khỏi thân thể của chúng ta một chút, nhưng không hoàn toàn rời bỏ thì chúng ta chỉ lên cao một chút, ví dụ nói từ đây đến kia. Linh thể của chúng ta hiện bị nhốt ở bên trong, nếu được đi lên phía trên một chút, một nửa ở bên trong và một nửa ở bên ngoài, ta có thể thấy được những cảnh giới khác. Giả sử nói khi chúng ta đến đẳng cấp thứ nhất, có thể nhìn thấy ánh sáng của thế giới Thứ Nhất, nếu như đi lên thêm một tí nữa sẽ nhìn thấy ánh sáng của đẳng cấp thứ hai.

Nhưng sau khi vĩnh viễn giải thoát khỏi thế giới, ta có thể trở lại giống như trước, vậy cũng có thể lại ra đi lần nữa, muốn đi thì đi, muốn về thì về; lúc ấy được gọi là “*Như Lai*”, bởi vì không đi cũng không lại, mà ở tại những cảnh giới cao, chỉ huy lục căn lục trần này làm việc. Người trở thành như lại như đi, rất cao cả, có thể nhìn thấy vũ trụ một cách trọn vẹn, khắp thế giới chỗ nào cũng đều biết.

Nếu chúng ta khẩn cầu các vị này, họ sẽ biết ngay, vì họ không phải ở trong một căn phòng nhỏ, mà họ ở trên trần nhà. Nếu chúng ta nhìn từ trên đỉnh núi xuống, chúng ta có thể nhìn thấy khắp cả vùng Đài Bắc. Nếu chúng ta gặp tai nạn ở biển cả, chúng ta có thể vẫy cờ cấp cứu, những người trên máy bay sẽ nhìn thấy, họ sẽ lập tức đến và thả dây thừng xuống kéo chúng ta lên.

Cảnh giới của Như Lai cũng như vậy. Các vị ấy không cần ở nơi đây, nhưng điều gì xảy ra họ đều biết cả. Họ không cần đi mà chỉ cần bỏ một món đồ xuống kéo chúng ta lên, bởi vì họ như lại như đi. Họ ở nơi rất cao, cảnh giới cao nhất, cho nên bất cứ nơi nào họ cũng nghe, cũng nhìn thấy được, đó là cảnh giới của Quán Thế Âm Bồ Tát. Bất kể nơi nào quý vị cầu Quán Thế Âm, Ngài đều biết. Nếu như Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ là một người, vạn nhất cả thế giới đều cầu khẩn Ngài, chắc Ngài phải bận chết mất, làm sao Ngài có thể chạy mau như vậy. Nhưng vì Ngài là Như Lai, cho nên không cần phải chạy đi đâu, Ngài cũng thấy được, đó là cảnh giới của Như Lai.

Cảnh giới của Như Lai là nơi linh hồn đã được giải thoát, người chủ đã đến được cảnh giới cao nhất. Cũng giống như người chủ tuy không ở nơi công xưởng, đã rời xưởng, nhưng vẫn phòng làm việc của ông vẫn ở đó. Tất cả nhân viên và thư ký vẫn còn ở lại, chỉ có người chủ là vắng mặt thôi. Dù đang ở một nơi khác, nhưng ông vẫn có thể điện thoại về văn phòng, chỉ huy nhân viên tại công xưởng làm việc. Hoàn cảnh này cũng như cơ giới tự động vậy, có thể tự mình làm việc. Chủ nhân tuy không có ở đó, nhưng hiệu suất máy móc vẫn được phát huy. Đó là Như Lai.

Không thể nói là từ nơi này chạy ra ngoài xem thì gọi là Như Lai. Không phải, trường hợp ấy chỉ như đi chơi mà thôi. Để cái nhục thể này ở lại và ra ngoài chơi một chút, trạng thái ấy cũng như cái hồn của quý vị vậy. Nếu quý vị đọc sách ngoại quốc, quý vị sẽ biết ở Hoa Kỳ có một vị bác sĩ chuyên môn nghiên cứu những người vừa mới mất đi. Có những người đã chết đi rồi sống lại; chết đi một tiếng, hai tiếng, hay ba tiếng sau lại hồi sinh. Có những người ba, bốn ngày sau thì sống lại. Quý vị có nghe những câu chuyện như vậy chưa? (*Có tiếng trả lời: "Có."*) Ở Formosa, Âu Lạc cũng đều có xảy ra. Sau khi sống lại, họ kể rất nhiều chuyện, có người không dám nói, có người dám.

Ở bên Mỹ có những bản báo cáo về những người bị xe đụng chết. Lúc chết người ấy cảm thấy thân thể bay lên, có thể nhìn thấy mình nằm ở dưới đất, thấy nhiều người chạy qua chạy lại, cảnh sát thì đang làm biên bản, bác sĩ cũng đến. Chuyện gì xảy ra người ấy đều nhìn thấy. Đến khi người ấy hồi sinh, họ kể lại cho bác sĩ nghe, cho cảnh sát nghe. Đây là những câu chuyện có thật, lúc ấy mọi người ngạc nhiên, người ấy đã chết rồi mà sao chuyện gì cũng biết?

Bởi vì khi để cái nhục thể này ở lại, tất cả thân thể khác đều mang lên, có thể đi chơi, có thể đi xuyên qua người ta, hoặc người khác đi xuyên qua họ cũng không có cảm giác gì. Chúng ta ở thế giới này, có những lúc cũng đi xuyên qua ma quỷ, nhưng không cảm thấy gì cả. Rất nhiều người vừa mới chết, trạng thái cũng giống như vậy. Lúc chết cảm thấy họ đang đi lên, sau khi lên rồi thấy mình nằm ở dưới đó, hay ngồi ở dưới đó, hoặc nhìn thấy một tai nạn xe hơi khủng khiếp xảy ra.

Có những người lúc giải phẫu, linh hồn cũng có thể xuất ra. Thật ra đây cũng chưa phải là linh hồn, nhưng nếu cứ nhất định phải gọi là linh hồn, linh hồn này không giống trí huệ của chúng ta. Trí huệ hay người chủ của chúng ta là một thứ khác, ở tận trong cùng nhất. Nói bên trong thật ra cũng không phải bên trong, quý vị đừng nghĩ như dao cắt, chỉ cần cắt ra từng phần thì sẽ tìm thấy được Bản Lai Diện Mục của chúng ta ở bên trong, không phải ý như vậy đâu. Không phải ý như vậy, nhưng vì không có ngôn ngữ thích đáng để diễn tả, nên tạm gọi là ở bên trong. Nếu như nói ở bên ngoài quý vị lại tưởng ở bên ngoài, cho nên nói ở bên trong; nhưng cũng không phải ở bên trong. Quý vị đừng nên về nhà rạch ra xem thử, rạch đến lớp cuối cùng xem có tìm được Bản Lai Diện Mục không thì phiền lắm. *(Mọi người cười.)* Những người bị giải phẫu, có khi cũng nhìn thấy mình đi qua rất nhiều những phòng bệnh nhân khác chơi, xem thử những bệnh nhân khác ra sao. Sau khi trở về với thân thể cũ, kể lại cho

người khác nghe; chuyện gì người ấy cũng biết cả, mọi thứ đều rất rõ ràng, cũng giống như đang quan sát người khác vậy. Trạng thái cũng giống như lúc mình chết, nhưng những chuyện xảy ra như vậy còn ở đẳng cấp rất thấp, đó là trạng thái của người bình thường lúc chết đi. Tình trạng của người đại tu hành lúc chết không giống như vậy. Lúc họ chết lập tức sẽ đi Tây phương, hoặc như lại như đi. Đó là điều mà chúng ta ước muốn.

Chúng ta không muốn như trạng thái của hồn quỷ. Trạng thái ấy mỗi người bình thường đều có thể biết được, ngoại trừ những người rất độc ác, lúc chết lập tức đi xuống địa ngục nên mới không biết, vì họ không được ở lại thế giới Ta Bà, không được chạy tới chạy lui, nhìn lại thân thể của mình, hoặc nhìn những người thân còn lại. Có những người sau khi chết, vẫn ở lại nhà của họ đi tới đi lui, cùng với người thân của họ nói chuyện, hay đụng vào thân thể, nhưng những người thân của họ không biết, nên họ cảm thấy rất đau khổ.

Chính người đã chết ấy cũng không biết rằng mình đã chết. Họ nhìn lại thân thể của họ cũng giống như trước vậy, tại sao lại chết. Nhưng khi họ nói chuyện không ai nghe được, họ muốn ăn cũng không ai biết, họ làm gì cũng không ai hay. Có khi, nếu người ấy tạo một sức thật mạnh, chúng ta mới có thể nghe được một chút, tưởng rằng có ai đang làm chuyện gì đó; cho nên có người nói có ma, có quỷ. Những hồn quỷ này thường đập cửa phát ra tiếng động thành linh hoặc làm ly tách kêu leng keng, hoặc nhảy múa trên giường. Đây là những sự thật đã xảy ra, vì có khi họ tức giận, nói chuyện cả ngày mà chẳng ai thèm nghe. *(Mọi người cười.)*

Người ấy muốn vỗ về vợ, bà ấy cũng không cảm nhận được gì, có lúc còn đem bạn trai về nhà nữa *(mọi người cười)*, làm nhiều điều ở trước mặt người chết, khiến người ấy rất tức giận, chỉ biết dùng tất cả sức mạnh gây ra một chút tiếng động, để cho chúng ta biết họ đang có mặt, mà mọi người không sao thấy được

họ. Có người có phước báu lớn hơn một chút, lực lượng lớn hơn một chút, có thể biến thành như nhục thể, xuất hiện trong chốc lát hay trong một khoảng thời gian để cho chúng ta trông thấy, chúng ta sẽ kêu lên: “*Chao ôi, có ma!*” (Mọi người cười.) Đây là những chuyện có thật xảy ra.

Chúng ta không muốn trở thành những loài ma quỷ cô đơn như vậy, cả ngày nói chuyện cũng không ai nghe, muốn báo cáo điều gì cũng không ai hay. Vừa mới chết mà vợ mình đã dẫn bạn trai về nhà, họ đương nhiên cảm thấy rất đau khổ, hay là chồng mình đem bạn gái về nhà, hoàn cảnh cũng tựa như vậy. Cho nên làm ma quỷ rất đau khổ, có miệng mà không thể nói, có thân không thể dùng, muốn làm điều gì cũng không được, rất đau khổ, chúng ta không muốn sống trong những hoàn cảnh như vậy. Điều chúng ta muốn là khi chết đi chúng ta tự làm chủ lấy mình, chúng ta được quyền lựa chọn, muốn đi đâu thì đi, không bị khống chế như những trường hợp của ma quỷ, rất cô đơn, rất mật mù, không ai hiểu, đề rồi chỉ biết ra ngoài nghĩa trang cùng với ma quỷ khác nói chuyện, cùng chung sống với chúng, thật là một chuyện không vui. Nhưng những người tu hành tốt sẽ ra đi rất tự tại, trước khi đi đã biết trước rồi, đi đến đâu cũng biết trước. Điều này cũng giống như một vị quân tử tự tại, muốn đi thì đi, muốn đến thì đến, tại sao phải đợi ma quỷ đến bắt ta đi? Đợi ma quỷ đến dẫn ta đi? Đây không phải là phong độ của người quân tử, không phải là phong độ cao quý. Chúng ta làm người không làm điều gì sai quấy, tại sao lại để ma quỷ đến bắt chúng ta đi như bắt tội phạm vậy? Cho nên chúng ta không thích, chúng ta muốn tu hành, chúng ta muốn có chủ quyền, lúc nào lià đời mọi việc đều biết trước. Nói cho vợ, chồng, con cái, hay đệ tử: “*Các vị hãy chuẩn bị, năm, ba ngày nữa tôi sẽ đi.*” Đi thì đi tự tại, tự do, không để ma quỷ đến bắt đi, nói chuyện mà người khác không nghe. Nếu như sống chết mà mình không tự chủ được, thật không xứng đáng làm người.

Đẳng cấp của ma quỷ thấp hơn chúng ta, họ là những người giúp việc cho chúng ta, nếu chúng ta làm một người không tốt, chúng cũng có thể đến bắt giữ và xử phạt chúng ta. Cũng giống như cảnh sát vốn là thuộc cấp của tổng thống, nhưng nếu như một vị tổng thống phạm pháp, cũng sẽ bị bắt giam vào tù ngục và bị xử tội; lúc ấy quyền lực của vị tổng thống cũng không còn nữa. Chúng ta nói tam đồ khổ nghĩa là gì? Đó là ác quỷ, địa ngục, và súc sanh. Cho nên quỷ vốn thấp hơn chúng ta, nhưng lúc chúng ta chết, sẽ bị chúng đến kéo đi, đánh chửi rất dữ dội, chuyện như vậy có đáng xấu hổ không? Có phải không còn phong độ nữa không? Chúng ta nhất định không để cho hoàn cảnh này xảy ra.

Những nhà đại tu hành chân chính rất là cao quý. Họ ra đi cũng như Phật đi vậy, có âm nhạc đến tiếp rước, có thiên sứ đến chào đón, có Phật Bồ Tát đến nghênh tiếp, cùng đi với Bất Thối Bồ Tát, không phải bị ma quỷ kéo đi. Nếu không tu hành hoặc tu hành không tốt, sẽ bị ma quỷ đến bắt đi, đánh chửi, trói chặt. Đây không phải là phẩm cách của người quân tử, không phải là phẩm cách của con người.

Chúng ta sinh sống trên thế giới này, săn sóc thân thể của mình, cố gắng làm việc để dành được một ít tiền, đợi đến lúc già có chút tiền dưỡng lão. Sao chúng ta không tích tụ một ít công đức, để đến khi lia đời có mà dùng? Điều này còn quan trọng hơn chuyện dưỡng lão nữa. Tiền dưỡng lão có thể chúng ta chưa dùng đến, biết đâu ngày mai chúng ta chết đi, chưa già mà đã chết rồi. Tử vong là lẽ tất nhiên, sẽ có một ngày chúng ta nhất định phải chết, nhưng không nhất định phải già. Cho nên chúng ta tích tụ công đức, nỗ lực tu hành, đợi đến khi lia cõi đời này có mà dùng. Đây mới là chuyện đại sự quan trọng của người đời, so với việc giữ tiền dưỡng lão còn quan trọng hơn.

VẤN ĐÁP

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ lúc Ngài tu hành có bị ma chướng trở ngại lớn không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Lúc tôi tu hành cũng có ma chướng, làm sao không có được? (Ngài có thể nói một chút được không?) Ma chướng của tôi nói cho quý vị nghe để làm gì? (Mọi người cười.)

Vấn: *Như vậy xin hỏi những trợ duyên của Ngài lúc tu hành là gì?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Học trò của tôi là ngoại lực của tôi, là trợ duyên của tôi, bởi vì họ không để cho tôi đi. Ma chướng cũng không có gì đáng nói, ma chướng đùa rất vui, ít nhất đối với tôi cũng rất vui, cho nên không có gì đáng nói, hết chuyện rồi. Ma chướng có thể giúp chúng ta tăng thêm một chút định lực, nếu khắc phục được. Ma chướng đối với chúng ta cũng có sự giúp ích, nếu không khắc phục được, đó mới là điều phiền phức. Thật ra ma chướng cũng không có gì là ma chướng, đối với tôi không có gì cả, chỉ là một hiện tượng của thế giới mà thôi, không có chuyện gì, tôi có thể tu hành ở bất cứ nơi nào.

Vấn: *Lúc ngồi thiền nghe được âm thanh nhỏ, con đọc sách có nói đừng chấp vào âm thanh, điều đó có đúng không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Vì có những âm thanh không tốt, có những âm thanh tốt. Nếu âm thanh mà quý vị thích ở những cảnh giới rất thấp, đối với quý vị đương nhiên là không tốt, cho nên nói không nên chấp. Ví dụ có người học trò nói với tôi: “*Sư Phụ, con nghe được nhiều âm thanh rất hay.*” Tôi sẽ nói: “*Âm thanh đó đẳng cấp không cao, người đừng nên nghe, người*

phải nghe âm thanh kia.” Nhưng người này không thích, cứ nói: “Âm thanh này nghe hay hơn âm thanh kia.” Lúc này, tôi mới nói với họ: “Đừng có chấp, âm thanh kia tuy nghe không hay, nhưng lại ở cảnh giới cao hơn.”

Cho nên đối với quý vị đọc sách là vô ích, vì sách là do người tu hành ghi chép lại, có ích lợi cho riêng họ. Sư Phụ của họ dạy họ làm gì, rất có thể họ viết lại để về sau đọc, hay Sư Phụ của họ viết thư cho họ dạy họ làm sao. Còn quý vị không hiểu mình nghe được những âm thanh gì? Bởi vì không có Minh Sư chỉ dạy. Quý vị có phải học Pháp Môn Quán Âm không? (*Người hỏi trả lời: “Không.”*) Có phải tự nhiên nghe được phải không? (*Người hỏi trả lời: “Con nghe được lúc niệm chú Đại Bi.”*) Đôi khi chúng ta cũng tình cờ nghe được âm thanh, nhưng không có thầy chỉ dạy, chúng ta không biết được âm thanh ấy tốt hay xấu? Vì vậy tốt nhất là không nên chấp đến nó, bởi vì có rất nhiều âm thanh quý vị không biết cảnh giới của nó ở đâu.

Vấn: *Màu sắc của ánh sáng là như thế nào? Làm thế nào để phân biệt được đẳng cấp của ánh sáng?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Câu hỏi này không thể giảng được ở đây, có rất nhiều trường hợp, tôi không thể nào trong một khoảng thời gian ngắn mà có thể giảng rõ ràng được. Sau khi truyền pháp, tôi có thể tùy theo tình trạng của mỗi người mà chỉ bảo. Đây thuộc về chuyện bên trong, tôi không thể ở nơi đây giảng cho quý vị nghe được.

Vấn: *Chị của con nói, chị ấy nhìn thấy được những người tu hành mặc áo đen hay áo trắng mà mắt của chúng ta không nhìn thấy được.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Việc này xảy ra rất nhiều, trong không gian của chúng ta có rất nhiều chúng sanh vô hình, có rất nhiều người có thể thấy được, ngay cả chó cũng có thể thấy

được ma! Chúng ta thấy nó sủa gâu gâu, sủa không ngừng mà chung quanh ta lại thấy không có ai, còn nó thì nhe răng động móng vuốt rất dữ dội, bởi vì mắt của nó có thể thấy được chúng sanh vô hình hoặc là ma; hoặc như quý vị nói “hắc”, “bach”. Nếu là đen biểu thị đó không phải thuộc người tu hành, những người tu hành rất sáng.

Vấn: *Những người ở nhà không biết phải học pháp môn gì? Tu hành như thế nào thì tương đối tốt, làm thế nào để tu Pháp Môn Quán Âm.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Điều thứ nhất của tu hành là đạo đức, phải giữ ngũ giới: “*Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu.*” Giới không uống rượu gồm cả không hít chất độc, không hút thuốc, nhìn bất cứ người nào cũng không được khởi dục tánh của mình lên, hoặc xem phim ảnh có tánh cách bạo lực, hoặc đọc sách báo đồi trụy. Không sát sanh bao gồm không gián tiếp giết, điều này ý nói phải ăn thuần chay, còn phải niệm Phật A Di Đà. Những người tại gia có thể tu các pháp môn khác, tùy ý quý vị. Những đệ tử tại gia của tôi đều tu Pháp Môn Quán Âm. Nếu quý vị muốn tự giải thoát, có thể đến học, tôi sẽ dạy cho quý vị.





11

Phật Là Gì?

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Tân Điểm, Đài Bắc, Formosa**

Ngày 10 tháng 3 năm 1987

Hôm qua có người hỏi tôi: "*Chân Lý là gì?*" Tôi không muốn nói, quý vị có biết Chân Lý là gì không? Chân Lý không thể dùng ngôn ngữ mà nói được, nếu muốn nói thì cũng không bao giờ hết, mà thật sự cũng chẳng có gì để nói. Muốn biết Chân Lý là gì, quý vị phải nhờ vào thể nghiệm bản thân của quý vị; những người thích biện luận hoặc thích nói về Chân Lý, chứng tỏ họ không biết Chân Lý là gì cả. Cho nên Lão Tử nói: "*Kẻ biết không thích nói, kẻ thích nói không biết.*" (*Đạo Đức Kinh, trang 56: Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.*) Nếu quý vị nhất định muốn biết Chân Lý là gì, tôi có thể miễn cưỡng mà nói đó là một hình thức sinh hoạt, cho nên Phật Thích Ca là đại biểu cho Chân Lý, Lão Tử là đại biểu cho Chân Lý, Chúa Giê-su cũng là đại biểu cho Chân Lý. Tại sao? Tại vì tất cả những gì các vị ấy làm mỗi ngày đều là Chân Lý.

Có thể nói rằng, chúng ta cũng có thể đại biểu cho Chân Lý; nhưng bởi vì chúng ta bị rất nhiều nghiệp chướng bao phủ, cho nên không tự biết mình là Chân Lý, và cũng vì không thấy Bản Lai Diện Mục của chúng ta, không thấy chủ nhân của chúng ta, không thấy bản tánh hồn nhiên của chúng ta và cũng không thấy Thiên Đàng, v.v... Vì Phật Bồ Tát là đại biểu cho Chân Lý, cho nên nếu chúng ta muốn biết về Chân Lý, thì phải tìm đến Phật Bồ Tát để hỏi. Tuy rằng Phật Thích Ca nói: *“Phật tại tâm”*, có nghĩa là tất cả chúng sanh đều có *“Phật Tánh”*; nhưng tại sao chúng ta không đi tìm, đi hỏi bất cứ một ai, mà phải đi tìm một vị Minh Sư hay Phật, Bồ Tát để hỏi? Vì Phật, Bồ Tát đã biết Chân Lý là gì, họ đã biến thành Chân Lý. Chỉ cần đi gặp một vị Minh Sư, Bồ Tát tại thế, thì chúng ta tự nhiên sẽ được giải đáp.

Chân Lý không thể giảng được, vì giảng tới bao giờ mới xong? Phật Thích Ca thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng Ngài nói với đệ tử rằng: *“Những gì ta biết như lá trong rừng, nhưng những gì ta nói cho các người nghe, chỉ như nắm lá trong bàn tay ta mà thôi.”* Luôn cả Phật Thích Ca cũng không thể nói hết tất cả những gì về Chân Lý, làm sao tôi có thể giảng cho hết?

Có một số người hỏi, không phải vì khát vọng muốn biết Chân Lý hoặc khát vọng muốn cầu trí huệ, mà họ chỉ muốn biện luận để cho người ta biết là họ rất vĩ đại, đẳng cấp họ cao hơn tôi, họ không chấp nhất, ăn thịt, ăn thuần chay đều như nhau, v.v... Nếu vậy ăn thịt động vật hoặc ăn thịt người cũng như nhau sao? Bây giờ họ ăn thuần chay cũng như ăn thịt, cũng đều như nhau, thì trong tương lai nếu không có động vật để ăn, chắc họ sẽ ăn thịt người. Những người đó là như vậy, chỉ thích biện luận mà thôi, không thành tâm học hỏi. Nghe nói chỗ nào có thuyết pháp, họ lập tức chạy tới để tranh luận chứ không phải là có lòng khiêm nhường cầu *“Đạo”* vì *“ngã chấp”* của họ quá cao, trong một lúc không thể xóa bỏ được.

Bởi vậy chúng ta chỉ cần nghe câu hỏi của một người thì lập tức biết được trình độ của họ tới đâu. Cho nên xưa nay, một vị đại sư trước khi truyền pháp cho đệ tử đều khảo nghiệm người đó rất nhiều, hỏi rất nhiều câu hỏi, khảo tới khi nào có thể xác định rằng người đệ tử này không còn “*ngã chấp*”, không còn thái độ ngạo mạn, thì đại sư đó mới truyền pháp.

Khoảng bốn, năm trăm năm về trước, ở Ấn Độ có một vị đại sư rất nổi tiếng, có rất nhiều đệ tử, tên Kabir. Ngài rất nghèo (*Ở Ấn Độ có bốn loại giai cấp và Ngài thuộc giai cấp thấp nhất, giai cấp này ở Ấn Độ là những người không đáng được đề cập tới*) nhưng Ngài rất nổi tiếng, có trí huệ hoàn mỹ, và là người đại khai ngộ. Ngài là Phật nên có rất nhiều người tìm đến để học “*Đạo*”. Một trong những đệ tử của Ngài là một vị hoàng tử đã bỏ hết tất cả đời sống cao sang trong cung điện để theo Ngài học “*Đạo*”. Tuy rằng vị hoàng tử này đã theo Ngài rất nhiều năm, nhưng Đại sư Kabir lại không truyền pháp cho vị hoàng tử đó như những người khác đến xin thọ pháp. Còn những người khác đến cầu pháp, có lúc Ngài truyền pháp ngay lập tức, hoặc sau một thời gian ngắn cũng được truyền pháp. Nhưng vị hoàng tử này chờ đã nhiều năm mà vẫn chưa được truyền pháp.

Mỗi ngày Ngài chỉ kêu vị hoàng tử đó lau rửa dọn dẹp trong nhà, rửa nhà cầu, đổ rác, nấu ăn, v.v... Có một ngày vợ của Kabir (*Trước kia là vợ, nhưng sau này Kabir độ nàng, và hai người trở thành bạn đồng tu không còn có sự liên hệ vợ chồng nữa*) hỏi Ngài: “*Hoàng tử này hầu hạ Ngài đã nhiều năm rồi mà sao vẫn chưa được Ngài truyền pháp.*”

Đại sư Kabir đáp: “*Y vẫn chưa đủ đức tính khiêm nhường, chưa trong sạch.*” Vợ của Ngài không tin và nói: “*Không lẽ nào? Vị hoàng tử đó đã theo bên cạnh chúng ta nhiều năm, và ông ta rất khiêm nhường.*” Ngài Kabir nói: “*Chúng ta hãy thử thì biết ngay, sáng ngày mai lúc hoàng tử qua chỗ này, bà mang rác đổ lên đầu hoàng tử, nhưng bà hãy trốn ngay đằng để cho hoàng tử*

thấy bà là ai, rồi xem phản ứng của y ra sao, thì bà sẽ biết. Vợ của Kabir y theo lời thực hành, kết quả vị hoàng tử rất giận và la hét lên: “Nếu mày biết ta là ai, mà dám làm như vậy, mày có biết hậu quả sẽ như thế nào không?” Kabir và vợ núp ở phía sau, cả hai đều cười. Ngài nói với vợ: “Tôi nói không sai mà!” Lúc ấy bà vợ không dám nói thêm điều gì nữa cả.

Mấy năm sau, vợ của Kabir cảm thấy vị hoàng tử ấy thật là quá tội nghiệp, bất cứ làm việc gì cũng nhẫn nại chịu đựng, ông ta đã hầu hạ đại sư lâu lắm rồi mà vẫn chưa được truyền pháp. Đại sư Kabir chỉ truyền một chút ít, ví dụ như tập hơi thở, niệm Phật, lạy Phật, v.v... mà không truyền Pháp Môn Quán Âm cho hoàng tử. Vợ của Kabir nói: “Bây giờ hình như có thể truyền pháp cho y được rồi!” Ngài Kabir đáp: “Ngày mai bà hãy thử thêm một lần nữa, đợi đến sáng mai lúc nó đi qua trước cửa, bà mang ống nhỏ đổ vô đầu y xem y phản ứng ra sao.” Ngày hôm sau bà ta làm y theo lời Ngài, kết quả vị hoàng tử chỉ lắc đầu và nói: “Trong người của tôi còn dơ hơn ống nhỏ này. Xin cảm ơn Thượng Đế tối cao hôm nay cho tôi biết chính mình, tôi còn dơ hơn ống nhỏ này nữa.” Lúc ấy, hoàng tử quỳ xuống, hướng về hư không lạy ba lạy, sau đó đi tắm rửa.

Lúc đó Kabir mới quyết định: “Hôm nay ta có thể truyền pháp cho hoàng tử.” Vì nếu truyền pháp cho một người “ngã chấp” vẫn còn, thì không lợi ích gì cho người đó. Nếu miễn cưỡng truyền pháp cho họ thì họ cũng không thể tiêu hóa được, cho dù họ có tiêu hóa được, vẫn không thể lên tới đẳng cấp cao, mà chỉ thành bộ hạ của Ma Vương hay là thành Ma Vương mà thôi.

Từ xưa đến nay, trước khi truyền pháp, các vị đại sư đều dạy dỗ những điều đạo đức và rửa sạch bản tánh kiêu ngạo của đệ tử. Điều này chỉ vì thế giới của chúng ta có rất nhiều tầng lớp địa vị xã hội. Có người làm bác sĩ, có người làm bộ trưởng, có người làm hiệu trưởng. Nếu địa vị trong xã hội của chúng ta quá cao,

được nhiều người cung kính, mà đi đánh lễ một vị thầy và làm đệ tử của họ, làm một người ngu đần, không hiểu chuyện gì cả, việc đó thật khó khăn chứ không phải đơn giản. Bởi vậy, có đôi lúc, các vị đại sư phải dùng nhiều phương pháp khó khăn để giáo huấn họ, chứ không phải chỉ cho họ kẹo bánh mà thôi. Tôi thuyết pháp xong, đều cho bánh kẹo, nhưng nếu làm đệ tử chính thức, thì không đơn giản như vậy. Tuy có bánh kẹo, nhưng vẫn còn có nhiều thứ khác, vẫn còn nhiều thuốc đắng, và nhiều món quà không êm ái lắm!

Nếu chúng ta có bệnh, thì phải uống nhiều thứ thuốc khác nhau, bệnh mới mau hết. Đôi lúc bệnh nặng, phải đem đi cho bác sĩ mổ, vì nếu không cho mổ sẽ bị chết. Nên đành phải mổ, sống được thì sống, còn không sống được thì chết, không thể cứ kéo dài thời gian trị liệu. Cũng như người nào chịu không nổi khổ nghiệm của tôi thì họ nên ra đi. Như vậy đối với họ có thể tốt hơn. Khi Phật Thích Ca thuyết giảng Kinh Pháp Hoa, có năm ngàn người rời khỏi pháp hội, tại vì Ngài nói đó là pháp môn cao nhất, họ chưa học qua và cũng chưa từng nghe đến. Cho nên những người kiêu ngạo, họ nghĩ rằng: *“Tôi quá thuộc kinh điển, tôi đã gặp rất nhiều vị đại sư và pháp môn nào tôi cũng đều học qua. Tại sao lại có một pháp môn lạ lùng mà tôi chưa nghe? Tôi không tin.”* Bởi vậy có năm ngàn người rời khỏi Pháp hội. Lúc ấy Phật Thích Ca không thất vọng chút nào, Ngài còn nói: *“Rất tốt, bây giờ trong Pháp hội này chỉ còn lại hạt giống tốt, những hạt giống hư nát đều bị gió thổi đi mất rồi.”*

Trước kia, tôi quá tin người, cho nên truyền pháp quá dễ dàng. Nhưng bây giờ tôi thấy nhiều người đạo tâm quá ít, đạo tâm không sâu, đẳng cấp cũng không cao, rất dễ hiểu lầm pháp môn cao đẳng này, bởi vậy bây giờ tôi không truyền pháp một cách dễ dàng nữa. Thuyết pháp gần một tuần lễ rồi, tôi vẫn chưa muốn truyền pháp. Không như trước kia, chỉ giảng kinh một, hai ngày thì truyền pháp. Luôn cả bạn bè giới thiệu, tôi cũng truyền

pháp, bây giờ không còn đơn giản như vậy nữa, không truyền là không truyền, đợi tới lúc những hạt giống hư chạy hết, thì lúc ấy mới truyền.

“*Pháp*” không đem bán rẻ, không phải vì muốn nhiều người biết đến Pháp Môn Quán Âm, cũng không phải vì muốn thu nhiều đệ tử nên quảng cáo âm ỉ, không phải như vậy. Pháp Môn Quán Âm không phải thứ rẻ tiền như vậy! Hàng rẻ tiền sẽ có rất nhiều người mua được, nhưng những thứ quý báu không phải muốn mua là mua và cũng không thể bán cho nhiều người. Bởi vậy phải từ từ, quý vị phải kiên tâm mới có thể đạt được. Nếu không kiên tâm thì thôi, nếu người nào quá thông minh cũng thôi. Tôi chỉ dạy cho người ngu, những người thật sự khiêm tốn, dạy cho những người muốn cầu học Chân Lý. Nếu quý vị đã hiểu biết nhiều, thì hoan hỉ rời khỏi chỗ này, tại vì quý vị đã biết quá nhiều, trong đầu óc đã chứa quá nhiều đá sỏi, không còn chỗ để chứa đựng bảo ngọc của chúng tôi.

Hôm qua, tôi kể câu chuyện về đá sỏi. Tại vì đá sỏi đã quá nhiều, thì chỉ có cách để họ về nhà tiêu hóa đá sỏi của họ. Tự họ phải mang đá sỏi đi đổ, sau đó mới có thể thấy những thứ quý báu của họ. Tại sao họ có những thái độ kiêu ngạo như thế? Tại vì họ chấp vào kinh điển và bị ảnh hưởng bởi nhiều thành kiến và các sinh hoạt phức tạp khác, bởi vậy khi mới nghe tới Chân Lý họ không thể tiêu hóa; có một số người đã nghe nhiều lần, vẫn còn có câu hỏi ngu si, chỉ vì họ nghe không vô, tuy rằng người ngồi ở đây, nhưng trí huệ không khai thông thì vẫn vô dụng. Cũng như lúc mưa, nếu có áo mưa che thân thể thì tuy mưa to, nhưng chúng ta vẫn không bị ảnh hưởng, vì đã được áo mưa che rồi.

Cũng như vậy, chúng ta đọc quá nhiều kinh điển, tưởng rằng là đã hiểu biết rất nhiều, nhưng thật sự chưa chắc đã hiểu. Trong kinh điển Phật Thích Ca đã từng nói: “*Chúng ta nhất định phải gặp Phật mới thành Phật, theo học với Phật mới có thể thành Phật.*” Nhưng muốn gặp Phật thì không phải là một điều đơn

giản. Người có nhiều phước báu thì mới được gặp Phật, cho dù muốn nghe tên của Phật, hay là gặp Phật cũng không phải dễ, mà trở thành đệ tử của Phật càng khó hơn.

Phật là gì? Mọi người đều biết Phật tức là Phật Đà, dịch từ Phạn ngữ là Buddha. Buddha là chỉ một vị đại khai ngộ, bất cứ người nào ở bất cứ chỗ nào, giờ nào, có thể khai ngộ, thì chúng ta gọi họ là Phật, tuy rằng họ không nói họ là Phật, nhưng họ chính là Phật.

Không ai nói Chúa Giê-su là Phật, nhưng Ngài là Phật, không ai nói Lão Tử là Phật, nhưng Ngài là Phật. Chuyện này có nhiều đệ tử Phật giáo không dám nói, nhưng tôi nói để quý vị biết, để quý vị hiểu rõ về Chân Lý. Tuy rằng tôi biết, nhưng nếu tôi nói chuyện này ra cho các vị pháp sư Phật giáo nghe, họ có thể nói tôi là “ngoại đạo”, nhưng tôi không để ý chuyện đó, bởi vì Lão Tử đáng để tôi ca ngợi nên tôi ca ngợi Ngài; Chúa Giê-su cũng đáng để ca ngợi nên tôi ca ngợi Ngài. Nếu trong số quý vị có một người đại khai ngộ nào như Chúa Giê-su, như Phật Thích Ca, hay Lão Tử, thì chúng ta sẽ ca ngợi người ấy, và cũng gọi vị ấy là Phật.

Bởi vì Phật chỉ là một cách xưng hô, cũng như bác sĩ, luật sư, cảnh sát; không kể người gì, chỉ cần người ấy làm tròn nhiệm vụ của người bác sĩ, trị bệnh cho bệnh nhân, thì người ấy là bác sĩ. Bất cứ người nào mặc áo cảnh sát, làm công việc của cảnh sát, làm tròn nhiệm vụ của người cảnh sát thì người ấy là cảnh sát. Toàn thể giới không thể nào chỉ có một vị cảnh sát và cũng không thể nào chỉ có Hoa Đà là bác sĩ, cho dù Hoa Đà có nổi tiếng cách mấy, có hay cách mấy đi nữa thì người ấy cũng đã là người trong quá khứ. Bây giờ vẫn còn rất nhiều bệnh nhân, đời đời kiếp kiếp cũng có bệnh nhân, chúng ta không thể đợi Hoa Đà tái sanh để cứu chúng ta, có bệnh là phải đi tìm bác sĩ hiện tại. Nếu chúng ta chỉ tôn kính Hoa Đà, chỉ tin Hoa Đà, không tin bác sĩ khác, thì lúc chúng ta bị bệnh, Hoa Đà có tới cứu chúng ta không? Không, tại vì Ngài đã đi rồi, công việc của Ngài đã hoàn

tất rồi. Cùng một đạo lý, Phật là chỉ một vị đã tu hành đắc “Đạo”, Ngài hiểu “Đạo” là gì. Ngài có thể truyền “Đạo” ấy cho chúng ta, Ngài cũng có thể hướng dẫn chúng ta để đi tìm “Đạo”, thì những người ấy được gọi là Phật. Phật Thích Ca có thiên vạn ức hóa thân, Ngài có thể dẫn người đi Thiên Quốc, đi thế giới của Phật, thì một người thành “Đạo” cũng có thiên vạn ức hóa thân, cũng có thể dẫn chúng ta đi Thiên Đàng, đi cõi Tịnh Độ. Đệ tử của Phật Thích Ca đã từng viết nhiều loại thể nghiệm trong Kinh Phổ Môn và Kinh Hoa Nghiêm, thì đệ tử của người ấy cũng có thể làm những việc này. Đệ tử của Phật Thích Ca có thần thông, thì đệ tử của người ấy cũng có thần thông. Phật Thích Ca có thể đi Thiên Đàng, đi địa ngục, thì người ấy cũng có thể làm những việc này. Đệ tử của Phật Thích Ca tới bất cứ chỗ nào, thì chỗ đó đều được phước báu, bất cứ người nào chỉ cần có liên hệ với đệ tử của Phật Thích Ca thì cũng có phước báu, đệ tử của người này đi tới chỗ nào, thì chỗ ấy cũng có phước báu. Nếu Phật Thích Ca có hào quang hoặc có trí huệ, có lực lượng, thì những vị Phật tại thế đều có cả.

Tuy nhiên không phải mỗi một đệ tử đều có cùng một lực lượng, trong những đệ tử của Phật Thích Ca, cũng không phải mọi người đều có cùng một lực lượng. Nếu hiện tại có những người này, chúng ta cũng có thể gọi họ là “Phật”, chúng ta cứ nghĩ rằng Phật chỉ ở Thiên Quốc, hoặc ở thế giới Tây phương Cực Lạc, chúng ta không cách nào gặp họ, thì chúng ta làm sao mà biết được? Làm sao mà gặp Phật? Tuy nhiên, nói vậy cũng đúng, nhưng mà họ sẽ trở xuống, sẽ hóa thân làm người, họ có thể có hàng ngàn ức hóa thân, tại sao không thể hóa thành thân người để chúng ta thấy? Nếu không hóa thành người, thì chúng ta theo ai học? Bởi vì chỉ có người mới có thể dạy người, những người ấy thân thể là người, nhưng bên trong là Phật.

Chúng ta thường nghe nói: “*Bất cứ người nào cũng có Phật Tánh, Phật tại tâm.*” Điều này rất đúng, nhưng mà nhiều người

chưa nhận thấy được, chưa khai thác cái “*Phật Tánh*”, chưa phát triển được và chưa phát hiện ra tánh Phật này, còn vị Phật tại thế đã phát hiện và đã biết Phật của Ngài ở đâu, Ngài đã thành Phật và cùng một thể với Phật; bởi vậy, nếu chúng ta muốn tìm Phật, thì phải đi tìm những người ấy, bên trong những người ấy là Phật. Nếu chúng ta đánh lễ những người ấy là đánh lễ “*Phật Tánh*” bên trong của người ấy đã phát triển hoàn tất, chứ không phải đánh lễ thân xác người ấy.

Ví dụ như bất cứ người nào cũng có thể học y khoa, cũng có thể trở thành bác sĩ; nhưng người bác sĩ đã tốt nghiệp tức là họ đã phát triển năng lực của họ, đã học xong, thì mới có thể chữa trị cho bệnh nhân. Lúc chúng ta có bệnh, không thể đi tìm một vị bác sĩ chưa ra trường, hoặc là nhờ một người bình thường tới để mà trị bệnh. Chúng ta cần phải tìm một người bác sĩ đã tốt nghiệp, đã có kinh nghiệm phong phú. Cùng một đạo lý, tuy rằng Phật tại tâm, nhưng lại có người chưa phát giác Phật tâm của họ ở đâu, có người đã phát giác rồi. Nếu chúng ta muốn tìm Phật của mình, thì nên đi tìm những người đã nhận biết được Phật của họ.

Cho nên từ xưa đến nay, những ai muốn tu hành đều phải đi tìm, đi đánh lễ vị thầy nào đã tìm được “*Phật Tánh*” của họ. Kinh điển cũng có nói, nhất định phải thấy “*Phật Tánh*” mới có thể thành Phật. Nhưng phần lớn mọi người đều hiểu lầm ý nghĩa của kinh điển, mà đi bái lạy Phật gỗ, Phật đá, và quên mất tự mình đã có Phật bên trong, để Phật bên trong mình cô đơn, rí sét. Bởi vì không phát hiện Phật, lo lắng tìm Phật, gặp Phật, bái Phật, cầu thông với Phật, mà trái lại đi đánh lễ Phật gỗ ở bên ngoài, làm vậy Phật bên trong sẽ khóc, sẽ cô đơn, sẽ bị đóng mốc, và chúng ta vẫn sẽ không bao giờ biết Phật là gì? Những người ấy rất khó cầu “*Đạo*”, tại vì đã bị Phật gỗ kéo đi, bị Phật gỗ cột lại, bị kinh điển cột lại, biến thành một sách, một gỗ, tại vì tâm của họ chỉ có Phật gỗ, chỉ có kinh điển, tâm không khai mở, thái độ không khai phóng, như vậy thì bao giờ mới được giải thoát?

Lúc mưa, nếu không mặc áo mưa, toàn thân sẽ bị mưa làm ướt. Cũng như ngồi trước mặt một vị Phật tại thế hay một vị đại tu hành, chỉ cần đùng đùng áo mưa vô hình che phủ lại, thì chúng ta sẽ được rất nhiều phước báu. Có người chỉ nghe thuyết pháp thì cũng đã có rất nhiều thể nghiệm, có người chỉ tới gặp đại sư, về tới nhà lập tức có nhiều thể nghiệm. Vì tâm của họ lúc nào cũng khai phóng, đẳng cấp của họ đã cao, có thể tiếp xúc phước báu đó, nếu không, cho dù ngồi trước mặt Phật, cũng có thể xuống địa ngục. Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, vẫn có một số người bị xuống địa ngục trước mặt Phật, tại vì “*ngã chấp*” vẫn còn, tâm kiêu ngạo, tâm ác vẫn còn, ở trước mặt Phật không có lòng tôn kính; họ tự nghĩ họ đã rất vĩ đại, biết chuyện nhiều hơn Phật, và cao hơn Phật.

Hôm qua có người hỏi vấn đề ăn thuần chay. Nghe nói người ấy rất thích ăn thịt. Tôi nói ăn thịt không tốt, người ấy rất giận. Có một số người vì tình trạng không cho phép, cho nên không thể ăn thuần chay. Điều này không quan hệ gì tới tánh kiêu ngạo, trường hợp này không phải là kiêu ngạo. Bởi vì có lúc hoàn cảnh thật sự không cho phép, điều này tôi hiểu. Nhưng có một số người vì quá thích ăn thịt, không cách nào nhịn, cố ý tìm cách biện minh cho sự ăn thịt của họ. Họ nghĩ rằng tâm họ không có tánh chấp, tu hành không chấp, làm như đẳng cấp họ còn cao hơn Phật Thích Ca, cao hơn Chúa Giê-su, cao hơn Lão Tử, là tại vì những vị sư tổ đó đều không dám ăn thịt, và họ còn cao hơn Lục Tổ Huệ Năng, vì Lục Tổ Huệ Năng lúc ẩn trốn trong rừng tu hành, sống chung với những người săn bắn thì cũng chỉ ăn rau cải mà thôi. Những người săn bắn hỏi Lục Tổ tại sao không ăn thịt? Lục Tổ đáp: “*Tại vì đau bụng, không tiêu hóa được thịt.*” Ngài không dám nói Ngài là người tu, vì lúc ấy là lúc Ngài đi lánh nạn, không thể cho người khác biết. Lục Tổ Huệ Năng đã thọ lãnh y bát và trở thành vị tổ Thiền tông thứ sáu tại Trung Hoa. Ngài rất là khiêm tốn và “*chấp nhất*” như thế, tự Ngài cũng không dám ăn thịt.

Người hôm qua có lẽ còn cao hơn Lục Tổ Huệ Năng, bởi vậy tôi không dám dạy người đó. Tại vì pháp mà tôi truyền là từ Lục Tổ Huệ Năng truyền xuống, tôi phải tôn kính Ngài, Ngài không ăn thịt thì tôi cũng không dám. Trong Kinh Phạm Võng, Phật Thích Ca có nói: *“Người thọ giới Bồ Tát không được ăn thịt.”* Nhưng có nhiều người tự xưng là đệ tử của Phật, cho rằng điều này không quan trọng, và còn tới hỏi tôi: *“Tại sao phải ăn thuần chay? Chính Phật Thích Ca cũng không ăn chay mà!”* Ai nói Phật Thích Ca không ăn chay? Những ai hỏi câu này chắc chắn chưa đi qua Ấn Độ, chưa từng đến làm sao biết được? Họ đều nghĩ sai lầm! Nếu Phật Thích Ca không ăn chay thì tại sao Ngài dạy đệ tử ăn chay? Trong Kinh Phạm Võng có nói là tuyệt đối không được ăn thịt; trong Kinh Lăng Nghiêm cũng nói ăn thịt sẽ biến thành ma quỷ, và trong Kinh Lăng Già cũng nói ăn thịt sẽ biến thành quỷ, biến thành ma. Tất cả đều nói rất rõ, nếu Ngài ăn thịt thì tại sao dám dạy đệ tử ăn chay?

Các Ngài làm gì thì dạy đệ tử làm điều đó. Không thể dạy người ta làm điều này còn mình thì làm ngược lại. Nếu có người nào nghĩ rằng họ đã thấu hiểu rất nhiều kinh điển, thì tại sao điều căn bản như vậy họ lại không hiểu? Còn dám nói tự mình hiểu rất nhiều, còn dám nói tu hành không nên chấp, còn dám so sánh với các đại sư đời trước. Các vị đại sư thời xưa đều *“quá chấp nhất”*, chỉ có vị đó *“không chấp nhất”* mà thôi. Vị đó hiểu được bao nhiêu kinh điển, còn dám ở trước mặt mọi người nói chuyện như vậy? Bởi vì đẳng cấp quá thấp, trí huệ không cách nào mở được; quá thấp cho nên kéo không lên được, quá nặng, sạn trong đầu quá nhiều, toàn bộ óc chứa nghẹt những cục sạn, những người đó không thể tiếp thọ pháp môn của chúng ta, bởi vì thời gian của những vị đó chưa đến.

Chúng ta đều biết, tất cả chúng sanh đều có *“Phật tánh”*, nhưng không phải bất cứ chúng sanh nào cũng tìm được *“Phật tánh”* này, bởi vì trí huệ của họ không đủ. Cũng như mưa rơi

ngoài trời, nếu như chúng ta lấy áo mưa bao bọc hết cả người, thì mưa có lớn cách mấy, đối với chúng ta cũng không có ảnh hưởng gì. Quý vị cũng biết phẩm chất của cây trầm rất tốt, ví dụ ở trong rừng, chỉ cần có một hay hai cây trầm, dần dần toàn cả núi đều thơm mùi trầm, loại cây này sẽ ảnh hưởng đến các loại cây cỏ khác, làm cho các thứ cây khác biến thành rất thơm, sau cùng cả chúng ta cũng không phân biệt được cây nào là trầm, cây nào không là trầm, hình như tất cả đều biến thành như nhau.

Trường hợp đó cũng như dầu thơm vậy, nếu như chúng ta đến tiệm bán dầu thơm, tuy rằng không cần phải mua gì hết, nhưng cũng có thể ngửi được mùi thơm. Đôi khi chủ tiệm xịt cho chúng ta một chút dầu thơm, chúng ta về nhà cảm thấy thơm cả ngày, cho dù không muốn thơm cũng không được. Nhưng nếu như chúng ta dùng áo mưa bao trùm cả mình thì không bị ảnh hưởng nào hết, hoặc là giả sử mũi của chúng ta nghẹt, thì không ngửi được mùi thơm.

Cũng như vậy, tất cả chúng sanh đều có “*Phật Tính*”, nhưng có người tìm được, có người tìm không ra. Người nào đã tìm được “*Phật Tính*” hoàn toàn, chúng ta gọi họ là “*Phật*”. Nếu như chúng ta muốn tìm Phật, thì nên tìm những người đó, bởi vì người đó là Phật. Chúng ta theo vị đó học cũng có thể tìm được “*Phật Tính*” của chúng ta, chúng ta cũng sẽ thành Phật như nhau. Nếu như chúng ta không thể thành Phật thì theo học để làm gì? Nếu như mỗi ngày chỉ lạy Phật, rửa giày cho Phật, đánh bóng giày cho Phật, đương nhiên không thể thành Phật. Loại trầm có tốt cách mấy đi nữa cũng không thể làm cho cục đá thành cây trầm, cho nên nếu như có loại đá đó thì chúng ta nên mau vứt nó đi, không nên đem về nhà dùng. Người đốn củi tuyệt đối không nên đem loại đá này về nhà dùng, cho dù là cục đá này có gần với cây trầm đi nữa, cũng không thể sử dụng được.

Bất cứ thời đại nào cũng có thứ đá đó, tuy rằng nằm gần cây trầm, nhưng nó không có được một chút ảnh hưởng nào hết. Thật

ra đây cũng không có gì thất vọng, bởi vì chúng sanh vốn là như vậy, đẳng cấp khác nhau. Cho nên truyền pháp cũng phải xem người. Đôi khi tôi cũng rất từ bi, bởi vì có nhiều người cùng một lúc đến cầu pháp, nên không nở đuổi một trong số những người đó về nhà, không thể có lòng phân biệt như vậy. Cho nên phải truyền pháp cho người đó luôn, nhưng người đó tự biết không có ích gì. Cho nên Phật Thích Ca truyền pháp cho Đề Bà Đạt Đa, về sau Đề Bà Đạt Đa phản bội Ngài, không phải là Phật Thích Ca không biết trước, Ngài đã biết trước rồi, chỉ không nói cho Đề Bà Đạt Đa biết mà thôi.

Trong nhóm đệ tử của tôi cũng có những người này, làm việc y như Đề Bà Đạt Đa, nhưng tôi cũng không màng đến họ. Những người đó chôn quá nhiều sạn, phải lấy ra từ từ. Nhưng họ cũng có công việc của họ, bởi vì một vị đại sư gánh nghiệp chướng cho người ta quá nhiều, nếu như không có người phi báng vị đại sư thì nghiệp chướng không có tiêu tan mau lẹ được, cho nên người ta phi báng càng nhiều, vị đại sư càng cảm tạ, càng cảm thấy dễ chịu hơn. Giả sử quý vị muốn phi báng tôi, tôi cũng rất cảm kích, nhưng mà phi báng ở trước mặt hay hơn, nói ở sau lưng tôi thì đâu có làm được gì? Những người phi báng đó rất đại, nếu họ là quân tử thì nên nói trước mặt người ta, ở sau lưng thầm thì đâu có ý nghĩa gì? Giống như con nít, giống như người bới móc thị phi. Khi gặp tôi, ở trước mặt tôi thì nói ngọt ngào: “*Sư Phụ, Ngài thật từ bi*”, nhưng ở sau lưng thì lại phi báng tận cùng.

Ở Ấn Độ hay các chỗ khác, nếu như có Phật tại thế hay Bồ Tát tại thế xuất hiện, các đệ tử rất tôn kính các Ngài, bởi vì số đệ tử đó nếu như theo các Ngài siêng năng tu hành, đều đạt được thể nghiệm rất cao. Họ cũng biết được Sư Phụ của họ là ai. Cho nên họ rất tôn kính những vị Sư Phụ đó, họ không tôn bái Phật mà họ không thấy được hay Thượng Đế mà họ không thấy được. Bởi vì những người đại tu hành đó, họ ở chung với Phật hay là Thượng Đế, tuy rằng họ vẫn còn thể xác này, nhưng chủ nhân chính của

họ không phải là xác thịt này, chủ nhân chính của họ ở nơi cảnh giới rất cao, chỉ huy xác thân này làm việc, nói chuyện. Đôi khi chủ nhân chính cũng trở về thể xác, nhưng có lúc cũng không trở về; xác thịt này cũng như bộ máy vậy, bảo làm gì thì nó làm chuyện đó.

Chúng ta đều nghe nói có đĩa bay đến Địa Cầu, có người đã từng thấy người hành tinh đó rất nhỏ, từ đầu đến chân đều có y phục bao trùm. Họ đến khắp nơi xem xét, hay là viết một mớ tài liệu tham khảo tình trạng của quả đất chúng ta. Chúng ta tưởng rằng họ là thiên nhân hay A-tu-la, hay người của cảnh giới cao, không phải vậy đâu! Nếu là người của cảnh giới cao, họ rất đẹp và lớn, không phải có dáng dấp nhỏ như vậy, cách đi cũng không phải như vậy, cũng không thể nào bọc toàn thân, chỉ có cặp mắt mà thôi, đó không phải là thiên nhân.

Thiên nhân rất đẹp, lúc tôi giảng kinh hay lúc thiền thất, cũng có thiên nhân đến dự. Có một số người trong hàng đệ tử của tôi đã gặp qua, tướng họ rất đẹp, bận đồ cũng đẹp, đó mới là thiên nhân. Còn câu chuyện có người đĩa bay, thật ra đó không phải là người, mà là người máy. Thứ đĩa bay đó không nhất định cần có người, dùng người máy cũng có thể lái, chỉ cần bay đến một nơi nào, rồi người máy ấy sẽ tự động đi xuống, đi khắp nơi, thu thập một số tài liệu, chứ không phải thiên nhân ngồi đĩa bay đến Địa Cầu. Có lúc thiên nhân cũng có đến, gần đây cũng có người từ cảnh giới cao đến, nhưng mắt phàm phu của chúng ta không thể thấy được.

Người đã thành Phật cũng vậy, họ không phải mỗi ngày đều ngự ở trong xác thân này. Họ rất tự do, rất tự tại. Họ có thể du ngoạn khắp vũ trụ, bất cứ nơi nào, cảnh giới nào cũng đều có họ, cho nên nói họ là “*Như Lai*”, như lai như khứ, ý nói không đi mà cũng không đến, ở nơi nào cũng có, không cần đi, mà cũng không cần lại, nhưng nơi nào, cảnh giới nào họ cũng đều có thể thấy. Những người đó không dễ tìm được, nếu như chúng ta gặp

họ lúc còn tại thế, chúng ta tán thán họ là Phật Bồ Tát, nhưng họ không bao giờ nói họ là Phật Bồ Tát. Một vị Phật Bồ Tát thật sự không nghĩ chính họ là Phật Bồ Tát, nhưng vì dùng ngôn ngữ của thế gian để xưng hô, hay là dùng kinh điển so sánh để có kết quả, chúng ta mới nhận thức họ là Phật Bồ Tát, cho nên đệ tử của họ mới tán thán họ là Phật Bồ Tát, chứ không phải họ tự xưng, sau này một truyền mười, mười truyền một trăm, rất cuộc nhiều người biết được.

Khi chúng ta gặp được Phật Bồ Tát tại thế, nếu chúng ta chân thành kính ái, chúng ta sẽ có phước báu. Ví dụ người tu Pháp Môn Quán Âm, nếu như họ đối với thầy, hoặc Phật Bồ Tát không có lòng kính thương, đẳng cấp của họ cũng không cao, cao lắm chỉ có thể lên đến thế giới Thứ Ba trong Tam Giới. Thế giới đó tuy không có nghiệp chướng, nhưng có một ngày Tam Giới sẽ bị hủy diệt, bởi vì trong Tam Giới đều là nằm trong đẳng cấp của “*thành, trụ, hoại, không*”; chỉ có siêu thoát ngoài Tam Giới mới có thể vĩnh viễn giải thoát. Cho nên nếu chúng ta kính ái Phật quá khứ, Phật tương lai, hay Phật ở Tây phương, ngày ngày đều gọi tên của Phật, nhưng lại không kính ái Phật tại thế, thì cũng không có ích gì, thật như vậy. Bởi vì một vị Phật tại thế là người hướng đạo tốt nhất, họ sẽ dẫn mình ra khỏi Tam Giới, nếu như chúng ta không đi theo họ, chỉ ở đây đọc niệm tên của người hướng dẫn trong quá khứ, như vậy có ích gì? Nếu như chúng ta quỳ trên đất một trăm, một ngàn, một vạn ức năm, không ăn không uống, không chơi, không ngủ, mỗi ngày kêu gọi Phật A Di Đà, Ngài cũng không dẫn chúng ta lên đó. Nhưng nếu chúng ta đi đánh lễ một vị Phật tại thế, hoàn toàn tin vào họ, cho dù chỉ có một sát-na, họ cũng giúp mình cắt đứt sợi dây ràng buộc, để cho chúng ta lập tức giải thoát, đẳng cấp của chúng ta lập tức trở thành đẳng cấp giải thoát, có thể chúng ta không biết được; cũng có thể chúng ta biết được, phải xem đẳng cấp của chúng ta ở đâu mới được. Ví dụ bây giờ tôi ở trên lầu thượng giảng kinh,

quý vị muốn đến xem tôi, nếu quý vị đứng ở ngoài cửa nơi tôi ở, chỉ cần có người kéo quý vị vào, quý vị liền có thể nhìn thấy tôi. Nếu quý vị đang đứng ở lầu một hay lầu hai, tuy rằng có người kéo quý vị lên một bậc, quý vị cũng chỉ lên đến lầu ba, vẫn chưa thấy được tôi, còn trường hợp như mình đã ở lầu bốn rồi, thì chỉ cần lên một lầu nữa là tới nơi.

Cho nên có lúc thấy một vị Sư Phụ chứng “Đạo”, chúng ta sẽ được khai ngộ liền, thật sự phải như vậy mới đúng, không cần truyền Tâm Ấn là đã khai ngộ rồi, nhưng bởi vì có người đẳng cấp còn thấp, nhất là trong thời mạt pháp, nghiệp chướng của chúng sanh nhiều quá rồi, Phật Bồ Tát phải gia trì nhiều một chút, kéo nhiều một chút mới có thể khai ngộ, còn phải truyền Tâm Ấn. Có một số người chỉ nhìn tôi là đã khai ngộ rồi, liền có thể nghiệm của khai ngộ. Nhưng vẫn còn phải truyền pháp, bởi vì chỉ có truyền pháp mới có thể tiếp tục tu hành, con đường tu hành rất dài, không phải khai ngộ liền được thành Phật. Khai ngộ chỉ là thành Phật nhỏ, cũng như trẻ em phải tiếp tục uống sữa, ăn cháo mới có thể trưởng thành.

Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, tuy có người được nhìn thấy Ngài nhưng họ vẫn bị sa địa ngục, bởi vì đẳng cấp của họ quá thấp, không tôn kính Phật, không biết được sự quan trọng của một vị Phật tại thế, họ chỉ tôn kính Phạm Thiên hay là thần mà họ không thấy được, hay tôn kính các thần được mô tả trong kinh, tưởng rằng như vậy là đủ rồi, là hay lắm rồi, nên dù là Phật Thích Ca cũng không cách nào cứu họ.

Ở Ấn Độ, đệ tử tán thán Sư Phụ của họ còn hơn Thượng Đế, bởi vì Thượng Đế đưa họ đến thế giới Ta Bà để chịu khổ, nhưng Sư Phụ tại thế của họ lại đem họ lên, cho họ được giải thoát, cho họ thoát ly luân hồi, sanh lão bệnh tử, cho nên họ tôn kính Sư Phụ của họ nhất, họ không tôn kính Thượng Đế, không phải họ cố ý phi báng Thượng Đế mới nói như vậy, mà chỉ vì họ quá kính thương Sư Phụ của họ.

Nhưng họ nói như vậy cũng không sai, bởi vì nếu có Thượng Đế, sao Ngài không đến cứu chúng ta? Để cho chúng ta phải chịu nhiều đau khổ như vậy? Chỉ có vị Sư Phụ thấy sự đau khổ của chúng ta, thấy được sanh tử luân hồi của chúng ta, liền nhận lời dẫn chúng ta lên, đem chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến thế giới vui sướng nhất, giải thoát nhất. Thượng Đế không nhận lời gì cả, chỉ có vị Sư Phụ tại thế mới nhận lời còn Thượng Đế cái gì cũng không nói. Chúng ta không hiểu có Thượng Đế hay không, nhưng biết chắc có một vị Sư Phụ như thế. Vị Phật tại thế đó, chỉ cần chúng ta cầu thông với Ngài, Ngài sẽ dẫn dắt chúng ta giải thoát; điểm này rất quan trọng, nếu chúng ta quên mất điểm đó, tu hành sẽ khó khăn hơn. Bởi vì chúng ta khó nhận được ai là Phật? Ai là Bồ Tát? Chúng ta tự cho mình là thông minh, biết rất nhiều việc, chỉ cần nương vào sức mình là đủ rồi. Đúng! Chúng ta có lực lượng, cái gì chúng ta cũng có, nhưng trước khi phát triển được lực lượng này, thì chúng ta phải nhờ vào vị thầy đã phát triển được lực lượng này giúp đỡ.

Trẻ thơ khi chưa biết đi, cũng cần có cha mẹ dắt đi, một người dẫn một bên; hay là một người nắm hai tay của nó dẫn đi từng bước, từng bước, từng bước một, rồi dần dần tự nó sẽ biết đi, đi ngã qua ngã lại; nhưng lúc đó nó vẫn còn phải nhờ cha mẹ dắt nó đi, bởi vì nó chỉ có thể tự đi một đoạn ngắn không hề gì, nhưng nếu muốn đi đường dài cần phải có cha mẹ bồng bế nó đi. Nếu như quý vị dẫn con nít đi xem hát, dẫn nó đi chơi, đi chưa đầy nửa đường nó đã mệt rồi đòi ẵm, không bồng lên không chịu đi, cho nên quý vị phải ẵm nó, hay là dùng xe đạp, xe gắn máy, xe tắc-xi để chở nó đi.

Người mới tu hành cũng vậy, nếu như không có lòng tôn kính, không có lòng khiêm tốn, tu hành tiến bộ rất chậm, có rất nhiều chướng ngại, đó đều là do chúng ta tự ngăn chặn sự tu hành của chúng ta. Có lúc tôi thấy tình trạng này, muốn giúp đỡ,

nhưng chúng ta tự đóng cửa lại, không muốn nói chuyện, cũng không muốn nghe, không để cho tôi đến nắm tay, như vậy tôi cũng khó giúp, nói không xong chỉ còn cách để tự nó một mình học bài. Khi chúng ta học Anh văn, ban đầu không biết nói, mỗi ngày đi gặp ông thầy, học nói chuyện với thầy, hay là tập nói với người bạn, thường đọc sách Anh văn, gần gũi thầy nhiều, sau này mới có thể nói tiếng Anh. Chỉ mới có học nói tiếng Anh đã khó như vậy rồi, muốn thành Phật làm sao mà không cần nhờ vào sức của Phật? Chỉ cần sức của mình thì làm sao thấy được Phật của mình?

Bây giờ, tôi đang nói về Phật, tán thán Phật, chứ không phải tôi nói tôi là Phật. Tôi không nói như vậy. Nhưng nếu như có Phật sống như vậy, chúng ta nhất định phải kính thương Ngài, như vậy đối với mình mới có ích. Từ ngày đầu giảng kinh cho đến bây giờ, tôi chỉ giới thiệu Phật, giới thiệu Pháp Môn Quán Âm, giới thiệu lực lượng lớn của tạo hóa, lực lượng nguyên bản, những thứ này đều là do tôi học từ trong sách, có một số là thể nghiệm riêng của tôi, có một số là học từ thầy của tôi. Bây giờ tôi đem những thứ này nói cho quý vị nghe, không phải để cho quý vị tôn kính con người này, tốt nhất quý vị nên tìm Phật của quý vị.

Nhưng nếu như muốn tìm Phật của mình, trước tiên nên biết bắt đầu từ con đường nào. Nếu quý vị muốn biết đường, tôi có thể nói cho quý vị biết. Bởi vì có một số người nôn nao muốn biết con đường đó, đã hỏi nhiều lần rồi, nếu như quý vị đã cố gắng nghe kinh một tuần lễ, nếu như quý vị muốn biết đường thì ghi tên ngay hôm nay. Nhưng nhất định phải thành tâm, thật lòng cầu “Đạo”, thật lòng muốn giải thoát, chứ không phải hiếu kỳ, bởi vì Phật Bồ Tát biết được tâm của chúng ta, nếu như chúng ta không có lòng thành tức là phi báng Phật Bồ Tát, cũng là tự phi báng chúng ta. Nếu như quý vị đã nghe kinh nhiều lần rồi, hiểu được pháp môn này và cũng biết được tôi dạy gì, thì bây giờ có thể ghi tên.

VẤN ĐÁP

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, trứng là mặn hay là chay?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Trứng không phải là chay, người mới tu hành, nếu như ăn chay không được, cho ăn một hai quả nhưng sau đó phải dứt bỏ ngay, bởi vì nó có ảnh hưởng đến sự tu hành, bởi vì trứng từ trong bụng động vật mà ra, không có trứng thì không có gà, cho nên trứng gà cũng xem như là động vật. Vốn nó đã có sanh mạng trong đó, tuy nói rằng có trứng không thụ tinh, nhưng nó cũng có một nửa của sanh mạng, bởi vì không có giao phối của trống và mái thì không có con gà, chỉ có một cá thể, không thể nào nở ra gà con. Cho nên mới nói trứng mà chưa có thụ tinh, chỉ vì chưa đủ nhân duyên mà thôi, không thể nói nó không có sanh mạng.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, lúc niệm chú nên nghe lời chú hay là nghĩ đến ý nghĩa của lời chú?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Sai rồi. Đó không phải là Pháp Môn Quán Âm. Người hỏi câu này tu pháp môn gì tôi không biết được, nhưng pháp môn tôi dạy không phải là niệm chú, nghe “*âm thanh*” cũng không phải là âm thanh bên ngoài, hễ mà theo đuổi bề ngoài đều không có ích gì. Nghĩ đến ý nghĩa của lời chú cũng vô ích, Nghe tiếng niệm chú cũng không có ích. Nhưng quý vị muốn làm gì thì làm, pháp môn tôi dạy là một thứ pháp môn khác.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, nếu như con tu hành đẳng cấp đạt đến thế giới Thứ Ba, nhưng con chết sớm hơn Sư Phụ, Ngài có thể kéo con lên hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Kéo lên chứ! Tôi không phải là xác thân này, hiện giờ đã có tôi tại thế giới Thứ Ba rồi, sao phải đợi đến chết rồi tôi mới đến đó? Bởi vì tôi đã chờ sẵn ở đó rồi, lẽ

đương nhiên sẽ kéo lên. *(Mọi người cười.)* Không phải tôi chết rồi mới có thể đem học trò lên, nếu không quý vị không dám chết. Ngày mai tôi phải đi tự vẫn sớm *(mọi người cười)* thì quý vị mới cảm thấy an toàn. Học trò của tôi có người đã tám mươi tuổi rồi, như vậy không phải là nguy hiểm lắm sao? Những người già sẽ không dám theo học với tôi. Bởi vì vạn nhất tôi chưa chết mà quý vị đã vắng sanh rồi, như vậy không có ai đưa đi thì làm sao?

Không phải tôi dùng xác thân này đem quý vị lên. Ở thế giới này mới cần có thể xác, thế giới Thứ Nhất thì dùng thân thể của thế giới Thứ Nhất, thế giới Thứ Hai thì dùng thân thể khác, thế giới nào cũng có tôi ở đó, hóa thân tôi ở bên trong còn đẹp đẽ hơn xác thân của tôi ở ngoài.

Vấn: *Nếu như Sư Phụ qua đời sớm, Sư Phụ có chờ chúng con ở trên ấy hay không? (Mọi người cười.)*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Hiện giờ đã chờ rồi, sao phải đợi đến qua đời mới chờ? Bây giờ quý vị có đi thế giới nào đi nữa cũng có thể gặp tôi tại đó, có phải như vậy không? *(Vị ấy đáp: Có.)* Vậy thì sao lại hỏi câu hỏi đại như thế? *(Mọi người cười.) (Vị ấy đáp: Con chỉ hỏi giùm mọi người.)* Tôi biết, nhưng đừng nên làm như vậy, vì đây là chuyện của bên trong, hỏi như vậy mọi người đều biết tôi là ai rồi, như vậy tôi hổ thẹn lắm.

Vấn: *Thông thường chúng ta không có đặc biệt chú ý những thứ gì, nhưng tọa thiền khoảng mười mấy phút hoặc hai mươi phút, những thứ đó đều chạy vào, xin hỏi vì sao?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Bởi vì trước kia quý vị có quan hệ với thứ đó, bây giờ họ đến hỏi thăm, chuyên tâm một chút là được rồi, tâm loạn lắm mới như vậy. Ví dụ phòng này không có người ở, thì sẽ có người chạy vào, nếu như trong phòng có người, thì không có ai dám vào ăn trộm. Lúc tọa thiền, tâm không tịnh

cũng sẽ có nhiều vật chạy vào, tu hành nhiều rồi thì không thành vấn đề, phải thường tham gia thiền thất.

Vấn: *Con có đọc nhiều sách ghi chép là có người theo phương pháp của một số đại pháp sư, như cách niệm Phật của Ấn Quang Đại sư đời Mãn Thanh, cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ, có thật như vậy hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Quý vị có dám khẳng định như vậy không? (*Con không biết rõ.*) Không có đơn giản như vậy. Thế giới Thứ Nhất là chỗ của A-tu-la, ở đó đâu đâu cũng là cảnh giới Tây phương Cực Lạc, nếu như chúng ta không biết được thế giới Cực Lạc chính thật, rất dễ bị ma gạt, thật ra chúng ta chỉ đi đến thế giới Thứ Nhất mà thôi, khỏi có nói đến thế giới Thứ Hai hay Thứ Ba. Cho dù là đến được thế giới Thứ Nhất, thấy được những cảnh đẹp ở đó, sẽ làm cho chúng ta tưởng lầm đó là thế giới Cực Lạc.

Nhưng mà niệm danh hiệu Phật A Di Đà cũng được, có nhiều người thường đến hỏi, tôi thấy trình độ của họ nếu như chưa có thể tu pháp môn tối cao thì cũng bảo họ niệm Phật A Di Đà, chứ không phải chỉ có Ấn Quang Đại sư dạy người ta niệm Phật mà thôi, Ấn Quang Đại sư cũng có tu các pháp môn khác, nhưng Ngài không có đi nhiều nơi truyền pháp, cho nên người ngoài không biết mà thôi, nếu như Ngài chỉ niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì làm gì mà phải trốn trong núi Phổ Đà tu hành mười năm? Tại sao không ở nhà niệm Phật? Mà nhất định phải đến núi Phổ Đà niệm Phật? Ngài cũng rất siêng năng tọa thiền.

Đại sư Quảng Khâm còn phải khổ tu nhiều năm như vậy mới có thể đạt đến đẳng cấp của Ngài, tôi không biết đẳng cấp của Ngài là gì, nhưng tối thiểu cũng là đặc quả A La Hán, bởi vì Ngài có thể làm cho cọp trở nên lương thiện. Đây là năng lực đặc biệt của A La Hán. Còn các lực lượng khác thì tôi không muốn nói,

rất có thể Ngài đạt được quả vị cao hơn A La Hán. Chính Ngài cũng phải tu hành khổ cực như vậy mới có thể đến Tịnh Độ, còn một người tại gia niệm vài ngày Phật hiệu, làm sao có thể thành Phật? Chúng tôi tu Pháp Môn Quán Âm, trong số đệ tử, người tại gia nhiều hơn xuất gia. Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, cũng có rất nhiều đệ tử tại gia. Trong Kinh Lăng Nghiêm, có hai mươi lăm vị Bồ Tát kể thể nghiệm tu hành của họ, trong đó phần đông đều là thể nghiệm của người tại gia, không phải của người xuất gia. Tôi bảo họ niệm Phật là bởi vì họ không muốn tu Pháp Môn Quán Âm, cho nên mới bảo họ niệm Phật còn tốt hơn là không niệm, ít nhất có thể làm cho tinh thần yên tịnh một chút, nhưng không có cứu cánh, thì không thể thành Phật, không thể đi Tây phương.

Vấn: Trong Thánh Kinh có nói khi con người mới ra đời đã có tội tổ tông, thưa có phải chỉ nhân quả đời trước của chúng ta hay không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đúng! Ngoài nhân quả đời trước của chúng ta ra, còn có cộng nghiệp, tội của tổ tông cũng là cộng nghiệp, chúng ta sống chung với cha mẹ, họ nấu cơm cho chúng ta ăn, đó cũng là cộng nghiệp cho chúng ta, nếu như tổ tiên chúng ta làm những việc không có đạo đức, chúng ta hưởng tài sản để lại cũng phải gánh một mớ tội của tổ tông, ý nghĩa của tội tổ tông và cộng nghiệp hay là nghiệp chướng ban đầu, đều như nhau.

Vấn: Sư Phụ có thể giải thích ý nghĩa của “Giới Bát Quan Trai”?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Ý nghĩa của “Giới Bát Quan Trai” là để cho quý vị nghỉ ngơi một ngày, bởi vì quý vị mỗi ngày đều không trì giới. Trì giới Bát Quan Trai thì phải đồng thời phối hợp tu Pháp Môn Quán Âm mới có ý nghĩa. Ví dụ chúng tôi tổ chức thiền thất hay thiền tam, ý nghĩa là để cho học trò của tôi

trong bảy hay ba ngày này, bỏ qua một bên những gì trên thế giới. Vợ, con, chồng, điện thoại, thân nhân, bạn bè, làm ăn, đều bỏ qua một bên, lên núi chuyên tâm tọa thiền với tôi vài ngày, chỉ có học trò của tôi mới có thể tham gia, trong giai đoạn này mới đúng thật là trì giới Bát Quan Trai. Bởi vì miệng không nói, tai không nghe thị phi, mắt không ngó bậy bạ, cho nên những ngày đó mới chính thật trì giới rõ ràng. Lúc đó là tự nhiên trì giới, bởi vì cộng tu với nhau không có thị phi, cũng không có lời gì để nói, không có tranh luận, cho nên lúc đó là tự nhiên trì giới, tự nhiên niệm Phật, niệm kinh. Bởi vì tới đến tôi sẽ giảng kinh, đó tức là giờ quý vị niệm kinh “sống”. Buổi sáng, tôi sẽ chỉ quý vị cách tu hành, xem quý vị tu hành có chỗ nào cần phải chỉ dẫn, tôi nói ngay tại đó, hay là mời mọi người tự mình nói, như vậy mới chính thật là tu giới Bát Quan Trai.

Nhưng bởi vì Minh Sư vãng sanh, không có người truyền pháp, chỉ đọc kinh điển mà thôi, thấy người ta tổ chức thiền tam, miệng không nói chuyện, chỉ nghe kinh, niệm Phật, tưởng rằng thiền tam chỉ là như thế thôi. Bởi vì thiếu Minh Sư chỉ dẫn, cho nên không hiểu ý ở trong đó. Nhưng nếu như có thể trì giới Bát Quan Trai, nghỉ một ngày cũng tốt, nhưng phước báu không lớn, chỉ có một chút nhân thiên phước báu, nhưng không có công đức gì, chỉ để cho tâm mình an nhàn một chút, phiền não giảm đi một chút, bởi vì cả ngày chỉ nhớ Phật, không nhớ thế giới, cũng không nói chuyện với người khác, ít tạo thị phi, nhưng không cách nào mở trí huệ, không thể khai ngộ. Cho nên giới Bát Quan Trai tuy là tốt, nhưng không có công đức đặc biệt nào.

Vấn: *Thưa Sư Phụ, con có đọc qua một quyển sách kể là có một vị bác sĩ người Anh đến Ấn Độ, gặp được một vị sư phụ dẫn ông ta đến một động đen tối để tu hành, ông ta gặp một người trong động, thân mình phát ra ánh sáng, người đó tự xưng là Ma Ha Ca Diếp, xin hỏi đó có phải thật hay là không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi không biết được, tôi phải đích thân thấy mới biết được, đối với việc này tôi không có hứng thú. Có người khi tu hành rồi cũng phát ra ánh sáng, đệ tử của tôi cũng có người phát ra ánh sáng, cần chi phải đến Hy Mã Lạp Sơn vào cái động đen tối đó để nhìn người ta phát ra ánh sáng? Ở đây đã có người phát ra ánh sáng, quý vị không thấy được mà thôi, khỏi cần đi đến hang núi. Ở Đài Bắc náo nhiệt này, đã có người phát ra ánh sáng cho quý vị xem, họ mới theo tôi học có hơn một năm, có nhiều người chỉ mới theo học có một tháng, hai tháng mà thôi, cũng phát ra ánh sáng, không phải chỉ có Ma Ha Ca Diếp mới phát ra ánh sáng. Không cần phải tu lâu như vậy, từ đời Phật Thích Ca tu đến giờ, trải qua hơn 2500 năm mới có thể phát ra một tí ánh sáng, nếu như vậy mọi người thôi khỏi tu luôn. Tôi không hiểu người đó ở trong động làm gì, sao không ra ngoài độ chúng sanh? Chúng sanh khổ như vậy, ông ta lại ở trong đó phát ra một chút ánh sáng. (*Mọi người cười.*) Phật đó thôi khỏi cần, ở đây lay Phật sống của quý vị còn có ích hơn. Ở hội trường giảng kinh này, trong hàng đệ tử của tôi, có vài người cũng phát ra ánh sáng. Cho nên đừng nên theo đuổi chuyện đó là thật hay giả, như vậy không có ích gì. Tôi không hiểu ông bác sĩ đó gặp người nào, bởi vì có người họ chọc chơi, họ sẽ nói họ là người đại tu hành thời xưa, nhưng tôi nghĩ nếu thật là Ma Ha Ca Diếp thì nên làm chuyện vĩ đại hơn, không phải chỉ ở trong động tối phát ra một chút ánh sáng mà thôi.

Vấn: *Nếu như có một Thượng Đế tối cao đã cai quản chúng ta, thì chúng ta không cách nào cải biến, có phải vậy không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không đúng, chúng ta cũng sẽ cải biến, bởi vì chúng ta có “*ý chí tự do*” (*free will*). Chúng ta biết tốt, biết xấu, chúng ta có thể trở nên tốt, cũng có thể trở nên xấu, nếu không, chúng ta không cần tu hành. Như hôm qua tôi nói chuyện cây tre, chúng ta có thể trèo lên, chúng ta có thể trèo xuống, cũng có thể rơi xuống. Đương nhiên có Thượng Đế hay

Phật tối cao, nhưng chúng ta cũng có thể cải biến, nếu như không có thứ tối cao nguyên bản thì chúng ta từ đâu ra? Nhưng mà không có thứ này, trên thực tế cũng không sao, chỉ cần chúng ta trở thành con người vĩ đại là được rồi, có Thượng Đế hay không sau này tính sau.

Hiện giờ điều quan trọng nhất là chúng ta nên tự mình biến đổi, để cho chúng ta trở thành một con người toàn mỹ trên thế giới Ta Bà này, hiểu rõ toàn cõi vũ trụ, có thể như lai như khứ. Nếu có người muốn trở thành như chúng ta vậy, chúng ta cũng có thể đem họ đi, đó mới là mục đích của chúng ta. Đừng có lo đến chuyện có Thượng Đế hay không, chuyện này không liên quan gì đến chúng ta, bây giờ nếu có Thượng Đế cũng không có ích gì cho chúng ta, bởi vì chúng ta cầu xin Ngài, Ngài cũng không nghe. Nếu như Ngài nghe được thì thế giới này đâu có khổ như vậy? Bởi vì không ai muốn khổ, họ ngày ngày đều cầu Thượng Đế giúp đỡ, nhưng Thượng Đế không có giúp đỡ, chỉ có Chân Sư giúp đỡ mà thôi, bất cứ chuyện gì tôi cũng nhanh hơn, Thượng Đế chậm chạp lắm, Ngài hình như điếc, không có tu Pháp Môn Quán Âm. *(Mọi người cười.)*

Cho nên đừng lo có Thượng Đế hay không, có Phật tối cao hay không, những thứ đó đều không quan trọng. Chúng ta chỉ lo chuyện của chúng ta, chúng ta muốn trở thành con người tốt, trở thành chúng sanh vĩ đại, thân thông tự tại, có lực lượng, muốn đi đâu thì đi, muốn cứu ai thì cứu, như vậy đối với chúng ta mới có ý nghĩa. Bởi vì chúng ta nhìn thấy nhiều người bị đau khổ, nhưng lại không có cách nào giúp đỡ, cho nên chúng ta muốn biến thành một đại chúng sanh có lực lượng, có thể giúp đỡ những người đau khổ ấy, đó chính là mục đích của chúng ta, chứ còn Thượng Đế, hay Hạ Đế, chúng ta không cần phải lo tới.





Đến gặp tôi, hay khi ở bên tôi, đương nhiên có thể rửa được loại nghiệp chướng thô tạp. Nhưng loại nghiệp chướng vi tế, vừa không thể nhìn thấy, vừa không thể chạm vào, cũng không cảm nhận được, loại ấn tượng xấu vi tế và bèn rễ kiên cố này, phải dùng dòng âm lưu không thể nhìn thấy, cũng không chạm vào được mới có thể rửa sạch.

Trích từ bài thuyết giảng “Âm Thanh Siêu Thế Giới”



Tháng 5 năm 1994, tại nhà hàng Hoàn Á, Đài Bắc, Formosa, thiên thất quốc tế
“Cầu Nguyện Cho Hòa Bình Thế Giới và Nhân Quyền Quốc Tế”

Những người tu hành cao đến gặp tôi, họ không có chuyện gì cần phải nói cả. Bởi vì họ thích gặp tôi, không gặp trong tâm có vẻ rất nhớ nhung, như là mất đi một điều gì đó, nên họ mới chạy tới gặp tôi. Hai bên chúng tôi nhìn mắt nhau, nhìn xong rồi đi.

Tôi đi ngồi thiền tiếp. Mỗi quan hệ thầy trò của chúng tôi là như vậy.

Trích từ bài thuyết giảng “Sự Lợi Ích Của Tu Hành Pháp Môn Quán Âm”



12

Khái Quát Trong Tam Giới

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Tân Điểm, Đài Bắc, Formosa**

Ngày 11 tháng 3 năm 1987

Hôm nay chúng ta nói đến một cảnh giới khác, những người tu Pháp Môn Quán Âm, vào lúc truyền pháp, sẽ biết được có bao nhiêu cảnh giới.

Nếu có những tình trạng tương đối tiểu tiết thì tôi sẽ không nói được nơi đây, chúng ta chỉ nói sơ qua về một số tình trạng mà thôi. Chúng ta thường cho rằng sử dụng đầu óc của phàm phu hay lời nói của phàm phu thì có thể tu được, có thể đạt được những cảnh giới cao nhất. Tuy nhiên nếu có một người nào đó tu hành vượt qua khỏi Tam Giới, thậm chí so với Tam Giới còn cao hơn nữa, người ấy sẽ thấy rằng con đường tu hành thật là trùng trùng chạp chạp. Nếu như chúng ta không có hướng đạo hoặc lực lượng của các vị Đại Sư Phụ bảo vệ chúng ta, trên con đường đi rất dễ bị ma kéo chúng ta đi. Vừa mới tu hành đến được thế giới Thứ Nhất, còn thế giới Thứ Hai chưa được ghé qua thì đã bị kéo đi mất rồi. Thế giới Thứ Nhất là nơi của A-tu-la, vào ngày thứ nhất

tôi đã giảng qua rồi, hôm nay sẽ nói đến những cảnh giới cao hơn A-tu-la.

A-tu-la thuộc về thế giới Thứ Nhất, ta sẽ đụng phải những gì khi tu hành đến thế giới Thứ Hai? Đương nhiên là sẽ gặp phải chúng sanh của thế giới này. Chúng sanh của thế giới Thứ Hai tương đối lương thiện, không muốn đánh nhau, không giống như chúng sanh của thế giới A-tu-la, nhưng họ cũng biết dối người. Tại sao họ lại dối người vậy? Ngoài trừ những bậc đại tu hành, đại khai ngộ, hơn một nửa tín đồ của các tôn giáo, bất luận tín ngưỡng của họ thuộc về tôn giáo hay tôn phái nào, đều rất sùng bái những “*tiểu Thiên Đế*” trong Tam Giới này. (*Thiên Đế và Thượng Đế không giống nhau, Thượng Đế là đại diện cho lực lượng tối cao, theo Phật giáo ý là chỉ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*)

Các vị Thiên Đế trong Tam Giới này không phải là những vị ở cảnh giới cao nhất. Thiên Đế có rất nhiều đẳng cấp. Hơn tám mươi phần trăm các tôn giáo đều sùng bái các Thiên Đế với đẳng cấp thấp, vì thế nếu chúng ta tin theo tín ngưỡng tôn giáo, nhưng nếu không có Minh Sư truyền pháp, thì cao nhất chúng ta chỉ đến được thế giới Thứ Hai mà thôi. Qua được thế giới của A-tu-la không phải là đơn giản, cho nên khi chúng ta đến thế giới Thứ Hai nhất định sẽ bị đứng lại, tại sao vậy? Bởi vì con đường bên trên vẫn còn rất dài, nếu chúng ta không có vị hướng đạo, chúng ta sẽ không biết lối nào đưa ta ra khỏi Tam Giới. Là những kẻ phàm phu sinh sống ở cõi Ta Bà, hoàn cảnh tương đối khổ đau, thế giới đầy u ám, nếu chúng ta đến được thế giới Thứ Nhất, chúng ta sẽ cảm thấy rất sung sướng. Ở mỗi thế giới đều có Giáo chủ tối cao, Thiên Đế tối cao. Nếu chúng ta không đụng phải bộ hạ của họ mà lại gặp vị Giáo chủ tối cao, gặp phải vị Thiên Đế này, chúng ta sẽ cảm thấy vô cùng sung sướng, tất cả những cá tánh của chúng ta, tư tưởng, cùng những phương thức sinh hoạt sẽ cải biến vô cùng mãnh liệt, cải biến đến tận gốc rễ. Sự cải biến

đó chúng ta không thể nào tưởng tượng được. Lực lượng của chúng ta sẽ tăng trưởng rất mau chóng, trí huệ của chúng ta sẽ mở ra tức khắc. Vì thế chúng ta có thể cho rằng đây là cảnh giới cao nhất, lúc ấy chúng ta sẽ không còn tưởng tượng rằng còn có một cảnh giới cao hơn.

Chẳng hạn như trên thế giới này, có rất nhiều người không tin tưởng bất kỳ một tôn giáo nào. Họ không tin tưởng có Thượng Đế, họ không tin tưởng có thế giới Tây phương Cực Lạc, không tin tưởng Phật giáo hoặc bất cứ một tôn giáo nào. Họ cho rằng thế giới này là sau cùng nhất, sau khi chết là chẳng còn gì cả.

Cũng giống như vậy, có người khi đến thế giới Thứ Nhất gặp phải vị Giáo chủ của thế giới này, họ cho rằng họ đã tìm thấy được mục đích cứu cánh tối cao nhất của vũ trụ. Có khi vị Thiên Đế này kêu người ấy trở về truyền pháp, trở thành một Giáo chủ hay sáng lập một tôn phái mới. Người ấy nghĩ rằng mình là Thiên sứ, hoặc là sứ giả của Thượng Đế, tuyệt đối cho rằng không có gì sai trái cả, bởi vì người ấy không nhận biết được một cảnh giới nào khác nữa. Vừa rồi tôi quên nói chúng sanh ở thế giới Thứ Nhất tuổi thọ rất lâu, thậm chí có người sống đến trăm ngàn vạn năm. Trước khi họ bị chết, họ cho rằng cảnh giới ấy là trường sanh bất lão.

Nếu có người rất cố gắng tu hành hoặc có được pháp môn tốt, đồng thời cũng có một vị thầy trình độ tu hành đã đạt được đẳng cấp của thế giới Thứ Hai, vị thầy này cao nhất cũng chỉ có thể đưa học trò lên đến thế giới Thứ Hai mà thôi. Khi đến được thế giới Thứ Hai, người ấy có được túc mạng thông. Biết được quá khứ, hiện tại, vị lai; không những quá khứ, hiện tại, vị lai của chính mình mà còn quá khứ, hiện tại, vị lai của người khác, chúng ta cũng biết được nữa.

Ở thế giới Thứ Hai có một thứ tựa như là thư viện. Trong thư viện này, bất cứ tài liệu sinh hoạt của người nào, lịch sử đời sống, tuổi thọ bao lâu, đã luân hồi bao nhiêu lần, luân hồi lần thứ

nhất đã làm người gì, làm những công việc gì, điều gì tốt, điều gì xấu, ở tại quốc gia nào, sống được bao lâu; luân hồi lần thứ hai đã làm những động vật gì, ở quốc gia nào, sống được bao lâu; luân hồi lần thứ ba, lần thứ tư, thứ năm, v.v... của bất cứ người nào, mỗi một lần đều ghi lại rất rõ ràng. Sinh hoạt trong quá khứ, hiện tại đều ghi ra cả. Vị lai cũng ghi ra luôn. Những tình trạng của quá khứ và hiện tại không sửa đổi được, nhưng chúng ta có thể sửa đổi vị lai. Cho nên, có người khi đến được thế giới Thứ Hai, biết được đời sống của họ có gì không đúng, họ có thể tự mình thay đổi.

Chẳng hạn như có người tu hành một pháp môn nào đó, không cần ăn thuần chay, vì có rất nhiều vị thầy không đòi hỏi học trò phải ăn thuần chay. Những ai ăn thịt, cao nhất chỉ có thể đến được thế giới Thứ Hai. Đến khi người ấy nhận thấy, với một cuộc sống như vậy, và thấy được sự quan hệ của luật nhân quả đó, họ sẽ lập tức ăn thuần chay ngay. Bởi vì ở nơi này toàn bộ nhân quả họ đều biết cả. Họ hiểu rằng dù ăn một chút thịt sẽ có những hậu quả rất đáng sợ hay những hình phạt đang chờ đợi họ, cho nên dù không ai nhắc nhở, họ cũng tự động thay đổi.

Thế giới Thứ Hai là cảnh giới của nhân quả. Ở nơi ấy, mọi thứ quan hệ về nhân quả đều biết được cả. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều hiểu rõ. Trong những người học trò của tôi, cũng có một hai người hoàn mãn. Vốn đã hứa với tôi ăn thuần chay, sau đó chịu không nổi, đi ra ngoài ăn thịt, sau khi ăn thịt, vừa mới ngồi thiền thì thấy mình đi đến đâu, dù chỉ ăn một quả trứng, tình trạng cũng đã rất đáng sợ. Nếu như ăn mà không biết, lỡ ăn mặn, tương đối không quan hệ nhiều, tuy cũng có nhân quả, nhưng không phải ghê gớm lắm. Còn nếu thấy rõ ràng mà vẫn còn cố ý, thì hình phạt sẽ vô cùng lợi hại.

Có một học trò, chỉ ăn một quả trứng, hôm nay người ấy không có đây, dù có ở đây tôi cũng không nói tên ra, người ấy sẽ tự biết. Lúc ấy tôi đang ở Nghi Lan, vị ấy thấy trong mình không

được khỏe nên đi khám bác sĩ, bác sĩ bảo: “*Phải ăn trứng mới khỏe được*”. Người học trò ấy lúc thường rất nghe lời tôi, nhưng vì tôi không có ở đó nên mới nghe lời bác sĩ. (*Mọi người cười.*) Vị bác sĩ nói: “*Anh cần phải ăn trứng.*” Người học trò cảm quả trứng nghĩ tới nghĩ lui rất lâu, không biết có nên ăn hay không? Cuối cùng thì quyết định ăn. Đêm hôm ấy thì bị quỷ kéo xuống và xử phạt rất nặng, người ấy cầu cứu tôi, nếu không người ấy không thể nào thoát được. Ngoại trừ tôi, không ai có thể cứu vị ấy được, và cũng không ai có thể giúp vị ấy tìm lại được tự do.

Vì vậy tôi phải đi cứu, nguyên do vì cứu vị học trò này, tôi trong lúc thuyết pháp tại Nghi Lan, thiếu chút nữa thì chết mất. Vốn là tôi chuẩn bị giảng kinh, giảng chưa được một ngày thì không tài nào giảng tiếp được nữa, chút xíu nữa thì qua đời rồi. Thực ra tôi vừa mệt vừa đau, phần lớn thời gian phải nằm trên giường, như người chết vậy, chỉ có thể nói được mấy lời, cơm ăn không vô, cũng không làm được chuyện gì.

Người ấy đã đem rất nhiều phiền phức đến cho tôi rồi, vậy mà khi tôi trở về Đài Bắc, người ấy vội đến, trong lúc tôi đang nghỉ ngơi, đánh thức tôi dậy. Tại sao vậy? Bởi vì muốn sám hối. Lúc tôi giảng thì đem phiền hà tới, lúc tôi đi về nghỉ ngơi thì lại đến sám hối, hại tôi muốn nghỉ ngơi cũng không được. Chuyện đã xảy ra như vậy, lúc đầu tại sao lại ăn trứng? Lúc phạm giới đem phiền muộn đến cho tôi, về sau sám hối lại cũng đem phiền muộn đến cho tôi. Cho nên quý vị không nên phạm giới, đừng nghĩ rằng chỉ ăn một chút trứng thì không sao, quan hệ thật ra lớn vô cùng.

Nếu chúng ta muốn rời khỏi thế giới Ta Bà này, muốn sớm thành Phật để cứu độ chính mình, cho người thân, và cho chúng sanh thì nhất định phải trì giới cho mình bạch. Không nên nói rằng người tu hành thì không chấp nhất, phải “*chấp nhất*” mới được. Bởi vì mọi quốc gia đều có luật pháp của nó. Quốc tịch của tôi là Anh quốc, nhưng khi đến Formosa thì phải tôn trọng pháp

luật của Formosa. Tôi không thể nói rằng vì không biết pháp luật của Formosa cho nên không cần tôn trọng.

Chẳng hạn như ở Anh quốc người ta lái xe phía bên tay trái, nếu tôi đến Formosa cũng giữ lái xe bên tay trái, nói cho cùng như vậy ai là người bị thiệt hại? Không phải nói rằng không biết pháp luật thì không quan hệ gì, chỉ cần lái xe bên tay trái thì đã gây ra phiền phức rồi. Bởi vì mọi người đều giữ bên tay phải, tuy tôi có quốc tịch Anh quốc, nhưng vì ở nơi đây, tôi phải lái xe bên tay mặt. Nếu như chúng ta nghĩ rằng chúng ta vốn là Phật, cho nên làm điều gì cũng không có gì quan hệ, vậy thì sai rồi. Khi chúng ta sống ở thế giới của Phật, đương nhiên chẳng có vấn đề gì, nhưng khi chúng ta đến thế giới Ta Bà này, cần phải tôn trọng pháp luật của thế giới Ta Bà. Nếu không, chúng ta không thể nào đi được.

Chẳng hạn tôi vốn là ở Anh quốc, làm việc tại Anh quốc, tôn trọng luật pháp Anh quốc, nên không có vấn đề gì. Nhưng khi tôi sống ở Formosa, nếu không tôn trọng pháp luật của Formosa, phạm tội rất nhiều, tôi cũng không cách nào trở lại Anh quốc được, rất có thể tôi sẽ bị cảnh sát Formosa nhốt lại, thậm chí có thể bị xử bắn, lúc ấy dù có quốc tịch Anh quốc cũng chẳng làm gì được.

Cho nên nếu chúng ta muốn ra khỏi Tam Giới, thì cần phải tu “*giới, định, huệ*”. Hôm qua tôi nói đến Lục Tổ Huệ Năng, Ngài là thiền sư đời thứ sáu, kể từ khi Thiền tông được truyền đến Trung Hoa. Lúc ấy Ngài vẫn còn chưa xuống tóc, nhưng Ngài đã nhận lãnh y bát ra đi. Lúc Ngài ở cùng với những người ăn thịt, nhưng Ngài cũng không dám ăn thịt, chỉ ăn rau cải mà thôi. Những người ấy mới hỏi Ngài: “*Tại sao không ăn thịt?*” Ngài nói: “*Bởi vì đau bụng, bụng không được tốt, cảm thấy khó chịu, sợ ăn thịt sẽ không tiêu.*” Trong những tình cảnh khó khăn, Ngài cũng không dám ăn thịt, bởi vì lúc đó Ngài đang tránh nạn, không thể nói với mọi người rằng mình đang tu hành, nên không được

ăn thịt, chỉ có thể nói rằng vì bụng đau nên không ăn thịt được. Ngay cả Lục Tổ Huệ Năng, Ngài cũng chưa dám nói “*không chấp nhất*”, chúng ta là những người gì mà dám cho rằng mình không nên chấp nhất? Chắc có lẽ vì cảnh giới cao quá, nên mới “*rớt xuống*” thế giới Ta Bà này để nghỉ ngơi.

Có một số người tu thiền nhưng thường hay cho rằng tu thiền không nên chấp nhất, điều này không đúng, cần phải “*chấp nhất*” mới có thể đạt được tự tại. Thật ra cũng chẳng có gì là chấp nhất, con người vốn không được ăn thịt của chúng sanh, luật lệ này rất tự nhiên, vì chúng ta không hiểu rõ nên mới cho rằng ăn thịt không có gì quan hệ. Sau khi hiểu rõ rồi chúng ta sẽ vô cùng sợ hãi, một chút cũng không dám phạm giới, không dám nói dối. Cho nên “*giới, định, huệ*” rất quan trọng, nếu chúng ta muốn tu hành thì cần phải giữ cho tinh khiết, quý vị đã hiểu rõ chưa? Bây giờ có còn muốn ăn kem lạnh nữa không? Ăn kem lạnh thì không sao, có loại kem không có trứng, nhưng nhớ đừng ăn bánh trứng gà.

Chúng sanh ở thế giới Thứ Hai, lực lượng của họ còn cao hơn lực lượng của chúng sanh ở thế giới Thứ Nhất. Nếu chúng ta muốn vượt qua chúng sanh của thế giới Thứ Hai, để đến một cảnh giới cao hơn, họ sẽ đến làm phiền chúng ta, so với chúng sanh của A-tu-la còn rắc rối hơn nhiều. Khi tôi ở Hy Mã Lạp Sơn tu hành, tôi ở cùng với một người bị ma ám, cô ấy thức dậy vào khoảng bốn năm giờ. Tôi cũng phải thức dậy vào giờ này để cùng với cô ấy niệm Phật. Cô ấy niệm đủ loại tiếng, kể cả tiếng “*đồ, rê, mi, fa, sol*” cũng có. Những tiếng niệm ấy âm vang rất kinh khủng, đôi khi cô ấy cũng hát lên, có khi tiếng kêu như chó sủa, những âm thanh ấy thật là “*dễ nghe*”. (*Mọi người cười.*) Lúc ấy không cần luyện Pháp Môn Quán Âm, bên ngoài cũng đã có âm nhạc rồi. (*Mọi người cười.*) Lúc cô ấy bị ma ám, không phải loại ma nhỏ, mà là ma của thế giới Thứ Hai, tuy chúng ta gọi là thiên nhân hay thiên thần, nhưng họ cũng là ma, chúng sanh nội trong Tam Giới đều là ma.

Nếu chúng ta ví vũ trụ như một thân cây trúc, một nửa bên trên là dương, còn một nửa bên dưới là âm, Tam Giới thuộc về nửa bên dưới. Nói theo Đạo giáo, họ gọi là “âm dương”. Dương là phần trên, âm là phần dưới. Thế giới Thứ Hai đương nhiên thuộc về phần âm. Vì thế chúng ta vẫn gọi họ là ma. Thật ra cũng chẳng có gì là ma, chỉ có công việc của họ ở nơi tương đối thấp. Chẳng hạn như bộ ngoại giao, người ở đây phụ trách về phần liên hệ với quốc tế, công việc tương đối nhẹ nhàng. Còn những người ở sở cảnh sát chuyên môn bắt phạm nhân, tính chất công việc của họ là bắt người, chửi mắng người, bắt người nhốt vào lao tù, quản giáo tù nhân; chẳng qua đó là công việc của họ, cần phải có những người làm công việc này, nếu không xã hội sẽ không an ninh.

Cũng giống như vậy, cần phải có những loại ma, để có thể không chế được những chúng sanh không cao thượng. Đẳng cấp của họ phải ở những cảnh giới ấy, cho nên mới cần những người ở cảnh giới này quản lý họ. Người bạn bị ma ám của tôi vốn tu hành rất cần mẫn, nhưng khi cô ấy tu đến đẳng cấp đó đã bị họ bắt, bị họ đặt một cái trần nhà trên đầu, nên không thể nào trèo qua được. Chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm, tuyệt đối không có vấn đề gì. Nhưng cô ấy ngày trước đã tu qua những pháp môn rất kỳ cục, cho đến khi gặp được thầy của tôi, thì tình trạng bị ma ám của cô ấy đã rất nghiêm trọng. Vì cô ấy tu một mình, tương đối ít lực lượng, nên Thầy của tôi mới gọi tôi đến nơi ấy giúp cô trị bệnh.

Mỗi ngày nghe cô gái bị ma ám hát, tôi rợn cả da gà bởi vì cô ấy hát “hay” quá. (Mọi người cười.) Có khi cô ấy cũng nổi cơn thịnh nộ, một mình giận lên vô cớ; tôi không có làm gì, cô ấy cũng chửi, cô ấy nói: “*Cô muốn hại tôi, cô muốn giết tôi, tại sao cô bóp đầu tôi đau như vậy?*” Tôi nói: “*Tôi đâu có làm gì đâu.*” Cô ấy nói: “*Cô nhất định dùng thần thông bóp đầu tôi.*” Tôi nói: “*Không có! Chúng ta cùng nhau niệm Phật, tôi đâu có*

thần thông, cũng không có rãnh. Tôi ngồi ở đây, cô ngồi ở đó, làm sao tôi có thể bóp đầu cô?” Nhưng cô ấy cũng không tin, bởi vì cô ấy đang bị ma ám, ma muốn cô ấy nghĩ như vậy, giận như vậy và chỉ nghĩ đến điều xấu.

Cô ấy có một chút phép Tha Tâm Thông, có khi cũng có một chút Thiên Nhân Thông, đó là những phép thuật của thế giới Thứ Hai. Ngày trước cô ấy tu hành đã chọn lầm đường, tu theo một số bàng môn tà đạo, mục đích tu hành không chính đáng, tu hành chỉ muốn được thần thông. Vì gieo nhân như thế, nên mới gặt quả như vậy. Tu hành đến một thời gian, đến một thế giới nào đó, thì chúng sanh của thế giới ấy sẽ đòi trả giá, họ nói: *“Bởi vì ngày trước ngươi đã dùng tiền của ta, dùng lực lượng của ta, bây giờ phải thanh toán nợ nần, mới được tiếp tục đi qua.”* Nếu chúng ta chỉ thiếu họ một trăm đồng, đến khi trả thì phải trả một ngàn, một vạn đồng. Luật pháp của thế giới nhân quả và thế giới Ta Bà rất giống nhau, khi chúng ta mượn của ai một trăm đồng, thì không phải chỉ trả một trăm đồng mà thôi, mượn một trăm có khi phải trả một ngàn.

Luật nhân quả rất lợi hại, nó không cần biết mục đích của chúng ta là tốt hay xấu, mỗi một vật đều giống như một khối tuyết cầu, càng kết càng nhiều, cuối cùng thì sự khác biệt so với lúc đầu rất lớn. Ví dụ như chúng ta chỉ thiếu ngân hàng có một vạn đồng, nếu không có tiền trả, tiền lời càng lúc càng nhiều, rồi đột nhiên trở thành thiếu rất nhiều, không còn cách nào trả nổi.

Luật nhân quả trong Tam Giới cũng giống như vậy. Nếu quý vị trồng hạt giống của cây cam, năm sau sẽ sanh ra rất nhiều cam. Cũng vậy, nếu trồng hạt giống của thuốc độc, dù rất nhỏ, về sau cũng thu gặt rất nhiều thuốc độc. Vì thế chúng ta ở đây, trồng nhân tốt sẽ gặt được quả lành, trồng nhân xấu sẽ gặt quả dữ. Không kể tốt xấu mọi thứ đều tăng gia gấp đôi, biến thành rất nhiều, rất nhiều. Điều tốt đương nhiên không có vấn đề gì, nhưng nếu là điều xấu, sau khi qua một thời gian, vì ảnh hưởng của quả

xấu, chúng ta sẽ không còn được cơ hội ra đi. Luật nhân quả này vô cùng nghiêm khắc.

Luật nhân quả trong Tam Giới rất tinh tế, một điểm, một giọt, một phân, một hào đều không thiếu. Có khi vì quá tinh tế, không cần biết chúng ta làm điều gì, nó lập tức ghi lại, tích lũy lại rất nhiều, vì vậy luật pháp này trở thành một thứ luật pháp rất là ngu ngốc.

Ví dụ chúng ta cho một người nào đó một đồng, sau khi bỏ thí, vì cao hứng, chúng ta đi nói cho người khác nghe, nói rằng hôm qua tôi bỏ thí cho người đó một đồng. Ngay lúc đó một đồng bỏ thí ấy của chúng ta không còn nữa, bởi vì chúng ta đã nói cho người khác nghe rồi. Dựa theo luật nhân quả, hành động bỏ thí của chúng ta không còn nữa. Ngày mai lại cao hứng nói cho người khác nghe nữa, nói rằng hôm trước tôi có cho người đó một đồng. Lúc này thật ra ta đã thiếu người đó một đồng rồi, nếu như ngày mốt lại nói cho người khác nghe nữa, ta sẽ thiếu người ấy thành hai đồng. Chúng ta cho người ấy một đồng, nay vì nói hai, ba lần, biến thành thiếu người ấy hai đồng, càng nói sẽ càng phiền phức, càng nói càng thiếu thêm.

Cho nên khi chúng ta bỏ thí trong thế giới này, cần phải cẩn thận, nếu không sẽ rất nguy hiểm. Nếu sau khi bỏ thí, mà nghĩ đến sự bỏ thí của mình, thì thật ra chúng ta tự tìm phiền não. Bởi vì khi chúng ta nghĩ đến bỏ thí, thì chúng ta phải trở lại để hưởng thụ phước báu mà chúng ta đã bỏ thí, không muốn cũng không được, nhất định phải trở lại. Nếu như quý vị tu hành rất tốt, lẽ ra có thể vượt qua khỏi Tam Giới, nhưng bởi vì bỏ thí cho một người hai ba đồng và trong lúc bỏ thí lại nghĩ đến cái “ta”, thì cũng phải trở lại hưởng thụ hai, ba đồng ấy thì mới có thể đi được. Luật pháp của nhân quả rõ ràng là như vậy.

Trong kinh Kim Cang, Phật Thích Ca có khuyên chúng ta trong lúc bỏ thí không nên nghĩ đến hình tướng, đừng cho rằng “ta” đang bỏ thí, thì đó mới thật sự bỏ thí. Vì Phật biết rằng, lúc

bổ thí, nếu chúng ta có chút quan niệm về việc bổ thí, thì chúng ta sẽ tiếp tục luân hồi. Vì vậy vượt qua Tam Giới không phải dễ dàng, nếu không có người hướng đạo, không có Minh Sư, chúng ta vô phương rời khỏi. Bất luận chúng ta làm điều gì cũng đều làm sai, không có gì đúng hết.

Trong kinh Địa Tạng Vương có nói là Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát lên Thiên Đàng cùng với Phật Thích Ca mở Pháp hội, Ngài nói với Phật Thích Ca rằng: *“Tôi thấy tất cả chúng sanh, mỗi một ý niệm đều tạo nên nghiệp chướng. Không có một ngày nào mà không tạo nghiệp chướng.”* (Địa-Tạng-Kinh Lợi-ich-Tôn-Vong; Phẩm thứ bảy, Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với Phật: *“Thế tôn, Ngã quán thị diêm phù chúng sanh, cử tâm động niệm, vô phi thị tội.”*) Ý của tôi cũng giống như ý của Ngài vậy, chúng ta làm điều gì cũng sai cả, không có một thứ gì là không làm sai. Cho nên nếu không có lực lượng của đại Sư Phụ, không có lực lượng của Phật bảo trợ chúng ta, dẫn chúng ta đi lên, thì bất cứ chúng sanh nào cũng có thể níu kéo chúng ta, xẻo thịt chúng ta, bẻ tay chúng ta, hoặc lấy quần áo của chúng ta, bởi vì chúng ta đã thiếu nó quá nhiều, thiếu từ đời đời kiếp kiếp. Khi chúng ta làm một điều gì sai, đương nhiên bị thiếu; cho dù vô ý làm sai cũng thiếu luôn, luật nhân quả sẽ đều chép ghi lại và ta trở thành phạm tội.

Vì thế nếu người tu hành không có thầy, hoặc chỉ có vị thầy với đẳng cấp không cao lắm, thì cao lắm người ấy chỉ tu đến thế giới Thứ Hai, cao nhất thì gặp được vị Giáo chủ của thế giới Thứ Hai, cũng là Thiên Đế của thế giới Thứ Hai. Sau khi gặp được vị Thiên Đế, thì toàn bộ cuộc sống đều biến đổi, thay đổi tận cội rễ về tư tưởng, lý tưởng, sự suy nghĩ cho đến sự thông minh và trí huệ cũng thay đổi luôn. Lúc bấy giờ sự hiểu biết, suy tư không còn giống như xưa nữa. Người ấy sẽ cảm thấy mình có rất nhiều lực lượng và trí huệ. Đến lúc này vị Giáo chủ của thế giới Thứ Hai đến nói với người ấy rằng: *“Bây giờ ngươi có thể trở về để*

độ chúng sanh rồi.” Người ấy tin tưởng rằng giờ đây mình đã là một vị Phật vĩ đại, đã đắc “Đạo”.

Bởi vì người ấy không thể tưởng tượng rằng vẫn còn có nhiều cảnh giới cao hơn, còn có những chúng sanh lực lượng cao hơn vị Thiên Đế này. Người ấy không thể nào tưởng tượng được, cũng không còn suy nghĩ và đến một chút hoài nghi cũng không có. Cho nên khi người ấy trở lại và bảo mọi người rằng, vị Thiên Đế nọ là Thượng Đế, tên của vị ấy là gì gì đó, trong vũ trụ Ngài là đại biểu cao cả nhất. Người ấy không nói láo và cũng không cố ý dối gạt người, vì thật ra người ấy cũng không biết. Chỉ có các vị đại Bồ Tát chân chính, Phật chân chính, hoặc các vị thánh nhân như Lão Tử của Trung Hoa mới có thể biết được rằng còn có những cảnh giới cao hơn.

Chúng ta thường xưng tụng Phật Thích Ca vĩ đại, bởi vì Ngài là đại thánh nhân, là người đại khai ngộ, Ngài là Phật và trình độ của Phật là cao nhất, Ngài hiểu rõ ràng toàn bộ vũ trụ. Phật là vị đã vượt ra xa Tam Giới. Còn ở trong Tam Giới, ngay cả thế giới Thứ Tư cũng chưa phải là Phật, chỉ là Bồ Tát mà thôi. Chỉ có những vị Phật đã lên những cảnh giới cao cả mới có thể thật sự thấu hiểu, bất luận là thế giới Thứ Nhất, Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Tư, Thứ Năm, Thứ Sáu đều hiểu rõ ràng; thế giới nào có vị Giáo chủ nào, các Ngài đều hiểu rõ cả. Chỉ có những vị như vậy mới có thể dắt người lên đến cảnh giới cao nhất. Nếu không chúng ta sẽ mãi mãi luân hồi trong Tam Giới và mỗi lần lên đều cho rằng đó là cảnh giới cao nhất. Trong kinh A Hàm, Phật Thích Ca có đề cập đến những cảnh giới khác nhau. Ngài nói rất rõ ràng, những lời Ngài nói không khác biệt gì những lời tôi giảng hôm nay. Trong kinh A Hàm, Phật Thích Ca kể rằng, có một vị sư Yoga tu hành rất cao, trong khoảnh khắc vị ấy có thể đến cảnh giới của Phạm Thiên. Địa vị của Phạm Thiên là cao nhất trong Tam Giới của chúng ta, là Thiên Đế của thế giới Thứ Ba. Vị sư Yoga trong một thoáng đến Phạm Thiên, mới hỏi Phạm Thiên rằng: “*Trong vũ trụ*

này ai là người cao nhất?” Phạm Thiên không đáp. Vị sư ấy hỏi lần nữa, Phạm Thiên vẫn không đáp. Vị sư lại hỏi, Phạm Thiên trả lời: “Ta tạo ra thế giới này, khi thế giới này chưa được tồn tại thì ta đã tồn tại rồi.” Sau khi Ngài trả lời xong, vị sư Yoga vẫn rón hỏi ép: “Tôi không muốn hỏi điều đó, tôi chỉ muốn hỏi Ngài, trong vũ trụ này ai là người cao nhất?” Vị Phạm Thiên cảm thấy không tiện trả lời và không trả lời.

Bởi vì lúc ấy bộ hạ, đệ tử và cung nữ của Phạm Thiên đang ở đó nên không tiện trả lời thẳng. Phạm Thiên mới kéo vị sư Yoga đến một góc và bảo vị sư Yoga đừng hỏi điều này, và hỏi vị sư Yoga tại sao ông ấy muốn biết. Vị sư Yoga nói rằng ông có hỏi Phật Thích Ca, nhưng Ngài cũng không tiện nói ra và bảo ông đi hỏi Phạm Thiên. Đến lúc này Phạm Thiên mới nói: *“Hỡi ơi! Nếu ông đã gặp Phật Thích Ca rồi thì còn hỏi gì nữa, Ngài là cao nhất, cao hơn tất cả các Thiên Đế.”*

Hôm qua, tôi có nói Minh Sư mới là cao nhất. Thượng Đế không là gì cả, khi chúng ta khổ đau, Thượng Đế không đoái hoài đến, khi chúng ta giàu có, Ngài cũng không ngó ngang tới. Chúng ta sanh tử luân hồi, Ngài cũng không quan tâm. Bôn phận của Ngài là tạo hóa, nuôi dưỡng vạn vật, Ngài không để ý đến chúng ta có đau khổ hay không. Nhưng vị thầy thì nghĩ đến chúng ta, cho nên chúng ta xưng tụng vị Thầy cao cả nhất là Phật. Phật lo lắng cho chúng ta, Ngài dẫn chúng ta đến bến bờ tự do, bởi vì Phật ở ngoài vòng luật pháp, Thượng Đế không thể ép buộc Ngài điều gì hết. Tuy nhiên chúng ta không thể cho rằng Phật cao hơn Thượng Đế, hay Thượng Đế cao hơn Phật. Trong cảnh giới ấy, không còn vấn đề ai cao hơn ai nữa, không còn sự tranh luận so sánh nữa.

Phật là Phật, Phật ở một cảnh giới khác. Còn Thượng Đế, ví dụ như có Thượng Đế hoặc một vị Tạo Hóa, thì là một cảnh giới khác hẳn. Thượng Đế hoặc gọi là Tạo Hóa, trong cảnh giới ấy có luân hồi sanh tử, đục trong, âm dương, v.v... nó bao gồm những

trạng thái có tính cách tương đối. Phật ở một cảnh giới khác, ở đó không còn trạng thái tương đối đó, không còn những thứ sanh, lão, bệnh, tử, không còn sự đục trong, sanh diệt, tăng giảm. Cảnh giới của Phật là không sanh, không diệt, không đục, không trong, không tăng, không giảm. Chúng ta tôn xưng Phật là Minh Sư, nếu chúng ta nói rằng một vị Đại Minh Sư cao hơn Thượng Đế, điều này không phải khoa trương. Bởi vì Thượng Đế không thể dẫn dắt con người đến bờ giải thoát. Thượng Đế để cho con người không ngừng luân hồi trong cảnh giới “*thành, trụ, hoại, không*”. Còn Phật đưa con người ra khỏi vòng luân hồi ấy và đạt được sự giải thoát cứu cánh. Chính vì vậy mà vị Phạm Thiên mới nói với vị sư Yoga rằng: “*Người ông gặp đó là cao nhất rồi, ông không hỏi Ngài còn đến đây làm gì? Ngài cao hơn tôi.*”

Vị sư Yoga ấy đã tu hành đến cảnh giới của Phạm Thiên, quả thật là hiếm có. Đại đa số các vị sư Yoga chỉ đạt được đến thế giới Thứ Nhất mà thôi, họ cho rằng đó là mục đích cao cả nhất, rất ít người tu hành đến được thế giới Thứ Hai. Cho dù có người tu luyện đến thế giới Thứ Ba, nhưng nếu người ấy không có Minh Sư dẫn dắt, thì người ấy không thể nào vượt ra khỏi Tam Giới. Nếu có những vị Minh Sư như vậy, thì họ đều dạy Pháp Môn Quán Âm. Cho nên trong kinh Lăng Nghiêm, Phật tán thán Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tối cao nhất. Thập Phương Tam Thế Phật đều cần phải tu Pháp Môn Quán Âm mới thành “*Đạo*”. Trong Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo cũng có nói Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tối cao nhất. Điều này tôi đã giảng qua rồi, tôi sẽ không giảng lại để khỏi phải lạc đề. Nếu quý vị muốn hiểu rõ thì có thể đọc trong kinh sách của tôi.

Hôm qua, tôi có đề cập quan điểm của người Ấn Độ về địa vị của Minh Sư cao hơn Thượng Đế. Họ không thờ phụng Phật gỗ hay Phật đá trong gia đình của họ. Họ chỉ treo ảnh của các vị Sư Phụ hay Sư Ông của họ, mỗi ngày họ đem một ít hoa để cúng dường. Tuy nhiên pháp môn của chúng ta không cố động dăng

hoa, dâng hương, hay dâng một vật gì đó để cúng dường. Nhưng tôi không có cách nào bảo quý vị đừng cúng dường. Bất luận tôi nói gì, quý vị đều muốn cúng dường. Hôm nay bảo người này đừng cúng dường, ngày mai người khác đến, lại bảo người ấy đừng cúng dường, ngày mốt lại có người khác đến. Bây giờ thì tôi không muốn nói nữa. Kêu quý vị đừng nên đánh lễ, hôm nay dạy cho người này, ngày mai lại có kẻ khác đến đánh lễ.

Tôi không thể mỗi ngày chỉ dạy một thứ giống nhau. Cho nên đến bây giờ thì tôi đình công rồi, không muốn nói nữa. Ai muốn đánh lễ thì đánh lễ, muốn cúng dường gì thì cúng thứ ấy. Nhưng quý vị đừng nên cúng dường nhiều như vậy, tôi đã đủ dùng rồi. Nếu cúng dường nhiều quá, xe sẽ không chở nổi. Núi của tôi và đồng tu ở rất cao, nếu như cho tiền nhiều quá, xe sẽ không chạy nổi. *(Mọi người cười.)* Chúng tôi không xây cất chùa chiền, nên không cần nhiều tiền. Quý vị không cần lo lắng về việc tôi bị chết đói, tôi đủ dùng rồi. Sắp chết đói, tôi sẽ đăng báo. *(Mọi người cười.)* Đăng báo rằng: “*Tại một trung tâm tịnh tọa nào đó, có một vị pháp sư sắp chết đói.*” Khi được tin, người Formosa sẽ đến cúng dường ngay, học trò của tôi sẽ chiếu cố đến tôi, họ sẽ không để tôi chết đói. Thức ăn cúng dường quá nhiều ăn không vô nữa, ăn không hết thì rất phí phạm. Nếu quý vị muốn xuất gia thì nhanh chân lên một chút, đến mau để giúp tiêu thụ thực phẩm, thức ăn lúc này rất nhiều, ăn không hết. Tôi ăn rất ít, các vị xuất gia cũng vậy.

Con người làm việc trên thế giới này quả thật khổ cực và thật găng sức. Lúc này khi chúng tôi bước vào, tôi thấy ở dưới lầu có một tiệm bánh, họ đang làm những loại bánh kem cho buổi sáng, những loại bánh ấy dường như là bánh mặn, chúng ta không ăn được. Tôi nhìn thấy họ rất cực khổ, mỗi lần đến đều thấy họ bận rộn qua lại, dáng vẻ rất cực nhọc. Tôi thấy những món thức ăn nhỏ đó không đáng giá bao nhiêu, lợi tức của họ chắc không cao lắm, vậy mà phải chịu khổ như vậy; có những lúc còn phải lo

không đủ tiền dùng, không đủ cơm ăn, không đủ áo mặc. Thậm chí có người còn bị phá sản, nợ nần người ta rất nhiều. Thật rất là tội nghiệp. Chỉ vì một miếng cơm, một chút đồ dùng, một vài mảnh áo, mà phải khổ đến như vậy. Chúng tôi là những người tu hành, tuy không có tiền, nhưng thức ăn không bao giờ hết. Tôi không hiểu tại sao tất cả quý vị không đi xuất gia? (*Mọi người cười.*) Tôi không hiểu đạo lý này, tại sao khổ cực kiếm tiền như vậy mà vẫn lo không đủ dùng? Chúng tôi đâu có khổ như vậy, mỗi ngày tuy cũng phải làm việc và ngồi thiền, nhưng không phải cực nhọc như những người tại gia. Chúng tôi làm việc, ngồi thiền, đều là vì muốn giúp đỡ chúng sanh. Chúng tôi không đi hóa duyên, không đăng báo, cũng không cầu người bố thí và cũng không đi thọ bát. Nhưng mọi thứ vẫn dùng không hết, quần áo cũng mặc không hết. Chỉ cần ba, bốn bộ là đủ rồi, thật ra đối với chúng tôi đó cũng là nhiều lắm rồi. Cơm ăn không hết, không cần thiết phải có nhiều thứ như vậy. Bởi vì chúng tôi là những người tu hành, rất dễ dàng cảm thấy đầy đủ, cho dù không có tiền cũng cảm thấy đầy đủ. Dù sống nơi nhà trọ, không có chùa riêng cũng cảm thấy đầy đủ, có gì dùng nấy, những người dễ cảm thấy mãn túc là những người giàu có nhất.

Trước khi tôi xuất gia, cũng rất lo lắng vì không quen thọ bát, cũng không quen cầu cạnh người, không biết có đủ tiền dùng sau khi xuất gia hay không? Tuy sợ thì sợ, nhưng người tu hành cần phải can đảm, không có tiền thì thôi, nếu có bị chết đói thì sớm về cõi Tây phương. Ngược lại điều lo lắng ấy, bây giờ đồ vật dùng không hết. Có những người bận bịu từ sáng đến tối, bận đến nỗi không có thời gian ăn cơm, đi ngủ, nhưng tiền kiếm được vẫn không đủ dùng. Nhìn thấy họ thật tội nghiệp, nhưng không thể nào thay đổi quan niệm của họ được. Chúng ta càng muốn bắt một vật gì, thì càng không bắt được nó, cũng giống như bắt hình bóng của chính mình vậy, dù theo đuổi như thế nào cũng không bắt được.

Ví dụ như chúng ta thương mến một người nào đó và tận tình theo đuổi nhưng ngược lại người ấy sợ hãi bỏ chạy. Nếu chúng ta cứ để mặc người ấy, có thể người ấy sẽ tự trở lại. Vì vậy ngày mai quý vị thử xem, đừng để ý đến chuyện ăn uống vui chơi, nó sẽ tự động chạy đến. Đừng nên lo lắng lắm, tạo hóa tạo ra rất nhiều đồ vật, mỗi một vật đều được tạo hóa chăm sóc. Cỏ cây không đi kiếm tiền, mà cũng có thể trưởng thành, cũng có thể nở hoa kết trái. Động vật không có người chăm sóc, mà cũng sanh sôi nảy nở rất nhiều. Cá ở đại dương, không được người chăm nom, cũng không phải đi làm (*mọi người cười*), nhưng cũng sanh trưởng nhiều như vậy. Toàn thể giới với bốn tỷ miệng ăn, mỗi ngày đều bắt rất nhiều cá, ai lo cho những loại cá ấy? Kết cuộc cá cũng không có vấn đề gì. Địa vị của con người chúng ta trong vũ trụ là cao cả nhất, nếu cho rằng có Thượng Đế, làm sao Ngài có thể không chăm sóc chúng ta?

Giả sử như chúng ta xuất gia là vì muốn “*thân, khẩu, ý*” được thanh tịnh. Đem “*thân, khẩu, ý*” hoàn toàn cúng dường Thượng Đế, cúng dường Phật, cúng dường Tam Bảo. Nếu chúng ta tin tưởng Thượng Đế, Thượng Đế sẽ chăm sóc chúng ta, nếu chúng ta tin tưởng Phật, Phật sẽ chăm sóc chúng ta, quý vị có đồng ý không? (*Mọi người đáp: “Đồng ý.”*) Nếu như vậy toàn thể quý vị đi xuất gia được rồi! (*Mọi người cười.*) Khi xuất gia quý vị sẽ để được mọi thứ ở lại, không còn lo lắng một điều gì nữa, lập tức quý vị sẽ có đủ thứ đồ dùng, nhưng quý vị đừng vì những điều ấy mà xuất gia.

Khi tôi chưa xuất gia, có tiền trong quỹ tiết kiệm, còn có tiền hưu trí (*vì tôi làm việc cho chính phủ Đức nên có tiền hưu trí*), có bảo hiểm, an sinh xã hội, bảo hiểm sức khỏe, v.v... Làm việc cho chính phủ rất tốt, được nhiều thứ bảo hiểm. Nếu tôi nán ở lại làm việc thêm một, hai năm nữa, ít nhất cũng để dành được một ít tiền dưỡng lão, muốn làm gì cũng đủ dùng, hay nếu như trước khi xuất gia, tôi thu xếp đầu vào đó, cũng có thể đem một ít tiền đi.

Nhưng lúc ấy, tôi không tính toán gì cả. Nói đi là đi, tham thêm tiền để làm gì? Xuất gia đâu có cần tiền, cho nên lúc ấy tôi mới ra đi. Nếu như còn rán đợi một, hai năm hay là một, hai tháng, không biết chuyện gì sẽ xảy ra; rất có thể có vài công chuyện sẽ xảy ra, ngăn trở con đường đi của tôi cũng không chừng. Mỗi ngày đều có nhiều chuyện phát sinh ra, công việc của chúng ta ngày hôm nay lo còn không xuể, làm sao biết được chuyện của ngày mai? Làm sao có thể biết được chuyện năm sau? Cho nên tôi mới quyết định: *“Thôi được rồi, muốn đi thì đi.”* Tôi tự trách mình rằng đã xuất gia còn nghĩ đến tiền để làm gì?

Lúc ấy, tôi không có bao nhiêu tiền trong túi, đại khái chỉ có hai, ba ngàn Mỹ kim. Sau khi mua vé máy bay đi Ấn Độ, thì còn lại chẳng bao nhiêu, nhưng tôi vẫn cứ đi. Chỉ đem theo hai, ba bộ quần áo và một cái túi ngủ, ngoài ra chẳng còn gì nữa. Một ít tiền còn dư lại sau khi mua vé máy bay, sau đó lại mua vé máy bay đi Formosa, không còn tiền nữa. Lúc đó, tôi nghĩ bây giờ đến Formosa không có tiền phải làm sao? Khi tôi đến Formosa, trong người chỉ còn mấy trăm đồng, chỉ sống đủ một ngày trong quán trọ, trả tiền phòng là hết sạch. May mắn lúc ấy tôi liên lạc được với hội Phật giáo, mới hỏi họ, họ chỉ cho tôi đến trú ngụ tại một ngôi chùa, nếu không, một người cũng không quen biết, có thể từ từ chết đói ở Formosa rồi. *(Mọi người cười.)*

Thật ra ngày thứ nhất khi đến Formosa, tôi đã nói rõ cho Hội Phật giáo rồi, nhưng dường như họ không hiểu nên đưa tôi đến khách sạn tá túc. Tôi đến khách sạn mà lòng lo lắng; lo là vì không đủ tiền trả, nhưng tôi cảm thấy ngại ngùng không nói. Tôi hỏi: *“Phòng ngủ này có đắt lắm không?”* Họ nói: *“Không sao, không đắt chút nào cả, các vị sư ở ngoại quốc đến đều ở tại đây.”* Nhưng họ không biết vị pháp sư ngoại quốc này ra làm sao. *(Mọi người cười.)* Các vị pháp sư khác đến Formosa đều được tiền hô hậu ủng, có rất nhiều đệ tử đến đó để tiếp ứng, nhiều đệ tử để phục vụ. Lúc tôi đến không có ai chờ, muốn đi đến đâu cũng

không có ai dẫn hoặc đưa đi, không ai biết tôi là ai, cho nên tôi rất lo, lo không có tiền để trang trải.

Tôi nói với các vị ở Hội Phật giáo: *“Tôi không muốn ở khách sạn, tôi là người xuất gia nên không quen ở khách sạn, quý vị có thể đưa tôi đến một ngôi chùa nào không?”* Họ nói: *“Có cứ tạm ở đây vài hôm rồi hãy tính. (Mọi người cười.)* Cô mới đến nên không thể tìm chùa ngay được, chúng tôi đang lo về công việc thọ giới, cô ở đây vài hôm, một tuần lễ sau sẽ tính.” Tôi nghe xong, tim chút nữa muốn rớt ra. *(Mọi người cười.)* Tôi không thể nói tôi không có tiền, bởi vì lúc ấy họ nhìn thấy quần áo tôi rất sạch sẽ, vừa mới xuất gia quần áo đương nhiên rất thơm tất, và lại rất mới nên nhìn vào rất dễ xem.

Người Formosa họ rất thích pháp sư, những người của khách sạn đều cho rằng tôi là đại pháp sư, bởi vì tôi là người của Hội Phật giáo gửi đến. Họ rất tôn trọng tôi, đều gọi tôi là đại pháp sư, họ không biết rằng vị đại pháp sư này rất ít tiền. *(Mọi người cười.)* Vừa mới bước vào tôi liền hỏi: *“Ở một ngày bao nhiêu tiền?”* Họ nói: *“Rất rẻ, đừng lo lắng, rất là rẻ.”* Họ không biết đối với tôi bao nhiêu mới là rẻ. *(Mọi người cười.)* Tôi hỏi tiếp, họ cũng không trả lời. Tôi đi hỏi những người phục vụ: *“Anh có biết căn phòng tôi thuê bao nhiêu tiền không?”* Họ nói: *“Ngài lên trên ấy mà đọc, trong phòng có ghi rõ.”* Tôi đi lên, quả thật trong phòng có một tờ giá biểu, trên ấy ghi bảy trăm năm chục đồng tiền Formosa. Chao ôi, vừa vặn đủ. *(Mọi người cười.)* Đợi đến ngày hôm sau, tôi lặng lẽ lén trốn đi, ở Formosa không ai biết tôi không có tiền.

Ngày thứ hai, người của Hội Phật giáo đến hỏi tôi: *“Ở được không?”* Tôi nói: *“Tôi không muốn ở căn phòng này, ông có thể vui lòng mau đưa tôi đến nơi khác được không? Bất cứ ngôi chùa nào cũng được. Tôi có túi ngủ, sống nơi nào cũng được, ngủ ngoài trời cũng được.”* Ông ấy nói: *“Được rồi, tôi mới vừa nghĩ ra, gần đây có một giảng đường, tôi đưa cô đến đó ở được không?”* Đương nhiên tôi nói được. *(Mọi người cười.)*

Cho nên việc tôi xuất gia là rất mạo hiểm, nói đi là đi, không có chuẩn bị gì cả, tiền cũng không. Lúc đến Formosa một người cũng không quen, làm sao mà dám đến? Mà chính tôi cũng không biết nữa. Không biết nghe tôi nói vậy, quý vị có cảm thấy sợ không? Lúc ấy, tôi một chút cũng không sợ, bởi vì tôi biết, nếu chúng ta có đủ dũng cảm, có thể xả bỏ các thứ như nơi ăn, chốn ở, áo quần, đường xá thì Phật Bồ Tát sẽ đến săn sóc chúng ta. Rất có thể họ thử thách chúng ta đến giây phút cuối cùng, thậm chí đến lúc hơi thở cuối cùng cũng không có, họ mới cho chúng ta dưỡng khí. Nhưng Phật Bồ Tát nhất định sẽ giúp đỡ chúng ta. Trước khi tôi xuất gia, đã từng có qua kinh nghiệm đói hai ba ngày, nên sau khi xuất gia không sợ chết đói. Nếu như đói một, hai tuần lễ, tôi cũng không chết.

Ở Ấn Độ có rất nhiều pháp sư, có khi họ đi suốt cả một hai tuần lễ, không có ai cho họ ăn gì cả, họ cũng không sao. Đây là sự thật, tôi hỏi họ: *“Như vậy làm sao sống được?”* Họ nói: *“Đói thì tìm cái dại ăn, khát thì uống nước sông Hằng.”* Có những người không tìm được cái dại ăn, mỗi ngày đói thì lấy nước sông Hằng uống, uống thật no, rồi lại đi ngồi thiền tiếp. *(Mọi người cười.)* Nơi họ ở nhìn vào là biết ngay không có tiền. Đó chỉ là những sơn động nhỏ do chính tay họ đào, họ ngồi thiền ở trong ấy, cho nên khi đói cũng không có ai đến cúng dường, chỉ có uống nước sông Hằng mà thôi. Tôi nghĩ cuộc sống của họ quả thật kỳ diệu, cho nên khi đến Formosa tôi không sợ điều gì cả, bởi vì nếu không có ai đến cúng dường thì cũng không sao. Tôi có thể đi tìm một dòng sông, đương nhiên không phải sông Hằng, nhưng nước sông nào cũng uống được, nương dựa vào dòng sông ấy, tôi cũng có thể tu hành, ngồi thiền. *(Mọi người cười.)* Nhưng mãi đến bây giờ chưa bị chết đói.

Nhớ lại lúc tôi ở nước Pháp, lúc ấy tôi là học sinh, chạy đôn chạy đáo nơi này nơi kia, có ba ngày tưởng chút chết đói rồi, bởi vì tìm chưa được việc làm. Tiền ở bên Anh gửi qua chưa kịp, tiền

trong người thì đã dùng hết rồi. Tôi không biết vật giá sinh hoạt ở Paris cao như vậy, ở Anh quốc vật giá tương đối thấp hơn. Paris là một trong những thành phố có vật giá sinh hoạt cao nhất thế giới. Lúc ấy, tôi vừa mới đến Paris, đường xá không biết, đi đến nơi nào cũng dùng tắc-xi, cho nên tốn rất nhiều tiền. Những người lái tắc-xi ở Paris nhiều khi cũng gạt người, rõ ràng là căn nhà ở nơi đó, họ cho tôi vòng qua quanh lại, khi cảm thấy đủ rồi, cảm thấy hơi vô vị, thì mới lên đường chính. Thật ra chỉ một chút là đến, nhưng họ đã gạt tôi rất nhiều tiền. Tôi cũng không biết nói sao. Dù sao đi nữa cũng là người ngoại quốc, không tùy tiện nổi nóng, tranh cãi cũng không hơn họ.

Lục Tổ Huệ Năng vốn là một người tiều phu, ngẫu nhiên có một ngày nghe người ta niệm kinh Kim Cang thì đột nhiên khai ngộ. Về sau liền quyết định tu hành để giải thoát, chuẩn bị đi tìm Ngũ Tổ. Lúc ấy nhà Ngài rất nghèo, lại là con một, cần phải phụng dưỡng mẹ già, Ngài rất muốn xuất gia nhưng không biết phải làm sao. Đúng lúc ấy có một người đem cho Ngài một số tiền, nhờ vậy cuộc sống của người mẹ già không còn là vấn đề nữa, Ngài có thể an tâm ra đi.

Cho nên nếu chúng ta thành tâm thành ý vì muốn thành Phật và vì lợi ích của chúng sanh mà xuất gia, chúng ta sẽ nhận được sự giúp đỡ của Phật Bồ Tát. Nhưng phải chân thành mới được, bởi vì Phật Bồ Tát hiểu tâm chúng ta hơn chính chúng ta. Chúng ta có thể dối chính mình, dối tôi, nhưng không thể nào dối được Phật Bồ Tát. Nên chúng ta cần phải thành tâm thành ý, được như vậy chúng ta làm việc gì cũng sẽ thành công. Có một quả tim đơn thuần, có một mục đích đơn thuần, làm việc gì cũng đều có người giúp đỡ, không phải lo lắng điều gì.

Sau khi tôi xuất gia, tiền dùng không hết. Quý vị biết không, có rất nhiều người đến cúng dường mà tôi không nhận. Không phải là học trò, tôi không nhận. Cho tiền nhiều quá tôi cũng không nhận, chỉ cần đủ rồi thì không nhận, không phải thu nhiều

mới đủ dùng. Chúng tôi tuy nhận rất ít, nhưng cũng đủ dùng. Tôi cũng không cần dùng gì, mỗi ngày chỉ đi giảng kinh, về thì ngồi thiền, có khi quý vị đến thăm tôi, chỉ có vậy thôi. Cuộc sống qua đi rất đơn giản, cũng không biết hát, không biết nhảy đầm, uống rượu (*mọi người cười*), hoặc mỗi ngày hai, ba gói thuốc. Không có một thứ gì chúng tôi đặc biệt cần cả, nơi chúng tôi ở không có máy truyền hình, không có báo chí, những người xuất gia cũng rất lạ, họ cũng rất cố gắng tu hành.

Cho nên chúng tôi dùng không có bao nhiêu, mỗi tháng nhiều nhất là ba, bốn trăm đồng tiền điện. Cũng không nói chuyện với ai nhiều nên cũng tiết kiệm được tiền điện thoại. Mọi người sinh sống với nhau. Nếu như có tổ chức tốt, không cần phải dùng nhiều tiền. Ở trên núi chúng tôi kê cả luôn tiền dầu, mỗi tháng dường như hai, ba ngàn tiền Formosa là đủ rồi. Chiếc xe “*đã qua 5 đời chủ*” đôi khi dùng tiền rất nhiều (*mọi người cười*), thường phải đem đi sửa chữa, nếu không đi giảng kinh thì có thể tiết kiệm hơn nữa. Bởi vì gạo ở Formosa rất rẻ, rau cải cũng rất rẻ, nấu qua loa thì được rồi. Những người xuất gia ăn không nhiều, tôi rất kinh ngạc, thanh niên đáng lẽ phải ăn nhiều, nhưng sức ăn của họ rất ít, nên tôi tương đối để dành được tiền, nếu không tôi đã bị phá sản rồi. (*Mọi người cười.*) Vì vậy xuất gia không có vấn đề gì, xuất gia là vượt qua nhân quả, vượt qua Tam Giới. Nhưng xuất gia cần phải có pháp môn tốt mới có thể giải thoát được. Hòa thượng Quảng Khâm từng nói: “*Nếu xuất gia, nhưng không có pháp môn tốt, không có Sư Phụ hoặc không dụng công tu hành, thì thật tội nghiệp, không có kết quả gì.*” Tôi cũng đồng ý cái nhìn của Ngài, có rất nhiều người, lý tưởng xuất gia của họ rất cao, mục đích cũng rất đơn thuần, nhưng vì chưa đủ phước báu nên chưa gặp được vị Sư Phụ tốt, chưa gặp được pháp môn tốt. Rất có thể trong kiếp này, cuộc sống của họ rất đơn thuần, không tạo nghiệp chướng gì, nhưng vì nghiệp chướng kiếp trước của họ không thể tiêu trừ, nên đẳng cấp không thể lên cao, trí huệ không

mở được, sống qua một đời cũng không nghĩa lý gì, rất có thể tu hành đến thế giới Thứ Nhất hay thế giới Thứ Hai, sau khi lia đời ở lại trên ấy hưởng thụ một thời gian rồi lại rơi xuống nữa, không được giải thoát cứu cánh, rất là đau lòng.

Lúc tôi chưa xuất gia, có đi qua rất nhiều chùa chiền, cùng với rất nhiều pháp sư học hỏi, nhưng không mãn ý. Tôi suy nghĩ nếu xuất gia chỉ có như vậy, tôi không xuất gia. Mỗi ngày ngoài trừ tụng niệm buổi sớm và buổi tối, cả ngày chỉ nói đến những chuyện nhảm nhí của cuộc sống, nấu nhiều thức ăn ngon. Họ cho rằng ăn thuần chay không đủ dinh dưỡng, nên ăn nhiều một chút, nấu những món ăn đầy hương sắc vậy mới nuốt vô, ăn nhiều thì sức khỏe mới tráng kiện. Xuất gia rồi mà còn lo đến những công việc ấy, lo không đủ dinh dưỡng, người tu hành mà còn để ý đến những điều này, đến bao giờ mới được tự tại?

Ăn gì cũng được, đừng lo đến nó, thân thể tự nhiên biết cách săn sóc chính nó. Ăn cơm đủ dinh dưỡng được rồi, nếu như tu hành giới, không cần phải ăn nhiều. Mỗi ngày Hòa thượng Quảng Khâm cũng không ăn gì nhiều, Ngài vốn không muốn ăn, nhiều nhất chỉ ăn một ít trái cây. Khi Ngài ở trên núi tu hành không có người cúng dường, Ngài không ăn gì cả; có khi khi đem một ít trái cây đến cúng dường Ngài, cũng chỉ có một ít thôi, vì trên núi không có nhiều trái cây. Điều muốn nói ở đây là đối với Ngài, việc ăn uống không cần thiết.

Giả sử như chúng ta không tu hành nhiều, chúng ta sẽ ăn rất nhiều, bởi vì rảnh rỗi nên mới nghĩ đến chuyện ăn uống. Nếu như tâm của chúng ta không đạt được cảnh giới cao, đương nhiên sẽ để ở nơi cảnh giới thấp. Cũng như leo lên cây trúc, nếu không trèo lên, tự nhiên sẽ bị tuột xuống. Chỉ có hai con đường để chọn: đi lên hay đi xuống. Nếu để tâm ở đây (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ vào bụng*), đương nhiên sẽ nghĩ đến chuyện ăn uống, bởi vì cảm thấy vô vị mà! Người bình thường, nếu không có việc làm, họ sẽ nghĩ đến những việc không tốt, hoặc đi làm những điều xấu.

Vi thể những người tu hành không cảm thấy đói lắm, họ (*những người xuất gia*) mỗi ngày ngồi thiền thất, tám tiếng ở trên núi, cho nên không thấy đói. Nếu chúng ta thật sự muốn tu hành, sẽ không lo lắng về vấn đề ăn uống, nếu một ngày không có thức ăn, cũng không có vấn đề gì. Chúng ta là những người tu Pháp Môn Quán Âm, nếu có một ngày chúng ta cảm thấy rất là vô vị, nghĩ rằng từ nay không còn muốn ăn bất cứ một thứ gì, cũng không quan hệ gì. Tôi bảo đảm quý vị sẽ không chết đói. Nhưng đừng vội như vậy, mỗi ngày giảm đi một ít thức ăn, thì sẽ không có gì nguy hiểm.

Thật ra cũng không có gì nguy hiểm, chỉ có thân thể cảm thấy hơi khó chịu. Do đó không thích ăn thì đừng ăn, tuyệt đối không có vấn đề gì. Nếu có một ngày thế giới xảy ra chiến tranh, thực phẩm rất khó tìm, quý vị, những người tu Pháp Môn Quán Âm đừng lo sợ, uống nước là đủ rồi, thậm chí không có nước, cũng không chết. Đây không phải là thần thông, chỉ là chuyện tự nhiên mà thôi, không phải cố ý, không làm điều gì đặc biệt. Không ăn cũng không sao, đó không phải là thần thông, cũng không phải là một thứ pháp môn tu hành.

Bởi vì những người tu Pháp Môn Quán Âm, nếu như tu hành rất chăm chỉ, rất đầy đủ, thứ gì họ cũng có, không cần phải đi tìm nữa, thân thể sẽ tự lo liệu, mới đầu còn cảm thấy hơi đói, nhưng qua một thời gian thì cảm giác ấy không còn nữa. Tu hành Pháp Môn Quán Âm về sau nếu không có cơm ăn cũng không chết đói, không có quần áo mặc cũng không chết lạnh. Cho nên tu Pháp Môn Quán Âm, bất luận trên phương diện thế giới hay phương diện giải thoát, đều rất an toàn. Chủ yếu là chúng ta không phải tự mình cố ý làm ra, thật sự lâm vào hoàn cảnh khẩn cấp, sẽ có lực lượng của tôi đến giúp đỡ, miễn sao thời điểm vãng sanh của quý vị chưa đến. Ngay đến lúc quý vị ngã xuống sắp chết, tôi cũng không để quý vị chết, tôi sẽ đến kéo quý vị đi. Lúc ấy quý vị sẽ biết được tôi là ai, tôi đã giúp quý vị ra sao. Nhưng cần phải

“*chân thật tu hành*”, mới có được lực lượng bảo hộ, cho nên tu Pháp Môn Quán Âm an toàn nhất. Nếu thật sự có một ngày xảy ra chiến tranh, hãy nhớ đến những lời tôi giảng hôm nay, đừng nên khủng hoảng, chỉ cần nghe những lời chỉ dạy của tôi, người nào thật tâm tu hành, nhất định sẽ có lực lượng bảo hộ của tôi.

Những lời giảng hôm nay đều là những việc xảy ra trong Tam Giới, những gì ngoài Tam Giới không thể nói được, cũng không nên nói ra ở đây, về sau quý vị rất có thể có cơ hội nghe. Lẽ ra những chuyện ăn uống không nên nói ở đây, chỉ nói với học trò mà thôi, hôm nay có lẽ vì cao hứng nên tôi mới nói ra, quý vị nên quên chuyện này đi, kể như quý vị chưa bao giờ nghe, có được không? Những điều gì vừa mới vào trí óc của quý vị nên rửa đi. Ngày xưa có một vị vua mời một người ra làm quốc sư, nghe xong người ấy lập tức đi đến bờ sông rửa tai, quý vị có biết là ai không? Tôi quên mất tên rồi, đây là câu chuyện cổ của Trung Quốc (*Ghi chú: Hứa Do.*) Khi vị ấy nghe quốc vương kêu ông đi làm đại quan, lập tức đi đến bờ sông rửa tai, bởi vì đã lỡ nghe rồi, không có cách nào khác, cho nên phải đi rửa tai thôi. Ông ấy có một người bạn là mục đồng, lúc ấy cũng đang thả bò ở bờ sông, thấy ông ta đang rửa tai, người bạn mục đồng mới hỏi ông: “*Tại sao ông lại rửa tai lâu như vậy?*” Ông ấy nói: “*Bởi vì vừa rồi quốc vương kêu tôi đi làm đại quan, cho nên tôi mới đem tai rửa cho sạch sẽ, không để cho nó nhiễm vào đầu óc của tôi.*” Người bạn mục đồng nghe xong, lập tức kéo bò lên bờ trên uống nước. Vị đang rửa tai này mới hỏi: “*Tại sao anh lại kéo bò lên bờ trên uống nước?*” Vị mục đồng mới trả lời: “*Anh rửa tai của anh trong nước này, tôi không muốn con bò của tôi uống nhầm nước đó.*” Vị mục đồng còn chửi thêm: “*Tại sao anh còn đi ngao du mọi nơi, để cho người ta biết anh là người có trí huệ, chứng tỏ trong lòng anh vẫn còn nghĩ đến danh lợi.*”

Hôm nay, tôi giảng nhiều quá. Như vậy nhiều người đã biết tôi biết dạy Pháp Môn Quán Âm, còn biết nếu học Pháp Môn

Quán Âm, không ăn cũng không sao. Quý vị không nên ra ngoài nói cho nhiều người nghe, nếu mọi người đều vì việc ăn này mà đến kiếm tôi, như vậy thì không tốt lắm. *(Mọi người cười.)*

VẤN ĐÁP

Vấn: Trong kinh Phật có nói, Thiên Đế là hóa thân của Phật Bồ Tát, nếu chúng ta tu hành, họ cũng có thể đến giúp chúng ta, tại sao Sư Phụ lại nói họ là ma?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi vừa mới nói qua, họ cũng không phải là ma, đó chỉ là công việc của họ, cho nên nói ma mà cũng không phải là ma. Có một ngày tôi ở nơi nào đó giảng kinh, tôi có nói rằng chúng sanh là Phật, ma cũng là Phật. Mấy ngày trước tôi cũng có nói qua, mỗi một thế giới đều có Giáo chủ của thế giới ấy, nếu chúng ta biết họ, họ sẽ giúp chúng ta mở cửa để chúng ta qua. Ví dụ nói rằng Phật A Di Đà ở cảnh giới cao nhất, bởi vì quý vị chỉ niệm danh hiệu Phật A Di Đà mà thôi, không biết Giáo chủ ở những cảnh giới thấp hơn, đương nhiên họ sẽ không để cho quý vị qua để lên đến những cảnh giới cao hơn. Cho nên tôi dạy người ta niệm Phật khác với người khác dạy. Tôi không phải chỉ dạy niệm Phật A Di Đà mà thôi, mà dạy người ta niệm từ những cảnh giới thấp niệm lên, hôm ấy đã giảng rất rõ, có lẽ ngày hôm ấy quý vị không có ở đó, cần phải niệm từ dưới lên mới hữu ích. Vì trong kinh điển không có nói đến, nên quý vị không biết. Điều này cần phải có vị thừa kế truyền xuống, từ Minh Sư truyền xuống mới có thể biết được, trong kinh điển không có những danh từ ấy.





Chúng ta tu hành phải có mục đích tốt. Đó là điểm quan trọng nhất. Lý tưởng cao cả là bản thân mong cầu giải thoát, đồng thời còn phải độ chúng sinh liễu thoát sinh tử.

Trích từ bài thuyết giảng "Chúng Sanh A-Tu-La"



13

Hành Thiện Và Bồ Thí Không Thể Giải Thoát

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Tân Điểm, Đài Bắc, Formosa**

Ngày 26 tháng 10 năm 1986

Muốn cầu “Đạo” thì quý vị đừng nên nghĩ rằng chỉ làm người lương thiện, làm nhiều việc công ích cho xã hội, bố thí tài vật, hay đi nhiều nơi lễ bái, cúng dường nhiều người, nhiều chùa chiền, v.v... là có thể đắc “Đạo”. Thực tế khác hẳn, bởi vì “Đạo” là “Đạo”. “Đạo” nghĩa là gì? Là “con đường”, cho nên không thể dùng ngôn ngữ mà nói được, cũng không thể dùng bất cứ vật gì để đổi lấy hay là trang hoàng để có thể biến thành “Đạo”; cái “Đạo” này hay “con đường” này vốn đã có sẵn, đã hiện hữu, nếu chúng ta muốn đến “con đường” này, thì phải mở cửa bước ra ngoài, rồi mới có thể lên “đường”, không phải ngồi trong nhà là có thể tìm được “con đường”.

Ví dụ chúng ta muốn đến ngôi chùa đối diện, trước hết chúng ta phải đi qua cánh cửa lớn này (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ*

cánh cửa lớn của đạo tràng), có phải không? Con đường đến chùa đã có sẵn rồi, bây giờ muốn đến đó, điều thứ nhất là tìm đường, nếu chúng ta không biết đường thì nên hỏi hay là nên tìm người đã đến chùa này, họ có thể dẫn chúng ta đến đó, có phải vậy không? Nếu chúng ta không rành đường, cũng không đi tìm đường, mỗi ngày chỉ làm người tốt, lễ bái, bố thí tiền cho người nghèo, quyên tiền để cất chùa, làm như vậy có thể tìm được mục tiêu không? Không tìm ra được! Bởi vì cũng như con đường mà chúng ta đi đến chùa, con đường và việc làm của chúng ta hoàn toàn không có quan hệ.

Cũng như vậy, chúng ta muốn cầu “Đạo”, muốn thành Phật, trước tiên phải tìm được “Đạo”. Cho nên Lão Tử nói: “Đạo khá đạo phi thường đạo”, bởi vì cái “Đạo” này, hồi giờ đã có rồi, đã trọn vẹn đẹp đẽ rồi, không cần chúng ta phải trang điểm thêm, bởi vì đó là một con đường tự nhiên. Muốn trở về con đường đó, không cần phải làm gì đặc biệt, thông thường chúng ta làm con người đạo đức là lẽ dĩ nhiên, chứ không phải vì cầu “Đạo” mới làm người tốt, làm việc đạo đức đó chỉ là trách nhiệm căn bản làm người mà chúng ta cần phải và nên làm. Bắt đầu từ tiểu học, chúng ta đã học qua rất nhiều quy phạm đạo đức, thí dụ nên giúp kẻ nghèo, phải hòa thuận với láng giềng, phải có hiếu với cha mẹ, v.v...

Tôi nhớ hồi còn học ở tiểu học đã học qua, nếu thấy một người mù hay một người già băng qua đường, liền phải dẫn họ băng qua đường, điều đó có nghĩa gì? Tức là dạy chúng ta nên có lòng từ bi bác ái. Tục ngữ Âu Lạc có câu: “*Bà con xa không bằng láng giềng gần.*” Ý câu đó nói chúng ta đối với người lân cận nên hiền hòa, phải giúp đỡ lẫn nhau, họ cần gì ta giúp đó, sau này ta có cần gì, họ cũng đến giúp mình; đây là chuyện rất tự nhiên, không liên quan gì đến “*đắc Đạo*”. Nếu chúng ta thấy một người rất nghèo, rất đói, tự nhiên chúng ta sẽ cho họ thức ăn. Phần đông người ta đều làm như vậy.

Đó là quan hệ căn bản giữa con người, thấy người hoạn nạn, đau khổ hơn chúng ta, tự nhiên chúng ta sinh ra tâm từ bi, sẽ đi giúp đỡ; nhiều người không tu hành cũng làm như vậy, không biết chừng người ta làm còn tốt hơn mình, họ không dùng “*tâm ngã chấp*” để làm việc thiện, họ không nghĩ mình đang làm việc tốt, họ chỉ làm với một phản ứng tự nhiên. Cũng như tay của ta bị phỏng, bị đứt, thì tự nhiên phải thoa thuốc lên, băng vết thương, bởi vì chúng ta phải giữ gìn hai cánh tay, ngày mai mới có thể tiếp tục làm việc. Cho nên tay chúng ta đau, tự nhiên chúng ta sẽ chăm lo kỹ lưỡng.

Cũng vậy, thấy người lân cận hay đồng bào của mình gặp khó khăn, tự nhiên chúng ta cũng đến giúp họ, đó vốn là chuyện rất tự nhiên, không thể cho rằng mình làm như vậy sau này Thượng Đế thấy ta làm người tốt sẽ đem ta lên trời, trở về quê cũ của linh hồn! Không có đâu, không có việc đó.

Thượng Đế hay là “*Đạo*”, hay là “*Phật tâm*” này, rất trung lập, không cần mình làm tốt hay xấu, nó là nó, nếu mình muốn tìm nó thì phải đi con đường “*chính*”, có thể đến chỗ của nó. Con đường này không để ý đến người tốt, người xấu, ai muốn đi thì cứ đi.

Ví dụ như ngoài đường lộ, ai cũng đi được, có phải không? Người uống rượu, kẻ trộm cũng có thể đi, người tốt người xấu cũng có thể đi, luôn cả tổng thống cũng có thể đi trên con đường đó. Con đường không cần biết ai tốt, ai xấu. Nhưng nếu muốn lên núi thì phải đi đúng đường. Cho nên chúng ta không thể ỷ vào những công đức nhỏ này, hoặc tích lũy những việc thiện, rồi nghĩ rằng mình có thể thành “*Đạo*”, không có chuyện đó.

Những người có lòng thành muốn tìm “*Đạo*”, thường là những người tốt. Ví dụ chúng ta đọc chuyện của người tu hành, có thể biết được rằng họ đều là những người có đạo đức.

Mấy trăm năm trước, ở Âu Lạc có một vị vua rất nhân từ và thương dân. Đối với dân chúng, Ngài là một vị vua tốt nhất, đối

với người nào cũng có lòng thương, bởi vì bản chất của Ngài là như vậy. Ngài thường lên ra thành để tìm hiểu dân tình.

Có một ngày Ngài đang ở ngoài thành, thấy bên đường có một người rất nghèo mới qua đời, toàn thân không có y phục, nằm trần truồng bên lề đường. Vị quốc vương thấy vậy, đau lòng đến rơi lệ, Ngài liền cởi y phục của mình đắp lên thân người nghèo đó. Y phục của quốc vương vốn rất quý báu, nhưng vì lúc đó Ngài không nghĩ đến mình là quốc vương, và cũng không nghĩ rằng người này đã chết rồi, đem cái áo quý này đắp lên người chết thì uổng phí biết bao? Ngài không nghĩ nhiều như vậy, mà hoàn toàn bộc phát từ trong tâm hồn, thấy người ta quá khổ, mình có gì liền cho họ, đó mới đúng là bố thí Bát-Nhã Ba-La-Mật.

Quý vị có biết bố thí Bát-Nhã Ba-La-Mật là gì không? Vì sao thái độ đó mới đúng là bố thí? Bởi vì bố thí mà không nghĩ đến “ta” đang bố thí, và cũng không nghĩ đến bố thí như vậy có đúng hay không, hay có ích lợi gì với ta hay không, mà là hoàn toàn phát xuất từ một hành động tự nhiên, hay từ nội tâm của con người. Cho nên bố thí Bát-Nhã Ba-La-Mật mới đúng là bố thí toàn mỹ. Còn không, một mặt mình cho người ta, một mặt chờ đợi phước báu đến; bố thí như vậy không có ích gì, phước báu đó rất nhỏ, không đủ dinh dưỡng.

Lúc tôi còn nhỏ, cũng phạm rất nhiều tội. Tôi ăn cắp tiền và thức ăn của cha mẹ đem cho người nghèo. Lúc đó còn nhỏ, không biết làm như vậy là đúng hay sai. Thật ra nếu có tiền, chúng ta có thể bố thí, nhưng không nên đi ăn cắp tiền, hay vật dụng của người ta để bố thí. Nhưng vì lúc đó tôi còn nhỏ, không biết gì, thấy người ăn xin đến nhà, thấy tội nghiệp họ. Đôi khi vì người ăn xin nhiều quá, cha mẹ của tôi cũng làm lơ, hay vì cha mẹ của tôi quá bận, không còn thời gian để lo. Lúc đó, tôi lén lén ăn cắp một ít tiền hay thức ăn cho họ.

Một đứa bé thấy người ta nghèo khổ liền nghĩ đến giúp đỡ họ, nó không nghĩ rằng nếu cha mẹ không đồng ý thì nó không được

lấy tiền. Thời đó những nhà hàng xóm bên cạnh, có nhiều người cũng nghèo không có tiền, tôi thường ăn cắp cơm và thức ăn đem cho họ ăn. Lúc đó, tôi cũng không nghĩ gì, nhưng bây giờ nghĩ lại, hình như không nên làm như vậy. Nhưng nếu bây giờ cha mẹ của tôi biết được, họ cũng không nghĩ tôi là một đứa trẻ xấu.

Tôi chỉ nhân tiện kể chuyện thời ấu thơ của tôi. Bây giờ trở lại câu chuyện của vị quốc vương này. Vị quốc vương này rất có lòng từ bi, sau này Ngài đi xuất gia. Lúc còn trẻ, khoảng hai mươi mấy tuổi, Ngài đã nghĩ đến chuyện xuất gia, muốn học Phật lý, muốn tu hành thành Phật. Có một ngày, Ngài lén bỏ đi, khi đó Ngài đã là quốc vương rồi.

Có người ép Ngài kết hôn, Ngài vốn không muốn kết hôn, nhưng trong triều có một vị đại thần, ông ta là khai quốc công thần, là một vị nguyên lão của vua cha còn lại, ông ta nhận lệnh của vua cha là phải lo cho vị quốc vương trẻ này, cho nên thái độ cũng hơi ngạo mạn một chút, ông ta ép vị quốc vương này làm nhiều việc trái với lương tâm.

Có một ngày ông ta lại ép vị quốc vương có lòng tốt này kết hôn với con gái của một người thân với ông ta. Quốc vương không chịu, lúc đó Ngài đã quyết lòng xuất gia, không muốn ngài vàng nữa. Ngài lén trốn khỏi vương cung đến một ngọn núi, bái một vị thiền sư nổi tiếng để xuất gia. Nhưng mới xuất gia có vài tháng các quan thân trong triều đều kéo lên núi, tìm đến chỗ Ngài xuất gia và mời Ngài về cung. Ngài không chịu, lúc đó vị nguyên lão nói: *“Được rồi, nếu quốc vương không muốn về cung thì quốc vương ở đâu, triều đình sẽ dời đến nơi đó.”*

Lúc đó Sư Phụ của vị quốc vương cũng không còn cách nào hơn, còn vị quốc vương cũng không biết nên xử như thế nào? Vị Sư Phụ mới bảo Ngài: *“Thôi được rồi, con về đi, ở nhà cũng có thể tu hành, chỉ cần đừng quên là đủ rồi. Nếu muốn hỏi Đạo thì đến gặp thầy, từ từ tu hành, có thời gian thì đến thăm thầy, nếu như có nhiều thời gian có thể tạm bỏ chính sự qua một bên, đến*

bé quan một thời gian. Như vậy cũng có thể tu hành, đợi khi nào truyền ngôi cho người con rồi, hãy trở về đây thường trú.” Sau này vị quốc vương có tuổi bèn truyền ngôi cho hoàng tử, rồi xuất gia, trở thành một vị đại tu hành, trí huệ và đẳng cấp rất cao, và sau cùng ngộ “Đạo”.

Ở Âu Lạc, đây là một vị quốc vương được dân ưa thích nhất. Lúc Ngài còn làm vua, bất cứ làm việc gì cũng rất minh bạch rõ ràng, cho nên quốc thái dân an. Ngài vừa tu hành, vừa lo quốc sự. Tu hành có trí huệ, Ngài dùng trí huệ đó để cai trị quốc gia, cho nên không làm điều gì sai lầm. Triều đại của Ngài lúc đó là thời đại vàng son của Âu Lạc; bất luận văn học, chính trị, nông nghiệp, đều phát triển rất tốt, Phật giáo trong thời kỳ đó cũng rất huy hoàng, còn những tôn giáo khác cũng rất tự do, không bị áp bức.

Trong thời kỳ Ngài làm vua, số dân phạm tội rất ít, giàu và nghèo cũng không cách xa gì lắm, bởi vì Ngài thường đi tuần khắp nơi, xem xét xem dân chúng cần gì. Ngài đúng là một vị minh quân. Nhưng cha của Ngài không phải là một người tin Phật, cũng không có lòng từ bi, bác ái như Ngài. Cha của Ngài có phải là Phật tử hay không? Điều đó không quan trọng, chỉ cần Ngài thành tâm tu hành, cũng trở thành người đại tu hành như thường.

Cha mẹ của tôi là tín đồ Thiên Chúa giáo, không có liên quan gì đến Phật giáo; nhưng đối với cha mẹ của tôi, Chúa Giê-su chỉ là đại diện cho một cái tên mà thôi. Họ không có lo đến chuyện của tôn giáo. Cha của tôi là một người tốt, thuộc những người bình thường và lương thiện mà thôi; không nhất định phải tin cái gì, hay là con người muốn theo đuổi Chân Lý. Mẹ của tôi cũng không có lòng bố thí gì; cho dù như vậy, tôi cũng có thể trở thành tỳ kheo ni của Phật giáo, cũng rất thích đi cầu “Đạo”.

Cho nên tôi nói để quý vị hay, hoàn cảnh cá nhân không liên quan gì đến đạo tâm của chúng ta, cũng chẳng liên quan gì đến

đẳng cấp của chúng ta, chủ yếu là đời trước có tu hành, nên bây giờ mới có thể tìm được “Đạo”, có thể gặp thầy giỏi, có pháp môn tốt; việc này không quan hệ gì với phước báu của cha mẹ. Nếu chúng ta có đủ lòng thương, lòng từ bi, lòng bác ái, đó là việc riêng của chúng ta, không có liên hệ nhiều đến cha mẹ. Tôi nói với quý vị những đạo lý này, để khuyến khích quý vị đừng nên nghĩ rằng mình sanh trưởng trong gia đình nghèo khổ, không có phước báu, hay trong một gia đình không tin Phật, hoặc trong một gia đình hoàn toàn không có tín ngưỡng tôn giáo, mà không có lòng tin.

Có người hỏi tôi trước kia họ chưa từng biết đến Phật giáo, cũng chẳng biết gì về sự tu hành, như vậy có thể tu hành được không? Có thể đạt được quả vị hay không? Tôi đáp được, vì điều này không có quan hệ gì đến quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ cần bây giờ quyết định muốn thành Phật, muốn tu hành, muốn thành “Đạo”, thì có thể tức khắc tu hành, không có quan hệ gì đến bối cảnh của chúng ta.

Cho nên hồi nãy tôi đã nói, chúng ta cầu “Đạo”, chuyện đó không có quan hệ gì đến bồ thí, đạo đức, hay đức hạnh của chúng ta. Nhưng cũng không thể nói hoàn toàn không có gì quan hệ, bởi con người có đạo tâm, nhất định là con người lương thiện. Hồi nãy tôi kể chuyện vị quốc vương đó, Ngài từ bi bác ái như vậy, sau đó lại cố gắng tu hành, cho nên tu hành cũng thành “Đạo”; chuyện đó có quan hệ đến sự tu hành của đời trước. Nhưng nếu trong quá khứ, chúng ta không có những tính tốt, cũng chẳng làm việc gì đạo đức, chúng ta cũng có thể bắt đầu từ đây tránh dữ làm lành. Nhưng làm vậy vẫn không liên quan nhiều đến sự tu hành.

Trên thế giới này, chúng ta vốn nên làm một người tốt, bởi vì làm người tốt thì cha mẹ, bạn bè và hàng xóm đều ưa thích. Nếu họ vui mừng, chúng ta cũng vui theo, có phải không? Chúng ta không thể nào tu ở chỗ đầy những hòn giận, người ngoài phản đối mình, như vậy chúng ta rất khó tu hành. Cho nên chúng ta phải

hành thiện, tận lực bố thí, trì giới, nhẫn nhục, những thứ đó đều giúp cho sự tu hành của chúng ta. Nhưng không phải chỉ nhờ vào bố thí, trì giới, nhẫn nhục, v.v... là đủ, chưa đủ đâu. Trong kinh Kim Cang có nói rất rõ ràng, phải tu cả lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí huệ. Ý nói, nếu chúng ta chỉ tu ngũ độ kia vẫn chưa đủ, còn cần phải có thiền định.

Thiền định là gì? Khi chúng ta tọa thiền, tâm lặng, đầu óc chúng ta không nghĩ bậy bạ; chúng ta có một chỗ có thể an định tâm của chúng ta. Cột nó lại thì nó không chạy bậy, ảnh hưởng bên ngoài; cũng không thể quấy nhiễu chúng ta, như vậy là “*thiền định*”. Lúc thiền định chúng ta câu thông với Bản Lai Diện Mục của chúng ta, chúng ta giao tiếp với Phật tâm của chúng ta; Bản Lai Diện Mục này, hay là Phật tâm, Thiên Quốc, lực lượng của Thượng Đế, của “*Đạo*”, nói sao cũng được, bản thân nó có lực lượng rất lớn, bất cứ điều gì cũng đều có thể giải quyết, phước báu gì cũng có.

Khi câu thông với lực lượng này rồi, chúng ta không cần làm phước báu cũng có phước báu, chúng ta không cần miến cưỡng đi làm thiện, cũng tự nhiên biến thành con người có đạo đức; bởi vì lực của tự nhiên sẽ cải biến chúng ta, tịnh hóa bên trong của chúng ta, khiến chúng ta trở nên một con người tốt. Ngoài sự biến chuyển ở bên trong của chúng ta, nó còn chăm lo tình trạng bên ngoài của chúng ta. Ví dụ chúng ta gặp khó khăn nào đó, nó sẽ giúp đỡ chúng ta. Vì sao? Bởi vì trí huệ này là “*Bát-Nhã Ba-La-Mật*”, Phật tâm này là đại trí huệ, đại lực lượng, chúng ta nương nhờ vào lực lượng vĩ đại thì sẽ không còn khó khăn nữa.

Ngược lại, nếu như chúng ta nhờ cậy vào tình trạng bên ngoài, theo đuổi danh lợi, tài sắc, v.v... những thứ này vốn rất vô thường, hôm nay có tiền, ngày mai biết chừng không còn một đồng xu. Hôm nay có danh vọng, rất có thể ngày mai bị người phỉ báng, hãm hại, mất địa vị. Chúng ta đều biết trong quá khứ, lúc nước nhà bị mất, những người giàu có đều bị mất hết địa vị

và tài sản; thì thử hỏi địa vị và tài sản có hôm nay, ngày mai sẽ còn tồn tại hay không?

Nhưng nếu chúng ta câu thông với Bát-Nhã Ba-La-Mật, câu thông được với đại trí huệ, đại lực lượng, thì chúng ta vĩnh viễn không còn sợ sẽ bị mất mát điều gì. Đại lực lượng này không thay đổi, vĩnh viễn tồn tại, ngày ngày như nhau, đều rất từ bi bác ái, rất nhu hòa, trợ giúp chúng ta; nó cũng như người bạn tốt nhất trên thế gian này, còn tin cậy hơn là người bạn tốt nhất trên thế giới này. Bạn bè có thể ngày mai sẽ phản bội ta, chống đối chúng ta, nhưng lực lượng này, Phật lực này, hay còn gọi là Bát-Nhã Ba-La-Mật này, không bao giờ phản chúng ta, vĩnh viễn là người bạn tốt của chúng ta.

Chúa Giê-su có nói: *“Trước tiên nên tìm Thiên Quốc trong mình, rồi sau đó thứ gì cũng đến với chúng ta.”* Phật Thích Ca cũng từng nói: *“Phật tại tâm.”* Nếu như Phật ở tại chùa, Ngài sẽ nói Phật ở trong chùa. Nếu chúng ta đến chùa lễ bái, hay làm những gì thuộc về hình thức, Ngài sẽ nói nên bố thí cho nhiều mới có thể tìm *“Phật Tánh”*, hay nên đến chùa bái lạy mới có thể tìm *“Phật Tánh”*, có phải như vậy không? Nhưng Ngài không nói như vậy, Ngài chỉ nói *“Phật tại tâm.”*

Phật tại tâm nghĩa là gì? Tức là nên tìm Phật ở trong tâm của chúng ta. Tâm là gì? Là một chỗ riêng tư mỗi chúng ta. Có rất nhiều thứ trong tâm của chúng ta, mà người ngoài không biết và cũng không hiểu được, đây là một nơi rất thần bí, rất cá nhân, tức là chỗ Phật ở. Và Chúa Giê-su cũng có nói đạo lý giống như vậy: *“Thiên Quốc không phải từ trong đạo đức mà tìm được, không phải từ đạo đức mà ra, nhưng mà Thiên Quốc vốn đã ở trong đó.”*

Hai vị đại sư đều nói đạo lý như nhau. Phật Thích Ca nói *“Phật Tánh”*, Chúa Giê-su nói *“Thiên Quốc”*, đâu có gì khác nhau? Chỉ có văn tự khác nhau, nhưng ý thì hoàn toàn giống nhau. Nhưng chúng ta đem giáo lý vô cùng khoan dung, vô hạn

của họ, biến thành tư kiến chật hẹp có hạn; chúng ta đem Phật giáo, Thiên Chúa giáo biến thành các tôn giáo rất giới hạn, rồi giữa các tôn giáo sanh khởi tranh chấp, đó là vì hoàn toàn không hiểu giáo lý của các vị đại sư mà ra.

Bởi vậy Phật Thích Ca đã từng cảnh cáo chúng ta: *“Tin Phật nhưng không hiểu Phật là phi báng Phật.”* Ngài đã đánh thức chúng ta nên chú ý, nhưng chúng ta vẫn không hiểu. Chúa Giê-su cũng đã cảnh cáo chúng ta, Ngài nói: *“Không phải các ngươi mỗi ngày nói con đánh lễ Ngài, con tôn kính Ngài, con tôn kính Thiên Chúa, như vậy sẽ được đắc Đạo, sẽ tìm được Thiên Quốc.”* Ý của Ngài nói và ý của Phật nói, hoàn toàn như nhau.

“Hiểu biết Phật” là gì? Hiểu biết Phật là phải tìm ra *“Phật Tánh”*, tìm xem *“Phật Tánh”* này ở đâu. Phật là Buddha, theo Phạn ngữ nghĩa là khai ngộ hay là hào quang. Cho nên chúng ta thấy Phật Thích Ca có hào quang, trong hình vẽ nào Ngài cũng đều có hào quang. Chúa Giê-su và rất nhiều vị đại tu hành khác cũng đều phát ra hào quang. Hào quang này không phải người nào cũng thấy được, chỉ có người tu hành cao đẳng mới có thể thấy được. Nếu chúng ta muốn tìm *“Phật Tánh”* này, muốn hiểu biết *“Phật Tánh”* này, thì trước hết phải thành Phật, tìm Phật, học Phật, rồi sau này trở thành Phật. Nếu không thành Phật, làm sao hiểu Phật?

Cho nên chúng ta nói, lúc chưa nuôi trẻ thơ, không thể biết lòng của cha mẹ. Hiểu biết Phật ý cũng gần như vậy. Chưa thành Phật, không thể hiểu Phật. Cho nên ý của Phật Thích Ca là chúng ta nên tự thành Phật, không nên chỉ thành Phật bằng cách lễ bái, tin tưởng Phật mà thôi, bởi vì tin Phật mà không hiểu biết Phật, như vậy làm sao cho là tin Phật? Với tình trạng không hiểu Phật, bất cứ tin gì cũng đều là mê tín, không hiểu biết thì biến thành mê tín. *“Mê”* cũng tại vì không hiểu biết mà ra, cho nên muốn hiểu biết Phật, trước hết cần phải thành Phật, phải cầu *“Đạo”*, phải đắc *“Đạo”*, ngoài ra không còn phương cách nào khác.

Lão Tử nói: “*Khi có Đạo, thì cái gì cũng có, bởi vì dần dần mất đi cái Đạo này, cho nên mới lần lần có Đức, rồi sau đó lại sinh ra Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, các thứ đạo đức của xã hội.*” “Đạo” vốn là cao siêu hơn tất cả phạm vi của đạo đức, cho nên phải tìm cái “Đạo” này, sau đó đạo đức gì chúng ta cũng đều có. Bởi vì mất cái “Đạo”, cho nên mới cần cái “*nhân đạo*” để chế ra nhiều đạo đức xã hội; nếu có thể hiểu thật sự cái “Đạo”, “*đắc*” thật sự cái “Đạo”, thì không cần các thứ đạo đức nhỏ “*nhân đạo*” nữa. (Chương thứ 18: “*Đại Đạo phệ, hữu nhân nghĩa, trí huệ xuất, hữu đại nguy.*”)

Cũng như chúng ta tìm được “*Phật Tánh*”, thành Phật rồi, không cần phải đi hành lục độ (Lục độ gồm có: *bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ*), mà tự nhiên biến thành; bởi vì lúc đó tự chúng ta biến thành đại lực lượng, chúng ta muốn bố thí gì thì liền làm được ngay. Không phải bố thí một hai chén cơm, hay một hai bộ áo quần, mà là bố thí đại phước báu. Con người nếu có phước báu, tự nhiên sẽ có cơm ăn, có quần áo mặc, cho nên chúng ta mới nói người giàu có rất nhiều phước báu. Nếu chúng ta thành Phật rồi, chúng ta có thể bố thí phước báu vô tận, như vậy còn hơn bố thí cơm, áo quần, và các loại vật chất khác. Lực lượng càng lớn thì càng có ích, cho nên cần phải thành Phật.

Bởi vì có những tôn giáo hay tông phái cứ khuyến khích người ta bố thí, bố thí rồi về nhà lạy Phật, và tưởng rằng như vậy là đủ rồi, làm sao đủ được? Lạy Phật đâu có thể thành Phật. Lạy Phật cũng được, nhưng cần phải biết rõ, tại sao lạy Phật. Lạy Phật là để bày tỏ rằng chúng ta tôn kính vị Giáo chủ. Không có Phật Thích Ca thì không có Phật giáo, chúng ta cũng không có cơ hội để hiểu biết một chút “*Vô Thượng Thâm Thâm Vi Diệu Pháp*”, để phát tâm tu hành, cho nên chúng ta muốn đánh lễ Ngài, cảm tạ Ngài.

Không phải đánh lễ Ngài rồi muốn cầu xin một trăm điều. Nhiều người khi lạy Phật thì trong miệng niệm Nam Mô A Di Đà

Phật, Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, cho con xin cái này, cho con được cái nọ. Lạy Phật như vậy là không được, Phật không cho những thứ đó, bởi vì Ngài có cho chúng ta vật chất gì cũng vô ích. Nếu Ngài cho tiền, ngày mai lại hết; nếu Ngài cho chúng ta giàu có, không biết chừng đời sống sung túc lại khiến cho chúng ta trở nên kiêu ngạo, làm càng nhiều chuyện xấu, tạo nghiệp chướng càng lớn. Nhiều người giàu có nhưng lại có một cuộc sống không có ý nghĩa gì cả, nên có tiền cũng có rất nhiều phiền phức.

Cho nên tuy Ấn Độ là quốc gia nghèo, nhưng cũng là tu hành thuộc đẳng cấp cao; tất cả các vị đại sư đều từ Ấn Độ đến, hoặc từng đến Ấn Độ học pháp, hay có quan hệ với cách tu hành của Ấn Độ, bởi vì đời đời kiếp kiếp Ấn Độ là thánh địa. Chúa Giê-su trong thời gian từ mười ba đến ba mươi tuổi cũng ẩn dật tại Hy Mã Lạp Sơn ở Ấn Độ để tu hành, và cùng tu học với nhiều vị đại sư. Phật Thích Ca là người Ấn Độ. Một trong những người thầy của tôi cũng là người Ấn Độ, nhiều vị pháp sư danh tiếng đều là người Ấn Độ hay người Đông phương.

Ấn Độ đời đời kiếp kiếp là nơi có rất nhiều thánh địa tu hành nổi tiếng, nhưng Ấn Độ lại là một quốc gia nghèo, không giàu như các nước khác. Những quốc gia giàu như Mỹ, Đức, Pháp... chưa hề nghe là có vị Minh Sư chân chính vĩ đại nào; cho dù có đi nữa, cũng chỉ ở đẳng cấp thấp, không cao như Phật Thích Ca, cũng không có sức ảnh hưởng như Chúa Giê-su. Phật Thích Ca và Chúa Giê-su đều là người Đông phương. Đông phương vốn nghèo hơn Tây phương, nhưng Đông phương lại xuất hiện nhiều đại tư tưởng gia, đại khai ngộ, như Phật Thích Ca, Chúa Giê-su, Bồ Đề Đạt Ma, Lục Tổ Huệ Năng, Đại sư Bách Trượng, Hoàng Bích, Khổng Tử, Lão Tử, v.v... Người Tây phương chỉ lo kiếm tiền mà thôi, nhưng nhiều tiền có ích gì?

Nếu bố thí là phương pháp cứu cánh giải thoát, Phật Thích Ca đã không khuyên con là La Hầu La xuất gia. Lúc đó La Hầu

La mới chín tuổi, chuẩn bị lên kế vị, bởi vì Phật Thích Ca đã bỏ ngôi vua rồi, con của Ngài sẽ trở thành quốc vương. Nhưng khi La Hầu La hỏi Ngài: “*Ngài là cha của con, di sản mà con sẽ được thừa kế nằm ở đâu? Bây giờ con muốn di sản đó. Vì theo thường lệ là người cha sẽ để lại một mớ tài sản cho con, có phải không?*” Lúc đó Phật Thích Ca nói: “*Được rồi, con đi theo ta, sau này sẽ tìm được di sản của con.*” Chúa Giê-su cũng có nói qua những lời tương tự như vậy, có người hỏi Ngài: “*Đại Sư Phụ, có người nói Ngài là quốc vương, vậy vương quốc của Ngài ở đâu?*” Chúa Giê-su đáp: “*Đất nước của ta không phải ở đây, đất nước của ta ở tại Thiên Quốc.*”

Tất cả những gì ở cõi Ta Bà này đều là vô thường không có ích chi, cho nên Phật Thích Ca và Chúa Giê-su không khuyến khích người ta phải ôm giữ các tài sản trên thế giới này. Các Ngài chỉ khuyến khích chúng ta tìm bảo tàng của Thiên Quốc, của Niết Bàn ở bên trong mình, đó mới là sự giàu có vĩnh viễn. Cho nên Phật Thích Ca khuyên con của Ngài xuất gia làm hòa thượng, vì Ngài biết xuất gia rồi, con của Ngài sẽ tìm được sự giàu có lớn nhất, sống cuộc đời vui sướng nhất. Nếu không, Phật Thích Ca, một người đại giác ngộ như vậy, sao lại khuyên một đứa nhỏ xuất gia? Chẳng lẽ Ngài muốn hại nó sao?

La Hầu La vốn là con của một vị vua, ở trong cung có thể hưởng tận vinh hoa phú quý của thế gian, muốn gì có đó, Phật cần gì phải khuyên con xuất gia khổ tu? Bởi vì thời đó nếp sống của người xuất gia không được thoải mái như bây giờ, ngày ngày phải đi bộ. Phật Thích Ca và đệ tử của Ngài đi rất nhiều nơi thuyết pháp, đều là đi bộ, chỉ có hai ba bộ đồ để thay mà thôi, có lẽ ngủ bên đường, hay tùy chỗ nào cũng được, không có một chỗ cố định êm ấm nào hết. Xuất gia đã khổ như vậy, tại sao còn khuyên La Hầu La xuất gia? Chẳng lẽ Ngài không thương đứa con này, cố ý muốn để cho con Ngài nếm mùi đau khổ của cuộc đời? Không phải đâu, bởi vì muốn cho con mình sau này có thể

tim được sự giàu có lớn nhất, tìm được chỗ tối cao vui sướng nhất, cho nên Phật Thích Ca mới khuyên con xuất gia.

Nếu bố thí là pháp môn tối thượng, phương pháp tối cao, có thể tìm được “*Phật Tánh*”, có thể thành Phật, Phật Thích Ca sẽ bảo con nên về làm một vị vua tốt, dùng của cải của quốc gia, dùng địa vị và quyền lợi tối cao để đem lại lợi ích cho chúng sanh, dùng tiền của vua đi bố thí kẻ nghèo, lo cho trăm họ. Nhưng Phật Thích Ca không nói như vậy, mà lại bảo đưa con duy nhất của Ngài làm hòa thượng, thành một vị khất sĩ, không khác gì một người ăn xin, cầm bình bát đi khắp nơi. Cho nên từ trong kinh điển, chúng ta có thể hiểu rằng chỉ có bố thí cũng chưa đủ, cũng không thể tìm được Niết Bàn.

Lạy Phật có phước báu gì? Khi Phật Thích Ca còn tại thế, lúc đó lạy Phật có phước báu, vì đó là lạy “*Phật tại thế*”. Ngài là một vị Thiên nhân Đạo sư đại khai ngộ, lạy Ngài, Ngài sẽ chia cho chúng ta một chút phước báu của Ngài, cho nên lúc đó lạy Phật có phước báu. Nhưng tôi phải nói thật cho quý vị rõ, lạy Phật gỗ không có phước báu. Phật gỗ làm sao ban phước báu cho chúng ta? Có người mới nghe tôi nói đừng bố thí, đừng lạy Phật, liền cho là ngoại đạo. Ngoại đạo là gì? Hoàn toàn không hiểu biết “*Đạo*” là gì, làm sao có thể cáo buộc người ta là ngoại đạo hay nội đạo một cách dễ dàng.

Bởi vì không rành kinh điển, không hiểu rõ ý nghĩa, không hiểu biết thật sự “*Thậm thâm vi diệu pháp*” của Phật Thích Ca, cho nên mới mở miệng nói là họ không hiểu, thì còn nói gì đến ngoại đạo hay nội đạo? Thật ra không có ngoại đạo, cũng không có nội đạo, tất cả đều là “*Đạo*”. Nếu chưa tìm chưa được cái “*Đạo*” này, chúng ta vẫn là ngoại đạo như thường. Nhưng khi tìm được cái “*Đạo*” này rồi, bất cứ người nào, Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, v.v... đều là nội đạo. Cái “*Đạo*” này chỉ có một mà thôi, cho nên bất luận tín ngưỡng tôn giáo nào,

nếu tìm được cái “Đạo”, thì chúng ta là nội đạo, không tìm được thì chúng ta là ngoại đạo.

Như tôi đã nói, việc tìm cái “Đạo” này không có quan hệ gì đến hành thiện bố thí của chúng ta, cũng không quan hệ gì đến lạy Phật. Khi chưa tìm được cái “Đạo” này, chúng ta có lạy gì, làm gì cũng đều vô ích. Sau khi tìm được “Đạo” rồi, lúc đó chúng ta lạy Phật sẽ có thêm chút ít phước báu vì đã hiểu biết lạy Phật là gì, lạy Phật ở đâu, làm sao lạy Phật.

Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, chúng ta lạy Ngài sẽ có rất nhiều phước báu; nhưng sau khi Phật lìa thế gian này rồi, chúng ta nên đi tìm những Phật khác để lạy. Lạy Phật không phải chỉ lạy Phật Thích Ca. Nếu chúng ta muốn lạy Phật, thấy được những vị Phật đúng thật là người đại khai ngộ, chúng ta có thể lạy, còn không thì có thể lạy “Phật Tánh” của chúng ta. Nhưng cần phải tìm được “Phật Tánh” này rồi mới có thể lạy, nếu còn chưa tìm được “Phật Tánh” mà nói rằng, tôi lạy “Phật Tánh” của tôi, đó cũng là nói dối, “Phật Tánh” ở đâu cũng không hiểu, còn lạy gì đây?

Ở Ấn Độ có truyền thống, nếu chúng ta tôn kính người nào, chúng ta có thể đánh lễ họ. Truyền thống đó truyền đến Trung Hoa, biến thành lạy Phật, vốn là lễ bái “con người tại thế” này, chứ không phải lạy bức tượng điêu khắc, hình dáng của họ. Cho nên trong kinh Kim Cang, Phật nói rất rõ ràng, “*Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.*”

Chúng ta đừng nên dựa vào những chuyện bên ngoài, phải nhờ vào chính mình. Nhưng trước nhất cần phải tìm được “*Bản Lai Diện Mục*” của mình, sau đó mới nương vào đại lực lượng của “Phật tâm”, đại lực lượng của “*Bản Lai Diện Mục*”, hay là “*A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề*” của vũ trụ này, tìm được “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” rồi, chúng ta có thể lạy. Lúc đó chúng ta làm gì cũng là nội đạo; nếu còn chưa tìm được

cái “Đạo” này, chúng ta đều là ngoại đạo. Bất cứ là lạy Phật hay Chúa Giê-su, hay làm công đức gì, hoặc trở thành pháp sư nào đều vẫn còn là ngoại đạo.

Chân Lý này, A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề này, nếu có nói cho đến mai đi nữa cũng không hết. Nếu tôi không giúp cho quý vị tìm được A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề mà chỉ dùng ngôn ngữ để giải thích, thì không cách nào nói cho hết được, cho nên nói đến đây có thể kết thúc được rồi. Nếu quý vị muốn tìm được Bản Lai Diện Mục, chiều nay tôi sẽ chỉ cho quý vị cách đi tìm. Tôi không phải là A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề, nhưng tôi có thể chỉ cho quý vị cái này ở đâu, rồi quý vị có thể tự mình đi tìm, rất đơn giản và rất nhanh chóng, cho nên chúng ta có thể gọi đó là “*Pháp Đốn Ngộ*”.

Nhưng tìm được rồi, phải cẩn thận, bởi vì đời đời kiếp kiếp chúng ta đã bị thành kiến của mình trói buộc, cho nên sau khi khai ngộ, không biết chừng cũng chưa biết. Tôi đã nói qua mấy lần, có người sau khi vãng sanh rồi, vẫn chưa biết là mình đã vãng sanh; vẫn còn ở nhà chạy đi chạy lại làm phiền người nhà, muốn nói chuyện với người nhà, nhưng không có người nào nghe được, cũng không có người nào thấy được, nên người chết thất vọng, bực bội, cũng rất đau khổ. Vì người chết không biết mình đã biến thành ma nên người thường không thể thấy được. Có người khi chết, không có cảm giác mãnh liệt, chỉ giống như ngủ một giấc tỉnh dậy, hay tự nhiên như từ dưới lầu đi lên lầu, họ không biết mình đã chết, còn đi làm phiền người khác.

Cho nên chúng ta từng nghe nói có nhiều ma quỷ chọc ghẹo người ta hoặc làm phiền người ta. Bởi vì họ rất tức giận, tại sao vợ mình không nghe lời mình; sờ đầu vợ, vợ không có phản ứng, còn đem bạn trai về muốn kết hôn; họ cho là ta đang còn sống mà dám nghĩ đến chuyện kết hôn. Chúng ta cũng biết có nhiều gia đình thường có ma xuất hiện, nửa đêm có tiếng ồn ào, tiếng giật hờn, đa số người đều nói chỗ đó có ma chướng. Thật vậy,

không phải không có, bởi vì có nhiều linh hồn không cho là họ đã chết.

Tình trạng khai ngộ cũng vậy, rất êm đềm, không phải như bị điện giật hay cảm giác toàn thân chấn động. Cho nên khai ngộ rồi, rất có thể vẫn chưa biết. Cho nên chúng ta nghe nói thời xưa, có người khai ngộ rồi còn đi tìm đại sư ẩn chứng, là ý đó. Nhưng khi khai ngộ, ít nhiều cũng có chút ấn tượng, nhất định có thể thấy được một chút ít điều gì, có một chút thể nghiệm nhưng đó là chuyện rất nhẹ nhàng. Cho nên nếu quý vị kỳ vọng đại khai ngộ như điện giật thì không có. Sau khi khai ngộ, cũng nên cẩn thận, phải tiếp tục tu hành, càng tu hành càng hiểu là chúng ta đã khai ngộ.

Cũng như tình trạng của người chết đã đề cập lúc nãy, người chết đó lần lần hiểu rằng mình đã lìa thế giới này, đã trở thành một vong hồn, không còn quan hệ gì với vợ nữa. Dù vong hồn đó rất buồn bã, không chịu như vậy, nhưng họ vẫn phải từ từ lìa bỏ, chờ thời gian đến để tái luân hồi, tìm thân thể khác để đầu thai, hoặc đi trên con đường luân hồi mà họ phải đi.

Người khai ngộ cũng vậy, dù có tin hay không, khai ngộ rồi tức là khai ngộ, không còn cách nào không khai ngộ nữa. Cho nên phải từ từ tu hành đến khi nào chúng ta có thể tiêu hóa tình trạng “*khai ngộ*” này và phát triển trí huệ của chúng ta cho đến khi hoàn toàn khai ngộ. Đến lúc đó tự nhiên sẽ hiểu lời nói của tôi là đúng, “*Ta chính thật đã khai ngộ rồi*”.

Sự khai ngộ đích thực, không thể cho người khác thấy, hay bán cho người khác. Bởi vậy không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả, nhưng có thể hiểu; hiểu rằng, đó là vì chúng ta cảm nhận được sự thay đổi bên trong của mình. Trí huệ của chúng ta khai mở rồi, trong tâm sẽ an định, càng ngày càng an ổn, càng ngày càng vui vẻ, bất kể làm việc gì đều nhẹ nhàng thoải mái, không có chấp nhất lắm. Nếu như vậy chúng ta có thể biết được mình đã khai ngộ rồi.

Khai ngộ rồi, linh thể của chúng ta có thể đi đến cõi Phật, gặp Phật, lúc đó có thể đánh lễ Phật, có thể lạy Phật. Lạy Phật tại cõi Phật, mới đúng thật là lạy Phật. Đến lúc đó quý vị có muốn lạy Phật bao nhiêu lạy, tôi cũng không ngăn cản quý vị. Nhưng không phải lạy ở đây, ở đây không thấy được Phật thật thì lạy làm gì chứ? Nhưng sau khi khai ngộ, cũng không phải nói rằng có thể hiểu biết toàn vũ trụ, hay toàn trí huệ đều hiện ra hết. Trí huệ vốn đã có rồi, không phải đợi đến khi khai ngộ rồi mới có trí huệ, nhưng chúng ta cần phải từ từ phát hiện ra và phát triển trí huệ này.

Ví dụ hiện giờ trên mình tôi mặc rất nhiều áo quần, lúc đi tắm cần phải cởi từng bộ áo ra, rồi mới có thể đi tắm. Cũng như vậy, khai ngộ rồi cũng không phải lập tức có thể hiểu biết toàn diện của Chân Lý, dù là Phật Thích Ca cũng phải tu hành mấy năm, Chúa Giê-su cũng vậy.

“*Khai ngộ*” với “*đắc Đạo*” khác nhau, “*khai ngộ*” còn cách xa “*chứng ngộ*”. Tôi chỉ giúp cho quý vị khai ngộ. Nếu quý vị muốn “*chứng ngộ đắc Đạo*”, vẫn còn cả một thời gian rất dài, phải tiếp tục tu hành không ngừng, thường lại nghe tôi giảng kinh, chỗ nào không hiểu nên lại hỏi tôi một lần nữa, rồi sau đó tự mình tu hành, tự mình giải quyết. Qua khoảng thời gian từ ba tháng tới sáu tháng tự mình có thể cảm thấy sẽ có rất nhiều biến đổi, có nhiều kết quả rất tốt. Muốn thay đổi bên trong không nhất định phải chờ rất lâu.

Hôm nay sau khi được truyền Tâm Ấn, quý vị sẽ có thể nghiệm liền, có một chút ấn chứng, chứng minh tự chúng ta đã có bước đầu của khai ngộ; nếu không, chúng ta không thể biết được. Nếu không có ấn chứng, làm sao tin được pháp môn này là thật hay giả, có ảnh hưởng gì không? Cho nên mới nói truyền Tâm Ấn, nên có ấn chứng liền, ấn chứng một chút rồi mới tiếp tục phát triển nó từ từ, càng phát triển càng nhiều, càng phát triển càng lớn, như vậy là “*Tâm Ấn*”. Truyền Tâm Ấn là lấy tâm

truyền tâm, không có thể dùng ngôn ngữ (*lúc truyền Tâm Ấn không dùng ngôn ngữ*), mà là dùng lực lượng để truyền. Cho nên quý vị có thể cảm giác được, có thể biết được, thấy được, nghe được, ngửi được. Nếu như dùng ngôn ngữ để truyền, thì cũng như dùng “*miếng*” mô tả miếng bánh vậy. Miếng bánh được nói bằng miếng, sẽ không phải là miếng bánh thật có thể ăn.

Ý nghĩa của đốn ngộ là lập tức chặt đứt, chặt đứt cái gì? Không phải chặt đứt thân thể của chúng ta, mà là chặt đứt sợi dây luân hồi sanh tử. Cho nên sau khi được truyền Tâm Ấn rồi, không còn luân hồi sanh tử nữa, không còn kiếp sau nữa, kiếp này là kiếp cuối cùng, bởi đó mà gọi là “*đốn ngộ*”. Đốn ngộ là tức khắc khai ngộ, tức khắc chặt đứt dây chuyền luân hồi sanh tử. Nhưng quý vị nghe tôi nói đốn ngộ, cũng đừng kỳ vọng có cảm giác khai ngộ mãnh liệt, ngộ vốn đã có sẵn, nhưng vì chầm dứt được sự luân hồi sanh tử, cho nên mới gọi là “*khai ngộ*”.





14

Lạy Phật Không Thế Thành Phật

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Tân Điểm, Đài Bắc, Formosa**

Ngày 14 tháng 9 năm 1987

Tu hành thật ra có pháp truyền, nhưng sau khi truyền pháp quý vị có thể tiếp thụ được không? Có thể nuôi dưỡng cho nó lớn không? Có thể sử dụng kho tàng của quý vị không? Đó mới thật là vấn đề. Từ xưa, các vị đại sư truyền pháp rất thận trọng, phải quan sát trước, xem xét thử người này có thể tiếp nhận được pháp môn không? Nếu tiếp nhận được họ mới truyền cho, nếu không sẽ bị đuổi đi.

Tuy nhiên đời này được gọi là thời mạt pháp, cho nên các đại sư có phần dễ dãi, khoan dung hơn, nên bất cứ người nào đến cầu xin, họ cũng đều truyền cho. Riêng tôi nhận thấy điều này, truyền pháp cho một người không có gì sai cả, người ấy cũng nhận được phước báu. Tuy nhiên những người không thành tâm thì chịu không nổi, ra ngoài nói điều càn quấy, pháp môn chưa học được

gì, đã ra ngoài nói với người khác, bàn luận về pháp môn của tôi, nói pháp môn này là ngoại đạo hay nội đạo, thể nghiệm này có thật không, hay là giả?

Thật hay giả, chính họ cũng không biết, các pháp sư khác cũng không biết trả lời sao. Mỗi pháp môn có thể nghiệm khác nhau, mỗi đẳng cấp cũng không giống nhau, thể nghiệm của mỗi người cũng khác nhau. Những pháp sư chưa khai ngộ, có nói cho họ nghe họ cũng không hiểu; còn những người gọi là pháp sư đã khai ngộ, bởi vì tu những pháp môn khác cũng không thể nào giải quyết được vấn đề của những kẻ loạn ngôn này. Thật ra, chúng sanh rất khó độ, không phải các vị đại sư không muốn truyền pháp cho chúng sanh, nhưng vì truyền pháp cho họ cũng không hữu ích nhiều, cũng như đem châu báu cho trẻ nhỏ, chúng sẽ đem châu báu này đánh đổi lấy bánh kẹo thôi.

Lúc tôi còn nhỏ, được mẹ cho rất nhiều thứ quý giá, tôi đem những thứ này bán đi. Trẻ con khi đem vật quý bán thì rất rẻ, rồi lấy tiền để mua bánh kẹo cho các bạn ăn. Đối với tôi, đem thức ăn cho người ta ăn còn tốt hơn là giữ châu báu, nhưng đối với mẹ của tôi, châu báu rất quan trọng và rất có giá trị. Lúc đó Âu Lạc đang có chiến tranh, nên giữ một ít để phòng thân, để lỡ khi xảy ra chuyện gì, tìm không được cha mẹ thì đem những vật này bán đi để tự cứu lấy mình. Nhưng lúc ấy, tôi chẳng cần chú ý đến điều này, hầu hết những trẻ con khác cũng vậy, nếu cho chúng những thứ quý giá, chúng sẽ đem đi bán và mua bánh kẹo.

Tất cả các chúng sanh đều là Phật, nhưng nếu nói cho họ nghe điều này, họ cũng không hiểu. Hầu hết người ta thích đi lay những ông Phật gỗ, cầu Phật vị lai, hoặc Phật Di Lặc hay những vị Phật quá khứ. Phật Thích Ca đã nhập Niết Bàn hơn hai ngàn năm về trước, nhưng chúng sanh vẫn thích cầu khẩn; còn các vị Phật chưa thành họ cũng thích chờ đợi, những vị Phật hiện tại thì họ không muốn nghĩ đến; Phật của chính mình họ cũng chẳng muốn tin, cho nên rất là phiền.

Bởi vì “*ngã chấp*” của chúng sanh rất lớn, học được điều gì cũng ghi lại vào đầu, nghĩ rằng điều gì mình nghĩ cũng là đúng nhất. Nếu có người nào nói không giống đạo lý của họ, họ liền không tin. Đại đa số người ta đều cho rằng niệm Phật, niệm Phật, niệm Phật là tốt nhất. Nếu có một người nào bảo rằng niệm Phật là không đúng, thì làm sao họ có thể tin được. Họ sẽ nghi ngờ và sẽ hạch hỏi rằng tại sao người ấy không nói cùng một giáo lý của đại chúng. Còn tôi muốn quý vị được thành Phật, làm sao chỉ nói toàn những điều chúng sanh muốn nghe thôi. Một số lớn các tu sĩ muốn quý vị lạy Phật, còn tôi bảo quý vị đừng lạy Phật mà phải thành Phật, làm sao mà giống họ được. Nếu phải nói cùng một thứ, tôi có thể lên núi đóng cửa, một mình tu hành, giữ gìn sức khỏe và phát triển nguyên khí của mình hoặc đi du lịch khắp thế giới, khỏi phải hao tổn lực lượng của tôi.

Cổ vũ quý vị niệm Phật là lãng phí thời gian của chính tôi và cũng lãng phí thời gian quý giá của chúng sanh. Chúng sanh có được thân người là một điều rất quý báu, tôi không muốn phí phạm thêm thời giờ của chúng sanh, kêu quý vị đi lạy các vị Phật bên ngoài, các vị Phật vị lai, các vị Phật quá khứ. Các vị Phật này có quan hệ gì với chúng ta không? Các Ngài thành Phật, chúng ta cũng có thể thành Phật, lạy các vị Phật ấy có ích lợi gì không? Nếu đời đời kiếp kiếp chúng ta chỉ muốn là những bệnh nhân, thì chúng ta có thể ngày ngày đi tìm bác sĩ. Còn nếu chúng ta muốn trở thành bác sĩ, thì chúng ta đi đến các đại học để học y khoa; ta không thể đi lạy các vị ấy hoặc ngày ngày đi thăm các vị ấy, rồi nghĩ rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ trở thành bác sĩ.

Chúng ta đi tìm bác sĩ, bởi vì chúng ta có bệnh; nhưng chúng ta không phải là bệnh nhân mãi, mà chúng ta muốn trở thành bác sĩ. Nếu tôi là thầy dạy người ta thành bác sĩ, thì tại sao tôi lại bảo họ đi tìm bác sĩ để xem bệnh cho họ? Tôi phải dạy họ thành bác sĩ, sau đó có thể tự săn sóc cho chính mình, cho gia đình mình và cho người khác nữa.

Nguyên do của niệ́m Phật là không muốn thành Phật, nguyên do của lạy Phật là không tin vị Phật của mình. Tự mình nghĩ rằng ta là kẻ phạm phu, nghiệp chướng của ta rất nặng nề, ta rất yếu đuối, không phải như Phật Thích Ca có thiện căn hoàn mỹ đến thế, không phải như Phật Di Lặc có nhiều phước báu như vậy; ta không thể tu hành, tất cả điều ấy đều do cái “ta” mà ra, vậy “ta” là ai?

Phật Thích Ca là một người rất bình thường. Từ lúc sanh ra cho đến năm ba mươi tuổi, Ngài chẳng làm gì đặc biệt cả, mà chỉ vui hưởng những lạc thú của thế gian: ăn, uống, nô đùa, vui chơi. Sau đó Ngài đi ra ngoài và nhìn thấy những sự thống khổ của chúng sanh Ngài mới thức tỉnh và quyết tâm tu hành, muốn thoát khỏi vòng sanh lão bệnh tử. Trong khoảng thời gian ba mươi năm đó, Ngài chẳng khác gì một người vô dụng. So với Ngài chúng ta còn cố gắng hơn nhiều, buổi sáng chúng ta đi làm hoặc đi học, buổi tối chúng ta còn phụ giúp cho gia đình. Phật Thích Ca chẳng làm gì cả, Ngài cũng thành Phật, chúng ta tốt đến thế sao không thể thành Phật được? Phật Thích Ca là Phật quá khứ, Ngài cũng không có gì đặc biệt lắm.

Bây giờ nói đến các Phật vị lai, Phật Di Lặc tiếng Phạn gọi là Maitreya, ý nói “*tấm lòng thương*” (*loving buddha*). Trong kinh điển, chính Phật Thích Ca có nói, Ngài và Phật Di Lặc tu hành với nhau rất lâu, nhưng Di Lặc Bồ Tát rất thích hưởng thụ những món ăn ngon, thích những nơi giàu có và kết bạn với những người này, ngày ngày cùng với họ thưởng thức những món cao lương mỹ vị, mặc những quần áo đẹp, tu hành không chịu gian khổ, nên Phật Thích Ca mới thành Phật sớm hơn.

Quý vị cũng thấy, hai vị Phật này có gì đặc biệt đâu. Phật Thích Ca trước năm ba mươi tuổi chẳng làm một điều gì ích nước lợi dân cả, chỉ biết hưởng thụ thế gian thôi. Phụ vương Ngài rất thích thấy Ngài hưởng thụ, Ngài có rất nhiều vương phi, cung tần, mỹ nữ; Ngài chẳng làm điều gì tốt cả, chẳng biết bố thí, trì

giới, cũng chẳng biết ngồi thiền. Giới, định, huệ Ngài chẳng có gì cả, nhưng rồi cũng thành Phật. Đây là chuyện của Phật Thích Ca.

Phật Di Lặc cũng chẳng làm điều gì hay. Sau khi xuất gia Ngài chỉ thích những nơi giàu có, muốn hưởng thụ thế giới, nhưng Ngài cũng có thể thành Phật và mỗi ngày được chúng ta tôn kính. Các Ngài như vậy mà cũng trở thành Phật, còn chúng ta sao lại cho mình là phạm phu? Phạm phu cái gì? Tại sao không thể thành Phật? Cho nên tôi nói, các vị nên thành Phật, không nên đi lạy Phật nào cả, họ chẳng có gì hay cả, cho dù họ có tốt đi nữa đối với chúng ta cũng chẳng có quan hệ gì. Họ có tiền họ dùng, chúng ta cũng nên tự kiếm tiền mà dùng, lạy họ để được gì? Họ có Phật của họ, ta có Phật của ta, có lạy họ, họ cũng không đem Phật của họ cho chúng ta.

Tôi nói như vậy không phải là phỉ báng Phật. Phật không phải tệ như vậy. Hóa thân của các Ngài hiện ra sinh sống như vậy, để cổ vũ chúng sanh tu hành. Thật ra các Ngài đã là Phật, giống như chúng ta vậy, nhưng vì họ cần phải hóa thân ra như thế thôi. Bởi nếu các Ngài vừa sanh ra đã vô cùng hoàn mỹ, tức khắc thành Phật, thần thông tự tại, thì chúng ta sẽ không còn có lòng tin này nữa để kỳ vọng tu hành thành Phật.

Bởi vì chúng ta sợ hãi, thoát nhìn các Ngài đã thấy rất xuất chúng, vừa mới sanh ra thì các Ngài đã vô cùng vĩ đại. Từ nhỏ đến lớn đã vô cùng xuất chúng, làm sao chúng ta có thể so sánh với các Ngài, làm sao thành Phật được? Chướng ngại của chúng ta nhiều quá, cũng không giỏi như họ. Nhưng tôi đã giảng rất rõ ràng, quý vị cần phải thông suốt. Phật Thích Ca cũng không hơn gì chúng ta. Phật Di Lặc cũng không có gì đặc biệt. Các Ngài đã thành Phật, đương nhiên chúng ta cũng có thể thành Phật.

Vì vậy tôi không muốn nói điều gì lạ, cũng không muốn nói nhiều điều như ý của đại chúng, tôi chỉ muốn nói với quý vị nên thành Phật, phải kỳ vọng vào mục đích cao cả này, không nên chỉ khẩn cầu những ước mơ nhỏ bé như: “*Con xin lạy Phật để*

cầu phước báu, lay Phật để về Tây phương, Phật giúp cho con tu hành.” Tự họ lúc tại thế không muốn tu hành, thử hỏi đi Tây phương làm sao tu được? Nơi ấy vô cùng thoải mái, cần gì mà phải tu hành. Nơi thế giới chúng ta đây mới có nhiều đau khổ, chúng sanh có rất nhiều khổ đau, phiền não. Chính chúng ta cũng có nhiều phiền não, khổ đau, nếu không phát tâm tu hành, nhìn chúng sanh thống khổ cũng không động chút từ bi tâm, không muốn cứu độ họ, thì làm sao đến Tây phương tu hành được?

Tôi không thích những pháp môn thấp yếu làm cho chúng sanh trở nên yếu đuối. Con người là cao quý nhất, so với thiên sứ, Phạm Thiên càng cao quý hơn, thì tại sao lại kêu người đi lễ bái quý thần? Chính mình là Phật Bồ Tát. Nếu không hiểu được đạo lý này, thì nên đi tìm một vị thầy giáo, một vị pháp sư, hoặc một vị thiện trí thức, xin họ nói cho ta biết, Phật của ta ở đâu? Hỏi thử các vị ấy có biết không? Nếu họ không biết, thì đi hỏi các vị pháp sư khác; nếu các vị này cũng chưa biết, thì hỏi đến các vị pháp sư thứ ba, thứ tư..., thứ một trăm... cho đến một ngày quý vị gặp được một người bảo rằng tôi biết “*Phật Tánh*” của quý vị ở đâu, tôi có thể giúp quý vị tìm ra, mà không phải lễ bái một vị Phật nào, Phật và chúng ta không có gì quan hệ. Nếu một người khổ cực làm việc, họ sẽ kiếm được nhiều tiền, gửi ở ngân hàng, cất một căn nhà đồ sộ. Cho nên chúng ta cũng nên tự đi kiếm tiền, lay Phật để làm gì? Chỉ làm tiêu hao niềm tin của chúng ta. Chúng ta cũng như họ vậy, cũng có mắt, mũi, tai, tay, chân. Chúng ta cũng như họ vậy, cũng có thể kiếm tiền. Không nên ngày ngày đi sùng bái người ấy mà quên đi chính mình phải kiếm tiền, không nên đi lay lục những người giàu có. Tự mình đi kiếm “*Phật Tánh*” của mình, không nên đi lay những vị Phật đã thành, họ là những người của quá khứ.

Cũng không nên lễ bái các vị Phật hiện tại, họ chẳng qua là một người hướng đạo; chúng ta chỉ cầu pháp thôi, không nên đánh lễ hoặc sùng bái họ. “*Phật Tánh*” của chúng ta và của họ

hoàn toàn giống nhau, chỉ có một điều khác biệt là họ đã tìm ra, còn chúng ta thì đang tìm kiếm. Vì vậy chúng ta đến hỏi họ, nhờ họ chỉ cho chúng ta cách tìm ra “*Phật Tánh*” của chính mình, chỉ có vậy thôi. Đánh lễ họ cũng chẳng có ích gì và cũng không nên đánh lễ bất cứ ai, ngay cả Phật hiện tại cũng không nên. Vậy tại sao phải đi đánh lễ các vị Phật đã cách đây hơn hai ngàn năm? Hoặc đợi chờ Phật Di Lặc xuất hiện? Ngài chưa đến mà đã lo đánh lễ Ngài rồi, tại sao yếu đuối quá vậy, tại sao không có chút tự tin nào vậy?

Cho nên tôi mới nói tôi không thích những pháp môn làm cho người ta yếu đuối, cũng không thích những pháp môn “*nhi nguyên*”, pháp môn phân biệt giữa chúng sanh và Phật.

Ta là Phật, Phật là ta, căn nguyên không có gì khác biệt. Nếu chưa biết được lý lẽ này thì nên tiếp tục tìm, tiếp tục học, nên suy nghĩ, ngòai thiên. Bất luận làm điều gì cũng cần phải hiểu rõ rằng “*Ta là Phật*”. Những pháp môn khác đều là ở bên ngoài, ở ngoài cửa; nếu như ngày ngày chúng ta chỉ đứng trước cửa mà kêu, thì không sao vào được. Tôi không thể nói dối quý vị, cũng không thể nói chuyện hoang đường, quý vị đã quá lãng phí thời gian để niệm Phật, quý vị chính là Phật, điều này mới thật là đúng đắn.

Tôi không thể kêu quý vị lạy bất cứ một vị Phật nào, các vị Phật ấy đâu có liên hệ gì với chúng ta? Nếu lạy Phật mà có được quan hệ với Phật, thì người ta đã lạy rất nhiều Phật rồi, nhưng sao chúng sanh vẫn còn gặp nhiều thống khổ vậy? Tại sao chúng ta vẫn còn phải luân hồi sanh tử? Khi Phật Thích Ca còn tại thế, có rất nhiều người lạy Ngài, nhưng cũng có người rơi xuống địa ngục ngay trước mặt Ngài và sống ở dưới địa ngục ấy. Quý vị đã nghe câu chuyện này chưa? Kinh điển có ghi chép chuyện này, gặp Đức Phật tại thế mà còn rơi xuống địa ngục, chỉ vì không chịu tu hành.

Chúng ta không thể chỉ dựa vào lực lượng của Phật. Ở địa ngục cũng có Địa Tạng Vương Bồ Tát, ngày ngày dạy dỗ chúng

sinh nơi địa ngục, mỗi ngày “gặp” được Địa Tạng Vương Bồ Tát, nhưng vẫn phải ở nơi ấy thọ cực hình. Vậy khi chúng ta lạy các vị Bồ Tát gỗ, thì làm sao đạt giải thoát được? Giả thử lạy Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì các sự thống khổ được tiêu trừ, nhưng sao vẫn còn nhiều người khổ đau đến thế? Thế giới vẫn còn nhiều hỗn loạn vậy? Bởi vì đó không phải là pháp môn cứu cánh, chỉ là phước báu của trời và người, phước báu này chỉ trong thoáng chốc, về sau không có nữa. Chúng ta phải tự tu hành, tự thành Phật, nếu không, sanh lão bệnh tử sẽ mãi mãi hiện hữu trong chúng ta, không được giải thoát hoàn toàn, không được thoát ly sanh tử.

Nếu chúng ta chỉ cầu Phật, hoặc đánh lễ mười phương Tam Thế Phật, hoặc đánh lễ trước mặt Đức Phật, cũng chẳng có ích lợi gì lắm, vẫn không được sự giải thoát sau cùng. Thậm chí khi cùng chung sống với Phật cũng chẳng khá hơn. Tôn giả A Nan ngày ngày ở bên Phật, ở gần Phật nhất, nghe Phật giảng kinh nhiều nhất, mà vẫn không khai ngộ; đến khi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, không còn ai bảo vệ, săn sóc, nâng niu, A Nan bị Ma Ha Ca Diếp đuổi đi, lúc ấy mới nghĩ đến chuyện tu hành và ngồi thiền, Ngài chỉ ngồi thiền một đêm thì được khai ngộ.

Lúc trước Ngài ý lại vào Phật, ngày ngày ở bên Phật, không chịu tu hành. Tôn giả A Nan ở gần Phật nhất, thông minh nhất, nhớ và biết nhiều chuyện nhất, tuy vậy Ngài vẫn không được Phật Thích Ca truyền y bát để kế nghiệp Ngài. Bởi vì lúc ấy Ngài chưa đủ lực lượng, chưa đủ khai ngộ, cho nên Đức Phật đã truyền cho Ma Ha Ca Diếp kế tục pháp thống. Vì vậy quý vị nên nhớ rằng, lạy Phật không có ích lợi nhiều, ngay cả sống cùng với Phật cũng không thể thành Phật. Huống chi lạy một vị Phật gỗ thì làm sao có ích lợi?

Nếu tôi đi đến các chùa chiền và nói những đạo lý này, họ sẽ cho tôi là người “ngoại đạo”, không được nói những điều như vậy. Vì vậy không phải ở nơi nào cũng giảng được điều này. Thật

ra cũng không nên nói gì, nói ra sẽ tạo thêm phiền hà. Nhưng Chân Lý và sự thật không thể không nói. Nói ra thì phải nói sự thật, không được dối người, không được lãng phí thời giờ của chúng sanh. Dù cho chúng sanh không tiếp nhận được giáo lý này, đó là một chuyện khác, đại đa số chúng sanh không chấp nhận sự thật này. Vì vậy khi Phật Thích Ca xuất hiện, cũng không cứu độ được bao nhiêu chúng sanh. Dân số nước Ấn Độ rất đông mà chỉ cứu được mấy vạn người. Khi Chúa Giê-su xuất hiện, chỉ hoằng pháp được hơn ba năm thì bị người ta giết chết. Lão Tử đến cũng không cứu được bao nhiêu, không còn ai nghe lời Ngài nói nữa, trước khi bế quan Ngài đã viết quyển Đạo Đức Kinh. Hình dáng bên ngoài của chúng sanh tuy không giống nhau, nhưng lực lượng nội tại lại tương đồng. Lực lượng này là lực lượng của vũ trụ, một thứ lực lượng vĩnh viễn hằng hữu. Đó là “*Phật Tánh*” của chúng ta, “*Bản Lai Diện Mục*” của chúng ta, “*lực lượng*” của tạo hóa, hay cũng được gọi là “*Đạo*”. Cái “*Đạo*” vĩnh viễn tồn tại này nếu chúng ta câu thông được với nó, nghiệp chướng của chúng ta sẽ được tiêu trừ và chúng ta sẽ được trở về nguồn cội. Đó là lý do vì sao những người sau khi được thọ Tâm Ấn, nghiệp chướng đời đời kiếp kiếp đều được tiêu trừ, nghiệp chướng không còn nữa. Ví dụ cái ly này chỉ có một ít nước, nếu bỏ thuốc độc vào chúng ta sẽ không uống được. Nếu đem ly nước độc này đổ vô dòng sông lớn, như sông Hằng chẳng hạn, thì một chút thuốc độc này chẳng có tác dụng gì, mọi người vẫn uống được như thường. Nước trong ly này được biến thành nước của dòng sông cái, nước này không còn chất độc nữa. Vì nước trong dòng sông mênh mông này sẽ rửa được mọi thứ và biến nó thành tinh khiết.

Nói ra có thể quý vị không tin, tại Ấn Độ dòng sông Hằng vô cùng linh cảm. Đối với người Ấn Độ, đó là dòng sông thiêng, tại vì sao? Vì bất cứ một vật gì khi rơi vào cũng không ảnh hưởng gì đến sông này, đời đời kiếp kiếp vẫn sạch trong. Rất nhiều rác rưởi, và nước tiểu đổ vào đó, nhưng phẩm chất của nước vẫn

thuần khiết. Khoa học cũng chẳng biết giải thích làm sao, tại sao mà nó trong sạch như vậy? Họ cho rằng có lẽ vì nước sông lạnh quá cho nên vi khuẩn không thể nào sống nổi. Nhưng tôi cư ngụ tại nước Đức đã bảy năm, nước sông thường hay đóng băng, nhiệt độ so với sông Hằng còn lạnh hơn, nhưng nước vẫn rất dơ, phải dùng rất nhiều hóa chất để làm cho nước trong sạch trở lại.

Khi ở Mỹ, tôi cũng thấy như vậy, nước cũng rất lạnh, nhưng cũng phải dùng rất nhiều hóa chất để khử trùng và lọc nước, nếu không thì nước không thể nào dùng được. Lúc tôi cư ngụ tại các nước Anh, Pháp tình trạng cũng giống như vậy. Tại các nước Áo, Ý, Tây Ban Nha có rất nhiều sông ngòi, có những dòng sông lạnh như cát da, nhưng vẫn không thể nào sạch như nước của sông Hằng. Nước của sông Hằng mãi mãi là nước sông Hằng, nếu so với nước của các dòng sông trên thế giới, rất là khác xa nhau. Tôi sẽ nói cho quý vị nghe tại sao không giống.

Ấn Độ là thánh địa, bao nhiêu đời kiếp qua có rất nhiều vị tu hành, các Ngài tắm rửa tại dòng sông Hằng này; tuy thân thể của họ không được sạch sẽ nhưng lực lượng của họ rất là tinh khiết, rất là vĩ đại, cho nên khi họ tắm giặt cũng giống như họ đã gia trì vào nước của nơi này, các vi khuẩn độc không thể sống nổi, cho nên dòng nước ở nơi đây mới mãi mãi trong sạch như vậy. Điều này đích thân tôi đã thể nghiệm. Nếu chúng ta nhìn thấy các vị tu hành, hay những người dân thường tắm giặt ở miền thượng du sông Hằng, chúng ta lại uống nước ở hạ du, thì sẽ cảm thấy rất mất vệ sinh. Nhưng nếu chúng ta đem nước này phân tích bằng những dụng cụ y khoa, quý vị sẽ thấy không có một chút ô uế.

Tôi có trú ngụ tại Ấn Độ, nơi đây nhiều kiếp qua đã có rất nhiều vị tu hành rất nổi danh. Hai bên bờ của dòng sông Hằng mỗi ngày đều có người ngòi thiền trên bãi cát. Nơi đó rất nổi tiếng, Phật Thích Ca đã có đến nơi này, người tu hành nên đến nơi này. Tôi lưu lại đây hai tháng, gần vùng hạ lưu. Ở trên khúc thượng lưu, có một thôn xóm dành cho những người bệnh phong

cùi ở, dĩ nhiên những đồ phế thải đều đổ vào sông Hằng, tuy nhiên nước vẫn rất trong sạch. Nhưng nghe nói nước ở vùng hạ lưu nhất, phẩm chất không được đáng tin lắm.

Người Ấn Độ không phải là người biết giữ vệ sinh; quốc gia đó không giống như ở Mỹ có những phòng vệ sinh tân tiến; các đại tiêu tiện đều đổ ra ngoài, tuy nhiên dòng sông Hằng vẫn rất trong xanh, không có một chút vi khuẩn. Nếu chúng ta chứa những loại nước thường vào một bình thì một hai tháng sau, nước sẽ biến chất, có mùi hôi, thậm chí có khi sanh ra trùng. Nhưng nếu đựng nước sông Hằng vào bình ấy, mười năm sau nước cũng không thay đổi, tính chất của nước vẫn sạch sẽ như ngày đầu tiên cho nước vào bình. Điều này rất là huyền diệu, chúng ta không thể dùng sự hiểu biết về khoa học hiện nay để giải thích hiện tượng này. Tôi ngày ngày uống nước ấy, vừa tắm rửa vừa uống, đến bây giờ vẫn còn sống và cũng chẳng có bệnh hoạn gì. Mới đây có người đệ tử ép tôi đi khám sức khỏe, các bác sĩ kiểm không ra một thứ bệnh nào, bởi vì tôi có bệnh gì đâu. Người tu hành rất ít sanh bệnh, hơn nữa pháp môn của tôi trị được bá bệnh. Tuy nhiên rất ít người tin, vì không tu hành nên không có những thể nghiệm này.

Có một thứ lực lượng cũng như nước của sông Hằng vậy, chúng ta gọi đó là Phật lực, lực lượng của Thượng Đế, Tạo Hóa, hay là “Đạo” đều được cả. Nếu câu thông được với lực lượng ấy, chúng ta sẽ biến thành lực lượng đó, sẽ trở nên vĩ đại, không bị những ngoại lực ảnh hưởng. Nghiệp chướng của đời đời kiếp kiếp đều được tiêu trừ. Chúng ta không thể vì chưa tìm được lực lượng đó mà phủ nhận đi sự hiện hữu của nó.

Không phải nơi nào cũng có nước của sông Hằng. Ở đây, chúng ta phải uống nước không được sạch, nước sông ở đây rất dơ, muốn uống phải lọc và khử độc, cho nên chúng ta rất khó mà tin rằng nước sông Hằng sạch như vậy. Bất cứ thứ gì đổ vào dòng sông, nó đều rửa sạch cả.

Sự hiện hữu của sông Hằng là một điều không thể chối cãi, cũng không thể nghi ngờ lực lượng rửa sạch của nó, tôi đã từng đi qua cho nên mới biết. Nếu như ở đây có một trăm người bảo tôi rằng điều đó là bịa đặt, tôi sẽ không chịu, bởi vì đích thân tôi đã thể nghiệm được điều này. Tôi đã biết qua sông Hằng, đã uống nước sông Hằng, tôi tin tưởng hoàn toàn vào lực lượng của dòng sông, bởi vì tôi đã câu thông với dòng sông đó.

Khi chúng ta chưa tìm được một thứ lực lượng có thể đốt được nghiệp chướng đời đời kiếp kiếp, có lẽ chúng ta khó mà tin rằng lực lượng này có thật. Khi chúng ta chưa tìm được một vị Minh Sư có thể giúp chúng ta đốt sạch những nghiệp chướng đời đời kiếp kiếp, có lẽ chúng ta khó mà tin là có vị Minh Sư ấy. Hoặc giả như chúng ta chưa biết được có một pháp môn có thể tức khắc khai ngộ, chúng ta cũng khó mà tin có loại pháp môn này.

Tuy chưa tìm được nhưng chúng ta không nên cho rằng không có pháp môn đó, cũng không có vị Minh Sư như vậy. Vì các pháp môn khác đều là “*nội đạo*”, cho nên “*Đạo*” của tôi rất là “*ngoại*”. Phải ở bên ngoài “*đạo*” của họ, mới tìm được “*Đạo*” này. Bởi vì nếu đi cùng một đường với họ, ta sẽ đi về đâu? Tôi cũng không biết. Tôi không thích đi con đường “*nội đạo*” của họ. (*Mọi người cười.*) Nếu họ cho rằng tôi là “*ngoại đạo*” cũng không sao. Tôi đi đường ngoài tương đối rõ ràng hơn. (*Mọi người cười.*)

VẤN ĐÁP

Vấn: *Vừa rồi Sư Phụ có nói niệm Phật là đem lòng của chúng ta y dựa vào thân của Phật, mà không dựa vào bản thân của mình, nhưng theo sự hiểu biết của tôi thì niệm Phật là một thứ khắc tâm, niệm và chỉ niệm mà thôi, để làm giảm đi tạp loạn trong “tâm” của mình và làm cho “tâm” được thống nhất, rồi từ cái “nhất” sẽ đi đến cảnh giới không còn niệm nữa. Còn một*

điểm nữa là *Sư Phụ* cho rằng chúng sanh có thể đón ngộ đến tự tánh, một niệm là có thể thấy tự tánh, nhưng đầu óc của một số chúng sanh rất tạp loạn, cho nên định lực và trí huệ không thể nhất thời có đầy đủ được. Pháp môn của *Sư Phụ* rất tốt, nhưng có vài điều lúc này không tiếp nhận được, xin *Sư Phụ* chỉ giúp.

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Câu hỏi thứ nhất đúng mà không đúng, vấn đề là sẽ làm gì sau khi kiểm chế được tâm của mình. Sau khi tâm đã định vẫn phải đi tìm “*Phật Tánh*”. Khi tâm đã được khống chế, ý niệm không còn nữa, điều này cũng không thể cho rằng đã thành Phật. Lúc ý niệm không còn, chẳng khác nào như một cục đá, đó chẳng qua là giai đoạn sơ bộ A B C mà thôi. Tâm đã định rồi vẫn phải tiếp tục tu hành. Cho nên trong kinh A Di Đà, Phật Thích Ca có nói, đến Tây phương rồi có thể từ từ học thành Phật, không phải đến được nơi ấy thì đã là Phật.

Còn câu hỏi thứ hai, tôi có cách giúp họ, không phải tôi bảo họ đi tìm, mà chính tôi dẫn họ đi, tôi lái xe. Đường xa xôi lắm, nếu dựa vào lực lượng của chính họ mà đi thì không thể nào đi được. Vì vậy mới cần thầy dạy, vị thầy sẽ dùng lực lượng của mình mà truyền cho họ, giúp cho tâm của họ được định lại. Tâm mỗi ngày mỗi định, một bên định tâm một bên tu hành. Nếu không có thầy cũng chỉ là vô dụng mà thôi. Tại sao cần phải có thầy? Pháp môn của tôi không phải chỉ nói lên kiến tánh thành Phật, kiến tánh đơn giản như vậy sao? Phải dùng lực lượng gì để giúp cho họ ổn định được đầu óc đầy hỗn tạp của họ, rồi phải rửa sạch nghiệp chướng đời đời của họ. Sau đó họ mới có thể kiến tánh thành Phật được. Lúc này chỉ cần một khoảnh khắc thì có thể làm được. Làm tất cả cùng một lúc, không phải kéo dài thời gian. Phương pháp ngộ từ từ thì chậm quá, dùng một cái khăn nhỏ để lau thì chậm lắm, tôi bỏ thẳng vào sông rửa mau hơn.

Cho nên trước tiên cần có lực lượng của vị Thầy giúp đỡ thì sau này họ có thể tự bước đi, không phải ngày ngày ỷ lại vào lực

lượng đó. Đợi đến khi họ trưởng thành, họ có thể tự đi. Cũng giống như em bé mới tập đi, làm sao có thể tự đi được? Ban đầu phải dắt tay em, tập cho em, nắm tay em, dạy em đi bước thứ nhất, bước thứ hai. Sau khi lớn rồi, em mới có thể tự đi được. Pháp Môn của tôi bao gồm rất nhiều phương diện, vừa rửa sạch nghiệp chướng, vừa định tập niệm; một bên khai minh trí huệ, một bên giúp cho đệ tử được tiến bộ; ngày ngày đều chăm sóc đến, không phải dùng thân thể này mà là dùng hóa thân.

Sau khi được Tâm Ấn, mỗi đệ tử đều có hóa thân của tôi chăm sóc, xem họ trưởng thành ra sao, có vấn đề gì, có những nghiệp chướng gì, và ngày ngày giúp họ khai mở. Chúng sanh không thể nào tự mình đi được, nên cần phải có pháp sư chỉ dạy, một pháp sư chân chính. Một Minh Sư chưa khai ngộ cũng chẳng giúp đỡ gì được nhiều. Không phải người nào cạo đầu cũng đều là pháp sư. Một vị pháp sư chân chính cần phải có hóa thân, có thể dùng hóa thân đi khắp mọi nơi để chăm sóc đệ tử của họ. Nếu không có hóa thân, người ấy không thể chiếu cố được nhiều người.

Vấn: *Pháp thân mà Sư Phụ vừa mới nói, trong kinh Phật có ghi rằng tất cả chúng sanh đều có pháp thân, báo thân và hóa thân. Những người tu hành chân chính có thể diện kiến được bản tánh của pháp thân. Tuy chúng sanh không phải không có pháp thân, nhưng vì nghiệp lực trói buộc nên không thể tự tại, có phải thế không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Pháp thân có thể biến thành ngàn vạn ức hóa thân, người có thể dùng hóa thân là Phật. Cho nên mới nói ngàn vạn ức hóa thân Phật Thích Ca. Mỗi người đều có thể có pháp thân, tuy nhiên họ không thể dùng pháp thân này để biến thành nhiều hóa thân, nên cũng không làm được gì. Cũng như chúng ta nói mỗi người đều là Phật, nhưng họ không dùng vị Phật của họ được. Dùng pháp thân sẽ biến hóa được nhiều sự

việc, dùng pháp thân sẽ biến hóa được nhiều hình dáng, biến thành ngàn vạn ức hóa thân. Những người bình thường chúng ta đều có pháp thân, nhưng không biến hóa được gì, bởi vì không biết cách sử dụng nó.

Vấn: *Lạy Phật, niệm Phật cũng là những phương tiện của pháp môn để cứu độ chúng sanh. Như vậy, lạy Phật, niệm Phật có được giúp đỡ gì không? Có phải niệm Phật chỉ có thể định tâm mà không phải thành Phật?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Lạy Phật, niệm Phật đều có giúp, niệm A B C cũng được giúp đỡ, tập trung tư tưởng là được giúp đỡ. Nhưng đó mới chỉ là ý của quý vị mà thôi, còn có một cảnh giới là không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; nơi ấy quý vị chưa đến được.

Nếu quý vị niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn, thì “ý” của quý vị được định, “tâm” của quý vị được định. Tâm tức là ý, ý tức là tâm, ý và tâm giống nhau. Cho nên chúng ta nói, tâm của tôi rất loạn, điều này muốn nói ý của tôi rất loạn, rất nhiều tạp niệm. Sau khi niệm Phật, quý vị chỉ có thể định được ý của quý vị mà thôi. Nhưng còn có cảnh giới không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nữa, ngay cả ý cũng không có. Nơi này nếu chỉ dựa vào khắc tâm niệm Phật thì không thể nào đến được mà cần phải có pháp môn cao hơn. Quý vị muốn đến đó, mà chỉ niệm Phật thì sẽ không đủ lực lượng. Học với tôi sẽ đến được nơi ấy. Đó là nơi không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cho nên không thể dùng ý mà tu được. Phải không có ý mới tu được ở nơi ấy.

Vấn: *Mục đích của đời người là gì?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Là mưu tìm sự an lạc tự tại, nghĩa là tìm sự giải thoát, không phải trở lại vòng luân hồi sanh lão bệnh tử, để tâm linh được tịnh hóa, lúc nào cũng được an vui tự tại. Chỉ dựa vào sự tu hành và cùng với Minh Sư học hỏi mới

là cách duy nhất để được giải thoát sự luân hồi. Nếu tự mình tu tập, sẽ không có nguồn năng lực ấy, hoặc không đủ năng lực, sẽ lãng phí rất nhiều thời giờ, cũng vô phương đạt được một thành tựu nào, hoặc nếu có thành tựu cũng chỉ rất nhỏ. Nếu có được một vị Minh Sư ở một bên chỉ dạy, hướng dẫn chúng ta trên đường thì mau hơn.

Vấn: *Chúng sanh đang tại thế, đang nhập thế hay xuất thế? Nếu là nhập thì làm thế nào để khi chung đặng với những tội ác của thế tục, mà có thể duy trì được sự thanh tịnh của thân mình; ý của con muốn nói là nếu ở cùng với sự dơ dáy của thế tục làm sao có thể giữ gìn được thân mình khỏi bị ô nhiễm.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Ví dụ nói khi trời mưa, chúng ta có áo mưa; nhưng áo mưa này đã bị chuột cắn nơi này một miếng, nơi kia một miếng. Những nơi bị rách sẽ bị nước mưa thấm vào, ngay cả những vật dụng mang theo người cũng bị ướt nữa. Cho nên cả con người chúng ta sẽ bị ướt, có áo mưa cũng như không. Khi chúng ta đến thế giới này, có một bộ y phục để bảo hộ chúng ta, nhưng bộ y phục đó đã bị rách rồi, tôi có thể giúp quý vị vá lại. Vá xong thì dùng được ngay, về sau có đi đến nơi nào, cũng không bị ô nhiễm nữa.

Không phải là phải đi lên núi thì thân thể mới được khỏe mạnh, hoặc đóng cửa lại một thân một mình mới tu hành được. Những tình huống như vậy chỉ trợ giúp một ít thôi, làm giảm đi ít nhiều phiền não; vì khi ta đang ngồi thiền thì điện thoại reo, trẻ con làm ồn, mới nhập định thì có người đến làm phiền, trở ngại tương đối nhiều. Tuy nhiên không phải vì vậy mà lên núi mới tu được, chỉ cần có một nơi thanh tịnh ở trong nhà, thì cũng có thể tu hành được, cũng có thể trở thành một người trong sạch, vì trong lúc truyền Tâm Ấn, tôi sẽ giúp vá áo mưa lại cho quý vị. Cho nên người đã được thọ pháp, có thể tiếp thu được những lực lượng của tôi, được sự bảo trợ của tôi.

Vấn: *Nếu là xuất thế, tự tu thành Phật, làm thế nào để cứu chúng sanh ra khỏi tội ác?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Điều này hãy đợi đến khi thành Phật thì tự nhiên sẽ biết được. Cũng như một cô gái khi chưa lập gia đình, lúc chưa có con thì rất lo lắng, có thể sẽ hỏi mẹ mình, sanh con làm sao? Nuôi con như thế nào? Nhưng khi kết hôn rồi tự nhiên sanh ra con cái, tự nhiên biết cách nuôi con, đó là những việc rất tự nhiên, không cần phải ai dạy dỗ cũng có thể biết được.

Vấn: *Theo một số người, một người đi truyền pháp giúp đời cũng tốt, đi tu hành cũng tốt. Làm thế nào sống trong cái không và có, mà không bị cái không và có này trói buộc. Làm thế nào để trong lúc làm việc, tu hành, hoặc làm một điều gì có ích lợi cho chúng sanh mà không bị cái chấp ràng buộc mình?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đừng nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh, quý vị là ai? Quý vị làm gì để được lợi ích cho chúng sanh? Quý vị mỗi ngày ăn sáng, ăn trưa, ăn tối, quý vị có nghĩ rằng “ta” là một người tốt, là một người vĩ đại, hôm nay ta giúp cho ta được ăn cơm, mỗi ngày ta tắm rửa cho thân thể của ta, ta tốt như vậy, ta giúp thân thể của ta, có nghĩ như vậy không? Không có, đều là tự động làm cả.

Cũng vậy, khi giúp người cũng không nên nghĩ “ta” giúp người ấy. Lúc cần thì giúp, lúc không cần thiết thì thôi, giúp hay không giúp cũng như nhau. Giúp đỡ chúng sanh cũng như rửa tay vậy; khi rửa tay, cũng không nghĩ là mình tốt, quý vị nên rửa tay của quý vị, bởi vì rửa tay là một điều tốt, là một điều vĩ đại. Quý vị đâu có nghĩ như vậy, chỉ là một việc làm rất tự nhiên mà thôi.

Giúp đỡ chúng sanh cũng thế, không có gì tốt cả, đừng nên nghĩ gì cả. Khi có người đói bụng đến kiếm chúng ta, chúng ta lấy cơm cho họ ăn, khi có người thiếu áo mặc, quý vị nói với họ, tôi có áo quần đây hãy lấy mà dùng, rồi hãy quên việc mình vừa làm đi. Đừng nghĩ rằng hôm qua tôi cho họ ăn cơm, ngày trước

cho họ quần áo, chẳng có gì đáng nhớ cả. Mỗi ngày chải tóc, quý vị cũng chẳng nghĩ đến là giúp bản thân mình, mà chỉ nghĩ đó là chuyện bình thường mà quý vị phải làm thôi. Giúp đỡ chúng sanh là một điều nên làm, cũng như đánh răng vậy, là một việc nên làm, không có gì tốt cả, cũng như không có gì để tự mãn cả.

Vấn: *Phật A Di Đà có bốn mươi tám lời nguyện để cứu độ chúng sanh. Địa Tạng Vương Bồ Tát nguyện, nếu địa ngục không trống, thề không thành Phật. Những lời đại hùng đại nguyện này Sư Phụ giải thích ra sao?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đó là những lời nguyện của các Ngài lúc còn chưa khai ngộ, đến khi các Ngài đã khai ngộ thành Phật, các Ngài không có nghĩ đến lời nguyện đó nữa. Các Ngài cứu độ chúng sanh rất tự nhiên. Một đứa bé khi mẹ nó gọi nó đến ăn cơm nó cho là đúng, nó phải ăn cơm bởi vì mẹ nó nói nó nên ăn cơm, nếu không ăn cơm nó sẽ không lớn. Đến khi đứa bé trưởng thành, nó tự tìm cơm lấy, nó không nghĩ gì cả, khi đói bụng thì ăn cơm thế thôi.

Địa Tạng Vương Bồ Tát lúc chưa thành Bồ Tát, Ngài chưa thông rõ nên mới phát nguyện cứu độ chúng sanh. Còn có cái “ta” trong lúc phát nguyện cứu độ chúng sanh. Khi Ngài thành Phật, thành Bồ Tát rồi, mọi việc đều rất tự nhiên, Ngài không nghĩ rằng Ngài là Bồ Tát, Ngài đã phát những lời nguyện như vậy. Trong kinh Kim Cang có nói, nếu một vị Phật hay Bồ Tát nghĩ rằng họ là Phật, là Bồ Tát, thì đó không đúng là Phật, cũng không phải là Bồ Tát. Không có chuyện gì phải nghĩ ngợi cả, mệt thì ngủ, đói thì ăn, cần làm điều gì thì làm điều ấy, đó là những điều rất tự nhiên mà thôi.

Vấn: *Hình thái của trí huệ là không tánh, hữu tánh. Các vị đại Bồ Tát hay Phật Tổ, trí huệ của các Ngài trước sau bất ly cái không tánh, nhưng vì tùy duyên để cứu độ chúng sanh, các Ngài*

đã dùng bản tánh trí huệ để phá vỡ bản tánh tự không, rồi từ đó có thể phân biệt được giả tướng, cái tướng thiên biến vạn hóa. Ý con muốn nói là trí huệ của Phật không nghiêng về không, cũng không nghiêng về có.

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi hiểu ý của quý vị, Phật không nghĩ đến những điều phức tạp như vậy. Phật mệt thì đi ngủ, đói thì ăn cơm, Phật cũng giống như một tấm gương, chúng sanh như thế nào, thì Phật phản ánh ra như vậy. Phật không có nghĩ gì cả, thật vậy. Thật ra Phật cũng như chúng sanh, không có gì khác cả. Phật có được đại lực lượng, nhưng Phật cũng không nghĩ rằng Ngài là đại lực lượng. Tuy nhiên khi chúng sanh cần đến, có thể sử dụng đại lực lượng của Ngài. Tôi có thể nói trắng ra cho quý vị hay, Phật chẳng nghĩ gì cả. Cũng như mặt trời, nó không nghĩ rằng nó thật là vĩ đại, mỗi ngày chiếu rọi đến chúng sanh, để vạn vật có thể sinh trưởng. Vì được tiếp xúc với mặt trời, hoa lá có thể trở bông; nhờ có mặt trời chúng ta được tăng trưởng, trẻ em được khỏe mạnh; sinh tố D từ mặt trời mà ra, không có sinh tố này chúng ta không thể trưởng thành, thịt da chúng ta sẽ bị hư hoại. Tất cả sự sống của vạn vật đều nhờ ánh mặt trời, nhưng mặt trời không nghĩ gì cả.

Các bậc vĩ nhân họ không nghĩ rằng họ là vĩ đại. Trí huệ của Phật rất cao, nhưng Ngài không nghĩ rằng Ngài có trí huệ cao. Nếu trong khoảnh khắc nào đó Ngài có ý niệm là Ngài có trí huệ cao, ngay lập tức Ngài biến thành kẻ phàm phu, nhưng Phật chưa bao giờ nghĩ như vậy.

Ví dụ về đệ tử của tôi, vì cần phải dùng ngôn ngữ để diễn đạt, cho nên mới gọi là đệ tử của tôi. Không nên cứ chấp trên danh xưng ấy mà hỏi rằng tại sao Ngài có đệ tử. Tôi thật ra vốn không có đệ tử, tuy nhiên cũng có lúc cần dùng ngôn ngữ để diễn đạt như vậy.

Ví dụ như các đệ tử của tôi, họ nhìn thấy được hóa thân của tôi, thấy tôi dùng hóa thân của tôi chỉ dạy họ, giúp đỡ họ, cho nên

các đệ tử mới đến nói với tôi: “*Bây giờ con được biết Sư Phụ là Phật rồi.*” Còn có những người nhìn thấy hóa thân của tôi là Quán Thế Âm Bồ Tát thì nói: “*Sư Phụ, con biết Ngài là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.*” Có một đứa bé ngày hôm qua đến hỏi tôi: “*Sư Phụ, con biết Ngài là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát, có phải vậy không?*”

Những hình ảnh họ thấy không giống nhau bởi vì đẳng cấp của họ khác nhau nên lực lượng nhìn thấy hóa thân của tôi mới khác biệt, sử dụng lực lượng của tôi cũng không tương đồng. Đối với những lời nói đó của họ, mọi sự việc đều khác nhau cả. Nhưng tôi không phải là Đại Thế Chí Bồ Tát, cũng không phải là Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng không phải là Phật Thích Ca. Tôi không nghĩ tôi là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát và cũng không nghĩ là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi chưa bao giờ nghĩ như vậy cả. Tôi độ chúng sanh, vì sự cần thiết của chúng sanh, tôi phản ánh ra như vậy thôi.

Mặt trời chỉ có một cái nhưng lực lượng thật bao la, chúng sanh dùng mãi không hết, cỏ cây nhờ lực lượng của mặt trời mà trưởng thành. Có người dùng lực lượng của mặt trời làm ra năng lượng, có người dùng lực lượng của mặt trời để nấu cơm. Ở Ấn Độ, tôi dùng nó để nấu cơm, luộc rau, nấu khoai, nhưng mặt trời đã không nghĩ rằng nó đã giúp tôi nấu cơm, nấu khoai. Tôi cần làm gì thì tôi dùng nó vào việc ấy. Vì lực lượng của mặt trời là vô lượng và vô biên, cho nên chúng ta dùng vào việc gì cũng được, người thì dùng để nấu cơm, kẻ dùng để nấu rau, có người dùng để trị bệnh da, người thì dùng để trồng rau, không có mặt trời, rau cải không lớn được.

Lực lượng của Phật hay lực lượng của tôi cũng như vậy, các Ngài vốn chẳng nghĩ đến là họ có những lực lượng lớn như vậy, nhưng quý vị muốn dùng vào việc gì đều có thể lấy mà dùng. Đó là lực lượng của Phật, Phật là vô hình, vô tướng, vô lượng, vô biên.

Ví dụ một xưởng phát điện, xưởng này không phải là điện, nhưng điện là từ nơi ấy phát ra, nơi ấy có rất nhiều điện lực. Nếu chúng ta nối dây điện vào nơi ấy, chúng ta muốn làm điều gì cũng được; có người dùng làm sáng bóng đèn, có người dùng làm sáng Phật đường, có người dùng để nấu cơm; nhưng điện không có nghĩ nó giúp cho người này nấu cơm, giúp cho người kia mở máy quạt, giúp cho người nọ tiếp thông điện thoại.

Phật cũng như thế, Phật không phải là Phật Thích Ca, Phật không phải là Thanh Hải Vô Thượng Sư, Phật không phải là A Di Đà. Phật là vô hình, vô tướng, vô lượng, vô biên, chúng ta muốn dùng thứ gì Ngài cho chúng ta thứ đó. Tuy nhiên cũng giống như điện, cần phải thông qua một vật, mới có thể bắt được nguồn điện, chúng ta không thể tự mình đi sờ điện, thấy được điện, mà chỉ dùng được mà thôi.

Cho nên chúng ta không thể trực tiếp sử dụng lực lượng của Phật, cần phải thông qua một thân thể, dùng thân thể này lấy điện ra cho quý vị dùng, lấy lực lượng cho quý vị dùng. Vì vậy Phật Thích Ca cần phải ra đời, cần phải có hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, của Lục Tổ Huệ Năng, của Bồ Đề Đạt Ma, của Bách Trượng Đại sư, v.v... đến thế giới này giúp đỡ và dạy dỗ chúng sanh.





(Tháng 9 năm 1994, trước buổi thuyết pháp của Thanh Hải Vô Thượng Sư ở Chiang Mai, Thái Lan, đồng bào Thái Lan đón chào Ngài với cung cách tôn kính.)

Từ cổ chí kim, những người mong cầu giải thoát, ban đầu đều phải tìm đến các vị Đại Sư, vì nếu chúng ta mới tu hành mà chỉ dựa vào lực lượng của bản thân thì rất khó có thể trả hết nhiều nghiệp chướng như vậy. Chỉ có các vị Đại Sư nhờ vào phước báu tu hành đời đời của các Ngài mới có thể vừa chỉ dẫn đường đi cho chúng ta, vừa giúp chúng ta mang hành lý, vì các Ngài có đủ lực lượng.

Trích từ bài thuyết giảng "*Nghiệp Chướng Từ Đâu Tới?*"



15

Lợi Ích Của Dinh Dưỡng Thuần Chay

Thuần chay là điều kiện tiên quyết để được Tâm Ấn và tu hành theo Pháp Môn Quán Âm. Người thuần chay được phép dùng những loại thực phẩm từ thực vật, còn tất cả những sản phẩm có thành phần động vật, kể cả trứng và sữa, đều không được dùng. Điều này do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là vì giới luật thứ nhất cấm gây phương hại đến sinh mạng của chúng sinh hay là giới “*cấm sát sinh*”.

Giới luật cấm sát sinh và cấm gây tổn thương cho sinh vật đương nhiên là có lợi cho những sinh vật này, đồng thời đối với chính chúng ta cũng lợi ích không kém. Tại sao vậy? Đó là vì luật nhân quả: “*Gieo nhân nào, gặt quả ấy.*” Khi quý vị giết hại sinh vật hay mượn tay người khác giết giùm cho quý vị để thỏa mãn mong muốn ăn thịt của quý vị, quý vị đã tạo nghiệp chướng và món nợ này trước sau gì quý vị cũng phải trả. Cho nên trên thực tế, giữ thuần chay là món quà chúng ta tự ban tặng cho mình. Chúng ta sẽ cảm thấy dễ chịu hơn, đời sống của chúng ta sẽ trở nên tốt đẹp hơn, bởi vì chúng ta không bị vướng mắc vào những

nghiệp chường nặng nề. Ngoài ra, chúng ta còn được thể nghiệm cảnh giới Thiên Đàng bên trong. Được như vậy mà chỉ phải trả một giá nhỏ nhỏ kể ra cũng xứng đáng!

Đối với một số người, lý luận trên phương diện tâm linh của việc cấm ăn thịt cũng đã đủ cho họ chấp nhận rồi. Tuy nhiên, còn có nhiều lý do rất cấp thiết khác mà chúng ta nên ăn thuần chay. Tất cả những lý do này đều bắt nguồn từ kiến thức phổ thông, có liên quan đến sức khỏe cá nhân và lối dinh dưỡng, sinh thái và môi trường, nhân chủng và nổi thống khổ của loài vật, cùng với nạn đói trên thế giới.

SỨC KHỎE VÀ DINH DƯỠNG

Các nghiên cứu về sự tiến hóa của nhân loại cho thấy tổ tiên chúng ta nguyên thủy là những người thuần chay. Cấu trúc cơ thể con người không thích hợp với việc ăn thịt. Điều này đã được trình bày trong bài tiểu luận về giải phẫu so sánh của tiến sĩ G.S Huntington thuộc Đại học Columbia, người đã chỉ ra là loài ăn thịt có ruột non và ruột già ngắn. Ruột già của loài ăn thịt đặc biệt rất thẳng và trơn. Ngược lại, loài ăn thực vật đều có ruột non và ruột già dài. Vì thịt có ít chất xơ và hàm lượng đạm cao nên ruột không cần nhiều thời gian để hấp thụ dưỡng chất; vì thế, ruột của loài ăn thịt ngắn hơn ruột của loài ăn thực vật.

Loài người, tương tự như các loài ăn chay tự nhiên, cũng có ruột non và ruột già dài. Ruột non và ruột già của chúng ta có tổng chiều dài khoảng 28 bộ Anh (8,5 mét). Ruột non gấp lại thành nhiều nếp và thành ruột xoắn lại chứ không trơn láng. Vì ruột của loài người dài hơn ruột của loài ăn thịt nên thịt chúng ta ăn vào lưu lại trong ruột lâu hơn. Kết quả là thịt có thể bị thối rữa và hình thành độc tố. Các độc tố này được xem là nguyên nhân của bệnh ung thư ruột kết và còn làm tăng gánh nặng cho gan, cơ quan có chức năng đào thải độc tố. Điều này có thể gây ra bệnh xơ gan và thậm chí cả bệnh ung thư gan nữa.

Thịt chứa rất nhiều chất urokinase (*độc tố*) và urê, là những chất khiến cho thận phải làm việc nhiều hơn và có thể hủy hoại chức năng của thận. Trong một cân thịt bò bít-tết có khoảng 14 gram chất urokinase. Nếu để những tế bào sống vào trong một dung dịch có chứa urokinase, chức năng phân hợp của những tế bào sẽ bị suy giảm. Hơn nữa, trong thịt có ít chất cellulose hay chất xơ nên rất dễ gây táo bón. Chứng táo bón lâu ngày được biết là nguyên nhân dẫn đến ung thư đại trực tràng hay bệnh trĩ.

Chất béo và chất mỡ trong thịt cũng tạo nên chứng nghẹt tim, một chứng bệnh gây tử vong nhiều nhất tại Hoa Kỳ và Formosa hiện nay.

Ung thư là nguyên nhân gây chết người nghiêm trọng thứ hai. Nghiên cứu khoa học cho biết việc nướng thịt bằng than hay bằng lò tạo ra chất methylcholanthrene – một hóa chất rất mạnh có thể gây nên bệnh ung thư.

Nhiều người cho rằng thịt được bảo đảm vệ sinh và an toàn vì đã được kiểm dịch tại những lò sát sinh. Nhưng vì có quá nhiều gia súc, gia cầm như heo, gà, v.v... bị giết hàng ngày để bán nên thật sự khó có thể kiểm soát hết. Kiểm dịch một miếng thịt để tìm dấu vết bệnh ung thư đã là rất khó, huống chi kiểm nghiệm cả một con vật. Hiện nay, ngành công nghiệp sản xuất thịt chỉ cắt bỏ đầu con vật khi bộ phận này bị bệnh hoặc cắt bỏ chân nếu phần đó bị hư. Chỉ những phần hư hại là được cắt bỏ, những phần còn lại vẫn được đem bán.

Một người thuần chay nổi tiếng, bác sĩ J.H.Kellogg, có nói: *“Khi chúng ta ăn chay, chúng ta không còn phải lo nghĩ đến chuyện con vật chúng ta đang ăn đã chết vì bệnh gì. Điều này khiến bữa ăn thêm phần ngon miệng!”*

Một điểm đáng lưu ý nữa là vấn đề thuốc kháng sinh hay những dược liệu khác, kể cả những kích thích tố hay hóa chất hỗ trợ sự phát triển của gia súc được bỏ vào trong thức ăn hoặc tiêm trực tiếp vào cơ thể của những con vật này. Có nhiều bản báo cáo

cho biết rằng khi người ta ăn thịt những con vật này thì vô tình đã đưa những chất này vào trong cơ thể. Những chất này có thể làm suy giảm sức đề kháng của cơ thể con người. Cũng có người lo ngại rằng ăn thuần chay không đủ chất dinh dưỡng. Một nhà giải phẫu xuất chúng người Mỹ, bác sĩ Miller, đã hành nghề y khoa trong suốt 40 năm tại Formosa. Ông đã thành lập một bệnh viện trong đó tất cả bữa ăn của nhân viên và bệnh nhân đều hoàn toàn thuần chay. Ông nói: *“Khoa học hiện đại càng ngày càng mang lại cho chúng ta được phẩm tốt hơn, nhưng được phẩm chỉ có thể chữa bệnh mà thôi, còn thực phẩm mới duy trì sức khỏe của chúng ta.”* Ông cũng nêu rõ rằng: *“Thực phẩm từ thực vật là nguồn dinh dưỡng trực tiếp hơn thịt. Người ta ăn thịt động vật, nhưng nguồn dinh dưỡng cho động vật lại là thực vật. Vòng đời của đa số động vật rất ngắn và động vật có hầu như tất cả những căn bệnh mà con người có. Không chừng những bệnh tật của con người đều đến từ việc ăn thịt những con vật bị bệnh. Như vậy tại sao con người không trực tiếp lấy nguồn dinh dưỡng từ thực vật?”* Bác sĩ Miller đã đề nghị với chúng ta là chỉ cần ăn ngũ cốc, các loại đậu và rau là có đủ dinh dưỡng cần thiết để duy trì một cơ thể khỏe mạnh.

Nhiều người nghĩ rằng chất đạm động vật tốt hơn chất đạm thực vật, vì đạm động vật được coi là đạm hoàn chỉnh, còn đạm thực vật là đạm không hoàn chỉnh. Thật ra, một số loại đạm thực vật cũng là đạm hoàn chỉnh, hơn nữa khi những thực phẩm có chứa đạm không hoàn chỉnh được phối hợp với nhau cũng có thể tạo ra đạm hoàn chỉnh.

Tháng 3 năm 1988, Hiệp hội Dinh dưỡng Hoa Kỳ (ADA) đã tuyên bố rằng: *“ADA chủ trương rằng chế độ dinh dưỡng thuần chay rất lành mạnh và đầy đủ dưỡng chất nếu có thực đơn phù hợp.”*

Người ta thường có suy nghĩ sai lệch rằng người ăn thịt khỏe mạnh hơn người ăn thuần chay, nhưng cuộc thí nghiệm của Giáo

su Irving Fisher thuộc Đại học Yale với 32 người ăn thuần chay và 15 người ăn thịt đã chứng minh rằng những người ăn thuần chay có sức chịu đựng bền bỉ hơn những người ăn thịt. Ông cho tất cả những người này giờ thẳng tay lên cho đến khi mỏi thì thôi. Kết quả thật rõ ràng, trong số những người ăn thịt có 2 người giờ tay được từ 15 đến 30 phút; tuy nhiên, trong số 32 người ăn thuần chay, có 22 người giờ tay được từ 15 đến 30 phút, 15 người trên 30 mươi phút, 9 người trên một giờ, 4 người trên hai tiếng và một người đã giờ tay được hơn 3 tiếng đồng hồ.

Nhiều vận động viên điền kinh thường áp dụng lối dinh dưỡng thuần chay một thời gian trước ngày thi đấu. Bác sĩ Barbara More, một chuyên gia trị liệu bằng phương pháp thuần chay đã hoàn tất cuộc chạy đua 110 dặm trong 27 tiếng 30 phút. Một người phụ nữ 56 tuổi đã phá kỷ lục của những nam giới trẻ tuổi. Bà nói: *“Tôi muốn làm một ví dụ điển hình để cho mọi người thấy rằng một người thuần theo lối dinh dưỡng thuần chay hoàn toàn có thể có một cơ thể khỏe mạnh, một trí óc minh mẫn và một đời sống thiện lành.”*

Người thuần chay có hấp thu đủ chất đạm trong bữa ăn của họ không? Tổ chức Y tế Thế giới công bố rằng 4,5% nguồn năng lượng hàng ngày của chúng ta được lấy từ chất đạm. Lúa mì chứa 17% lượng chất đạm, bông cải xanh 45% và gạo 8%. Cho nên chúng ta có thể dễ dàng có được một bữa ăn giàu chất đạm mà không cần phải ăn thịt. Ngoài ra, một lợi ích nữa của việc ăn thuần chay là tránh được nhiều bệnh tật do thực phẩm giàu chất béo gây ra như bệnh tim mạch và ung thư. Thuần chay rõ ràng là sự lựa chọn tối ưu.

Khoa học đã chứng minh được mối liên hệ giữa việc tiêu thụ thịt cũng như những thực phẩm có chứa nhiều mỡ động vật với bệnh tim mạch, ung thư ngực, ung thư ruột già và bệnh đột quy. Chế độ dinh dưỡng thuần chay giúp ngăn ngừa và đôi khi còn chữa lành một số căn bệnh như sỏi thận, ung thư tuyến tiền liệt,

tiểu đường, đau dạ dày, sỏi mật, rối loạn tiêu hóa, phong thấp, viêm nướu răng, mụn nhọt, ung thư lá lách, ung thư dạ dày, thiếu đường trong máu, táo bón, viêm ruột già, cao huyết áp, loãng xương, ung thư tử cung, trĩ, béo phì và suyễn.

Ngoại trừ hút thuốc, không gì nguy hại cho sức khỏe chúng ta bằng việc ăn thịt.

SINH THÁI VÀ MÔI TRƯỜNG

Chăn nuôi gia súc để lấy thịt gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Chăn nuôi dẫn đến nạn tàn phá rừng nhiệt đới, gia tăng nhiệt độ trái đất, ô nhiễm nguồn nước, khan hiếm nước, sa mạc hóa đất đai, phí phạm tài nguyên thiên nhiên và gây nên nạn đói trên thế giới. Dùng đất, nước, năng lượng và nhân lực để sản xuất thịt là một sự phí phạm tài nguyên của Địa Cầu.

Từ năm 1960, 25% rừng nhiệt đới tại Trung Mỹ đã bị đốt và san bằng để trồng cỏ nuôi bò. Theo ước tính, muốn có 113 gram thịt bò cho món bánh mì kẹp thịt thì phải phá hủy hơn 6,5m² rừng nhiệt đới. Hơn nữa, việc nuôi bò góp phần nghiêm trọng vào việc hình thành ba loại khí gây nên hâm nóng toàn cầu và là nguyên nhân khiến nguồn nước bị ô nhiễm. Ngoài ra, cần đến 2.464 ga-lông nước (9.326,98 lít) để sản xuất một cân thịt bò, trong khi chỉ cần 29 ga-lông nước (109,77 lít) là có thể thu hoạch một cân cà chua, 139 ga-lông nước (526,16 lít) là có thể làm được một ổ bánh mì nặng một cân. Gần một nửa số lượng nước tiêu thụ ở Hoa Kỳ được dùng vào việc nuôi bò và những gia súc khác.

Sẽ có thêm rất nhiều người được no ấm nếu như nguồn tài nguyên dùng để chăn nuôi bò được dùng vào việc sản xuất gạo và lúa mì để nuôi cư dân thế giới. Một mẫu đất trồng lúa mạch sẽ cung cấp gấp 8 lần chất đạm và gấp 25 lần calo nếu lượng lúa mạch đó được dùng để nuôi người thay vì nuôi bò. Một mẫu đất trồng bông cải xanh sẽ cung cấp gấp 10 lần chất đạm, calo và niacin so với một mẫu đất dùng để nuôi bò. Những thống kê

như vậy rất nhiều. Tài nguyên của thế giới sẽ được sử dụng hữu hiệu hơn nếu đất đai dùng để chăn nuôi gia súc được chuyển sang trồng ngũ cốc để nuôi sống con người.

Dinh dưỡng thuần chay giúp chúng ta “*bước trên Địa Cầu này nhẹ nhàng hơn*”. Ngoài việc chỉ nên lấy những gì mình cần và hạn chế lãng phí, chúng ta sẽ cảm thấy vui hơn khi biết rằng không có một sinh vật nào phải hy sinh mạng sống cho từng bữa ăn của chúng ta.

NẠN ĐÓI TRÊN THẾ GIỚI

Gần một tỷ người chịu đói khát và thiếu dinh dưỡng trên Địa Cầu này. Hàng năm có hơn 40 triệu người chết đói và phần lớn trong số này là trẻ em. Vậy mà, hơn một phần ba tổng sản lượng lương thực trên thế giới được dùng để nuôi gia súc thay vì để nuôi con người. Tại Hoa Kỳ, gia súc tiêu thụ 70% tổng sản lượng ngũ cốc sản xuất được. Nếu chúng ta dùng lượng ngũ cốc này để nuôi con người thay vì nuôi gia súc thì sẽ không có người nào bị đói cả.

NỖI THỐNG KHỔ CỦA LOÀI VẬT

Quý vị có biết rằng thực tế mỗi ngày tại Hoa Kỳ có 100.000 con bò bị giết hại?

Phần lớn gia súc ở những nước phương Tây đều được nuôi trong những “*nhà máy nông nghiệp*”. Những nơi này được trang bị để sản xuất số lượng gia súc lấy thịt tối đa với chi phí tối thiểu. Những con vật bị nhốt chen chúc nhau và bị đối xử như những chiếc máy đồi thức ăn lấy thịt. Đây là một thực trạng mà phần lớn chúng ta chưa từng tận mắt chứng kiến. Có người đã nói: “*Nếu đi xem lò sát sinh một lần thôi thì quý vị sẽ ăn thuần chay cả đời.*” Leo Tolstoy nói: “*Ngày nào còn tồn tại lò sát sinh, ngày ấy còn bãi chiến trường. Ăn chay là một khảo nghiệm gay go nhất cho*

chủ nghĩa nhân đạo.” Mặc dù phần lớn chúng ta không tích cực ủng hộ việc sát hại loài vật, nhưng vì thói quen, đồng thời được xã hội chấp thuận, nên chúng ta thường ăn thịt mà không hề biết đến những gì đã xảy ra cho những con vật chúng ta ăn.

NHỮNG BẬC THÁNH NHÂN VÀ DANH NHÂN

Từ lúc lịch sử bắt đầu được ghi chép, chúng ta thấy rằng rau quả đã là thức ăn tự nhiên của con người. Những truyền thuyết xa xưa của Hy Lạp và Do Thái đều nói rằng người nguyên thủy chỉ ăn trái cây. Những giáo sĩ Ai Cập cổ xưa không bao giờ ăn thịt. Những nhà triết học vĩ đại của Hy Lạp như Plato, Diogenes và Socrates đều ủng hộ lối dinh dưỡng thuần chay.

Tại Ấn Độ, Phật Thích Ca đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của Ahimsa, tức là giới luật cấm sát hại bất kỳ sinh vật nào. Ngài đã khuyên đệ tử của Ngài không được ăn thịt, nếu không loài vật sẽ rất sợ họ. Đức Phật đã nhận định như sau: *“Ăn thịt chỉ là một thói quen mà thôi. Lúc mới sinh ra, chúng ta vốn không ham thích ăn thịt. Những người ăn thịt cắt đứt hạt giống đại từ bi bên trong họ. Những người ăn thịt giết hại và ăn thịt lẫn nhau... Đời này ta ăn người, đời sau người ăn ta... và điều này cứ tiếp diễn mãi. Làm sao họ có thể thoát ra khỏi Tam Giới (của ảo tưởng)?”*

Nhiều tín đồ Lão giáo, Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo xa xưa cũng là những người thuần chay. Việc này cũng được Thánh Kinh ghi chép lại. Thượng Đế phán: *“Ta đã ban tất cả những loại ngũ cốc và trái cây để cho các ngươi ăn; còn cây cỏ là để cho loài vật và chim chóc ăn.”* (Sáng Thế Ký 1:29) Những ví dụ khác về việc cấm ăn thịt trong Thánh Kinh: *“Các ngươi không được ăn thịt có máu ở trong đó, bởi vì có sự sống ở trong máu.”* (Sáng Thế Ký 9:4) Thượng Đế phán: *“Ai bảo các ngươi giết những con bò đực và dê cái để cúng dường Ta? Hãy rửa sạch máu của những con vật vô tội dính trên thân thể các ngươi, như vậy ta mới lắng nghe những lời cầu nguyện của các ngươi; nếu*

không Ta sẽ quay đầu đi nơi khác bởi vì tay các ngươi vấy đầy máu. Hãy sám hối rồi Ta sẽ tha thứ cho các ngươi.” (1-sai-a 1:11-16) Thánh Paul, một đệ tử của Chúa Giê-su đã viết trong lá thư gửi người La Mã: “Ăn thịt và uống rượu đều không tốt.” (Rô-ma 14:21)

Gần đây, những nhà sử học đã tìm thấy rất nhiều cuốn sách cổ cho thấy nhiều điều mới lạ về cuộc đời của Chúa Giê-su và giáo lý của Ngài. Chúa Giê-su nói: *“Những người ăn thịt sẽ trở thành nắm mồ của chính họ. Ta nói thật cho các ngươi biết, người nào giết sẽ bị giết, người giết những sinh vật và ăn thịt chúng là đang ăn thịt những xác chết.”*

Những tôn giáo ở Ấn Độ cũng tránh việc ăn thịt. Họ nói rằng: *“Người ta không thể có thịt nếu không giết sinh vật. Người nào sát hại chúng sinh sẽ không bao giờ được Thượng Đế gia ân. Vì vậy nên tránh việc ăn thịt!” (Giới luật Ấn Độ giáo)* Kinh điển của Hồi giáo, Kinh Koran, cũng cấm ăn thịt những con thú đã bị giết, gồm cả máu và thịt.

Một vị Minh Sư vĩ đại của Thiên tông Trung Hoa, Hán Trang Tử, đã viết một bài thơ phản đối mạnh mẽ việc ăn thịt: *“Hãy đi nhanh ra chợ mua thịt cá về cho vợ con ăn. Nhưng tại sao sinh mạng của những con vật này lại bị lấy đi để nuôi dưỡng sinh mạng của các ngươi? Điều này thật vô lý. Việc này sẽ không tạo cơ duyên giữa các ngươi với Thiên Đàng, mà sẽ làm các ngươi trở thành cặn bã của địa ngục.”*

Nhiều văn sĩ, nghệ sĩ, nhà khoa học, nhà triết học nổi tiếng và những nhân vật xuất chúng đều là những người thuần chay. Sau đây là một số nhân vật điển hình trong việc cổ vũ lối sống thuần chay với tất cả lòng nhiệt thành: Phật Thích Ca Mâu Ni, Chúa Giê-su, Virgil, Horace, Plato, Ovid, Petrarch, Pythagoras, Socrates, William Shakespeare, Voltaire, Sir Isaac Newton, Leonardo Da Vinci, Charles Darwin, Benjamin Franklin, Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Emile Zola, Bertrand

Russel, Richard Wagner, Percy Bysshe Shelley, H.G. Wells, Albert Einstein, Robindranath Tagore, Leo Tolstoy, George Bernard Shaw, Mahatma Gandhi, Albert Schweitzer, và gần đây còn có thêm Madonna, Công nương Diana, Lindsay Wagner, Paul McCartney cũng như Candice Bergen.

Nhà bác học Albert Einstein nói: *“Tôi nghĩ rằng những biến cải và hiệu năng thanh lọc cơ thể của việc ăn chay rất hữu ích cho nhân loại. Cho nên những người chọn lối dinh dưỡng thuần chay vừa được lợi ích lại vừa mang đến hòa bình.”* Đây là điều mà những bậc vĩ nhân và hiền triết trong lịch sử muốn nhắn gửi nhân loại!

VẤN ĐÁP

Vấn: *Ăn thịt động vật có nhiên là sát sinh, còn ăn thực vật không phải là sát sinh sao?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Ăn thực vật đương nhiên cũng là sát sinh, cũng có nghiệp chướng, nhưng nghiệp chướng nhỏ. Nếu chúng ta tu Pháp Môn Quán Âm, mỗi ngày thiền hai tiếng rưỡi, thì có thể rửa sạch được nghiệp chướng này. Bởi vì chúng ta phải ăn để sinh tồn, cho nên chỉ còn cách lựa những thực phẩm có ý thức tương đối thấp, ít đau khổ hơn. Thực vật chứa hơn 90% nước nên thành phần ý thức rất thấp, thấp đến mức gần như không có cảm giác đau khổ. Hơn nữa, khi chúng ta ăn nhiều thực vật, không những không làm chấm dứt sự sống của chúng, mà ngược lại có thể giúp chúng tăng trưởng hơn bằng cách cắt tỉa cành lá. Trên thực tế, kết quả sẽ mang lại lợi ích cho cây cối. Nên người nông dân cho rằng cắt tỉa hoa lá cành sẽ giúp cho cây cối tăng trưởng nhanh và đẹp hơn. Điều này còn rất hữu hiệu với những loại cây ăn trái. Khi trái chín sẽ tiết ra mùi thơm, màu sắc đẹp đẽ, hương vị ngọt ngào, quyến rũ chúng ta ăn. Vì lý do đó mà trái cây có thể hoàn thành được nhiệm vụ của chúng là gieo rắc những hạt giống đi xa hơn. Nếu chúng ta không hái và ăn chúng, trái sẽ chín mọng,

rụng xuống đất và bị hư thối. Hạt của chúng lại bị tán cây lớn che khuất ánh nắng mặt trời và sẽ khô héo. Cho nên ăn rau và trái cây là điều rất tự nhiên, vì việc này không gây đau khổ.

Vấn: *Nhiều người nghĩ rằng người ăn thuần chay thấp bé hơn người ăn mặn. Điều này có đúng không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Người ăn thuần chay không phải lúc nào cũng thấp bé hơn người ăn mặn. Nếu chế độ dinh dưỡng của những người ăn thuần chay quân bình thì họ cũng có thể trở nên cao to và cường tráng. Quý vị đều biết những loài vật to lớn như voi, bò, hươu cao cổ, hà mã, ngựa, v.v... đều ăn rau cỏ và trái cây. Họ mạnh khỏe hơn cả những loài ăn thịt mà lại rất hiền lành và hữu ích cho chúng ta. Trong khi những loài ăn thịt vừa hung bạo lại vừa vô dụng. Do đó, nếu con người ăn nhiều thịt động vật, họ cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi bản năng và đặc tính của loài vật. Người ăn thịt không nhất thiết sẽ to lớn và mạnh khỏe, nhưng thường thì tuổi thọ của họ không cao lắm. Người Eskimo hầu như toàn ăn thịt, nhưng thử hỏi họ có to lớn và khỏe mạnh hay không? Có sống thọ hay không? Những điều này tôi nghĩ quý vị đã hiểu rõ.

Vấn: *Người thuần chay có thể ăn trứng không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không. Ăn trứng cũng là sát sinh. Có người cho rằng trứng sản xuất để bán ngoài thị trường là trứng chưa thụ tinh, nên không bị quy vào tội sát sinh. Lập luận này nghe thì có vẻ hợp lý. Trứng không được thụ tinh là vì có sự can thiệp của con người, nên trứng này không đạt được mục đích tự nhiên là sinh trưởng thành một con gà. Cho dù sự sinh trưởng này bị ngăn chặn, trứng vẫn có sinh lực để phát triển thành một sinh vật sống.

Chúng ta đều biết rằng trứng có sự sống, nếu không, tại sao noãn bào là loại tế bào duy nhất có thể thụ tinh? Cũng có người

cho rằng trứng có chứa những dưỡng chất thiết yếu như chất đạm và phốt pho cần thiết cho cơ thể con người. Nhưng chất đạm cũng có thể tìm thấy trong đậu hũ, phốt pho có trong nhiều loại rau củ quả chẳng hạn như khoai tây. Chúng ta biết từ xưa đến nay, có nhiều nhà tu hành vĩ đại không ăn thịt và trứng mà sống rất trường thọ. Như Hòa thượng Ấn Quang chỉ ăn một chén cơm và rau mỗi ngày, mà ngài có thể sống đến tám mươi tuổi. Hơn nữa lòng đỏ trứng có chứa nhiều cholesterol, là nguyên nhân chính gây nên bệnh nghẽn tim và là sát thủ số một ở Formosa và Hoa Kỳ. Thảo nào đa số bệnh nhân đều là những người ăn trứng!

Vấn: *Con người chăn nuôi gia súc và gia cầm như heo, bò, gà, vịt, ... Tại sao chúng ta lại không thể ăn chúng?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nuôi thì sao? Cha mẹ cũng nuôi dưỡng con cái mình vậy. Như vậy cha mẹ có quyền ăn thịt con cái mình sao? Các sinh vật đều có quyền sinh tồn. Không ai có thể tước đoạt quyền này. Nếu đề ý đến luật pháp của Hồng Kông quý vị sẽ thấy có những điều luật quy định rằng tự sát cũng là phạm luật. Cho nên luật pháp sẽ quy tội như thế nào nếu chúng ta giết hại sinh vật khác?

Vấn: *Loài vật được tạo ra là để cho chúng ta ăn. Nếu chúng ta không ăn thì loài vật sẽ tràn ngập khắp thế giới, có phải như vậy không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đây là một ý nghĩ sai lầm. Trước khi quý vị giết một con vật, quý vị có bao giờ tự hỏi là họ có muốn bị quý vị giết và ăn thịt không? Mọi sinh vật đều ham sống sợ chết. Chúng ta không muốn bị cạp ăn thịt, vậy lẽ nào loài vật lại muốn bị con người ăn thịt? Loài người chỉ mới có mặt trên Địa Cầu khoảng vài vạn năm, nhưng trước khi loài người xuất hiện, đã có nhiều loài thú rồi. Thử hỏi những loài vật này có tràn ngập Địa Cầu hay không? Các sinh vật đều tuân theo quy luật

tuần hoàn của vũ trụ. Khi số lượng thực phẩm và nơi cư trú bị giới hạn thì số lượng sinh vật sẽ giảm cho đến khi duy trì được mức độ cân bằng.

Vấn: *Tại sao tôi phải ăn thuần chay?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Đó là vì Thượng Đế bên trong tôi muốn như vậy. Quý vị có hiểu không? Ăn thịt là đi ngược với quy luật “*không muốn bị sát hại*” của vũ trụ. Chính bản thân chúng ta không muốn bị sát hại và không muốn bị đánh cắp. Cho nên, nếu làm điều đó với người khác, nghĩa là chúng ta đang phản lại chính mình và như vậy sẽ khiến chúng ta đau khổ. Bất cứ điều gì quý vị làm mà gây phương hại đến người khác đều khiến quý vị đau khổ. Quý vị không thể tự cắn và cũng không nên tự đâm mình. Tương tự, quý vị không nên sát sinh vì điều này trái với quy luật của sự sống. Quý vị có hiểu không? Nó sẽ khiến chúng ta đau khổ, cho nên chúng ta không làm. Không sát sinh không có nghĩa là chúng ta tự giới hạn mình theo cách nào đó, mà có nghĩa là chúng ta trải rộng cuộc sống của mình đến muôn loài. Đời sống của chúng ta không chỉ giới hạn trong thân thể này mà còn bao trùm cả sự sống của loài vật và của mọi chúng sinh. Điều này làm cho chúng ta trở nên cao thượng hơn, vĩ đại hơn, hạnh phúc hơn và vượt trên mọi giới hạn.

Vấn: *Kính xin Ngài khai thị về chế độ dinh dưỡng thuần chay và giải thích tại sao thuần chay lại đóng góp cho nền hòa bình thế giới?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Được. Như quý vị thấy, phần lớn chiến tranh xảy ra trên thế giới đều vì lý do kinh tế. Chúng ta hãy trực diện với thực tế đó. Tình trạng khủng hoảng kinh tế của một quốc gia lại càng trở nên khắt thiết hơn khi có nạn đói xảy ra hoặc khi thiếu thực phẩm hay thiếu sự phân phối thực phẩm đồng đều giữa các quốc gia. Nếu quý vị dành chút thời giờ đọc

tạp chí hay nghiên cứu những sự kiện về thuần chay, quý vị sẽ hiểu vấn đề này rõ hơn. Nuôi gia súc gia cầm để ăn thịt làm cho nền kinh tế của chúng ta bị khủng hoảng trên mọi lĩnh vực và gây ra nạn đói trên khắp thế giới – ít nhất là tại những quốc gia kém phát triển thuộc thế giới thứ ba. Không phải tôi nghĩ ra điều này mà chính một công dân Hoa Kỳ đã nghiên cứu và viết thành sách. Quý vị có thể đến bất kỳ nhà sách nào và đọc những tài liệu nghiên cứu về chế độ dinh dưỡng thuần chay và quy trình chế biến thực phẩm. Quý vị hãy đọc quyển “*Dinh Dưỡng Cho Một Tân Hoa Kỳ*” của John Robbins. Ông là một triệu phú nổi tiếng trong ngành sản xuất kem. Ông đã từ bỏ tất cả để trở thành một người thuần chay và viết một cuốn sách về ăn thuần chay, bắt chắp truyền thống gia đình và công việc kinh doanh. Ông phải mất nhiều tiền bạc, uy tín và công việc kinh doanh, nhưng ông đã làm điều này vì sự thật. Đây là một quyển sách hay. Cũng có nhiều sách báo và tạp chí khác có thể cung cấp cho quý vị nhiều tin tức và dữ kiện về ăn thuần chay, cũng như phương thức mà ăn thuần chay đóng góp cho nền hòa bình thế giới.

Như quý vị thấy, chúng ta đã làm cho nguồn cung cấp thực phẩm của chúng ta bị đình trệ bằng việc nuôi gia súc. Quý vị có biết bao nhiêu chất đạm, thuốc men, nước uống, nhân lực, phương tiện vận tải, đường sá và cả hàng ngàn mẫu đất đã bị phung phí ra sao trước khi một con bò đủ lớn để lấy thịt không? Quý vị có hiểu không? Tất cả những thứ đó có thể đem phân phối đồng đều cho những quốc gia chậm phát triển, khi đó chúng ta có thể giải quyết được nạn đói. Vì vậy mà giờ đây, khi một quốc gia nào đó thiếu thực phẩm thì chắc chắn họ sẽ đi xâm chiếm quốc gia khác chỉ để lo cứu vớt người dân trong nước họ. Về lâu dài, điều này tạo ra nghiệp xấu và chúng ta sẽ phải hứng chịu sự báo ứng của luật nhân quả. Quý vị có hiểu không?

“*Gieo nhân nào, gặt quả ấy.*” Nếu chúng ta giết người để có miếng ăn thì sau này chúng ta cũng sẽ bị giết để làm thực phẩm

bằng cách này hay cách khác, vào những đời sau, kiếp sau. Điều này thật tệ. Chúng ta rất thông minh, rất văn minh, vậy mà hầu như chúng ta không biết được nguyên nhân hiện đang khiến cho những quốc gia láng giềng của chúng ta đau khổ. Tất cả cũng chỉ vì khẩu vị, vì thói quen ăn ngon và vì dạ dày của chúng ta.

Để nuôi sống một thân thể, chúng ta phải giết nhiều chúng sinh và bỏ đói nhiều nhân mạng khác. Chúng ta còn chưa đề cập đến tình trạng của loài vật. Quý vị có hiểu không? Rồi tội lỗi này, dù chúng ta có ý thức được hay không, cũng sẽ đè nặng lên lương tâm của chúng ta. Điều này làm cho chúng ta phải khổ sở vì bệnh ung thư, ho lao và nhiều căn bệnh nan y khác, kể cả bệnh AIDS. Có bao giờ quý vị tự hỏi tại sao đất nước của quý vị, đất nước Hoa Kỳ, lại phải gánh chịu nhiều đau khổ? Hoa Kỳ là quốc gia có tỷ lệ ung thư cao nhất thế giới. Tại vì người Hoa Kỳ ăn quá nhiều thịt bò. Họ ăn nhiều thịt hơn bất kỳ quốc gia nào. Có bao giờ quý vị tự hỏi tại sao Trung Hoa hay những nước đang phát triển lại không có tỷ lệ bệnh ung thư cao như vậy không? Tại vì người dân của những nước này không có nhiều thịt để ăn. Quý vị có hiểu không? Đó là khám phá từ các cuộc nghiên cứu, không phải do tôi nói. Quý vị đồng ý không? Xin đừng trách tôi.

Vấn: *Lối sống thuần chay mang lại cho chúng ta những lợi ích tâm linh gì?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tôi rất vui vì quý vị đặt câu hỏi theo cách này, điều đó cho thấy quý vị chỉ chú trọng hay quan tâm đến những lợi ích tâm linh. Hầu hết mọi người chỉ quan tâm đến sức khỏe, dinh dưỡng và vóc dáng khi hỏi về lối dinh dưỡng thuần chay. Về khía cạnh tâm linh, lối dinh dưỡng thuần chay rất thanh khiết và phi bạo lực.

Thượng Đế nói với chúng ta: “*Các người không được sát sinh*”, chứ Ngài không nói là không được giết người; Ngài nói là không được giết hại bất kỳ chúng sinh nào. Chẳng phải Ngài đã

nói rằng Ngài tạo ra loài vật để làm bạn và giúp đỡ chúng ta sao? Không phải là Ngài đã giao loài vật cho chúng ta chăm sóc hay sao? Ngài nói: *“Hãy chăm sóc và cai quản chúng.”* Khi cai quản thần dân của mình, quý vị có giết rồi ăn thịt họ không? Nếu làm vậy quý vị sẽ trở thành một quốc vương cô độc! Khi Thượng Đế đã nói như vậy thì chúng ta phải làm theo. Không cần thắc mắc gì thêm nữa. Ngài đã nói rất rõ ràng, nhưng ai có thể hiểu được Thượng Đế ngoài chính Ngài?

Cho nên, bây giờ quý vị cần phải trở thành Thượng Đế để hiểu được Thượng Đế. Tôi mời quý vị trở lại giống như Thượng Đế, trở lại làm chính mình chứ không phải bất kỳ ai khác. Quán tưởng về Thượng Đế không có nghĩa là thờ phụng Ngài, mà là trở thành Ngài, là nhận thức rằng quý vị và Thượng Đế đồng nhất thể. *“Ta và Cha Ta là một”*, không phải Chúa Giê-su đã nói như vậy sao? Nếu Ngài đã nói Ngài và Cha Ngài là một thì chúng ta và Cha Ngài cũng có thể là một, vì chúng ta cũng là con cái của Thượng Đế. Chúa Giê-su còn nói rằng bất kỳ những gì Ngài làm được, chúng ta còn có thể làm tốt hơn. Như vậy biết đâu chúng ta sẽ còn trở nên vĩ đại hơn Thượng Đế nữa!

Tại sao chúng ta phải tôn thờ Thượng Đế trong khi chúng ta không biết gì về Ngài? Tại sao chúng ta lại trung thành một cách mù quáng đến vậy? Trước tiên chúng ta phải tìm hiểu xem chúng ta đang tôn thờ ai, cũng như trước khi kết hôn với một cô gái, chúng ta phải biết cô gái ấy là người như thế nào. Trong thời hiện đại, chúng ta thường không phải kết hôn với người mà chúng ta chưa từng gặp gỡ. Như vậy, tại sao chúng ta phải tôn thờ Thượng Đế một cách mù quáng đến vậy? Chúng ta có quyền yêu cầu Ngài thị hiện cho chúng ta thấy, cho chúng ta biết Ngài là ai. Chúng ta có quyền lựa chọn vị Thượng Đế mà chúng ta muốn theo.

Bây giờ quý vị đã thấy Thánh Kinh nói rất rõ ràng là chúng ta nên ăn thuần chay. Vì mọi lý do về sức khỏe, chúng ta nên ăn thuần chay. Vì mọi lý do về khoa học, chúng ta nên ăn thuần

chay. Vì mọi lý do về kinh tế, chúng ta nên ăn thuần chay. Vì mọi lý do về lòng từ bi, chúng ta nên ăn thuần chay. Đồng thời, để cứu thế giới, chúng ta nên ăn thuần chay. Một số nghiên cứu cho thấy nếu người dân ở Hoa Kỳ và phương Tây ăn thuần chay mỗi tuần một bữa thì mỗi năm chúng ta sẽ có thể cứu mười sáu triệu người khỏi nạn đói. Vì vậy, hãy làm một người hùng, hãy ăn thuần chay. Vì tất cả những lý do này, cho dù quý vị không theo tôi hay không tu cùng pháp môn, xin quý vị hãy ăn thuần chay vì lợi ích của chính bản thân quý vị, vì lợi ích của thế giới.

Vấn: *Nếu mọi người đều ăn thực vật, tình trạng thiếu thực phẩm có xảy ra không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không. Dùng một mảnh đất để trồng hoa màu có thể cung cấp một số lượng thực phẩm nhiều hơn 14 lần so với việc dùng cùng mảnh đất đó để trồng thực phẩm chăn nuôi gia súc. Mỗi mẫu đất trồng cây cối có thể sinh ra 800.000 calo, nhưng nếu đem số lượng cây cối này cho loài vật ăn, thì chỉ có thể tạo ra 200.000 calo, điều này có nghĩa là bị thiệt hại mất 600.000 calo trong quá trình trao đổi. Vì vậy ăn thuần chay đem lại nhiều hiệu quả kinh tế hơn ăn thịt.

Vấn: *Người ăn chay có được ăn cá không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nếu quý vị muốn ăn cá cũng được. Nhưng nếu quý vị muốn ăn chay, thì cá không phải là thực vật.

Vấn: *Có người nói, điều thiết yếu là trở thành người tốt chứ không nhất thiết phải là người ăn thuần chay. Xin hỏi câu này có hợp lý không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nếu một người thật sự có lòng nhân từ, thì tại sao lại ăn thịt chúng sinh? Thấy chúng sinh đau khổ thì không nên nhẫn tâm ăn thịt mới đúng. Ăn thịt là không có lòng từ bi, thì tại sao một người có lòng nhân từ lại làm việc này?

Đại sư Liên Chi có nói: “*Giết một sinh mạng để ăn thịt, trên đời này không có việc gì độc ác, dã man, tàn nhẫn và hung bạo hơn. Làm sao họ có thể tự nhận là họ có lòng nhân từ?*”

Mạnh Tử cũng nói: “*Kiến kỳ sinh, bất nhẫn kiến kỳ tử, văn kỳ thanh, bất nhẫn thực kỳ nhục, dĩ quân tử viễn trừ già.*” Ý nói là khi chúng ta thấy loài vật lúc còn sống thì chúng ta không thể nào nhẫn tâm giết họ, khi nghe tiếng kêu thảm thiết của họ thì chúng ta không nhẫn tâm ăn thịt, nếu là quân tử nên tránh xa nhà bếp.

Con người thông minh hơn loài vật rất nhiều. Chúng ta dùng nhiều công cụ làm cho loài vật vô phương kháng cự và phải chết trong hận thù. Những kẻ gây nên điều này, đối xử nhẫn tâm với loài vật yếu đuối, không có tư cách để xưng là quân tử. Khi loài vật bị giết, họ sợ hãi, giận dữ và oán hận đến cực độ. Những trạng thái này cũng đủ để cơ thể họ tiết ra những độc tố ngấm vào thịt, khiến người ăn thịt bị nhiễm độc. Đồng thời, vì loài vật có chấn động lực thấp hơn chúng ta, nên sẽ ảnh hưởng đến chấn động lực và sự phát triển trí tuệ của chúng ta.

Vấn: *Chúng ta có thể ăn chay tùy tiện hay không? (Ăn chay tùy tiện nghĩa là ăn rau và thịt nấu chung, nhưng chỉ ăn rau thôi.)*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không được. Nếu thức ăn ngấm trong thuốc độc một lúc, rồi mang ra ăn, thử hỏi người ăn có bị trúng độc hay không? Trong Kinh Niết Bàn, Ngài Ma Ha Ca Diếp hỏi Phật: “*Trong khi khát thực, nếu xin được rau cải trộn lẫn với thịt, xin hỏi thức ăn này có thể ăn được không? Làm sao chúng ta có thể rửa sạch thức ăn?*” Phật nói: “*Phải lựa rau ra và rửa cho thật sạch rồi mới có thể ăn.*”

Câu chuyện trên cho thấy khi thịt và rau để lẫn với nhau, nếu không lấy nước rửa cho sạch thì không được ăn, huống chi là ăn thịt! Đồng thời, từ ý nghĩa của câu chuyện trên, chúng ta thấy một cách rõ ràng là Phật Thích Ca và đệ tử của Ngài đều ăn

chay. Nhưng vẫn có người phi báng Phật và nói Phật ăn chay tùy theo hoàn cảnh, nếu Phật tử bố thí thịt thì Ngài ăn thịt. Đây thật là điều vô lý, chứng tỏ có người đọc kinh chưa kỹ và không hiểu rõ kinh điển.

Ở Ấn Độ, hơn 90% dân số đều ăn chay. Khi họ thấy người mặc áo vàng tới khát thực, thì tự biết phải bố thí thức ăn chay, hơn nữa phần lớn mọi người cũng không có thịt để bố thí!

Vấn: *Khi xưa, con có nghe một vị pháp sư nói rằng: “Phật vì ăn giò heo nên mắc bệnh tiêu chảy mà chết.” Điều này có đúng không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Tuyệt đối không đúng. Đức Phật viên tịch vì ăn phải một loại nấm độc. Nếu dịch trực tiếp từ tiếng Phạn, loại nấm này tên là “*nấm giò heo*”, nhưng “*giò heo*” này không phải là giò heo thật. Cũng giống như khi chúng ta gọi một loại trái cây là “*long nhãn*” vậy (tiếng Trung Hoa nghĩa là “*mắt rồng*”). Có nhiều thức ăn được đặt tên không giống tên thực vật nhưng thật sự chúng là thực phẩm chay, chẳng hạn như “*long nhãn*”. Loại nấm này trong tiếng Phạn được gọi là “*giò heo*” hay “*heo vui*”. Cả hai tên gọi đều liên hệ đến heo.

Vào thời xưa ở Ấn Độ loại nấm này không dễ dàng kiếm được và là một loại thức ăn rất hiếm, nên họ đem cúng dường Phật để tỏ lòng tôn kính. Loại nấm này không tìm được trên mặt đất mà chỉ mọc dưới lòng đất. Nếu muốn hái được loại nấm này người ta phải nhờ sự trợ giúp của một con heo già rất thích ăn loại nấm này. Loài heo tìm được nhờ vào khứu giác của chúng. Khi chúng ngửi thấy, chúng sẽ dùng chân bới đất lên để tìm và ăn nấm. Đó là lý do tại sao loại nấm này mang tên “*giò heo*” hay “*heo vui*”. Thực tế hai tên này cùng chỉ một loại nấm. Vì phiên dịch không chính xác và vì người ta không thật sự hiểu rõ nguồn gốc, nên người đời sau hiểu lầm, hiểu sai rằng Phật là một tu sĩ ăn thịt. Đây là một điều rất đáng tiếc.

Vấn: *Có một số người thích ăn thịt nên biện hộ rằng họ mua thịt từ người bán thịt, nên tự họ không phải sát sinh, do đó ăn thịt không sao. Theo Ngài như vậy có đúng hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Hoàn toàn không đúng. Quý vị phải biết rằng có người đồ tể sát sinh là vì có người muốn ăn thịt. Trong Kinh Lăng Già, Phật có nói: “*Đại Huệ, nếu không có người ăn thịt, thì không có chuyện sát sinh xảy ra, cho nên người ăn thịt và sát sinh đều phạm tội như nhau.*” Cũng vì sát sinh quá nhiều nên mới có nhiều thiên tai, họa nạn. Chiên tranh đều do sát sinh mà ra.

Vấn: *Có người nói rằng tuy thực vật không sản sinh ra các độc tố như urê hay urokinase, nhưng những nông dân trồng rau và cây ăn trái dùng rất nhiều thuốc trừ sâu, những loại thuốc này rất có hại cho sức khỏe của chúng ta, thưa có đúng không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Nếu những nông dân dùng thuốc trừ sâu hoặc những loại nông dược có chất hóa học cực mạnh như DDT, thì có thể gây nên bệnh ung thư, sẩy thai và những chứng bệnh gan nghiêm trọng khác. Vì những độc tố như DDT có thể ngấm vào mỡ và thường ngấm vào lớp mỡ của loài vật. Khi quý vị ăn thịt là quý vị hấp thu thuốc diệt trùng và những loại độc tố khác chứa trong thịt loài vật, với nồng độ rất cao được tích trữ dần trong thời gian tăng trưởng của con vật. Lượng DDT chứa trong cơ thể động vật nhiều hơn 13 lần so với các loại rau quả. Các loại nông dược xịt vào rau trái còn có thể rửa sạch, nhưng những loại thuốc tích lũy trong lớp mỡ của loài vật, dù rửa cách nào cũng không sạch được. Sự tích lũy này xảy ra vì nông dược có đặc tính tồn trữ. Nên trong lĩnh vực thực phẩm, người tiêu thụ nhiều nhất là người bị ảnh hưởng nhiều nhất.

Cuộc thử nghiệm của trường Đại học Iowa cho thấy các loại thuốc trừ sâu trong cơ thể con người phần lớn đều được hấp thu từ thịt. Họ phát hiện rằng lượng thuốc trừ sâu tích trữ trong cơ thể

người ăn chay chỉ bằng một nửa so với người ăn thịt. Thật ra, còn nhiều loại độc tố khác trong thịt bên cạnh thuốc trừ sâu. Trong quá trình chăn nuôi, người ta dùng phần lớn các thực phẩm chứa nhiều chất hóa học để kích thích tăng trưởng hoặc thay đổi màu sắc, mùi vị hay kết cấu các thớ thịt và để giữ cho thịt tươi được lâu, v.v...

Ví dụ, chất bảo quản có nguồn gốc từ chất nitrat có độc tính rất cao. Vào ngày 18 tháng 7 năm 1971, tờ New York Times có viết rằng: *“Mối nguy hiểm tiềm ẩn đối với sức khỏe của những người ăn thịt là những chất ô nhiễm không nhìn thấy được trong thịt, ví dụ như vi khuẩn trong cá hồi và các loại thuốc sát trùng, chất bảo quản, kích thích tố, thuốc kháng sinh và các chất hóa học khác.”* Ngoài những chất kể trên, loài vật còn bị tiêm kháng sinh, nên được tính của thuốc vẫn còn lưu lại trong thịt. Về phương diện này, chất đạm trong trái cây, đậu, hạt dẻ, bắp,... tinh khiết hơn chất đạm trong thịt, chất đạm trong thịt chứa đến 56% những hợp chất không hòa tan. Nghiên cứu cho biết các chất hóa học nhân tạo có thể gây ung thư, gây nên nhiều căn bệnh khác và gây quái thai, nên phụ nữ mang thai được khuyên dùng thực phẩm chay tinh khiết để bảo vệ sức khỏe về mặt thể chất lẫn tinh thần cho thai nhi. Ăn nhiều các loại đậu sẽ cung cấp đủ chất đạm, ăn đủ lượng rau quả có thể cung cấp đủ sinh tố và khoáng chất.

THUẦN CHAY GIẢI PHÁP TỐI ƯU CHO NẠN KHAN HIẾM NƯỚC TOÀN CẦU

(Trích từ Bản Tin Thanh Hải Vô Thượng Sư số 154)

Nước vô cùng cần thiết cho sự sống của mọi chúng sinh trên Địa Cầu. Tuy nhiên, theo báo cáo của Viện Nghiên cứu Nước Quốc tế Stockholm (SIWI), việc sử dụng nước một cách lãng phí vượt quá nguồn cung cấp nước của Địa Cầu đã khiến nguồn tài nguyên quý giá này lâm vào tình trạng khan hiếm trầm trọng cho những thế hệ tương lai.

- * Trong những thập niên vừa qua, việc gia tăng sản xuất thực phẩm đã vượt quá sự phát triển dân số. Hiện nay, nhiều nơi trên thế giới hầu như đã cạn kiệt nước để duy trì sản xuất.
- * Do việc nuôi gia súc bằng ngũ cốc, để có một cân thịt cần từ 10.000 đến 15.000 kg nước. *(Nếu dùng cho bất kỳ hoạt động công nghiệp thông thường nào sẽ cần một lượng nước ít hơn 0,01% lượng nước này.)*
- * Sản xuất mỗi cân ngũ cốc cần từ 400 đến 3.000 kg nước *(khoảng 5% lượng nước cần thiết cho việc nuôi gia súc lấy thịt.)*
- * 90% lượng nước đã kiểm soát được dùng cho việc sản xuất thực phẩm.
- * Tại các quốc gia khan hiếm nước như Úc, người ta vẫn dùng nước để nuôi gia súc lấy thịt.
- * Tại các quốc gia đang phát triển, mỗi ngày người ăn thịt dùng 5.000 lít nước *(1.100 ga-lông)* trong khi đó người ăn chay chỉ dùng 1.000 đến 2.000 lít nước *(200 đến 400 ga-lông)*. *(Theo tờ Guardian, số ra ngày 23 tháng 8 năm 2004.)*

Theo một báo cáo khác, không phải từ SIWI, người ta đang mở rộng việc khai hoang nhiều vùng rừng nhiệt đới Amazon để trồng đậu nành. Thế nhưng, lượng đậu nành này lại được dùng để nuôi gia súc. Nếu lượng đậu nành này được dùng trực tiếp để nuôi con người thì sẽ đem lại nhiều hiệu quả hơn!

Trong bài thuyết giảng với tựa đề “*Lợi Ích Của Dinh Dưỡng Thuần Chay*”, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã đề cập đến những tác hại đối với môi sinh của việc sản xuất thịt: “*Ngành chăn nuôi gia súc lấy thịt mang lại hậu quả nặng nề, hủy hoại rừng nhiệt đới, gây hâm nóng toàn cầu, gây ô nhiễm, khan hiếm nước, sa mạc hóa đất đai, lãng phí nguồn tài nguyên và gây ra nạn đói*

trên thế giới. Dùng nước, năng lượng và nỗ lực của con người để sản xuất thịt không phải là cách sử dụng hiệu quả tài nguyên của Địa Cầu.”

Vì vậy, để cắt giảm đáng kể lượng nước tiêu thụ trên toàn cầu, con người cần một lối sống mới để nuôi dưỡng thế giới. Lối dinh dưỡng thuần chay đáp ứng được nhu cầu này.

Để tham khảo những bài viết có nội dung liên quan, xin truy cập:
<http://www.worldwatercouncil.org/>
<http://news.bbc.co.uk/2/hi/science/nature/3559542.stm>
<http://news.bbc.co.uk/1/hi/sci/tech/2943946.stm>

TIN MỪNG CHO NGƯỜI ĂN THUẦN CHAY CHẤT ĐẠM THỰC VẬT RẤT CẦN THIẾT

Lối dinh dưỡng thuần chay không những vô cùng lợi ích cho việc tu hành mà còn rất tốt cho sức khỏe của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta phải đặc biệt chú trọng đến việc cân bằng dinh dưỡng để đảm bảo không thiếu hụt lượng đạm thực vật cần thiết. Có hai loại chất đạm: đạm động vật và đạm thực vật.

Đậu nành, đậu Hà Lan, đậu xanh chính là nguồn đạm thực vật. Ăn thuần chay không đơn giản chỉ là ăn rau xào, mà khẩu phần dinh dưỡng đầy đủ của một người cần cung cấp đủ lượng đạm cần thiết.

Bác sĩ Miller là một người thuần chay. Ông là bác sĩ chữa bệnh cho người nghèo ở Formosa đã bốn mươi năm. Ông tin rằng chúng ta chỉ cần ăn các loại ngũ cốc, các loại rau đậu và trái cây là đã có đủ những chất dinh dưỡng thiết yếu để giúp chúng ta sống khỏe mạnh. Theo bác sĩ Miller thì “*Đậu hũ chính là 'thịt' không xương.*”

“Vì đậu hũ rất bổ dưỡng, nên giả sử người ta chỉ được chọn ăn một loại thực phẩm là đậu hũ thì họ vẫn có thể sống rất thọ.”

Nấu một bữa ăn thuần chay cũng tương tự như nấu một bữa mặn, chỉ khác là chúng ta thay thế thịt, cá bằng chất đạm thực vật như gà viên thuần chay, ham thuần chay, thịt lát thuần chay. Chẳng hạn, thay vì nấu món “*thịt băm xào cần tây*” hay “*canh rong biển trứng*”, thì bây giờ chúng ta có thể chuyển sang “*thịt vụn thuần chay xào cần tây*” hay “*canh rong biển đậu hũ thái nhỏ*”.

Nếu quý vị sống tại những quốc gia nơi quý vị không dễ tìm được thực phẩm thuần chay, quý vị có thể liên lạc với trung tâm của Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư tại địa phương để được cung cấp thông tin về cửa hàng bán thực phẩm thuần chay và các nhà hàng thuần chay để tham khảo.

Về cách nấu thức ăn thuần chay, quý vị có thể tham khảo quyển Gia Chánh Vô Thượng do Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư xuất bản cũng như bất kỳ cuốn cẩm nang dạy nấu ăn thuần chay nào.

Hoặc vào trang mạng Gia Chánh Vô Thượng toàn cầu – công thức chế biến món thuần chay:

<http://al.godsdirectcontact.org.tw/recipe/menu.htm>

Để biết danh sách các nhà hàng thuần chay trên khắp thế giới, xin truy cập:

<http://www.godsdirectcontact.org.tw/eng1/food/restaurant/>



Truyền Tâm Ấn cũng không hẳn là truyền Tâm Ấn... quý vị chỉ đến đây để cho tôi giúp quý vị tự cứu chính mình. Tôi không phải đến đây để dạy quý vị trở thành tín đồ.... Tôi đến đây để dạy cho quý vị trở thành Minh Sư.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

Mọi người cũng đều biết cách thức ngồi thiền, nhưng lại thiền quán những điều sai lạc. Có người thiền quán về những cô gái đẹp, có người quán về tiền tài, có người quán về công việc làm ăn. Mỗi khi quý vị cố gắng tập trung sức chú ý vào một việc gì tức là quý vị đang thiền. Tôi chỉ chú ý vào lực lượng bên trong, vào tình thương, vào lòng từ bi và ân điển của Thượng Đế.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

Khi được thọ Tâm Ấn là bắt đầu cho một đời sống mới trong một trật tự mới. Điều đó có nghĩa là tôi đã chấp nhận quý vị để trở nên một phần tử trong hàng thánh nhân. Khi đó quý vị không còn là một người thường nữa, đẳng cấp quý vị đã được nâng lên cao. Thời xưa họ gọi đó là “Lễ Rửa Tội” hay là “Sống trong sự che chở của Minh Sư”.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**



Truyền Tâm Ấn: Pháp Môn Quán Âm

Những người thành tâm mong cầu Chân Lý sẽ được Thanh Hải Vô Thượng Sư truyền dạy Pháp Môn Quán Âm. “*Quán Âm*” theo tiếng Trung Hoa có nghĩa là thiền quán, là lắng nghe chân động lực của Âm Thanh. Pháp môn này bao gồm việc thiền định về Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Những thể nghiệm nội tại này đã được ghi chép lại trong kinh điển của tất cả những tôn giáo trên thế giới từ thời cổ xưa. Ví dụ, Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo viết rằng: “*Khởi đầu là Ngôi Lời, Ngôi Lời ở với Thượng Đế và Ngôi Lời chính là Thượng Đế.*” (Gio-an 1:1) Ngôi Lời chính là Âm Thanh nội tại. Âm Thanh này còn được gọi là Logos, Shabd, Đạo, Suối Âm, Nước Nguồn Sống hay Tiếng Nhạc Trời. Thanh Hải Vô Thượng Sư nói rằng: “*Âm Thanh này tạo nên chân động lực trong mọi sự sống và bao trùm khắp vũ trụ. Âm Thanh nội tại này có thể chữa lành mọi vết thương, thỏa mãn mọi ước muốn và khát vọng của thế gian. Âm Thanh này là sức mạnh vạn năng của muôn vàn tình thương. Và chúng ta được cấu tạo bởi Âm Thanh này nên khi giao tiếp được với nó chúng ta sẽ có được sự an lành và mãn nguyện trong tâm. Sau khi nghe được Âm Thanh này, con người chúng ta sẽ cải biến, toàn bộ thế giới quan của chúng ta sẽ được cải biến mạnh mẽ và trở nên tốt đẹp hơn.*”

Ánh Sáng bên trong, Ánh Sáng của Thượng Đế, cũng là Ánh Sáng được đề cập đến trong danh từ “*khai ngộ*”. Cường độ của Ánh Sáng tăng dần từ những tia sáng yếu ớt đến Ánh Sáng của hàng triệu mặt trời. Chính nhờ vào Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại mà chúng ta cấu thông được với Thượng Đế.

Lễ truyền Tâm Ấn để tu theo Pháp Môn Quán Âm không phải là một nghi thức huyền bí hoặc một nghi lễ sơ khởi nào để bước vào một tôn giáo mới. Trong buổi lễ truyền Tâm Ấn, người thọ Pháp sẽ nhận được sự hướng dẫn đặc biệt về cách ngồi thiền để quán Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Thanh Hải Vô Thượng Sư sẽ chăm lo cho việc “*truyền đạt tâm linh*”. Những thể nghiệm đầu tiên về sự hiện hữu của Thánh Linh sẽ được diễn ra trong tĩnh lặng. Thanh Hải Vô Thượng Sư không cần phải hiện diện bằng nhục thân để mở “cánh cửa” này cho chúng ta. Việc truyền đạt này là phần chính yếu của pháp môn. Kỹ thuật ngồi thiền sẽ đem lại kết quả không đáng kể nếu không có ân điển của một vị Chân Sư.

Và quý vị có thể nghe được Âm Thanh nội tại và thấy được Ánh Sáng nội tại ngay lập tức sau khi được truyền Tâm Ấn, nên việc này đôi khi còn được gọi là “*đốn ngộ*” hay “*tức khắc khai ngộ*”.

Thanh Hải Vô Thượng Sư chấp nhận tất cả mọi người muốn được Tâm Ấn, không phân biệt quá khứ hay liên hệ tín ngưỡng của họ. Chúng ta không cần phải thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng hiện tại của mình. Chúng ta cũng không cần phải tham gia vào bất kỳ tổ chức hay sinh hoạt nào mà chúng ta cảm thấy không thuận lợi cho đời sống hiện tại của mình. Tuy nhiên chúng ta cần phải giữ chế độ dinh dưỡng thuần chay. Việc cam kết thuần chay suốt đời là điều kiện tiên quyết để được Tâm Ấn.

Thanh Hải Vô Thượng Sư truyền Tâm Ấn hoàn toàn miễn phí.

Hàng ngày tu thiền theo Pháp Môn Quán Âm và giữ năm giới luật là điều kiện duy nhất đối với những ai đã được Tâm Ấn. Những giới luật này là kim chỉ nam giúp chúng ta tránh gây phương hại cho mình cũng như những sinh vật khác. Việc tu hành sẽ giúp chúng ta có được sự giác ngộ sâu sắc và vững vàng hơn so với những thể nghiệm khai ngộ lúc ban đầu và cho phép chúng ta đạt mức độ cao nhất của khai ngộ hay là đại khai ngộ. Nếu không tu hành mỗi ngày, quý vị sẽ gần như quên đi sự khai ngộ của mình và trở lại đấng cấp tâm thức bình thường.

Mục đích của Thanh Hải Vô Thượng Sư là dạy cho chúng ta cách tự chăm sóc mình. Vì thế Ngài chỉ dạy một phương pháp mà bất kỳ ai cũng có thể thực hành được, tự thực hành mà không cần sự nâng đỡ hay trợ giúp nào khác. Ngài không có ý tìm kiếm tín đồ, đệ tử hay những người tôn kính Ngài hoặc thành lập một tổ chức mà hội viên phải đóng lệ phí. Ngài không nhận cúng dường, sự lễ bái hay quà tặng của chúng ta, nên chúng ta không cần dâng lên cho Ngài những thứ đó. Ngài chấp nhận lòng thành tâm của chúng ta trong đời sống thường nhật và việc tu thiền sẽ giúp chúng ta có khả năng thăng tiến lên bậc Thánh nhân.





Ngũ Giới

1. Không gây phương hại đến sự sống của các chúng sinh*
2. Không nói những điều không thật
3. Không lấy những gì không phải của mình
4. Không tà dâm
5. Không dùng những chất gây nghiện**

** Giới luật này đòi hỏi phải triệt để thuần chay. Không được dùng thịt, cá, gia cầm, sữa, trứng (kể cả trứng đã được thụ tinh và trứng chưa được thụ tinh trong bánh ngọt, bánh quy, kem, v.v...) hay bất kỳ sản phẩm nào có nguồn gốc động vật.*

*** Bao gồm việc tránh xa những sản phẩm độc hại như rượu, ma túy, thuốc lá, cờ bạc, phim ảnh, sách báo, trò chơi điện tử bạo lực và có nội dung thiếu lành mạnh.*

Một thánh nhân hoàn hảo là một người hoàn hảo. Một người hoàn hảo là một thánh nhân hoàn hảo. Hiện tại chúng ta chỉ là một nửa con người. Chúng ta làm việc gì cũng do dự. Chúng ta làm việc gì cũng có sự cao ngạo. Chúng ta không tin rằng chính Thượng Đế đã sắp xếp mọi việc cho chúng ta hưởng thụ, cho chúng ta học hỏi. Chúng ta phân biệt tội lỗi và đức hạnh. Chúng ta quan trọng hóa mọi việc, và sau đó phán đoán chính chúng ta và những người khác. Chúng ta đau khổ vì sự hữu hạn của mình, về những điều Thượng Đế phải làm. Có hiểu không? Thật ra, Thượng Đế ở bên trong chúng ta và chúng ta tự giới hạn Ngài. Chúng ta muốn vui vẻ và chơi đùa, nhưng lại không biết phải làm sao. Chúng ta chỉ biết nói với người khác: “À, anh không được làm như vậy.” và nói với chính mình: “Tôi không nên làm như thế này. Tôi không nên làm như thế nọ. Vậy tại sao tôi lại phải ăn thuần chay?” Đúng rồi, tôi biết. Tôi ăn thuần chay vì Thượng Đế bên trong tôi muốn như vậy.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

Khi thân, khẩu, ý, của chúng ta được thanh tịnh, dù chỉ trong một giây khắc, thì tất cả thần thánh, Thượng Đế, và thiên thần hộ pháp sẽ trợ giúp chúng ta. Ngay lúc đó toàn thể vũ trụ đều thuộc về chúng ta và ủng hộ chúng ta, và ngôi báu cũng sẵn sàng để cho chúng ta ngự trị.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

GIỚI THIỆU ÁN PHẨM

NHỮNG TUYỂN TẬP THƠ NHẠC DO THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ SÁNG TÁC



- NGÀY NỚ NGÀY NI
(diễn ngâm bằng tiếng
Âu Lạc): MP3-M027



- MỘT CHÚT HƯƠNG
(những nhạc phẩm do
các ca sĩ tài danh trình
diễn bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M029



- XIN GIỮ MÃI
(diễn ngâm bằng
tiếng Âu Lạc):
MP3-M028



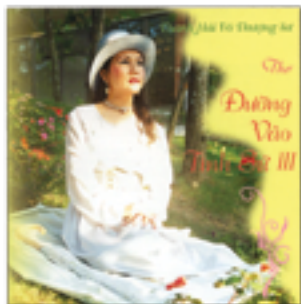
- DỊU DÀNG BÊN NHAU
(những nhạc phẩm
được trình bày
bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M032



- NGỦ NGON EM NHÉ
(những nhạc phẩm
được trình bày bằng
tiếng Anh):
MP3-M037



- **ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ**
(những thi phẩm do các nhà thơ tài danh Âu Lạc sáng tác, diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3 (1, 2 &3)



- **NHỮNG VẾT TIÊN THÂN**
(diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3 (1, 2 &3); DVD 531 & MP4



* Những thi phẩm và nhạc phẩm (những thi phẩm được phổ nhạc) trong Đường Vào Tình Sử, Tình Xưa, Khuất Nêo Thời Gian, Mơ Đêm, Xin Giữ Mãi, Ngày Nở Ngày Ni, Những Vết Tiên Thân, Những Văn Thơ Ngọc, Đóa Sen Vàng, Ngủ Ngon Em Nhé và Dịu Dàng Bên Nhau do Thanh Hải Vô Thượng Sư diễn ngâm hoặc trình bày.



- **KHUẤT NẸO THỜI GIAN**
(những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M031, DVD 765 & MP4



- **TÌNH XƯA**
(diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M036, DVD 801 & MP4



- **MƠ ĐÊM**
(những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M030, DVD 764 & MP4



- **CA KHÚC TÌNH THƯƠNG**
(những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc và Anh):
DVD 761 & MP4



- **NHỮNG VẦN THƠ NGỌC**
(những thi phẩm do các nhà thơ tài danh Âu Lạc sáng tác, diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M034, DVD 769 & MP4



- **NHỮNG NHẠC PHẨM DO THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ SÁNG TÁC**
(những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc, Trung Hoa và Anh):
MP3-M009, DVD 389 & MP4



- **ĐÓA SEN VÀNG**
(diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M305, DVD 770 & MP4
Kính mời quý vị thưởng thức những vần thơ tuyệt tác của Hòa thượng Thích Mãn Giác cùng hai thi phẩm “Đóa Sen Vàng” và “Sayonara” do Thanh Hải Vô Thượng Sư sáng tác riêng tặng Hòa Thượng, qua giọng ngâm trầm ấm của Ngài.



- **KỶ NIỆM VÀNG THAU**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **GIẤC MƠ CỬA BƯỚM**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **NHỮNG VẾT TIÊN THÂN**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh

- **MỘT THỜI XA XƯA**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **KỶ NIỆM VÀO QUÊN**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh

- **THƠ VÔ TỪ**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **GIÔNG LỆ ÂM THẦM**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa/Anh, Đức/Pháp/Anh, Philippines, Hàn Quốc, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha



- **NGƯỜI TÌNH THIÊN CỔ**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Mông Cổ, Tây Ban Nha

• MP4 & DVD-1010



Lấy cảm hứng từ thi tập sâu sắc *Giờng Lệ Âm Thâm* do Thanh Hải Vô Thượng Sư sáng tác, vở nhạc kịch tuyệt diệu này đưa chúng ta du hành trên chuyến xe lửa thần kỳ đến 16 quốc gia qua 6 lục địa. Chúng ta đồng hành với cô Joy – người mẹ đau xót vì mất con, và Pete – chàng trai mới lớn, ham mê vật chất. Với sự dẫn dắt của vị trưởng tàu vui tính và thần bí, họ dần bước vào hành trình của cuộc đời – mỗi người tìm thấy cho mình sự an bình mới. Tại mỗi điểm đến, hãy thưởng thức các tiết mục âm nhạc đặc sắc và hấp dẫn do các nhà soạn nhạc từng đoạt giải Oscar, Grammy, Tony và Emmy sáng tác, với phần trình diễn của những ngôi sao nhạc trẻ và Broadway, các ca sĩ quốc tế hàng đầu, cùng 48 vũ công xuất sắc và dàn nhạc sống!

Được điều khiển bởi đạo diễn từng được đề cử giải Tony, Vincent Paterson (đạo diễn chuyển lưu diễn vòng quanh thế giới của Michael Jackson và Madonna), với phần biên đạo múa của Bonnie Story, người đoạt giải Emmy (Nhạc Kịch Trung Học 1, 2 và 3), buổi ra mắt quốc tế phi thường này với sự góp mặt của đội kỹ thuật viên gồm 217 người, được thu hình bởi 21 máy quay phim và 96 băng tần thu âm điện tử, đã diễn ra vào ngày 27 tháng 10 năm 2012 tại Đại Hy Viện Shrine, Los Angeles, California, Hoa Kỳ. Chương trình kỷ niệm 19 năm Ngày Thanh Hải Vô Thượng Sư, vinh danh tinh thần hòa bình và từ thiện mà vị Thầy tâm linh nổi tiếng thế giới, nhà nhân đạo, thi sĩ kiêm nghệ sĩ đã nêu gương.

Bộ DVD 4 đĩa này bao gồm băng hình chào mừng của Thi Sĩ, phần trao quà từ thiện, các cuộc phỏng vấn nghệ sĩ và nhiều đoạn phim phụ trội đặc sắc.

Giờng Lệ Âm Thâm chắc chắn sẽ mang lại cho chúng ta nguồn cảm hứng để đi tìm sự an bình nội tại!

• MP4 & DVD-999

NHẠC KỊCH CHÂN TÌNH

Bộ DVD 3 đĩa này gồm các tiết mục rất đặc sắc như những câu chuyện thật hấp dẫn của Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Hy Mã Lạp Sơn, những cuộc phỏng vấn phía sau hậu trường, tường trình của giới truyền thông, những nhân vật nổi tiếng trên thảm đỏ và những cảnh diễn tập.



QUYỀN SÁCH CHÂN TÌNH ĐẠT VỊ TRÍ SỐ MỘT TRÊN AMAZON.COM

Lấy cảm hứng từ câu chuyện đời thực của Thanh Hải Vô Thượng Sư, Nhạc kịch *Chân Tình* là trải nghiệm đầy xúc động, khi chúng ta du hành cùng với Thanh – một cô gái hiền lành – trên con đường kiếm tìm bí quyết khai ngộ. Bên cạnh đó, quyển sách *Chân Tình* – tuyển tập bao gồm ca từ và ký âm của các bản nhạc trong nhạc kịch cũng đạt vị trí hàng đầu trong danh sách Những Quyển Sách Bán Chạy Nhất trên Amazon.com ở cả hai thể mục Sách và Thơ.

“Tình thương là điều quý giá nhất trong thế giới vật chất này. Vì thế chúng ta nên bảo vệ tình thương... Nếu chúng ta có tình thương, mọi điều tốt đẹp sẽ đến với chúng ta... Ân thuận chạy, tạo hòa bình. Và yêu thương. Đó là tất cả những gì chúng ta cần làm.”

– Thanh Hải Vô Thượng Sư, ngày 27 tháng 8 năm 2011 - Pasadena, California, Hoa Kỳ
Kỷ Niệm 5 Năm Thành Lập Truyền Hình Vô Thượng Sư: Chân Tình

NHỮNG BÀI THUYẾT GIẢNG TÂM LINH CỦA THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

SÁCH

- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Khai Thị:**
Tiếng Âu Lạc (1-16), Trung Hoa (1-10), Anh (1-5), Pháp (1-2), Phần Lan (1), Đức (1-2), Hungary (1), Indonesia (1-5), Nhật Bản (1-4), Hàn Quốc (1-11), Mông Cổ (1, 6), Bồ Đào Nha (1-2), Ba Lan (1-2), Tây Ban Nha (1-3), Thụy Điển (1), Thái (1-6) và Tây Tạng (1)
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Vấn Đáp:**
Tiếng Âu Lạc (1-4), Trung Hoa (1-3), Bungary (1), Tiệp Khắc (1), Anh (1-2), Pháp (1), Đức (1), Hungary (1), Indonesia (1-3), Nhật Bản (1), Hàn Quốc (1-4), Bồ Đào Nha (1), Ba Lan (1) và Nga (1)
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Ấn Bản Đặc Biệt/Thiên Thất Năm 1992:**
Bộ sưu tập những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư vào năm 1992 trong kỳ thiên thất tại Tam Địa Môn, Formosa.
Tiếng Anh và Âu Lạc
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Ấn Bản Đặc Biệt/Chuyến Hoàng Pháp Toàn Cầu Năm 1993:**
Tuyển tập 6 cuốn bao gồm những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong chuyến Hoàng Pháp Toàn Cầu năm 1993.
Tiếng Anh (1-6) và Trung Hoa (1-6)
- **Thư Tín Thấy Trò:**
Tiếng Anh (1), Trung Hoa (1-3), Âu Lạc (1-2) và Tây Ban Nha (1)
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Thần Kỳ Cảm Ứng (1-2):**
Tiếng Âu Lạc và Trung Hoa
- **Sư Phụ Kể Chuyện:**
Tiếng Anh, Trung Hoa, Tây Ban Nha, Âu Lạc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái
- **Thượng Đế và Nhân Loại – Những Câu Chuyện Thánh Kinh:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Thượng Đế Chăm Sóc Mọi Việc – Bộ Sách Tranh Đây Trí Huệ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư:**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Nhật Bản và Hàn Quốc
- **Chuyện Vui Khai Ngộ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư – Hào Quang Chật Quá:**
Tiếng Anh và Trung Hoa
- **Tò Điểm Đời Sống:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Bí Quyết Thanh Thân Tu Hành:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa

- **Trực Tiếp Câu Thông Thượng Đế – Cách Tiến Đến Hòa Bình:**
Bộ sưu tập những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong chuyến Hoàng Pháp Châu Âu năm 1999.
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Ta Xương Tìm Em Dưới Cõi Trần:**
Tiếng Ả Rập, Âu Lạc, Bungary, Tiệp Khắc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Indonesia, Ý, Hàn Quốc, Mông Cổ, Ba Lan, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, La Mã và Nga
- **Sống Trong Thời Đại Hoàng Kim**
Ý Thức Về Sức Khỏe – Trở Về Lối Sống Tự Nhiên và Đạo Đức:
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Lời Pháp Cam Lồ:**
Viên ngọc của trí tuệ vĩnh hằng do Thanh Hải Vô Thượng Sư sáng tác.
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Âu Lạc/ Trung Hoa, Tây Ban Nha/ Bồ Đào Nha, Pháp/ Đức, Hàn Quốc, Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Gia Chánh Vô Thượng (1) – Các Món Ăn Thuần Chay Quốc Tế:**
Bộ sưu tập những món ăn chọn lọc trên khắp thế giới do đồng tu giới thiệu.
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Trung Hoa, Âu Lạc và Nhật Bản
- **Gia Chánh Vô Thượng (2) – Khẩu Vị Gia Đình Chọn Lọc:**
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Trung Hoa
- **Một Thế Giới Hòa Bình Qua Âm Nhạc:**
Bộ sưu tập những buổi phỏng vấn và tác phẩm âm nhạc từ buổi hòa nhạc trình diễn năm 1998 tại Đại Hý Viện Shrine, Los Angeles, California, Hoa Kỳ.
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Âu Lạc/ Trung Hoa
- **Bộ Sưu Tập Các Sáng Tạo Nghệ Thuật Của Thanh Hải Vô Thượng Sư – Tuyển Tập Hội Phẩm:**
“Tự Tính người họa sỹ hiển lộ qua các hội phẩm. Quý vị sẽ cảm động sâu sắc bởi tính đơn thuần của trẻ thơ và tình thương bao la của bậc từ mẫu ở Người đã đạt giải thoát.”
Tiếng Anh và Trung Hoa
- **Thiên Y S.M.:**
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Trung Hoa
- **Những Chú Chó Trong Đời Tôi:**
Quyển sách gồm 500 trang này là một phần những mẩu chuyện có thật do Thanh Hải Vô Thượng Sư kể về những bạn khuyến đồng hành của Ngài.
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Ba Lan và Đức
- **Những Chú Chim Trong Đời Tôi:**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Mông Cổ, Nga và Indonesia

- **Loài Hoang Dã Cao Quý:**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Mông Cổ, Hàn Quốc, Pháp và Đức
- **Nghệ Thuật Thiên Đàng:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Từ Khủng Hoảng Đến Hòa Bình – Thuận Chay Hữu Cơ Là Giải Đáp:**
Tiếng Âu Lạc, Anh, Trung Hoa, Hà Lan, Pháp, Hungary, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Na Uy, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Nga, La Mã, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Thái.
- **Suy Ngẫm Về Đời Sống và Tâm Thức:**
Tác giả: Tiến sĩ Janez Drnovsek.
Tiếng Trung Hoa

MP3, DVD VÀ MP4

MP3, DVD và MP4 các bài thuyết giảng, âm nhạc và những buổi hòa nhạc của Thanh Hải Vô Thượng Sư hiện có bằng tiếng Ả Rập, Armenia, Âu Lạc, Bungary, Campuchia, Quảng Đông, Trung Hoa, Croatia, Tiệp Khắc, Đan Mạch, Hà Lan, Anh, Philippines, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Do Thái, Hungary, Indonesia, Ý, Nhật, Hàn Quốc, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, Na Uy, Quan Thoại, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ba Tư, Romani, Nga, Srilanka, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thái, Thổ Nhĩ Kỳ và Zulu.

Danh mục sẽ được gửi theo yêu cầu. Hoan nghênh quý vị đặt mua trực tiếp các ấn phẩm của Thanh Hải Vô Thượng Sư trên mạng:

<http://www.thecelestialshop.com>

Hoặc tải xuống miễn phí:

<http://www.edenrules.com>

<http://www.smchbooks.com>

<http://magazine.godsdirectcontact.net>

HOẶC LIÊN LẠC:

Nhà Xuất Bản Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư
Đài Bắc, Formosa

Tel: (886) 2-23759688 / Fax: (886) 2-23757689

E-mail: smchbooks@Godsdirectcontact.org

**TÀI VỀ MIỄN PHÍ SÁCH BIỂU
BÍ QUYẾT TỨC KHẮC KHAI NGỘ (VỚI HƠN 80 NGÔN NGỮ)**

<http://sb.godsdirectcontact.net>

<http://www.direkter-kontakt-mit-gott.org/booklet>

• **LOÀI HOANG DÃ CAO QUÝ**

Nhằm mở ra Kim niên 5 (2008) đầy hy vọng, Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư đã ban tặng cho thế giới tuyệt phẩm *Loài Hoang Dã Cao Quý* như một món quà năm mới. Hầu hết những tấm hình minh họa trong sách về chuyến thám hiểm của Ngài nơi vùng ngọc hồ, do Ngài tự tay chụp và sáng tác, là sự kết hợp kỳ diệu giữa sự thể hiện cảm xúc đầy thi vị với những hình ảnh vô cùng hấp dẫn về thiên nhiên và đời sống nơi vùng hoang dã kỳ vĩ, khiến quyển sách trở thành một tác phẩm nghệ thuật vô cùng diễm tuyệt!

SÁCH CÓ THỂ ĐẶT MUA TRỰC TUYẾN TẠI AMAZON.COM:
<http://www.amazon.com/Noble-Wilds-Supreme-Master-Ching/dp/9868415233/> (bìa mềm)
<http://www.amazon.com/Noble-Wilds-Supreme-Master-Ching/dp/9868415225/> (bìa cứng)



- **LOÀI HOANG DÃ CAO QUÝ**
 MP4 & DVD 800
 (nói tiếng Anh,
 phụ đề 21 ngôn ngữ)



• **NHỮNG CHÚ CHIM TRONG ĐỜI TÔI**

Qua quyển sách được minh họa bằng những hình ảnh xinh đẹp, *Những Chú Chim Trong Đời Tôi*, Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư đưa chúng ta bước vào thế giới nội tâm của loài vật. Đó là, khi chúng ta thương yêu loài vật vô điều kiện, chúng ta sẽ được đáp lại bằng một tấm lòng rộng mở không chút đắn đo. Đây là một quyển sách thật tuyệt vời, mỗi trang sách đều chan chứa tình thương và sự hòa hợp. Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư giúp chúng ta liễu ngộ rằng loài vật có một tâm hồn rất đẹp và cao quý. Quyển sách thật thú vị! Loài vật chính là bạn tốt của chúng ta. Những mong các độc giả yêu quý đều có dịp chiêm ngưỡng quyển sách tuyệt vời này.

SÁCH CÓ THỂ ĐẶT MUA TRỰC TUYẾN TẠI AMAZON.COM:
<http://www.amazon.com/dp/9866895149/>
 Chúng tôi sẽ gửi sách đến tận nhà quý vị, hãy đặt mua và bắt đầu thể nghiệm tình thương chan hòa trên từng trang sách.



• **NHỮNG CHÚ CHÓ TRONG ĐỜI TÔI (1-2)**

“Tôi hy vọng có thể giúp quý độc giả thường thức đời nét về lối sống đáng yêu của các bạn khuyến đang đồng hành với chúng ta trên Địa Cầu này, qua đó hiểu thêm về đời sống của những chúng sinh khác.” ~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

SÁCH CÓ THỂ MUA TRỰC TUYẾN TẠI

AMAZON.COM:

Những Chú Chó Trong Đời Tôi (1):

<http://www.amazon.com/dp/9866895076/>

Những Chú Chó Trong Đời Tôi (2):

<http://www.amazon.com/dp/9866895084/>

(ẤN BẢN TIẾNG TRUNG HOA)

CỬA HÀNG SÁCH TRỰC TUYẾN KINGSTONE:

<http://www.kingstone.com.tw>

CỬA HÀNG SÁCH TRỰC TUYẾN ESLITEBOOKS:

<http://www.eslitebooks.com/>

CỬA HÀNG SÁCH TRỰC TUYẾN:

<http://www.books.com.tw>



• **NHỮNG CHÚ CHÓ VÀ NHỮNG CHÚ CHIM**

TRONG ĐỜI TÔI

MP4 & DVD 780

(nói tiếng Anh, phụ đề 28 ngôn ngữ)

• **NGHỆ THUẬT THIÊN ĐÀNG**

Nghệ Thuật Thiên Đàng là một tuyển tập xuất sắc, trong đó tác giả thể hiện sự sáng tạo nghệ thuật từ phương diện tâm linh để phản ánh chân, thiện, mỹ của Thiên Đàng. Nhẹ gót bước vào thế giới nghệ thuật vô biên của Thanh Hải Vô Thượng Sư, quý độc giả sẽ được thăng hoa bởi sự giao hòa với Đấng Thiêng Liêng, bồi hồi xúc động bởi những rung động sâu kín trong tâm hồn của một nhà thơ, những cảm giác tinh tế của một họa sĩ, những ý tưởng đặc sắc của một thiết kế gia và trái tim lãng mạn của một nhạc sĩ. Hơn thế nữa, được chiêm ngưỡng trí tuệ cùng lòng bác ái của một bậc thầy tâm linh vĩ đại là ân điển vô cùng lớn lao đối với mỗi chúng ta.



SÁCH CÓ THỂ ĐẶT MUA TRỰC TUYẾN TẠI
AMAZON.COM:

<http://www.amazon.com/Celestial-Art-Supreme-Master-Ching/dp/9866895378>

BÍ QUYẾT TỨC KHẮC KHAI NGỘ

SÁCH BIỂU

Sách Biểu Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ là ấn phẩm giới thiệu giáo lý của Thanh Hải Vô Thượng Sư. Độc giả khắp thế giới có thể đọc trực tuyến *Sách Biểu* hay tải về miễn phí dưới dạng eBook. Viên ngọc trí huệ này hiện đã được chuyển dịch sang 80 ngôn ngữ, từ tiếng Afrikaans đến tiếng Zulu, từ tiếng Bengal đến tiếng Urdu, Macedoni, Mã Lai và nhiều ngôn ngữ khác.

Trong *Sách Biểu*, quyển sách này, Thanh Hải Vô Thượng Sư nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiền định trong đời sống hàng ngày và giảng giải các cảnh giới tâm linh cao đẳng hơn. Ngài cũng giải thích những lợi ích của lối sống thuần chay, cũng như thông tin về việc truyền Tâm Ấn theo học Pháp Môn Quán Âm, là con đường tối hậu và tối thượng nhất. Những thông điệp thăng hoa của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong quyển sách *Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ* đã thấp sáng niềm hy vọng cho những người mong cầu Chân Lý.

Như Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị: *“Khi có được sự an bình nội tại, chúng ta có thể đạt được tất cả mọi thứ khác. Chỉ khi nào tìm thấy Thiên Quốc bên trong, liễu ngộ được sự hòa hợp vĩnh hằng, trí huệ tối cao và lực lượng toàn năng của mình, chúng ta mới có thể đạt được viên mãn, thỏa nguyện những khát vọng của cõi đời cũng như cõi trời. Bởi vì tất cả mọi thứ đều đến từ Thiên Quốc. Nếu không có được những điều này, chúng ta sẽ không bao giờ cảm thấy mãn túc, dù có nhiều tiền bạc, quyền lực hay địa vị cao sang đến đâu.”*

Để trực tiếp tải về *Sách Biểu*, xin truy cập:
<http://sb.godsdirectcontact.net>

Trang mạng này cung cấp bản dịch *Sách Biểu Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ* của Thanh Hải Vô Thượng Sư bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Hãy tham gia cùng chúng tôi để mang món quà ý nghĩa nhất đến cho thế giới bằng cách chia sẻ thông điệp của Thượng Đế và thăng hoa tâm thức nhân loại. Nếu quý vị thấy ngôn ngữ bản xứ hay ngôn ngữ chính của quý vị chưa có trong danh sách và muốn chuyển dịch *Sách Biểu*, xin liên lạc với chúng tôi theo điện thư: divine@Godsdirectcontact.org.



Màu vàng: Chúng tộc da vàng

Màu đỏ: Chúng tộc da đỏ

Màu đen: Chúng tộc da đen

Màu trắng: Chúng tộc da trắng

Màu xanh lá cây: Thiên nhiên,
loài vật, chim muông, v.v...

Màu xanh dương: Nước và
những sinh vật sống dưới nước.

Hình dáng: Địa Cầu

Nền: Bầu trời

*Biểu trưng SM trên lá cờ là để
đánh thức bản tính Thượng Đế
đang còn yên ngủ của chúng ta,
nhắc nhở chúng ta phát triển
phẩm chất sáng ngời bên trong.
Mỗi bên là những hình trái tim đa
màu sắc liên kết với nhau, tiêu biểu
cho sự kỳ vọng của Thượng Đế đối
với những chúng sinh Địa Cầu:
Gạt bỏ mọi sự kỳ thị, muôn loài
nên yêu thương và chăm sóc lẫn
nhau, sống trong hoan ca và
hòa bình dưới bầu trời xanh.*

LÁ CỜ XINH ĐẸP VÀ Ý NGHĨA NÀY LÀ DO

THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ ĐÍCH THÂN THIẾT KẾ

**CHO ĐOÀN THỂ CHÚNG TA. Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ MÀU SẮC
CỦA MỖI HÌNH TRÁI TIM ĐÃ ĐƯỢC NGÀI GIẢI THÍCH NHƯ TRÊN.**

CÁCH LIÊN LẠC VỚI CHÚNG TÔI

HỘI QUỐC TẾ THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

P.O. Box 9, Hsihu Hsiang, Miaoli Hsien, Formosa (36899), ROC
P.O. Box 730247, San Jose, CA 95173-0247, U.S.A.

TRUYỀN HÌNH VÔ THƯỢNG SƯ

E-mail: peace@SupremeMasterTV.com
Tel: 1-408-218-2635 / Fax: 1-408-273-6412
<http://www.suprememastertv.com>

BAN KINH SÁCH

E-mail: divine@Godsdirectcontact.org
(Hoan nghênh quý vị tham gia cùng chúng tôi phiên dịch kinh sách của Thanh Hải Vô Thượng Sư sang những ngôn ngữ khác.)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI QUỐC TẾ THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

E-mail: smchbooks@Godsdirectcontact.org
Tel: 886-2-23759688 / Fax: 886-2-23757689
<http://www.smchbooks.com>

CỬA HÀNG TRỰC TUYẾN

<http://www.theCelestialShop.com>
<http://www.EdenRules.com>

BAN BÁO CHÍ

E-mail: lovenews@Godsdirectcontact.org

BAN HƯỚNG DẪN TÂM LINH

E-mail: lovewish@Godsdirectcontact.org

CÔNG TY TRANG SỨC THIÊN ĐÀNG

smclothes123@gmail.com; vegan999@hotmail.com
Tel: 886-3-4601391 / Fax: 886-3-4602857
<http://www.smcelestial.com>
<http://www.sm-celestial.com>

CÔNG TY QUỐC TẾ LOVING HUT

Tel: 886-2-2239-4556 / Fax: 886-2-2239-5210

E-mail: info@lovinghut.com

<http://www.lovinghut.com/tw/>

**LOVING FOOD – CỬA HÀNG TRỰC TUYẾN
CHO LỐI SỐNG THUẬN CHAY BỔ DƯỠNG**

<http://www.lovingfood.com.tw>

MẠNG LƯỚI QUÁN ÂM

TRỰC TIẾP CÂU THÔNG THƯỢNG ĐỂ –

TRANG MẠNG TOÀN CẦU CỦA

HỘI QUỐC TẾ THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

<http://www.Godsdirectcontact.org.tw/eng/links/links.htm>

Truy cập danh mục của mạng lưới Quán Âm toàn cầu,
quý vị có thể lựa chọn để xem bằng nhiều ngôn ngữ.

Quý vị có thể tải về hoặc ghi danh để nhận
được *Bản Tin Thanh Hải Vô Thượng Sư* dưới dạng eBook
hay ấn phẩm. Ấn bản đa ngôn ngữ của *Sách Biểu Bí Quyết*
Tức Khắc Khai Ngộ cũng có sẵn để quý vị tải về.

Lối Sống Mới

Một Vài Thực Phẩm Thuận Chay Bổ Dưỡng Không Cần Sết Sinh:

Thực Phẩm	Tỷ Lệ Chất Đạm (theo trọng lượng)
Đậu phụ (từ đậu nành)	16%
Mì càn (từ bột mì)	70%
Bắp	13%
Gạo	8,6%
Đậu nành, đậu tằm, đậu garbanzo, đậu lăng, v.v.	10 - 35%
Hạt hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông, v.v.	14 - 30%
Hạt bí, hạt mè, hạt hướng dương, v.v.	18 - 24%

- Thuộc bộ đa sinh từ dạng viên cũng là nguồn vitamin, chất khoáng và chất chống oxy hóa tốt nhất.
- Rau và trái cây có nhiều chất dinh dưỡng như vitamin, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất xơ có hàm chất cao giúp tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.
- Lượng chất đạm cần thiết mỗi ngày là 50 gram (hàm lượng trung bình đối với người Việt).
- Thịt cemani rau để hấp thụ hơn chất cemani vào.

- Để giảm thiểu nguy cơ dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
- Để tránh hiểm họa bệnh bò điên và cúm heo, v.v.
- Để chấm dứt sự tàn sát đang diễn ra hàng ngày đối với hàng tỷ gia súc, sinh vật biển và chim muông hiền lành



Chuyển sang thuần chay là điều sáng suốt.
 Thuận chay khỏe mạnh Thuận chay từ bi
 Thuận chay tốt khỏe Thuận chay hòa bình
 Thuận chay tốt cho môi sinh Thuận chay cao thượng



Để biết thêm chi tiết, xin truy cập:
<http://AL.Godsdirectcontact.org.tw>
<http://www.vegsource.com>

<http://www.esq.org> <http://www.esq.org>
 hoặc gọi đến số 1-800-421-8888 hoặc <http://www.vegan.com>

Supreme Master Television
 Truyền hình trực tiếp của một thế giới hạnh phúc
www.SupremeMasterTV.com

Danh Nhân Trường Chay và Thuận Chay trên Thế Giới:

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần: Patanjali (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử (triết gia Trung Quốc), Phật Thích Ca, Lão Tử (triết gia Trung Quốc), Thánh Francis Assisi (Thánh Cơ đốc giáo Y), Thích Nhất Hạnh (thiền sư kiêm tác giả Phật giáo Ái Lạc), Yogi Mahatma Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Leo Tolstoy (triết gia Nga), Pythagoras (nhà toán học và triết gia Hy Lạp), Tôn Tử Zoroaster (Sáng lập Hỏa giáo Ba Tư), Muhammad Rahim Bawa Mubaiyadeen (Thánh Hồi giáo Sufi kiêm tác giả Sri Lanka), v.v.

Văn Nghệ Sĩ: Leonardo Da Vinci (bậc sĩ Y), Ralph Waldo Emerson (văn thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ái Nhĩ Lan), John Robbins (tác giả Hoa Kỳ), Mark Twain (tác giả Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (triết gia, bác sĩ kiêm nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadegh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v.

Khoa Học Gia, Nhà Phát Minh & Kỹ Sư: Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Albert Einstein (khoa học gia Đức), Thomas Edison (khoa học gia kiêm nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (khoa học gia Anh), Nikola Tesla (khoa học gia kiêm nhà phát minh Xic-ty & Hoa Kỳ), Henry Ford (Người sáng lập công ty Ford Motors Hoa Kỳ), v.v.

Chính Trị Gia, Chính Khách & Nhà Hoạt Động Xã Hội: Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo phong trào ủng hộ quyền bầu cử nữ giới Hoa Kỳ), Mahatma Gandhi (nhà lãnh đạo dân quyền Ấn Độ), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền kiêm nhà hoạt động xã hội Hoa Kỳ & phu nhân của Tiến sĩ Martin Luther King, Jr.), Tiến sĩ Janez Drnovsek (Tổng thống Slovenia đệ nhị), Tiến sĩ Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v.

Diễn Viên & Người Mẫu: Pamela Anderson (nữ diễn viên Hoa Kỳ), Ashley Judd (nữ diễn viên Hoa Kỳ), John Cleese (diễn viên Anh), David Duchovny (diễn viên Hoa Kỳ), Danny Devito (diễn viên Hoa Kỳ), Daryl Hannahs (nữ diễn viên Hoa Kỳ), Dustin Hoffman (diễn viên Hoa Kỳ), Steve Martin (diễn viên Hoa Kỳ), Ian McKellen (diễn viên Anh), Tobey Maguire (diễn viên Hoa Kỳ), Joaquin Phoenix (diễn viên Hoa Kỳ), Steven Seagal (diễn viên Hoa Kỳ), Jerry Seinfeld (diễn viên Hoa Kỳ), Naomi Watts (nữ diễn viên Úc), Kate Winslet (nữ diễn viên Anh), Christie Brinkley (siêu người mẫu Hoa Kỳ), v.v.

Nhạc Sĩ: George Harrison – Paul McCartney – Ringo Starr (Ban nhạc Beatles), Bob Dylan (nhạc sĩ Hoa Kỳ), Morrissey (ca sĩ Anh), Olivia Newton John (ca sĩ Anh - Úc), Steved O'Connor (ca sĩ Ái Nhĩ Lan), Pink (ca sĩ Hoa Kỳ), Prince (ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ), Tina Turner (ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ), Shania Twain (ca sĩ Hoa Kỳ), Vanessa Williams (ca sĩ nhạc pop Hoa Kỳ), v.v.

Lịch Sĩ: Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Carl Lewis (lịch sĩ Hoa Kỳ), 9 lần đạt huy chương vàng điền kinh Thế Vận Hội), Edwin C. Moses (lịch sĩ Hoa Kỳ), 2 lần đạt huy chương vàng điền kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lịch sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v.

và còn nhiều vị nữa... xin viếng: <http://AL.Godsdirectcontact.org.tw/vp-vlp>

Bí Quyết Túc Khắc Khai Ngô
Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị 1

Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
(Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Hoa)

THIẾT KẾ VÀ TRÌNH BÀY:

Diệp Quốc Bình

PHIÊN DỊCH:

Ban Kinh Sách Âu Lạc

NHÀ XUẤT BẢN:

The Supreme Master Ching Hai
International Association Publishing Company
Rm. 16, 8F., No. 72, Sec. 1, Zhongxiao
W. Road., Zhongzheng Dist.,
Taipei City 100, Formosa, R.O.C.
Tel: 886-2-23759688 / Fax: 886-2-23757689
www.smchbooks.com
E-mail: smchbooks@Godsdirectcontact.org

SÁCH IN:

Ấn bản lần thứ nhất: Tháng 10 năm 1990

Ấn bản lần thứ hai: Tháng 2 năm 1994

SÁCH ĐIỆN TỬ:

Ấn bản: Tháng 5 năm 2016; Tháng 4 năm 2019

Thanh Hải Vô Thượng Sư © 1990-2019

Tác Giả giữ bản quyền.

Quyển sách này có thể trích dịch và tái bản
nếu được sự chấp thuận của nhà xuất bản.

Chúng tôi, các đệ tử của Thanh Hải Vô Thượng Sư, nhận thức được rằng hành trình tìm Vô Thượng Đạo vô cùng gian nan; và chúng tôi cũng hiểu rằng thật là khó mà tìm được một vị Chân Sư hoàn toàn giác ngộ, giảng dạy Pháp Môn Trời Thượng hầu giúp cho nhân loại nhận thức được trí huệ nội tại và tìm ra Chân Lý. Pháp Môn Quán Âm là Pháp Môn Trời Thượng đã được các bậc Chân Sư giảng dạy từ thời xa xưa, và đã giúp chúng tôi đạt được vô vàn lợi ích trong khi tu tập, cho nên chúng tôi đã thu thập những bài Khai Thị từ khắp nơi trên thế giới của Thanh Hải Vô Thượng Sư để in thành sách, hầu giúp cho những người đang mong tìm Chân Lý, ước nguyện được Một Đời Giải Thoát, cũng như cho những người đang thức mắc về chuyện Sinh Tử được Nâng Cao Tâm Thức và Giác Ngộ Chân Lý.